DC870
TH106N

NGUYỄN XUÂN DU

Tháng năm trăn trở

(LÒNG DÂN LÀ CUỘC SỐNG)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI, 2002

NGUYỄN XUÂN DU

Thư viện tỉnh Lâm Đồng
DC. 574

Tháng năm trăn trở

(LÒNG DÂN LÀ CUỘC SỐNG)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI, 2002

MỤC LỤC

Trang

1. Lời tâm sự *9*

Phần I:

I. Những ngày đầu chính quyền về tay nhân dân các dân tộc trong tỉnh... 15

II. Kinh tế xã hội là vấn đề khẩn cấp đặt ra ngay trong thời kỳ Ủy ban Quân quản, song song với giải quyết chính trị và an ninh quốc phòng. 32

Phần II:

III. Những vấn đề đặt ra sau cách mạng giải phóng dân tộc thống nhất Tổ Quốc (1976-1986). 41

A. Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội Lâm Đồng sau ngày 28/3 và ngày 30/4/1975... 41

B. Nhớ lại thời kỳ kế hoạch hóa trong kế hoạch bao cấp. 43

C. Đánh giá thế nào thật đúng của thời kỳ 10 năm trong chế độ bao cấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. 45

D. Vì sao 10 năm duy trì chế độ bao cấp lại là tính tất yếu 50
Đ. Cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng đầu năm 1980 giao kế hoạch cho các tỉnh; UBND tỉnh Lâm Đồng xin Hội đồng Bộ trưởng và Bộ trưởng Bộ Lương thực hai việc, được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chuẩn y. 55
Phần III:
Vấn đề quy hoạch tổng quan kinh tế-xã hội trên địa bàn Lâm Đồng. 62
A. Nhìn lại quy hoạch tổng quan kế hoạch phát triển kinh tế trên đất Lâm Đồng sau giải phóng. 62
1. Công tác phân vùng quy hoạch lập bản đồ thổ nhưỡng, xác định phương hướng cây trồng. chăn nuôi trong những năm đầu giải phóng (1976-1979). 62
2. Phân vùng cụ thể. 65
3. Thực tế qua 24 năm thực hiện quy hoạch trên địa bàn Lâm Đồng. 68
4. Chỉ thị của UBND tỉnh Lâm Đồng... (18/4/1984) phát triển cà phê nhân dân. 83
5. Một số suy nghĩ và kết quả xây dựng phát triển kinh tế vườn... 96
6. Một số ý kiến đánh giá về công tác phát triển cà phê vườn trong đồng bào dân tộc. 121
B. Một số vấn đề về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội ở Lâm Đồng (tham gia chương trình 48c của Ủy ban Khoa học Xã hội Trung ương). 143

Phần IV:
Công tác định canh định cư (giai đoạn I: 1976-1986). 176
I. Lâm Đồng thực hiện công tác định canh định cư.. 176
II. Công tác định canh định cư Lâm Đồng giai đoạn II (1986-1996). 197
1. Báo cáo đề xuất của Tổ phái viên II. 201
2. Báo cáo của tỉnh Lâm Đồng. (Công tác định canh định cư) 245
3. Ý kiến tham luận tại hội nghị bàn về định hướng phát triển kinh tế xã hội khu vực Tây Nguyên từ nay đến năm 2010, do Thủ tướng Chính phủ chủ trì tại Ban Mê Thuộc (16 - 18/7/1996). 264

Phần V:
Những văn bản chỉ đạo công tác dân tộc và định canh của tỉnh Lâm Đồng qua các thời kỳ. 290
1. Thời kỳ thứ nhất (1976-1982): Đánh giá kết quả cuộc vận động định canh định cư. 290
2. Thời kỳ thứ hai (1985-1990): Nghị quyết hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 15 khóa IV. 319
3. Thời kỳ thứ ba (1995-2000) : Chỉ thị của Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội vùng sâu vùng xa trong đồng bào dân tộc. 344
4. Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh. 351

Phần VI:
1. Một số bản tổng kết về công tác định canh định cư... 357
2. Lâm Đồng chấp hành nghị quyết 22 của Bộ Chính Trị và quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng... 400
3. Bản góp ý (hội nghị sơ kết công tác định canh định cư 1995-2000). 413

Phần VII:
12 năm giải quyết lực lượng Fulro phản động vũ trang trong vùng đồng bào dân tộc. 431
I. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Thuần... 431
II. Thành tích công tác định canh định cư đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh không thể tách rời cuộc đấu tranh 12 năm quân dân ta chiến đấu đập tan bọn Fulro phản động từ năm 1975-1987. 443

Phần VIII:
Hai mươi lăm năm: Nỗi mừng khôn tả, nỗi lo giày vò ... 469
I. Những điều trăn trở về rừng. 469
II. Suy nghĩ: về "Con đường công nghiệp hóa của tỉnh Lâm Đồng vào thế kỷ 21". 491
III. Ngành Du lịch Lâm Đồng... "Đã chuẩn bị gì để chuyển sang thế kỷ 21". 523
IV. 25 năm xây dựng (1975-2000) ngành Giao thông Vận tải có vị trí quan trọng trong quá trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Lâm Đồng. 540

Phần IX:
Các văn bản tham luận về truyền thống huyện Cát Tiên và huyện Đạ Tẻh và những bài tham gia tọa đàm các ngày lễ lớn năm 2000. 559
I. Mảnh đất kiên cường "Huyền thoại Cát Tiên". 560
II. Bút ký về truyền thống nhân dân **các** dân tộc huyện Đạ Tẻh. 607
III. Tham luận: 30 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Đảng bộ Lâm Đồng quyết tâm làm theo lời Bác), 630
IV. Tham luận : Quán triệt tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. 640
V. Tham luận : Điều kiện ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh. 651
VI. Tham luận : Chủ nghĩa Mác-Lênin và thời đại. 661
VII. Ý kiến tọa đàm mừng Đảng mừng Xuân. 677
VIII. Tham luận chủ đề: 55 Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra đời Nhà nước "Của dân do dân và vì dân". 684
IX. Đề cương tham gia hội thảo công tác cán bộ của Đảng./- 703

Lời Tâm Sự

Đà Lạt, ngày 20 tháng 9 năm 2000

Còn không đầy một trăm ngày nữa là kết thúc năm 2000, thời gian của bậc thềm bước đến thiên niên kỷ mới. Thế kỷ 20 sẽ khép lại, trang lịch thế kỷ 21 mở ra... Loài người đang sẵn sàng tiến vào vũ trụ bao la, người người thi nhau hái hoa vạn thọ mừng thiên niên kỷ mới vô tận ! Tri thức loài người sẽ phát triển vô biên và đầy sức sống. Đây là thành tựu qua nhiều thế hệ của nhiều thiên niên kỷ trong cuộc sống con người, từ thực tế hội tụ phát triển nguồn gốc văn minh khác nhau, của nhiều thời đại kế tiếp, kế thừa theo quy luật vận động của lịch sử luôn tồn tại và phát triển khách quan của nó. Cái vĩ đại của thế hệ trước nhưng đồng thời xuất hiện mầm mống suy thoái lạc hậu trong thế hệ sau, gốc cũ có thể lụi tàn đi một bộ phận nào đó, nhưng hạt mới lại sẵn sàng nảy nở thay thế mang tính chất kế thừa vươn lên và phát triển, là điều có thể hiểu được. Nhưng cái đúng vẫn là đúng và cái đúng là sự thật, ở thời nào cũng đúng. Đã là đúng thì sự phát triển không ngừng và vận động tiến hóa tự nó sẽ xuất hiện trong tự nhiên của vũ trụ, chỉ cần sự có mặt tác động do bàn tay khối óc trái tim qua tri thức

tự giác của con người, được tích tụ vun đắp của lịch sử mà nhiều thiên niên kỷ lưu trữ nhiều điều kỳ lạ, có thể thiên niên kỷ mới này tri thức con người sẽ khám phá và sẽ có bước phát triển nhảy vọt trên chặng đường đầu thế kỷ 21 này... Đố ai hiểu được trên quả đất này rồi đây có ai sẽ lên sống ở cung trăng... Ai đi lên sao hỏa, sao kim, sao mộc... Nhưng chắc người dân bình thường vẫn sống đoàn kết, chiến đấu, bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước mình, vẫn sống và tiếp tục sống trong cộng đồng trên quả đất này. Việc bảo vệ kế tục nền văn hóa truyền thống ông cha và sẵn sàng tiếp thu thành tựu văn hóa khoa học tiến bộ của nhân loại trên trái đất này là phải tính kỹ.

Đối với Việt Nam: Trải qua mấy nghìn năm văn hiến... từ thời vua Hùng dựng nước, qua biết mấy thăng trầm, trăm phen chìm nổi, trải qua nhiều triều đại phong kiến thịnh suy... Đến nay, trong thế kỷ 20, thời đại Hồ Chí Minh, thời đại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... thời đại Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu cho nhân dân lao động và cho cả dân tộc Việt Nam... Đảng phát huy trí tuệ và truyền thống anh hùng bất khuất của tổ tiên bốn ngàn năm dựng nước, Đảng là kết tinh trí tuệ của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ 20. Đảng có lịch sử đấu tranh suốt 70 năm qua (1930-2000) lãnh đạo nhân dân Việt Nam

giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa đất nước ta từ cõi nô lệ lầm than đứng dậy làm cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và có công trạng trong 30 năm chiến đấu, chiến thắng thực dân Pháp, xâm lược Mỹ, giành độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc ta. Có 20 năm chống mọi sự bao vây phong tỏa kinh tế ngoại giao của Mỹ, tiếp tục đưa đất nước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sẵn sàng chào đón nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 9 của Đảng Cộng sản Việt Nam đi vào thiên niên kỷ mới và những ngày đầu của thế kỷ 21 rực rỡ trên xứ sở này.

Tôi được vinh dự đứng trong hàng ngũ những người cộng sản có mặt làm nhiệm vụ vinh quang của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp và Mỹ trên mảnh đất Lâm Đồng, cực Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên, và là một trong những người được số may còn sống sót sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, Nam Bắc một nhà. Và cũng rất vinh hạnh được có mặt suốt 25 năm đấu tranh xây dựng sự nghiệp, hàn gắn vết thương chiến tranh và qua 15 năm đổi mới trong phát triển kinh tế, xây dựng xã hội ở Lâm Đồng đến ngày nay (2000).

Khi về nghỉ hưu nhưng còn trí nhớ, nghiên cứu sổ tay nhật ký và một số tài liệu ghi chép có lưu giữ phần mình liên quan nên đã sao lục... Nghĩ rằng: Thời gian nghỉ hưu chắc chẳng làm được gì hơn cho địa phương, đóng góp gì lớn lao cho Đảng bộ, chỉ có thể ngồi kiên trì sao lục ghi chép chuyện cũ và thêm đôi lời phân tích phê phán nhẹ nhàng với nhận thức của mình đúc kết 25 năm qua, gói trong một tập ***"Bút ký"*** *có tính chất trữ liệu một thời, một địa phương mà mình đã sống liên tục chiến đấu, công tác cùng tập thể Đảng bộ và cùng nhân dân xây dựng từ ngày mới sơ khai đi lên trên một địa bàn miền núi dân tộc như ngày nay.*

Trong tập hợp tư liệu 25 năm dồn lại, trong mỗi sự việc đều có đúng, có sai, có ưu, có khuyết, trên mỗi mặt công tác xây dựng và phát tiển kinh tế xã hội Lâm Đồng nói chung, và cuộc trường kỳ vận động định canh định cư của trên 200 ngàn đồng bào dân tộc, nay đã từng bước đi lên đổi mới và phát triển trên một phần tư thế kỷ, sau khi địa phương được giải phóng năm 1975 đến nay. Tập ***"Bút ký"*** *này xin gửi gắm một phần thực tế của địa phương, nói lên một số (chỉ một số thôi) suy nghĩ của mình để ai đó nếu thấy cần quan tâm tham khảo những việc đã qua mà chuẩn bị cho những bước đi sắp đến... Mong đóng góp nhỏ nhoi của thời gian còn lại ở tuổi già với tinh thần* ***"Còn sống còn chiếu đấu đến hơi thở cuối cùng"*** *của người Đảng viên cộng sản. Trong tập* ***"Bút***

*ký" này còn có 9 bài tham luận tham gia trình bày trong các lần hội thảo của Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng và tham gia các cuộc họp đóng góp lịch sử truyền thống của địa phương trong những ngày kỷ niệm lịch sử vinh quang của đất nước, của Đảng, của Chính phủ trong năm 2000 dồn lại. Quyển "**Bút ký**" này, vừa để kỷ niệm và cũng là lời ghi nhớ để lại cho gia đình, cho con cháu sau này đừng phản lại lý tưởng của cha ông đối với sự nghiệp ngày nay và mãi mãi, đừng quên danh dự gia đình họ Nguyễn không để bá tánh chê cười...*

*Tập **"Bút ký"** này cốt ghi lại một phần sự thật, tháng năm cụ thể, một vài số liệu cụ thể và sự việc cụ thể. Có những văn bản trích lưu của địa phương, để lại tư liệu cho sau này, nếu ai đó viết sử địa phương đỡ công tìm kiếm, đỡ tốn kém sưu tầm bàn cãi những sự việc sau nhiều năm kẻ nhớ người quên, người còn kể mất của các nhân chứng sống trong 25 năm thời gian cuối cùng của thế kỷ 20.*

Rất mong sự bổ sung hoàn chỉnh tư liệu của từng ngành, từng người, từng đơn vị, địa phương, cơ sở, cùng các vị lão thành của tỉnh Lâm Đồng đã có mặt tham gia đóng góp với cộng đồng qua 25 năm xây dựng phát triển địa phương, nhất là đối với đồng bào dân tộc và dân kinh tế mới đến nay, đã đóng góp phần mình cho sự nghiệp.

Mong sự thông cảm của bạn đọc gần xa./-

PHẦN I :

I/ Những ngày đầu chính quyền về tay nhân dân các dân tộc trong tỉnh:

a.Những ngày làm chủ tịch Uỷ ban quân quản Thị xã Bảo Lộc (28/3/1975 đến 1/5/1975).

Những tháng năm chiến tranh giải phóng, lãnh đạo tổ chức vận động quần chúng đấu tranh với địch, phát triển cơ cở, mở phong trào, tổ chức lực lượng chính trị vũ trang binh vận, hình thành 3 thứ quân, tổ chức 3 mũi giáp công, đánh địch giải phóng quê hương, giành chính quyền về tay nhân dân, là mục tiêu trong giai đoạn Cách mạng giải phóng dân tộc.

Khi nắm được chính quyền rồi phải làm gì ? là hoàn toàn chưa học và chưa có kinh nghiệm thực tế, trừ các đồng chí ở Miền Bắc được Đảng và Chính phủ điều động về... Còn phần cá nhân, sau 30 năm theo Đảng, đánh giặc cứu nước, chỉ có một nguyện vọng duy nhất là đến ngày hoàn toàn giải phóng về lại quê hương, xây dựng tổ ấm, trở lại cuộc sống thanh bình, với làng quê yên ả, tự do... Nhưng trên đường tiếp cận đánh địch, giải phóng Thị xã Bảo lộc, lại nhận được quyết định của cấp trên, thông báo chỉ định làm chủ tịch Uỷ ban quân quản Thị xã Bảo Lộc, do giao liên tiền phương giao và giao cả một gùi truyền đơn kêu gọi nhân dân, tài liệu Mặt trận dân tộc giải phóng MNVN, với các chính sách của Chính phủ lâm thời CHMNVN, đối với binh lính, sĩ quan và công chức chính quyền ngụy Sài gòn, kêu gọi ra

trình diện và lập công chuộc tội, có kèm theo thơ của Thường vụ khu 6 dặn dò công tác. Đây là một điều bất ngờ chưa có chuẩn bị gì, trước khi nhận nhiệm vụ nói trên.

Đọc thơ thông báo giao nhiệm vụ của khu và nội dung các truyền đơn, tôi ngồi trầm ngâm giữa cánh rừng non Bờ Su Đăng Lú, suy nghĩ mãi, việc hình dung triển khai nhiệm vụ mới của khu ủy và quân khu 6 giao, là vô cùng lúng túng. Trực nhớ mang máng câu nói của Lê Nin mà mình được nghe đôi lần: "... giai cấp công nhân đấu tranh giành được chính quyền là hy sinh xương máu mới giành được..." Nhưng cuộc đấu tranh bảo vệ giữ vững và phát triển chính quyền cách mạng của giai cấp công nhân là cả một quá trình chiến đấu hy sinh gian khổ gấp vạn lần, lúc đó tôi nhớ không chính xác các từ của Lê nin dùng... Nhưng tinh thần ấy, tôi cho là một chân lý vĩnh cửu, trong đấu tranh giai cấp là thế đấy. Còn với trách nhiệm là chủ tịch Uỷ ban quân quản Thị xã Bảo Lộc là thế nào, đố ai đoán được... trong khi khu giao nhiệm vụ vào tiếp quản Thị xã, chủ thể là mình thì chưa có chữ nào, nói chi là phương án của chủ tịch UB quân quản. Kế hoạch triển khai lập chính quyền ta, triệt hạ chính quyền địch, truy quét tàn quân, làm chủ địa bàn, trấn áp bọn phản động lẩn trốn trong dân, giải quyết kinh tế xã hội, phục hồi sản xuất, tổ chức lưu thông phân phối, đảm bảo hoạt động xã hội, chăm lo đời sống cho mấy trăm ngàn

dân ra sao ? Vấn đề đặt ra ngổn ngang trong đầu, chưa có lời giải đáp.

Sau mấy giờ liền, trên đường hành quân suy nghĩ, trao đổi với anh Đạt, anh Hưng, nhưng các anh chưa có ý gì hay. Lúc đó anh Đạt động viên tôi một câu, đến bây giờ tôi nhớ lại thấy cũng hay. Anh nói: anh em bộ đội tiến công đánh chiếm, mình cùng anh em vào tiếp quản, lúc bấy giờ thế lực sẽ khác đi... Ta thắng địch thua, tâm lý quần chúng sẽ khác, ta dựa vào dân, nắm được dân, sẽ làm được tất cả, anh đừng lo...

Suốt mấy giờ liền suy nghĩ, lại được liên lạc đến báo tin là có đoàn cán bộ của khu phái xuống, xin gặp và làm việc với ban chỉ huy tiền phương... Tôi bóc thư xem thấy nội dung anh Năm Thắng giới thiệu các đồng chí phụ trách dân vận mặt trận của khu, do anh Lê Khả anh Hải phụ trách đoàn, từ chiến trường Tánh Linh Hoài Đức lên giúp Lâm Đồng, tham gia giải phóng Bảo Lộc, lập phương án tiếp quản, lập chính quyền quân quản Thị xã. Đương trong cảnh lúng ta lúng túng, được các anh đến giúp, anh em chúng tôi vui mừng khôn xiết... tôi dặn anh Đạt anh Hưng nắm tổ chức dân công, anh em mới từ căn cứ ra, đề phòng thám báo cải trang giả dân làm ăn, nếu bị lộ ta, là sẽ lộ cả bộ đội đương giấu quân, cách thị xã không đầy 3 cây số... dặn anh em tuần tra canh gác, bảo vệ nơi trú quân, gặp dân là bắt giữ lại cho được, không để ai chạy về, là hỏng việc. Tôi

cùng 2 anh em liên lạc đi ngay đến bờ suối ĐamơRi (hiện nay là khu du lịch) gặp đoàn làm việc. Chúng tôi gặp nhau trên bãi cỏ ngay cạnh bờ suối. Tuy danh nghĩa các anh là đoàn cán bộ dân vận mặt trận của khu cử xuống giúp địa phương truyền đạt kinh nghiệm việc tiếp quản thị trấn Tánh Linh những ngày đầu mới giải phóng, nhưng là đồng chí quen biết cả, các anh đưa phương án của khu ủy 6 và Tỉnh ủy Bình Thuận-Bình Tuy, lập kế hoạch giải phóng Tánh Linh, và tiếp quản Thị trấn là rất cụ thể, để Lâm Đồng lập kế hoạch và bổ sung phương án, đánh chiếm và tiếp quản Thị xã, lập ủy ban quân quản, khi Thị xã Bảo Lộc được giải phóng.v.v...

Sau khi nhận thư và phương án mẫu của khu và các anh truyền đạt trực tiếp... lúc bấy giờ bản thân tôi có tâm trạng như người đánh cờ, trong thế tốt đã tiếp cận vào cung, mã đã sẵn sàng kê chân nhảy nhập thành, hình thành thế trận "mã tốt thành điền". Nhưng chưa biết đối phương xoay sở thế nào để đối phó với ta, còn là phía trước. Tôi suy nghĩ : lúng túng, lại rất may có các anh đến mang theo kinh nghiệm thực tế ở thị trấn Tánh Linh, đến giúp tôi, đâu có hạnh phúc nào bằng. Thời gian chỉ còn 8 tiếng đồng hồ nữa, là giờ phút quyết định, thành bại... Tôi đề nghị các anh phổ biến ngay cho một số kinh nghiệm, các anh đã vào tiếp quản thị trấn Tánh Linh... ? Anh Khả hỏi tôi : Đội quân của anh chuẩn bị vào tiếp quản Thị xã Bảo lộc được bao nhiêu và đã

chuẩn bị tư tưởng tổ chức thế nào ? Tôi trả lời: Hiện tại lực lượng cùng đi với tôi, có 50 đồng chí và còn 22 đồng chí cơ quan Thị ủy (T29) nằm phía Nam đường 20 (núi Sê Pung) đã có chỉ đạo hợp đồng bằng ám tín hiệu, theo tiến trình sư 7 vào chiếm lĩnh được trung tâm, ta mới liên lạc thống nhất chỉ đạo và hành động, tiếp quản theo chương trình. Nghe qua lực lượng và tổ chức hợp đồng, đoàn cán bộ của khu chi viện, ai nấy đều tỏ ra lo lắng và nói: vào tiếp quản thị xã, mà có bấy nhiêu lực lượng thế ấy, chẳng khác nào muối bỏ bể, làm sao nổi... Kinh nghiệm lực lượng vào tiếp quản thị trấn Tánh Linh cả lực lượng cán bộ tỉnh Bình Tuy có lực lượng cán bộ Bình Thuận, và toàn bộ cơ quan an ninh khu 6, cán bộ dân vận của khu, xuống trực tiếp chi viện cùng huyện Tánh Linh giải quyết cả 2 tuần lễ, vẫn chưa ổn định được. Khu ủy chỉ rút được 6 anh em chúng tôi lên phổ biến kinh nghiệm cho anh, cùng anh chỉ đạo, còn lực lượng triển khai trực tiếp là Lâm Đồng, nếu thuận lợi phát triển lên Tuyên Đức-Đà Lạt, thì đoàn cán bộ này sẽ chuyển lên Đà Lạt, là địa bàn tiếp quản chủ yếu của đoàn. Các anh còn trao đổi khi vào tiếp quản Tánh Linh có cả Trung đoàn 812 tham gia truy quét, còn lực lượng hậu cần phục vụ hậu trường đảm bảo vật chất, lực lượng chính trị dân binh vận, tổ chức xuống bám quần chúng, cứ mỗi thôn phải có 2 tổ cán bộ dân chính Đảng, một tổ phát động quần chúng truy quét tàn quân tề vệ tan rã tại chỗ, tổ chức học

tập cải tạo, lực lượng phản động của địch chúng cài cắm tại chỗ, trấn áp bọn phản động ngóc đầu hoạt động. Một tổ lo xây dựng phát triển móc nối cơ sở, tổ chức lực lượng, hình thành hệ thống chính trị, phát triển chính quyền, tổ chức lực lượng du kích tự vệ, an ninh ở cơ sở , tổ chức huấn luyện nghiệp vụ quản lý địa bàn, tổ chức chiến đấu giữ vững và phát triển thành quả cách mạng, tiếp tục phục vụ cho lực lượng vũ trang, tấn công phía trước phục vụ chiến dịch.

Những điều đoàn cán bộ của khu, trao đổi kinh nghiệm thực tế, trên chiến trường Tánh Linh-Hoài Đức (nay là Đức Linh) là chí phải. Nhưng biết làm sao bây giờ? Hơn nữa lực lượng chính trị, toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh, nằm ở đường 14 bis đang lo truy đánh bọn địch bị thất thủ Gia Nghĩa kéo xuống và còn chuẩn bị phối hợp với 812 đánh chiếm DiLinh do đồng chí bí thư Tỉnh ủy phụ trách, không liên lạc được, để xin bổ sung thêm lực lượng cho trọng điểm. Trước thực tế khó khăn không sao lường trước, chỉ có cách là phát huy cao độ lực lượng tại chỗ của cơ quan phục vụ tiền phương của Tỉnh đội, cùng với cơ quan thị xã Bảo Lộc (T29), dựa vào lực lượng đơn vị sư đoàn 7 quân đoàn 4, thừa thắng xông lên, triển khai chiếm lĩnh cho được trung tâm thị xã, dựa vào nhân dân mà tiến hành tấn công địch, với khẩu hiệu được nêu lên lúc bấy giờ là : "Thừa thắng xông lên, biến không thành có, lấy ít thắng nhiều, biến yếu thành mạnh..." Thành phần ban quân quản, độc nhất một

chủ tịch, một phó chủ tịch kiêm thư ký với lực lượng có trong tay 48 cán bộ công nhân viên và 22 đồng chí T29 chưa bắt liên lạc được. Khi bàn phương án chung, kế hoạch vào tiếp quản, chúng tôi thấy đã quá khó khăn rồi, nhưng khi vào phân công cụ thể theo phương án chiến đấu trên trận địa trong sao bàn cụ thể, càng bí tỵ. Vì thiếu người nên không sao sắp xếp, phối hợp được trong 16 xã phường trực thuộc thị xã Bảo Lộc và quận Bờ Lao. Cuối cùng chúng tôi quyết định chừng ấy người có mặt, tập trung thành 1 đội, vào tiếp quản gọn trung tâm thị xã, gồm Thiện Thành, Thiện Sơn, Thiện Chánh, tập trung điểm, từ khu 1 đến khu 6, từ đó liên lạc cho được lực lượng cơ quan T29 và số cơ sở bên trong, lấy đó tỏa ra, đó là phương án tối ưu.

Trong phương án thực tế, là hình thành động tác chiếm lĩnh trong 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn có 3 bước phát triển đan xen với nhau. Đó là : bước một tập trung chiếm lĩnh các cơ quan tỉnh trưởng, các ty sở, bệnh viện, trụ sở quận Bờ Lao... thu gom hồ sơ tài liệu của ngụy quyền ngụy quân, công an bỏ chạy, tập trung lưu giữ bảo quản khai thác nhanh phục vụ phát triển chiến đấu.

Bước 2 truy quét tàn quân kêu gọi ngụy quyền các cấp ra trình diện, giao nộp hồ sơ tài liệu, vũ khí, con dấu... tại các trung tâm đại diện ủy ban quân quản Thị xã làm việc, theo thời hạn quy định. Giải trang phòng vệ dân sự, đăng ký học tập cải tạo tại

chỗ, cấp giấy chứng nhận tạm thời, cho về nhà làm ăn theo quy chế quản lý của uỷ ban quân quản.

Bước 3 tiến hành đồng thời xen kẽ với 2 bước nêu trên là tiến hành học tập phát động nhân dân móc ráp cơ sở, hình thành chính quyền tự quản, ở cơ sở xã phường, tổ chức học tập bồi dưỡng quy chế vùng mới giải phóng và phổ biến các chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam và Chính phủ Lâm thời CHMNVN. Nội dung kế hoạch thống nhất phổ biến cho đoàn, từng đoàn viên, nắm vận dụng trong công tác cụ thể, theo nguyên tắc mỗi người chuyên sâu một việc nhưng nắm bắt nhiều việc. Sau khi phổ biến nội dung và phương thức hoạt động nói trên, đoàn chúng tôi phân công cụ thể từng đồng chí, từng tổ công tác, phụ trách từng địa bàn bám theo E 141 của sư đoàn 7, từ cánh rừng Bắc Kon Hin Đạ, tiến vào sân bay Con Hin hình thành mũi vu hồi, thọc thẳng sau dinh Tỉnh trưởng ngụy. Đánh thốc vào, sau 3 đợt pháo 130 từ Bờ Rú bắn cấp tập vào dinh Tỉnh trưởng, làm 2 máy bay lên thẳng hư hỏng không cất cánh được. Bọn địch hoảng hốt tháo chạy khi trời chưa sáng. Tên Phong tiểu khu trưởng ra lệnh tất cả các đơn vị tự động di tản và hợp quân ở Di Linh, nhưng khi đến Di Linh, bị C5 chiếm giữ, chúng chuồn thẳng lên tiểu khu Tuyên Đức, đóng ở Đức Trọng, chỉ còn là lũ tàn quân...

Đúng 8 giờ sáng ngày 28/3/1975 đoàn chúng tôi có anh Đạt anh Ba Hưng đã tiến vào chiếm lĩnh

Dinh Tỉnh trưởng Lâm Đồng (tại Tòa hành chính mà UBND Thị xã hiện nay đóng) và cũng trong thời gian ấy đồng chí Quốc Trung, anh Tám Hường, anh Thành từ sông Đa Bình phát triển vào đường Sở Sô Ven, Lam sơn vào chiếm lĩnh cơ quan ngụy quyền quận lỵ Bờ Lao mà nay là trường Đảng của Thị xã. Lúc chúng tôi vào, thì lực lượng cơ giới sư 7 đã làm chủ, anh em hạ cờ địch đốt tại chỗ (ba que) treo cờ mặt trận nền xanh đỏ, sao vàng tung bay trong gió, giữa đất trời Bảo Lộc hiên ngang đón mừng ngày mới, trong cảnh nắng ấm xinh đẹp của mùa xuân (16 tháng hai Ất Mão) huy hoàng. Nhân dân Bảo Lộc nhà nhà mở cửa, tay giương cao cờ Mặt trận giải phóng tung hô : Mặt trận giải phóng muôn năm, Bộ đội Cụ Hồ muôn năm... người người hớn hở chạy mua vải may cờ mặt trận, tìm ảnh Bác Hồ, lập bàn thờ, thờ Bác... Đoàn quân tiếp quản chúng tôi, tiến đến khu phố nào, được nhân dân, già trẻ trai gái, giáo lương, tập hợp chào mừng đoàn và xin nhận nhiệm vụ Mặt trận phân công tác để đóng góp tham gia tiếp tế cho bộ đội, vận động ngụy quyền ngụy quân ra trình diện với Ban quân quản. Có khu phố tự động tập hợp nhau cử đại biểu kéo đến chào mừng Uỷ ban quân quản và mang theo gùi rau quả ủng hộ bộ đội...

Theo phân công nội dung và địa bàn, tất cả anh em trong đội công tác, triển khai ai làm nhiệm vụ đó. Tôi, anh Ba Hưng, anh Quốc Trung đi tìm địa điểm kín đáo đảm bảo an ninh, đặt chỗ làm việc cho ban

quân quản. Giao anh Mai Tấn Đạt, anh Tư Hải cùng 3 chiến sĩ cán bộ lực lượng vũ trang, đặc trách kiểm tra lưu động tiến trình tiếp quản các cơ sở xã phường, đôn đốc việc hoàn thành tốt trên từng địa bàn, thường xuyên liên lạc thông báo về chỉ huy sở UB quân quản Thị xã, giao cho anh Hường, anh Thành cán bộ tổ chức mặt trận và nông hội tỉnh, tổ chức móc nối cơ sở bên trong, giao nhiệm vụ và đặt liên lạc đường dây bí mật, báo tin phản ảnh tình hình, trật tự trị an từ cơ sở, báo cáo kịp thời cho cơ quan thường trực quân quản.

Lúc đầu trụ sở UB quân quản Thị xã Bảo Lộc, đóng tạm thời công khai ở trụ sở quận Bờ Lao để quan hệ công khai với nhân dân hợp pháp, còn trụ sở làm việc có tính chất bí mật, chúng tôi chọn nhà chị Sương, anh Tiến làm địa điểm quan hệ làm việc nội bộ, trong lúc chưa liên lạc được với bộ phận chỉ đạo chung phía sau từ Di Linh xuống (anh Năm Lực bí thư Tỉnh ủy phụ trách).

Tối ngày 28/3/1975 chúng tôi dùng anh em liên lạc T29, cử một tổ do đ/c Phúc nắm, đi công khai lên Di Linh liên lạc được bộ phận vũ trang đang chốt giữ DiLinh và chuẩn bị đánh phản kích của địch từ Đức Trọng xuống, nên không liên lạc được với anh Năm Lực để tranh thủ thống nhất sự chỉ đạo, anh em về báo cáo trong lúc UB quân quản đang họp kiểm điểm giao ban sau 1 ngày hoạt động tiếp quản thị xã. Trong cuộc họp lần đầu của Uỷ Ban tại Bảo Lộc

chúng tôi có mời thêm 2 đảng viên, là cơ sở của 2 chi bộ, đó là đồng chí Quyết Tiến-Chi bộ Trần Phú và đồng chí Ba Chích-Chi bộ Trang Bia, nằm tại thị xã tham dự có tính chất tư vấn cho UB quân quản, cộng tác trách nhiệm chính trị, yên lòng dân của thị xã mới giải phóng. Đồng chí Tiến là thư ký, giám đốc HTX trà Cao Nguyên, đồng chí Ba Chích là thư ký giám đốc Sở Trang bia. Hai đồng chí này có mối quan hệ chặt chẽ với dân nhất là lớp trên và các tôn giáo, qua 2 đ/c này đi sâu một số đối tượng, phổ biến đường lối chính sách của Mặt trận và Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN, thường xuyên nắm và phản ảnh tâm tư tình cảm và nguyện vọng của dân để UB quân quản hiểu biết thêm, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của dân đối với vùng mới giải phóng, tránh tả, phòng hữu theo phương châm khi vào tiếp quản cấp trên đã nêu trong phương châm hành động.

Tình hình đương phát triển thuận lợi, bọn phòng vệ dân sự và số ngụy quân trốn trại chạy vào dân, theo chính sách của Mặt trận kêu gọi, được nhân dân vận động ra trình diện , mang nạp vũ khí và đăng ký học tập cải tạo. Sau 10 giờ đồng hồ toàn thị xã Bảo Lộc đã có trên 500 binh lính sĩ quan nhân viên ngụy quyền ra trình diện, nạp trên 400 súng các loại, cả máy móc thiết bị quân trang quân dụng và tài liệu của địch từ xã phường đem nộp tại văn phòng UB quân quản.

Đến 23 giờ 30 phút ngày 28/3/1975 lại có việc bất ngờ xảy ra : một loạt các trận hỏa hoạn của các cơ sở Quốc Thái, Đỗ Hữu, Vưu Hiệp khu hậu cần Thủ Khoa Huân, bốc cháy sáng rực cả vùng trời Bờ Lao... và các đêm sau tiếp tục cháy cả các công sở mà quân ta không có lực lượng chốt giữ, cũng bị cháy, và cháy cả một số trường học bị bọn xấu và số tay sai của địch cài lại, lén lút đốt, trong đó có khu cư xá nông lâm súc..., Địch tổ chức đốt trên một diện rộng, bộ đội ta và nhân dân vùng mới giải phóng không sao chữa nổi, gây tâm lý mất ổn định an ninh, ngay trong những ngày đầu, đó là một thủ đoạn vô cùng nham hiểm.

Trước tình hình hỗn loạn nói trên , UB quân quản triệu tập họp mở rộng khẩn cấp, tổ chức 2 đội vận động quần chúng tham gia cứu hỏa, phải đưa 2 vị hội đồng tư vấn, dùng xe loa, kêu gọi nhân dân tổ chức lực lượng tự vệ tự quản từng khu phố, tập trung dập các đám cháy và truy bắt bọn phá hoại, do địch cài lại nằm trong dân, tuyên truyền đồn nhảm, gây căng thẳng , đe dọa cuộc sống của nhân dân, tiếp tục tuyên truyền phổ biến chính sách khoan hồng của mặt trận đối với ngụy quân ngụy quyền tay sai của Mỹ, tiếp tục ra trình diện và kêu gọi lập công chuộc tội, kẻ nào ngoan cố, tiếp tục chống đối sẽ bị trừng phạt... Với khẩu hiệu hành động lúc bấy giờ là : Người người nhà nhà đứng lên làm chủ, tổ chức tự quản thôn xóm xã phường của mình . Sau cuộc vận

động tự quản, kết quả đêm đầu tiên, nhân dân trong thị xã đã bắt 12 tên tình nghi, có hành động tổ chức tuyên truyền, nói xấu Cách mạng và lén lút trộm cắp, đốt phá tài sản công dân, đưa lên giao cho bộ phận an ninh của UB quân quản thị xã, tổ chức học tập và khai thác, bắt làm giấy nhận tội, cam kết với dân không làm những điều phản nước hại dân, tuân thủ quy chế ăn ở đi lại theo quy định của UB quân quản, chịu sự quản lý tại chỗ của nhân dân khu phố... Bắt đầu từ đóxác định quyền làm chủ tại chỗ của dân, lực lượng tự vệ tổ chức tự quản ra đời sau một tuần đã có đến 1500 ngụy quân ngụy quyền tan rã tại chỗ ra trình diện đăng nạp tài liệu quân trang quân dụng và mang cơm gạo đến nơi tập trung, tự túc tổ chức ăn uống học tập cải tạo với nội dung: tố cáo âm mưu tội ác của Mỹ và tay sai, chính sách khoan hồng của Mặt trận..., trừ những tên ác ôn có nợ máu, sau này đưa về tuyến trên cải huấn lâu dài, đối với Lâm Đồng cũng không nhiều. Còn hầu hết cho học một tuần lễ (4 ngày học, 2 ngày cá nhân tự kiểm điểm viết thành văn bản, 1 ngày tự khai lý lịch và viết cam kết chịu sự quản lý của nhân dân, trở về con đường lương thiện làm ăn, cùng nhân dân tham gia tự quản vùng giải phóng lập công chuộc tội), ta không bắn giết một ai, đó là điểm nổi bật thời cầm quyền 1 tháng của chính quyền quân quản Bảo Lộc. Nhờ đó mà lực lượng quân quản tuy ít, nhưng đã nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa, vấn an nhân dân, ổn định tình hình,

nhanh chóng truy tróc triệt phá lực lượng phản động cài cắm phá hoại của địch, vận động quần chúng tham gia xây dựng phát triển chính quyền cách mạng không chỉ trong Thị xã mà trong toàn Tỉnh, đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Tổ chức đón phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN đưa lên Đàlạt và tối ngày 15/4/1975 trở lại Bảo Lộc, tổ chức cuộc mít tinh mừng giải phóng vào chiều ngày 16/4/1975 tại Thị xã Bảo Lộc do Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát dẫn đầu. Trong cuộc mít tinh ấy đồng chí Chủ tịch UB quân quản Thị xã và là chủ tịch UB Cách mạng Lâm thời CHMNVN Tỉnh Lâm Đồng thay mặt đảng bộ và quân dân trong tỉnh, đọc đáp từ, hứa hẹn với UBMTDTGP và Chính phủ lâm thời CHMNVN quyết tâm bảo vệ và phát triển, giữ vững thành quả cách mạng Tỉnh Lâm Đồng, thị xã Bảo Lộc, phục hồi sản xuất tiếp tục chiến đấu và chiến thắng. Xin đăng nguyên văn bài phát biểu có tính chất tư liệu lịch sử ấy của địa phương.

Toàn văn như sau :

"Kính thưa đồng chí Chủ tịch Chính phủ CM lâm thời CHMNVN.

Thưa phái đoàn và các đồng chí đại biểu có mặt.

Qua những lời huấn thị sâu sắc và đầy nhiệt tình của đồng chí Chủ tịch Chính phủ CMLT CHMNVN, đại diện cho phái đoàn... làm cho nhân dân Bảo Lộc

chúng tôi vô cùng phấn khởi và tin tưởng trước sự lớn mạnh của mình, đồng thời chúng tôi cũng thấy rõ thêm trách nhiệm trong giai đoạn vinh quang của dân tộc.

Thay mặt 11 vạn dân và các lực lượng cách mạng trong Tỉnh bao gồm đồng bào Kinh, Thượng lương giáo, mọi tầng lớp công nhân lao động, nông dân, thanh niên, phụ nữ, tiểu thương, tiểu chủ thân sĩ trí thức... Chúng tôi nguyện luôn luôn tuyệt đối trung thành và chấp hành đúng theo đường lối chính sách của UB Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng LT CHMNVN. Cụ thể là chấp hành nghiêm chỉnh những điều huấn thị đầy bổ ích của đồng chí chủ tịch, và quyết làm theo những lời căn dặn của đồng chí chủ tịch thành hành động cách mạng thiết thực của từng người dân, từng người quân tỉnh Lâm Đồng.

1/ Trong khi phấn khởi với những thành tích đã giành được, chúng tôi luôn luôn không quên chăm lo xây dựng khối đoàn kết chính trị trong các tầng lớp đồng bào, trong lực lượng cách mạng. Tuân theo lời chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Không có gì quý hơn độc lập tự do", chúng tôi làm theo tư tưởng vĩ đại của Bác Hồ, mà không ngừng vun đắp khối đoàn kết chính trị ngày càng vững mạnh, chặt chẽ, thành một khối sắt thép vạn người như một, không có kẻ thù nào lay chuyển được.

2/ Phấn khởi với thành tích đã đạt được, chúng tôi không bao giờ ngừng việc chăm lo xây dựng kinh tế,văn hóa, xã hội, mà điều then chốt và cấp bách nhất là đẩy mạnh tăng gia sản xuất, không những chỉ làm trà, cà phê buôn bán thông thường mà chính là mở rộng việc làm ruộng rẫy, giải quyết lương thực có cung cấp phần lớn tại chỗ, tích cực bài trừ nạn văn hóa đồi trụy phản động lạc hậu do bọn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đầu độc từ lâu trong nhân dân ta. Từng bước xây dựng và làm chủ cuộc sống mới dưới chế độ dân chủ nhân dân, làm sao cho đồng bào tỉnh Lâm Đồng nhà nhà, người người đều có ăn có mặc, sức khỏe tốt, được học hành và có nếp sống lành mạnh vui tươi.

3/ Trong khi phấn khởi với thành tích đã giành được, chúng tôi không bao giờ lơ là cảnh giác với kẻ thù đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, luôn tìm cách bằng những hành động bí mật và công khai, cố xóa thành quả cách mạng... Vì vậy chúng tôi không ngừng ra sức phòng gian bảo mật, ra sức xây dựng lực lượng an ninh, lực lượng quân sự, triệt để cảnh giác và sẵn sàng đánh thắng địch bất cứ tình huống nào.

4/ Chúng tôi luôn luôn nhận thức một cách sâu sắc rằng :

Thành quả cách mạng chúng tôi đã giành được, trước hết là do lòng yêu nước và ý thức làm chủ cao độ của đồng bào trong tỉnh. Vì vậy hơn lúc nào hết

chúng tôi phải ra sức củng cố xây dựng bộ máy chính quyền cách mạng từ ấp xã đến huyện tỉnh cho đủ mạnh để vừa phát huy triệt để vai trò cách mạng sáng tạo của công cụ quyền lực và quyền làm chủ của nhân dân, vừa chuyên chính với kẻ thù, vừa lo xây dựng cuộc sống hạnh phúc ấm no cho đồng bào.

5/ Trên cơ sở xây dựng cho địa phương mình ngày càng lớn mạnh, chúng tôi không quên nghĩa vụ đối với cái chung của toàn miền, của cả nước, nhất là đối với những anh em chưa được giải phóng, mà ra sức động viên nhân tài vật lực sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của cách mạng.

Kính thưa đồng chí Chủ tịch Chính phủ

Thưa phái đoàn và các đồng chí đại biểu.

Trước mắt quân dân Tỉnh Lâm Đồng vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp, nhất là chính quyền toàn tỉnh mới về tay nhân dân gần 20 ngày, có nhiều vấn đề đặt ra phải giải quyết nhất là vấn đề lo đời sống cho đồng bào. Nhưng với những thuận lợi chưa từng có, với sức mạnh của 11 vạn đồng bào Kinh thượng, giáo lương... với một tỉnh đất đai màu mỡ, với sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Uỷ ban mặt trận DT GPMNVN và Chính phủ CMLT MNVN, chúng tôi khẳng định và tin tưởng rằng quân dân Lâm Đồng sẽ ra sức phát huy ưu điểm căn bản đã có, nhanh chóng khắc phục những mặt yếu kém còn lại, thắt chặt tình đoàn kết keo sơn gắn bó của đồng bào và các lực

lượng cách mạng trong tỉnh, nhất định quân dân Lâm Đồng sẽ xây dựng một tỉnh có đời sống nhân dân được ấm no vui tươi lành mạnh dưới chế độ mới, làm đúng theo huấn thị của đồng chí chủ tịch đã nói hôm nay.

Cuối cùng thay mặt đồng bào, cán bộ chiến sĩ Lâm Đồng, tôi xin cảm ơn đồng chí chủ tịch Chính phủ và phái đoàn, cùng các đồng chí đại biểu.

Xin chúc sức khỏe Chủ tịch và phái đoàn cùng các đồng chí đại biểu và đồng bào cán bộ chiến sĩ trong tỉnh có mặt cuộc mít tinh hôm nay.

Tất cả hãy đồng tâm hiệp sức quyết bảo vệ và xây dựng tỉnh nhà vững mạnh về mọi mặt và ngày càng thêm tiến bộ và giàu mạnh.

Hoan hô Mặt trận dân tộc Miền Nam Việt nam.

Hoan hô Chính phủ Cách mạng Lâm thời MNVN.

(Cuộc mít tinh tổ chức khoảng 1000 người tại Trung tâm Thị xã hiện nay, vào ngày 16/4/1975 tại Công viên hoa Thị xã hiện nay).

II/ Kinh tế xã hội là vấn đề rất khẩn cấp được đặt ra ngay trong thời kỳ quân quản song

song với giải quyết chính trị quân sự và an ninh.

Vấn đề chính trị, chính quyền quân sự và an ninh, là vấn đề bức thiết nhất, được đặt ra hàng đầu khi mới giải phóng, vào tiếp quản. Nhưng lại là vấn đề thường xuyên liên tục lâu dài và ta đã có quá trình 30 năm tổ chức chiến đấu, ít nhiều có kinh nghiệm. Còn vấn đề kinh tế xã hội đời sống của dân, vừa là bức xúc trước mắt, diễn ra hàng ngày hàng giờ, đòi hỏi phải giải quyết, chính đó lại là vấn đề, cái gốc của chính trị quân sự, an ninh, mà bản thân những đồng chí như chúng tôi được giao trách nhiệm quân quản, chưa được một giờ tập huấn, chưa có tiền lệ và kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế xã hội toàn diện, của một vùng mới giải phóng, chưa nói đến Thị xã như thị xã Bảo Lộc, tuy là thị xã nhỏ, nhưng hết sức mới mẻ. Một tháng làm nhiệm vụ quân quản ngoài việc ổn định tình hình chính trị, lập lại trật tự xã hội, triệt phá, tri tróc lực lượng phản động ngụy quân ngụy quyền, song song với việc xây dựng và phát triển chính quyền cách mạng, phát triển lực lượng chính trị vũ trang, bảo vệ chính quyền , bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ thành quả cách mạng ... Nó có mối quan hệ hữu cơ trong vấn đề kinh tế-xã hội.

Trong khi nắm được chính quyền rồi, thì vấn đề chính trị quốc phòng an ninh lại là vấn đề kinh tế xã hội, nó vừa là mục đích của cách mạng và cũng là

nhiên liệu và phương tiện để cách mạng đi tới, là lòng tin đối với nhân dân, của chính quyền mới. Vì vậy mà Ban quân quản có rất nhiều cuộc họp, đặt ngay 2 vấn đề : đó là vận động nhân dân phục hồi sản xuất giải quyết đời sống, vận động cán bộ công nhân viên trong bộ máy ngụy quyền cũ, trở lại nhiệm sở, trở lại nhà máy, đồn điền làm việc. Trước hết là giải quyết việc làm cho 40.000 dân làm trà, với 6000 ha trà, gần 30 đồn điền, 25 nhà máy lớn nhỏ, gần 4.000 công nhân, đương không có việc làm trong khi đó thì trà tồn kho trong các nhà máy và trong nhân dân hàng ngàn tấn không lưu thông được, giải phóng làm chủ, nhưng không giao dịch được trong vùng địch kiểm soát, gạo muối trong kho không còn đủ ăn trong 10 ngày, vì chúng bao vây kinh tế, cấm dân dự trữ gạo, chúng phân phối lương thực theo định kỳ, đầu tháng chở từ Sài Gòn lên, nên khi ta giải phóng (28/3) là thời kỳ trong kho không còn gạo, nhưng con đường lưu thông từ Sài gòn lại bị cắt đứt, chưa được chuẩn bị trước cho gần 350.000 dân trên địa bàn Lâm Đồng, Tuyên Đức-Đà Lạt, thật là nguy hiểm. Ngược lại sản phẩm nông lâm sản hàng hóa như trà Bờ Lao-Di Linh, Lâm Đồng, rau hoa quả, khoai đậu Đức Trọng, Tuyên Đức, Đà Lạt, tồn kho không có đường tiêu thụ, tất cả là bế tắc.

Hội nghị Ban quân quản chúng tôi chủ trương giao trách nhiệm cho Ban Kinh tài (Ban Kinh tế tài chính) Lâm Đồng, tìm cách quan hệ với thương lái, từ

thành phố Sài gòn và Biên Hòa lên, các cơ sở tiếp tế đường dài làm môi giới dắt mối đưa hàng đi tiêu thụ và mua hàng về, lấy địa điểm trung gian giữa vùng ta và vùng địch trên địa bàn huyện Định Quán, làm nơi giao dịch. Móc các chủ đồn điền nhà máy từ Sài gòn, xin phép ngụy quyền trở về quan hệ phục hồi đồn điền nhà máy, làm ăn, làm cầu nối vùng ta và vùng địch... khuyến khích giao lưu, giao dịch bằng phương thức hàng đổi hàng, dùng trà, gỗ đổi gạo là kế hoạch trước mắt, đồng thời nhờ cơ quan kinh tài Khu 6 và R liên hệ với khu 5, sử dụng con đường chiến lược Trường Sơn, lập kế hoạch vận chuyển 2 chiều, chuyển hàng hóa nông lâm sản từ Lâm Đồng, Tuyên Đức, Đà Lạt chuyển ngược ra Bắc và Liên khu 5 để tiêu thụ nếu cuộc chiến tranh còn kéo dài, địch sẽ bao vây cấm vận kinh tế, thì chỉ có con đường lưu thông ngược để giải quyết tiêu thụ nông sản hàng hóa, phục hồi sản xuất, giải quyết đời sống cho mấy vạn người dân Lâm Đồng, Tuyên Đức, Đà Lạt...

Qua một tháng vận động tổ chức phục hồi sản xuất lập kế hoạch lưu thông, tạo quan hệ giao lưu , tiêu thụ nông lâm sản hàng hóa, phục vụ đời sống kinh tế-xã hội, đảm bảo tiếp tục phát triển chiến đấu đầy khó khăn thử thách này. Nhưng may thay cuộc chiến đấu đầy hy sinh gian khổ ấy chỉ đến ngày 30/4/1975 thì Sài gòn được giải phóng, khu 5 và các tỉnh duyên hải miền Trung đã quét sạch bóng quân thù... Ngày 1 tháng 5, mừng ngày kỷ niệm lao động

quốc tế và cũng là ngày giải phóng miền Nam, thì cũng chính là ngày mà 341.000 dân còn lại, trên cao nguyên Lâm Đồng Tuyên Đức mới thật sự được giải phóng. Con đường 20 được mở cửa giao dịch thông suốt. Trà, cà phê, rau hoa, lâm nông sản từ Đà Lạt Tuyên Đức Lâm Đồng tuôn về Sài Gòn, thành phố mới được giải phóng, đón mừng ngày 30/4 và 1/5 năm ấy. Nhân dân Lâm Đồng Tuyên Đức Đà Lạt, con đường sản xuất hàng hóa được khai thông, bước sang một thời kỳ bao tiêu bao cấp đảm bảo cân đối cung cầu, phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân. Thời kỳ bao cấp bao tiêu sau giải phóng thống nhất đất nước kéo dài đến hết năm 1986 và bắt đầu của thời kỳ quá độ, từng bước, từng mặt xóa bao cấp, đi vào cơ chế kế hoạch hóa, thông qua hợp đồng 2 chiều theo nguyên tắc : dưới đăng ký nộp lên, trên cân đối phân kế hoạch xuống theo ngành và theo địa phương. Phần còn lại hợp đồng mua bán theo thị trường và do yêu cầu được phép mở rộng cho tư thương kinh doanh có kiểm soát và có khống chế, thông qua lực lượng vật chất chủ yếu của thương nghiệp quốc doanh và tập thể bằng biện pháp kinh tế. Tôi cho đây là xuất phát từ cơ chế kinh tế kinh doanh thị trường thuận mua vừa bán, mua đứt bán đoạn mang yếu tố cạnh tranh ban đầu là cả một quá trình thực tế và thách thức, đòi hỏi phải đổi mới của tư duy kinh tế, kế hoạch hóa gắn với thị trường lúc bấy giờ là mở đầu trong chủ trương đổi mới tổ chức

thực hiện có kết quả trên đất Lâm Đồng chúng ta. Tôi nhớ : lúc bấy giờ gỗ, củi, trà, cà phê, rau hoa Đà Lạt, Đơn Dương, Đức Trọng hợp đồng trao đổi vật tư sản xuất và hàng hóa tiêu dùng, phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân. Đây là hình thức trao đổi hàng lấy hàng trong hệ thống thương nghiệp quốc doanh tập thể gần như phổ biến ở thời kỳ đầu giải phóng, trong tình hình hàng hóa vật tư, tiền mặt đang khan hiếm, trong lúc đó lượng hàng hóa của tỉnh, hàng năm sản xuất ra có từ 2000 đến 3000 tấn trà, năm sáu trăm tấn cà phê, có 140 đến 150 ngàn tấn rau hoa quả, hàng trăm ngàn mét khối gỗ củi song mây tre. Với giá trị hàng hóa bằng chừng ấy, nhưng rất quan trọng đối với cuộc sống đồng bào Kinh Thượng trong tỉnh lúc mới giải phóng. Phương châm phương thức quản lý kinh tế trong phân phối lúc bấy giờ là nắm chắc khâu bán buôn từ 80-90% trở lên, chi phối khâu bán lẻ từ 70-80% theo hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển từ trung ương đến cơ sở.

Trở lại thời kỳ quân quản, một khó khăn lúng túng nữa không thể không đặt ra đúng mức, đó là vấn đề xã hội, vấn đề chăm sóc sức khỏe đau bệnh và sinh đẻ, bảo hiểm tai nạn cho nhân dân là vấn đề hết sức lớn. Trong lúc đó, hệ thống y tế, bệnh viện của địch, khi chúng rút đi, tất cả thuốc men, y cụ chúng vơ vét tất cả mang theo, và phần lớn y bác sĩ chúng kéo theo phục vụ trên đường tháo chạy của

chúng, chỉ còn lại một số y tá hộ sinh không đáng kể. Về lực lượng y tế của ta đưa vào tiếp quản cùng đi theo đoàn ủy ban quân quản, được 4 bác sĩ, cả anh Quế bác sĩ phụ trách đội phẫu thuật dã chiến, và một số y sĩ , y tá mới đào tạo cấp tốc của khu 6 đưa về làm y tế cơ quan được huy động ra tiếp quản.

Bệnh viện E300 nằm ở vùng căn cứ chưa có lệnh chuyển ra, trong khi đó thì đột xuất vùng giải phóng mở ra rộng lớn, gần 100.000 dân, vấn đề sinh sản trong dân cư phát triển, ngày đầu giải phóng đã có mười mấy ca sinh mà y tế ta phải lo. Tai nạn chiến tranh song song với tai nạn giao thông lại phát triển, dịch sốt rét, dịch tả, thương hàn, kiết lỵ lại báo động bắt đầu làm cho ban quân quản ngổn ngang trăm mối... Trước tình hình thực tế, vừa thiếu thầy, thiếu y cụ, thiếu thuốc làm sao có để cấp trang bị các đội y tế lưu động mới thành lập đưa xuống cơ sở giúp dân chạy chữa.

Bệnh viện trung tâm Thị xã khi địch rút đi vơ vét, đập phá vung vãi tanh bành, chưa phục hồi kịp, nên không sao tiếp nhận nổi chiến thương để điều trị, thế thì nhân dân đau bệnh sinh sản làm sao đây?

Buổi họp giao ban tại UB quân quản Bảo Lộc, chúng tôi đưa ra bàn cách khắc phục trong lĩnh vực y tế, bàn biện pháp phòng chống dịch bệnh, kiết lỵ, cảm cúm, thương hàn, sốt xuất huyết, và thiết kế hệ thống hộ sinh từ cơ sở, để xử lý trực tiếp tại chỗ,

những trường hợp bệnh thông thường, xử lý những ca sinh sản dễ, thương bệnh nhân nhẹ là chủ yếu, còn các ca nặng hay các trường hợp sinh đẻ khó khăn, tạm đưa đội phẫu thuật dã chiến gần khu Thủ Khoa Huân giải quyết trong lúc trung tâm bệnh viện Bảo Lộc chưa phục hồi xong.

Mặt khác chúng tôi viết thư cho Thường trực Tỉnh ủy, điều bệnh xá E 300 trong căn cứ, chuyển đại bộ phận người và y cụ, phương tiện thuốc men chuyển ra tiếp quản bệnh viện Thị xã Bảo Lộc, kêu gọi số công nhân viên, hộ lý, y sĩ, y tá, hộ sinh phục vụ cho chế độ cũ trở lại nhiệm sở, đăng ký làm việc và khai báo những gì họ đã biết đã làm để cách mạng xem xét, tiếp nhận sử dụng họ theo chính sách lưu dung của mặt trận và Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN kêu gọi sự đóng góp của họ cho sự nghiệp phục vụ nhân dân, để ổn định cuộc sống bình thường của nhân dân vùng mới giải phóng. Qua chủ trương này, Ban quân quản chúng tôi tập hợp được một số lực lượng y tế lưu dung, cùng anh em y bác sĩ quân dân y của ta, tổ chức lại thành 6 tổ lưu động, mỗi tổ có 1 y sĩ, 3 y tá, 4-5 nhân viên hộ lý, xuống 6 xã (4 ngoại thị và 2 nội thị) để triển khai thực hiện chủ trương trên. Các tổ chức y tế lưu động trực tiếp điều trị tại nhà, đỡ đẻ tại nhà... trừ các ca nặng, phải dùng biện pháp phẫu thuật, phải đưa đến đội phẫu thuật quân y xử lý giải phẫu, có gia đình trực tiếp chăm sóc... Nhờ phương thức hoạt động y tế nói trên,

đã ổn định tình hình : i bộ và nhân dân phấn khởi, cán bộ y tế của mặt trận dân tộc giải phóng có uy tín trong dân, cách mạng đỡ lo, vì đã có dân tham gia một phần, ta tập trung giải quyết các trường hợp chiến thương, tai nạn lao động và giao thông, diện phục vụ tập trung ít nên lo chu đáo trong bệnh viện dã chiến là ổn định, nội bộ cán bộ chiến sĩ và nhân dân an tâm, biện pháp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng mới giải phóng ban đầu đã giải quyết. Thời gian từ 29/3/1975 đến 30/4/1975, một tháng của chế độ quân quản, toàn bộ dân Thị xã Bảo Lộc và các xã vùng ven, Cả nông thôn trong tỉnh, không để ai bị đau bệnh thiếu thuốc cứu chữa, sinh nở có y tế lưu động đến chăm sóc hộ sinh tại chỗ an toàn, điều trị dịch bệnh không để có ca nào tử vong, chiến thương và tai nạn lao động được cấp cứu điều trị chu đáo, đó là một thành tích lớn lao của tổ chức quân quản Bảo Lộc Lâm Đồng được Khu ủy và quân khu ủy giao cho là hoàn thành tốt.

Đồng chí Lê Duẩn đến thăm và làm việc với Tỉnh ủy Lâm Đồng.

Đồng chí Nguyễn Xuân Du cùng Chủ tịch Trường Chinh thăm vùng kinh tế mới Hà Nội 1982

Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ và Đoàn đại biểu (nguyên UBMT DTGP MNVN) đến thăm Lâm Đồng.

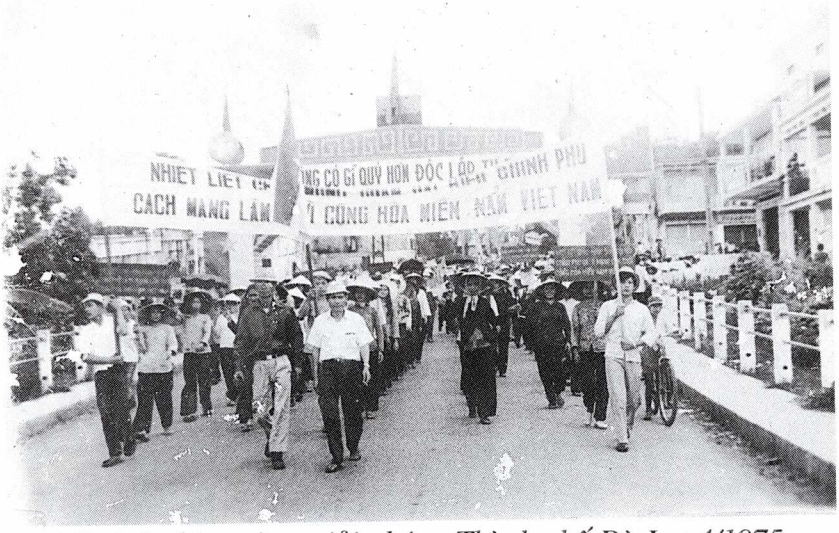

Mít tinh chào mừng giải phóng Thành phố Đà Lạt 4/1975

PHẦN II :

III/ Những vấn đề đặt ra sau thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc thống nhất Tổ quốc (1976-1986) :

A. Đặc điểm tình hình kinh tế xã hội Lâm Đồng sau ngày 28/3 và 30/4/1975:

Theo thống kê năm 1976, nhân dân Lâm Đồng có 341.000 người. Cơ sở kinh tế có trên 6000 ha trà, 25 cơ sở chế biến trà to nhỏ. Diện tích cà phê còn lại không đáng kể, có gần 3000 ha rau hoa cây ăn trái. Cơ sở sản xuất nông nghiệp nói trên có tính chất tập trung, tạo ra tỷ suất hàng hóa nhỏ nhưng rất phong phú trong địa phương.

Cơ sở vật chất kĩ thuật công nghiệp ngòai cơ sở chế biến nói trên còn có 2 nhà máy sứ Thiên Nhiên và Vĩnh Tường đã bị ngừng sản xuất trước giải phóng, ta phải phục hồi lại và một số nhà máy cưa gỗ với thiết bị máy móc rất lạc hậu.

Hệ thống sản xuất tiểu thủ công nghiệp hình thành ở ĐàLạt rất phong phú, còn hầu hết các huyện trong tỉnh xem như chưa phát triển.

Cơ sở hạ tầng : giao thông độc đạo là đường 20 và có đọan 21 kéo dài. Về điện chỉ có Đà Lạt, Đơn

Dương, Đức Trọng là có điện lưới trong thành phố thị trấn, còn lại tòan bộ Lâm Đồng cũ và vùng nông thôn thắp đèn dầu. Bưu điện thì lạc hậu từ thời kỳ Pháp thuộc của Bảo Đại để lại. Nước sinh hoạt duy nhất có nhà máy nước Hồ Xuân Hương, mùa khô ở Đà Lạt phải chia nước, ngày có ngày không, trên từng khu phố để sống. Về nông nghiệp, trạm trại giống cây trồng có duy nhất cơ sở thực nghiệm giống, cây trồng chè Bảo Lộc gắn với trường trung học nông lâm súc B'Lao. Trạm thực nghiệm Liên Hanh, cơ sở Lapharô Đà Lạt .v.v . Cơ sở thủy lợi độc nhất là trạm bơm Phú Hội tưới được 300 ha đồng ruộng Tùng Nghĩa .

Cơ sở giáo dục ở Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc, Di Linh, thị trấn Đơn Dương phát triển khá hơn còn hầu hết là hệ thống trường trại tranh tre nứa lá cả trên 5 huyện vùng nông thôn lúc bấy giờ.

Tình hình dân số và đời sống nhân dân : hầu hết nhân dân các dân tộc trong địa phương (chiếm 30 %) là phá rừng làm rẫy, phổ biến là luân canh, du canh, hỏa canh. Hầu hết nhân dân Lâm Đồng cũ và Tuyên Đức, thành phố Đà Lạt, các thị xã, thị trấn trong tỉnh cuộc sống hòan tòan lệ thuộc lương thực thực phẩm ở đồng bằng sông Cửu Long và vật tư hàng hóa ở thành phố Hồ Chí Minh. Lưu thông độc đạo là đường 20 và đọan 21kéo dài (nay là đường 27) . Mỗi khi đường giao thông bị sự cố là cả mấy trăm ngàn

dân Lâm Đồng (Lâm Đồng cũ, Tuyên Đức và Đà Lạt) có biến động đời sống khôn lường.

Đó là đặc điểm tình hình Lâm Đồng, Tuyên Đức, Đà Lạt trước ngày giải phóng. Vì vậy mà sau khi giải phóng, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lâm Đồng đặt vấn đề ra sức phấn đấu. Những năm trước mắt phải đảm bảo tự cấp tự túc phần lớn lương thực thực phẩm (từ 51.000 tấn năm 1975, đưa lên 125.000 tấn lương thực năm 1985) Chủ động để phát triển cây công nghiệp, làm cơ sở để cũng cố tăng cường tiềm lực an ninh quốc phòng .v.v. Tôi cho đây là một chủ trương tình thế trong tình hình của thời kỳ bao cấp sau giải phóng, đó là giải pháp tối ưu, không thể nào khác hơn trong lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ lúc đầu sau giải phóng. Nhưng phải thấy trong điều hành cụ thể của một địa phương miền núi đầy phức tạp lúc đó là có đúng có sai, trong từng giai đọan cách mạng chung cả nước thể hiện trên mỗi tiểu vùng... Đúng sai là đương nhiên trong lịch sử lúc đó. Không thể đứng trước thời kỳ này để phê phán nó một chiều một cách cực đoan là nó có ác ý, là duy ý chí.

B/ Nhớ lại thời kỳ kế hoạch hóa, trong kế hoạch bao cấp :

Chắc không ai trong chúng ta sống trong thời kỳ 10 năm bao cấp sau giải phóng với tư tưởng chủ đạo trong sản xuất tỉnh Lâm Đồng nặng lo tự túc tự cấp lương thực thực phẩm như trên đã nêu. Chế độ phân

phối lưu thông là bao cấp, bao tiêu là xuyên suốt trong thời kỳ này.

Kế hoạch cân đối vật tư cho sản xuất hàng năm tất cả đều đầu tư phát triển lương thực thực phẩm. Kế hoạch cân đối thống nhất từ trung ương trên địa bàn tỉnh. Hàng hóa vật tư nguyên nhiên vật liệu chiến lược được trung ương lập kế hoạch điều động theo khả năng cân đối của trung ương và theo yêu cầu tối thiểu của địa phương nhằm phục vụ sản xuất và đời sống. Ngược lại hàng hóa sản phẩm địa phương sản xuất ra được giành phần ưu tiên cân đối theo yêu cầu của địa phương và từng địa bàn, phần còn lại địa phương có trách nhiệm giao nạp theo yêu cầu của cả nước, bằng giá trị hàng hóa thống nhất của UB vật giá nhà nước quy định ổn định một giá.

Theo nguyên tắc trên, trong thời kỳ này, Lâm Đồng ta hàng năm lập kế hoạch giao nộp cho trung ương từ 50 đến 70 ngàn m3 gỗ các loại, 100.000 tấn tre nứa gỗ giấy, từ 1500 đến 2000 tấn chè các loại, từ 200 đến 300 tấn cà phê là loại hàng chiến lược phục vụ xuất khẩu và phục vụ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến của trung ương và thành phố Hồ Chí Minh do bộ ngoại thương cân đối lại phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu, sắt thép, ximăng, thiết bị máy móc nông công nghiệp. Đảm bảo yêu cầu xây dựng, sản xuất phục vụ giao thông công nghiệp phục vụ đời sống.

Ngòai ra hàng năm còn giao nạp theo chỉ tiêu từ 100 đến 150 ngàn tấn rau hoa quả ngô đậu, gỗ củi nội tiêu cho bộ nội thương và quỹ được cân đối lại bằng giá trị hàng hóa vật tư nhiên liệu phục vụ đời sống, trực tiếp phục vụ sản xuất. Phần cân đối phục vụ đời sống nói trên là theo chỉ tiêu pháp lệnh của Hội đồng Bộ trưởng thông báo kế hoạch cân đối hàng năm.

Số hàng hóa yêu cầu thiếu và địa phương sản xuất sau khi giao nạp cho trên, còn lại được phép vận động trao đổi ngòai kế hoạch, theo nguyên tắc hàng đổi hàng ngang giá, theo yêu cầu của hai bên , đáp ứng một phần cung cầu của thị trường hai địa phương.

C. Đánh giá thế nào thật đúng của thời kỳ 10 năm trong chế độ bao cấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

Ai cũng biết rằng : Chế độ bao cấp, bao tiêu theo kế hoạch hóa phân phối trên tòan xã hội trên một nước, một địa phương, một dân tộc đã xuất hiện từ thời công xã nguyên thủy, một khi hàng hóa chưa ra đời đồng tiền làm phương tiện trao đổi chưa xuất hiện phổ biến. Yêu cầu cuộc sống trong xã hội cung ít, cung có giới hạn, còn cầu ngày càng tăng, lòai người còn dựa vào thiên nhiên cung cấp, lãnh chúa đứng ra phân phối, từ đó xuất hiện chế độ bao cấp

của thời tiền sử xa xưa khi lòai người còn lạc hậu chia nhau để sống trên từng lãnh địa từng bộ tộc.

Các Mác người thầy của chủ nghĩa cộng sản văn minh, nền cộng sản ta đang ôm ấp lý tưởng và đang phấn đấu theo chủ nghĩa nhân đạo của Người đã mô tả nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản là : " làm lụng tùy sức, ăn tiêu tùy cần " khác với thời kỳ quá độ cộng sản, chủ nghĩa xã hội, nguyên tắc phân phối theo lao động như Các Mác đã nêu : " làm lụng tùy sức, ăn tiêu tùy tài " ... Rõ ràng là chủ nghĩa Mác đã xác định trong phân phối của xã hội xã hội chủ nghĩa là phải lấy trình độ và tài năng lao động làm thước đo trong phân phối để khuyến khích năng suất chất lượng tài năng lao động tòan xã hội phải được giải phóng và phát triển cao của nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất nông lâm công nghiệp, làm ra nhiều của cải vật chất, có tích lũy cho chủ nghĩa xã hội, tạo tiền đề tiến lên Cộng sản chủ nghĩa văn minh mà Mác đã tiên đoán cách đây 100 năm, có thể sẽ xuất hiện, trở thành hiện thực trong thiên niên kỷ mới...

Với lòng tin vào lý tưởng của mình, tôi suy nghĩ thế có đúng hay không ? tiếp tục theo dõi lịch sử sẽ đi tới một cách tự giác, con đường phát triển khách quan do con người văn minh tác động, không thể có sự áp đặt của một người hay một nhóm người duy ý chí nào...

Ngược lại, cũng không thể có một cá nhân hoặc một thế lực phản động nào cản được bước tiến của lịch sử loài người sẽ đi tới tương lai rực rỡ trên trái đất này, dĩ nhiên là sự phát triển không đều trong trạng thái kế thừa, kế tục và phát triển liên tục, lúc tiệm tiến lúc bột phát, cái cũ mất đi tạo nền tảng để cái mới xuất hiện, có phải thế không, ta cùng suy nghĩ cùng theo dõi.

Theo tôi, chế độ bao cấp, bao tiêu xuất hiện trong giai đoạn đất nước ta ở thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc là hoàn toàn phù hợp với điều kiện lịch sử của nó nên Đảng ta (Đảng CSVN) chế độ ta đã thiết chế, đó thật là vĩ đại và vô cùng phong phú, nó tồn tại và phát triển song song với cuộc trường chinh 30 năm, là động lực đóng góp vĩ đại và thành tựu tuyệt vời của cuối thế kỷ 20, dân tộc Việt Nam anh hùng của chúng ta đã chiến thắng đế quốc xâm lược Mỹ.

Đảng ta duy trì chế độ bao cấp để đảm bảo sự phân phối vật chất công bằng cho toàn xã hội, sống và chiến đấu, chiến thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ hung hãn nhất, giàu mạnh nhất, tàn ác nhất của thế kỷ 20.

Nếu không có chế độ bao cấp gần 4 thập kỷ trước đây, thì không có sức mạnh đánh bại đế quốc Mỹ, một tên đế quốc chưa hề chiến bại trong lịch sử, từ khi nước Mỹ ra đời. Chúng ta rất tự hào ở chế độ bao

cấp, nó đã gắn liền với các chiến công lịch sử của dân tộc VN anh hùng trong thế kỷ 20.

Nếu không từ sức mạnh trong chế độ bao cấp thì làm sao có chuyện thần kỳ nhưng có thật là một dân tộc đất không rộng, người không đông, cuộc sống nghèo khổ nhất, làm ăn lạc hậu nhất, lại đánh thắng một tên đế quốc giàu mạnh nhất có trình độ khoa học kỹ thuật cao nhất, có một lực lượng vũ trang hiện đại nhất cả hải lục, không quân được trang bị vũ khí hạt nhân, hệ thống tên lửa tầm gần tầm xa vẫn phải chịu thua.

Đó phải chăng từ sức mạnh vật chất được tập trung và nhân lên từ chế độ bao cấp, đảm bảo huy động tinh thần toàn dân đánh giặc, tạo nên sức mạnh bách chiến bách thắng của cả dân tộc.

Từ khi hòa bình lập lại, đất nước thống nhất, xây dựng CNXH trong 10 năm duy trì chế độ bao cấp (1975-1985) là một chặng đường dài trong thực tế lịch sử đất nước ta, việc làm thực tế đó, có đúng có sai mà các văn kiện từ Đại hội 6 đến nay đã chủ động phân tích tình hình và đề ra chủ trương đổi mới từng bước, mà trước hết là chủ trương đổi mới tư duy lý luận, làm cơ sở cho đổi mới kinh tế, phù hợp với quy luật khách quan, tính chất quá độ đi lên CNXH, đưa đất nước ta đi đến mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Nhưng trong tổ chức thực hiện đường lối đổi mới cũng có nhiều ý kiến trở

lại phê phán: mười năm sau giải phóng Đảng ta tiếp tục thực hiện chế độ bao cấp trong khi hòa bình thống nhất xây dựng CNXH là duy ý chí....

Có người đem thành quả 10 năm đổi mới so sánh với thời kỳ bao cấp, dẫn đến phủ định quá khứ sạch trơn. Tôi cho đây mới thật là duy ý chí cần được phê phán. Theo tôi thì cơ chế bao cấp trước đây, cơ chế thị trường ngày nay là tất cả đều thuộc chủ trương đường lối của Đảng CSVN đề ra và tổ chức điều hành của Nhà nước XHCN chúng ta. Chế độ bao cấp thực hiện 40 năm là nguyên nhân của mọi thắng lợi rực rỡ trong đó có 30 năm chiến tranh giải phóng Tổ quốc. 10 năm bao cấp trong hòa bình xây dựng thống nhất đất nước là thời gian quá độ mang tính tất yếu của quá trình mò mẫm tìm kiếm mô hình đi lên CNXH phù hợp với quy luật và truyền thống VN, trong lúc Liên Xô và các nước XHCN đương bước vào thời kỳ tiền khủng hỏang kinh tế, sau nhiều năm chưa tìm ra con đường cải tổ chân chính thật sự. Còn Đảng ta chỉ 10 năm thôi, sau hoà bình xây dựng đã chuyển chế độ bao cấp nhanh chóng chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý điều hành của Nhà nước... Tôi cho đây là một thành tựu tuyệt vời của Đảng ta trong tư duy kinh tế mới.

D/ Vì sao 10 năm duy trì chế độ bao cấp lại là tính tất yếu ?

Lịch sử nhân loại cho ta thấy : nếu không có sự đấu tranh của nô lệ, thì làm sao có phong trào đấu tranh giải phóng nô lệ trên trái đất này... nếu không có những cuộc đấu tranh cách mạng tư sản chống phong kiến, thì làm sao có sự ra đời của chế độ tư bản... Nếu không có sự đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới thì làm sao có chủ nghĩa Cộng sản khoa học của Mác ra đời... Nếu không có sự thành công trong Cách mạng tháng 10 Nga 1917, thì làm sao có mô hình XHCN trên trái đất này xuất hiện và phát triển đến ngày này, và nó đang tồn tại song song với chế độ tư bản chủ nghĩa độc quyền, chống đối quyết liệt hòng tiêu diệt CNCS, từ khi nó còn là "bóng ma" trong đêm tối nô lệ. Nhưng chủ nghĩa cộng sản vẫn tồn tại và phát triển trên thực tế, tuy có nhiều đoạn thăng trầm, nhưng có điều khẳng định là CNCS khoa học văn minh và nhân đạo, luôn luôn tồn tại và phát triển trong lương tâm loài người, tiến bộ mang tính khoa học chân lý vĩnh cửu, trong quy luật biện chứng của Mác, kế tiếp kế thừa có phủ định và phát triển... Đó là tính tất yếu của mọi sự vật không bao giờ mất một cách đột ngột do ý chí của một con người.

Muốn chuyển sang một thời kỳ mới phải có thời gian thai nghén trăn trở, mới sinh nở hoàn chỉnh của một con người hay thay đổi một chế độ – phân

phối thích hợp với một trình độ lực lượng sản xuất nhất định, là không đơn giản một chút nào.

Hơn nữa sau khi quân dân ta chiến thắng đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước... Mỹ và các thế lực tư bản phản động ra sức bao vây cấm vận, hòng lật đổ chế độ XHCNVN, ra sức nuôi dưỡng các thế lực phản động tay sai của Mỹ ở nước ngoài, liên tục tổ chức liên kết với bọn phản động trong nước, liên tục đánh phá cách mạng nước ta, phá hoại sự nghiệp xây dựng kinh tế-xã hội bằng âm mưu diễn biến hòa bình, tiếp tay cho Mỹ trả thù cách mạng Việt Nam... Trước tình hình đó, Đảng ta phải duy trì bao cấp trong thời gian quá độ, để đảm bảo ổn định tình hình chính trị, củng cố tăng cường thế lực cách mạng trong nước, phá thế bao vây cấm vận của Mỹ từng bước, củng cố an ninh quốc phòng, chuẩn bị thật chu đáo tiền đề tư tưởng chính trị, phát động đổi mới tư duy trong Đảng, tổ chức thực nghiệm một số mô hình kinh tế xã hội, tạo tiền đề vật chất đưa đất nước đi lên từng bước, xóa bao cấp song song với đổi mới tư duy kinh tế, xóa bao vây cấm vận, đi đôi với phát triển mở rộng ngoại giao, không để xảy ra biến động chính trị như Liên Xô và các nước XHCN khác. Tôi coi đây là một sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta... Nhưng cũng phải thừa nhận rằng suốt quá trình 10 năm duy trì chế độ kế hoạch hóa quan liêu bao cấp, là cần thiết của thời kỳ quá độ thống nhất đất nước nói trên, không thể không có những thiếu

sót, khuyết điểm (nếu ai đó nói thời kỳ ấy không có gì thiếu sót mới là điều lạ), còn có thiếu sót là đúng với thực tế, hợp với quy luật... Nhưng thiếu sót khuyết điểm như Đảng ta đã tổng kết có phê phán, trong các báo cáo của Đại hội 6, Đại hội 7 và Đại hội 8 là đúng đắn rõ ràng, nhân dân trong nước hoan nghênh và cả loài người khâm phục. Phải thấy rằng qua 10 năm trong cơ chế kế hoạch hóa quan liêu bao cấp có tính lịch sử nói trên. Đảng, Nhà nước ta tập trung lo tất cả cho cuộc sống của nhân dân. Nhưng có điều là "lực bất tòng tâm". Bao cấp để đảm bảo tập trung vật chất chiến đấu là tốt, là tiền đề đảm bảo chiến thắng quân thù, khi hòa bình xây dựng mà vẫn giữ nguyên chế độ phân phối như thời chiến nên đã bị phê phán là có lý... vì đã bao cấp thì sẽ tạo ra tâm lý ỷ lại ngồi chờ ban cấp từ trên chia xuống, tạo ra tính ỷ lại nặng nề trong Đảng, trong nội bộ và ngoài xã hội, thiếu tính năng động sáng tạo, thiếu trách nhiệm, nên mọi thiếu sót đều đổ lỗi cho khách quan, cho người khác. Bộ máy nhà nước phục vụ cho chế độ bao cấp ngày càng đông, diện bao cấp ngày càng lớn, lại càng chồng chất thêm tính phức tạp. Càng không quản lý nổi, mà đã không quản lý nổi, lại phát sinh thêm người, đẻ thêm mâm bát, bàn thêm chế độ để quản lý, thì diện bao cấp liên tục tăng lên, tính phức tạp ngày càng phức tạp thêm, diện bao cấp cũng tăng thêm, đời sống vật chất ngày càng khó khăn hơn, cuối đường hầm của thời kỳ bao cấp và không có lối

thoát, đã dẫn đến bộ máy đảng, đoàn thể mặt trận, chính quyền tập trung lo cho nội bộ, nhẹ lo phát triển sản xuất và đời sống quần chúng nhân dân, dẫn đến tình trạng làm không đủ ăn, xuất không đủ nhập, thu không đủ chi... suy cho cùng, cuộc khủng hoảng triền miên qua 10 năm thực hiện chế độ bao cấp bắt nguồn từ nội bộ ta mà ra. Đó là suy nghĩ của tôi lúc đó.

Từ chế độ bao cấp mà Lâm Đồng trong những năm 1976-1980 phải có chủ trương bằng mọi cách phát triển sản xuất lương thực thực thẩm đảm bảo tự túc lương thực dẫn đến phá rừng làm nương, phát triển mì lang để cân đối lương thực. Thiếu lương thực để cân đối, nhưng lại kiểm soát gắt gao, cấm lương thực tự do đưa từ nơi khác đến mua bán trên thị trường. Hô hào nhân dân phát triển sản xuất, nhưng không có chế độ phân phối vật tư hàng hóa cho dân, vì không đủ hàng hóa vật tư. Ngoài tổ chức sản xuất quốc doanh và tập thể, không có chích sách đầu tư cho dân vay vốn để phát triển sản xuất vì không có vốn để đầu tư.

Điểm lại một số chủ trương chích sách của ta trong thời kỳ bao cấp thật là ấu trĩ, không có tính tự giác về tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hình như ta đi ngược lại những nguyên tắc có tính khoa học XHCN vậy. Nói XHCN nhưng trong chính sách phát triển sản xuất và phân phối lại không lo phát triển sản xuất và đời sống của toàn xã hội, mà nặng lo cho tổ

chức của ta, con người làm trong bộ máy là lực lượng chuyên chính là chủ yếu, thế thì làm sao gọi là xã hội được. Tỉnh ta xảy ra tình trạng cuối năm 1979 nhà nước cân đối mỗi tháng, đầu người nửa ký gạo còn lại cấp cho nội bộ bằng 10 kg hạt bo bo từ sản phẩm viện trợ và nhập khẩu nước ngoài đưa về bán phân phối... Tôi cho đây là thời kỳ bi đát nhất ở tỉnh ta. Tôi còn nhớ cũng trong thời kỳ này chính quyền không còn ngân sách trả lương cho CBCNV, UBND Tỉnh cho chủ trương ngành thương nghiệp bán ximăng , xăng dầu, sắt thép, vải, lấy giá trị hiện vật, để trừ lương, cho phép CBCNV đem bán ra thị trường, để có tiền lương chi phí cho gia đình. Nghĩ chuyện cũ mà buồn cười: hàng ngoài thị trường thì khan hiếm, hàng trong kho nhận về để phân phối không bán, hàng hóa trong dân làm ra, đi bán chui, chính của dân làm ra đem bán, nhưng phải qua thương nghiệp nếu không thì gọi là bất hợp pháp. Hàng bên ngoài nhập vào mà không nằm trong thương nghiệp quản lý thì không được bán trên thị trường, đuổi bắt từ đầu chợ đến cuối chợ. Từ chế độ phân phối độc quyền trong cơ chế bao cấp, dẫn đến độc tài thì đó là lẽ đương nhiên, trong thực tế dẫn đến khó khăn, vì nó cũng đã vận động không đúng với quy luật kinh tế và cơ chế phân phối XHCN. Đó cũng là nguyên nhân Đảng ta quyết định đổi mới tư duy kinh tế, vận hành theo cơ chế thị trường dưới sự điều hành quản lý nhà nước theo định hướng XHCN.

Liên hệ bối cảnh nền kinh tế Lâm Đồng, trong thời kỳ bao cấp cuối năm 1979-1980 là giai đoạn khó khăn nhất và đó cũng là bước ngoặt quá độ trong quá trình đấu tranh vượt khó, từng bước đi lên xóa bao cấp, chuyển cơ chế quản lý phân phối lưu thông trên thị trường, mở đầu của địa bàn miền núi.

Đ/ Cuộc họp HĐBT đầu năm 1980 giao kế hoạch cho các tỉnh, UBND tỉnh Lâm Đồng xin HĐBT và Bộ trưởng Bộ Lương thực 2 việc được Chủ tịch HĐBT chuẩn y, đó là :

1/ Xin HĐBT cho phép Lâm Đồng khai thác 50.000 m3 gỗ ngoài kế hoạch pháp lệnh hàng năm, cho mang xuống đồng bằng sông Cửu Long đổi lấy 30.000 tấn gạo, bổ sung cho kế hoạch lương thực thiếu và đề phòng thiên tai dịch họa, có lượng dự trữ, mới chủ động chi phối thị trường, giữ và kèm giá, khi có biến động, đảm bảo cung cấp ổn định cho các đối tượng phải cung cấp.

2/ Xin phép cho tỉnh được giao lưu trực tiếp với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, cho các tỉnh được mang lương thực lên Lâm Đồng, bán cho thị trường lấy tiền mua rau, mua gỗ, chè, cà phê mang về ngoài hợp đồng kế hoạch pháp lệnh, để giải quyết cung cầu giữa 2 địa phương đều có lợi trong lúc đang khan hiếm tiền mặt. Được HĐBT cho phép Lâm Đồng giải quyết khó khăn lương thực thực phẩm và tiêu thụ sản phẩm nông lâm sản bằng 2 phương

pháp của tỉnh đề nghị, chúng tôi coi như liều thuốc cứu mạng được Thượng đế ban cho.

Được HĐBT cho phép, Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh thông qua kế hoạch giao cho ngành lâm nghiệp tổ chức khai thác ngoài kế hoạch hàng năm 50.000 m3 gỗ và quan hệ ký hợp đồng mang xuống đồng bằng sông Cửu Long đổi lấy lương thực, và giao lương thực ấy cho Công ty Lương thực mang về dự trữ và đưa vào kế hoạch phân phối. Giao cho Sở Thương nghiệp chỉ đạo công ty Thương nghiệp dùng trà, rau, ngô đậu trao đổi lấy gạo bán cho dân ăn trước mắt, mọi chênh lệch giá phát sinh thu vào ngân sách hàng năm là nguồn thu quan trọng của tỉnh.

Đồng thời cho phép hệ thống hợp tác xã, tổ hợp tác và cả tư thương mở luồng giao dịch tự nhiên, kéo nguồn gạo tự do từ các tỉnh về, giải quyết yêu cầu lương thực bán bình thường cho dân ổn định cuộc sống và có dự trữ... giải tỏa mọi sự kiểm soát ngặt nghèo như trước, lúc đầu UBND tỉnh còn chủ trương cho miễn thuế buôn chuyến, mặt hàng gạo các tỉnh ngoài nhập vào. Từ chủ trương đúng đắn hợp lòng dân nói trên, có tác động trực tiếp quy luật cung cầu, đến cuối năm 1980 thị trường lương thực trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đi dần vào ổn định. Nội bộ không còn cảnh phải ăn bo bo, giành trọn gạo ưu tiên cho trẻ em cho người già, và cho bệnh viện như năm 1979. Bắt đầu từ năm 1981 trở đi, thị trường lương thực trong tỉnh trở lại bình thường, giá cả ổn định đến

năm 1986 là hoàn toàn xóa bao cấp về lương thực trên địa bàn Lâm Đồng. Chúng tôi coi đây là một thành công trên chặng đường đầu xóa bao cấp lương thực trên địa bàn miền núi. Trong kho có lương thực dự trữ hàng năm từ 10-15 ngàn tấn, không còn cảnh ăn đong hàng ngày như trước. Qua thực tế khắc phục khó khăn lương thực trên địa bàn Lâm Đồng, cho phép chúng ta kết luận rằng : trước cái khó mà có cái tâm sẽ có trí khôn... Dùng biện pháp kinh tế để giải quyết kinh tế... nếu kéo dài biện pháp hành chính, sử dụng quyền lực kiểm soát, càng kiểm soát càng tiêu cực nảy sinh và dẫn đến bế tắc không có lối thoát nếu không được giải tỏa.

Từ chủ trương mở rộng giao lưu lương thực, cho phép lương thực được tự do tham gia tác động trực tiếp trên thị trường, là bài học, là lối ra duy nhất để giải quyết khó khăn của nhân dân, cũng đồng thời mở mang cho việc giao lưu hàng hóa nông lâm sản, song mây tre gỗ, trà, cà phê, rau quả... Lưu thông trên thị trường nội địa phía nam được vận động linh hoạt theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, hình thành cơ chế thị trường 2 giá : giá thị trường tự do, giá thị trường XHCN, cơ cấu 2 giá, 2 kế hoạch, có phần cứng và phần mềm... Phần cứng là hợp đồng 2 chiều cân đối trong kế hoạch pháp lệnh, phần mềm là ngoài kế hoạch được phép đem sản phẩm vượt kế hoạch được lưu thông tự do, theo kế hoạch hướng dẫn. Nhà nước nắm quản lý các mặt hàng xuất nhập khẩu vật tư

hàng hóa thiết bị chiến lược, còn lại thuộc loại hàng hóa vật tư sản xuất tiêu dùng thông thường trong nhân dân, thông qua thị trường được trao đổi tự do... Tôi cho đây là thời kỳ quá độ chuẩn bị xóa bao cấp đã xuất hiện trong những năm 1979-1985. Tôi nghĩ : nếu Đảng ta không sớm chuẩn bị chủ trương xóa bao cấp từ đầu những năm 80-90 thì đến khi khối XHCN tan rã, thì hậu quả không sao lường hết, trước thế bao vây cấm vận của Mỹ, làm sao có cảnh huy hoàng hôm nay.

Chúng ta tự hào Đảng ta, dân tộc VN ta không những anh hùng trong kháng chiến chống ngoại xâm, suốt 30 năm giành độc lập, thống nhất đất nước, và việc phát triển kinh tế, xây dựng lại đất nước, cũng rất mực anh hùng.

Ôn lại lịch sử 7 thập kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN, Đảng của giai cấp công nhân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là cuộc chiến đấu để đổi đời, là cuộc đấu tranh trường kỳ gian khổ, đứng lên làm cách mạng từ tay không có tấc sắt, đã làm nên cách mạng tháng 8/1945, mở trang sử mới, đi vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, 9 năm làm một Điện Biên oai hùng, chấn động năm châu, là tiền đề, là sức lực vô tận, lòng tin tất thắng của 21 năm kháng chiến, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, giành trọn chính quyền về tay nhân dân, làm thất bại âm mưu

xâm lược của Mỹ, chia cắt lâu dài miền Nam VN, khiến kẻ thù kiêng nể, và bè bạn xa gần vui mừng thán phục.

Đến nay đã trải qua 25 năm hòa bình thống nhất, xây dựng đất nước, trong đó có 10 năm trăn trở, và 20 năm đất nước bị đế quốc Mỹ triệt để bao vây cấm vận, và đã có 10 năm, không còn sự giúp đỡ của khối XHCN và Liên Xô như trước... Nhưng Đảng, quân đội và nhân dân ta quyết không sợ, với ý chí tự lực tự cường, tìm ra con đường giải quyết khó khăn là quyết tâm đổi mới đã đạt được thành tựu mới rực rỡ ngày nay, và cũng đã vượt cả cuộc khủng hoảng tiền tệ khu vực và thế giới vừa qua, quả là một sự bất ngờ đối với nhiều chính khách trong nước và thế giới kính trọng.

Nếu đem lịch sử đã qua để so sánh, thì Liên bang Xô viết là nước XHCN đầu tiên trên trái đất có thành tựu rực rỡ của cả loài người tiến bộ. Nhưng qua 70 năm không thật sự đổi mới, nên đã dẫn đến khủng hoảng và tan rã hoàn toàn, kéo theo sự sụp đổ của các nước XHCN Đông Âu... thế giới XHCN lâm vào tình thế thoái trào kéo dài, đã đến lúc chấm dứt thế kỷ 20, vẫn chưa gượng dậy nổi, chứ chưa nói đến ổn định... Đó là cái gì ? Người Đảng viên cộng sản VN cần phải suy nghĩ ? Đối với Việt Nam, sau 30 chiến tranh giải phóng và 10 năm mò mẫm tìm lối thoát của chế độ quan liêu bao cấp và còn phải đương đầu với nhiều thủ đoạn bay vây cấm vận trong âm mưu

chiến lược diễn biến hòa bình của Mỹ... chúng tưởng chừng chế độ ta sẽ sụp đổ từng ngày, sự thực ngày nay đã trả lời : không những đất nước ta, chế độ ta đã không bị sụp đổ, nhân dân ta không bị chinh phục bởi khó khăn kinh tế đời sống, mà còn tiếp tục tiến lên giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, trên con đường cách mạng và đổi mới rất huy hoàng.

Mọi người còn nhớ : đế quốc Mỹ sau khi thất bại về quân sự, một mặt ráo riết bao vây cấm vận cô lập ta trên trường quốc tế, mặt khác chúng tung dư luận: Đảng CSVN giỏi lãnh đạo đánh giặc, nhưng không có kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng phát triển kinh tế, tổ chức xây dựng xã hội ..., luận điệu ấy đến nay sau 25 năm tác dụng của nó không còn nữa, trước quá trình thắng lợi trong công cuộc đổi mới của Đảng và Chính phủ ta. Mỹ đương tìm cách trực tiếp lũng đoạn đất nước ta cả về chính trị kinh tế, xã hội bằng tiếp tục chiến lược diễn biến hòa bình, bằng mọi thủ đoạn thâm nhập kinh tế dùng đòn bẩy tài chính để chia rẽ nội bộ Đảng, làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân, từng bước thâm nhập vật chất, lung lạc tư tưởng, làm thoái hóa lực lượng lãnh đạo cách mạng là rất thâm độc, nhưng nhất định chúng sẽ tiếp tục thất bại. Tự hào Đảng ta, nhân dân ta, vốn kết tinh truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước suốt mấy ngàn năm lịch sử của tổ tiên ta ngày trước mà ngày nay chúng ta đã chiến thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược trong thế kỷ 20 này, quả là dân tộc Việt

nam anh hùng, có một không hai trong lịch sử nhân loại, trong thế kỷ 20 nay, lại có quá trình 25 năm hòa bình xây dựng đất nước, phát huy truyền thống ông cha tiếp tục lập công, chủ động đổi mới, tiến công vào lĩnh vực nghèo khó, cùng nhân dân tháo gỡ mọi khó khăn bế tắc, chiến thắng thiên tai dịch họa, hình thành tư duy kinh tế mới, bảo đảm nền độc lập tự chủ tự lực tự cường, vững bước đi lên như ngày nay, lại sẽ có lớp lớp anh hùng trong sự nghiệp kinh tế, tiến lên tiếp tục kế thừa, quyết làm theo di chúc thiêng liêng của chủ tịch Hồ chí Minh, "Đánh thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn 10 ngày nay..."

PHẦN III

VẤN ĐỀ QUY HOẠCH TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN LÂM ĐỒNG.

A/ Nhìn lại Quy hoạch tổng quan kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trên đất Lâm Đồng sau giải phóng:

1/ Công tác phân vùng quy hoạch, lập bản đồ thổ nhưỡng, xác định phương hướng cây trồng con nuôi trong những năm đầu sau giải phóng (1975-1979):

Lâm Đồng là một trong các tỉnh Tây Nguyên, có tiềm năng kinh tế lớn, có diện tích đất đỏ Bazan khá tốt, là vùng có khí hậu đặc biệt, mát mẻ quanh năm, thời tiết rất thuận lợi cho phát triển cây trồng và con nuôi đại gia súc với tiềm năng đa dạng phong phú, diện sản xuất hàng hóa nhỏ đã bắt đầu manh nha phát triển trên đất này từ những năm 1936-1945 do người ngoại quốc (Pháp) bắt đầu khai thác, xây dựng các đồn điền chè, càphêvà thử nghiệm nhiều giống cây con, có giá trị kinh tế từ nước ngoài nhập vào phát triển khá tốt, như cây canh ki na ở Di Linh, Đơn Dương, Đà Lạt, trồng cao su ở Xe Pạ Nao xẻ

đường 8 Châu Trưng..., nuôi bò sữa và cừu của Lapharô, ong, tằm trên đất Bảo Lộc...

Vùng đất Lâm Đồng trên 1 triệu ha đất tự nhiên nhưng diện tích đất làm nông nghiệp mới chưa đầy 10%, xem như vùng đất chưa khai mở.

Lâm Đồng rất hân hạnh là một trong những tỉnh sau giải phóng 30/4/1975, được Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng chú ý chỉ đạo, cử đoàn phân vùng quy hoạch do đồng chí Chu Đạt làm trưởng đoàn, vào tổ chức khảo sát điều tra lập bản đồ thổ nhưỡng và phân vùng quy hoạch của Miền Bắc. Qua 4 năm nghiên cứu điều tra thực địa (năm 1976-1979) đoàn đã hoàn thành bộ bản đồ thực trạng tiềm năng đất đai thổ nhưỡng, khí hậu thời tiết, thực trạng tự nhiên kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là khá đầy đủ. Từ thực trạng tự nhiên kinh tế-xã hội hiện có, mà đoàn đã đánh giá tổng quát và đề xuất quy hoạch mục tiêu phương hướng phát triển cây trồng, con nuôi, tổ chức phân bổ lực lượng sản xuất và tổ chức sản xuất trên từng vùng là rất công phu, đầy đủ toàn diện... Tôi coi đây là một công trình khoa học đầu tiên ở tỉnh ta sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là nền tảng xác định chiến lược kinh tế-xã hội của một tỉnh phải tuân thủ, lưu giữ, có quá trình phát triển bổ sung hoàn chỉnh cơ bản và thực tế đặt ra.

Từ quy hoạch tổng thể được thông qua năm 1979, đến nay năm 2000 nhìn lại tổng thể và cụ thể,

thấy có nhiều thay đổi sau hơn 20 năm diễn ra trong thực tế. Tôi còn nhớ ngày ấy đoàn quy hoạch Trung ương đã xác định mảnh đất Lâm Đồng nhiều tiềm năng và đầy hứa hẹn mưa thuận gió hòa, mang khí hậu á nhiệt đới và có gần 260.000 ha đất bazan, có trên 50 vạn ha rừng tự nhiên, trên 40 triệu m3 gỗ quý hiếm, có 300 ngàn ha rừng nghèo cộng với tre nứa, có hàng trăm triệu tấn trữ lượng hiện có và nhiều loại lâm sản phong phú... Chính tài nguyên thiên nhiên trên rừng núi này đã giúp đảng bộ, các lực lượng vũ trang nhân dân và các dân tộc sống và chiến đấu 21 năm đánh thắng Mỹ và bè lũ tay sai trên đất Lâm Đồng, lập nhiều chiến công vẻ vang, trong đó có chiến công giải phóng Lâm Đồng-Thị xã Bảo Lộc ngày 28/3/1975 và giải phóng Tuyên Đức-Đà Lạt ngày 3/4/1975.

Đoàn phân vùng quy hoạch tổng quan của Trung ương về giúp quy hoạch phân vùng cho Lâm Đồng đầu tiên, đã phát hiện cơ bản thế mạnh của Lâm Đồng nêu trên. Đồng thời đoàn cũng đã làm rõ chỗ yếu của Lâm Đồng là đất núi, đồi bát úp, đất bằng ít, làm lương thực gặp nhiều khó khăn phải đầu tư lớn. Thế mạnh nông nghiệp là cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc.

Qua điều tra phân vùng lập địa, xác định các niên đại cấu trúc địa tầng trên vùng đất Lâm Đồng với mục tiêu chiến lược, cơ cấu nông lâm nghiệp cơ bản là chăn nuôi bò sữa, gắn phát triển đồng cỏ,

phát triển cây ngô và các loại rau đậu trên vùng đất phía Bắc Lâm Đồng từ Đức Trọng, Đơn Dương và 1 phần Di Linh. Phần Nam Di Linh-Bảo Lộc cũ (cả Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Bảo Lâm ngày nay) là cây công nghiệp chủ yếu là trà và chăn nuôi bò đàn, phát triển cây ăn quả. Về cây lương thực thực phẩm toàn tỉnh quy hoạch 50.000 ha. Tuy qua 20 năm rồi và đã có thiết chế bổ sung năm 1986. Nhưng thực tế diễn ra hơn 20 năm cũng cần xem xét lại từ đầu việc xác định cơ cấu cây trồng con nuôi trên đất Lâm Đồng, và quá trình phát triển dân cư phân bổ lao động, đúng sai thế nào trong vận động thực tế có bổ sung chặng đường đầu, chuyển qua thiên niên kỷ mới có tính khoa học hơn, đó là chuyện phải làm. Trong khi ghi chép đến đây, tôi nhớ lại lời anh Lê Thứ nguyên Chủ tịch UBND Tỉnh, lúc chủ trì cuộc họp cán bộ mở rộng của Uỷ ban thông qua quy hoạch phân vùng đầu tiên vào cuối năm 1979, sau khi nghe đoàn quy hoạch Bộ Nông nghiệp trình bày bản đồ phân vùng lúc đó với 9.932 km2 với dự kiến phát triển 1 triệu dân đến năm 2000 (lúc đó khoảng 450.000 người) giành đất lâm nghiệp 700.000 ha một trăm năm mươi ngàn ha đất nông nghiệp (lúc đó có 44.000 ha diện tích canh tác), giành 80.000 ha đất xây dựng giao thông, đất thổ cư và đất khác.

2/ Phân vùng cụ thể :

Đức Trọng, Đơn Dương là bò sữa, ngô, đậu, mía phục vụ phát triển thức ăn cho bò. Về tổ chức tất cả

là 13 nông trường chăn nuôi bò (nói Đức Trọng lúc đó là cả Lâm Hà và phần đất của Di Linh hồi đó nay cắt giao cho Đức trọng khi thành lập huyện Lâm Hà), Di Linh, Bảo Lộc cơ cấu cây trồng trong quy hoạch ban đầu chủ yếu là trà và bò thịt...

Đạ Huoai (nay là 3 huyện : Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên), chủ yếu phát triển cây ăn quả, lúa, ngô, mía.

Tổ chức quan hệ sản sản xuất lấy tổ chức nông trường làm nòng cốt, gắn với hệ thống vệ tinh, là tổ chức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Còn lại toàn bộ đất và rừng Lâm Đồng thành lập 10 lâm trường trực tiếp làm chủ 700.000 ha rừng và đất rừng, đứng ra tổ chức lao động dân tộc tại chỗ, trực tiếp làm công nhân, hợp đồng từng thời vụ, từng công đoạn sản xuất của lâm trường.

Phương thức sản xuất và quan hệ lưu thông phân phối theo cơ chế bao cấp, bao tiêu mà phần II đã nêu. Từ năm 1979 đến nay tròn 20 năm, nhìn lại quy hoạch được Hội đồng Bộ trưởng thông qua năm 1986 tại Thành phố HCM và quyết định quy hoạch có bổ sung năm 1989 trên phương hướng sản xuất, phân bổ lực lượng lao động cho cây trồng con nuôi đã có nhiều thay đổi trong cuộc sống thực tế.

Tôi còn nhớ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội ban đầu, xác định mục tiêu phát triển bò sữa, lấy địa

bàn Lâm Đồng là vùng chuyên canh lớn, Trung ương tập trung đầu tư toàn bộ đưa con giống từ Cu Ba (đàn giống ban đầu 255 con) từ Mỹ châu đưa sang, trong quy hoạch xác định phương án chế biến sản phẩm, thức ăn tinh, phục vụ phát triển đàn bò và sản phẩm làm hàng hóa từ sữa và thịt bò ... Đến nay phương án này không những không thực hiện được, nhưng thay thế nó bằng phát triển cây gì, con gì trên đất này, vấn đề còn phát triển bò sữa trên đất Lâm Đồng nữa không? Nguyên nhân vì sao không làm được là do đâu chẳng ai kết luận ? Tôi còn nhớ ngày thông qua quy hoạch bò sữa năm 1979, đồng chí Lê Thứ chủ trì cuộc họp, khi nghỉ giải lao, ra hành lang nói chơi với tôi rằng : "Theo quy hoạch tỉnh ta thế này thì Lâm Đồng không lâu là một trung tâm bò sữa và thịt bơ xúc xích, Lâm Đồng ta đến lúc nào đó không phải sữa để ăn nữa mà sữa có thể tắm cho người, phát triển chăn nuôi lợn sữa để xuất khẩu... An bơ uống sữa kiểu Phương Tây con người ta sẽ mập phệ khiến con người sẽ xấu đi chứ không gọn gàng như bây giờ đâu... Trước đây ta chửi bọn tay sai là đồ ăn bơ thừa sữa cặn, nay thì ta làm ra tha hồ mà ăn, không còn cảnh chia nhau trong khẩu phần trẻ em hàng tháng từng lon sữa, giành ưu tiên sữa cho bệnh viện, cho người già yếu đau bệnh..." Đây là chuyện trêu nhau ngoài lề hội nghị với đoàn quy hoạch, giờ đây sau 20 năm diễn biến, nghĩ lại câu nói chơi ấy của anh, là sự cảm giác cảm tính trong suy nghĩ ban

đầu của người có trách nhiệm cao của Đảng bộ và chính quyền Lâm Đồng, nói ra sự vui mừng xen lẫn lo lắng , nửa tin nửa ngờ công trình quy hoạch KTXH ban đầu của tỉnh.

Ở đây tôi không hề dụng ý phê phán đúng sai quá khứ của quy hoạch, bởi vì quy hoạch chỉ là định hướng, lại là quy hoạch ban đầu và quy hoạch tổng thể nên có đúng có sai. Còn có thực hiện tốt quy hoạch hay không còn mang nhiều yếu tố và điều kiện cụ thể, trong đó có tổ chức lực lượng sản xuất và quản lý cả vĩ mô, vi mô và bộ máy cán bộ trực tiếp điều hành, phương thức bước đi trong quá trình đầu tư... là cả một cuộc hội lực mới tạo ra... chứ đổ cho quy hoạch không đúng là chưa phải, bởi vì có lý do nào để chứng minh rằng : Lâm Đồng không phát triển được bò sữa mà Củ Chi–Hóc Môn lại phát triển tốt là thế nào ? Chưa có lời giải đáp chính xác thì chưa vội kết luận, nên cứ dừng lại tiếp tục suy nghĩ sâu thêm.

3/ Thực tế qua 24 năm thực hiện kinh tế xã hội đã diễn ra trên đất Lâm Đồng:

Nếu nói tính nguyên tắc pháp lý, thì mỗi khi quy hoạch định hướng một địa phương, được Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ phê duyệt, thì cơ quan quản lý có trách nhiệm tác nghiệp điều hành, phải tuân thủ tác động thực hành đúng hướng. Vậy thì trên địa bàn Lâm Đồng có 3 hướng sản xuất lớn được xác định thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đó là

phát triển lâm nghiệp hình thành công nông lâm nghiệp, hai là bò sữa như trên đã nêu, ba là công nghiệp dâu tằm tơ... Trong 3 ngành này được xác định là thế mạnh cơ bản của Lâm Đồng. Còn trà thì là cây có truyền thống nhưng trong quy hoạch đưa xuống vị trí thứ yếu, cây cà phê lúc đầu không có trong quy hoạch đến 1979-1985, mới bổ sung trong thực tế, nhưng cũng nặng ở vùng Di Linh, Bảo Lộc, còn vùng bò sữa không phát triển nổi, nhưng thay nó bằng cây gì con gì, chưa thấy bổ sung thay thế quy hoạch ban đầu.

Hiện nay, qua vận động sản xuất 24 năm, con số nổi lên là : cây cà phê lại là cây đi đầu, có đến 88.600 ha mà năm 1979 có 1700 ha già cỗi, nay cây trà gần 24.000 ha trên cơ sở 6.000 ha năm 1979, cây dâu có lúc lên đến 19.000 ha, nhưng nay còn 4.000 ha, trước ở vị trí xuất phát chưa đầy 300 ha 1979. Cây điều có gần 8.000 ha, trước năm 1979 chưa có và trong quy hoạch không có. Mục tiêu bò sữa đặc biệt phát triển, có lúc mệnh danh là thủ phủ, thiên đường bò sữa, trung tâm bò giống có lúc lên gần 1000 con, nhưng nay thì bao nhiêu chưa thấy trong thống kê nêu. Còn dâu tằm được mệnh danh là thủ đô nhưng nay đã trở thành cố đôcó phải không ?.... Thế là sao, chưa ai kết luận nguyên nhân của nó ? Tôi nêu lên một vài tư liệu trên để chúng ta cùng suy nghĩ rút ra những bài học cho thiên niên kỷ mới, có hướng phát triển thế nào trên đất Lâm Đồng đúng với thế mạnh

của nó trong bước đường công nghiệp hóa. Còn lâm nghiệp thì được xác định thế mạnh tuyệt đối, vốn sẵn có 40 triệu m3 gỗ tự nhiên tổ tiên lưu lại, nay lại có kết luận trữ lượng đã phát triển đến 46 hay 50 triệu m3 gỗ trữ lượng của rừng, và có thêm 30.000 ha rừng trồng mới tới tuổi 10 đến 20 năm lượng cây dày đặc cần xử lý gấp để tạo môi trường phát triển sinh trưởng, trong khi đó thì diện tích đất trống đồi trọc ngày nay lại tăng lên, 1979 có 90.000 ha nay lên trên 200.000 ha, chưa nói đã có 100.000 ha đất trống đồi trọc đã đưa vào phát triển cây công nghiệp dài ngày trà, cà phê, thế là thế nào, mà lại còn đến 210.000 ha đất trống đồi núi trọc, đây là con số đáng lưu ý của ngành lâm nghiệp tỉnh ta. Vấn đề thứ hai là mục tiêu công nghiệp hóa lâm nghiệp, sau 25 năm đến nay nhìn lại, phải kết luận thế nào cho đúng : từ 3 công ty khai thác chế biến nay còn 1 công ty, đương dở sống dở chết. Từ 8 nhà máy cưa xẻ gỗ và hàng trăm phương tiện xe máy khai thác vận chuyển, chế biến tiêu thụ trong và ngoài nước, không thua kém hơn một tỉnh nào, thì nay lại chẳng thấy gì là thế mạnh trên con đường công nghiệp hóa lâm nghiệp ... đây là điều phải suy nghĩ...?

Hiện nay mô hình kinh tế nông lâm nghiệp chuyên canh xác định một cây một con trước đây (phía Đông Bắc của tỉnh là bò sữa, phía Tây Nam của tỉnh là chè, tính chất bao trùm của miền núi là rừng 70%, thì nay sau 20 năm lại xuất hiện một tập đoàn

cây trồng, luôn luôn có mặt và cùng liên kết hỗ trợ lẫn nhau, đó là trà, cà phê, dâu tằm, điều và cây ăn quả. Riêng Đà Lạt tính chất rau hoa chưa có gì thay thế rõ.

Tôi cho tập đoàn cây công nghiệp dài ngày phát triển trên đất Lâm Đồng trong thực tế hiện nay là phù hợp của cấu trúc môi trường môi sinh miền núi. Trừ cây dâu cần nghiên cứu phát triển xen canh trên đất dốc, dâu bụi và phát triển nơi đất bằng ven suối để chống xói mòn, vì cây dâu độc lập tự nó độ tán che phủ không đáng kể. Nên phát triển mạnh cây ăn quả đa dạng trên địa bàn Lâm Đồng để thay thế cây rừng và thay thế diện tích tre nứa không liên vùng lớn nên nghiên cứu thay thế cây khác cho phù hợp và giá trị kinh tế cao cần phải tính. Nói thế tức là qua gần một phần tư thế kỷ, mò mẫm phát triển tập đoàn cây công nghiệp dài ngày ở Lâm Đồng cơ bản là đúng, chẳng ai có ý kiến ngược lại cuộc sống thực tế của quần chúng. Nhưng cây nào là cây mũi nhọn, ngành nào là ngành xung kích trên địa bàn Lâm Đồng thì còn lắm ý kiến khác nhau. Vậy thì xác định thế nào là có tính khoa học cần tiếp tục suy nghĩ, giúp tập thể chỉ đạo của Đảng bộ kết luận.

Theo tôi để kết luận một vấn đề về kinh tế phải xem xét toàn diện cả môi trường sống bền vững có hiệu quả kinh tế chính trị xã hội quốc phòng, phải có thực tế thông qua nhiều năm, có hiệu quả kinh tế chính trị xã hội, thì mới có tính thuyết phục vững

chắc của một công trình, một mô hình trên một địa bàn rộng lớn có tính xã hội... Từ ý kiến nêu trên tôi xin mạnh dạn phát hiện ban đầu trong tập đoàn cây công nghiệp dài ngày ở tỉnh ta, cây mũi nhọn là cây cà phê, còn tập đoàn con thì con tằm là đi đầu song song với đàn gia súc. Ngành kinh tế xung kích là công nghiệp chế biến nông lâm nghiệp dịch vụ du lịch nằm trong hệ công nghiệp không khói như nhiều nhà khoa học đã phân tích.

Việc phấn đấu thống nhất một cơ cấu cây trồng con nuôi, theo hướng công nghiệp hóa trên một địa bàn lãnh thổ ở miền núi là cả một quá trình. Tôi xin ghi lại quá trình phấn đấu trăn trở đưa cây cà phê từ vị trí thí nghiệm, mà hiện nay đã lên ngôi đầu bảng là cả một quá trình không đơn giản một chút nào : năm 1979 về trước thì cây cà phê là cây trồng phụ trong các đồn điền trà của Pháp, mỗi đồn điền có vài chục hecta để giải quyết lao động có việc làm trong mùa khô, khi cây trà không còn đọt. Toàn tỉnh theo thống kê năm 1979, trên danh nghĩa có 1700 ha (trong lúc trà có 6000 ha), hàng năm thu vài ba trăm tấn nhân giao nộp theo mặt hàng xuất khẩu cho Bộ ngoại thương, giá trị kinh tế không đáng kể.

Đột nhiên những năm 1979-1982 thị trường cà phê thế giới khan hiếm, các nước xã hội chủ nghĩa đặc biệt là Liên bang Xô Viết và Đông Đức có yêu cầu lớn, giá cà phê Ru pút ta có lúc lên đến 2500 đến 3500 USD 1 tấn. Từ thực tế đó mà Bộ ngoại thương

lúc bấy giờ có đ/c Tu - Thứ trưởng đại diện của Bộ, phụ trách phía Nam bàn với UBND Tỉnh (lúc đó tôi là Phó chủ tịch phụ trách lưu thông phân phối) thay mặt Uỷ ban, bàn lập khế ước vay ngoại tệ để đầu tư phát triển cà phê, và chủ trương này được đ/c Bộ trưởng ngoại thương Lê Khắc lúc bấy giờ chấp thuận và có thông báo giao cho đ/c Trọng giám đốc Na fô ri mét cho vay bằng giá trị rúp đô la là 3 triệu đồng, đầu tư phân bón xăng dầu, máy móc thiết bị và thuốc trừ sâu để đầu tư cho nhân dân phát triển cà phê. Lúc đó anh Lê Thứ - giao tôi chịu trách nhiệm trực tiếp làm chủ phương án, đứng ra vay vốn của TW (Bộ Ngoại thương) bằng giá trị hiện vật để tổ chức đầu tư cho dân, thông qua Công ty Ngoại thương do đ/c Lê Vĩnh Giao làm chủ đầu tư, trực tiếp ký hợp đồng với Công ty Cà phê mới thành lập của tỉnh, theo chính sách hợp đồng đầu tư ứng trước thời kỳ XDCB, 1 năm trồng 3 năm chăm sóc, bắt đầu thời kỳ kinh doanh bán lại sản phẩm trừ giá trị ngoại tệ hàng năm, sáu năm trả nợ xong bằng giá trị vật tư hàng hóa lương thực ứng của 4 năm về trước... Sự việc chỉ có vậy thôi, nhưng nó sinh ra ở thời kỳ bao cấp nên việc làm thủ tục xin vay vốn bằng nhận vật tư hàng hóa mang về để đầu tư cho Công ty cà phê, qua Công ty cà phê đầu tư trực tiếp cho dân thật vô cùng rắc rối.

Khi tranh thủ ký hợp đồng được Bộ Ngoại thương thông báo cho đồng chí giám đốc Na fê ri mét cho

vay bằng giá trị ngoại tệ đã là vấn đề khó khăn. Nhưng khi ký hợp đồng xong có vốn, vật tư trong tay nhưng nguyên tắc đầu tư và đối tượng đầu tư, phương thức vay trả thế nào, mà không qua ngân hàng thì ai là chủ đầu tư cho vay, và ai chủ dự án để trả... quốc doanh hay hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, hay cho hộ nông dân, lúc ấy hộ nông dân chưa có pháp nhân đứng ra hợp đồng vay vật tư dài hạn, trả sản phẩm bắt đầu năm thứ 5 và chấm dứt thanh lý cho từng hộ sau 10 năm bằng giá trị ngoại tệ trong hợp đồng vay bằng giá trị trả 2 lần và 2 loại tiền, tiền đồng trả ngay, trên giá trị vật tư thực tế đã nhận, thì phải trả ngay bằng giá trị mua tiền đồng theo giá ổn định trong hợp đồng, nhưng đến chu kỳ kinh doanh phải bán sản phẩm lại cho đủ sản lượng bằng giá trị ổn định trả trực tiếp bằng tiền đồng và đủ số lượng đô la đã vay, nhưng lại ngoài chỉ tiêu pháp lệnh của nhà nước thống nhất quản lý... Đây là quan điểm nguyên tắc thỏa thuận giữa tỉnh và Bộ bỏ vốn đầu tư hoàn toàn mới. Những năm 1980-1981 tất cả kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế đều có một chính sách chung là thông báo kế hoạch cấp vốn và vật tư hàng năm kèm theo chỉ tiêu giao nạp sản phẩm, mà đối tượng chủ yếu là đầu tư cho các đơn vị quốc doanh và tập thể, còn đối với tư nhân hay nói cách khác là nhân dân nói chung không nằm trong tổ chức nhà nước trực tiếp quản lý, là không có tiêu chuẩn đầu tư đồng bộ lâu dài, có tính chất chiến lược để giúp cho cây cà

phê phát triển sau 10 năm mới trả xong giá trị ngoại tệ, là hoàn toàn không có tiền lệ. Nên khi ký xong hợp đồng là gặp ngay rắc rối tưởng chừng phải hủy bỏ.

Bởi vấn đề phức tạp rắc rối trong cơ chế bao cấp nói trên, nên ngay sau khi ký hợp đồng, anh Tu chỉ đạo Na fô ri mét cùng Công ty xuất nhập khẩu Lâm Đồng, ký kết cụ thể gởi lên Bộ báo cáo xin chuẩn y, thì đồng chí Bộ trưởng chỉ phê duyệt với nội dung là : Bộ cho Lâm Đồng vay bằng giá trị, còn việc nhận hàng thì thực hiện vay vốn bằng tiền Việt Nam mua bán thanh toán sòng phẳng giá nhà nước ổn định, khi đã trả sản phẩm, Bộ cũng sẽ trả lại theo giá hợp đồng và bằng giá trị đô la với số lượng đã vay ghi trong hợp đồng. Đây là vấn đề vô cùng lắt léo, nhưng dù sao tỉnh cũng có thêm một số vật tư nhiên liệu phân bón để đầu tư cho dân ngoài kế hoạch pháp lệnh, phục vụ chương trình phát triển cây cà phê của tỉnh, thoát khỏi vòng luẩn quẩn ngồi chờ chương trình phát triển của Trung ương đầu tư quy hoạch bò sữa, hơn 7 năm giẫm chân tại chỗ không nhích lên được.

Trước tình hình, tuy có phức tạp, nhưng Tỉnh ủy và UBND tỉnh cũng thống nhất vay vật tư của Bộ Ngoại thương, bằng giá trị 3 triệu rúp đô la, để đầu tư phát triển cây cà phê, là tiền đề vật chất phát triển cây công nghiệp dài ngày, đạ dạng hóa sản

phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh ta và việc phát triển cây cà phê bắt đầu 1983 trở đi.

Nhưng sự việc cũng không phải chỉ có vậy, diễn ra còn phức tạp rắc rối ngay trong nội bộ sự lãnh đạo và chỉ đạo của tỉnh, chẳng đơn giản một chút nào. Tôi kể lại một chuyện nhỏ trở nên phức tạp. Tất cả từ việc nhỏ đến việc lớn, lúc khởi đầu đều có khó khăn.

Những kinh nghiệm khi gặp khó khăn phải kiên trì vượt khó, và phải có đủ tư liệu thực tế để chứng minh đúng sai mới thuyết phục được tập thể. Việc gì muốn, dù việc ấy triển vọng đem lại lợi ích chung, nhưng chưa thuyết phục được nội bộ thống nhất, thì dù việc ấy có hay ho đến đâu, cũng sẽ gặp mắc mớ không lường, và đã đến thắng lợi rồi, nhưng cũng có những trục trặc không sao lường hết trên chặng đường đi tới.

Tôi nhớ sau khi thực thi hợp đồng đầu tư giữa tỉnh và Bộ Ngoại thương, thông qua Tổng Công ty Na fô ri mét và Công ty Ngoại thương tỉnh. Uỷ ban nhân dân lập phương án triển khai, trình Thường vụ Tỉnh ủy thông qua, lại một lần nữa trở ngại không nhỏ. Lúc bấy giờ đồng chí chủ tịch Lê Thứ nghỉ, đồng chí Trung Tín từ Nghĩa Bình, Trung ương điều vào Lâm Đồng là địa bàn mới chưa am hiểu nhân tình thế thái, đất đai và con người Lâm Đồng, thay đồng chí Thứ làm chủ tịch.Trong khi đó thì Ban kinh tế Đảng

cơ quan tham mưu chiến lược kinh tế của Tỉnh ủy, lại nêu vấn đề nên tập trung vốn vay 3 triệu ngoại tệ của Bộ Ngoại thương đầu tư cho hệ thống doanh nghiệp để đến chu kỳ hoàn vốn bằng giá trị ngoại tệ cho TW... Nếu đầu tư cho hộ nông dân thì việc đảm bảo hoàn vốn cho Bộ Ngoại thương theo cam kết của Tỉnh là khó. Vấn đề này được nêu lên trong hội nghị Tỉnh ủy lúc bấy giờ, cũng không dễ giải đáp đúng mức, để thuyết phục tập thể thống nhất đầu tư cho nhân dân.

Trong khi đó thì đồng chí chủ tịch mới, người quyết định đứng đầu của UBND tỉnh lại đặt ngay các vấn đề cần phải nghiên cứu trình bày làm cho rõ trước Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực UBND, xem xét để có quyết định cuối cùng. Mấy vấn đề của đồng chí chủ tịch đặt ra là :

1/ Đất đai khí hậu Lâm Đồng có thích hợp trồng được cây cà phê không? Nếu thích hợp sao lại không được định hướng trong quy hoạch tổng thể, bố trí cơ cấu cây trồng để Trung ương duyệt ? Thời thực dân Pháp thống trị, trên đất Lâm Đồng phát triển cây trà mà không phát triển cà phê nhiều ở đây, mà cà phê chúng phát triển chủ yếu địa bàn Ban Mê Thuột... Sau này Nhật sang mới thí nghiệm cây dâu cũng chưa kết luận... Nay ta muốn phát triển cà phê thì nên cho nghiên cứu thổ nhưỡng và làm thí nghiệm ngay từ đầu, không nên đơn giản, đầu tư phát triển

cho nhân dân nếu gặp khó khăn thất bại, làm sao họ hoàn vốn cho nhà nước.

Tình hình như vậy nên phải dừng lại năm 1981-1982, vì ý kiến các đồng chí chỉ đạo chủ chốt chưa thống nhất duyệt phương án, và nêu những ý kiến chỉ đạo nói trên để cảnh báo là có lý, phải thận trọng. Nhưng thực tế vật tư xăng dầu, phân bón đã bắt đầu nhận về phải phải đem bán thu lại vốn gửi phần chênh lệch giá giành trong ngân sách để chuẩn bị đầu tư là điều vô cùng phức tạp. Mặc dù trong hội nghị Tỉnh ủy, có một số đồng chí biết rõ đất Lâm Đồng trồng cà phê là tốt, chứng minh cà phê Mác phen, Bu bê, Tư quý, Trang Bia... nhưng nếu theo ý của Ban kinh tế, đưa vào đầu tư cho nông trường quốc doanh, thì lại không đúng với nội dung đã quy định trong hợp đồng, là phát triển cà phê nhân dân...

Hơn nữa lúc bấy giờ kế hoạch chính sách đầu tư cho nhân dân thì chưa hoàn chỉnh phương án được duyệt, thật là lúng túng.

Trong khi đó chủ trương cho bán vật tư, lấy chênh lệch giá nạp vào ngân sách, thì sau này đến hạn trả giá trị sản phẩm thì ai chịu trách nhiệm ?

Trước tình hình đó, một mặt chúng tôi đi tìm hiểu để báo cáo trước Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề mà đồng chí chủ tịch mới nêu lên. Một mặt chỉ đạo viết phương án và chính sách đầu tư cà phê nhân dân, có tính pháp lý làm cơ sở đầu tư. Tôi trực tiếp

gặp một số cơ sở công nhân, cai ký các đồn điền của Pháp và một số già làng người dân tộc, sống lâu năm có quan hệ với Pháp như ở Minh Rồng, Su Nhê, Bu Bê, Song Hồ... Tất cả đều nói lên một thực tế là : số tư bản Pháp làm đồn điền trên đất Lâm Đồng, là những tên tư sản nhỏ, vốn liếng ít, nên nó nặng đầu tư cây trà là dễ sống hơn cây cà phê. Vì cây trà sau khi hết thời gian đầu tư xây dựng cơ bản, đến thời kỳ kinh doanh thì hàng tuần thường xuyên có thu hái chế biến, đem bán thẳng thị trường trong nước, lấy tiền trả lương cho công nhân và tái đầu tư phát triển thâm canh cây trồng. Còn đầu tư phát triển cây cà phê trên địa bàn Lâm Đồng là nơi đồi úp nón, độ dốc cao, chi phí xây dựng cơ bản ban đầu tốn kém cao hơn Ban Mê, còn khi chuyển sang giai đoạn kinh doanh lại tiếp tục đầu tư đảm bảo kỹ thuật phức tạp và chu kỳ cho sản phẩm đến 12 tháng trong năm, khi tập trung một lần thu hái với sản phẩm ấy phải thông qua con đường xuất khẩu mới có vốn trả nợ ngân hàng và trả lương công nhân. Khi vay để đầu tư trong năm chịu lãi suất cao, nên những tên tư sản nhỏ thiếu vốn phải vay đều bị thua lỗ. Đó là nguyên nhân chủ yếu cây cà phê không phát triển lớn trên đất Lâm Đồng, chứ không phải do đất đai khí hậu không phù hợp. Có một số cai ký cả người Kinh và người dân tộc như cai Tốt, Xu Tiên, Cai Gen, Xu Thắng... còn có ý kiến cho rằng : các chủ tư bản Pháp ở Lâm Đồng nghèo không đủ sức đầu tư, chứ đất Lâm

Đồng không những cây cà phê thích hợp mà còn có ưu thế về khí hậu, ít khô hơn Daklak. Lâm Đồng có độ cao thuộc cao nguyên Di Linh-Đức Trọng cao 800 đến 1000m so với mặt biển, Đà Lạt cao 1500m cho phép trồng cà phê Arabica (cà phê chè) hoặc trồng Ru pút ta (vối) có chất lượng cao hơn nhiều nơi ở nước ta. Daklak 6 tháng mùa nắng không tưới thì nhiều vườn cà phê sẽ chết, còn Lâm Đồng mùa nắng không tưới chỉ cho sản phẩm thấp, chứ không chết và nắng gắt từ 3-4 tháng/năm mà thôi. Đó là ưu thế, khuyên cách mạng nên phát triển cây cà phê.

Trong quá trình trao đổi với dân, nhiều người khuyên tỉnh nên phát triển nhiều cây, tạo ra nhiều sản phẩm trên một địa bàn mới khai phá này, để khỏi bị động thị trường giá cả từng lúc và giải quyết công ăn việc làm, giải quyết cuộc sống và sinh hoạt của nhân dân, không nên đi vào độc canh một cây một con, khi có biến động trên thị trường, dẫn tới bế tắc, nhất là trên miền núi... Vị trí cây trà là nuôi con nhà nghèo, chu kỳ hàng tuần thu hái bán ra giải quyết cuộc sống hàng ngày. Cây dâu là sản phẩm bổ sung, giữa cây chè và cây cà phê là sản phẩm giải quyết cuộc sống cơ bản trong gia đình hàng tháng. Còn cây cà phê là sản phẩm chiến lược, một năm thu hái một lần, nó có vị trí tạo vốn tích lũy vững chắc và sản phẩm cà phê có thể lưu kho vài ba năm nếu thời kỳ giá xuống thấp, chưa bán được cũng không sao...

Ý kiến các ông già làng và cai ký còn nói vui : ông cha ta đã dặn "một cây làm chẳng nên non, 3 cây chụm lại nên hòn núi cao". Kinh nghiệm thực tế trên một mảnh vườn cũng phải có vài 3 cây khác nhau, cho nhiều sản phẩm từng mùa khác nhau, để thường xuyên có thu thì mới giải quyết chủ động cho cuộc sống, làm thế mới đúng Nghị quyết của Đảng, lấy ngắn nuôi dài, mới đúng... Những nơi không trồng được cây cà phê như vùng Đạ Huoai, Đạ teh, Cát Tiên (trước là vùng 3 Đạ Huoai) thì trồng cây ăn quả, trồng dâu nuôi tằm, trồng mía trồng tiêu trên vùng đất đồi, không làm lúa được. Còn Đà Lạt, Lạc Dương , Đức Trọng, Đơn Dương thì phát triển theo truyền thống rau hoa và hồng, mận, cây ăn trái, trong lúc chưa có vốn phát triển được bò sữa. Riêng Đà Lạt cố gắng phát triển cà phê Arabica sẽ cho năng suất và chất lượng cao, Pháp đã có kết luận, ta cần nghiên cứu tài liệu lưu trữ của nó... Qua ý kiến của dân nói trên đã làm rõ, làm cơ sở đến năm 1986 trong quy hoạch kinh tế-xã hội tỉnh ta đã được bổ sung phương hướng sản xuất nông nghiệp, xác định cây công nghiệp dài ngày có 3 cây chủ yếu (trà, cà phê, dâu tằm). Từ đó cây cà phê bắt đầu lên ngôi, trên đất Lâm Đồng chúng ta. Đến nay sản phẩm cà phê là cây đứng đầu ở tỉnh đứng vị trí thứ hai trong cả nước sau Daklak.

Sau khi khảo sát thực tế, Sở Nông lâm nghiệp đã hình thành bản tường trình, báo cáo trước Thường vụ

Tỉnh ủy và Thường trực Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất bổ sung trong quy hoạch tỉnh ta cả cây cà phê và cây dâu ngay cuối năm 1982.

Trong cuộc họp ấy cũng được chấp nhận cây dâu để Công ty dâu tằm tơ Trung ương đóng ở Bảo Lộc trực tiếp làm chủ đầu tư. Riêng cây cà phê, quá trình phát triển phải thận trọng, giao UBND tỉnh, vừa làm vừa tiếp tục đầu tư thí điểm một số mô hình và phải có quy định rõ chính sách đầu tư cho nhân dân, phải có biện pháp thu hồi để trả lại giá trị ngoại tệ đã đầu tư theo hợp đồng, vì cây cà phê đòi hỏi kĩ thuật nghiêm túc và vốn đầu tư thâm canh cao mà ta chưa đủ vốn và ta chưa có kinh nghiệm.

Tuy phải thận trọng nhưng Thường vụ đã quyết định giao cho UBND tỉnh triển khai phát triển từng bước là một thuận lợi lớn để triển khai thực hiện phát triển cà phê nhân dân mà tỉnh đã ký hợp đồng vay vốn của Bộ ngoại thương đang bị bế tắc.

Gỡ xong bế tắc trong công tác chỉ đạo điều hành, nhưng khi triển khai ra quần chúng lại bị kẹt trong phương thức đầu tư, nếu đầu tư kế hoạch cho đơn vị quốc doanh và tập thể thì đã có nguyên tắc tổ chức pháp nhân, pháp lý cho phép. Còn diện đầu tư cho nhân dân lại chưa có quy định nào cả ! Chưa có quy định của HĐBT cho phép lúc bấy giờ. Trước tình hình đó, chúng tôi chủ trương lấy danh nghĩa UBND tỉnh,

căn cứ vào nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ra chỉ thị quy định cụ thể mục đích yêu cầu tiêu chuẩn đầu tư cho nhân dân, lập vườn hộ cà phê và quy định thời gian phương thức hoàn vốn và trả đủ chỉ tiêu giá trị vay ngoại tệ cho Bộ ngoại thương, thông qua Na fô ri mét và Công ty xuất khẩu Lâm Đồng chịu trách nhiệm trước Bộ và UBND tỉnh. Lúc đầu tập trung đầu tư làm thí điểm trong đồng bào dân tộc ở Tân Châu, Gung Ré, Tân Thượng, Đinh Lạc, Di Linh sau đó làm toàn tỉnh theo nội dung chỉ thị 21 của UBND tỉnh ra ngày 18/4/1984 là văn bản pháp lý đầu tiên phát triển cà phê nhân dân trên đất Lâm Đồng.

Xin phép đăng lại Chỉ thị 21 để tham khảo ý kiến chỉ đạo lúc bấy giờ.

4/ Chỉ thị của UBND tỉnh Lâm Đồng (số 21/CT-UB ngày 18/4/1984) : "Chăm sóc cây cà phê trồng năm 1983 và công tác trồng mới cây cà phê năm 1984"

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ III của Ban chấp hành TW Đảng khóa V và Nghị quyết đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ lần thứ III phần nói về cây công nghiệp dài ngày.

Năm 1983, UBND tỉnh đã ra Chỉ thị 15/CT-UB ngày 18/4/1983 và Thông báo số 67/TB-UB ngày 14/5/1983 "việc khẩn trương chuẩn bị đầu tư trồng

trà, cà phê năm 1983", kết quả năm 1983 trồng mới cây cà phê được hơn 1000 ha.

Để chăm sóc cây cà phê trồng năm 1983 và triển khai công tác trồng mới cây cà phê năm 1984 đạt yêu cầu", năng suất, chất lượng , hiệu quả". UBND tỉnh chỉ thị như sau :

I/ Định suất đầu tư : để tổ chức trồng mới, thâm canh được ngay trong thời kỳ XDCB vườn cây cà phê (năm trồng và 3 năm chăm sóc) thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, UBND tỉnh quy định định suất đầu tư hỗ trợ : vốn, vật tư cho năm trồng và 2 năm chăm sóc thu bói, các cơ sở trồng mới dùng sản phẩm này bán theo hình thức đối lưu cho Nhà nước để mua lương thực, vật tư phân bón, tự túc chăm sóc và đời sống.

Định suất đầu tư : cho đơn vị ha, và lấy cây cà phê vối (Robusta) kích thước khoảng cách cây trồng 3 x 2,5m, mật độ bằng 1.333 hố/ha làm chuẩn để tính:

1/ Cày đất : định mức cho 1 ha canh tác cày 3 lần, bừa 3,8 lần theo đơn giá nhà nước quy định cho ha tiêu chuẩn, đầu tư đủ theo hợp đồng làm đất, kể cả phân nhiên liệu, đầu tư cho năm trồng.

2/ Cây con giống :

-Giống cây cà phê : số cây giống đầu tư trồng đơn (mỗi hố 1 cây) 1.600 cây/ha trong đó có 20% số cây dự trữ trồng dặm, các cơ sở trồng kép (mỗi hố 2 cây)

đầu tư 2.700 cây/ha. Đơn giá 1 cây giống từ 2,5 đ trên cây đến tối đa 3,5 đ/cây kể cả chi phí vận chuyển đến bờ lô địa điểm trồng.

-Giống cây che bóng : kích thước khoảng cách cây trồng 6x5m, mật độ 333 hố/ha, số giống cây che bóng, đầu tư 400 cây/ha, trong đó có 20 % cây dặm dự trữ trong đơn giá tạm tính từ 2 đ/cây – 2,5 đ/cây kể cả chi phí vận chuyển đến bờ lô địa điểm trồng. Nhiên liệu vận chuyển cây con Nhà nước phân phối theo dự trù.

Các loại cây giống đều đầu tư trong năm trồng.

3/ Phân đạm quy SA : định suất 2000 kg/ha, đơn giá 4 đ/kg, chia ra 3 năm : năm trồng 250 kg/ha, năm chăm sóc thứ nhất = 750 kg/ha, năm chăm sóc thứ 2 = 1000 kg/ha.

4/ Phân lân : định suất 1.000 kg/ha, đơn giá 3 đ/kg chia cho 3 năm : năm trồng 250 kg/ha, năm chăm sóc thứ 1 = 350 kg/ha, năm chăm sóc thứ 2 = 400 kg/ha.

5/ Phân Kali : định suất 1000 kg/ha, đơn giá 3 đ/kg chia cho 3 năm : năm trồng 250 kg/ha, năm chăm sóc thứ 1 = 350 kg/ha, năm chăm sóc thứ 2 = 400 kg/ha.

6/ Vôi nung : định suất 500 kg/ha, đơn giá tạm tính 3 đ/kg tập trung bón 1 lần khi chuẩn bị đất đào

hố hoặc chia ra 2 năm : năm trồng 250 kg/ha, năm chăm sóc thứ 1 = 250 kg/ha.

7/ Phân hữu cơ : định suất đầu tư 10.000 kg/ha, đơn giá do UBND huyện duyệt cho từng địa bàn cụ thể. Định suất đầu tư này giao cho các cơ sở trồng mới : tổ chức thu mua, chế biến phân hoặc cắt lá ủ phân xanh. Yêu cầu các loại để làm phân hữu cơ, quy thành phân huoai, tối thiểu 10 tấn/ha, chia ra 2 năm: năm trồng mỗi hố tối thiểu bón 1 kg trên hố, phân phocori và dùng lá ép xanh từ 10 kg/hố-15 kg/hố. Số vốn đầu tư phân hữu cơ đã chi cho năm trồng còn lại, tiến hành thu mua phân, làm phân hoặc lấy lá ép xanh cho hết số vốn định suất. Trường hợp cần cơ giới vận chuyển Nhà nước phân phối chỉ tiêu nhiên liệu theo dự trù.

8/ Thuốc trừ sâu : dự trù đầu tư 3.000 kg/ha, gồm có :

-Thuốc xử lý đất khi trồng để diệt sâu, dế, mối, kiến...

-Thuốc diệt rầy, bọ xít, đáp ứng đủ, kịp thời kể cả diệt và phòng khi vườn cây xuất hiện sâu bệnh.

9/ Gạo ăn : định suất đầu tư 1.836 kg/ha, đơn giá 11 đ/kg (tính định lượng : 1 lao động chính ăn 21 kg/tháng, 2 ăn theo bình quân 15 kg/tháng, cộng mỗi tháng bán 51 kg), định suất này đầu tư cho kinh tế tập thể, cơ sở nào cân đối đủ lương thực, Nhà nước sẽ

bán phân vô cơ để thâm canh cây lương thực, theo tỷ lệ tương ứng. Kinh tế quốc doanh cung cấp theo yêu cầu và chế độ hiện hành. Riêng kinh tế gia đình ngoài vườn, định suất tối đa 1.836 kg/ha, trường hợp khâu ăn theo ít, sẽ rút bớt định suất gạo theo tỷ lệ tương ứng.

Số gạo theo định suất đầu tư sẽ phân phối cho các cơ sở từng tháng theo đúng dự trù kế hoạch định lượng.

Tổng giá trị đầu tư trồng cà phê với khoáng 60.000 đ/ha, cà phê chè khoảng 72.000 đ/ha, cà phê mít khoảng 40.000 đ/ha.

10/ Vải mặc : Nhà nước bán hỗ trợ theo giá bán lẻ 30m/ha. Chia ra 3 năm : năm trồng và 2 năm chăm sóc mỗi năm 10 mét/ha.

Cây cà phê chè (Arabica) kích thước khoảng cách cây trồng 2,5 x 2 m, mật độ 2.000 hố/ha. Số cây giống đầu tư 2.400 cây/ha, trong đó có 20% số cây dự trữ trồng dặm.

Cây cà phê mít (Chari) kích thước khoảng cách cây trồng 3x4m mật độ 833 hố/ha. Số cây giống đầu tư 920 cây/ha trong đó có 20% số cây dự trữ trồng dặm.

Do mật độ cây cà phê chè dày hơn so với mật độ cây cà phê vối (tăng 50%, mật độ cây cà phê mít thưa hơn so với mật độ cây cà phê vối (giảm 37%) nên các

định suất đầu tư : phân đạm, lân, kali, vôi nung, phân hữu cơ, thuốc trừ sâu được tăng hoặc giảm theo định suất so với vốn đầu tư cây cà phê vối theo tỷ lệ thuận.

II/ Phương thức đầu tư :

1/ Định suất đầu tư nói ở phần I được áp dụng chung cho các đối tượng : kinh tế vườn dân tộc, kinh tế tập thể (HTX, TĐSX, tổ đoàn kết sản xuất) ; kinh tế gia đình ngoài vườn (những vùng đất thuộc quy hoạch nằm trong hướng vùng phát triển cây cà phê hoặc những lô lẻ, đất đang hoang hóa có khả năng khai thác trồng cà phê, hiện chưa được khai thác nay có 1 số hộ tình nguyện khai thác để trồng cây cà phê, được UBND xã chấp thuận và được UBND Huyện quyết định giao đất để cho hộ gia đình trồng, gọi kinh tế gia đình ngoài vườn).

Phần kinh tế quốc doanh dân tộc nói chung đều phải lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, trình duyệt để nhận sự đầu tư của Nhà nước. Trước mắt để kịp thời vụ trồng mới năm 1984, UBND Tỉnh cho phép UBND các huyện và thành phố phối hợp với Công ty cà phê soát xét từng địa bàn cụ thể, nếu đủ điều kiện lập nông trường quốc doanh, thì được tổ chức đầu tư theo định suất quy định ở mục I, các thủ tục khác sẽ triển khai làm tiếp.

2/ UBND Tỉnh giao nhiệm vụ cho Công ty cà phê thuộc Sở Nông nghiệp chịu trách nhiệm quản lý kỹ

thuật, XDCB vườn cây cà phê và được dự trữ 20% phân vô cơ ngoài định suất để tác nghiệp kỹ thuật (trong thực tế các vườn cây có sự phát triển không đều, UBND Tỉnh cho phép công ty cà phê lập dự trù ngoài chỉ tiêu định suất 20% phân vô cơ để tác nghiệp kỹ thuật, làm cho cây trồng phát triển đồng đều). Tổ chức ký kết hợp đồng kinh tế, cung cấp vật tư cho các cơ sở kinh tế tập thể (HTX, TĐSX, tổ đoàn kết sản xuất), trồng mới cà phê và theo dõi thu mua sản phẩm cà phê quy nhân đối lưu vật tư, đầu tư trồng mới với khối lượng 1.400 kg/ha chia ra theo tuổi cây như sau : tính năm trồng là tuổi thứ 1) .

-Tuổi cây trồng năm thứ 5 Nhà nước thu mua 100 kg/ha

-Tuổi cây trồng năm thứ 6 Nhà nước thu mua 200 kg/ha

-Tuổi cây trồng năm thứ 7 Nhà nước thu mua 200 kg/ha

-Tuổi cây trồng năm thứ 8 Nhà nước thu mua 300 kg/ha

-Tuổi cây trồng năm thứ 9 Nhà nước thu mua 300 kg/ha

-Tuổi cây trồng năm thứ 10 Nhà nước thu mua 300 kg/ha

Giá thu mua sẽ được tính toán theo tỷ lệ đơn giá, khối lượng tương ứng vật tư trong thời kỳ XDCB vườn

cây : ¼ theo giá đối lưu, ¾ theo giá bán lẻ Nhà nước tại thời điểm thu mua.

Thời gian chưa phải chịu thuế nông nghiệp quy định thống nhất cho diện tích trồng mới cây cà phê là 5 năm kể từ năm thu hoạch kinh doanh năm đầu tiên (tính từ tuổi cây trồng thứ 5) xét phương án kinh tế kỹ thuật, UBND Tỉnh cho miễn thuế 1 năm (kể từ khi hết tuổi cây trồng năm thứ 10). Tuổi cây trồng năm thứ 11 Nhà nước bắt đầu thu thuế nông nghiệp theo pháp lệnh quy định.

Các cơ sở trả nợ vay tín dụng ngân hàng Nhà nước và bán sản phẩm theo định lượng đối lưu vật tư XDCB trước thời hạn quy định, đều được hưởng chế độ miễn thuế nông nghiệp theo quy định trên.

3/ Vốn đầu tư :

a/ Kinh tế tập thể (HTX, TĐSX, tổ đoàn kết SX vay vốn tín dụng tại ngân hàng Nhà nước để mua vật tư theo định suất đầu tư quy định tại mục I.

Hồ sơ kèm theo khế ước vay gồm có :

1.Quyết định giao đất của UBND huyện, thành phố (các cơ sở kinh tế tập thể, căn cứ vào quy hoạch của đơn vị mình, xác định địa điểm giới cận, diện tích trồng cà phê qua UBND xã, phường chứng nhận, trình lên UBND huyện, thành phố xét ra quyết định giao đất).

2. Hợp đồng kinh tế quản lý kỹ thuật, cung ứng vật tư, thu mua sản phẩm (theo định suất, vật tư và định lượng thu mua sản phẩm cà phê quy nhân) của Công ty cà phê.

b/ Kinh tế QD dân tộc : do Công ty cà phê và UBND huyện, thành phố trực tiếp tổ chức đầu tư theo chế độ quốc doanh.

c/ Kinh tế gia đình ngoài vườn : qua UBND xã và huyện xét giao đất, công ty cà phê ký kết hợp đồng kinh tế giao vật tư hàng hóa đầu tư theo định suất quy định ở phần I và thu hồi nợ bằng sản phẩm cà phê quy nhân theo khối lượng quy định tại điểm 2 phần II.

d/ Kinh tế gia đình trong vườn : những chủ hộ có trồng cây cà phê trong vườn, Nhà nước bán đối lưu phân vô cơ, thuốc trừ sâu, theo định lượng hố trồng, với định lượng: đạm SA 2 kg/hố, lân 0,5 kg/hố, kali 0,5 kg/hố chia cho 3 năm, thuốc trừ sâu đáp ứng và kịp thời khi xuất hiện sâu bệnh. Cây trồng đến tuổi thứ 5 trở đi Nhà nước thu mua sản phẩm cà phê quy nhân 1 kg/hố cây trồng, chia cho 3 năm. Giao công ty cà phê ký kết hợp đồng kinh tế cụ thể.

4/ Các vườn cây cà phê đã vay vốn tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước mua vật tư, gạo trồng mới năm 1983, nay tiến hành kiểm kê một cách chính xác để tiếp tục vay vốn mua vật tư, gạo theo định suất đầu tư chăm sóc năm thứ 1, năm thứ 2 tại chỉ thị này.

Các vườn cây cà phê đã trồng năm 1982-1983 chưa được vay vốn mua vật tư gạo, đầu tư trồng mới, nay cơ sở muốn xin vay vốn mua vật tư gạo ăn để chăm sóc vườn cây , đều được tiến hành kiểm kê một cách chính xác và hướng dẫn làm các thủ tục để triển khai công tác đầu tư theo định suất đã quy định cho những năm chăm sóc còn lại, thuộc thời kỳ xây dựng cơ bản vườn cây.

Tổ chức kiểm kê vườn cây : UBND Tỉnh giao cho Ngân hàng Nhà nước chủ trì, mời đại diện UBND huyện, xã và công ty cà phê phối hợp.

Trường hợp ở địa phương có diện tích cà phê phục hồi đều được đầu tư theo định suất 2 năm chăm sóc nói ở phần I chỉ thị này.

5/ Trong công tác đầu tư, ngoài phần đầu tư cho diện tích tại năm trồng, Nhà nước còn đầu tư cày đất, trồng cây họ đậu để phục tráng – đất và trồng cây bóng mát, chuẩn bị cho diện tích trồng năm sau.

6/ Để khuyến khích trồng xen các loại cây họ đậu, trong diện tích đã trồng, cây cà phê và trên diện tích phục tráng chuẩn bị trong năm tiếp, Nhà nước ứng trước phân vô cơ để trồng. Khi thu hoạch trả bằng sản phẩm theo chế độ hiện hành, phần còn lại nếu bán cho Nhà nước được tính theo giá mua khuyến khích. UBND Tỉnh giao công ty cà phê chủ trì ký kết hợp đồng kinh tế.

7/ Vốn trợ cấp sản xuất của Ban KTM-ĐCĐC trồng cây cà phê vườn, Cty cà phê phải phối hợp quản lý kỹ thuật chịu trách nhiệm đảm bảo yêu cầu năng suất, chất lượng, hiệu quả.

8/ Để tổ chức quản lý kỹ thuật và cung ứng vật tư theo định suất đầu tư, UBND Tỉnh giao Giám đốc Sở Nông nghiệp chỉ đạo giám đốc Công ty Cà phê, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, tổ chức các trạm kinh doanh cây cà phê, tổ chức biên chế cho các trạm huyện, thành phố, bình quân cứ 50 ha cho 1 cán bộ quản lý.

9/ Tiền lương thuộc biên chế từ CTy đến trạm huyện, thành phố, tạm thời được trích 5% theo định suất đầu tư, do ngân sách địa phương cấp trong khoản quỹ đầu tư phát triển cà phê.

10/ Những nơi có điều kiện tưới, các cơ sở lập phương án và dự trù xin đầu tư riêng.

Công tác đầu tư trồng mới cây cà phê là 1 trong hướng kinh tế mũi nhọn của tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu các ngành hữu quan trong tỉnh và UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, phân công 1 đ/c lãnh đạo chịu trách nhiệm trước tập thể, chỉ đạo chính sách nghiệp vụ, kỹ thuật trồng mới mở rộng diện tích cây cà phê.

Chỉ thị này thay thế cho các văn bản trước đây nói về trồng mới cây cà phê.

Quá trình thực hiện có những vướng mắc gì, thủ trưởng các đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố cần hợp tác tháo gỡ tạo điều kiện thuận lợi nhất để các cơ sở triển khai công tác trồng mới, mở rộng diện tích cây cà phê đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ lần thứ III đã đề ra.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
LÂM ĐỒNG

(Chủ tịch : *đã ký*)

Phong trào phát triển cà phê nhân dân theo tinh thần Chỉ thị 21 đến nay gần 20 năm tính từ lúc bắt đầu năm 1979 có 1700 ha cà phê già cỗi, đến nay có trên 88.600 ha có thật trong nhân dân - tất cả các vùng, đó là một công trình lớn mà Nhà nước bỏ ra đầu tư không đáng kể, nhưng thành quả đem lại cho đời sống nhân dân ta là rất lớn, được ngành cà phê Trung ương (Tổng CTy cà phê Việt nam) đánh giá rất cao... Hội nghị tổng kết phong trào phát triển cà phê nhân dân lần thứ nhất hồi tháng 10 năm 1986 của Tổng Công ty cà phê TW họp tại Đà Lạt, do đ/c Đoàn Triệu Nhạn Tổng giám đốc và đ/c Nguyễn Đăng thứ trưởng Bộ Nông nghiệp (Nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) chủ trì, có đồng chí Trần Khải – Phó Chủ nhiệm UBKH Nhà nước tham dự.

Trong cuộc hội nghị ấy Lâm Đồng đã có bài tổng kết 5 năm phát triển phong trào cà phê nhân dân, đề tài : "Một số suy nghĩ và kết quả xây dựng kinh tế vườn ở Lâm Đồng" được Đại biểu hội nghị đánh giá kết quả và thành tựu đi đầu trong chính sách phát triển cà phê vườn hộ, và có những đề xuất cụ thể và thiết thực. Tôi xin đưa toàn văn bài phát biểu ấy vào quyển sách này để làm tư liệu truyền thống trong quá trình đấu tranh phát triển cây cà phê, trên đất Lâm Đồng chúng ta, từ khi giải phóng 30/4/1975 đến nay.

Nguyên văn lời phát biểu được lưu giữ là :

5/ Một số suy nghĩ và kết quả xây dựng kinh tế vườn ở Lâm Đồng :

(Bài phát biểu của đồng chí Nguyễn Xuân Du - Chủ Tịch UBND tỉnh Lâm Đồng tại Hội Nghị toàn quốc bàn về " cà phê nhân dân " - tháng 10 năm 1986 tổ chức tại ĐàLạt)

Kính thưa : - Đồng chí Nguyễn Đăng –

Thứ trưởng Bộ nông nghiệp.

- Đồng chí Trần Khải –

Phó chủ nhiệm UBKH nhà nước.

- Kính thưa tòan thể hội nghị

Phấn khởi trước chủ trương của TW tổ chức hội nghị " cà phê nhân dân " tòan quốc tại Lâm Đồng, cho phép tôi thay mặt thường vụ Tỉnh ủy, thường trực UBND tỉnh Lâm Đồng nhiệt liệt chào mừng quý vị đại biểu và kính chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

Được hội nghị cho phép tôi xin phát biểu một số suy nghĩ về kết quả xây dựng kinh tế vườn ở Lâm Đồng.

I. Một số đặc điểm về tự nhiên, kinh tế, xã hội ở Lâm Đồng :

Lâm Đồng là một trong ba tỉnh Tây nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng cả về kinh tế, chính trị,

xã hội và an ninh quốc phòng, là một tỉnh có trên một triệu ha đất đai tự nhiên, trong đó đất có rừng 650.000 ha chiếm 64%.

- Về thổ nhưỡng : Có 3 loại đất trên 7 loại, đáng chú ý :

+ Đất phù sa trên 50.000ha.

+ Đất Feralit đỏ vàng 670.000 ha, trong đó có 200.000 ha là đất Bazan.

+ Đất Feralit cómùn trên núi trên 240.000 ha.

-Về khí hậu : do địa hình phức tạp, đa dạng và mật độ che phủ thực vật khác nhau đã tạo cho Lâm Đồng một chế độ khí hậu khá đặc biệt, đó là khí hậu nhiệt đới gió mùa vùng Cao nguyên. So với các tỉnh lân cận ở Bắc Tây Nguyên thì mùa khô ở Lâm Đồng ít khắc nghiệt hơn, ngắn hơn, Lâm Đồng có hai mùa rõ rệt : mùa mưa tập trung 80-90% tổng lượng mưa và phổ biến kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Có lượng mưa hàng năm thấp nhất trên 1.500mm (ở Đà Lạt) cao nhất trên 2.500 mm (ở Bảo Lộc) , nhiệt độ bình quân thấp nhất là $17^0$9C (ở Đà Lạt) , $21^0$3 (ở Bảo Lộc). Nhìn chung khí hậu ở Lâm Đồng có ưu điểm nổi bật là ôn hòa, dịu mát, thời tiết diễn biến ít phức tạp.

Do đó có thể nói : đất đai, tài nguyên, khí hậu ở Lâm Đồng là phong phú, thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp một cách tòan diện, chính vì thế

mà một số lòai cây trồng quan trọng đã được giữ vững, có truyền thống canh tác lâu đời và đang được quan tâm phát triển trong cơ cấu cây trồng của tỉnh, cũng là những loại cây có tỷ trọng lớn trong thu nhập kinh tế vườn, đó là các cây : cà phê, chè, dâu tằm, cây hồng ở Đà Lạt , cây bơ, chôm chôm, sầu riêng ở Bảo Lộc, Di Linh, Đức Trọng...Lâm Đồng hiện có khỏang 500.000 dân, trong đó có 129.000 đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 25% tổng nhân khẩu, 30 % tổng lao động, họ sinh sống chủ yếu bằng phương thức canh tác phá rừng làm nương rẫy.

Đồng bào dân tộc được sống trên đất đai rừng núi chiếm gần 70% tổng diện tích tự nhiên, nhưng diện tích canh tác của họ chỉ được 7% đất đai canh tác hiện có.

Trước ngày giải phóng (1975) cuộc sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng rất lạc hậu, phương thức canh tác là hỏa canh , chọc tỉa, công cụ chủ yếu là xà gạc cầm tay, là cái gùi trên lưng. Về quan hệ xã hội chưa phân hóa giai cấp rõ rệt, đất đai rừng núi là của chung buôn thôn ; một số thôn sống gần đồng bào kinh ven các trục đường 20,21,11...có được mở mang chút ít, nhưng trình độ canh tác rất đơn sơ, cuộc sống hoàn tòan phụ thuộc vào thiên nhiên vô cùng bấp bênh. Không cho con trâu đi cày, không biết làm ruộng nước, không quen làm vườn. Họ chỉ biết du canh du cư mà du canh du cư là một sản phẩm của lịch sử, một tàn dư của quá khứ, một

phương thức lao động sản xuất và tổ chức xã hội lạc hậu đã được xóa bỏ từ lâu trong tiến trình phát triển nền văn minh của lòai người. Có thể nói nhân lọai với tất cả những cái mà nó đạt được quyết định bắt đầu từ sự chấm dứt tình trạng của nền kinh tế tự nhiên, chiếm đọat của thiên nhiên từ cây, lá, hoa, quả đến độ màu mỡ của đất đai mà sinh sống, việc chấm dứt tình trạng du canh du cư - hậu quả của nền kinh tế chiếm đọat ấy, thay vào đó là sự họat động sáng tạo của con người, là cải tạo thiên nhiên và dựng xây trái đất để phục vụ cuộc sống con người, chỉ có chuyển từ du canh du cư sang định canh định cư, người ta mới thật sự làm chủ một cách tự giác.

Trong những điều kiện kinh tế, xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử các thành phần dân tộc trong tỉnh,đã có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế văn hóa khác nhau. Tình trạng du canh du cư đã làm cho khỏang cách của sự chênh lệch ấy tăng lên.

Trong điều kiện từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên CNXH vốn đã chứa đựng trong đó những khó khăn to lớn , từ du canh du cư đưa đồng bào dân tộc tiến lên CNXH lại còn khó khăn gấp bội.

Lại nữa, những vùng dân du canh du cư lại là nơi kẻ thù mà trực tiếp là bọn Fulro hằng ngày, hằng giờ chống phá chúng ta về mọi mặt, gây cho đồng bào ta những thiệt hại và khó khăn to lớn để thực hiên âm

mưu nham hiểm của chúng là duy trì tình trạng lạc hậu trong vùng đồng bào dân tộc, để chúng thực hiện việc kích động, chia rẽ, phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng ta. Chính vì vậy mà mấy năm qua Lâm Đồng đã tìm con đường đi lên CNXH trong điều kiện của địa phương mình không chỉ từ nền sản xuất nhỏ mà từ nền sản xuất đa dạng, trong đó có cả lực lượng lao đông còn du canh du cư tiến lên phát triển đồng đều và hình thành cơ cấu sản xuất lớn XHCN không qua bước phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong chỉ đạo đồng bào dân tộc thiểu số, chúng tôi xác định bước đi ban đầu của họ là từ mảnh vườn, là điều kiện tiên quyết để đi lên sản xuất hàng hóa từ nhỏ đến lớn.

II. Vị trí, tác dụng mảnh vườn 2 sào cà phê cho mỗi hộ đồng bào với công tác ĐCĐC và sản xuất hàng hoá trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội

A-Một số suy nghĩ :

-Nhận thức rằng cách mạng XHCN là một cuộc cách mạng vĩ đại , nó vốn có những khó khăn , trở lực ghê gớm. Bởi vì là một cuộc đổi đời thực sự căn bản , một sự biến đổi sâu sắc và tòan diện, nó động chạm đến tòan bộ và từng chi tiết nhỏ của cơ cấu đời sống xã hội. Cuộc vận động ĐCĐC là một cuộc cách mạng thực sự, một nhiệm vụ to lớn trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng, là một động lực của lịch

sử, đưa đến kết quả tăng cường khối đoàn kết dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ và cùng làm chủ tập thể tiến lên chủ nghĩa xã hội.

-Từ những đặc điểm tự nhiên , kinh tế, xã hội và từ nhận thức trên đây, sau ngày giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bằng con đường ĐCĐC, cuộc sống của dân tộc ít người đã có sự thay đổi, từng bước được tổ chức lại sản xuất, đời sống sản xuất đã có những nét đổi mới cụ thể như sau :

+ Từ không có ruộng nước lúa 2 vụ, nay đã có hơn 3000 ha canh tác, đồng bào đã biết cấy lúa nước và dùng phân bón, con trâu bây giờ không còn " đi chơi " mà đã biết kéo cày.

+ Từ cuộc sống với nền kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp lâu đời, có nơi quanh năm không mua bán, đổi chác nay đã có chợ để trao đổi sản phẩm.

Những mặt tồn tại và thiếu sót trong việc lãnh đạo vẫn còn nhiều, những năm 1976-1980 còn nặng về ĐCĐC hình thức chưa thực sự đi vào chiều sâu, đi vào cuộc sống thực tế và chưa nghiên cứu để có một mô hình phù hợp với đặtcđiểm tự nhiên, kinh tế, xã hội miền núi và chưa vận dụng cụ thể hóa đúng đắn sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng.

Xuất phát từ tình hình đó mà chúng tôi đặt vấn đề nghiên cứu nội dung, bước đi công tác ĐCĐC cho

phù hợp với thực tiễn ở Lâm Đồng. Ngoài việc tạo tư liệu sản xuất như khai hoang, phát triển thủy lợi , làm lúa nước.

Chúng tôi lấy định canh là quan trọng và phương thức từ thấp đến cao, từ mảnh vườn trồng cây công nghiệp với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, lấy ngắn nuôi dài ,và mục tiêu của mảnh vườn không chỉ dừng lại ở chỗ để tự sản tự tiêu mà từ mảnh vườn còn để sản xuất hàng hóa làm bàn đạp tiến lên sản xuất lớn XHCN. Vị trí tác dụng mảnh vườn trong kế hoạch ĐC ĐC là vừa tạo ra tư liệu sản xuất ban đầu cho đồng bào dân tộc, vừa để tác động 3 cuộc cách mạng là trường học chuyển từ quảng canh sang thâm canh, để đào tạo bồi dưỡng lực lượng sản xuất. Chúng tôi nghĩ rằng nếu đồng bào kinh xây dựng CNXH, bắt đầu thay đổi từ sự vận động hợp tác hóa lao động và tập thể hóa tư liệu sản xuất... thì đồng bào dân tộc phải vận động họ từ phát triển lực lượng sản xuất, tạo ra tư liệu sản xuất ban đầu, đó là làm sao tạo cho mỗi hộ có một mảnh vườn, và mảnh vườn ấy là đối tượng tác động sản xuất hàng hóa của bước đi ban đầu trong đồng bào dân tộc, và cũng là một trong những nội dung ban đầu của công tác ĐC ĐC. Từ việc phát triển mảnh vườn làm tư liệu sản xuất ban đầu, tập dượt để tiến lên phát triển sản xuất ngòai vườn với phát triển kinh doanh lâm nghiệp bằng phương thức nông lâm kết hợp gắn với quản lý bảo vệ rừng.

Tất nhiên , phát triển kinh tế vườn là tùy thuộc đất đai khí hậu, theo quy hoạch, kế hoạch, phương hướng sản xuất, cơ cấu cây trồng đã được xác định. Ở Lâm Đồng chúng tôi đã cho phát triển các loại cây cà phê và cây ăn quả là cây trồng chủ yếu trong kinh tế vườn, nó nằm trong mối quan hệ quốc doanh, tập thể giữ vai trò chủ đạo thì kinh tế vườn là vệ tinh , là phụ trợ quan trọng , nhưng trong bước đi ban đầu từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN trong điều kiện ở Lâm Đồng lại là bước đi phù hợp giữa lý luận và thực tiễn, không những trong vùng dân tộc mà cả trong vùng kinh và trong lực lượng CBCNVC và những người hưu trí .v v..

B- Kết quả thực tế :

Trải qua khó khăn, phức tạp, qua kinh nghiệm thành bại, có nơi có lúc cũng phải trả giá, nhưng từ năm 1982 đến nay , nhất là từ 1984 trở đi đã có nhiều chuyển biến mới. Phong trào lập vườn hộ, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả chủ yếu là cây cà phê đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, không những trong vùng kinh có truyền thống mà ngay trong vùng dân tộc cũng phát triển , không những trong vùng nông thôn mà ngay cả trong vùng thành thị người đông, đất hẹp, không những trong gia đình ở nông thôn mà còn được phát triển rộng rãi trong gia đình CNVC, lực lượng vũ trang, trong các xí nghiệp công nông lâm trường .v.v..

Chính vì thế cây giống cà phê năm 1986 đã chuẩn bị rất nhiều cũng không thỏa mãn yêu cầu của nhân dân.

1. Trong vùng dân tộc:

Từ chỗ không quen làm vườn, không thích trồng cà phê vì lâu được ăn, nhưng bây giờ có nhiều buôn, nhiều xã, nhiều hộ đã trồng vượt chỉ tiêu quy định của ĐC ĐC (200 cây\hộ), có nhiều hộ đã mua thêm giống ở thị trường tự do 5- 6 đ/cây để trồng thêm, một số bà con dân tộc ở Đơn Dương, Di Linh Đức Trọng đã biết gieo, ươm cà phê để trồng, có bà con dân tộc đã bán trâu để làm cà phê, từ chỗ không quen dùng phân,sợ dùng phân, nay đã tự nguyện làm phân và có nơi đã mua 1 Kg phân trâu bò là 1 đ để bón cà phê.

Do đó trong vùng dân tộc tuy có rất nhiều khó khăn trong vận động ban đầu, nhưng nay thì tốc độ phát triển rất nhanh chóng .

Ví dụ : Trong dân tộc ít người, từ năm 1982 đến 1984 đã trồng được 1.300.000 cây, còn sống 700.000 cây, như năm 1985 tòan tỉnh đã trồng được 630.000 cây, sống 85% và năm 1986 đã trồng được trên 1 triệu cây. Tính hết đến năm 1986, trong vùng dân tộc đã có trên 2 triệu cây cà phêtương ứng 2.000 ha và tương ứng 10.000 hộ. Chúng tôi dự định đến năm 1987 sẽ hòan thành cà phê vườn trong vùng dân tộc với diện tích tương ứng là 3.500 ha.

Năm 1985 tòan tỉnh đã có 5 xã dân tộc hòan thành xây dựng cà phê vườn.

Năm 1986 có hai huyện : Bảo Lộc , Di Linh căn bản hòan thành cà phê vườn trong vùng đồng bào dân tộc.

Năm 1987 chỉ cần củng cố những vườn đã có và xây dựng mới cho những hộ mới tách ra.

2. Trong vùng Kinh và gia đình CBCNV:

- Kinh tế vườn trong vùng dân tộc đã được hưởng ứng ngày càng tự nguyện thành phong trào quần chúng thực sự và có hiệu quả và đã phải trải qua vận động có nhiều khó khăn, phức tạp nhưng có thành công chắc chắn.

- Kinh tế vườn trong đồng bào kinh, trong CBCNV lại càng thích hợp hơn, bởi vì trình độ canh tác đã có truyền thống, điều kiện đất, nước, địa hình, giao lưu hàng hóa ở đây có nhiều thuận lợi hơn , vốn trước đây đã phát triển tốt, hiện nay lại càng được củng cố phát triển mạnh mẽ hơn.

- Nhất là kinh tế vườn ở đây được gắn chặt chẽ trong cơ chế khóan sản phẩm của tập đoàn, HTX, tạo điều kiện phát huy tinh thần làm chủ thực sự trên mảnh vườn của họ. Chính vì vậy mà ở vùng đồng bào Kinh có rất nhiều vườn có từ 1-2 ha thậm chí 3-4-5 ha , có nhiều gia đình người Kinh có sản lượng hàng năm từ 1-2 tấn nhân là điều có thật.

Trong tổng số diện tích cà phê vườn hộ tòan tỉnh, thì vườn hộ cà phê người kinh chiếm từ 60-70 %.

-Từ tình hình kết quả cà phê vườn trong đồng bào dân tộc, trong vùng đồng bào Kinh một kết quả đặc biệt mà bất cứ ai cũng có thể nhìn nhận được là ở Lâm Đồng có thể làm giàu bằng cà phê, nếu có quyết tâm lao động chuyên cần và có thái độ đúng trong liên kết giữa nhà nước, tập thể và gia đình. Trong hoàn cảnh kinh tế hiện nay, có thể thấy hầu hết những gia đình CBCNVC hoặc đã ở lâu dài từ trước, hoặc mới an cư lập nghiệp sau ngày giải phóng, thì ý nghĩa đầu tiên của họ là có đất trồng cà phê và họ đã trồng, đã có thu nhập cao từ vườn cà phê, hoặc tập thể có phát triển sản xuất cà phê trong kinh doanh tổng hợp trà, dâu tằm, cây ăn quả và chăn nuôi là mô hình hấp dẫn.

3-Kinh tế vườn cà phê trong mối tương quan với các thành phần kinh tế xã hội :

-Về mặt lý luận : " Kinh tế gia đình (trong đó có kinh tế vườn là chủ yếu) là một bộ phận của nền kinh tế XHCN ". Nói cách khác nền kinh tế XHCN bao gồm 3 khu vực (theo ý nghĩ thô thiển của tôi):

-Kinh tế quốc doanh.

- Kinh tế tập thể.

- Kinh tế gia đình.

Là một bộ phận cấu thành nền kinh tế XHCN. Kinh tế gia đình nói chung, kinh tế vườn nói riêng được Đảng và nhà nước rất khuyến khích.

+ Cà phê vườn : là một loại cây công nghiệp dài ngày, là một loại cây của ngành kinh tế kỹ thuật , có quan hệ môi trường sinh thái quan trọng và rất phức tạp, đòi hỏi phải có trí thức để nghiên cứu và nắm vững kỹ thuật chăm sóc cây trồng , phải có vật tư kỹ thuật bảo đảm đúng thời vụ.

Do đó kinh tế vườn cà phê nhất định phải được nằm trong mối quan hệ với quốc doanh cà phê là chủ đạo: Chủ đạo trong đầu tư vật tư kỹ thuật. Chủ đạo trong quản lí kỹ thuật ... hướng dẫn cây trồng và quy trình thâm canh chăm sóc.

Mặt khác, cây cà phê là một sinh vật chịu tác động các yếu tố thiên nhiên khách quan như thời tiết, khí hậu , mưa gió, sâu bệnh vv..và sự hoạt động của con người đều có tác động rất tinh vi, rất nhạy cảm đến cây cà phê. Để cho cây cà phê phát triển tốt, phần lớn lao động tác động vào đây là lao động thủ công, có ý thức kỹ thuật, chăm sóc chu đáo và thường xuyên trực tiếp, nhất là lao động chăm sóc cắt cành tạo tán sau khi thu hái. Những công việc lao động như vậy sẽ được tận dụng tối đa trên mảnh vườn của họ, lao động đó là lao động thực sự làm chủ và cụ thể của mọi thành viên trong mọi gia đình

không kể già, trẻ, trai, gái, không kể lao động chính hay phụ.

Trong đó cà phê vườn là một mô hình được liên kết với quốc doanh và tập thể trong một chương trình " cà phê Lâm Đồng" thống nhất .

Trong đó :

+ Quốc doanh là vai trò nòng cốt, là vai trò chủ đạo, nhất là trong đầu tư kỹ thuật, vật tư kỹ thuật. Quốc doanh làm chủ đầu tư (vốn, vật tư) cho tập thể và gia đình để sản xuất theo định mức kinh tế kỹ thuật và khóan từ khâu đầu đến khâu cuối, bằng hợp đồng kinh tế giữa nhà nước với nhân dân ...Trên cơ sở hợp đồng kinh tế, nắm sản phẩm sản xuất ra, tổ chức công nghiệp chế biến, hòan chỉnh cả nội tiêu và xuất khẩu, tổ chức một số nông trường theo cơ chế nông trường tổ chức bộ khung quản lý, lao động trực tiếp sản xuất, được khoán theo định mức kinh tế kỹ thuật cho họ để họ làm chủ thực sự.

+ Và tập thể cùng với quốc doanh, đóng vai trò chủ đạo, và khóan cho từng hộ gia đình mà quản lý trực tiếp đối với từng hộ gia đình trong đó có cả mảnh vườn và đất tập thể đã nhận khóan có chính sách cụ thể.

+ Hộ gia đình là vệ tinh vô cùng phong phú nó bổ sung rất lớn lao cho tập thể và quốc doanh và hiện nay thì tỷ trọng đóng góp của cà phê vườn hộ

rất quan trọng trong cơ cấu sản phẩm hàng hóa của Lâm Đồng .

Giả định hiện nay Lâm Đồng có khỏang 100.000 hộ mà nếu bình quân mỗi hộ có 2 sào càphê vươn thôi, thì diện tích cà phê trong vườn hộ sẽ lên đến 20.000 havà sản phẩm thu hoạch tối thiểu là 20.000 tấn hằng năm tương ứng với giá trị 50 triệu rúp - đôla từ mảnh vườn tạo ra (giá cà phê năm 1986 là 2500 USD/tấn).

Đó là con số có khả năng hiện thực, và do đó nhất định kinh tế vườn cà phê có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế chung của tỉnh bằng con đường phát triển kinh tế vườn cà phê, như vậy cho nên tốc độ trồng mới cà phê tòan tỉnh phát triển nhanh và vốn đầu tư không lớn.

Năm 1975 - 1982 chỉ có 1.700 ha thực tế đã lâu năm nay tàn lụi dần, hiện nay có trên 7500 ha, trong đó có 3000 ha trồng trong năm 1986 này. Trong đó quốc doanh tập thể chỉ có khỏang 700 ha chiếm 10 %, còn kinh tế vườn kể cả vùng kinh và vùng dân tộc có trên 6.800 ha chiếm 90 % tổng diện tích, chưa kể cà phê trong gia đình cán bộ , CNVC trong các lâm trường, xí nghiệp bắt đầu trồng cây cà phê trong cơ cấu trồng rừng nông lâm kết hợp.

+ Cà phê vườn không những đã có phong trào quần chúng rộng rãi vì đã có hiệu quả thiết thực, cho nên cổ vũ phong trào phát triển cà phê vườn năm

1986 đã được quần chúng hưởng ứng thực sự cả dân tộc thiểu số và đa số. Tình hình giá cả cây giống cà phê năm 1986 ở thị trường tự do gấp 3-4 lần giá quy định của quốc doanh và tập thể.

Trong tình hình quản lí sản phẩm còn nhiều sơ hở, diện thu hút tư thương ở địa phương khác đến thu mua còn lớn, nhưng tỉnh đã thu mua được như sau :

Trước đây toàn tỉnh thu mua hàng năm được 250 tấn .

Năm 1985 thu mua được trên 1000 tấn và năm 1986 chắc chắn sẽ thu mua trên dưới 1500 tấn. Trong đó chủ yếu là từ kinh tế vườn. Trong vùng đồng bào dân tộc ĐC ĐC cũng như vùng kinh tế ở các huyện ĐạHuoai, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lộc và ngay cả TP Đà Lạt, nơi ít, nơi nhiều đều có vườn cà phê đã được thu hoạch.

Điều đáng chú ý là 21/26 xã vùng dân tộc ở hai huyện Bảo Lâm và Di Linh đã có trên 500.000 cây (tương ứng 500 ha) đã thu hoạch bước đầu và càng ngày càng nhiều hơn. Ví dụ (theo số liệu đã thu mua được).

Huyện	Năm 1985		Năm 1986	
	Thu mua chung	Thu mua trong DTộc	Thu mua chung	Thu mua trong D.Tộc
Bảo Lộc	250 T	20 T	400 T	50 T
Di Linh	320 T	55 T	500 T	80 T

(Năm 1986 còn tiếp tục thu mua).

Có gia đình dân tộc như ông K'Bron ở thôn Ka Min xã Gung Ré huyện Di Linh đã thu hoạch hằng năm 7 tạ cà phê nhân từ năm 1985.

Ông K'Đèn ở thôn Đồng Đò xã Đinh Lạc Di Linh năm 1985, thu hoạch từ kinh tế vườn là 300 kg càphê nhân , năm 1986 có khả năng thu hoạch từ 500-600 kg cà phê nhân.

Từ hiệu quả kinh tế trên đây đem lại nhiều kết quả khác , đó là :

+ Tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu có giá trị.

+ Tình hình phá rừng làm rẫy được hạn chế ngày càng tốt hơn, có nhiều xã ở Di Linh đã chấm dứt được 100 % nạn phá rừng làm rẫy như xã Đinh Lạc.

+ Những hộ đã có thu hoạch cà phê , đời sống ăn ở, học hành vv.. được ổn định và phát triển tốt hơn, đến nay cho nhiều mảnh vườn 2 sào cà phê vùng

Kinh cũng như vùng dân tộc đã có sản phẩm 300 kg, nếu đổi bằng giá trị lương thực sẽ được 3000-3.600 kg gạo, tương đương 50-60.000 đồng hiện nay.(theo giá lương thực ở thị trường tự do).

Nếu như trong vùng dân tộc có được 300 kg cà phê nhân/ năm, giá trị tương ứng với 4 tấn lúa, nếu như phát rẫy làm nương phải mất hết 4 ha rừng, mà 1 gia đình không sao làm nổi 4 ha đó. Lao động đầu tư trên mảnh vườn là lao động tranh thủ sớm chiều, là lao động phụ của người già và trẻ em, điển hình là 2 ông bà già K'Điệp, trên 80 tuổi ở thôn Đồng Đò, xã Đinh Lạc, huyện Di Linh có vườn cà phê do ĐC ĐC hỗ trợ và tự trồng trên 400 cây, có khả năng thu hoạch hàng năm 500-600 kg cà phê nhân, điều đó nói lên mảnh vườn còn là đối tượng thâm canh, tăng năng suất, thí nghiệm KHKT, tận dụng mọi nguồn phân tro chăm bón cho cây cà phê, hằng ngày, hằng giờ làm cho lực lượng lao động đồng bào dân tộc đi vào thực hiên 3 cuộc cách mạng, nhất là cách mạng KHKT trong thực tế.

Với hiệu quả như vậy, cho nên trong vùng dân tộc, vườn cà phê đã có tác dụng quan trọng trong việc định cư, hạn chế ngày càng tốt việc phát rừng làm rẫy.

Trong vùng kinh tế mới, nhất là vùng kinh tế mới Hà Nội, cà phê vườn đã có tác dụng cổ vũ nhân

dân Hà Nội yên tâm bám trụ trên vùng đất mới, ở đây đã có 346 ha cà phê mà phần lớn là cà phê vườn.

Chúng tôi nghĩ rằng : Lâm Đồng có tài nguyên đất đai, khí hậu tốt lành, đất rộng người thưa, trong khung cảnh một tỉnh miền núi, trình độ xã hội hóa còn thấp, đất đai mới khai mở, lực lượng sản xuất chưa phát triển, chủ trương phát triển kinh tế vườn cà phê trong đồng bào dân tộc làm bước đi ban đầu để ĐCĐC, đó cũng là nội dung phát triển cơ sở vật chất ban đầu của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn XHCN, nó không chỉ phù hợp với điều kiện thiên nhiên, kinh tế, xã hội và lực lượng dân tộc thiểu số, mà nó còn có tác dụng kích thích lực lượng sản xuất phát triển trên toàn xã hội ở địa phương, cả trong đồng bào Kinh và dân tộc sẽ được nâng lên toàn diện, nó còn thực sự có tác dụng thiết thực của chính sách nông lâm kết hợp, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, thích hợp với bước đi từ thấp đến cao, từ giản đơn đến phức tạp, trong khi tiến hành cải tạo và xây dựng CNXH lấy xây dựng là yếu tố quyết định, nó còn thích hợp với khả năng đầu tư của Đảng và Nhà nước, trong tình hình kinh tế hiện nay, đúng với phương châm của Đảng là : phát huy từ thế mạnh lao động, đất đai, tài nguyên là Nhà nước và nhân dân cùng làm. Cũng từ mảnh vườn cà phê làm tư liệu sản xuất ban đầu, có sản xuất hàng hóa, có tích lũy, tiến lên phát triển sản xuất ngoài vườn, với phát triển kinh doanh lâm nghiệp

bằng phương thức nông lâm kết hợp, là tiền đề để tổ chức sắp xếp lại sản xuất, hình thành quan hệ sản xuất mới, từ thấp đến cao, gắn chặt kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng, gắn lý luận và thực tiễn, cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng trong điều kiện tự nhiên xã hội và trình độ sản xuất chưa phát triển.

Đó là bước đi ban đầu trong thời kỳ quá độ xây dựng CNXH phù hợp với đối tượng cụ thể trên mỗi địa bàn, phù hợp với trình độ kinh tế-xã hội và đời sống tự nhiên trong đồng bào dân tộc. Cùng với kết quả trong mảnh vườn dân tộc, với mảnh vườn cà phê trong đồng bào Kinh là ngành nghề có truyền thống của họ, đã và đang đóng góp đáng kể trong việc tạo ra sản phẩm hàng hóa xuất khẩu có giá trị kinh tế cao của tỉnh và ngày càng được tăng nhanh, tương lai thành mặt hàng chủ lực để xuất khẩu.

C/ Những bài học :

Từ nhận thức suy nghĩ và kết quả thực tế bước đầu thu được trong kinh tế vườn ở Lâm Đồng, sáu năm vận động, chúng tôi rút ra những bài học kinh nghiệm sau :

1/ Đó là sự vận dụng cụ thể hóa đường lối, chủ trương, phương châm của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh điều kiện tự nhiên – kinh tế – xã hội của địa phương (nắm vững lý luận, hiểu sâu thực tiễn để có chủ trương đúng, có biện pháp phù hợp được nhân dân tham gia là quyết định thành công).

2/ Từ nhận thức đến hành động là quá trình đấu tranh xây dựng liên tục từ nhận thức cho đến việc tổ chức thực hiện thống nhất trong phương pháp bước đi là cả một quá trình không đơn giản, ví dụ :

Việc xây dựng cà phê vườn trong vùng đồng bào dân tộc là một trong những nội dung bước đi ban đầu của công tác ĐCĐC, cho đến bây giờ mới có sự nhất quán cao trong lãnh đạo ở cơ sở, quần chúng nhân dân và nội bộ.

3/ Lấy cà phê là cây chủ yếu trong kinh tế vườn :

-Phù hợp đất đai, khí hậu.

-Do đó nó cũng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và cơ cấu cây trồng được xác định chung trong tỉnh và đem lại lợi ích thiết thực cho quần chúng, thực hiện khẩu hiệu : ích nước, lợi dân, cụ thể, thiết thực.

-Là loại cây có giá trị cao, có khối lượng sản phẩm hàng hóa hết sức thuyết phục cả người sản xuất và người tiêu thụ, có yêu cầu tiêu dùng lớn cũng như xuất khẩu.

4/ Có chính sách, chế độ thỏa đáng, nhất là chế độ trao đổi 2 chiều, cà phê là lương thực, cà phê là vật tư xây dựng, phân bón... đang là động lực lớn để đẩy mạnh sản xuất phát triển và trách nhiệm chăm sóc, tập trung trong công tác thu mua.

5/ Cà phê vườn nói chung, nhất là cà phê vườn dân tộc nói riêng, với việc sản xuất hàng hóa đó là

một bước tiến nhảy vọt, trong đó có 3 cuộc cách mạng được diễn ra thật khó khăn, phức tạp và cụ thể cho nên phải được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, sự hoạt động đồng bộ các ngành các cấp mới có hiệu quả.

6/ Trong vùng dân tộc, cà phê vườn là nội dung công tác ĐCĐC, là một bước chuyển từ quảng canh sang thâm canh, từ chặt phá 1 ha rừng đốt hàng trăm mét khối gỗ để đổi lấy từ 400-600 kg gạo, sang làm vườn 2 sào thu hoạch giá trị cà phê đổi bằng tấn gạo... là một cuộc đấu tranh giáo dục giác ngộ và phải thuyết phục bằng thực tế và tự nguyện, tự giác mới có hành động cách mạng thực sự đem đến thành công.

III/ Kết luận :

Hiện nay trong nhận thức, trong suy nghĩ có thể có nhiều người còn băn khoăn:

1/ Cho phát triển cà phê vườn như vậy, chủ vườn sẽ trở thành tư bản hoặc địa chủ không ?

-Không thể trở thành tư bản được vì họ không phải là thành phần bóc lột lao động - thặng dư của người làm thuê, vì không có người làm thuê.

-Không thể trở thành địa chủ được vì chủ vườn không phải là người chủ ruộng đất, nhất là dưới CNXH, ruộng đất là tài sản của toàn dân, của quốc gia. Mà họ là người được giao đất có giới hạn để làm

vườn, hưởng thành quả lao động tạo ra, còn đất vẫn nguyên vẹn là của nhà nước.

-Chỉ có một điều họ được là họ làm chủ thì họ sẽ chủ động và kích thích tích cực làm ra nhiều cà phê, có sản phẩm hàng hóa lớn, tạo của cải vật chất cho xã hội; lao động của họ đã tạo ra giá trị thặng dư, họ sẽ làm chủ giá trị đó, góp phần giải quyết đời sống có tích lũy và xuất khẩu.

2/ Còn vấn đề nữa, có người cho rằng trồng cà phê vườn thì tổ chức tập thể :

-Sản phẩm không quản lý được.

-Lao động không quản lý được để đưa họ vào sản xuất tập thể, chạy theo cà phê vườn sẽ phá vỡ sản xuất tập thể...

-Vật tư, phân bón họ không lo tốt cho tập đoàn, cho HTX?

Theo chúng tôi :

Vấn đề ở đây là cách quản lý và không phải nói quản lý chung chung mà là quản lý con người... mà đã quản lý con người, không có gì khác hơn là phải có chế độ chính sách cụ thể, rõ ràng bằng lợi ích thiết thực, phải có giá hợp lý để trao đổi hai chiều; là vấn đề định mức kinh tế kỹ thuật, cụ thể hóa vấn đề quản lý, là chế độ khoán thật chặt chẽ, là vấn đề giáo dục, giác ngộ quyền làm chủ tập thể của quần chúng, là nghĩa vụ quyền lợi phân minh.

Trong thực tiễn ở Lâm Đồng, cà phê được trao đổi 10-12 kggạo/1 kg cà phê nếu là vùng không có lương thực, chúng tôi không đủ gạo để đáp ứng ngay cho yêu cầu thu mua, vừa là giải quyết lương thực cho dân. Nhà nước nắm được hàng để bảo đảm nội tiêu và xuất khẩu.

3/ Chúng tôi cho rằng : phát triển kinh tế gia đình nói chung, trong đó kinh tế vườn cà phê là cây chủ yếu cho đại bộ phận đất đai ở Lâm Đồng, ở cả vùng Kinh và vùng đồng bào dân tộc, và kinh tế vườn ở đây không chỉ để tiêu dùng mà còn để sản xuất hàng hóa làm giàu cho đất nước.

Đối với Lâm Đồng như thế là phù hợp với các điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội.

Nó cũng đúng với đường lối của Đảng "Phải khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ kinh tế gia đình, bảo đảm kinh tế gia đình thực sự là một bộ phận hợp thành của kinh tế XHCN" là những viên gạch xây nền móng để dựng tường cao, một lâu đài tương lai vươn tới. Với vị trí quan trọng kinh tế gia đình nói chung và phát triển cà phê vườn được phân tích trong báo cáo chung ở hội nghị này và thực tế vai trò cà phê vườn được phát triển ở Lâm Đồng trong mấy năm qua chứng minh lời Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy :**"Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"**. Chúng tôi nghĩ rằng trước khó khăn hiện nay phải tin và dựa vào dân để

phát triển lực lượng sản xuất, tổ chức cho dân làm ăn theo đường lối chủ trương của Đảng, từng bước đi lên sản xuất lớn XHCN bằng thế mạnh lao động đất đai tài nguyên hiện có được sử dụng hợp lý.

Sản xuất phát triển là cơ sở ổn định đời sống, từng bước lập lại trật tự phân phối lưu thông, làm chủ giá cả, làm chủ thị trường... phải làm sao cho toàn dân có thể tham gia sản xuất, tận dụng mọi thời gian và sử dụng mọi thành phần lao động để sản xuất, biến khẩu hiệu : "tấc đất, tấc vàng" thành hiện thực.

Để sản xuất phát triển phải có chính sách đòn bẩy, kích thích mọi người lao động hăng hái, lao động có năng suất, có chất lượng, đem lại hiệu quả cao. Đối với Lâm Đồng, chúng tôi đã tính là làm sao mọi gia đình phải có mảnh vườn, tùy từng vùng mà phân giao cái vườn phù hợp điều kiện, từng nơi và từng tính chất lao động thích hợp, nhằm tận dụng thời gian lao động, tranh thủ sớm chiều, cả với người già yếu và trẻ em có điều kiện tham gia lao động không chính thức...

Để phát triển sự nghiệp cây cà phê thành một ngành hàng chủ lực xuất khẩu trong những năm đến, chúng tôi có mấy đề nghị :

1/ Để phát triển mạnh cây cà phê, nên có chính sách đầu tư đồng bộ, từ quốc doanh, tập thể và gia đình thành một hệ thống, không phân biệt, Nhà

nước phải cho vay vốn, hệ thống quốc doanh thu mua cà phê, bảo đảm bán lương thực vật tư-hàng hóa, bảo đảm đến người lao động, trồng cây cà phê theo hợp đồng kinh tế, để thu mua sản phẩm, chế biến và lưu thông, thực hiện nguyên tắc quốc doanh tập thể chịu trách nhiệm chế biến và lưu thông, làm sao liên kết cho được quốc doanh, tập thể và gia đình thành một khối thống nhất, cộng tác để phát triển, có chế độ phân phối theo chính sách và hưởng theo sức lao động bỏ ra, và được thưởng cao theo năng suất và chất lượng lao động, đem lại hiệu quả có thặng dư để tích lũy và phát triển.

2/ Nơi có tổ chức tập đoàn, HTX thì dựa vào tập đoàn, HTX mà hỗ trợ việc phát triển kinh tế gia đình và phát triển cà phê vườn : HTX cho đất lập vườn, bán giống, phân bón, thuốc trừ sâu theo định mức hợp đồng, số còn lại mua theo giá linh hoạt. Diện tích giao đất, lập vườn ở nông thôn 1000 m2, thị trấn, thành phố (trừ trung tâm) thì tùy điều kiện đất đai mà cấp mỗi vườn cụ thể, trên địa bàn xã đối với người Kinh, còn đồng bào dân tộc không hạn chế khả năng phát triển của họ.

Vùng kinh tế mới, mảnh vườn không quá 2000 m2 trừ một số có lao động nhiều thì cấp thêm.

3/ Đối với nơi tập thể còn yếu, không thu hút được mọi đối tượng lao động và vùng đất mới khai phá thì cho phép phát triển kinh tế cá thể với điều

kiện có lao động sức kéo và có vốn sản xuất tự có, thì cho mượn đất để sản xuất có thời hạn, bảo đảm chu kỳ kinh doanh mỗi loại cây con khác nhau, với điều kiện đóng thuế nông nghiệp theo chính sách chung, và quy định có thời hạn mà không tiến hành sản xuất xong sẽ thu lại. Phải có bảo đảm năng suất quy định, cho phép đổi công chứ không cho thuê, mướn người trong tập thể ra làm cho mình ; và phải hợp đồng với quốc doanh, dịch vụ bảo đảm sản xuất và đời sống, bán sản phẩm cho Nhà nước theo hợp đồng và ngoài hợp đồng.

4/ Vườn cà phê của chủ cá thể cho phép được sang nhượng hoa màu khi thay đổi chỗ ở hoặc yêu cầu cuộc sống, hoặc được kế thừa cho người trong gia đình, khi cần Nhà nước thu lại đất có bồi thường sức lao động sản xuất và kết quả giá trị hoa màu đã có. Trường hợp vào tập thể được trị giá sản phẩm bỏ vốn cổ phần vào tập thể, hưởng lợi tức được chia hàng năm, trừ cái vườn không đưa vào tài sản cố định nhưng thuộc đất được bảo hộ của tập thể quản lý về mặt Nhà nước, mà trực tiếp của chủ sản xuất là hộ gia đình và phải làm nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước và bán sản phẩm chung trong tập thể theo định mức.

6/ Một số ý kiến đánh giá về công tác phát triển cà phê vườn dân tộc trong những năm qua và những nhiệm vụ cần làm trong thời gian tới về cà phê vườn dân tộc.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và UBND Tỉnh Lâm Đồng về việc phát triển kinh tế vườn gia đình trong vùng đồng bào dân tộc là bước đi ban đầu của công tác định canh định cư. Các địa phương trong tỉnh từ năm 1982 đến nay đã vận động chỉ đạo đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh trồng cà phê vườn. Cho đến nay công tác này nhiều huyện, xã trong tỉnh đã hoàn thành kinh tế vườn gia đình, bước đầu tư đã có sản xuất hàng hóa từ kinh tế vườn, đời sống đồng bào từng bước được cải thiện. Nhưng nhìn chung công tác phát triển cà phê vườn dân tộc chưa đều khắp, có nơi làm tốt và cũng có nhiều nơi chưa có phong trào. Do vậy cần tổng kết và đánh giá công tác cà phê vườn dân tộc từ năm 1982 trở lại đây một cách khách quan – và từ đó giải quyết một số nhiệm vụ tiếp theo trong thời gian đó.

I/ Kết quả tình hình thực hiện càphê vườn dân tộc từ năm 1982 đến nay :

1/ Kết quả thực hiện :

-Số cây cà phê đã cấp cho đồng bào dân tộc làm vườn, từ năm 1982 đến năm 1987 là : 3.990.476 cây nay còn sống 2.604.354 cây, tỷ lệ sống đạt 65%, tính bình quân số cây cà phê còn sống trong 1 hộ dân tộc là 148 cây/tổng số 227 cây cà phê đã cấp trên hộ năm 1982-1987.

-Số cây cà phê cấp theo từng địa phương như sau:

Đơn vị	1982-1984		1985		1986		1987		1982-1987	
	Cây cấp	Còn sống	Cây cấp	Còn sống	Cây cấp	Còn sống	Cây cấp	Còn sống	Cây cấp	Còn sống
1.Đà Lạt	20.700	5.501	9.293	6.969	11.524	11.217	6.320	6.000	47.837	29.687
2.Lạc Dương	174.961	59.923	52.895	32.351	126.738	91.849	149.269	63.808	503.863	247.931
3.Đơn Dương	123.108	26.389	41.770	14.617	59.320	33.784	119.636	74.913	343.834	149.703
4.Đức Trọng	38.081	8.787	69.323	32.481	118.473	83.364	227.420	160.450	453.297	285.082
5.Lâm Hà	55.245	22.004	112.890	66.719	120.550	95.090	225.200	161.820	513.885	345.633
6.Di Linh	468.113	350.649	143.885	118.033	448.876	354.460	93.874	63.575	1.157.619	886.717
7.Bảo Lộc	455.948	322.000	168.620	125.181	167.627	123.077	62.975	44.082	874.770	614.340
8.Đạ Huoai			5.000	2.500	26.021	13.010	35.700	17.156	66.721	32.666
9.Đạ tẻh					8.650	2.595	20.000	10.000	28.650	12.595
Tổng cộng	1.335.756	795.253	623.676	398.851	1.087.779	808.446	942.394	601.804	3.990.476	2.604.354

Cho đến nay toàn tỉnh đã có 36 xã/56 xã, 10.762 hộ/17.725 hộ được cấp trên 200 cây cà phê, trong đó :

-Đà Lạt : 1 xã 135 hộ 100% số hộ dân tộc
-Đức trọng : 3 xã 978 hộ 40% số hộ dân tộc
-Lâm Hà : 4 xã 1.593 hộ 69% "
-Di Linh : 13 xã 4.118 hộ 95% "
-Bảo Lộc : 11 xã 2.589 hộ 97% "
-Đạ Huoai: 1 xã 230 hộ 46% "
-Lạc Dương: 3 xã 1.119 hộ 47% "

Các Huyện Bảo Lộc, Di Linh và Đà Lạt đã cơ bản hoàn thành cà phê vườn dân tộc.

2/ Tình hình thu hoạch cà phê vườn dân tộc hiện nay :

+ Tình hình thu mua cà phê dân tộc :

a./ Chung của 3 huyện :

Đơn vị	Năm 1985			Năm 1986			Năm 1987		
	Chung	Dân tộc	%	Chung	Dân tộc	%	Chung	Dân tộc	%
Bảo Lộc	250 T	20 T	8	400	50	12	400	70	17
Di Linh	300	59	13	350	72	20	360	126	35
Đức Trọng					21	21		45	45
		79 T			143 T			241 T	

b./ Cà phê dân tộc ở Di Linh thu mua theo xã :

Đơn vị xã	1985	1986	1987
-Đinh Trang Thượng	1.000 kg	6.500	11.600
-Đinh Lạc	5.500	8.800	24.000
-Tân Châu	12.300	14.000	23.000
-Đinh Trang Hà		4.800	10.600
-Giong Ré	12.500	5.300	15.000
-Liên Đầm	11.500	13.000	18.000
-Tân Thượng	11.774	14.450	16.000
-Gia Hiệp		3.000	3.000
-Tam Bố		1.000	1.000
-Hòa Bắc		1.500	1.000
Toàn huyện	54.574 kg	72.350 kg	129.600 kg

+ Một số điển hình có sản lượng cà phê cao và đã có bán cho Nhà nước năm 1987 :

Họ và tên	Số cà phê bán năm 1987	Xã	Huyện
K' Pè ng	1.000 kg	Tân Châu	Di linh
K' B rốp	800	Gung ré	-
K' Sen	700	Bảo Thuận	-
K' Đầm	600	Đinh Lạc	-
K' Bẻo	300	Tân Châu	-
K' Kỳ	300	Đinh trang Thượng	-
K' Píu	400	Tân Thượng	-
K' Rền	300	Đinh Trang Thượng	-
K' Đòm	400	Lộc Bắc	Bảo Lộc
K' Tú	300	-	-
K' Tép	300	Lộc Bắc	Bảo Lộc
K' Tụ	200	Lộc Nam	-
K' Lệt	200	Lộc Lâm	-
K' Rai	700	Đinh Văn	Đức Trọng
K' Ràng	300	Đại Đòn	-
K' Tư	350	-	-
K' Lư	250	-	-
Ha Thăng	250	-	-
Ha Gút	200	Đinh Văn	-
K' Đăc	200	Đại Đòn	-
Cu Long	150	Xã Lát	Lạc Dương

Jang Riêng	150	-	-
Hà Giang	100	-	-

+ Dự kiến khả năng thu hoạch cà phê dân tộc trong năm 1987 :

-Căn cứ vào số cây còn sống đã đầu tư từ năm 1982-1984.

-Căn cứ số cây còn sống cho đồng bào dân tộc đã trồng từ năm 1975-1981 (chỉ tính cho huyện Di Linh).

-Căn cứ vào tình hình thu mua và các điển hình có sản lượng cà phê cao trong trong năm 1987.

-Qua quan sát thực tế ở một số vùng.

Ví dụ : Bảo Lộc (trừ 2 xã Lộc Nam và Lộc Lâm), còn hầu hết dân tộc toàn huyện đều có sản lượng từ 150 kg đến 200 kg cho 1 hộ.

Chúng tôi dự kiến khả năng trong năm 1987 có thể thu hoạch như sau :

Đơn vị	Số cây có thể thu hoạch	Định mức cây	Số lượng thu hoạch	Ghi chú
1/ Tà Nung	5.500 cây	0,25 kg	1.375 kg	
2/ Lạc Dương	59.923 cây	0,25 kg	14.980 kg	
3/ Đơn Dương	26.389 cây	0,25 kg	6.597 kg	
4/ Đức Trọng	8.787 cây	01 kg	8.787 kg	Chưa tính 116.000

5/ Lâm Hà	22.004 cây	01 kg	22.004 kg	cây còn sống từ
6/ Di Linh	350.649 cây	01kg	350.649 kg	1975-1981
7/ Bảo Lộc	322.000 cây	01 kg	322.000 kg	
Toàn tỉnh	**795.253 cây**		**726.392 kg**	

Dự kiến khả năng thu hoạch trên đây là hoàn toàn thực tế. Ví dụ : ở huyện Đức Trọng cũ chúng tôi chỉ dự kiến 30 tấn nhưng kế hoạch mua năm 1987 đã đưa lên gần 50 tấn, hoặc ở huyện Bảo Lộc, nếu trừ 2 xã Lộc Nam và Lộc Lâm thì số hộ còn lại là 2000 hộ, nếu tính bình quân mỗi hộ thu hoạch 150 kg thì đã có 300 tấn cà phê nhân.

Do vậy, dự kiến thu hoạch toàn tỉnh về cà phê trong vườn dân tộc số lượng 726 tấn trong năm 1987 là hoàn toàn có căn cứ. Hiện nay, ta mới thu mua chưa được 50% sản lượng có trong vùng dân tộc, và có thể dự đoán khả năng thu hoạch cà phê trong vùng dân tộc sẽ đạt được trên dưới 1000 tấn trong năm 1988.

II/ Đánh giá tình hình thực hiện cà phê vườn dân tộc từ năm 1982 đến nay :

-Trong thời kỳ đầu tư năm 1982 đến năm 1984, chúng ta đã từng trả giá – toàn tỉnh trong vòng 3 năm đầu đã đầu tư 1.335.756 cây cho đồng bào dân tộc, nhưng tỷ lệ sống cà phê đạt thấp, đến nay còn

sống 795.253 cây, bình quân tỷ lệ cây còn sống đạt 50 %.

-Từ năm 1982 – 1987 toàn tỉnh tiếp tục đầu tư cho dân tộc trong 3 năm là: 2.654.720 cây, nay còn sống là 1.0809.101 cây.

-Từ năm 1982-1987 cây cà phê trong vùng dân dân tộc còn sống là 2.654.720 cây, tương ứng 13.000 vườn hộ/ 200 cây sống trên 17.593 hộ. Còn thiếu gần 5000 hộ nữa là cơ bản hoàn thành kinh tế vườn gia đình đồng bào dân tộc, sẽ thực hiện hoàn thành trong năm 1988.

-Bắt đầu từ năm 1985 trở lại đây, việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế vườn gia đình trong vùng đồng bào dân tộc mới trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Cà phê vườn gia đình đã có hiệu quả kinh tế thiết thực bước đầu đã có sản xuất hàng hoá. Đến nay 1/3 số hộ trong vùng dân tộc đã có sản phẩm hàng hóa trên mảnh vườn của mình có trên 200 kg cà phê đã trở thành phổ biến.

-Trong đồng bào dân tộc đã xuất hiện nhiều cá nhân điển hình như K'Rai ở thôn 5 Đinh Văn (Đức Trọng) đã bán 5 con trâu để lấy tiền đầu tư cho 2,5 ha cà phê, năm 1986 thu 300 kg cà phê và năm 1987 thu 700 kg cà phê. Anh Ha Gút Thôn 6 Định Văn-Đức Trọng có một ha cà phê, năm 1986 thu 150 kg, năm 1987 thu 200 kg đã đổi lấy tôn, xi măng để xây nhà lầu trong vùng dân tộc. Từ sản phẩm hàng hóa

đồng bào có tiền mua thêm máy bơm nước, máy bơm thuốc trừ sâu như HTX Xê đăng (Đức Trọng) có 12 máy bơm, N Thôn hạ có 7 máy bơm v.v ...

Có sản phẩm hàng hóa đã từng bước nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc về ăn, ở và tạo thêm tư liệu sản xuất. Ví dụ : đời sống của đồng bào dân tộc xã Đinh Lạc, Tân Châu (Di Linh) ngày càng tăng là nhờ có cây cà phê vườn, thu nhập mỗi hộ từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng một năm ở những năm ấy và có hộ còn thu nhập cao hơn. Hiện nay đồng bào xã Đinh Lạc nhà nào cũng có 1-2 xe đạp, đài thu thanh, ti vi và xây dựng được một số nhà cửa khang trang, trong gia đình còn sắm sửa thêm tủ, giường, bàn ghế.

Trong năm 1987 : một số nơi đồng bào đã biết tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước về cây giống cà phê như ở Đơn Dương, không còn tình trạng gò ép nhận cây như những năm trước.

-Từ chỗ kích thích sản xuất vật chất hàng hóa, cà phê vườn dân tộc bước đầu đã có hiệu quả, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đã có sự quan tâm về công tác này. Trong những năm qua sự phối hợp chỉ đạo của Công ty cà phê Đức Trọng và Ban ĐCĐC Huyện đã kết hợp chặt chẽ, tạo những bước chuyển mới trong việc chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế vườn trong vùng đồng bào dân tộc, ngay cả báo chí địa phương Trung ương, phát thanh truyền hình cũng đã đăng nhiều tin bài phản ảnh cuộc sống và tình

hình thực tế đồng bào các dân tộc thay đổi cuộc sống đi lên chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ mảnh vườn của kinh tế gia đình.

-Trong những năm qua, kể từ năm 1985 trở lại đây, ngành chủ quản (Sở Lâm nghiệp), Ban ĐCĐC Sở Lâm nghiệp đã có sự quan tâm đúng mức trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế vườn đồng bào dân tộc. Trong năm 1987, Sở Lâm nghiệp bắt đầu dùng quỹ nuôi rừng đầu tư cho ĐCĐC là 7 triệu đồng và Trung ương hỗ trợ 1,7 triệu để tạm thanh toán tiền cây giống cà phê năm 1987 cần khoảng 20 triệu đồng, ngành chủ quản sẽ tiếp tục cân đối tiếp để thanh toán dứt điểm tiền cây giống trong cuối năm 1987.

-Sở dĩ việc thực hiện cà phê vườn dân tộc đến nay đã trở thành phong trào quần chúng rộng khắp đã phải trải qua một quá trình vận động gian khổ, sự chỉ đạo của Ban ĐCĐC từ tỉnh đến cơ sở, coi công tác chỉ đạo thực hiện cà phê vườn dân tộc là nhiệm vụ chính trị số 1 – Do đó chất lượng về công tác chỉ đạo vận động những năm về sau này ngày càng tốt hơn, đem lại hiệu quả kinh tế, những chủ trương của tỉnh về phát triển kinh tế vườn gia đình là đúng hướng thiết thực đối với đồng bào dân tộc trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

-Về mặt tồn tại :

Trong quá trình chỉ đạo phát triển kinh tế vườn, đồng bào dân tộc trong những năm qua còn thể hiện những mặt tồn tại, đó là :

+ Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Lâm Đồng về phát triển cây cà phê trong kinh tế vườn đồng bào dân tộc đến nay đã khẳng định bước đi của chúng ta là hoàn toàn đúng đắn. Mỗi hộ dân tộc có 2 sào cà phê vườn đã trở thành phổ biến trong phạm vi toàn tỉnh. Nhưng đặc biệt ở một số nơi nhất là ở những vùng sâu, nơi xa xôi hẻo lánh, nơi có khí hậu đất đai khắc nghiệt như : Đa La thuộc Đạ Huoai, Thôn 5 (Cát Tiên), 3 xã vùng Đầm ròn (Lạc Dương), Kon Rum, Gia Bắc (Di Linh), một số buôn ở Lộc Nam, Lộc Thành (Bảo Lộc). Các vùng này lâu nay, bước đầu ta đã đầu tư hỗ trợ cây giống cà phê cho đồng bào dân tộc phát triển kinh tế vườn nhưng chưa đem lại hiệu quả kinh tế, đó là do chỉ đạo chúng ta chưa sát thực tế, còn khơi, xác định phương hướng cây trồng chưa thích hợp, với điều kiện đất đai khí hậu và tập quán từng vùng không rõ. Không nắm vững tính chất "đất nào cây ấy" cho phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế-xã hội và nghiên cứu tập quán lao động, cây trồng nơi đó, thực tế không nhất thiết chỉ phát triển cây cà phê trên mảnh vườn 2 sào của đồng bào dân tộc mà có thể đầu tư cho đồng bào phát triển kinh tế vườn, về cây điều, cây chè, cây tiêu... trên cơ sở xác định cây trồng, khí hậu đất đai có cơ sở khoa học. Thực tiễn trước mắt nên đầu tư cây điều

cho đồng bào dân tộc vì dễ trồng, ít công chăm sóc, rất phù hợp với những vùng có khí hậu đất đai khắc nghiệt.

+ Đối với cây cà phê đòi hỏi về phân bón, về nước, về phòng trừ sâu bệnh rất cao. Vấn đề kích thích để đầu tư chiều sâu cho kinh tế vườn đồng bào dân tộc ở các địa phương chúng ta chưa có mô hình về vấn đề này. Chúng ta chưa có kế hoạch chăm sóc cà phê dân tộc về mùa nắng đến vụ nở hoa nhất thiết phải tưới nước trong thời kỳ vụ khô ở Tây Nguyên kéo dài, đòi hỏi phải chỉ đạo quy trình kỹ thuật từ khâu đào lỗ, lót phân quy cách trồng và chăm bón đúng lúc đúng lượng.

Vấn đề đầu tư chiều sâu, kỹ thuật cắt cành tạo tán, điều kiện bón phân tưới nước không được huấn luyện chỉ đạo hướng dẫn cho đồng bào.

Bước đầu mới kiến tạo vườn cây, còn chủ đầu tư tiếp theo làm gì chưa xác định rõ, còn bỏ lửng, đó là một khuyết điểm lớn trong chỉ đạo của chúng ta.

+ Đến năm 1988 là năm cuối cùng chúng ta đầu tư cơ bản hoàn thành việc phát triển kinh tế vườn cho đồng bào dân tộc trong phạm vi toàn tỉnh, từ việc phát triển mảnh vườn làm tư liệu sản xuất ban đầu tiến lên sản xuất ngoài vườn, với phát triển kinh doanh lâm nghiệp là tiền đề tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, hình thành quan hệ sản xuất mới. Đã đến lúc phải cấp thiết chuyển sang việc phát triển sản

xuất ngoài vườn qua việc giao đất giao rừng, bảo đảm cho đồng bào dân tộc là người làm chủ thật sự của quan hệ sản xuất mới đối với rừng núi. Đến hết năm 1990 phải cơ bản xong cuộc vận động ĐCĐC, sử dụng hợp lý 60.000 lao động dân tộc của địa phương và xây dựng cơ cấu kinh tế lâm-nông-chăn nuôi-công nghiệp kết hợp, nếu hoàn thành những nhiệm vụ được đặt ra trong thời kỳ này thì mỗi hộ dân tộc sẽ có 7 sào cà phê, trong đó có 2 sào vườn và 5 sào cà phê ngoài vườn và 5 sào làm cây lương thực phẩm để tự túc trước mắt và làm chủ sản xuất kinh doanh 9 ha rừng và đất rừng, mới đưa được đồng bào dân tộc vào con đường công nghiệp hóa từ tài nguyên rừng thật sự sau năm 2000.

Như vậy rõ ràng là trong thời gian qua, các địa phương chưa gắn việc phát triển kinh tế vườn với việc giao đất giao rừng (giai đoạn 2). Đây là một chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta, các ngành các cấp phải quán triệt thực hiện tốt

-Tồn tại về công tác lãnh đão chỉ đạo của các ngành, các cấp, nhất là đối với cấp ủy và chính quyền địa phương ở huyện, xã đối với công tác ĐCĐC còn chung chung chưa cụ thể, nhất là đối với công tác vận động quần chúng.

III/ VỀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT :

-Sở Lâm nghiệp (Ban ĐCĐC) tiếp tục đầu tư để hoàn thành 1.200.000 cây cà phê và một số loại cây

khác, nơi nào trồng cà phê không đảm bảo thì trồng điều, gắn trồng thử tiêu ở khe suối, chân đồi có bóng mát, có nước tưới... cho 5000 hộ dân tộc còn lại phải có vườn dứt điểm trong năm 1988. Tùy điều kiện cụ thể của từng nơi, căn cứ đề nghị của các địa phương, Sở Lâm nghiệp có kế hoạch chuẩn bị cây giống đạt số lượng, bảo đảm chất lượng, chủng loại cây giống cho phù hợp với điều kiện khí hậu đất đai từng vùng, từng nơi đảm bảo đem lại hiệu quả về kinh tế.

-Giao trách nhiệm cho Liên hiệp xí nghiệp cà phê tỉnh Lâm Đồng, Công ty cà phê, các huyện thành phố tiếp tục đầu tư chiều sâu và thu mua sản phẩm toàn bộ cà phê vườn dân tộc hiện có do định canh định cư đã đầu tư từ năm 1982 đến nay. Theo hợp đồng kinh tế ứng trước vật tư thu mua sản phẩm, và đầu tư kỹ thuật hướng dẫn thâm canh cây trồng cho số cà phê trên vườn hộ dân tộc hiện nay (còn sống từ năm 1982 đến 1987 là 2.600.000 cây) về nhu cầu phân bón, thuốc sâu (theo quy trình kỹ thuật) ngành cà phê cần đầu tư theo chiều sâu trong năm 1988, có sự tính toán cụ thể và đã đi vào hợp đồng ngay từ bây giờ.

Vấn đề đầu tư chiều sâu thực chất là phân bón, thuốc trừ sâu, nước tưới. Do vậy, ngành cà phê cần có kế hoạch chuẩn bị phân bón, thuốc trừ sâu, máy bơm nước, thuốc đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của bà con.

-Đối với những nơi hộ dân tộc đã hoàn thành 2 sào vườn, ngành Lâm nghiệp có ngay kế hoạch cùng các địa phương tổ chức bàn giao cụ thể cho huyện và chuyển qua giai đoạn 2 là thực hiện ngay công tác giao đất giao rừng cho đồng bào dân tộc, làm cho mỗi hộ 10 ha rừng và đất rừng trong đó được sử dụng 10% (1 ha) để sản xuất cây lương thực và cây công nghiệp. Trước mắt cần làm ngay ở những vùng những nơi có điều kiện thuận lợi, những vùng sâu vùng xa, nơi khó khăn thì làm sau. Đến năm 1990 phải làm xong công tác giao đất giao rừng cho đồng bào dân tộc ở vùng sâu vùng xa, vùng có rừng, thực hiện phương thức nông lâm kết hợp và phát triển chăn nuôi phục vụ thâm canh cây trồng. Đồng thời chuẩn bị giai đoạn 3 là thâm canh rừng, phân công lại lao động, phát triển thủ công nghiệp tạo tiền đề công nghiệp hóa nông lâm...

Trên đây là sơ bộ hướng bước đi của từng giai đoạn phát triển kinh tế trong vùng đồng bào dân tộc gốc địa phương. Nhưng phải thấy sự phát triển sẽ không đồng đều trên toàn bộ mà bước đi ấy sẽ diễn ra từng buôn, từng xã, từng huyện, thậm chí từng tổ đoàn kết sản xuất tập đoàn... Do đó ta phải áp sát chỉ đạo cụ thể và kịp thời từng đơn vị nhỏ mà nâng dần lên. Theo phương thức là phải tạo nên ngọn cờ và xây dựng mô hình để động viên tiến lên theo ngọn cờ và mô hình chính đồng bào đã tạo nên.

IV/ VỀ BIÊN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIÊN :

Giao trách nhiệm cho ngành lâm nghiệp (ĐCĐC) và ngành cà phê tỉnh huyện kiểm kê lại toàn bộ cà phê vườn hộ dân tộc ĐCĐC đầu tư từ năm 1982 đến nay để bàn giao lại cho ngành cà phê tiếp tục đầu tư theo chiều sâu. Đối với công tác kiểm kê bàn giao phải thật cụ thể. Sau khi nhận bàn giao, ngành cà phê phải tổ chức đi sâu từng vườn hộ để lập kế hoạch đầu tư chiều sâu hàng năm qua hợp đồng 2 chiều.

-Ngành Lâm nghiệp (ĐCĐC) và ngành cà phê có kế hoạch biện pháp để giúp đỡ đồng bào dân tộc tiến hành 3 cuộc cách mạng nhất là cách mạng khoa học kỹ thuật. Phải thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, bón phân, tưới nước, cắt cành tạo tán xây nồi... cầm tay chỉ việc cho đồng bào dân tộc.

Để làm tốt việc đầu tư kinh tế vườn cho 5.000 hộ dân tộc có vườn trong năm 1988, ngay từ bây giờ các huyện, các địa phương có kế hoạch biện pháp để chỉ đạo đồng bào chuẩn bị hố, phân bón, ươm cây, về ươm cây giống, cần chọn giống và phải ươm giống cho phù hợp ngay tại khu vực trồng (ươm cây tại nhà).

Ngoài giống cà phê, Sở Lâm nghiệp chỉ đạo Ban ĐCĐC lo giống điều, tiêu và những cây khác cho những nơi không trồng cà phê được.

- Giao trách nhiệm cho huyện xác định cây trồng từng vùng cho thích hợp (ngoài cây cà phê) để làm cơ sở cho ngành lâm nghiệp có kế hoạch đầu tư cây giống góp sức cùng ban ĐCĐC để giải quyết dứt điểm mảnh vườn.

- Về kế hoạch triển khai giai đoạn 2 (công tác giao đất giao rừng cho đồng bào dân tộc). Để bước đầu tạo cơ sở cho đồng bào dân tộc làm tốt việc nhận đất nhận rừng và sử dụng có hiệu quả 1 ha trên diện tích 10 ha rừng và đất rừng được giao. Tỉnh giao trách nhiệm cho lâm trường là chủ đầu tư để mua bò giao cho đồng bào chăn nuôi theo hình thức chăn nuôi với phương thức chia đôi, để đồng bào lấy phân (đối với hộ chưa có trâu bò). Hoặc đối với những hộ có nhiều trâu bò, thì lâm trường đứng ra mua để cho những hộ thiếu trâu bò nuôi rẽ. Các lâm trường phải chỉ đạo làm tốt công tác này.

-Về vốn để đầu tư cho đồng bào dân tộc trồng 5 sào cà phê (10% trong 10 ha rừng được giao) giao trách nhiệm cho ngành cà phê thông qua lâm trường có hợp đồng đầu tư toàn bộ cho bà con dân tộc. Ngành cà phê căn cứ vào tình hình điều kiện cụ thể mà lập kế hoạch đầu tư có hiệu quả, để nắm sản phẩm đưa diện tích cà phê kết hợp trong lâm nghiệp nằm trong hệ thống vốn đầu tư hợp tác với Lien Xô, và cũng có thể huy động vốn của đồng bào kinh bỏ vào liên kết hợp tác với đồng bào dân tộc theo nguyên tắc chia lãi theo tỷ lệ cổ đông và liên hiệp xí

nghiệp cà phê chịu trách nhiệm cung ứng vật tư thu mua sản phẩm vv...

-Liên hiệp xí nghiệp cà phê cùng ban ĐCĐC, Sở Lâm nghiệp phối hợp cùng huyện Bảo Lộc chỉ đạo nông trường xã Lộc Bắc sâu sát giải quyết toàn diện cụ thể để tạo mô hình gắn kinh tế xã hội, gắn chặt cơ cấu nông lâm, tiểu thủ công nghiệp kết hợp trên địa bàn xã, gắn cơ chế quản lý, giải quyết mối quan hệ quản lý theo ngành gắn với địa phương vùng lãnh thổ, gắn chính trị kinh tế văn hóa xã hội an ninh quốc phòng từ cơ sở để có sự phát huy lực lượng tổng hợp, từng bước hoàn chỉnh mô hình nhân ra trong vùng dân tộc thiểu số, theo mô hình này là phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế xã hộ khách quan của nó đối với địa phương miền núi và dân tộc vốn lực lượng sản xuất còn lạc hậu..

***

Đến nay cây cà phê trên địa bàn Lâm Đồng đang trên đà phát triển khá tốt, là nhờ có chủ trương đúng đắn của Đảng bộ và quyết tâm kiên trì điều hành của chính quyền các cấp, và có sự tác động tích cực của Bộ Ngoại thương, của tổng Công ty Na fo ri mét của Bộ và Công ty Xuất nhập khẩu Lâm Đồng hết lòng ủng hộ, với chủ trương chính sách hợp lòng

dân, phù hợp với thực tế tự nhiên kinh tế-xã hội, mở ra và bổ sung phương hướng mới, đưa nền kinh tế Lâm Đồng đi lên với nhịp độ phát triển nông công nghiệp có sức sống mới.

Sau cuộc họp của ngành cà phê Trung ương tại Đà Lạt cuối tháng 11 năm 1987, cuộc họp ấy kết nạp Liên hiệp cà phê Lâm Đồng là thành viên trong hiệp hội cà phê Việt Nam, đến năm 1988 trên địa bàn Lâm Đồng đã phát triển gần 40.000 ha cà phê nhân dân, là thời kỳ phát triển cây cà phê nhanh nhất, song song với cây dâu tằm cũng lên ngôi với diện tích dâu đã phát triển lên đến 6.000 ha năm 1988, cây chè cũng từ 6.000 năm 1976 lên đến 15.000 ha. Cơ cấu 3 cây rõ nét trên đất Lâm Đồng (chè, cà phê, dâu tằm) mà thực tế hiện nay thì cây cà phê đương dẫn đầu trên đất Lâm Đồng gần 100.000 ha là có thật.

Do sự phát triển nhanh quá sức tưởng tượng, trong lúc chủ phương án và Liên hiệp cà phê mới ra đời, nội bộ cán bộ công nhân viên chưa được chuẩn bị kỹ về tư tưởng tổ chức, bộ máy và cán bộ chưa đủ đáp ứng yêu cầu phát triển ngành kinh tế kỹ thuật đối với công ty cà phê, là hết sức lúng túng. Mặt khác trên cơ sở sản xuất nông nghiệp, máy móc thiết bị, nhiên liệu vật tư hàng hóa nông sản phát triển nhanh, nhưng công nghiệp chế biến nhập khẩu khó khăn, lại gặp giai đoạn đổi mới xóa bao cấp, liên hiệp cà phê tự xoay xở đầu tư phát triển, lực lượng

khoa học kỹ thuật chưa được động viên tham gia toàn diện và trực tiếp, phó mặc cho Liên hiệp cà phê tự tháo gỡ, trong lúc thị trường cà phê xuống thấp chưa từng có trong mấy thập kỷ qua... Lúc đó thì Bộ ngoại thương lại thông báo cho Na phô ri mét và công ty xuất nhập khẩu Lâm Đồng đình chỉ việc cho vay giá trị ngoại tệ mà Bộ đã duyệt cho Lâm Đồng phát triển cà phê nhân dân, vì Bộ không còn ngoại tệ phục vụ nhập vật tư nên năm 1988 trở đi gặp khó khăn.

Thế là chương trình phát triển cà phê nhân dân trong kế hoạch 5 năm chỉ thực hiện được 2 năm, còn 3 năm nữa là hoàn toàn không có vốn để đầu tư hỗ trợ cho dân theo kế hoạch hợp đồng. Vai trò Nhà nước từ đó khép lại nửa chừng. Trước tình hình đó, UBND Tỉnh, một mặt trình Chủ tịch HĐBT xin chủ trương xóa nợ cho dân không phải trả giá trị ngoại tệ đã đầu tư (vì tiền đồng mua đâu đã thanh toán đủ). Mặt khác vận động nhân dân cố gắng duy trì chế độ chăm sóc số diện tích đã có, tiếp tục tìm cách đầu tư phát triển theo khả năng của dân. Giao cho Liên hiệp cà phê của Tỉnh và Công ty xuất nhập khẩu Lâm Đồng hợp tác đứng ra hợp đồng xin vay vốn ứng trước của Liên Xô, hàng năm dùng hàng hóa chè, cà phê Lâm Đồng xuất sang Liên Xô để trả nợ, được tổng Liên hiệp cà phê Việt Nam bảo lãnh, nhờ đó mà tuy tiền vay giá trị ngoại tệ đã cắt, không còn mắc nợ Chính phủ, nhưng lại được Liên hiệp cà phê Việt nam đỡ đầu, giải quyết khó khăn. Đến năm 1989

Lâm Đồng cũng đã giải quyết xong nợ vật tư của Liên hiệp cà phê Việt nam. Đó là điều hạnh phúc cho ngành cà phê Lâm Đồng, nhưng cũng có điều bất hạnh là đến nay ngành cà phê Lâm Đồng cũng bắt đầu bị chia cắt không còn ngành kinh tế-kỹ thuật để công nghiệp hóa ngành cà phê như Đaklak, Đồng Nai... Về nông nghiệp, thì phát triển mạnh là nhờ vai trò quần chúng, nhưng công nghiệp chẳng ai đầu tư phát triển, Trung ương thì xem như Lâm Đồng không phải địa bàn phát triển cà phê, mặc dù nó đứng vào tỉnh thứ 2 có diện tích gần 100.000 ha trong thực tế, lận đận cũng trở về lận đận. Trung ương và địa phương giải quyết sao đây, trên con đường công nghiệp hóa cây cà phê đối với Lâm Đồng chúng ta, thì còn trong vòng bí mật.

Qua trình bày thực tế, từ quy hoạch tổng thể ban đầu, từ con bò sữa và trong quá trình bổ sung cây cà phê, cây dâu, sau gần một phần tư thế kỷ, là một bài học. Trong thực tế, cho phép ta , một lần nữa khẳng định về đường lối quần chúng của Đảng, lấy dân làm gốc. Tổ chức Liên hiệp cà phê hay Công ty Cà phê hiện nay, còn hay mất, mạnh hay yếu, có đi lên công nghiệp hóa được không, đều do trách nhiệm lãnh đạo của Đảng bộ ta, do sự điều hành của chính quyền chúng ta, đúng hay sai còn rất nhiều ý kiến khác nhau, nhưng cây cà phê trong nhân dân tiếp tục phát triển, thật sự thích hợp cả đất đai, môi trường thiên nhiên và trình độ lao động tay nghề, không

thua kém ai, kết quả đem lại lợi ích thiết thực phục vụ cuộc sống đi lên của nông dân và các tầng lớp nhân dân trên toàn tỉnh vẫn tồn tại và phát triển, mặc dù có khó khăn, ba chìm bảy nổi, từ có 1700 ha già cỗi, sau 20 năm đã lên đến trăm ngàn ha, năng suất từ 4 tạ/ha nay bình quân 2-3 tấn và có vườn cho năng suất điển hình 10 tấn nhân trên 1 ha cây trồng. Sự thật này làm cho nhiều người bất ngờ, đáng phải suy nghĩ.

Sau 20 năm phát động phong trào làm cây cà phê nhân dân, vừa làm vừa lo lắng hồi hộp, không lường hết rủi ro. Nhưng sau cuộc họp tổng kết phong trào cà phê nhân dân ở Đà Lạt của tổng Công ty cà phê Việt Nam, Bộ Nông nghiệp chủ trương đã làm rõ khả năng của quần chúng, làm cơ sở để HĐBT (nay là Chính phủ) thống nhất cho Lâm Đồng, rà soát lại quy hoạch của mình và bổ sung phương hướng cây trồng, con nuôi quy hoạch đúng thực tế. Hồi tháng 7/1987, do đ/c Phó Chủ tịch HĐBT phụ trách kế hoạch chủ trì, đã chính thức thông qua và thông báo duyệt quy hoạch của tỉnh. Tôi cho đây là thắng lợi trên một chặng đường phát triển xây dựng kinh tế-xã hội ở Lâm Đồng chúng ta trên mặt trận nông nghiệp nông thôn.

Quy hoạch tổng quan kinh tế-xã hội của Lâm Đồng gắn liền với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ở Tây Nguyên, có quan hệ với đề tài 48c của HĐBT chủ trương trong thập kỷ 80 và đã báo cáo nghiệm

thu trên địa bàn Đà Lạt -Lâm Đồng hồi tháng 11/1988.

Lâm Đồng được vinh dự chủ nhiệm đề tài. Tôi (NXD) tham gia phát biểu, trình bày những suy nghĩ của mình đóng góp cho nội dung đề tài 48c trên địa bàn Lâm Đồng. Bài phát biểu ấy đã được in toàn văn trong quyển "Tây Nguyên trên đường phát triển" do Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam, nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội in và phát hành năm 1989 từ trang 18 đến trang 44.

Xin in lại toàn văn bản phát biểu ấy để bạn đọc tham khảo.

B/ Một số vấn đề về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội ở Lâm Đồng :

I/ Đặc điểm tự nhiên và thực trạng kinh tế-xã hội :

Lâm Đồng là một trong 3 tỉnh Tây Nguyên nhưng những đặc điểm về tự nhiên, kinh tế, xã hội đều không hoàn toàn giống Gia Lai – Kon Tum, Đắc Lắc, lại càng khác biệt so với các nơi khác.

A.Về tiềm năng kinh tế và các điều kiện tự nhiên :

1/ Địa hình : Là vùng núi nhấp nhô lượn sóng, thấp dần theo hướng đông bắc-tây nam, có độ cao trung bình so với mặt biển theo các bậc thềm :

2000m, 800m, 600m, 300m. Có thể hình dung địa hình Lâm Đồng như một mái nhà, mà nóc là ngọn núi Pi Đúp, với độ cao 2.400m. Trên địa bàn có sông Đồng Nai, sông La Ngà chảy qua với các chi lưu, khe suối tỏa ra khắp tỉnh như một gốc cây cổ thụ nhiều nhánh. Tuy có khác nhau theo độ cao, nói chung khí hậu ôn hòa, mát dịu, mùa mưa kéo dài.

2/ Tài nguyên : Là vùng đất mới được khai mở, trong tổng diện tích tự nhiên 1.017.260 ha, có trên 250.000 ha là đất bazan và phù sa màu mỡ, nhưng mới canh tác chừng 75.000 ha, chiếm chưa đầy 8% tổng diện tích. Đất có rừng là 650.000 ha chiếm 64% tổng diện tích, trong đó có nhiều loại động, thực vật quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, có ý nghĩa khoa học, không những đối với địa phương, mà còn đối với cả nước. Đó là tài sản, là "vốn cố định" lớn lao, cần quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nhất.

Ngoài ra, Lâm Đồng còn có một tiềm năng lớn về năng lượng và khoáng sản.

3/ Lâm Đồng có một hệ thống giao thông tương đối hoàn chỉnh, có sân bay, các quốc lộ xuyên suốt toàn tỉnh (quốc lộ 20, 21...) ; dễ dàng giao lưu với các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Cam Ranh, Vũng Tàu, Biên Hòa... Do đó, có điều kiện thông thương rộng rãi trong nước và thế giới.

Lâm Đồng còn có Thành phố Đà Lạt có tên tuổi trên thế giới, một trong những trọng điểm du lịch, nghỉ dưỡng của cả nước, có điều kiện phát triển to lớn và có khả năng hình thành một mạng lưới du lịch trên địa bàn toàn tỉnh và nối với các trung tâm du lịch Vũng Tàu – Côn Đảo, Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang...

B/ Về tình hình xã hội và thành phần dân cư :

Lâm Đồng có nhiều dân tộc. Dân tộc tại chỗ là Kơ Ho, Mạ, Churu... chiếm 20% tổng số dân và có các dân tộc thiểu số ở nơi khác đến như : Thái, Tày, H mông, Mường... Dân tộc Kinh đến nay đã chiếm đa số tại Lâm Đồng. Do đó cách sản xuất sinh hoạt, phong tục có khác nhau. Có bộ phận đã biết dùng cơ giới, áp dụng khoa học-kỹ thuật tiến bộ, biết sản xuất hàng hóa ; có bộ phận vẫn còn chặt đốt, chọc tỉa. Có người biết đầu tư 1 để lấy 100 ; ngược lại có người phá 100 để lấy 1.

Về xã hội cũng rất phức tạp. Có bộ phận ở vùng địch cũ, có bộ phận kháng chiến, có dân theo đa thần, có dân theo Công giáo, Tin Lành, Phật Giáo, Cao Đài... Về trình độ học vấn cũng khác. Có bộ phận ở trình độ cao, có bộ phận ở trình độ quá thấp. Toàn tỉnh còn một bộ phận dân tộc thiểu số mà phần nhiều là chưa thoát nạn mù chữ.

Đội ngũ cán bộ cũng cấu tạo khá đa dạng và có sự chênh lệch giữa các vùng. Cán bộ khoa học – kỹ thuật được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau : trong nước, ngoài nước, xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa, người có học vấn nhưng thiếu kinh nghiệm, người có nhiều thực tiễn nhưng học vấn thấp...

Cho nên, trong việc phát triển kinh tế-xã hội mà yếu tố con người là quyết định thì phải làm sao đảm bảo cho được sự đoàn kết nhất trí, sự công bằng xã hội, tạo ra sức mạnh đồng bộ, phát huy sức mạnh truyền thống, tính sáng tạo của các dân tộc, các vùng khác nhau. Lại cũng phải chú ý đến việc giải quyết các mâu thuẫn do thực tiễn cuộc sống và sản xuất đặt ra, để có thể vừa bảo vệ và phát triển được tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ được môi trường sinh thái, lại đẩy mạnh được sản xuất, nâng cao đời sống tinh thần vật chất người dân ; vừa đảm bảo lợi ích trước mắt, lại hướng xây dựng được lợi ích lâu dài ; vừa đổi mới hướng đến hiện đại và văn minh, lại phát huy được truyền thống của dân tộc ; vừa phát triển được cái chung của toàn tỉnh, góp phần vào việc xây dựng đất nước, lại phát triển được cái riêng của từng địa phương, từng dân tộc sao cho phù hợp với thực tiễn ở Lâm Đồng, với quy luật của cả nước, trong giai đoạn đầu thời kỳ quá độ tiến lên CNXH, hợp với xu thế của thời đại.

Do đó phải dựa trên khả năng hiện có mà tác động đến thiên nhiên, đến yếu tố con người, xây

dựng khối đoàn kết nhất trí, giáo dục toàn dân có tinh thần trách nhiệm tự giác cao, cùng chung sức, chung lòng làm cho kinh tế xã hội phát triển nhịp nhàng, đồng bộ, vững chắc. Đó là cơ sở đảm bảo mối quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng ngày càng được củng cố vững mạnh.

Phải tránh những việc làm thiếu đồng bộ, thiếu tính toán khoa học, dẫn đến tình trạng, khi phát triển lợi ích này, lại triệt tiêu lợi ích khác. Cũng cần tránh tình trạng do cố gắng đạt hiệu suất cao, dẫn đến việc không thực hiện đầy đủ chính sách xã hội, chính sách dân tộc.

C/ Tình hình kinh tế-xã hội 13 năm sau ngày giải phóng :

Đây là thời kỳ ổn định lại an ninh trật tự và cải tạo xã hội, phục hồi và phát triển sản xuất, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong điều kiện cả miền Nam đã được hoàn toàn giai phóng, đất nước đã được thống nhất. Thời kỳ này có thể chia làm hai giai đoạn như sau :

1/ Giai đoạn thứ nhất :

Từ năm 1976 đến 1981, Lâm Đồng thiên về tổ chức sản xuất dưới hình thức quốc doanh và tập thể, tiến hành một cách nôn nóng, tốn kém và lãng phí rất lớn mà hiệu quả rất thấp. Những người đi xây dựng kinh tế mới cũng tổ chức ngay vào nông trường

và hợp tác xã. Lúc bấy giờ phổ biến quan điểm "nếu để làm ăn cá thể, sau này mất công cải tạo quan hệ sản xuất".

Đối với kinh tế tư nhân, không cho phát triển, đối với kinh tế gia đình lại hạn chế, sợ họ trở thành địa chủ, tư sản ; đối với công nhân viên, sợ tiêu cực nảy sinh. Trong sản xuất không nghiên cứu để phát huy các thế mạnh mà lại chủ trương làm lương thực với bất cứ giá nào, từ đó dẫn đến tình trạng hủy hoại thiên nhiên làm chậm sản xuất cây công nghiệp.

Trong vùng đồng bào Thượng, cuộc vận động định canh định cư còn rập khuôn máy móc, hình thức, dàn đều, nặng về xây dựng các công trình cơ bản như trường học, trụ sở, trạm xá, cửa hàng... Tuy có đầu tư để phát triển tư liệu sản xuất như khai hoang, xây dựng đồng ruộng, làm thủy lợi, nhưng cũng chỉ nặng về hình thức nên không đạt được mục đích là đem lại hiệu quả kinh tế xã hội.

2/ Giai đoạn thứ hai :

Từ năm 1982, nhất là từ năm 1984, do thực tế sản xuất và đời sống đòi hỏi, được các Nghị quyết của Đảng soi sáng, việc chuyển hướng trong tổ chức sản xuất có kết quả hơn, hạn chế việc phát triển các cơ sở quốc doanh chưa đủ điều kiện hoạt động. Nhưng trong những năm 1982-1984, vẫn nặng về tổ chức các hình thức tập thể như hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, chưa chú trọng đến kinh tế gia đình, kinh tế vườn,

mặc dù từ năm 1981 vấn đề xây dựng kinh tế vườn được đặt ra, nhưng chỉ đạo thực hiện thiếu quyết tâm, thiếu biện pháp. Thật ra, trong bước đi ban đầu, Lâm Đồng chưa đánh giá hết những mặt tồn tại và hạn chế của việc tổ chức sản xuất tập thể. Người lao động thủ công phải đóng góp từ 30-45% giá trị sản phẩm để chi phí cho bộ máy quản lý hành chính, phúc lợi công cộng... Đó là sự phân phối không công bằng, gây nhiều tiêu cực. Cũng trên mảnh đất ấy, nếu sản xuất kinh tế gia đình hoặc cá thể, thì sản phẩm lại được hưởng trọn vẹn sau khi đóng thuế. Đó là điều phi lý dễ thấy.

Rõ ràng, việc tổ chức lại sản xuất trong điều kiện có 1/5 dân số là dân tộc ít người đang ở tình trạng lạc hậu là một vấn đề khá gay cấn.

Từ năm 1985 đến nay, tình hình kinh tế-xã hội của địa phương Lâm Đồng, tuy còn nhiều khó khăn, nhưng đã có thay đổi và đang phát triển đúng hướng, song còn thiếu cụ thể.

Những năm gần đây, việc phát triển kinh tế gia đình và cá thể có hiệu quả hơn tổ chức sản xuất quốc doanh và tập thể phần lớn làm ăn không có hiệu quả. Rõ ràng cần lưu ý đến quy luật cơ bản của C.Mac : "Quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất". Nếu không sẽ dẫn đến phá hoại, tiêu cực tràn lan, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm.

Gần đây, tuy mức độ khác nhau, một số ít cơ sở sản xuất quốc doanh và tập thể đã bắt đầu làm ăn có lãi, do tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý từng bước được đổi mới. Nhưng thẳng thắn mà nói, đó là do dựa vào vốn có sẵn, nhất là dựa vào tài nguyên thiên nhiên ưu đãi. Ví dụ :

Nhờ vào 75.000 ha đất canh tác đã tạo nên từ lao động cơ bắp trong nhiều giai đoạn mà cuộc sống hàng ngày của toàn tỉnh được đảm bảo. Sự ổn định tương đối này, thực chất là dựa vào tài nguyên đã có. Nếu không có 6.000 ha chè từ trước để lại, thì chỉ có ăn vào vốn chứ làm gì có lãi. Cà phê quốc doanh cũng vậy. Nếu không có 614.000 ha rừng tự nhiên với trữ lượng chừng 35 triệu m3 gỗ, ngành lâm nghiệp làm sao có thể tồn tại được ? Nếu không có sẵn hệ thống khách sạn, biệt thự, các thiết bị nội thất... thì ngành du lịch làm sao có thể đứng vững ? Tình trạng làm ăn thua lỗ là do trình độ lực lượng sản xuất quốc doanh và tập thể qúa thấp, phổ biến là lao động thủ công, tổ chức sản xuất giản đơn, tổ chức quản lý yếu kém, công cụ sản xuất không được cải tiến, vốn đầu tư của Nhà nước quá thiếu, vật tư cung ứng không đồng bộ, nạn tham ô lãng phí, thiếu trách nhiệm nặng nề...

Những kết quả ít nhiều của quá trình sản xuất vừa qua, rõ ràng không phải tài năng tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý để tạo ra của cải vật chất, mà

là nhờ dựa vào cái có sẵn, dựa vào thiên nhiên bào mòn vốn cố định.

II/ Phương hướng phát triển của thời gian tới :

Qua 13 năm đi vào thực tiễn, ở Lâm Đồng, nổi lên 3 thế mạnh kinh tế là : Rừng, cây công nghiệp (đặc biệt với cây công nghiệp dài ngày) và du lịch – nghỉ dưỡng. Chăn nuôi, khoáng sản, năng lượng cũng có tiềm năng lớn, nhưng chưa có điều kiện triển khai. Cần chú ý giải quyết vấn đề lương thực để làm bàn đạp phát huy các thế mạnh.

A/ Phát huy các tiềm năng thế mạnh của địa phương :

Qua nhiều năm thử nghiệm nghiên cứu ở Lâm Đồng, cơ cấu kinh tế nông- lâm -công nghiệp –du lịch luôn phải được gắn chặt với nhau trong quá trình tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý. Cần phấn đấu trong tương lai cho một triệu ha rừng ngày càng trở nên giàu có, bằng việc phát huy đồng thời trên một vùng đất, các thế mạnh kể trên. Trên đất trồng cây công nghiệp có trồng rừng, tạo thành 2 tán trên một diện tích, có tác dụng phòng hộ, cung cấp thủy năng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, chăn nuôi dưới tán rừng và tạo cảnh quan cho du lịch. Ngược lại trong đất rừng cũng có thể trồng cây công nghiệp.

Công nghiệp chế biến ở đây không chỉ phục vụ cho dân sinh, xuất khẩu mà còn phục vụ cho cả du lịch ngày càng phát triển.

Việc xây dựng kinh tế phải nghĩ đến xây dựng an ninh – quốc phòng trên địa bàn chiến lược này, cả cho trước mắt lẫn lâu dài, có bước đi thích hợp, đồng bộ từ quy hoạch đến kế hoạch.

Phải quán triệt quan điểm mục tiêu là phát triển sản xuất hàng hóa, giải phóng mạnh lực lượng sản xuất, phát triển sản xuất đa dạng, kinh doanh toàn diện, sử dụng tài nguyên tổng hợp, lấy ngắn nuôi dài. Phát triển lương thực, thực phẩm tối đa có điều kiện để chủ động một phần trong việc phát triển nghề rừng và phát triển cây công nghiệp, tạo nguyên liệu vững chắc cho công nghiệp nhẹ phát triển. Muốn vậy phải có kế hoạch thâm canh, tăng vụ lúa đi đôi với việc phát triển cây màu thích hợp với từng tiểu vùng khí hậu và có biện pháp phát triển việc chế biến hoa màu đưa vào cơ cấu bữa ăn, phấn đấu có lương thực dự trữ. Trong chỉ đạo sản xuất phải nắm vững vấn đề cơ bản là thúc đẩy sản xuất phát triển, nhằm trước hết chăm lo đời sống nhân dân, mở mang dân trí. Như vậy, không thể xem nhẹ vấn đề nâng cao mức sống người dân, mà là để tạo cơ sở lực lượng sản xuất phát triển đồng bộ và tạo cho mọi người năng động vì cuộc sống mà tự thân vận động, nhất là đối với đồng bào dân tộc gốc địa phương.

Căn cứ vào yêu cầu phát triển lâm – nông – công nghiệp và du lịch mà xây dựng cơ sở hạ tầng. Phải có một hệ thống đường giao thông tốt, gắn thủy điện, thủy lợi, kết hợp với du lịch, trước mắt nhằm nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời từng bước phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa XHCN. Từ đó mới phát huy được các tiềm năng về lao động, đất đai và tài nguyên sẵn có. Rõ ràng nếu không công nghiệp hóa, không thể có cơ sở vật chất để phát triển du lịch toàn diện với quy mô ngày một lớn. Do đó, ngành du lịch phải có trách nhiệm góp phần tích lũy để đầu tư cho công nghiệp hóa và xây dựng cơ sở hạ tầng, tham gia phát triển kinh tế-xã hội. Có như vậy ngành du lịch mới phát triển và mở rộng được. Hiện nay, du lịch mới chỉ bó hẹp trong thành phố Đà Lạt. Như vậy, không thể đưa ngành du lịch tiến lên làm ăn lớn được. Dù cho cố sức xây dựng Đà Lạt lộng lẫy bao nhiêu thì cũng chỉ là một vùng nhỏ hẹp. Cần phát triển rộng ra cả tỉnh, tạo ra nhiều sinh hoạt vui chơi hấp dẫn theo cái riêng của Lâm Đồng. Ví dụ, tổ chức du thuyền trên sông Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên ; tắm nước nóng (nước khoáng) ở Da Long, Lạc Dương ; tham quan rừng đầu nguồn Đa Nhim, thăm cảnh Hồ Tiên, rừng nguyên sinh ở Cổng Trời, leo núi Lang Biang, Pi Đúp ; tổ chức sáng đi tắm nắng bờ biển Ninh Chữ, chiều giải trí ở Đồi Cù... Khi nói đến du lịch là nói cả đến cái ăn lịch lãm, có sơn hào hải vị, vui chơi thoải mái... Cho nên du lịch phải tạo ra

nhiều cách sinh hoạt phong phú, phục vụ cho các đối tượng khác nhau, phù hợp với từng thành phần xã hội, từng lứa tuổi khác nhau. Đó là nhu cầu của khách, nếu hạn chế đến đâu thì mất nguồn thu nhập đến đó. Vấn đề đặt ra là phải tổ chức quản lý thế nào, để từ việc giải quyết tốt yêu cầu của khách, vừa làm cho cuộc sống con người được nâng cao và phong phú hơn, vừa có thể thu lợi ngày càng lớn. Phải chủ động có phương án, có kế hoạch, có biện pháp tổ chức. Du lịch không thể tự phát bung ra, rồi phải đuổi theo chấn chỉnh bị động.

B/ Phát triển lực lượng sản xuất và giải quyết lương thực :

Trong hướng đi ban đầu phải tập trung sức đầu tư phát triển lực lượng sản xuất, không ngừng nâng cao từng bước trình độ của lực lượng sản xuất từ thấp lên cao, phù hợp với trình độ của từng dân tộc, từng thành phần xã hội khác nhau một cách cụ thể, không thể chung chung, rập khuôn.

Cần tập trung sức nâng cao năng suất lao động của từng thành phần kinh tế, từng dân tộc khác nhau, làm cho sản xuất ngày càng có năng suất cao, chất lượng tốt.

Khi nghiên cứu sử dụng đất đai, phải gắn liền với yếu tố con người, có biện pháp nâng cao và không ngừng cải tiến cách làm ăn. Từ chỗ vì cuộc sống mà con người nhiều khi đã có hành động phá hoại một

cách vô ý thức, nay phải hướng cho họ chuyển sang cách làm ăn có hiệu quả mà vẫn bảo vệ đất đai, vừa đem lại lợi ích cho từng người, vừa đem lại lợi ích cho xã hội và làm giàu thêm cho vốn rừng, tạo môi trường sinh thái ngày càng tốt.

Ví dụ : nếu chặt phá 1 ha tre nứa để trồng lương thực, chỉ thu hoạch được 1 tấn lúa trị giá 20.000 đ, trong khi phải chặt đốt trên 100 tấn tre nứa bán được 25.000 đ/1 tấn. Nếu trồng mía, thu hoạch cao nhất cũng chỉ được 50 tấn và mỗi tấn bán được 15.000 đ (giá đầu năm 1988).

C/ Tổ chức lại sản xuất và ổn định xã hội :

Từ những quan điểm trình bày ở trên, cần phải tổ chức lại sản xuất và ổn định xã hội sao cho phù hợp với những điều kiện hiện có của Lâm Đồng trong giai đoạn hiện nay, không cản trở bước phát triển tương lai.

1/ Áp dụng cơ cấu lâm – nông – công nghiệp và du lịch :

Là một bộ phận của đất nước, Lâm Đồng không thể không chịu tác động vừa do sự tăng trưởng dân số tại chỗ, vừa do tăng cơ học với nhiệm vụ tiếp nhận dân cư và lao động từ bên ngoài để giảm bớt gánh nặng cho những tỉnh đồng bằng. Do vậy, cần nghĩ đến việc bảo vệ và sử dụng tốt trên 1 triệu ha đất rừng. Vốn liếng hiện có là chỉ có vậy, cần tổ chức

sản xuất như thế nào để có hiệu quả nhất. Nếu không sẽ có nguy cơ hết rừng, môi trường sinh thái và khí hậu sẽ thay đổi bất lợi, dẫn đến cạn nguồn nước, không còn màu xanh, không còn du lịch, và sẽ không còn sự sống. Tai hại sẽ lớn biết chừng nào, nếu tiếp tục làm ăn như 13 năm qua.

Vấn đề là làm thế nào để biến 1 triệu ha rừng có nhiều lợi ích và đất làm nông nghiệp, trồng cây công nghiệp. Như vậy, ngoài 50.000 ha đất làm lương thực, hầu hết diện tích đất và rừng còn lại, cần phải làm theo phương thức lâm – nông kết hợp, tạo ra trên một diện tích có nhiều sản phẩm (từ rừng 2 tán hoặc 3 tán trên những vùng khác nhau). Trên đất trồng cây công nghiệp có rừng. Ngược lại, trong rừng cũng trồng cây đặc sản dưới tán rừng.

Ví dụ: Trên vùng đất trồng cà phê, chè, dâu tằm... nên trồng khoảng trên 100 cây gỗ quý trên 1 ha để tạo tán che giữ ẩm cho cây trồng, tạo phân xanh cho đất , bảo đảm nguồn sinh thủy lâu dài. Nên chọn các cây như trắc, cẩm lai, muồng đen có giá trị kinh tế cao.

Đồng thời dưới tán rừng, giữ và gây thảm cỏ phục vụ chăn nuôi ; hoặc tuỳ nơi có thể trồng cây Aga thành băng phòng vệ, vừa chống cháy, vừa lấy sợi làm nguyên liệu dệt : hay trồng sả, hương nhu lấy tinh dầu xuất khẩu. Nói chung là nên trồng các cây dược liệu, cây đặc sản...

Như vậy, trên một mảnh đất sẽ thu hoạch được nhiều sản phẩm ở nhiều chu kỳ khác nhau. Cứ 30-50 năm lại tỉa 50% cây rừng để lấy vốn đó trồng lại rừng và cây công nghiệp, làm cho rừng tiếp tục phát triển xanh tốt. Đây là ý đồ chiến lược để giải quyết việc sử dụng đất đai và lao động ở Lâm Đồng. Thực tế hiện nay đã có mô hình sản xuất theo phương hướng này.

2/ Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số :

Trồng các loại cây công nghiệp, trồng rừng đã có hiệu quả rõ rệt. Nhưng trước mắt, không thể cấm ngay đồng bào dân tộc địa phương phát rẫy, vì thực tế không phát rẫy thì không có cái ăn. Hơn nữa, tập quán làm rẫy là lối sống ngàn đời của đồng bào không thể một lúc đã bỏ ngay được. Phải bằng những biện pháp rất cụ thể để tổ chức cách sinh sống cho đồng bào. Chỉ có lợi ích thực tế mới có khả năng thuyết phục được họ làm ăn theo cách làm ăn mới. Cầm tay, chỉ việc, hướng họ đi vào cách làm ăn tiến bộ, đem lại lợi ích thiết thực, họ mới tự giác xóa bỏ kiểu làm ăn cũ. Do vậy, trong vùng dân tộc, có một số làm ruộng nước, cần được giúp đỡ phát triển. Nhưng cơ bản là phải đưa đồng bào dân tộc vào làm nghề rừng, thực hiện lâm – nông kết hợp. Ở những vùng có dân và liền rừng, phải triệt để thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, làm cho rừng có người chủ cụ thể.

Nên giao cho mỗi hộ khoảng 10 ha (không kể đất và rừng để đồng bào làm vườn) trong đó có 1 ha làm nông nghiệp, đảm bảo cho họ có ăn trước mắt bằng cách phát rẫy làm lương thực, sau đó chuyển sang trồng cây công nghiệp. Còn lại 9 ha, họ làm nhiệm vụ bảo hộ, phòng chống cháy rừng vào mùa khô, giữ rừng, chăm sóc, điều chế, tỉa thưa lấy lâm sản, giải quyết đời sống trước mắt, trồng cây dưới tán như đã nêu ở trên, từng bước chuyển cách sản xuất theo phương thức lâm – nông – công nghiệp kết hợp.

3/ Một vài dự báo về giá trị kinh tế của rừng và đất rừng :

Nếu thống nhất được cách làm như trên, từ kinh tế rừng, Lâm Đồng có thể thu hút 140.000 lao động và tiếp nhận trên dưới 30 vạn dân cư làm lâm nghiệp. Hàng năm có thể khai thác hàng trăm ngàn m3 gỗ lớn, gỗ nhỏ, tre nứa, mà không triệt phá rừng. Đó là chưa kể đến việc khai thác nhựa thông và các loại lâm sản, đặc sản khác.

Nếu 700.000 ha rừng và đất rừng được sử dụng có hiệu quả, tức là đưa 300.000 ha vào trồng cây công nghiệp như chè, cà phê, điều (tức đào lộn hột), dâu tằm, hồ tiêu... Nếu tính bình quân thu hoạch 1 tấn sản phẩm/ha với 3 cây và bình quân 1.500 rúp-đô la/tấn (chè, cà phê), hàng năm có thể thu được 450 triệu rúp-đô la.

-Ngoài ra, 300.000 ha cây công nghiệp có rừng trồng xen (100-200 cây/ha), sau 40-50 năm, sẽ cho một trữ lượng gỗ là 15 triệu m3 gỗ.

Như vậy, sản phẩm lấy ra từ rừng và từ trồng xen, có một trữ lượng khoảng 135 triệu m3 gỗ, chưa tính đến lâm sản, đặc sản dưới tán rừng, sản phẩm trồng xen trong diện tích cây công nghiệp và chăn nuôi 300.000 tấn sản phẩm cây công nghiệp, 135 triệu m3 gỗ là điều kiện để phát triển công nghiệp phong phú và tạo ra một chu kỳ trồng – khai thác liên tục. Môi trường sẽ được đảm bảo, cảnh quan du lịch được phát triển. Rừng không chỉ là một nguồn lợi rất lớn, còn là cảnh quan là nguồn nước tưới cho cây công nghiệp và dự trữ nguồn nước chung, đảm bảo chăn nuôi gia súc, công nghiệp, thủy điện... Phải có một nhận thức đầy đủ về rừng để chúng ta suy nghĩ, tạo được một phương án kinh doanh khai thác tối ưu, có hiệu quả. Có như vậy mới tránh được sự trừng phạt của thiên nhiên do hiểu sai rừng, dẫn đến tàn phá rừng, mới có thể góp phần tạo được cơ sở vật chất và nguyên liệu cho công nghiệp hóa.

4/ Xung quanh vấn đề cây, con giống :

Vấn đề nổi lên ở đây phải thâm canh cây trồng, trong đó có thâm canh rừng, phải sử dụng đất, rừng thật hợp lý. Từ rừng gắn với cây công nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến, phát triển du lịch, tạo được một cơ cấu hợp lý và đồng bộ đi lên.

Qua thực tế, đã có thể xác định cây công nghiệp là chè, cà phê và dâu tằm là phổ biến, còn cây điều, cây hồ tiêu và các loại cây ăn quả có thể phát triển ở từng vùng thích hợp. Nếu phát triển quy mô, cần chú ý tác động của khoa học – kỹ thuật thì sẽ có năng suất cao, có sản phẩm hàng hóa nhiều, có thể xuất khẩu thu ngoại tệ lớn.

Phải đặt vấn đề kinh tế vườn và kinh tế gia đình một cách tích cực, toàn diện, gắn liền với kinh tế tập thể và quốc doanh, gắn trồng trọt với chăn nuôi. Nếu trồng cỏ quanh vườn, quanh lô cây công nghiệp sẽ đủ nuôi 1-2 con bò trên 1 ha nhất là bò sữa. Nếu tính bình quân, cứ 2 ha đất có 1 con bò, trâu, con số sẽ đến 1 đến 2 triệu con, không kể chăn nuôi tập trung trên đồng cỏ chuyên canh.

Làm được như vậy, mỗi hộ gia đình sẽ sử dụng hài hòa lực lượng lao động của mình.

Có thể nuôi ong dưới tán rừng và sử dụng những vùng thung lũng, đất trũng để tạo ra ao, hồ nuôi cá. Những hồ lớn, không những chỉ nuôi cá mà còn tạo thêm những cảnh quan du lịch mới cho các hoạt động bơi thuyền, ngoạn cảnh. Có thể tính đến việc nuôi thú trong vùng rừng già, rừng cấm, tạo cơ sở săn bắn trong hoạt động du lịch.

Như vậy, nếu có quy hoạch một cách khoa học và sử dụng đúng đắn đất rừng, sức phát triển của nó là

vô cùng phong phú và đem lại giá trị kinh tế hết sức lớn lao.

Do đó, cần mạnh dạn đi vào hướng sản xuất kinh doanh nói trên, nhưng phải tính toán kỹ. Cần làm thí điểm từng vùng để rút kinh nghiệm, vì không làm, sẽ không có mô hình thực tế được kết luận đúng, sai.

Cần mạnh dạn tạo lên một bức tranh toàn cảnh, mà bước đầu chỉ phác thảo bằng bút chì, dần dần sẽ tô màu và sửa chữa lại, tô điểm thêm cho bức tranh ấy ngày càng có giá trị nghệ thuật cao mà ở đây là giá trị về lợi ích kinh tế – xã hội.

Việc làm này tất nhiên là khó, nhưng không có việc làm nào lại không khó có thể hoàn chỉnh ngay từ đầu được.

D/ Tổ chức sản xuất và quản lý :

Như phần trên đã trình bày, cơ cấu kinh tế ở Lâm Đồng là lâm – nông –công nghiệp và du lịch, vậy tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý ra sao để có tác dụng hình thành cơ cấu ấy ? Nghiên cứu Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới kinh tế, quản lý nông nghiệp, vận dụng vào điều kiện ở Lâm Đồng trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ như thế nào?

Ở đây, xin đề cập đến vấn đề giải phóng sức sản xuất. Giải phóng sức sản xuất là giải phóng con

người, cùng lao động sản xuất để cho dân giàu nước mạnh. Dân có giàu, nước mới mạnh. Nếu mọi người đua nhau làm giàu, tất nền kinh tế sẽ lên, đất nước sẽ qua được khó khăn, sẽ giàu mạnh. Trong cuộc ganh đua ban đầu, tất có kẻ giàu, người nghèo, thậm chí có kẻ bóc lột, xã hội có phân hóa. Nhưng đó dường như là điều tất yếu của buổi ban đầu thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ đi lên công nghiệp hóa XHCN.

Hiện nay, đất nước ta, dân ta quá nghèo, quá cực. Cách ứng xử trong lúc nghèo cực ấy có thể bằng 2 con đường : hoặc cam chịu khổ cực, chia bằng nhau để tạm sống trong con đường rừng chưa có lối ra ; hoặc phải để cho mọi người tùy sức mình mà tìm lối thoát, vì mình và vì mọi người.

Về tâm lý mà nói, hiện nay, mọi người tuy sợ bị bóc lột, nhưng sợ hơn là không có việc làm. Nhà nước thì không đủ sức và chưa có vốn để giải quyết công ăn việc làm cho dân. Nên ban đầu, cần để cho mọi người, kẻ có công người có của bỏ ra đầu tư để mưu sinh cho mình, cho địa phương, cho đất nước, giải quyết công ăn việc làm cho mọi người. Nếu làm giàu bằng cách chính đáng, làm giàu từ trí tuệ, từ lao động , từ cần kiệm thì phải khuyến khích.

Ở Lâm Đồng, từ năm 1982 đến nay, đã phát triển trên 25.000 ha chè, cà phê và dâu tằm từ công sức và vốn của dân. Bây giờ, tuy còn khoảng 50 % lao

động đang gặp khó khăn thật sự; nhưng đã có 50% khá giả. Đó là chỗ dựa để giải quyết việc làm cho số người còn khó khăn. Nếu ta tổ chức quản lý giỏi, động viên tinh thần đoàn kết, tương trợ thì nhà nước chỉ còn phải lo cho 50% số người đang gặp khó khăn thật sự, và sẽ có cách đầu tư hỗ trợ để họ vươn lên.

Tình hình bước đầu cải tiến cơ chế quản lý cho thấy đã có sự phân hóa. Nếu Nhà nước không có biện pháp tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý có hiệu quả và cụ thể hóa chính sách kinh tế phù hợp ngay từ bây giờ đối với những người thuộc diện cần đến sự giúp đỡ của xã hội, thì sẽ có hậu quả chưa lường hết được. Cần có những đạo luật ngăn ngừa việc làm giàu phi pháp, bảo vệ đúng mức quyền lợi chính đáng của người lao động. Ví dụ : định mức sống, giá trị ngày công tối thiểu, bảo vệ phúc lợi xã hội... đối với dân tộc ít người, cần có chính sách đặt biệt, nhất là với vùng xa, vùng sâu.

Nhà nước cần có chính sách đầu tư, thông qua ngân hàng cho vay. Tổ chức quốc doanh đứng ra chịu trách nhiệm tính toán. Giúp đỡ và khoán thẳng cho hộ lao động lâu dài theo định mức. Quốc doanh quản lý vốn, vật tư sản xuất, theo định lượng trên cơ sở khoán ổn định lâu dài. Có chính sách khấu hao tài sản cố định và ăn chia thỏa thuận theo hợp đồng. Có chính sách khoán riêng phần xây dựng cơ bản và khoán trong giai đoạn sản xuất – kinh doanh (mô hình này đã có thí điểm).

Đã là sản xuất lâm – nông – công nghiệp kết hợp thì phải hình thành tổ chức sản xuất vừa đủ sức với trình độ người quản lý, đảm bảo chất lượng cao và hiệu quả lớn. Qua việc khoán ổn định, tổ chức bộ máy quản lý cần thật gọn và giảm mạnh khâu trung gian gây cản trở sản xuất và tạo kẽ hở làm nảy sinh tiêu cực, tham nhũng. Phải sắp xếp lại bộ máy quản lý, bao nhiêu người trực tiếp sản xuất, bao nhiêu người thuộc bộ phận hành chính –sự nghiệp cho hợp lý, cụ thể với từng ngành, từng xí nghiệp, từng cơ quan,trên từng địa bàn tỉnh, huyện, xã; tránh sự chồng chéo, giẫm đạp lên nhau, và cũng tránh tình trạng buông lơi không kiểm soát, bỏ chức năng quản lý Nhà nước mà chạy theo kinh doanh đơn thuần.

Trong việc xác định quyền làm chủ, không thể dừng lại ở khái niệm nhân dân làm chủ chung chung như hiện nay. Nó mang nhiều yếu tố tiêu cực và quan liêu. Trong thực tế cuộc sống có hai thái cực :

Hoặc sử dụng quyền làm chủ chung chung, dẫn đến tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, tranh quyền, tranh công. Tài nguyên và tài sản Nhà nước thì rơi vào tình trạng cha chung không ai khóc, mạnh ai người nấy tranh nhau chia phá.

Hoặc khi giao quyền tự chủ cho cơ sở lại nảy sinh tư tưởng "cắt cứ", bất chấp luật pháp, mạnh ai nấy làm, không tuân thủ điều hành chung. Tập thể làm chủ là khái niệm quản lý vĩ mô, còn đi vào sảm

xuất kinh doanh là tổ chức quản lý vi mô, phải xác định rõ người chủ cụ thể. Có thể nói, mọi vật thể đều có chủ cụ thể. Đó là người trực tiếp lao động và được tập thể giao cho bảo quản, nuôi dưỡng nó trên cơ sở pháp luật quy định, không ai được tuỳ tiện xâm phạm.

Có xác định đúng như thế mới bảo đảm cho người sản xuất chủ động kích thích yếu tố tích cực và có trách nhiệm cao, chống được hành vi tiêu cực của kẻ ích kỷ, gian tham,phá hoại, vô trách nhiệm, vô chính phủ.

Quy luật khách quan là " quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ". Nếu phù hợp thì phát triển tốt không phù hợp sẽ có tác động xấu khôn lường. Đối tượng lao động, con người có trách nhiệm hay phá hoại, không phải chỉ có việc tổ chức phù hợp, mà phải có một hệ thống chính sách kinh tế – xã hội phù hợp với điều kiện sản xuất, nhằm kích thích yếu tố tích cực lao động của con người. Vì lợi ích chính đáng của mình mà vươn lên, xua tan ý thức tiêu cực, phá hoại.

Nếu giữ cách làm ăn như lâu nay, tự túc, tự cấp giản đơn thì cuộc sống của người nông dân vẫn lam lũ như xưa. Nếu thay đổi cách làm ăn, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, làm cho cuộc sống hơn lên thì ý thức xã hội hóa của người nông dân sẽ

hình thành. Tổ chức làm ăn tập thể khi người nông dân chưa tự nguyện tự giác, vì chưa thấy quyền lợi cần thiết, sẽ phát triển tiêu cực và phá hoại. Mặt khác trong cuộc sống thực tế, quan hệ sản xuất XHCN chưa phát huy được tính ưu việt của nó, trái lại, cá thể làm ăn tốt hơn tập thể, tập thể làm ăn tốt hơn quốc doanh. Nguyên nhân là vì tổ chức, quản lý sản xuất không phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất .

Sắp đến trong vùng dân tộc tại chỗ và vùng kinh tế mới, cần tập trung giải quyết vấn đề ổn định cuộc sống để không kéo dài tình trạng đói kém và ỷ lại vào cứu trợ của nhà nước. Bởi vậy chỉ nên tổ chức các hình thức : tổ đòan kết sản xuất, tổ đổi công, tương trợ.

Ở những nơi đã tổ chức hợp tác hoá và đứng vững được, nên xây dựng mức khoán sản phẩm cho từng gia đình thông qua hợp đồng kinh tế, bảo đảm tính chủ động cho người lao động sản xuất. Còn tập thể thì chăm lo khâu dịch vụ sản xuất và chế biến, khâu lưu thông phân phối phục vụ đời sống cho nông dân, thợ thủ công. Tổ chức hợp tác xã mua bán và tín dụng thì qua trao đổi hai chiều trực tiếp nắm sản phẩm. Tổ chức sản xuất do tổ nông dân điều khiển, phát triển khoa học kỹ thuật qua hợp đồng với ban khoa học kỹ thuật và Tổ Khoa học kỹ thuật ở cơ sở. Mối quan hệ kể cả trao đổi hàng hoá, đều thông qua hợp đồng trên nguyên tắc thỏa thuận, bình đẳng, hợp

lý. Nhà nước chỉ giao một chỉ tiêu pháp lệnh là thuế - nghĩa vụ công dân của người sản xuất.

Ngoài việc bảo đảm trật tự trị an, tổ chức quản lý Nhà nước cần đảm bảo phương hướng sản xuất và điều hành tổ chức sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch, hướng dẫn theo pháp luật hiện hành. Uỷ ban Nhân dân mỗi cấp giúp cho Uỷ ban nhân dân tỉnh thường xuyên kiểm soát việc chấp hành các chế độ chính sách. Ơ cấp huyện, có hệ thống chuyên viên theo dõi các ngành khối giúp chính quyền điều hành về kinh tế, những hệ thống thanh tra đảm bảo việc kiểm soát thi hành pháp luật. Trọng tài kinh tế kiểm tra sát sao các mối quan hệ về sản xuất – kinh doanh theo luật định. Còn hệ thống sản xuất kinh doanh phải hoạt động theo tinh thần nghị quyết 3 của Ban chấp hành Trung ương và quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng, tháo gỡ mọi ràng buộc cho người sản xuất. Lực lượng sản xuất phát triển, đổi mới thì tổ chức quản lý kinh tế – xã hội phải luôn luôn đổi mới cho phù hợp với thực tế của từng giai đoạn cụ thể.

III/ NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

A.Chăm lo đời sống dân tộc ít người tại chỗ.

Lâm Đồng có khoảng 120.000 người dân tộc thiểu số tại chỗ. Tuy trình độ kinh tế còn rất lạc hậu, nhưng đến nay đã có một bộ phận phát triển tốt, có thực tế để tạo lòng tin. Số còn khó khăn là ở vùng

sâu, vùng căn cứ cũ có truyền thống cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lại là vùng có tài nguyên rừng và đất đai phong phú (35 triệu m^2 gỗ nằm ở vùng này). Tuy trình độ sản xuất, trình độ học vấn thấp, song nếu có đội ngũ cán bộ có trách nhiệm cao đối với dân tộc, sẽ vận động khơi dậy tinh thần kiến quốc từ truyền thống cách mạng, để chăm lo tổ chức sản xuất và đời sống. Tuy phải có thời gian, nhưng nếu có sự tập trung, quyết tâm cao, chuyển biến được cách làm ăn mới, sẽ dần dần đưa cuộc sống đồng bào dân tộc tiến kịp người Kinh. Phải thấy đây là một cuộc cách mạng vô cùng phức tạp, khó khăn. Khó khăn nhất là con người, mà trước hết là con người biết quản lý tốt. Ở đây không chỉ cần có chính sách đúng, mà cần có tổ chức tốt, phải có cán bộ giỏi quyết tâm cao, đồng thời phải đầu tư thích đáng, và có sự viện trợ ban đầu của Nhà nước, cụ thể là của tỉnh. Phải dùng một số tài nguyên của địa phương trợ cấp cho địa phương và vận động vùng Kinh, vùng ngoài phát triển hỗ trợ vùng sâu, vùng xa.

Vấn đề đầu tư ở đây, trước hết là để đầu tư cho mảnh vườn, gắn với việc giao đất giao rừng, phát triển chăn nuôi, phân công lại lao động, phục hồi các ngành nghề tiểu thủ công, đào tạo một lớp người có tay nghề, mở ra tiền đề phát triển tiểu thủ công nghiệp.

Mở mang kinh tế ở đây phải lấy việc phát triển hàng hóa làm mục tiêu quyết định cho quá trình đi lên của vùng dân tộc. Không thể dừng lại ở nền sản xuất tự nhiên, tự túc, tự cấp giản đơn. Như vậy rừng sẽ bị phá, tài nguyên sẽ bị giảm sút, và cuộc sống lạc hậu, đói nghèo không bao giờ thay đổi được. Khi kinh tế hàng hóa phát triển, tâm lý con người sẽ thay đổi, nhu cầu văn hóa sẽ trở thành bức thiết. Điều kiện vật chất là cơ sở phát triển văn hóa. Văn hóa đã được phát triển thì đội ngũ trí thức trong dân tộc sẽ phát triển, cán bộ có tài năng sẽ xuất hiện. Khi đó, tình hình vùng dân tộc sẽ có những bước tiến bộ chưa hình dung được. Để thực hiện, việc lấy rừng phát triển rừng, nuôi sống người làm rừng và có tích lũy, tái tạo rừng, có vốn đầu tư cho công nghiệp..., phải xác định rõ các loại thuế. Có 3 loại thuế cơ bản :

-Thuế nuôi rừng : Để giải quyết việc trồng, bảo vệ, chăm sóc rừng ; một phần để hỗ trợ cho việc phát triển ngành chăn nuôi và trồng cây công nghiệp trên mảnh vườn định canh định cư.

-Thuế đất rừng : để tích lũy cho công nghiệp lớn.

-Thuế hàng hóa : Đây là phần đóng góp của người tiêu thụ và người Kinh doanh công nghiệp, dịch vụ để chi dùng vào ngân sách thường xuyên.

Sản xuất kinh doanh tổng hợp trong một gia đình sẽ đặt ra toàn diện trên mảnh đất và lô rừng được giao làm chủ. Còn khâu lưu thông phân phối,

tiêu thụ sản phẩm do tổ chức quốc doanh đảm nhiệm. Uỷ ban nhân dân xã gắn với công tác quản lý rừng, đoàn thể gắn với sản xuất kinh doanh nông – lâm – công nghiệp, phát động mọi người có trách nhiệm tham gia xây dựng vùng dân tộc và xây dựng vốn rừng.

Để đảm bảo bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng XHCN, trước hết phải chăm lo đời sống kinh tế và văn hóa cho các dân tộc thiểu số gốc địa phương. Đó là nhiệm vụ quan trọng nhất của Đảng bộ và chính quyền các cấp hiện nay.

Vì vậy, Đảng phải cụ thể hóa các chủ trương, chính sách cho thật phù hợp với thực tế tình hình kinh tế-xã hội và trình độ của lực lượng sản xuất.

Chính quyền phải thể chế hóa các chính sách kinh tế – xã hội và chính sách dân tộc thật đúng đắn, sát hợp với từng cấp, từng ngành quản lý.

Mặt trận và đoàn thể phải thường xuyên tổ chức học tập, phát động quần chúng, làm thông suốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ các tầng lớp nhân dân, đưa quần chúng nhằm vào mục tiêu hành động, cải tiến cách làm ăn theo hướng đổi mới... thông qua thực tiễn công tác mà phát hiện nòng cốt, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ Đảng viên, cán bộ của Đảng, chính quyền, đoàn thể, đưa họ từ phong trào đi

lên, tạo ra thế mới, lực mới, bảo đảm tính hệ thống, tính cách mạng liên tục và tính kế thừa.

Đội ngũ cán bộ người dân tộc địa phương là nhân tố quyết định của phong trào đoàn kết sản xuất trong quần chúng ở vùng dân tộc thiểu số theo nguyên tắc "phong trào nào, cán bộ đó", "thành phần quần chúng nào, có cốt cán trong thành phần quần chúng ấy".

Cần chú ý xây dựng, bồi dưỡng, nâng đỡ lớp trẻ để đảm bảo công tác lâu dài. Nhưng phải hết sức tranh thủ lớp già làng. Việc chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ cũng vô cùng quan trọng.

Để làm được những việc trên, Đảng phải có chính sách và tiêu chuẩn chọn người để xây dựng con người dân tộc. Dùng con người, để đào tạo con người, thì con người ấy phải hoàn toàn tự giác, có quyết tâm, biết kiên trì, có lương tâm trong sáng và trách nhiệm cao, vì Đảng mà chiến đấu quên mình, vì dân mà phục vụ hết lòng. Bí quyết thắng lợi là có đội ngũ cán bộ tốt và giỏi, có tính năng động cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nắm sát quần chúng để giải quyết mọi việc. Vì vậy, phải có chính sách thật tốt đối với họ, kể cả quyền lợi về vật chất lẫn tinh thần.

B/ Vấn đề tôn giáo và đoàn kết lương – giáo:

Nói chung ở nước ta, vấn đề tôn giáo là do hậu quả của lịch sử để lại, trong đó có âm mưu chia rẽ sâu

sắc của đế quốc, phong kiến. Tôn giáo trở thành một vấn đề chính trị – xã hội phức tạp, phải giải quyết lâu dài, không thể làm theo ý muốn chủ quan. Nếu cứ dùng mệnh lệnh thô bạo, sẽ nảy sinh những vấn đề phức tạp, khó tháo gỡ.

Do vậy, cần có giải pháp để tách ý thức chống đối chính trị của những phần tử tôn giáo cực đoan ra khỏi giáo dân. Nhà nước không can thiệp vào đạo, nhưng phải có trách nhiệm với đời. Nhà nước hướng cho giáo dân hoạt động theo quỹ đạo kinh tế – xã hội là đoàn kết, vì cuộc sống và tình thương mà đẩy mạnh sản xuất để vươn lên, lấy việc nâng cao đời sống nhân dân, lấy tình thương dân tộc mà thuyết phục họ gắn bó với chế độ, lấy việc chấp hành pháp luật làm thước đo trong công tác quản lý nhà nước và sự giác ngộ của giáo dân.

Muốn vậy thì Đảng viên, cán bộ công nhân viên phải gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật và chính sách, xoá bỏ định kiến về tôn giáo. Nếu ta biết vận dụng khéo léo sẽ tạo ra thế và lực mới, góp phần xây dựng đất nước, xoá được mặc cảm, thành kiến lương – giáo do lịch sử để lại, tiến tới đoàn kết thật sự và phát huy những mặt tốt của họ. Trên cơ sở đó, đấu tranh để hạn chế những việc chưa tốt và không tốt của một số người trong tôn giáo. Từ phong trào đoàn kết sản xuất trong quần chúng các tôn giáo mà phát hiện và bồi dưỡng đào tạo cán bộ phục vụ lại quần chúng, lấy thực tế mà giác ngộ giáo dân, từng

bước xác lập và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong quần chúng.

C. Đối với những người trước đây đã hợp tác hoặc có liên quan đến chính quyền cũ :

Chiến tranh đã kết thúc, hòa bình đã được lập lại từ 13 năm qua, nhưng những định kiến trong nhân dân còn chưa được xoá. Về cá nhân, họ còn mặc cảm, ý nghĩ tiêu cực còn nặng nề .Gần đây, nhất là sau Đại hội VI, đa số đã có một cuộc sống yên ổn làm ăn. Muốn tham gia vào việc sản xuất kinh doanh để làm giàu cho gia đình, cho đất nước. Đa số người đã tỏ ra hối hận, muốn lập công chuộc lỗi. Nhưng còn một số ít do thái độ không dứt khoát, thiếu bản lĩnh, dễ bị lôi cuốn do có bọn xấu tác động, thiếu tin tưởng vào chính sách của Đảng, hoặc mất lòng tin đối với chế độ mới, bộc lộ tâm lý không cởi mở, bi quan với cuộc sống và tiền đồ.

Vì vậy, để tạo ra sức mạnh mới, trừ một số rất ít phần tử cố tình hoạt động chống đối chế độ..., còn lại đối với số đông, theo đường lối nhân đạo của Đảng, cần xóa bỏ định kiến, mặc cảm, đoàn kết tương trợ, xây dựng, bảo vệ địa phương, loại trừ những thành kiến đối với những người có vấn đề chính trị trong quá khứ. Trước pháp luật không phân biệt đối xử, đặt lợi ích chung của dân tộc lên trên hết. Lấy việc khắc phục nghèo đói làm mục tiêu, "tất cả vì cuộc sống và sự phồn thịnh của nhân dân địa phương, của đất

nước" là khẩu hiệu hành động. Vấn đề trước mắt được đặt ra ở đây là phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ, đảng viên tại cơ sở có trách nhiệm cao, có lòng vị tha, có thái độ đúng đắn, nghiêm túc chấp hành đường lối của Đảng, có quan điểm giai cấp chân chính là xây dựng con người, sử dụng con người để vun đắp cho sự nghiệp chung.

Cần xây dựng khối đoàn kết Kinh – Thượng, lương – giáo. Là thành viên trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, mọi người đều có trách nhiệm với địa phương, với đất nước. Tất cả vì cuộc sống hôm nay để xây dựng cho ngày mai tốt đẹp hơn, thực hiện lời dạy của Bác Hồ "Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết", "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công".

Thật sự đoàn kết được tôn giáo và dân tộc sẽ tăng sức mạnh lên nhiều lần. Trong thực tế, vì chưa có sự đoàn kết, nhất trí, cho nên sức mạnh bị phân tán và cũng là nguyên nhân quan trọng của khó khăn hiện nay. Nguyên nhân sâu xa là do kẻ thù để lại hậu quả mà chế độ mới phải giải quyết. Chúng ta cũng không thể bằng lòng với các quan điểm chính trị máy móc, không khoa học ngay trong cả đội ngũ cán bộ, đảng viên. Một số người lãnh đạo cậy chức, có quyền, đã có khi góp phần làm cho những vấn đề xã hội thêm rắc rối, do lạc hậu về quan điểm, thoái hóa về chính trị và tư tưởng, máy móc trong lập trường, định kiến trong thái độ đối xử. Sức mạnh

đoàn kết là sức động viên mọi người lao động sản xuất, làm ra nhiều của cải cho xã hội. Muốn vậy, trước pháp luật, mọi người đều bình đẳng. Khi phạm pháp, dân cũng như cán bộ, đảng viên, kể cả lãnh đạo, đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh như nhau. Mọi người phải sống theo nguyên tắc "mình vì mọi người, mọi người vì mình", lao động theo khả năng, hưởng thụ theo sức lao động đóng góp...

Vấn đề chiến lược kinh tế là phải gắn liền với chiến lược con người. Cuộc sống ở 3 tỉnh Tây Nguyên tuy có nhiều mặt giống nhau, nhưng tâm tư tình cảm, các điều kiện vật chất và xã hội cụ thể của mỗi nhóm cư dân, mỗi tộc người lại có sự khác nhau rõ rệt. Nếu không nghiên cứu sâu, không tranh luận thẳng thắn, sẽ không hiểu hết và quan niệm không đúng. Đã quan niệm không đúng thì dẫn đến việc làm sai, không chỉ gây thương tổn về mặt kinh tế mà nghiêm trọng hơn là còn gây thương tổn về mặt tâm lý xã hội cho địa phương, cho đất nước.

PHẦN IV

CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ

(GIAI ĐOẠN I : 1976 – 1986)

I/ Lâm Đồng thực hiện công tác định canh định cư của Đảng và Hội đồng Bộ trưởng :

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chấp hành chính sách dân tộc của Đảng. Đảng bộ Lâm Đồng sớm có Nghị quyết công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc với nội dung vừa ổn định cuộc sống, vừa phát triển lực lượng sản xuất với khẩu hiệu hành động : nơi dễ làm trước, nơi khó làm sau.

Thời gian từ năm 1976 đến năm 1980 tiến hành một số điểm trên mỗi huyện để khảo nghiệm :

1/ Các xã Đinh Trang Hòa, Đinh Lạc, Tân Châu thuộc Huyện Di Linh

2/ Các xã Lộc Nam, Lộc Lâm, buôn Bờ Đơ Bờ Cọ xã An Lạc Huyện Bảo Lộc

3/ Các xã Đà Loan, Tà In Huyện Đức Trọng

4/ Xã Tu Ra, xã Ka Đô Huyện Đơn Dương

5/ Xã Lát, xã Đầm ròn Huyện Lạc Dương

6/ Xã Đa tẻ (nay là Thị trấn Đạ tẻh) Huyện Đạ Huoai (cũ).

Đồng thời tích cực vận động nhân dân các dân tộc, xóa bỏ các khu tập trung của địch lập ra, trở về định canh định cư ở buôn làng cũ dọc giao thông và các đồn điền chè, cà phê làm ăn nhằm ổn định cuộc sống và tổ chức sản xuất cho đồng bào. Thời gian này nặng vận động chiều rộng, chú ý lo định cư, chủ yếu lo ổn định cuộc sống cho dân tộc các khu tập trung bung về, ổn định chỗ ở và sản xuất trong các nông trường mới thành lập của ta.

Thời gian từ 1981 đến 1985 : sau hội nghị tổng kết 5 năm tiến hành công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc, thời kỳ đầu nói chung, ta có nhiều cố gắng tích cực, có làm được một số việc, tạo được một số mô hình, như buôn Bờ Cọ, Tân Châu, Đồng Đò, Đinh Lạc... Nhưng nội dung còn nặng chiều rộng thiếu vững chắc, có nơi như Lộc Nam, nặng định cư hình thức. Tuy đầu tư khá lớn, xây dựng các công trình công cộng khang trang, nhưng sau 2 năm không phát triển được định canh, không chuyển được cách làm ăn mới, không giải quyết được cuộc sống và cách sống, nên nhân dân trở lại buôn làng cũ phá rừng làm nương như cũ.

Cuộc họp tổng kết ngày 15/12/1980 tỉnh chủ trương đầu tư cho định canh định cư, chú ý giải quyết lương thực, tạo bàn đạp cho phát triển làm ruộng

nước, nơi có điều kiện thích hợp với đất đai lao động, tổ chức làm thí điểm vườn cây công nghiệp, trà, cà phê, dâu tằm. Lấy Di Linh làm điểm của tỉnh, các Huyện và Thành phố Đà Lạt mỗi nơi lấy một số buôn hay xã làm điểm của địa phương mình : Đà Lạt lấy xã Tà Nung, Lạc Dương-xã Đầm ròn, Đơn Dương-xã Tu Tra, Đức trọng-xã Tà In, Di Linh 3 xã : Sơn Điền, Gung Ré, Tân Châu, Bảo Lộc-xã Tân Rai, Lộc Lâm, Đạ Huoai cũ là xã Đạ Tẻ (nay là Thị trấn Đạ tẻ).

Phương châm : dựa vào dân, động viên sức lao động của dân, tổ chức vòng đổi công, phát triển sản xuất, từng bước cải thiện cuộc sống cho nhân dân, chính quyền có trách nhiệm hỗ trợ, tích cực giải quyết đất đai, giống cây trồng, con nuôi, mặt trận đoàn thể giúp dân tổ chức quần chúng đoàn kết, tương thân tương ái, cùng nhau xây dựng cuộc sống cho từng buôn làng cùng đi lên. Phương thức tổ chức sản xuất, lấy tổ vòng đổi công làm nòng cốt, và cho làm thí điểm một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, những địa bàn có điều kiện. Động viên một số hộ người Kinh đi xây dựng kinh tế mới cùng xen với đồng bào dân tộc, vừa làm ăn, vừa hướng dẫn giúp đỡ kinh nghiệm sản xuất cho đồng bào dân tộc, tạo mô hình định canh, làm cơ sở cho định cư.

Cũng trong cuộc hội nghị này, Tỉnh chủ trương cho phép chính quyền cơ sở cấp đất để dân trồng cây công nghiệp dài ngày, lập vườn hộ nông lâm kết hợp. Chính quyền Huyện có trách nhiệm tổ chức thực

hiện, thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật giống cây trồng con nuôi cho từng thôn từng xã từng huyện. Với chủ trương chuyển nội dung và phương thức định canh định cư cho đồng bào dân tộc nói trên của tỉnh Lâm Đồng từ năm 1981 đến 1985, kết quả toàn tỉnh đã tạo được 3400 ha ruộng lúa nước 2 vụ, 5400 ha màu, 3000 ha vườn hộ cho đồng bào dân tộc và đã vận động trên 16.000 - trên 24.470 hộ dân tộc toàn tỉnh đã lập vườn hộ, trồng cây công nghiệp dài ngày phát triển khá tốt, đã xây dựng được một số mô hình định canh định cư có kết quả cụ thể như mô hình buôn Bờ Đơ Lộc An, Đầm Ròn, Đinh Lạc, Tân Châu, Đinh trang Hoà, Gung Ré... có bước tiến vững chắc.

Cơ sở những tiến bộ nói trên được Bộ Lâm nghiệp và HĐBT đánh giá tốt và quyết định giao UBND Tỉnh tổ chức đăng cai hội nghị tổng kết 10 năm tiến hành công tác định canh định cư của cả nước, bàn kết hoạch và chính sách định canh định cư tiếp, theo tinh thần nghị quyết Đại hội V của Đảng đề ra, do Bộ Lâm nghiệp chủ trì, tiến hành từ ngày 25 đến 29/12/1995 tại Đà Lạt. Trong cuộc hội nghị ấy, tỉnh Lâm Đồng tham gia với 2 văn bản : một là bản báo cáo tình hình công tác định canh định cư của ngành lâm nghiệp, hai là bài tham luận của đồng chí Phó bí thư-Chủ tịch UBND Tỉnh.

Sau đây xin nêu lại toàn văn bài phát biểu tham luận trong cuộc hội nghị nói trên để bạn đọc tham

khảo về công tác định canh định cư sau 10 năm (1976 đến 1985) của Tỉnh.

***Bản tham luận của Lâm Đồng như sau :**

Tỉnh Lâm Đồng chúng tôi rất vinh dự được Bộ Lâm Nghiệp chọn TP Đà Lạt làm nơi tổ chức hội nghị tổng kết công tác định canh định cư của cả nước. Tôi xin thay mặt Tỉnh Uỷ, UBND Tỉnh và toàn thể nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng nhiệt liệt chào mừng đồng chí đại diện Hội Đồng Bộ Trưởng về dự hôm nay.

-Nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu đại diện các bộ, các ngành TW, các tỉnh bạn về dự hội nghị này.

Kính thưa các vị đại biểu cùng toàn thể Hôi nghị.

Công tác định canh định cư là một công tác lớn của Đảng và nhà nước ta hiện nay, nó có một vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đảm bảo từng bước đưa đồng bào các dân tộc thiểu số tiến kịp với đồng bào Kinh, cùng nhau xây dựng và bảo vệ tổ quốc XHCN. Công tác ĐCĐC đối với đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng chúng tôi cũng đặc biệt coi trọng qua 10 năm sau giải phóng.

Hôm nay nhân hội nghị này, tôi xin thay mặt Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Lâm Đồng báo cáo một số vấn đề về công tác ĐCĐC của tỉnh Lâm Đồng trong

những năm qua và những nhiệm vụ sắp đến để hội nghị nghiên cứu và đóng góp ý kiến giúp cho việc chỉ đạo và thực hiện có kết quả tốt đối với công tác ĐCĐC của tỉnh Lâm Đồng chúng tôi.

Kính thưa hội nghị,

Lâm Đồng là một trong 3 tỉnh Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng của khu vực Tây Nguyên. Là một tỉnh miền núi với diện tích trên 1 triệu ha đất đai tự nhiên, Lâm Đồng chúng tôi hiện có khoảng 500.000 dân trong đó có 129.000 đồng bào các dân tộc thiểu số, chiếm 25% tổng số nhân khẩu và 30% tổng số lao động nông lâm nghiệp, nhưng lại là người dân gốc sống trên đất này từ lâu đời, trên 70% đất đai rừng núi tự nhiên là nơi đồng bào đang sinh sống, thế nhưng diện tích canh tác họ chỉ chiếm khoảng 10% tổng số đất nông nghiệp và bằng 0,007% đất đai tự nhiên của tỉnh. Phương thức canh tác phổ biến là phá rừng làm nương rẫy.

Trước ngày giải phóng (1975) cuộc sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng còn rất lạc hậu, lực lượng sản xuất thủ công, phương tiện và công cụ sản xuất phổ biến là cây xà gạc, về quan hệ xã hội chưa phân hoá giai cấp rõ rệt, đất đai rừng núi là của chung dân làng, tư liệu sản xuất chưa có, nền kinh tế mang tính chất tự nhiên tự túc tự cấp rất đơn giản, một số buôn làng sống gần đồng bào kinh

dọc các trục lộ 20, 21,11, số 8... có được mở mang chút ít ... nhưng trình độ canh tác vẫn rất thô sơ, cuộc sống hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên và vô cùng bấp bênh.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bằng con đường ĐCĐC, cuộc sống của đồng bào dân tộc ít người đã có thay đổi, từng bước được tổ chức lại sản xuất, đời sống sản xuất đã có những nét mới cụ thể như sau :

-Từ không có ruộng nước làm 2 vụ nay đã có hơn 3000 ha canh tác và đã biết cấy lúa nước và dùng phân bón. Từ cuộc sống với nền kinh tế tự nhiên tự túc tự cấp lâu đời của đồng bào dân tộc có nơi quanh năm không mua bán đổi chác, nay đã có chợ để trao đổi sản phẩm giữa buôn làng như chợ Đạ Gùi, Đạ Tẻh, Đồng Nai...

Những năm đầu sau giải phóng, công tác ĐCĐC tuy đã được đặt vấn đề ngay từ đầu và cũng đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng mặt tồn tại và thiếu sót trong việc chỉ đạo vẫn còn nhiều, những năm 1976-1980 còn nặng ĐCĐC hình thức chứ chưa thực sự đi vào cuộc sống thực tế của quần chúng, chưa nghiên cứu kỹ để có những mô hình phù hợp với đặc điểm tình hình của nền kinh tế xã hội mang nhiều nét đặt thù của các dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Xuất phát từ tình hình đó mà chúng tôi đã đặt vấn đề, nghiên cứu nội dung công tác ĐCĐC cho phù

hợp với điều kiện thực tế của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng, lấy ĐCĐC là quan trọng và phương thức đi lên từ thấp đến cao, từ mảnh vườn trồng cây công nghiệp với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, lấy ngắn nuôi dài, tạo vốn tích lũy ban đầu để tiến dần lên sản xuất XHCN – thực chất của vấn đề này là chuyển nội dung ĐCĐC trong bước đi ban đầu từ hình thành xây dựng hệ thống làm kinh tế vườn trong đồng bào dân tộc và thực tế từ năm 1982 trở lại đây đã có những biến chuyển mới, phong trào lập vườn 2 sào trồng cây công nghiệp như cà phê, chè, dâu tằm và cây ăn quả đã thâm nhập thật sự trong quần chúng nhất là trồng cà phê đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi mạnh mẽ. Đến nay có khoảng 6000 vườn hộ/16.000 hộ đã hoàn chỉnh mảnh vườn 2 sào và đang có xu hướng phát triển cây cà phê ngoài mảnh vườn của mình và nhận khoán định mức trồng chè, cà phê, dâu tằm đồng thời với phát triển lâm sinh, khai thác lâm sản cho các công-nông-lâm trường với hình thức giao đất giao rừng cho từng hộ với tư cách là người chủ thực sự trong việc quản lý kinh doanh rừng, nhằm sử dụng lao động dân tộc đưa vào kế hoạch xây dựng kinh tế xã hội một cách hợp lý, vốn xây dựng cơ bản sử dụng đầu tư cho kế hoạch trực tiếp cho công tác ĐCĐC cho đồng bào dân tộc trong 10 năm qua là 5%. Mac dù tỷ lệ đầu tư nêu trên còn quá nhỏ bé, nhưng bước đầu đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội trong

đồng bào dân tộc của tỉnh Chúng tôi cho rằng đây là sự thay đổi đúng hướng, nhất là từ năm 1982 lại đây.

Công tác ĐCĐC vừa qua tuy có nhiều chuyển biến mới theo hướng tích cực, đó là cơ bản, nhưng mặt tồn tại và thiếu sót trong công tác chỉ đạo còn nhiều. Vấn đề chỉ đạo thực hiện chưa tập trung, thống nhất, đồng bộ và làm chưa đến nơi đến chốn, nhất là việc chỉ đạo về tổ chức sản xuất, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, chỉ đạo kế hoạch thâm canh, chăm sóc, giống cây trồng thiếu cụ thể .v.v Do đó một số xã, một số vườn trồng năm 1981-1982 đến nay tỷ lệ cây sống còn rất ít, phải trồng dặm đi dặm lại nhiều lần. Thêm vào đó công tác bảo vệ cây trồng, bảo vệ thực vật chưa được đặt ra đúng mức và toàn diện.

Qua đánh giá tình hình thực hiện công tác ĐCĐC trong đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 1982 đến nay và nhất là trong năm 1985 có thể rút ra một số kết luận từ thực tế sau :

1-Công tác ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số là một yêu cầu hết sức bức thiết, không chỉ là vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông thường mà còn là nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, khoa học kỹ thuật và an ninh quốc phòng vô cùng đặc biệt và rất phức tạp, vì nó hoạt động trong mối quan hệ tổng hợp trên địa bàn huyện cực kỳ khó khăn. Tỉnh Lâm Đồng không giải quyết tốt công tác ĐCĐC, nếu không ổn định sản xuất và đời sống cho

dân tộc tốt thì không thể đưa dân nơi khác đến xây dựng kinh tế mới có hiệu quả trên địa phương này. Hơn nữa chúng tôi tự xác định rằng : Nếu chúng tôi không biết sử dụng tốt tài nguyên lao động, đất đai tại chỗ hiện có, thì cũng không thể nói là mình có năng lực để sử dụng một cách có hiệu quả đưa lao động từ nơi khác đến, đó là điều đáng suy nghĩ.

2-Vấn đề ĐCĐC có mối quan hệ kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng, trước hết phải chú ý định canh là cơ sở cho định cư, nghĩa là không ổn định cuộc sống và cách sống thì không thể ở yên, nếu chúng ta dùng mệnh lệnh thì dễ thất bại. Muốn ĐCĐC cho dân tộc thiểu số thì phải chú ý xây dựng cơ cấu nông-lâm-công nghiệp kết hợp cho từng cơ sở, phải gắn liền phát triển nông nghiệp với lâm nghiệp và phát triển chăn nuôi, xây dựng vốn rừng, bảo vệ môi trường, sinh thái, sắp xếp thế ăn ở theo cụm dân cư, gắn kinh tế quốc phòng nằm trong quy hoạch, kế hoạch thống nhất trên địa bàn của huyện.

3-Xuất phát từ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước là đoàn kết tương trợ và bình đẳng giữa các dân tộc đa số và thiểu số trong cộng đồng xã hội mà cụ thể hóa nội dung chính sách đó trong công tác ĐCĐC cho đồng bào dân tộc thiểu số là giải quyết xây dựng một xã hội toàn diện cả về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, giác ngộ quần chúng đấu tranh tiêu diệt tận gốc lực lượng phản động Fulro. Xây

dựng cả về tư tưởng và tổ chức để đưa các dân tộc anh em từ chậm tiến, lạc hậu tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua các giai đoạn phát triển của lịch sử, trong đó công tác ĐCĐC là bước đi ban đầu có tính chất quyết định, một bước đi vừa mang tính chất quy luật phổ biến, vừa vận dụng các đặc điểm của quy luật đặc thù tương ứng với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của các dân tộc thiểu số ở địa phương chúng tôi.

4-Tổ chức lực lượng sản xuất cần chú ý cả 3 thành phần : quốc doanh, tập thể và gia đình. Nhưng với đặc điểm của tỉnh Lâm Đồng đất rộng, người thưa, nhất là vùng dân tộc thiểu số, lực lượng sản xuất ở đây tất cả đều là thủ công, chăn nuôi chưa phát triển, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp hầu như không có, giai cấp bóc lột trong dân tộc chưa hình thành. Vì vậy mà phải lấy mảnh vườn làm mục tiêu phát triển sản xuất hàng hóa nhỏ trên mảnh vườn ấy để làm bàn đạp tiến lên sản xuất lớn XHCN. Vị trí tác dụng mảnh vườn trong kế hoạch ĐCĐC là vừa tạo tư liệu sản xuất ban đầu cho dân tộc vừa là đối tượng để tác động 3 cuộc cách mạng, vừa là trường học để đào tạo, bồi dưỡng phát triển lực lượng sản xuất. Đó là cơ sở đảm bảo việc vận dụng đường lối của Đảng và Nhà nước trong điều kiện tự nhiên xã hội cụ thể của dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng chúng tôi.

5-Thực tế hình thái kinh tế-xã hội như trên, vận dụng quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa có những vấn

đề phải đặt ra trước mắt để nghiên cứu là : vận dụng nguyên tắc lấy kế hoạch hóa là trung tâm và hạch toán kinh doanh XHCN theo cách nào ? Tổ chức sản xuất và quản lý sao cho phù hợp với điều kiện lịch sử, không thể giống nhau cả tự nhiên và kinh tế xã hội ? Đảng và chính quyền ở địa phương phải tác động như thế nào cho đồng bào các dân tộc thiểu số có thể tự thân vươn lên trong ý chí tự lực tự cường thành động lực phát triển sản xuất nhanh, mạnh cả về lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất XHCN hình thành, từng bước đạt yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cao ? Đó là cơ sở khoa học tổng hợp và cũng là nền móng để đi lên tổ chức sản xuất lớn XHCN nhanh nhất...

Qua thực tế chứng minh rằng : các dân tộc thiểu số Lâm Đồng nói riêng và cả nước nói chung vốn có nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu là do lịch sử ngàn năm lưu lại, mà sự kìm hãm ấy là do hậu quả của chế độ thực dân thi nhau áp bức bóc lột, chúng kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất, nhằm lợi dụng sự nghèo đói, ngu dốt để dễ bề bắt phu, bắt lính, bóc lột sức lao động và nhân công một cách rẻ mạt làm giàu cho chúng.

Đứng trước yêu cầu của lịch sử các dân tộc thiểu số, sau khi giải phóng và thống nhất đất nước, Đảng và chính phủ ta cần phải nhanh chóng đưa nền kinh tế xã hội trong đồng bào dân tộc thiểu số đi lên CHXN, bỏ qua các giai đoạn phát triển tự nhiên của

quy luật lịch sử tiến hóa loài người, đưa trình độ kinh tế xã hội của đồng bào thiểu số tiến kịp người Kinh thì điều trước hết là phải phát động các dân tộc thiểu số kiên quyết đứng lên làm cuộc cách mạng đổi đời, mà trước hết là đổi cách làm ăn, đồng thời Đảng lãnh đạo các thành phần xã hội của dân tộc đa số xác định trách nhiệm nghĩa vụ giúp đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh cùng tiến lên CNXH. Bởi vì, thực tế nếu ¼ dân tộc thiểu số trong tỉnh chưa có CNXH thì cũng không sao có CNXH, đồng thời cũng phải cụ thể hóa một số chính sách đúng đắn về tuyển chọn đội ngũ cán bộ người Kinh có trình độ chính trị và năng lực chuyên môn, đủ nhiệt tình và tự nguyện làm người lính xung kích đi vào cùng ăn, cùng ở, cùng làm, giúp hướng dẫn đồng bào dân tộc thực hiện xây dựng cuộc sống văn minh, mở mang kinh tế, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu cho đồng bào, rút ngắn giai đoạn phát triển lịch sử từ xưa chưa làm được mà còn cản trở. Theo tôi, đó là mục tiêu lý tưởng của người cộng sản và đó cũng là bí quyết của vấn đề trong tính ưu việt của CNXH , bởi vì trong quy luật chung là con người làm nên lịch sử, nhưng phải có con người để xây dựng con người, mà con người cụ thể ấy chính là người cộng sản chân chính.

Nhìn lại lịch sử phát triển loài người, chuyển từ chế độ này sang chế độ khác tiến bộ hơn bắt nguồn từ sự tiến bộ của lực lượng sản xuất phù hợp với phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất mới hình

thành...Chủ nghĩa tư bản hình thành từ cơ sở sản xuất hàng hóa và tiền tệ ra đời... với quy luật ấy, thì trong đồng bào các dân tộc thiểu số chúng ta hiện nay muốn tiến nhanh lên sản xuất lớn XHCN là một bước tiến nhảy vọt và để có bước nhảy vọt ấy cũng phải làm sao cho dân tộc có ý thức sản xuất hàng hóa từ nhỏ đến lớn và tiền tệ thực sự kích thích sản xuất phát triển không ngừng v.v... Điều đó làm có được không ? Nhân tố nào tạo ra sự phát triển nhảy vọt ấy? Nhân tố kích thích hiện nay chính là bắt nguồn từ đường lối đúng đắn và chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng, điểm xuất phát từ bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa, tính ưu việt là chế độ người không bóc lột người do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhưng phải thấy tiền đề vật chất đưa đồng bào dân tộc ít người tiến thẳng lên CNXH là phải xuất phát từ cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH đang hình thành và trong xu thế phát triển vững mạnh hơn lúc nào hết, nó phát triển thế và lực từ sức mạnh tổng hợp của nền chuyên chính vô sản và từ lực lượng liên minh công nông trí thức do Đảng ta lãnh đạo. Sự liên kết giữa nông dân tập thể và nhà nước chuyên chính vô sản, đó là quy luật tất yếu tiến lên CNXH ở nông thôn nước ta trong điều kiện lịch sử ấy, tầng lớp nông dân trong các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng sẽ nhanh chóng hình thành một lực lượng nông dân tập thể XHCN mở đầu từ mảnh vườn, từ sản xuất hàng hóa nhỏ đi lên sản xuất lớn XHCN, xóa bỏ sản xuất

tự nhiên, tự túc, tự cấp lạc hậu, là con đường đảm bảo đấu tranh xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu là điều có thể làm được nếu ta có nghiên cứu vận dụng làm đúng bước đi và cách làm phù hợp, không máy móc cứng nhắc như những năm 1976-1980.

Định canh định cư là sự thay đổi cách làm ăn của đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng thay đổi bằng cách nào, thay đổi bằng cái gì ? Theo chúng tôi nghĩ, nếu đồng bào kinh xây dựng CNXH , bắt đầu thay đổi từ sự vận động hợp tác hóa lao động và tập thể hóa tư liệu sản xuất và công cụ lao động ... còn đồng bào dân tộc phải vận động họ từ việc phát triển lực lượng sản xuất tạo ra tư liệu sản xuất ban đầu, làm sao tạo cho mỗi người có một mảnh vườn và mảnh vườn ấy là đối tượng tác động sản xuất hàng hóa nhỏ của bước đi ban đầu trong đồng bào dân tộc và cũng là một trong những nội dung ban đầu của công tác ĐCĐC. Không có gì ràng buộc người dân tộc để họ không còn trở lại sống du canh du cư bằng khi họ đã có mảnh vườn, và mảnh vườn ấy đã cho sản phẩm để nuôi sống ban đầu cho gia đình họ. Giá trị mảnh vườn của đồng bào dân tộc là một cuộc cách mạng trong cách làm ăn mới đi vào cuộc sống ổn định, đến nay rất nhiều mảnh vườn của đồng bào dân tộc (2 sào cà phê) đã có sản phẩm 300 kg cà phê nhân trong mùa thu hái ban đầu và có giá trị trên 10 ngàn đồng (tiền mới), so với giá trị lương thực là bốn tấn lúa nếu đi phát rẫy làm nương mất 4 ha rừng và không sao làm nổi 4 ha trong mỗi

gia đình. Giá trị lao động đầu tư trên mảnh vườn là giá trị thời gian lao động tranh thủ sớm chiều nghỉ ngoài đồng. Mảnh vườn còn là đối tượng để thâm canh tăng năng suất, thí nghiệm khoa học kỹ thuật, tận dụng mọi nguồn phân tro, nước tiểu, phân heo gà bón hằng ngày, hàng giờ và cũng làm cho lực lượng lao động dân tộc đi vào thí nghiệm 3 cuộc cách mạng, nhất là cách mạng khoa học kỹ thuật ứng dụng trong thực tế, lấy kết quả cụ thể để thuyết phục mọi người, kích thích tâm lý người lao động dân tộc hăng hái sản xuất tạo ra hàng hóa vừa đảm bảo ổn định cuộc sống, vừa đóng góp của cải vật chất cho xã hội, tạo thêm hàng hóa để xuất khẩu có giá trị kinh tế cao. Nếu trong đồng bào dân tộc mỗi hộ có một vườn cây công nghiệp cà phê, chè, dâu tằm cây ăn quả hoặc tất cả là cà phê đều nhau thì tỉnh này chỉ riêng cà phê vườn của dân tộc đã cho một sản phẩm gần 5000 tấn (16.000 vườn x 300kg/ vườn = 4.800.000 kg). Giá trị bằng 10 triệu rúp – đô la, năng suất đầu tư cho mỗi vườn đồng bào dân tộc là không lớn lắm, nhà nước chỉ giúp tiền cho vốn bán chịu một ít phân vô cơ trong 3 năm đầu XDCB, sau thu lại bằng sản phẩm. Điều đó hoàn toàn hợp lý trong lúc quần chúng còn nghèo cần có chính sách hỗ trợ. Thực tế tỉnh đầu tư cho 6000 hộ vườn từ năm 1982 đến nay đã chứng minh hiệu quả kinh tế đáng được khích lệ. Năm 1985, Lâm Đồng mua được trên 900 tấn cà phê (phần

lớn từ sản phẩm kinh tế vườn cả Kinh và Thượng tạo ra).

Chủ trương phát triển kinh tế vườn trong đồng bào dân tộc làm bước đi ban đầu trong thời kỳ ĐCĐC, đó cũng là nội dung phát triển cơ sở vật chất ban đầu của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn XHCN trong khung cảnh một tỉnh miền núi đất đai mới khai mở, lực lượng sản xuất mới chưa phát triển, nó không chỉ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và lực lượng sản xuất của dân tộc thiểu số mà còn tác dụng kích thích lực lượng sản xuất phát triển trên toàn xã hội ở địa phương và trình độ canh tác trong đồng bào dân tộc sẽ được nâng lên toàn diện và thực sự có tác dụng thiết thực của chính sách nông-lâm kết hợp, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và thích hợp với bước đi từ thấp đến cao, từ giản đơn đến phức tạp trong khi tiến hành cải tạo và xây dựng XHCN, lấy xây dựng làm yếu tố quyết định...và nó còn thích hợp cả khả năng đầu tư của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình hiện nay, đúng với phương châm của đảng là phát huy thế mạnh lao động, đất đai tài nguyên hiện có để xây dựng CNXH phù hợp với đối tượng cụ thể trên mỗi địa bàn.

Từ việc phát triển mảnh vườn làm tư liệu sản xuất ban đầu, tiến lên phát triển sản xuất ngòai vườn với phát triển kinh doanh lâm nghiệp là tiền đề tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, hình thành quan hệ sản xuất mới,từ vần đổi công đi lên tập đoàn, HTX cấp

thấp và cấp cao trong đồng bào dân tộc, phù hợp với trình độ kinh tế xã hội và cuộc sống tự nhiên trong đồng bào.

Qua phân tích tình hình kinh tế-xã hội trong đồng bào dân tộc thiểu số nêu trên trong quy hoạch kế hoạch kinh tế-xã hội sắp đến của Lâm Đồng là : Công tác quy hoạch phân bổ lực lượng sản xuất và kế hoạch kinh tế-xã hội của tỉnh trong những năm 1986-1990 là phải đưa 700.000 ha đất rừng và rừng đi vào tổ chức lại sản xuất kinh doanh lâm nghiệp gắn với kế hoạch định canh định cứ của 129.000 đồng bào dân tộc nhằm sử dụng tốt 40.000 lao động hiện có đi vào sản xuất kinh doanh lâm nghiệp thật sự theo nguyên tắc và mô hình dưới đây : Thực hiện nguyên tắc nhà nước quản lý, mà đại diện nhà nước về mặt kinh doanh là tổ chức lâm trường. Lâm trường giao đất và rừng cho dân, khoán có định mức kinh tế kỹ thuật để họ làm chủ cụ thể theo hợp đồng có quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi cụ thể đối với đất đai và sản phẩm được giao, lấy tiểu khu làm địa bàn để tổ chức lại sản xuất, mỗi tiểu khu 1000 ha thì tổ chức một đội sản xuất phù hợp với một làng dân tộc, dưới tiểu khu là một khoảnh 100 ha làm một tổ sản xuất có thể là một tộc họ trong buôn, trong khoảnh chia ra nhiều lô, mỗi lô 10 ha giao cho mỗi gia đình phụ trách và trong mối quan hệ gia đình nằm trong tổ và đội về mặt sản xuất và về mặt quản lý nhà

nước là thôn xóm, về mặt quản lý kinh doanh nằm trong hệ thống lâm trường, tiểu khu...

Thực hiện nguyên tắc giao đất giao rừng cho dân tộc sản xuất kinh doanh không phải giao chung chung mà phải giao cả đất và rừng, sản phẩm chủ yếu từ rừng hiện có, như giao cho nông dân quản lý sử dụng đất ruộng và cây trái từ mảnh ruộng ấy, họ có trách nhiệm bảo vệ và thu hoạch, được hưởng sản phẩm theo chính sách có định mức. Trong đất rừng được giao, cho phép được sử dụng 10% đất rừng (đất trống, đồi trọc) để trồng cây công nghiệp và cây lương thực thực phẩm gắn liền kế hoạch phát triển lâm nghiệp, gắn vườn cây công nghiệp và vườn rừng trong mô hình lâm trường (mô hình này đang từng bước thí điểm ở xã Ninh Gia với Xí nghiệp chế biến nhựa thông, ở Phường 2 Đà Lạt với Lâm trường Đà Lạt).

Từ giao đất giao rừng nói trên để xây dựng sử dụng vùng nguyên liệu thực sự có chủ trực tiếp quản lý, bảo vệ, chăm sóc sản xuất kinh doanh theo quy hoạch từng bước đưa vào kế hoạch hóa, công nghiệp hóa lâm nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm từ rừng, hình thành các nhóm sản phẩm từ lâm nghiệp mà tỉnh chúng tôi đã dự định.

Đến năm 1987-1988 là tổ chức xong công tác định canh định cư, sử dụng hợp lý 40.000 lao động dân tộc của địa phương đi vào xây dựng cơ cấu kinh

tế lâm-nông-chăn nuôi-công nghiệp kết hợp. Nếu hoàn thành công tác này, đồng bào dân tộc thiểu số chúng tôi sẽ có trên 1 sào cà phê/đầu người và 1 lao động sản xuất kinh doanh trên 5 ha rừng để đi vào con đường công nghiệp hóa thật sự. Để thực hiện mục tiêu trên, hai năm 1986-1987 mỗi hộ dân tộc có 2000m2 vườn cà phê và tạm phân giao khoán đất và rừng nằm trong quỹ đạo quản lý của lâm trường.

Năm 1988-1990 chúng tôi có kế hoạch thâm canh rừng đi đôi với phát triển cà phê ngoài vườn giải quyết một phần lương thực thực phẩm trên các loại đất có điều kiện cho phép để tự túc một phần cho đời sống tại chỗ và đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm dưới tán rừng như : trồng cây A-ga (cây dứa bà) để lấy sợi, ba kích, sa nhân, hoài sơn... để làm dược liệu. Cũng cần có quy hoạch xây dựng và cải tạo đồng cỏ dưới tán rừng và đồng cỏ chuyên canh nơi có điều kiện để bảo đảm chăn nuôi phát triển bò, dê... cân đối với trồng trọt và phát triển bò sữa để từng bước cải tiến bữa ăn cho đồng bào dân tộc cho những năm sau 2000. Từ mô hình tổ chức sản xuất nói trên, đồng bào dân tộc ở địa phương chúng tôi sẽ tạo ra sản phẩm hàng hóa tiêu dùng và xuất khẩu khá phong phú.

Ngược lại, Lâm Đồng không có cách nghĩ và kiểu làm ăn nói trên thì chỉ đi vào phân bổ lực lượng sản xuất 200.000 ha đất nông nghiệp và cũng không có điều kiện phát huy 40.000 lao động đồng bào dân tộc

sẵn có và cũng không làm sao giữ được vốn rừng và phát triển được rừng.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, vấn đề lớn là phải có đầu tư nhưng dù đầu tư cao nhất cũng bằng 50% so với đầu tư lao động đưa từ xa đến. Vì vậy mà chúng tôi đề nghị hội nghị này nên có thống nhất đề nghị nhà nước 1 chính sách đầu tư đúng mức theo nguyên tắc ***lấy rừng nuôi rừng***, phát triển sự nghiệp kinh tế rừng và từ rừng tạo tích lũy ban đầu giúp các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế tiến lên XHCN theo kịp người Kinh và từng bước cải thiện đời sống.

Trên đây chúng tôi xin nêu lên 1 số ý nghĩ và kết quả việc làm ban đầu trong 10 năm vận động định canh định cư từ thực tế của địa phương, có ý nghĩa vừa đóng góp với hội nghị và cũng trình bày ý kiến của mình trước hội nghị, mong muốn hội nghị đóng góp ý kiến cho công tác định canh định cư của tỉnh chúng tôi ngày càng có kết quả vững chắc hơn.

II. CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ GIAI ĐOẠN II (1986-1995)

1/ Giai đoạn 1986-1990 là giai đoạn triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Giai đoạn đổi mới quản lý kinh tế, từ cơ chế quan liệu bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, hạch toán kinh doanh XHCN, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của nhà nước theo luật pháp XHCN. Thời gian đổi mới quản lý kinh tế cũng là thời gian Bộ Chính trị TW Đảng khóa VI ra Nghị quyết 22 về chính sách dân tộc miền núi và quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) trong điều kiện mới.

Do khó khăn về ngân sách, do chính sách đầu tư trong điều kiện xóa bao cấp, nhưng đối với vùng đồng bào dân tộc, tuy đã có Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng về mặt vĩ mô, nhưng về mặt vi mô thì các Bộ, các ngành chức năng quản lý trực tiếp lĩnh vực đầu tư, chưa có văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể, nên trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị là hết sức lúng túng... Trên Trung ương xóa bao cấp, còn địa phương lại không có nguồn đầu tư tiếp tục các công trình dở dang của thời kỳ bao cấp trong xây dựng cơ bản của các công nông lâm trường

chưa hoàn thành, có trường hợp đành bó tay như Nông trường cà phê Lộc Bắc lúc ấy đã phát triển 350 ha cà phê, khoán cho dân Lộc Bắc, qua 1 năm trồng 2 năm chăm sóc, nhưng hết vốn để đầu tư tiếp tục, nhân dân không có ăn để chăm sóc năm thứ 3, đành bỏ chạy vào rừng phát nương làm rẫy, đào củ rừng ăn để sống. Hai năm sau xoay có vốn, thì vườn cà phê đã trở thành rừng tranh và cỏ dại. Nông trường Kon Tắc Đạ, nông trường Đạ Đờn huyện Đức Trọng, do không có vốn đầu tư tiếp tục nên đã chuyển vườn cây của Nông trường thành của tư nhân tự quản lý, tự đầu tư trên 500 ha của 2 nông trường, cũng vì chưa xoay được vốn.

Do bước quá độ chuyển từ bao cấp qua hạch toán kinh doanh XHCN chưa có bước chuẩn bị, nên tốc độ phát triển công tác định canh định cư trong vùng dân tộc đã gặp nhiều khó khăn ách tắc trong thời gian 1986-1988. Để giảm bớt khó khăn, chủ trương của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Lâm Đồng là tích cực tìm biện pháp duy trì và củng cố thành quả định canh định cư sau 15 năm đã làm được, từng bước khắc phục khó khăn, ổn định số vườn hộ trong dân tộc đã đầu tư, phát huy tính tự lực vươn lên chăm sóc số vườn hiện có, và vận động tự lực phát triển theo vết dầu loang. Đồng thời chuẩn bị điều kiện cho kế hoạch phát triển khi có thời cơ thuận lợi, tập trung lo cho số vùng còn lại, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, vùng đang gặp nhiều khó khăn nhất.

Theo số liệu điều tra khảo sát năm 1994, sau 12 năm thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị BCH TW Đảng khóa VI.

Khi mà tổ phái viên II của Trung ương Đảng và Chính phủ khu vực miền Trung và Tây Nguyên thành lập, tôi (tức là Nguyễn Xuân Du) được tổ phân công theo dõi 3 tỉnh cực Nam Trung bộ (NB Lâm) và đặc trách theo dõi công tác dân tộc Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh. Lúc bấy giờ tổ phái viên II đã làm bản báo cáo tình hình công tác dân tộc của 3 tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận và đề xuất chủ trương phát triển công tác định canh định cư vùng đồng bào dân tộc 4 tỉnh Tây Nguyên đã được tổ thống nhất lấy Lâm Đồng làm thí điểm. Sau 2 năm (1995-1996) đã góp sức với Tỉnh ủy và UBND, Ban Dân tộc và Chi cục định canh định cư Lâm Đồng làm thí điểm 10 xã đạt kết quả tốt. Tháng 12/1996 Tổ phái viên II giải thể, nhưng phong trào định canh định cư 4 tỉnh Tây Nguyên tiếp tục phát triển khá tốt, trong đó có 10 xã điểm vùng sâu vùng xa của tỉnh Lâm Đồng có nhiều khởi sắc.

Thời gian từ 1986 đến 1995 có nhiều bản báo cáo tổng kết và đề xuất chính sách ĐCĐC của Tỉnh và tổ phái viên II. Để giúp bạn đọc tham khảo các tư liệu thông tin chính thống trong các văn bản trình bày các ý kiến khác nhau và đề xuất với Trung ương Đảng, Chính phủ ta trong mỗi giai đoạn có tính chất thời sự, bút ký thực tế các chính sách đối với các dân

tộc và công tác định canh định cư của tỉnh Lâm Đồng chúng ta lúc bấy giờ.

Xin nêu lại toàn văn 3 văn bản sau đây vào quyển bút ký này để chứng minh sự đóng góp trong công tác định canh định cư của Đảng bộ Lâm Đồng thời kỳ 1995-2000 như sau :

1/ Báo cáo thực trạng tình hình kinh tế xã hội, đời sống và đề xuất các biện pháp định canh cho đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa của thành viên tổ phái viên II chuyên trách 3 tỉnh Ninh - Bình - Lâm Đồng đã được tổ phái viên II thông qua và báo cáo về TW Đảng và Chính phủ tháng 9/1994.

2/ Báo cáo công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc Lâm Đồng do Ban Dân tộc tỉnh trình bày trong cuộc họp từ 16 đến 18 tháng 7 năm 1996 do Thủ tướng Chính phủ họp tại Ban Mê Thuột với 4 tỉnh Tây Nguyên và đại biểu miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung bộ.

3/ Ý kiến tham gia cuộc họp bàn về định hướng phát triển kinh tế xã hội khu vực Tây Nguyên từ nay đến năm 2000 và 2010 do Thủ tướng chủ trì có các bộ, ban ngành TW, Chính phủ và địa phương tham gia cuộc họp nói trên.

Đồng chí Nguyễn Xuân Du đến thăm và chúc sức khỏe đồng chí Phạm Văn Đồng tại Hà Nội năm 1999.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm và làm việc với tỉnh Lâm Đồng.

Đồng chí Tố Hữu đến thăm và làm việc với Lâm Đồng.

BA.NỘI DUNG PHÁT TRIỂN LẦN LƯỢT GIẢI TRÌNH SAU ĐÂY :

Một là báo cáo đề xuất của tổ phái viên II :

I/ Thực trạng tình hình kinh tế – xã hội, đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa qua khảo sát các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa và Lâm Đồng sau gần 20 năm giải phóng :

Thông qua việc khảo sát của Tổ phái viên ở 3 xã dân tộc tỉnh Bình Thuận, 7 xã của tỉnh Ninh Thuận và 25 xã của Lâm Đồng, theo báo cáo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, qua 5 năm thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng khóa 6, vận dụng quyết định 72 của HĐBT (nay là Chính phủ) trong điều kiện miền núi dân tộc các tỉnh cực Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên (Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng). Qua 2 năm thực hiện chương trình 327-120 của Thủ tướng Chính phủ, thực tế phản ảnh mấy vấn đề sau đây :

Lâm Đồng và các tỉnh cực Nam Trung bộ có vị trí vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh quốc gia và quốc phòng, là vùng bản lề giáp ranh giữa miền Đông Nam Bộ, Tp Hồ Chí Minh – Nam Tây Nguyên và miền Trung, giáp quân cảng Cam Ranh, sân bay Thành Sơn. Về kinh tế có tiềm năng

lớn, nhiều khoáng sản, lâm sản quý hiếm, có thủy năng dồi dào làm cơ sở cho điện khí hóa công nghiệp đa dạng trong vùng, có mối quan hệ gắn liền 3 khu công nghiệp lớn (Biên Hòa – TP Hồ Chí Minh-Vũng Tàu) miền Trung và Tây Nguyên. Đất đai khí hậu vùng này cũng thích ứng sự phát triển lâm–nông-công nghiệp đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa cây trồng và chăn nuôi đại gia súc như phương án phát triển kinh tế miền Trung và Tây nguyên đã nêu.

Mấy năm gần đây, vận dụng sự nghiệp đổi mới của Đảng và Chính phủ thì các tỉnh Cực Nam Trung bộ sau gần 20 năm giải phóng, thống nhất đất nước, so với tốc độ phục hồi và phát triển kinh tế thì vùng này là vùng phát triển chậm trên nhiều mặt và thiếu toàn diện...

Đặc biệt là địa bàn miền núi vùng dân tộc thiểu số thực hiện chương trình định canh định cư có những thay đổi khá tốt trên một số vùng nhưng không đều. Vấn đề phổ biến trong vùng dân tộc ở sâu, ở xa thì hầu hết là lạc hậu, không chuyển biến đáng kể.

Qua khảo sát 25 xã dân tộc vùng sâu của Lâm Đồng, 16 xã dân tộc của Ninh Thuận, 8 xã của Bình Thuận và có khảo sát 2 huyện miền núi của Khánh Hòa, sơ bộ rút ra những kết luận như sau :

1/ Tất cả vùng sâu, vùng xa, vùng ven đô thị, đồng bào dân tộc đều là vùng căn cứ cách mạng trong

kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ là chỗ dựa của lực lượng cách mạng mà các dân tộc thiểu số có sự đóng góp tích cực.

2/ Mật độ dân số ở các vùng này thưa thớt, tỷ lệ chiếm 5% đến 20% tổng dân số mỗi tỉnh, nhưng hoạt động kinh tế xã hội trong các dân tộc vùng này có một diện tích đất đai từ 1/3-2/3 của mỗi tỉnh (riêng Lâm Đồng và Ninh Thuận chiếm 2/3), ta thường nói đất đai núi rừng là của họ nhưng thực tế hiện nay họ không có quyền lợi gì về núi rừng như trước đây.

3/ Tài nguyên quý hiếm và trữ lượng gỗ tuyệt đại đa số là ở vùng này, nguồn nước, điện, thủy điện chủ yếu phát nguyên từ đây. Có thể nói tiềm năng giàu có của miền núi là ở đây, nhưng thực trạng kinh tế-xã hội thì trái ngược. Đây là vùng nghèo khổ nhất trên địa bàn nghèo khổ của các tỉnh Tây Nguyên và miền Trung.

Theo điều tra cơ bản 25 xã, 103 buôn, 7.191 hộ, 42.081 khẩu ở vùng sâu vùng xa trên địa bàn Lâm Đồng thì cuộc sống của dân ở vùng này, hộ làm ăn tương đối khá chỉ có 7 hộ và 136 hộ khác với 902 nhân khẩu là tương đối ổn định còn tất cả khó khăn, thiếu thốn.

4/ Đây là vùng sốt rét cao nhất, nhiều bệnh hiểm nghèo, nhất là trẻ em suy dinh dưỡng cao nhất (85% trẻ em suy dinh dưỡng).

5/ Tỷ lệ người thất học chiếm cao nhất, theo thống kê của Lâm Đồng có 5% dân số mù chữ nhưng trong dân tộc vùng sâu chiếm 80%. Trình độ tiểu học, trung học vùng này không đáng kể, người có trình độ đại học có thể nhớ từng người, nhưng cũng chẳng sử dụng được vì lương không đủ ăn để đi họp, còn cuộc sống gia đình còn nhiều khó khăn.

Tâm tư tình cảm, cuộc sống giữa cán bộ Kinh và cán bộ dân tộc thiểu số, ta chưa đi sâu giải quyết tốt nên họ chưa an tâm công tác.

Từ trình độ dân trí thấp, bệnh tật nặng nề, lực lượng sản xuất lạc hậu, sau gần 20 năm giải phóng, sự chuyển biến về kinh tế-xã hội ở vùng này không đáng kể, trình độ lực lượng sản xuất không phát triển, phương thức sản xuất hàng hóa mới tác động bước đầu nhưng không đồng bộ.

6/ Vùng nghèo khó này đang còn mang nặng tính chất của một nền kinh tế tự nhiên, tự túc tự cấp giản đơn, chưa có tiền đề xây dựng tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp hóa nông lâm nghiệp, chăn nuôi phát triển theo tập quán truyền thống.

So sánh tốc độ phát triển trên địa bàn mỗi tỉnh thì tốc độ phát triển kinh tế xã hội chênh lệch giữa người Kinh và người dân tộc vùng sâu vùng xa hàng trăm lần. Những năm gần đây, tác động kinh tế thị trường phát triển mạnh, sự phân hóa giàu nghèo chênh lệch ngày càng xa hơn trên nhiều mặt.

Hàng hóa sản xuất và giao lưu ở vùng sâu vùng xa trong thực tế sản phẩm là làm ra bán rẻ nhưng mua hàng hóa đắt từ 30% trở lên so với các trung tâm kinh tế trong mỗi địa phương. Chính sách Nhà nước cho bù giá 7 mặt hàng, nhưng tiền ấy trực tiếp đến dân là bao nhiêu ? Không sao biết được, có hiện tượng cơ chế thị trường và lực lượng trung gian chi phối mất đi không ít, nhưng rất khó kiểm tra việc thực hiện chương trình 327 và 120 của Chính phủ. Sau 2 năm trên thực tế có tác dụng quan trọng đã đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân miền núi nói chung và cho các dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa có bước cải thiện, nhưng thực chất thì chương trình 327 với nội dung đúng như Thủ tướng Chính phủ mới đây xác định đó là chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc... vừa qua mỗi năm Nhà nước chi cho chương trình 327 và 120 cho mỗi tỉnh miền núi vùng này từ 15-20 tỷ đồng, số đầu tư này quả thực so với trước 1991 là hết sức lớn. Nhưng cũng phải thấy vốn 327 chỉ góp vào mục tiêu phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống phát rừng làm rẫy nhưng cũng bị phân tán rất nhiều mục tiêu và phần lớn là xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các công trình phúc lợi xã hội (giao thông, thủy lợi, trường học, bệnh xá, giếng nước...) phục vụ cộng đồng thì có tốt hơn và nó cũng gắn liền với việc giải quyết việc làm cho lực lượng công nhân lâm nghiệp dịch vụ có công ăn việc làm, nhưng phần giải quyết trực tiếp cho

đồng bào dân tộc nghèo khổ ở vùng này thì còn quá ít nên vùng này chưa có gì thay đổi.

Xã Phước Kháng thuộc khu Bác Ai Đông, nay thuộc huyện Ninh Hải, Ninh Thuận, xã này có 269 hộ, 1.550 nhân khẩu đã đưa vào chương trình định canh định cư lập khu kinh tế mới, xuất đầu tư cho 2 năm 1993-1994 là 1 tỷ 7, số này được phân phối như sau :

+ Chi làm đường 450 triệu

+ Làm trường học 60 triệu

+ Xây trạm xá 90 triệu

+ Chi làm thủy lợi tưới 25 ha 600 triệu

+ Trồng rừng 120 triệu

Còn lại là chi những thứ khác, như vậy là 2/3 chi cho cộng đồng, chỉ còn 1/3 chi cho cuộc sống trực tiếp của nhân dân thì còn ít, trong lúc đời sống của nhân dân 100% là nghèo đói như thế là chương trình không có yếu tố bền vững. Chưa đủ yếu tố thiết thực đến đời sống của đồng bào.

Về vốn tín dụng, xã này cho vay mua 100 con bò là 120 triệu và cho vay trồng mía là 100 triệu, nhưng địa bàn chăn nuôi và trồng mía chưa có. Một số xã khác thì phần lớn giải quyết cho vay chăn nuôi là chủ yếu, còn giải quyết để phát triển sản xuấtt thì chưa có lối ra mà tập trung chủ yếu đầu tư thuê khoán

nhân dân bảo vệ rừng, nhưng kinh phí trả công cho nhân dân chưa bảo đảm, do đó mà chưa có cơ sở để chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải tiến cách làm ăn lạc hậu của dân từ ngàn đời để lại.

Theo sự tính toán đầu tư bảo đảm vững chắc cho nhân dân định canh định cư ở miền núi thực tế xin nêu :

- Đầu tư làm thủy lợi ở miền núi bảo đảm tưới 1 ha ruộng để giải quyết ổn định cho một gia đình sản xuất phải mất từ 30-45 triệu (hồ Đạ tẻ 90 tỷ, dưới 2000 ha, hồ Sông Quao, Bình Thuận 260 tỷ, tưới 8000 ha).

-Đầu tư công nghiệp giải quyết việc làm cho một số lao động phải tốn từ 25-30 triệu, 1 số công trình của các tỉnh nói trên.

Từ thực tế đó chúng tôi đặt ra là đầu tư cho một hộ dân tộc vùng sâu, vùng xa cũng phải có chính sách đầu tư đồng bộ đúng mức thì mới có bước chuyển biến vững chắc, nếu cứ đầu tư nhỏ giọt như vừa qua thì sẽ dẫn đến "***tiền mất tật mang***".

Vừa qua nguồn vốn đầu tư cho miền núi không ít nhưng mục tiêu bị phân tán, chỉ đạo dàn đều, không nắm vững trọng tâm, trọng điểm, chưa tập trung đầu tư vào vùng nghèo khổ nhất và không đồng bộ, còn đầu tư nhỏ giọt, "***đầu voi đuôi chuột, có sinh nhưng không có dưỡng***"... nếu cứ như thế này thì sẽ

lâm cảnh"***tiền mất tật mang***", con bệnh sẽ trầm kha. Chúng tôi lấy một địa phương để chứng minh Nhà nước đã đầu tư trong 2 năm của chương trình 327 như Lâm Đồng :

-Năm 1993, đầu tư là 13 tỷ 77, phần tỉnh quản lý 7 tỷ 8 và 6 tỷ TW đầu tư trực tiếp cho Công ty Dâu tằm tơ Việt nam và TP Hồ Chí Minh đưa dân đến Lâm Hà, số này chủ yếu giải quyết đưa dân nơi khác đến (không giải quyết được công ăn việc làm cho người lao động địa phương).

-Năm 1994, đầu tư 14 tỷ 300 triệu, trong đó đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng là 12 tỷ 3, thực chất giải quyết cho vùng nghèo (25 xã vùng sâu, vùng xa(chẳng là bao chỉ có 2 tỷ).

-Vốn giải quyết bù giá cước cho các mặt hàng vùng cao năm 1993, Chính phủ cấp 3 tỷ, năm 1994 là 6 tỷ 8, tuy không lớn nhưng dân tộc ở vùng sâu, vùng xa được hưởng là bao nhiêu không thể thống kê được, chỉ biết tiền cho không muối I ốt ? Nhưng có hiện tượng nhận hàng của kế hoạch phân phối đem bán tại chỗ lấy chênh lệch và nhận luôn cả tiền cước phí bù vận tải, có dư luận và đang kiểm tra tuy chưa kết luận nhưng có dấu hiệu khả nghi.

-Đầu tư vốn tín dụng 120 triệu để giải quyết việc làm mỗi năm được giao cho vay từ 3-5 tỷ, nhưng thực chất trong vùng nghèo khổ thì còn rất ít, có nơi nội

bộ phân nhau và đẻ ra so bì, gây mất đoàn kết nhưng về mặt pháp lý thì cũng rất khó kiểm tra.

- Nguồn vốn xóa đói giảm nghèo có đưa vào cho nhân dân vùng sâu, vùng xa phát triển nuôi bò, chưa có phát hiện gì tiêu cực.

Qua thống kê có nguồn vốn được cấp trên rót xuống địa bàn Lâm Đồng trong 2 năm gần đây mỗi năm được 20 tỷ là hết sức lớn, nhưng thực chất đầu tư cho vùng sâu vùng xa, vùng nghèo đói còn chiếm tỷ lệ quá thấp, đó là kết luận chung của Đảng bộ.

-Ngoài vốn đầu tư trên thì tiền bán khoáng – lâm sản ở Lâm Đồng mỗi năm còn dành được vài chục tỷ nộp vào quỹ tập trung và phát triển vốn rừng nhưng đầu tư cũng bị phân tán, dân vùng sâu, vùng xa cũng chẳng được chú ý bao nhiêu.

-Thực tế tình hình trên có thể kết luận rằng :

Nguồn vốn đầu tư cho vùng núi và dân tộc những năm gần đây cả TW và địa phương có khá hơn, nhưng bị phân tán qua nhiều chủ đầu tư có thể trùng lặp và cũng còn nhiều chỗ trống không ai chịu trách nhiệm, thủ tục đầu tư qua nhiều tầng nấc trung gian, khi đến đối tượng vùng nghèo khổ nhất còn quá ít và đến trực tiếp cho lực lượng sản xuất từ con người thật cấp thiết cho cuộc sống đương khó khăn nên chưa trả lời được 2 câu hỏi dưới đây :

1/ Đầu tư bao nhiêu để cho dân tộc ở vùng sâu, vùng xa để chấm dứt phá rừng làm rẫy ? (Một số cán bộ dân tộc trả lời là còn lâu).

2/ Bao nhiêu năm nữa dân tộc ở vùng sâu, vùng xa ổn định sản xuất và đảm bảo cuộc sống để cùng cộng đồng Kinh – Thượng đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh ? (có cán bộ dân tộc trả lời "việc ấy Đảng và Nhà nước trả lời chứ dân làm sao biết...").

Vùng dân tộc nghèo khổ nhất là cơ sở để kẻ xấu lợi dụng với âm mưu tôn giáo hóa và vùng này đội ngũ cán bộ bản lĩnh chính trị yếu kém nhất, nhưng sự chỉ đạo của các cấp ủy và việc điều hành của chính quyền lại khó nhất. Nếu vùng này không có tổ chức cán bộ cốt cán có tâm huyết tăng cường xuống tại chỗ đeo bám, cầm tay chỉ việc làm "***bà đỡ***" cho mọi hoạt động của hệ thống chính trị xã thì không làm sao chuyển biến và khó giải đáp 2 câu hỏi nêu trên. Như vậy thì tổ chức chỉ đạo như thế nào phải được đặt ra song song với mục tiêu và mức độ đầu tư, phương châm, phương hướng đầu tư phải được chấn chỉnh ngay cùng một lúc, mà bí quyết là tổ chức chỉ đạo và đội ngũ cán bộ quản lý chương trình nằm sát từng xã, kiểm tra, kiểm soát, tổ chức thực hiện đến nơi đến chốn, ban quản lý chương trình phải đi sâu từng hộ có trọng điểm từng việc từng thời gian.

Từ thực tế thông qua khảo sát sơ bộ rút ra mấy kết luận như trên và đó cũng là vấn đề tồn tại trong chương trình 327 về phát triển kinh tế xã hội miền núi dân tộc, vùng sâu, vùng xa mà nguyên nhân bao trùm của vấn đề là sự chỉ đạo của Đảng chưa sâu, chưa chuyển biến nổi nhận thức nội bộ, Đảng viên cán bộ trong hệ thống chính trị và nhân dân (cả Kinh và dân tộc), chỉ đạo trên dưới còn khơi khơi, chưa thấy hết vấn đề quan trọng trực tiếp và bức thiết cả về chính trị xã hội có liên quan tới an ninh quốc gia và quốc phòng trong điều kiện đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của địch đối với vùng sâu vùng xa, vùng nghèo khổ này, đây là một sơ hở lớn. Phát triển kinh tế là vì con người, ổn định chính trị là ổn định lòng người, trận địa an ninh quốc gia quốc phòng cũng từ con người tại chỗ, vì họ sống lâu đời ở đây, phần lớn họ có công với sự nghiệp giữ nước và dựng nước, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đầu tư đồng bộ và đúng mức vùng dân tộc ở sâu, xa là một mục tiêu chiến lược tạo sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc đoàn kết đấu tranh xây dựng CNXH, tạo sự gắn bó bền vững giữa các dân tộc của từng địa phương, xóa bỏ mọi sự chia rẽ của kẻ thù, loại trừ sự thâm nhập của các thế lực phản động trong và ngoài nước, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, chiến thắng các thế lực phản động đang mưu toan gây mất ổn định chính trị, trật tự trong địa phương, quyết tâm bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ

biên giới, chiến thắng âm mưu "diễn biến hòa bình" hòng lật đổ chế độ XHCN của nước ta.

II/ Đề xuất chính sách, mục tiêu và giải pháp :

Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị định 22 của Bộ Chính trị khóa 6, quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), thực hiện có kết quả thiết thực chương trình 327, Chỉ thị 525 của Thủ tướng Chính phủ tạo điều kiện phát triển kinh tế-xã hội bền vững trong đồng bào dân tộc miền núi nói chung và dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa thật sự có sự chuyển biến cụ thể trong kế hoạch 1995-2000. Các biện pháp cụ thể sau đây :

1/ Phải làm cho toàn Đảng bộ, toàn dân (Kinh-Thượng), toàn quân, các ngành, các cấp thấy rõ và quán triệt chủ trương của Đảng, Chính phủ. Đối với vùng dân tộc miền núi mà đặc biệt là dân tộc vùng sâu, vùng xa có vị trí vô cùng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng-phát triển và bảo vệ đất nước, làm cho mọi người hiểu được thực trạng kinh tế xã hội ở vùng sâu, vùng xa mà sơ bộ bản báo cáo này đã nêu lên. Từ đó đề cao trách nhiệm có hành động thiết thực ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người phải làm gì để giải quyết làm chuyển biến thật sự và cụ thể phần mình để góp phần giải quyết nhiệm vụ quan trọng đặc biệt mà Đảng và Nhà nước đặt ra bằng hành động thiết thực ***"Kinh – Thượng đoàn kết, bình***

đẳng, giúp đỡ lẫn nhau xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống, cùng nhau tiến lên thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Từng Đảng bộ phát động một phong trào, mọi người đi vào tìm hiểu, giúp đỡ cho dân vùng sâu, vùng xa, ngành ngành có chương trình tổ chức cán bộ lo cho dân vùng sâu, vùng xa, dành phần ưu tiên về nhân tài, vật lực đầu tư phát triển KT-XH làm chuyển biến vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo đói nhất này, tổ chức phong trào kết nghĩa, người người kết nghĩa, ngành ngành kết nghĩa đỡ đầu địa phương, tổ chức đơn vị đỡ đầu từng mặt, từng chương trình... làm sao thành một phong trào quần chúng đi xây dựng phát triển KT-XH kết hợp với xây dựng trật tự an ninh quốc phòng trên mỗi xã, mỗi buôn, mỗi làng.

Bằng hành động thực tế đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để từng bước xóa định kiến giữa Kinh và Thượng, giữa Lương và Giáo, vận động mọi người đặt lợi ích của Tổ quốc, của dân tộc lên trên hết, là lợi ích sống còn của nhân dân có quan hệ với địa phương, đơn vị, cá nhân mình.

2/ Đề xuất bổ sung chính sách đầu tư vùng sâu, vùng xa thật cụ thể và đồng bộ, xây dựng một xã hội chưa phân hóa giai cấp rõ rệt đi lên giàu có, bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt nam là việc làm cực kỳ khó khăn (phải có một số đồng chí chỉ

đạo đặc biệt toàn diện và đồng bộ chứ làm bình thường không thể thành công).

Trước hết với chương trình 327 cần trở lại và làm đúng nội dung như văn bản số 4785 của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/8/1994, không thể dùng vốn 327 làm thay cho xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài kế hoạch, không thể dùng vốn 327 đầu tư thay cho các công trình phúc lợi xã hội, vì đây đã có chương trình của ngành và kế hoạch Nhà nước hàng năm giao cho địa phương. Vốn 327 là tập trung phủ xanh đất trống đồi núi trọc phát triển vốn rừng mà thực tế là tập trung đầu tư cho con người tại chỗ để họ giữ rừng, từng bước tiến tới chấm dứt việc phá rừng... Vốn 327 mới chỉ là giải quyết một phần của cuộc sống nhân dân trước mắt ở vùng sâu, vùng xa chứ không phải là tất cả. Để tiến tới bền vững phải có kế hoạch đầu tư đồng bộ bảo đảm ổn định sản xuất đưa cuộc sống đi lên, đó là một đề tài giải quyết vấn đề kinh tế-xã hội toàn diện trên 2 mặt cơ bản : Đầu tư gián tiếp phục vụ cho cộng đồng trên phương diện vĩ mô thì Nhà nước phải có kế hoạch cụ thể giao cho chính quyền địa phương phải chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và tổ chức thực hiện các công trình có tính chất phục vụ cho tập thể cộng đồng thì giao cho ngành chủ quản quản lý đầu tư, không thể giao cho Ban công trình 327. Cần chú ý trong chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội, phải được phân phối ưu tiên đối với vùng sâu vùng xa, chỉ đạo có trách nhiệm

và cơ quan chính quyền được giao nhiệm vụ điều hành thông qua ngành kinh tế kỹ thuật làm tham mưu, dùng phương thức thầu trong thi công.

Về vốn 327, nhiệm vụ cơ bản là tác động toàn bộ cho rừng, trồng rừng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi, tái tạo rừng... như vậy là tập trung đầu tư cho con người, chuyển cho được con người vì cuộc sống mà phá rừng, nay thành lực lượng phát triển rừng và lấy từ vốn rừng để nuôi họ (có phương án và phân tích cụ thể hiệu quả sử dụng vốn 327). Phần sau sẽ có phản ảnh cụ thể.

Vốn 327 là rất quan trọng nhưng nếu dừng lại chỉ có vốn chương trình 327 thì người dân tộc thiểu số ở vùng xa, nghèo, đói cũng chỉ tạo ra lớp người làm thuê cho các lâm trường không hơn không kém, cho nên phải có chính sách giao đất, giao rừng bền vững để dân tộc làm chủ thật sự như nông dân làm chủ ruộng đất ở đồng bằng, có pháp luật bảo đảm, gắn quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm phân minh mà luật đất đai đã quy định. Nhưng trước cuộc sống khó khăn của đồng bào vùng sâu, vùng xa thì những năm trước mắt (từ nay đến năm 2000) phải có bước quá độ, đó là khoán dân giữ rừng trả tiền thuê đảm bảo cuộc sống tối thiểu, không còn đi phá rừng nữa, thời kỳ này cũng là thời kỳ chuẩn bị cho việc giao đất, giao rừng có chủ cụ thể đúng nghĩa của nó. Khi ấy không còn "ông chủ chùm gởi" lâm trường, vì ông chủ này dễ đẻ ra tiêu cực, dùng quản lý Nhà nước bằng pháp

luật là lực lượng kiểm lâm nhân dân thực hiện việc kiểm tra chính sách thông qua quản lý Nhà nước bằng pháp luật.

Do tính chất của thời kỳ quá độ về khoán rừng, bảo vệ và tác động tái sinh nên cần có chính sách bình quân giữ 1 ha rừng khoán công một năm là 50.000 đ. Việc thiết kế giao rừng thuộc chi phí sự nghiệp Nhà nước cấp, không nên tính vào đầu diện tích ăn % dễ bị lợi dụng và tiêu cực (chấm dứt tình trạng người giữ hưởng công 30.000 đ, mà người quản lý đo đạc hưởng công 20.000 đ).

3/ Để tạo cơ sở kinh tế – xã hội cho nhân dân các dân tộc vùng sâu, vùng xa không còn trở lại du canh du cư phá rừng làm nương, Đảng và Nhà nước cần có một chính sách đầu tư nhất quán trực tiếp đồng bộ cho hộ nhân dân ở vùng sâu, vùng xa phát triển sản xuất, mở rộng chăn nuôi, phát triển dịch vụ và nông nghiệp, đi từ định canh định cư tác động đến sản xuất hàng hóa, tập trung sức xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao dân trí, nâng cao trình độ lực lượng sản xuất nông lâm nghiệp, cải tiến canh tác phát triển chăn nuôi, phát triển vốn rừng, tạo nền tảng cho việc chuẩn bị công nghiệp hóa nông thôn miền núi trong đó có vùng dân tộc, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Để thiết lập cuộc sống căn cơ cho dân tộc ở vùng này phải lấy hộ làm đối tượng đầu tư (mỗi hộ trung bình 2 lao động, 5 nhân khẩu), phải có tối thiểu 1 ha cây công nghiệp hoặc vườn cây ăn trái và nuôi một đôi bò sinh sản gắn với giữ rừng. Đảm bảo đầu tư của thời kỳ xây dựng cơ bản từ 4-5 năm phải có chính sách đầu tư liên tục (1 năm trồng 3 năm chăm sóc). Phải có mức đầu tư liên tục cải cách trồng trọt và chăn nuôi, đầu tư cho 1 ha cây công nghiệp và đôi bò từ 4-5 năm ổn định, mới đi vào thời kỳ kinh doanh, sơ bộ tính toán tiêu chuẩn đầu tư cho 1 hộ với chính sách nói trên bằng vốn vay không lãi nhưng phải dài hạn từ 8-15 năm mới trả xong. Trên cơ sở đầu tư cho mỗi hộ theo giá trị hiện hành phải mất đi từ 15-20 triệu đồng một hộ, nếu đầu tư đồng bộ đúng mức và kết hợp hai mặt tác động nêu trên sẽ tạo ra cơ sở vững chắc để nhân dân đi lên đảm bảo không mất vốn và đạt hiệu quả kinh tế cao, sẽ có ảnh hưởng tốt, lòng tin của quần chúng đối với Đảng là nền tảng kinh tế, chính trị xã hội an ninh quốc phòng vững chắc trên con đường hiện đại hóa, công nghiệp hóa tiếp theo.

4/ Thực hiện phương án này đề nghị TW có quyết sách rõ ràng, duyệt cho phương án đầu tư đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo đói nhất trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và miền Nam Trung bộ. Lấy hộ làm đơn vị đầu tư, địa bàn xã làm đơn vị dự án kế hoạch ; Tỉnh, huyện tập trung xuống chỉ đạo

xã, xã làm cơ sở điều hành dự án, lao động gia đình là động lực thúc đẩy phát triển, hoàn thành dự án.

Xin TW tập trung 5 năm kế hoạch 1996-2000 (1995 chuẩn bị cho dự án) đầu tư tập trung dứt điểm giải quyết cơ bản dân tộc ở vùng sâu và xa quá khó khăn này.

Cụ thể có phương án kèm theo của mỗi địa phương :

a./ Phương án Lâm Đồng tập trung 25 xã, 103 buôn, 7.191 hộ, 42.801 khẩu, 1995 làm trọng điểm tập trung làm 5 xã (địa phương có Nghị quyết làm 10 xã).

b./ Phương án Đắc Lắc 27 xã...

c./ Phương án Gia Lai 24 xã...

5/ Phân tích hiệu quả đề án của chương trình (lấy đề án chương trình của Lâm Đồng để làm cơ sở phân tích).

Theo đề án của Lâm Đồng thì vùng sâu, vùng xa còn nghèo khó nhất là 27 xã/70 xã có dân tộc có 103 buôn, 7.191 hộ trên 23.000 hộ dân tộc, 42.801 khẩu/140.000 người dân tộc tại chỗ của Tỉnh.

Số dân chiếm 18% dân số nhưng nằm trên một diện tích núi rừng sâu xa đến 550.000 ha, có trữ lượng gỗ 42 triệu m3 (chia bình quân 1 ha rừng trong vùng này có trữ lượng gỗ 79 m3 thực tế).

Nếu cứ để 7.191 hộ dân tộc vùng sâu, vùng xa này hàng năm phát rừng làm nương rẫy để có sinh sống thì mỗi hộ tối thiểu mỗi năm phát mất 1 ha rừng và giá trị tạo ra được 1 tấn lúa nhưng phá mất 79m3 gỗ... Như thế thì mỗi năm 7.191 hộ dân tộc vùng sâu, vùng xa phá mất đi là 7.191 ha rừng và trong 5 năm 1996-2000 sẽ phá mất đi 35.955 ha rừng (cứ 1 ha rừng có trữ lượng 79m3 gỗ). Tổng khối lượng gỗ sẽ bị đốt phá mất đi là **2.840.445 m3** trong trữ lượng 42 triệu m3 gỗ hiện nay của Lâm Đồng. Cứ theo giá trị hiện hành thì gỗ tròn Lâm Đồng bán trung bình là 1 triệu đồng/m3 thì sẽ mất đi 2.840 tỷ/445 triệu đồng giá trị gỗ bị phá, nếu trừ chi phí quản lý khai thác và vận chuyển đến bãi 2 để bán mất đi ½ thì cũng mất đi 1420 tỷ 222,5 triệu đồng. Đối chiếu tổng số đầu tư thuê dân giữ rừng thì cũng chỉ tốn 53 tỷ 932 triệu, cộng cả 2 khoản đầu tư trực tiếp cho hộ nông dân để có 1 ha cây công nghiệp và đôi bò... bằng 136 tỷ (mỗi hộ đầu tư 19 triệu) trong kế hoạch 5 năm có thể tính tròn là 200 tỷ, chương trình này sau 10-15 năm ta sẽ thu lại ¾ vốn bỏ ra (tức là 136 tỷ) trong 2 khoản lập vườn hộ và đầu tư chăn nuôi).

Sau năm 2000 (tức kế hoạch đầu tư 1996-2000) đời sống của 7.191 hộ dân tộc vùng sâu, vùng xa sẽ có cơ sở đi lên vững chắc tiến tới mỗi hộ thu nhập bình quân 20-25 triệu/năm không phải không có cơ sở. Sau năm 2000 bắt đầu thu hồi vốn lấy đó đầu tư

phát triển thâm canh và phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, thật sự chấm dứt phát rừng làm nương và cũng từ tiền đề này mà tiến đến bước giao đất giao rừng cho dân quản lý bảo vệ sản xuất kinh doanh, làm cho rừng thật sự có chủ cụ thể, đúng nghĩa của nó...

Chỉ phân tích riêng phương án một địa phương (27 xã) tính lợi ích của phương án khoảng 7.191 hộ giữ rừng cũng đã đem lại hiệu quả lớn.

Qua trao đổi với một số kỹ sư lâm sinh lâm nghiệp Lâm Đồng thì lợi ích cụ thể :

Cứ mỗi hộ khoán giữ 30 ha rừng bằng trả giá trị 50.000 đ/1 ha năm thì mỗi hộ thu nhập thực tế mỗi năm 1 triệu 500 ngàn đồng bằng 1 tấn rưỡi lúa (giá trị hiện nay) có thể tạm sống được.

Bài tính sau đây để suy nghĩ :

-7.191 hộ x 30 ha/hộ = 215.730 ha x 79 m3 = 17.042.670 m3.

-215.730 ha/khoán hộ x 50.000 hộ/ha/năm giá trị khoán x 5 năm = 53 tỷ 932 triệu 500 ngàn đồng.

Tính thông thường sức sinh trưởng hàng năm từ trữ lượng gỗ hiện có 2,2% năm là tối thiểu thì tính hiệu quả như sau :

215.730 ha giao cho 7.191 hộ giữ có trữ lượng gỗ 17.042.670 m3 x 2,2% tăng trưởng hàng năm bằng

374.938 m3,74 x 5 năm kế hoạch = 1.874.693,7 m3 trừ chi phí quản lý khai thác đến 2/3 chỉ dành tích lũy vốn rừng 1/3 thì cũng tạo ra giá trị = 624 tỷ 897 triệu đồng. Trong khi đó vốn đầu tư khoán 5 năm trên 215.930 ha rừng cho 7.191 hộ tốn 53 tỷ 932 triệu 500 ngàn đồng.

Phương án trên thật sự đem lại hiệu quả toàn diện kinh tế chính trị xã hội, quốc phòng và an ninh quốc gia chống mọi tiêu cực trong đầu tư phân tán dàn đều. Nhưng để phương án thật sự đi vào cuộc sống thì Chính phủ phải duyệt cụ thể từng địa phương thành pháp lệnh và có biện pháp đầu tư đồng bộ đến nơi đến chốn. Phải có một tổ chức quản lý chặt chẽ và thống nhất, bỏ mọi trung gian nhiều cấp trùng lắp, chồng chéo sẽ đem lại kết quả và hiệu quả lớn; phương án này sẽ gắn chặt giữa kinh tế và xã hội, an ninh quốc gia quốc phòng, giải quyết được vùng nghèo đói nhất của cả nước và từng địa phương, đưa các dân tộc thiểu số đi lên thật sự bình đẳng cả chính trị, kinh tế xã hội... nếu không có sự đầu tư đồng bộ, cứ đầu tư phân tán, chính sách nhỏ giọt, kết quả sẽ mất sạch sành sanh, chừng ấy dân tộc thiểu số sẽ hiểu ta không phải là ta ?

6/ Nguồn vốn đầu tư như trình bày, xin có mấy đề nghị : (lấy phương án Lâm Đồng làm cơ sở) :

a./ Xin vốn 327 và 120 của Chính phủ chi viện kế hoạch 5 năm là 100 tỷ (mỗi năm 20 tỷ mà vừa qua

đã thể hiện số này), riêng năm 1996-1997, hai năm đầu của kế hoạch 55 tỷ còn 3 năm sau 45 tỷ. Nếu TW không chi đủ thì xin cho địa phương chi trong khoản thu từ thuế tài nguyên rừng.

b./ Xin được sử dụng vốn rừng (phần Lâm Đồng) mỗi năm được khai thác 80 ngàn m3 gỗ tròn (5 năm 400.000 m3) trên trữ lượng 42 triệu m3 thì không có ảnh hưởng vốn rừng của Lâm Đồng. Theo sơ bộ tính toán trừ mọi chi phí thuế tài nguyên rừng đưa vào ngân sách chung, thì còn lại xin giữ lại địa phương đưa vào quỹ phát triển dân cư, để đầu tư phục vụ chương trình này là 100 tỷ (mỗi năm 20 tỷ), hai năm vừa qua cũng thể hiện con số này ở địa phương thu, nhưng sau năm 2000 ta bắt đầu thu lại vốn này cộng với tích lũy thu từ rừng để lại đầu tư phát triển công nghiệp chế biến trên địa bàn nông thôn miền núi dân tộc là hiện thực.

7/ Phương án này đặt giai đoạn mở đầu, trước hết tập trung đầu tư trực tiếp cho con người, thông qua hộ nông dân các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo đói nhất. Trong đề án chưa tính các mặt đầu tư khác, vì đầu tư khác thuộc lĩnh vực của cộng đồng thì hàng năm trong kế hoạch kinh tế xã hội toàn vùng đã được đề cập.

Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho các ngành giao thông vận tải, nông nghiệp, thủy lợi, điện lực, công

nghiệp, giáo dục, y tế, lao động – thương binh xã hội... có chương trình phối hợp chuyên ngành và sự ưu tiên đầu tư đồng bộ tác động thuận lợi để phát triển kinh tế-xã hội cho các dân tộc thiểu số ở vùng nghèo khổ này một cách có trách nhiệm, đồng bộ và có trọng điểm, khắc phục tốt những mặt trì trệ tụt hậu quá xa của vùng này.

Có thể nói, sự lạc hậu trì trệ ở vùng sâu, vùng xa trong dân tộc thiểu số miền núi không phải chúng ta gây ra và càng không phải chúng ta bỏ mặc, mà do chế độ cũ suốt mấy ngàn năm tồn tại không dễ một sớm một chiều khắc phục được ngay và càng không thể khắc phục trong tình hình có chiến tranh và thời kỳ khó khăn sau chiến tranh... Nhưng đến nay đã đến lúc chúng ta có thể tính được, giải quyết được, không nên làm nửa vời thì hậu quả sẽ khó hơn mà ta chưa lường hết.

8/ Về tổ chức chỉ đạo, điều hành chương trình :

Trên cơ sở phát huy sử dụng hệ thống tổ chức chính trị và lực lượng tổng hợp của quân và dân, Kinh-Thượng, tập trung sức mạnh tổng hợp hướng vào tháo gỡ khó khăn cho nhân dân, ưu tiên đầu tư đi vào vùng sâu vùng xa, vùng nghèo khổ nhất của đất nước, của từng địa phương... Đây là một trong những địa bàn chiến lược mà kẻ thù đang lợi dụng và là nơi dễ thâm nhập là ở vùng này. Kinh nghiệm truyền

thống ông cha ta tốn nhiều xương máu với kẻ thù là ở vùng này, ta không được lơi lỏng.

Vì vậy mà phải xác định nhiệm vụ chăm lo cho nhân dân của dân tộc thiểu số ở vùng sâu vùng xa là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, các ngành các cấp phải tập trung sức giải quyết cho kỳ được bằng huy động sự đồng tâm nhất trí của nhân dân cả nước và địa phương, tranh thủ sự đóng góp của cả kinh và Thượng, lương và giáo ; huy động sức mạnh cả thành thị và nông thôn, đồng bằng trung du miền núi, giúp đỡ hết lòng hết sức với khẩu hiệu hành động : thật sự nhường cơm sẻ áo, giành ưu tiên trong thập kỷ tới phải tập trung sức đưa vùng dân tộc nghèo khổ nhất nước tiến lên và từng địa phương cùng đi lên ngang tầm lịch sử và thực hiện bình đẳng với cộng đồng các dân tộc Việt nam. Phát huy truyền thống đoàn kết đấu tranh cứu nước : nghèo khổ bên nhau, ngày kháng chiến cứu nước dựa vào nhau, nay phải có trách nhiệm với nhau.

Để thực hiện tốt phương án nêu trên, về mặt tổ chức lấy đơn vị xã làm cơ sở quản lý dự án, lấy hộ gia đình là đối tượng đầu tư đồng bộ và dứt điểm.

Mỗi xã có ban quản lý điều hành dự án, có từ 5-7 cán bộ được hình thành như sau:

a./ Chủ nhiệm quản lý dự án là 1 cán bộ từ trên biệt phái xuống nằm tại xã phụ trách chung, chịu

trách nhiệm quản lý toàn diện chủ trì dự án, phụ trách kinh tế kỹ thuật (có thể là cán bộ chính trị).

b./ Phó chủ nhiệm thứ nhất phụ trách chính trị kinh tế, an ninh quốc phòng là bí thư Đảng xã kiêm chức.

c./ Phó chủ nhiệm thứ 2 chỉ đạo khuyến nông, khuyến lâm phụ trách giám sát và thanh tra quá trình thực hiện đề án (trên biệt phái xuống nằm tại chỗ chỉ đạo điều hành) có thể là cán bộ lâm nghiệp lâm trường.

d./ Ủy viên là Chủ tịch UBND xã kiêm chức chịu trách nhiệm quản lý hành chính lo công tác văn hóa xã hội trật tự trị an.

e./ Một trong những đồng chí cấp ủy viên xã là công an hoặc quân sự có chân trong Ban Chủ nhiệm đề án lo chỉ đạo cả lao động và chính sách xã hội (nếu nơi nào định biên 7 thì thêm đồng chí Chủ tịch mặt trận xã).

Lương của Ban chủ nhiệm đề án nêu trên xin hưởng chính sách lương sự nghiệp. Đối với cán bộ kiêm chức được phụ cấp theo chế độ cán bộ chủ chốt của xã vùng sâu, vùng xa được phụ cấp thêm 1 lần lương. Riêng 2 cán bộ trên biệt phái xuống xin được cấp thêm từ 1-2 lần lương cơ bản trong thời gian công tác vùng sâu, vùng xa để điều hành dự án mà Lâm Đồng đã đề xuất.

Hệ thống chỉ đạo xin thống nhất cả TW và tỉnh cùng huyện chỉ đạo trực tiếp đến xã (ban Chủ nhiệm đề án hàng năm, 6 tháng có tổ chức thanh tra nghiệm thu từng phần nhằm phát hiện những mặt tiêu cực sơ hở, chấn chỉnh kịp thời và phát hiện mặt tích cực, phổ biến nhân rộng những nhân tố mới thúc đẩy phát triển đúng hướng).

Ban chủ nhiệm điều hành đề án ở xã, thường xuyên đi sâu, đi sát hướng dẫn cụ thể từng hộ được đầu tư có nhiệm vụ đôn đốc nhắc nhở "bà đỡ" cho hộ gia đình, giám sát sổ nhật ký, thông qua sổ nhật ký mà kiểm tra gia đình trong việc tổ chức thực hiện.

Vấn đề khuyến nông, khuyến lâm lấy từ lực lượng sản xuất trong dân để tổ chức hợp đồng hướng dẫn cho nhân dân. Phương thức hoạt động trong quá trình tổ chức thực hiện phương án cần thống nhất chương trình hoạt động trong hệ thống chính trị cơ sở thành một nội dung và mục tiêu hành động thống nhất điều hành trong một mối, tập trung sức mạnh, tổ chức thực hiện đề án, thường xuyên 3 tháng, 6 tháng tổ chức hội nghị sơ kết đánh giá và bổ sung biện pháp tổ chức thực hiện, rút kinh nghiệm và thường xuyên phổ biến kinh nghiệm cho quần chúng động viên bằng người thật việc thật.

III/ Giải quyết mối quan hệ để đảm bảo thực hiện chủ trương :

A-/ Phân tích và đề xuất tổ chức hợp lý lực lượng lâm nghiệp nói chung và lực lượng lâm trường nói riêng để phục vụ cho chương trình "

Về lực lượng lâm nghiệp của tỉnh Lâm Đồng có 13 lâm trường và 4 ban quản lý rừng đầu nguồn, chưa kể lực lượng của kiểm lâm nhân dân với tổng số công nhân viên là 893 người. Trong đó 103 cán bộ có trình độ đại học, kỹ sư, 236 là trung cấp, còn lại 554 là lao động kỹ thuật và lao động giản đơn.

a./ Về các Ban quản lý rừng đầu nguồn :

a.1/ Ban quản lý rừng đầu nguồn là Tà Năng có 27 cán bộ CNV trong đó có 5 kỹ sư và 12 trung cấp, còn lại là CNV và lao động thủ công.

a.2/ BQL rừng đầu nguồn Đa Nhim có 25 cán bộ CNV trong đó có 1 kỹ sư và 3 trung cấp.

a.3/ BQL rừng đầu nguồn Bắc Lâm Hà có 24 cán bộ CNV trong đó có 3 kỹ sư và 9 trung cấp.

a.4/ BQL rừng đầu nguồn Trị An có 7 cán bộ CNV trong đó có 3 kỹ sư và 2 trung cấp.

Tổng số 4 BQL rừng đầu nguồn là 83 cán bộ CNV trong đó có 13 kỹ sư và 26 trung cấp.

b./ Về lực lượng KLND :

Với tổng số lao động là 257, trong đó :

-Đại học : 35

-Trung cấp : 39

-Sơ cấp : 15

-Công nhân kỹ thuật : 29, còn lại là lao động phổ thông.

Tổng cộng 3 lực lượng trong ngành lâm nghiệp là:

-13 lâm trường : 810 lao động

-4 BQL rừng đầu nguồn : 83 lao động

-Lực lượng KLND : 257 lao động

Trong đó có 138 kỹ sư, đại học, 275 trung cấp và 820 lao động kỹ thuật và lao động đơn giản, tỷ lệ lao động đơn giản chiếm 66,5% tổng số của 3 lực lượng lâm nghiệp trên địa bàn Lâm Đồng.

c./ Phân tích tình hình ngân sách bán cây đứng trong 2 năm 1993-1994 :

Trong 2 năm (1993-1994) ngành lâm nghiệp đã bằng nguồn vốn bán cây đứng đóng góp vào ngân sách và chi phí đầu tư các khoản do ngành lâm nghiệp và lực lượng lâm trường quản lý trực tiếp (theo số liệu báo cáo của Sở Nông Lâm thủy Lâm Đồng).

c.1/ Năm 1993 : song song với kế hoạch triển khai thực hiện chương trình 327, Nhà nước đầu tư 13,77 tỷ đồng và ngành lâm nghiệp tạo ra bao gồm :

-Bán cây đứng qua con đường đấu thầu của năm 1994 là 41.394 m3 gỗ, số thực tế khai thác và tiêu thụ trong chỉ tiêu được cấp giấy phép 75.828 m3, giá trị thu là 20.151.808.214 đ, trong số này tiền cho nạp thuế tài nguyên và thuế doanh thu chi phí thiết kế, khai thác và quản lý (có bảng thống kê kèm theo).

4.862.255.262 đ + 806.076.712 + 433.316.562 + 508.824.825 = 6.946.903.427 đ

Số còn lại lập 2 quỹ :

-Quỹ tập trung : 6.856.933.531 đ

-Quỹ vốn tạo rừng : 6.348.906.566 đ

Tổng 2 quỹ trên tác động cho rừng là : 13.205.900.097 đ

Ngoài ra còn bán lâm sản tận thu của năm 1993 là : 11.381.686.406 đ. Số này chưa được làm rõ trong quá trình chi phí là 7.961 triệu.

c.2/ Năm 1994 : (theo thống kê dự kiến sử dụng tiền bán cây đứng năm 1994).

Tổng khối lượng bán cây đứng năm 1994 là 69.573,5 m3 trong đó 63.097,5 m3 gỗ lớn, 6.476 m2 gỗ nhỏ.

Tổng trị giá doanh thu : 41.491.083.360 đ (kể cả 2 đợt đấu thầu và có bán theo giá sàn (ổn định) cho các Công ty).

+ Đã nạp ngân sách trực tiếp bằng 2 loại thuế :

-Thuế tài nguyên 11.328.120.566 đ

-Thuế doanh thu 1.659.888.884 đ

Tổng cộng : 12.988.099.450 đ

+ Chi phí quản lý :

-Thiết kế : 680.498.403 đ

-Quản lý khai thác : 1.244.857.796 đ

+ Lập 2 quỹ phát triển vốn rừng :

-Để lại cho lâm trường phục vụ phát triển rừng : 14.480.813.962 đ

-Quỹ tập trung cho phát triển vốn rừng : 12.096.978.748 đ.

Tổng cộng 2 quỹ được sử dụng để phát triển rừng của tỉnh năm 1994 nêu trên là : **14.480.813.962 đ + 12.096.978.748 đ = 26.577.792.710 đ.**

Đáng chú ý 2 khoản quỹ nói trên ngoài sự cân đối của ngân sách hàng năm, việc giao cho Sở Nông lâm thủy và các lâm trường sử dụng 2 quỹ này đi sâu vào hiệu quả kinh tế-xã hội là không rõ, cần được xem xét (mặc dầu chính quyền địa phương kiểm tra thông qua Uỷ ban Kế hoạch và Sở Tài chính giám sát vẫn thấy có sơ hở, vẫn có dư luận trong xã hội (trồng rừng nhưng không có rừng, giữ rừng nhưng rừng vẫn liên tục bị tàn phá, không giải quyết được đời sống

xã hội của người dân tộc đang gắn bó với rừng như phần trên đã trình bày :

-Nhân dân các dân tộc vùng sâu, vùng xa không thực sự làm chủ và cũng không làm thuê.

-Lâm trường không kinh doanh nhưng lại phải nuôi một lực lượng trên 800 con người, chưa kể lực lượng kiểm lâm nhân dân và lực lượng quản lý rừng đầu nguồn thường xuyên có mặt ở thành phố, thị xã, thị trấn để giao dịch, còn "kho tài nguyên rừng" người dân không có trách nhiệm bảo vệ nếu họ chưa được giao cụ thể đảm bảo nghĩa vụ quyền lợi không rõ ràng thì đương nhiên họ là lực lượng phá rừng vô tội vạ chẳng ai phát hiện, thực chất tài nguyên rừng vẫn là vô chủ.

-Bán cây đứng hay đấu thầu cây đứng, nhưng lại không phải là người chủ đứng ra bán mà dùng hình thức Nhà nước và cuối cùng Nhà nước cũng chỉ quản lý thông qua 2 loại thuế như đã nêu trên, còn toàn bộ việc sử dụng vốn phục vụ phát triển rừng gắn với kinh tế xã hội khó mà đánh giá hiệu quả cụ thể, ngoài sự đánh giá năm trước tiến bộ hơn năm sau, nhưng cũng rất khó chứng minh cụ thể đi vào cuộc sống của quần chúng dân tộc vùng sâu, vùng xa... do vậy mà phương án này có thực hiện được hay không là phải có sự tập trung thống nhất quản lý điều hành nguồn vốn đầu tư cho vùng sâu, vùng xa như phương án của Lâm Đồng đề nghị 25 xã, nếu 25 xã giải

quyết được đến nơi đến chốn thì xem như toàn bộ vùng dân tộc của tỉnh đã được giải quyết, còn bằng đầu tư phân tán như vừa qua sẽ khó có chuyển biến cụ thể như phần trên đã phân tích. Chính phương án này thực chất là giải quyết kinh tế-xã hội nghề rừng, đưa dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiến lên toàn diện trong những bước đi cụ thể.

d./ Vấn đề xử lý sử dụng lực lượng lao động ở các lâm trường : (lấy Lâm Đồng làm điểm để tính).

d.1/ Giả định nếu sử dụng 138 đại học lâm nghiệp và 275 trung cấp làm lực lượng kỹ thuật của 13 lâm trường phân về phụ trách 27 xã 103 buôn, 7.191 hộ thì bình quân mỗi buôn có từ 3-4 cán bộ lãnh đạo có trình độ đại học và trung học nằm tại chỗ chỉ đạo quản lý kinh doanh rừng thông qua thuê khoán cho dân giữ, chuyển các cơ quan lâm trường đóng ở các đô thị xa rừng, xa dân về gần buôn làng, bỏ điểm trung gian, đưa lực lượng kinh doanh lâm nghiệp đi thẳng vào dân, xã hội hóa lực lượng KHKT đi vào quần chúng, làm nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm (cứ 1 cán bộ đại học hoặc trung cấp xuống phụ trách 17 hộ).

d.2/ Số công nhân lâm trường : 737 lao động chuyển họ thật sự đi vào kinh doanh nghề rừng, đầu tư để họ phát triển theo tiêu chuẩn từ 1-2 lao động là 1 hộ, chính sách đầu tư như hộ dân tộc, có chính sách

đãi ngộ đối với công nhân, tạo điều kiện cho họ làm nòng cốt.trong từng buôn...

737 lao động phân cho 103 buôn, mỗi buôn có 7 công nhân kỹ thuật nằm sát trong đồng bào vừa hướng dẫn cho quần chúng, vừa làm cho mình, vừa chỉ đạo kỹ thuật cho dân, làm nòng cốt phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề rừng... Hình thái xã hội nghề rừng không tách giữa nông dân, công nhân và tầng lớp trí thức đoàn kết xây dựng nông thôn vùng sâu vùng xa gắn bó chan hòa giữa người Kinh, người dân tộc cùng nhau đoàn kết phát triển sản xuất xây dựng cuộc sống, xây dựng xã hội nghề rừng hướng tới công nghiệp hóa.

Đây là một cuộc cách mạng toàn diện đồng bộ đi lên của một vùng kinh tế-xã hội nghèo khó nhất, lạc hậu nhất này, tất yếu ai cũng có thể suy nghĩ đúng, nhưng việc làm có mô hình để động viên phát triển là điều cực kỳ khó, có thể bị chê trách phê bình, cảnh cáo nhưng có tiền đề, xin mạnh dạn nêu ra để xin ý kiến chỉ đạo.

Để thực hiện tốt chủ trương trên, cần nghiêm túc thực hiện đúng lời dạy của Bác Hồ : "Chủ trương 1 – Biện pháp 10 – Quyết tâm 20", phải có đội ngũ cán bộ đảng viên làm tiền đề là lực lượng lâm trường, lực lượng KLND và hệ thống quản lý rừng đầu nguồn trên 100 cán bộ CNV là lực lượng đáng quý nhưng

lâu nay chưa gắn bó với quần chúng đồng bào dân tộc, chưa gắn bó với rừng, hoạt động gần như biệt lập giữa kinh tế-KHKT với xã hội vùng dân tộc vùng sâu, vùng xa. Cả trên lý luận và thực tiễn, chừng nào lực lượng này chưa dựa hẳn vào dân, chưa lấy dân làm gốc thì không bao giờ đạt được hiệu quả kinh tế-chính trị , xã hội một cách hài hòa, vấn đề an ninh quốc gia và quốc phòng chưa có nền tảng vững chắc để đảm bảo.

e./ Tổ chức cán bộ và lực lượng lâm nghiệp : khi đã khoán cho hộ giữ rừng và gắn lực lượng lao động lâm trường cùng với xã hội thực thi xây dựng mô hình xã hội hóa nghề rừng như đã nêu trên, thì đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật cần đặt rõ trách nhiệm bắt tay và nghiên cứu quá trình công nghệ và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề rừng, đặt ngay lộ trình của mỗi công đoạn từ hoàn chỉnh và hoàn thiện nội dung về chính sách giao đất, giao rừng, làm cho rừng có chủ cụ thể gắn với quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ. Phải có quy chế cụ thể đảm bảo sản phẩm trung gian trên diện tích rừng được Nhà nước giao cho quản lý. Quyền lợi trước mắt từ lâm sản phụ tự nhiên của rừng và quá trình tác động tạo sản phẩm dưới tán rừng trên diện tích được giao, chuyển rừng tự nhiên thành rừng công nghiệp là quá trình tác động liên tục của lao động nghề rừng trong mỗi chu kỳ sinh trưởng, có đề án sắp xếp công đoạn, kế thừa, lấy ngắn nuôi dài của mỗi tiểu vùng đến điều kiện

đất đai thổ nhưỡng khác nhau và từng loại sản phẩm từ rừng... Đề nghị những nhà khoa học về lâm nghiệp nên đưa vào chương trình quốc gia về đề tài khai thác sử dụng trên mấy chục triệu ha rừng và đất rừng thực sự đem lại hiệu quả kinh tế xã hội, đảm bảo môi trường và môi sinh thì phải tính đến việc sử dụng rừng, đất rừng trong chu kỳ cho sản phẩm chính thì phải có biện pháp phát triển sản phẩm ngắn hạn trên mỗi loại rừng thì mới có cơ sở bền vững để đưa xã hội nghề rừng phát triển đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thế kỷ tới, không có sản phẩm trung gian sẽ không có yếu tố bền vững trong khi người lao động chịu đựng một thời kỳ sinh trưởng của cây trồng từ 50-70 năm. Ví dụ biện pháp cải tạo dưới tán rừng để phát triển chăn nuôi đại gia súc, trồng cây trung tán lấy quả, tìm giống chịu rộp thích hợp môi sinh cộng sinh cộng tồn thích hợp, thích ứng, đảm bảo nguyên liệu gỗ, giấy, dăm, ván ép... nên có hướng chiến lược cho mấy chục triệu ha rừng và đất rừng trong cả nước đảm bảo làm giàu thật sự cho mấy chục triệu dân ở rừng và sống trên đất rừng không thể không tính (phải có đề tài và xây dựng mô hình thực tế để thuyết phục trên từng địa bàn và từng tiểu vùng).

IV/ Biện pháp thực hiện :

Để thực thi phương án trên, vấn đề vốn không phải là không giải quyết được mà cốt lõi quyết định của vấn đề là ***con người.***

Trong vấn đề con người đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa có 2 yêu cầu đặt ra:

1/ Bằng mọi cách tập trung sức mở mang dân trí, không ngừng nâng cao và phát triển trình độ lực lượng sản xuất cho nhân dân các dân tộc tại chỗ tạo tiền đề cho việc phát triển công nghệ công nghiệp từ thấp đến cao trên cơ sở nông lâm kết hợp chăn nuôi trên con đường phát triển sản xuất hàng hóa chế biến nông lâm thổ sản.

2/ Lực lượng KHKT nông lâm công nghiệp các ngành chức năng tham mưu về quản lý Nhà nước cần tổ chức lại và có chính sách cán bộ, có biện pháp tác động cho con người đang bị lạc hậu và khó khăn ở vùng này như thế nào để chuyển cho được vùng đất đai có tiềm năng đa dạng giàu có nhưng cực kỳ lạc hậu này mà đi lên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành vùng giàu có văn minh, công bằng. Đó là điều phải đặt ra không thể xem nhẹ của một chính quyền thuộc bản chất của giai cấp công nhân, chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Hai vấn đề cốt lõi nói trên phải được giải đáp bằng một phương án cụ thể, toàn diện và chi tiết, không thể dừng lại ở một số nguyên tắc cũ chủ trương chung có thể giải đáp nổi, chúng tôi xin nêu một số chủ trương từ thực tiễn đặt ra và đề xuất biện pháp, chính sách chung nếu các địa phương trong

khu vực miền Trung Tây Nguyên thống nhất xin trình lên Ban bí thư, Chính phủ để đưa vào bổ sung kế hoạch chiến lược riêng cho vùng này, làm cơ sở cho từng địa phương triển khai trong điều kiện của mình.

a./ Vấn đề mở mang dân trí, nâng cao và phát triển trình độ lực lượng sản xuất đối với vùng dân tộc thiểu số, mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 cơ bản thanh toán xong nạn mù chữ trong độ tuổi đối với dân vùng này và có kế hoạch phát triển bổ túc văn hóa song song với phát triển giáo dục phổ thông, có kế hoạch giao lưu văn hóa giữa vùng đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc, lấy lực lượng lâm nghiệp làm lực lượng giảng viên tuyên truyền phổ biến xuống tận người dân từng buôn nhóm, xuống từng hộ gia đình, nên tổ chức thành từng tổ công tác ở xã, nhóm công tác ở buôn thành một đầu mối thống nhất, có phân công phân nhiệm thành trách nhiệm rõ ràng.

b./ Đề nghị Bộ Giáo dục và đào tạo có kế hoạch chỉ đạo và có chính sách đầu tư cho dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, đảm bảo đến năm 2000 thanh toán cấp tiểu học phổ thông tính từ độ tuổi vào trường từ 1995 trở đi là chủ yếu, có biện pháp gắn việc phổ cập tiểu học trong vùng dân tộc ở sâu, xa với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

-Ban Tổ chức Đảng, chính quyền cùng các đoàn thể thống nhất đơn đặt hàng mà cụ thể là Sở Giáo

dục đào tạo của mỗi tỉnh tuyển chọn đào tạo cán bộ gắn với giáo dục phổ thông trên địa bàn mỗi xã thật cụ thể qua thi tuyển cộng với nghiên cứu phù hợp năng khiếu sở trường, xu thế phát triển thì đưa vào hệ thống đào tạo cán bộ chiến lược quốc gia thông qua hệ thống trường phổ thông, trường nội trú đi lên có định hướng tự giác (theo ngân sách quốc gia).

-Sở Giáo dục đào tạo cùng với Phòng Giáo dục đào tạo huyện có quy hoạch đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ phát triển nông lâm, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn từng xã tùy điều kiện từng nơi mà tổ chức thích hợp với trình độ lực lượng sản xuất hình thành hệ thống sơ khai mà nâng lên, có thể có từng ngành kinh tế kỹ thuật, đơn vị sản xuất kinh doanh bảo trợ đỡ đầu cho công tác đào tạo tại chỗ.

-Trước hết giúp cho phụ nữ mở lớp dạy nghề may mặc tại xã (ai cần học thì đến học), dạy nấu ăn, chế biến thức ăn, làm bánh, thêu, đan...

-Đối với nông dân, cần mở lớp huấn luyện mô hình nông – lâm kết hợp tại từng địa bàn cụ thể. Hướng dẫn thâm canh vườn hộ vườn rừng. Cải tạo rừng tự nhiên hoang dã thành những rừng kinh doanh công nghiệp chủ động. Phát huy kinh doanh rừng đa dạng, tạo những rừng trồng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến sau này.

-Đối với thanh niên mở những lớp đào tạo công nhân kỹ thuật, tiểu thủ công nghiệp vừa học vừa làm (trong làm có học, trong học có làm) ngắn hạn, trung hạn, kết hợp mô hình thực tế và công cụ thí nghiệm....

Các ngành nghề đào tạo phải xuất phát từ thực tiễn sản xuất của địa phương như cơ khí, chế biến nông lâm sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủ công mỹ nghệ khác.

Định hướng đến sau năm 2010 mỗi xã dân tộc vùng sâu, vùng xa có dân số từ 3000 dân trở lên phải có 1 bác sỹ, 2-3 y sĩ, y tá, 1 đại học hoặc cao đẳng sư phạm, 3 trung cấp sư phạm, 1 kỹ sư và 5 trung cấp lâm sinh và có từ 5-10% là công nhân kỹ thuật có trình độ từ sơ cấp trở lên. Đến những năm của thập kỷ thứ 2 của thế kỷ 21 có được quy hoạch đối với vùng đồng bào dân tộc tại địa phương nhằm phát huy tiềm năng giàu có trên đường công nghiệp hóa vùng sâu, vùng xa hiện đang còn rất lạc hậu và nghèo khó hiện nay.

Kinh phí đào tạo lực lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật cho vùng đồng bào dân tộc sâu và xa này xin đề xuất một số biện pháp sau :

1/ Đầu tư giáo dục phổ thông và đào tạo cán bộ theo hệ thống trường lớp theo hệ quốc gia đề nghị đối

với đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa xin miễn phí 100%. Ngoài ra tùy từng địa phương nên lập quỹ tài trợ cho con em dân tộc vùng sâu, vùng xa đảm bảo an tâm học tập (do tổ chức quần chúng đảm bảo).

2/ Xóa nạn mù chữ và bổ túc văn hóa, phổ cập tiểu học... Tỉnh và huyện thống nhất kế hoạch về kinh phí giao cho xã tổ chức phát động quần chúng thực hiện, Tỉnh, huyện chỉ đạo thanh tra liên ngành. Thường xuyên kiểm tra động viên nhắc nhở chỉnh đốn kịp thời những lệch lạc để đạt yêu cầu từng thời gian cụ thể. Kinh phí của địa phương phải được ưu tiên cho vùng này một cách toàn diện và cụ thể, cần phát động để đầu tư các trường lớp vùng sâu, vùng xa. Trường đỡ đầu trường – lớp đỡ đầu lớp. Mặt trận, đoàn thể và các ngành kinh tế – xã hội cùng đơn vị sản xuất kinh doanh tổ chức đỡ đầu những trường lớp khó khăn ở những vùng sâu, vùng xa cả vật chất, sách giáo khoa, tổ chức dạy nghề... Đối với dân tộc vùng sâu, vùng xa mà phần Nhà nước không bao nổi thì cần động viên cả xã hội, vùng ổn định cùng có trách nhiệm giúp đỡ thực sự, có những biện pháp rất đồng bộ, tổng hợp và cụ thể thì mới có thể giải quyết tốt trong một thời gian ngắn từ 15-20 năm, nâng cao dân trí của đồng bào dân tộc tiến lên thật sự bình đẳng giữa các dân tộc, đoàn kết và hòa hợp thật sự

trong cộng đồng XHCN Việt Nam, giàu mạnh công bằng và văn minh.

3/ Vấn đề lực lượng KHKT nông lâm công nghiệp và hệ thống quản lý Nhà nước cần phát huy tổ chức mình tham gia xây dựng vùng này một cách tự giác và trách nhiệm trên cơ sở phân công phân nhiệm cụ thể.

a./ Trước hết lực lượng lâm nghiệp bao gồm các lâm trường, Ban quản lý rừng đầu nguồn và lực lượng kiểm lâm nhân dân cần chuyển địa bàn đứng chân chỉ huy, chỉ đạo bám rừng cụ thể, bám dân xây dựng, bảo vệ, phát triển rừng, giải quyết kinh tế xã hội hướng tới công nghiệp hóa và hiện đại hóa nghề rừng biến tài nguyên từ đất rừng thành của cải vật chất để phục vụ dân sinh, kinh tế, đưa xã hội nghề rừng tiến lên dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh như chương trình chiến lược đã nêu. Trách nhiệm cụ thể là phải nâng cao dân trí, phát hiện, bồi dưỡng nhân tài, hình thành nghề nghiệp tổ chức phân công và phân công lại xã hội vùng núi, vùng sâu, vùng xa, thiết lập trật tự kỷ cương từ lòng dân, từ cuộc sống của nhân dân mà đi lên, đảm bảo ổn định chính trị. Thiết lập thế trận quốc phòng và an ninh quốc gia từ lòng dân, vì cuộc sống của nhân dân các dân tộc vùng này là một bộ phận hết sức quan trọng.

b./ Các cơ quan chức năng quản lý Nhà nước và các đoàn thể của hệ thống chính trị chịu trách nhiệm

xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ cho ngành, giới mình, hình thành hệ thống chính trị từ thôn, xã thành một lực lượng bám sát nhân dân cho phát triển cuộc sống và sản xuất, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo gắn với chương trình mỗi xã và mỗi hộ đã vạch ra.

Hàng tháng các cơ quan đoàn thể, mặt trận có nội dung báo cáo các hoạt động của hệ thống mỗi ngành, mỗi giới tác động được gì cho chương trình kinh tế xã hội vùng sâu, vùng xa.

c./ Các cơ quan : UBKH, Sở Khoa học công nghệ-môi trường, Tài chính, hệ thống Ngân hàng, Kho bạc, Tín dụng... mỗi ngành phải hình thành một bộ phận chuyên quản có trách nhiệm hướng dẫn mọi thủ tục hành chính, kế toán thống kê, thiết lập hồ sơ cho từng huyện, từng xã, hình thành kho lưu trữ chuyên quản vùng sâu, vùng xa, mỗi ngành và mỗi đoàn thể có bộ phận chuyên trách theo dõi sát sao những diễn biến của mỗi công đoạn kế hoạch được giao và thời gian thực hiện của mỗi vùng, phát hiện những vướng mắc trở ngại, khó khăn để phản ánh xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên một cách kịp thời, giải quyết không để ách tắc.

d./ Các đơn vị kinh tế, sản xuất kinh doanh dưới sự chỉ đạo của tỉnh thông qua hệ thống UBND huyện mà tổ chức chương trình phát triển kinh tế và đảm bảo đỡ đầu các xã vùng sâu vùng xa, đảm bảo dịch vụ

vật tư kinh tế kỹ thuật chuyên ngành từng loại sản phẩm, có kế hoạch thu mua chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân.

e./ Cho phép trên địa bàn từng xã hình thành thị trường mậu dịch tổng hợp bằng định kỳ họp chợ để trao đổi hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm, nguyên liệu mà nhân dân cần bán và cần mua, chống mọi sự độc quyền, ép cấp, ép giá.

Cho phép cơ sở ở vùng sâu, vùng xa bắt mối tổ chức liên kết liên doanh giữa vùng trong vùng ngoài, giữa nông lâm công nghiệp và dịch vụ KHKT lưu thông hàng hóa đi thẳng theo thỏa thuận thông qua hợp đồng có thời hạn, bớt trung gian tiến tới xóa bỏ trung gian.

f./ Từng địa phương cho phép một số xã vùng sâu, vùng xa tổ chức liên kết tiểu vùng nông lâm công nghiệp đảm bảo từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu bán thành phẩm, có sự đảm bảo của ngành kinh tế kỹ thuật và khâu tiêu thụ sản phẩm... làm thí nghiệm một vài điểm công nghiệp hiện đại loại nhỏ phù hợp với vùng nguyên liệu trên từng xã, liên xã có điều kiện tạo tiền đề nghiên cứu, có thực tế đào tạo công nhân chuẩn bị cho việc phát triển tương lai những vùng sâu vùng xa.

g./ Chương trình này nằm trong chương trình chiến lược dài hạn nghị quyết Đại hội VII đã nêu và Nghị quyết V của Ban chấp hành TW khóa VII vạch

ra, cụ thể hóa chủ trương chính sách ấy đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn lạc hậu nhất.

Trước mắt xác định bước đi ban đầu vẫn là tập trung tổ chức định canh định cư ổn định sản xuất và đời sống, xóa đói giảm nghèo, chấm dứt du canh du cư phát rừng, làm rẫy trong một thời gian nhất định (từ nay đến năm 2000) đi đôi với giải quyết cuộc sống nâng cao dân trí, chuẩn bị đội ngũ cán bộ, chuẩn bị lực lượng hình thành từng bước từ thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đi lên công nghiệp hóa.

Mục tiêu đề ra là tập trung sức giải quyết kinh tế – xã hội, chăm lo đời sống dân tộc tại chỗ ở vùng sâu, vùng xa làm cơ sở tạo quan hệ tốt để tăng cường lực lượng nơi khác đến để cùng đoàn kết thống nhất phát huy tiềm năng to lớn ở vùng này mà xây dựng nông thôn vùng sâu, vùng xa tiến lên công nghiệp hóa hiện đại hóa trong mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng văn minh.

Quán triệt quan điểm của Đảng và Chính phủ đối với vùng này là phải có chính sách đầu tư đến tận người dân, tập trung đồng bộ toàn diện liên tục kế thừa và phát triển mới mang lại kết quả.

Hình thành văn bản này thông qua thực tế khảo sát toàn diện 25 xã vùng sâu của Lâm Đồng và qua sơ bộ khảo sát một số xã ở Ninh Thuận, Bình Thuận và 2 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tỉnh

Khánh Hòa cùng sự trao đổi với 4 cơ quan thường trực Tỉnh ủy 4 tỉnh nói trên trong đó có một số huyện và bàn bạc với Ban Dân tộc miền núi thông qua trao đổi với đồng chí Trần Kiên – Phái viên của TW Đảng và Chính phủ và đồng chí tổ trưởng tổ phái viên mà hình thành bản báo cáo này, do vậy mà bản báo cáo này không đại diện được toàn bộ dân tộc vùng sâu, vùng xa của 12 tỉnh miền Trung và Tây Nguyên do Tổ phái viên II phụ trách. Thời gian ngắn, nghiên cứu chưa sâu, bố cục, nội dung và từ ngữ chưa được chỉnh đốn chu đáo, nhất là phần 3. Nhưng dù sao tôi cũng xin nêu lên thực trạng của một vùng nhỏ làm cơ sở cho tổ thảo luận và có đại diện các tỉnh tham gia với tính chất một chuyên đề về kinh tế – xã hội của vùng khá khó khăn phức tạp này, gợi mở những suy nghĩ và hướng giải quyết, có gì chưa rõ và không đúng xin chỉ vẽ bổ sung và mong được sự thông cảm. Tôi xin dựng lên hình ảnh bức tranh bằng đường nét sơ khai, đề nghị các nhà khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội nếu chấp thuận thì có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình bày báo cáo trước Đảng và Chính phủ để xin ý kiến chỉ đạo triển khai theo nhiều giai đoạn, chu kỳ khác nhau (trung, dài hạn) và xác định bước đi trước mắt.

Hai là Báo cáo của Tỉnh Lâm Đồng : **CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH LÂM ĐỒNG.**

Tại Hội nghị Phát triển kinh tế - Xã hội Tây Nguyên do Thủ Tướng Chính phủ chủ trì

16 đến 18 tháng 7.1996 tại Buôn Mê Thuột.

I-Đánh giá thực trạng hiện nay về tình hình kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng sau 20 năm giải phóng :

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi cao ở nam Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 10.172,6 km2, chiếm 3% diện tích tự nhiên so với cả nước, có vị trí vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế và an ninh quốc phòng.

Dân số Lâm Đồng tăng nhanh trong 20 năm qua. Từ 341.000 người năm 1976, 408.546 người năm 1979 và 820.000 năm 1995, tăng 240% trong vòng 19 năm qua. Trong đó dân tộc thiểu số (gốc địa phương) chiếm gần 20% dân số của tỉnh với tổng số 24.470 hộ, 144.530 nhân khẩu và số dân kinh tế mơí từ các địa phương đến Lâm Đồng từ năm 1976 đến hết năm 1995 trong kế hoạch là 35.000 hộ, 175.293 khẩu trong tổng số 130.000 hộ, 645.950 khẩu trên địa bàn 4 tỉnh Tây Nguyên.

Riêng dân di cư tự do đến Lâm Đồng xuất phát từ 22 tỉnh thành trong cả nước, trong 5 năm (từ 1990 - 6.1995) toàn tỉnh có 31.544 hộ, 144.422 khẩu, con số mới điều tra thì số dân mới ổn định ban đầu và được nhập khẩu chính thức là 17165 hộ,85.522

khẩu, số còn đang thiếu đói trong diện này : 14.379 hộ, 61.900 khẩu. Bình quân mỗi năm dân di cư tự do đến Lâm Đồng vừa qua là 6.308 hộ, 28.884 khẩu. Chính lực lượng nàyđã tác động làm giảm diện tích và tài nguyên rừng Lâm Đồng trong 5 năm qua làm mất đi 63.088 ha rừng để trồng cây công nghiệp và làm rẫy trái phép để có cái ăn trước mắt.

Theo tài liệu thống kê rừng vào thời điểm 1982-1992 và số liệu hiệu chỉnh năm 1994 của Bộ Lâm Nghiệp. Thì rừng tự nhiên Lâm Đồng trong 10 năm (1982-1992) giảm 101.211 ha rừng, bình quân giảm 10.000 ha/ năm và thời kỳ 1992-1994 rừng tiếp tục giảm 5.667 ha, bình quân 1.890 ha/năm. Trong thời kỳ này, diện tích rừng trồng mới là 5.337 ha. Nếu như giữ cho diện tích rừng tự nhiên khỏi mất đi thì rõ ràng vẫn giữ hiệu quả kinh tế hơn so với trồng rừng mới. Đất không có rừng từ130.003 ha (1982) tăng lên 223.631 ha (1992).

Suy giảm vốn rừng đồng thời với tác động của yếu tố tăng dân số quá nhanh. Đặc biệt trong 10 năm đổi mới, dân di cư tự do tăng một cách tự phát, không có kế hoạch, thiếu sự lãnh đạo chặt chẽ cả đầu đi và đến, không có đầu tư, gần như dựa vào vốn rừng để sống và sản xuất, có nơi còn tổ chức kinh doanh tài nguyên rừng và đất rừng để lập nghiệp trên quê hương mới. Đây là một nguyên nhân hết sức quan trọng, cùng với lối sống du canh du cư của đồng bào dân tộc, sự khai phá chưa đúng quy hoạch của lực

lượng khai thác quốc doanh đã tạo nên sự phá giảm rừng nghiêm trọng. Sau 12 năm (1982 – 1994) rừng Lâm Đồng đã giảm 106.878 ha .

Sau 20 năm thực hiện cuộc vận động ĐCĐC và 10 năm đổi mới thực hiện công tác này, thực trạng vùng dân tộc trong tỉnh đã hình thành 3 khu vực khác nhau:

A-Khu vực I: (Là khu vực ĐCĐC tốt)

Toàn tỉnh có 7.733 hộ,44.037 khẩu, chiếm 31,6% số hộ và 30,6% số khẩu dân tộc tại chỗ đã ĐCĐC, đời sống tương đối ổn định nhờ phát triển kinh tế hàng hoá, có thu nhập bình quân từ 3-5 triệu đồng/người/năm. Số này bước đầu đã hoà nhập vào công đồng Kinh - Thượng, hưởng chung một chính sách kinh tế xã hội trên một địa bàn. Nhưng kết quả trên chỉ mới tập trung chủ yếu ở các vùng dân tộc dọc theo quốc lộ, vùng ven, huyện lỵ và thị trấn. Bình quân mỗi hộ đã có trên 1 ha cây công nghiệp và có thu nhập khá từ kinh tế vườn hộ, đã áp dụng khoa học kỹ thuật trong việc trồng cây công nghiệp, trồng dâu nuôi tằm, trồng rau thương phẩm, chuyển từ sản xuất độc canh cây luá, chấm dứt phát nương làm rẫy sanh sản xuất hàng hóa đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Nhờ có thu nhập khá và có tích lũy, nhiều hộ đã mua sắm được tiện nghi sinh hoạt gia đình đắt tiền như ti vi màu, xe gắn máy, xây cất nhà lầu, biệt thự, mua sắm máy cày phục vụ sản xuất. Đời sống kinh tế của họ ngày càng được cải thiện mà điển hình là xã Tân Châu-Di Linh.

B-Khu vực II: (Là khu vực đã ĐCĐC nhưng chưa vững chắc)

Số này toàn tỉnh có 93 buôn, 9.577 hộ, 58.287 khẩu chiếm 39,2% số hộvà 40,3% số khẩu dân tộc trong tỉnh, nhưng số này hình thành 3 mức sống khác nhau:

-Mức khá : Bình quân thu nhập trên 2 triệu đồng/người/năm. Số này có 10 buôn, 1.727 hộ và 9.901 khẩu.

-Mức trung bình: Có thu nhập bình quân 1-2 triệu đồng/người/năm. Số này có 42 buôn,4.525 hộ và 28.157 khẩu.

-Mức còn khó khăn : Có thu nhập bình quân dưới 1triệu đồng/người/năm. Số này có 41 buôn,3.345 hộ và 20.929 khẩu.

Nói chung khu vực này, đời sống kinh tế của đồng bào bắt đầu có chuyển biến mới. Kinh tế vườn hộ và chăn nuôi cóphát triển nhưng chậm do thiếu vốn đầu tư thâm canh chiều sâu, năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp, cuộc sống của họ vẫn còn một bộ phận phát rừng làm nương rẫy. Để giải quyết đời sống trước mắt, nhà nước cũng cần tiếp tục có chính sách hỗ trợ đầu tư cụ thể đối vơi vùng này, tạo cho họ ổn định và phát triển. Chúng tôi đề nghị đưa chính sách đầu tư cũng cố phát triển vườn hộ và chăn nuôi đảm bảo thâm canh cây trồng có hiệu quả.

C-Khu vực III: (Chưa định canh định cư)

Toàn tỉnh có 113 buôn, 7526 hộ, 43.561 khẩu. Cuộc sống có 3 mức như sau :

-Mức tương đối khá : Có 12 buôn, 711 hộ, 3.901 khẩu thuộc đủ ăn, bước đầu mới lập vườn hộ đang thời kỳ XDCB chưa có thu nhập gì đáng kể.

-Mức trung bình : Có 57 buôn, 4.225 hộ và 24.115 khẩu thuộc diện thiếu ăn thời kỳ giáp hạt, tuy đã có vườn hộ nhưng còn rất ít và cũng ở thời kỳ XDCB chưa có thu nhập và thường thiếu ăn từ 3-4 tháng trong năm.

-Mức khó khăn : Có 44 buôn, 2.590 hộ và 15.545 khẩu, số này thuộc diện còn du canh du cư là chủ yếu và dựa vào phát rừng làm rẫy là chính và thuộc diện thiếu ăn từ 5-6 tháng trong năm.

Về thực trạng kinh tế-xã hội của đồng bào dân tộc khu vực III ở Lâm Đồng có thể nói là khó khăn thiếu thốn, vì sau 20 năm giải phóng, sự chuyển biến về kinh tế xã hội ở vùng này không đáng kể, vẫn mang tính chất của nền kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp giản đơn, phương thức sản xuất hàng hoá, mới tác động bước đầu nhưng chưa đồng bộ, thực tế là:

1- Về kinh tế, qua khảo sát thực tế (1995) vùng dân tộc cho thấy : Đời sống giữa các vùng dân tộc cũng có sự cách biệt lớn.

Nếu lấy con số GDP bình quân đầu người năm 1995 của tỉnh là 307 USD thì đối với vùng dân tộc như xã Tân Châu - Di Linh (khu vực I) nhờ có thu nhập khá từ sản xuất hàng hoá (chủ yếu là cà phê) đã có thu nhập bình quân đầu người 3,539 triệu đồng/năm (1995), tương tự xã Tân Thượng - Di Linh (khu vực II)1,530 triệu đồng/ người/ năm và xã Đinh Trang Thượng - Di Linh (khu vực III) 0,637 triệu/người/năm.

2- Về văn hóa - xã hội : Số người mù chữ trong vùng sâu vùng xa chiếm 80% dân số, có nơi chiếm 89% như Lộc Nam, Lộc Thành ...bệnh sốt rét chiếm 47% và 80% trẻ em suy dinh dưỡng. Vấn đề mù chữ, nghèo đói, lạc hậu đang là tồn tại lớn trong vùng dân tộc ở vùng sâu vùng xa hiện nay.

3- Về tổ chức sản xuất :

+ Trong 27 xã dân tộc (khu vực III) có diện tích cây lương thực 4.052 ha, chủ yếu là màu và 500 ha lúa nước. Nếu tính theo đầu người còn thấp, bình quân 0,54 ha/hộ, năng suất cây trồng rất thấp. Do chưa đầu tư thâm canh , tình trạng trồng chay là phổ biến. Công tác khuyến nông chưa được tổ chức triển khai thực hiện.

+ Về phát triển trồng cây công nghiệp, theo số liệu điều tra năm 1994, trong hku vực III có 2.900 ha cây công nghiệp. Trong đó có 700 ha chè, 430 ha cà phê, 1.670 ha điều và 100 ha hồng, bình quân có 0,4

ha/hộ nhưng không đều, tất cả đang trong thời kỳ XDCB chưa có thu hoạch. Về chăn nuôi thì chưa phát triển.

Việc đầu tư cho vườn hộ với suất đầu tư hỗ trợ của nhà nước hiện nay 1-1,5 triệu đồng/ ha mới chỉ có tính chất hỗ trợ cây giống, hạt giống, dân tự làm. Do vậy mà những hộ tích cực làm ăn và có vốn tự có thì phát triển sản xuất tốt đang vươn lên, còn phần lớn dân nghèo không có gì chuyển biến đáng kể.

+ Công tác giao khoán rừng cho dân bảo vệ, thực hiện chương trình 327, đến năm 1995 các chủ dự án đã giao khoán 108.000 ha rừng cho 3.620 hộ dân (chiếm khoảng một diện tích rừng tự nhiên của toàn tỉnh), trong đó 27 xã vùng sâu vùng xa có diện tích rừng tự nhiên 378.922 ha cần được bảo vệ nhưng đến nay mới giao cho dân được được 87.602 ha rừng cho gần 50% số hộ ở vùng đặc biệt khó khăn này để có cái ăn trước mắt, 50% số hộ còn lại tiếp tục phát rừng làm rẫy, có tác động trực tiếp làm suy thoái tài nguyên rừng.

Do chưa giải quyết được cơ bản các nguyên nhân kinh tế xã hội đã gây ra nạn phá rừng ở Lâm Đồng. Đối tượng là số đồng bào đang còn du canh du cư phá rừng làm rẫy và nạn di dân tự do đến sinh cơ lập nghiệp tại Lâm Đồng ngày càng tăng trong khi nhà nước chưa có chính sách cụ thể với họ. Theo số liệu thống kê thì trong năm 1995 số dân di cư tự do đã

phá hơn 2.354 ha (phá vào rừng sản xuất 1.756 ha, vào rừng phòng hộ 521 ha, còn lại là rừng đặc dụng) để sản xuất lương thực và trồng cây công nghiệp dài ngày.

Do đó, nhiệm vụ trọng tâm của công tác ĐCĐC ở Lâm Đồng từ nay đến năm 2000 là tập trung giải quyết, để ổn định tình hình kinh tế xã hội 27 xã dân tộc đặc biệt khó khăn ở vùng sâu vùng xa trong diện du canh du cư, và giải quyết số dân di cư tự do, đề nghị Nhà Nước đưa vào kế hoạch chung, hàng năm theo chính sách đầu tư nông thôn miền núi để tạo sự phát triển ổn định sản xuất vững chắc, đưa dần lên công nghiệp hóa ở vùng này.

II- Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp thực hiện công tác định canh định cư ở Lâm Đồng từ nay đến năm 2000.

Vấn đề tồn tại hiện nay cần giải quyết mâu thuẫn trước mắt là không thể để đồng baò dân tộc 27 xã vùng sâu vùng xa nghèo đói, mù chữ và không có tư liệu sản xuất. Phải đi lên phát triển sản xuất hàng hoá, xoá du canh du cư phát rừng làm rẫy. Trên thực tế nhân dân các vùng dân tộc khu vực III chiếm vị trí vô cùng quan trọng về chính trị an ninh quốc gia và quốc phòng trong cả nước và địa phương. Có tiềm năng kinh tế lớn, chiếm 70% diện tích tự nhiên của toàn tỉnh, có nguồn tài nguyên quý hiếm và trữ lượng

gỗ tuyệt đại đa số là vùng này, đầu nguồn nước chủ yếu. Từ đây có thể nói tiềm năng giàu có của xã hội, của địa phương là ở đây, nhưng thực trạng kinh tế xã hội lại trái ngược, đây là vùng nghèo khổ nhất trên địa bàn nghèo khổ của các tỉnh Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng ! Mọi người chúng ta phải day dứt suy nghĩ về việc này.

Mục tiêu từ nay đến năm 2000 của vùng đặc biệt khó khăn này là vừa lo giải quyết cứu đói trước mắt cho dân, vừa phải đầu tư trực tiếp cho dân để có vốn phát triển kinh tế vườn hộ, song song với việc chăn nuôi đại gia súc, tạo tư liệu nông nghiệp để nông dân đi lên từ phát triển nông lâm nghiệp, sản xuất hàng hoá, suất đầu tư bình quân mỗi khẩu tối thiểu có 2 sào cây công nghiệp và phát triển chăn nuôi từ 1-2 con trâu bò sinh sản cho mỗi hộ.

Nếu lo cho dân vườn cây CN (1 ha/hộ, bình quân mỗi hộ có 5 khẩu) và chăn nuôi đại gia súc nói trên thì sau năm 2000, dân ở vùng sâu vùng xa sẽ không còn đói và sẽ giảm nghèo, tạo điều kiện cho văn hóa xã hội phát triển, thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam và Lâm Đồng.

Để thực hiện sự công bằng và bình đẳng giữa các dân tộc thì Nhà Nước phải có chính sách đầu tư cho vay không lãi để lập vườn hộ và chăn nuôi với lãi suất đầu tư tối thiểu 10 triệu đồng/ha cây công

nghiệp (1 năm trồng, 3 năm chăm sóc) khi có sản phẩm mới bắt đầu trả dần cho Nhà Nước và trả dần trong 10 năm, còn chăn nuôi suất đầu tư cho vay từ 2-2,5 triệu đồng/ con bò sinh sản, sau năm thứ 3 mới trả vốn cho Nhà Nước và trả dần từ 3-5 năm. Đề nghị Chính phủ cho phép sử dụng toàn bộ số vốn hoàn trả của dân để tiếp tục đầu tư luân chuyển phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn vùng dân tộc nghèo khổ đặc biệt khó khăn đã xác định này.

Chúng tôi cho rằng đây là vấn đề đạo lý nhưng chúng ta chưa giải quyết được, chúng ta không thể không giải quyết và chỉ giải quyết hai vấn đề nêu trên chưa đủ, nếu không lo cho đời sống cho dân trước mắt thì họ tiếp tục phát rẫy trở lại theo tập quán cũ, lúc đó họ sẽ không đủ lòng tin và sự chờ đợi vơi chính sách của Đảng và Chính phủ, hơn nữa đã làm rẫy thì không còn thời gian lo cho làm vườn và phát triển chăn nuôi.

Do vậy, kế hoạch năm 1996 đến 2000, Nhà nước phải đưa kế hoạch bảo vệ rừng, trồng rừng và chăm sóc rừng ưu tiên vào vùng đặc biệt khó khăn này, để giải quyết cuộc sống trước mắt cho dân. Có như vậy sau 5 năm (sau năm 2000) sẽ thành công. Nếu đầu tư nửa vời thì sẽ thất bại như quá trình lịch sử xa xưa và thực tế 20 năm giải quyết cụ thể của vùng này đã chứng minh. Trước mắt thời kỳ 1996-2000, Nhà nước cần tập trung ưu tiên cho vùng đặt biệt khó khăn (vùng sâu vùng xa). Theo phương thức đầu tư 2 sào cây

công nghiệp ổn định đầu người, chăn nuôi từ 1-2 con bò sinh sản/ hộ để gắn với trồng trọt. Nhưng trồng trọt phải đi trước một bước, tạo cho họ có cuộc sống ổn định không còn du canh du cư . Hai vấn đề trên cần ưu tiên cho lập vườn hộ. Vì có đi được bước này mới có cơ sở chấm dứt việc phá rừng làm rẫy và tạo thế đi lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá sau này.

Với quan điểm trên, trên cơ sở quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 1993-2010, chúng tôi đã điều tra xây dựng đề án tổng quan chương trình ĐCĐC 27 xã vùng sâu, vùng xa (khu vực III) thời kỳ 1996-2000, đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, với tổng số vốn xin đầu tư 5 năm (1996-2000) là 185.905 tỷ đồng trong đó có một số chỉ tiêu chính :

-Xây dựng vườn hộ, cây CN :4.565 ha (1 năm trồng, 3 năm chăm sóc), tổng vốn xin vay 10 triệu đồng/ha trong 4 năm.

-Chăm sóc vườn hộ (ngoài phần trồng mới) :1.992 ha

-Phát triển chăn nuôi đại gia súc : 8.267 con

-Trồng rừng : 6.322 ha

-Bảo vệ rừng : 179.271 ha

-Tổng số vốn đầu tư trực tiếp cho dân trong 5 năm với một số chỉ tiêu nói trên) là 131.983 triệu đồng.

-Tổng số vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội trong 5 năm là 44.736 triệu đồng.

-Tổng số vốn sự nghiệp và chuyển giãn dân và quản lý dự án là : 9.186 triệu đồng.

-Vấn đề cụ thể trong kế hoạch 1996-2000 chúng tôi xin thực hiện lập vườn hộ trong vòng 2 năm 1996-1997 để năm 1998 trở đi tập trung cho việc chăm sóc. Có như vậy sau năm 2000 mới có sản phẩm hàng hóa, còn phát triển chăn nuôi thời gian có thể keó dài hơn.

Nếu Chính phủ phê duyệt đề án ĐCĐC thì sẽ tạo tiền đề cơ bản cho 27 xã dân tộc vùng sâu vùng xa của tỉnh Lâm Đồng sau năm 2000 có chỗ đứng đi lên rất cơ bản, tuy vốn không lớn nhưng tạo ra một bước ngoặt rất quan trọng giải quyết triệt để vấn đề ĐCĐC không còn trở lại phá rừng làm rẫy, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

III- Một số kiến nghị :

1-Lâm Đồng đã xây dựng đề án tổng quan ĐCĐC 27 xã dân tộc vùng sâu vùng xa thời kỳ 1996-2000, nhằm giải quyết ổn định tình hình kinh tế xã hội vùng dân tộc đặt biệt khó khăn nhất trên địa bàn tỉnh đến năm 2000. Đề nghị Chính phủ phê duyệt sớm đề án để địa phương tổ chức triển khai thực hiện có kết quả.

2-Vấn đề đặt ra là cần phải quy hoạch lại rừng và đất rừng cụ thể, xác định đất nông và đất lâm. Vùng đất nông xác định cho rõ vùng cây công nghiệp, cây lương thực thực phẩm ngắn ngày. Trên 1.002.000 ha đất tự nhiên tỉnh Lâm Đồng làm sao trên địa bàn này có 80% độ tán che phủ tạo độ ẩm cho đất, chống xói mòn, bảo vệ nguồn nước trong đó dành 50% đất đai để phát triển cây công nghiệp dài ngày có xen từ 10-20% trong số 30% là cây rừng, băng rừng tạo lớp che phủ của tầng cao cây công nghiệp. Trong số 30% nói trên, đề nghị cho triển khai trên vùng đất trống đồi trọc và chuyển một số vùng rừng tre nứa phân tán, gắn liền với dân cư và thôn xã để trồng cây công nghiệp, cây ăn trái, cây lâu năm và cây rừng tạo tán che phủ tốt hơn, và tập trung thâm canh trên vùng đất này đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao hơn với mục tiêu phấn đấu đạt giá trị 50 triệu/ha canh tác /năm trở lên sau năm 2000.

Dành 20% đất đai còn lại của vùng đất bằng, đất phù sa dọc sông suối mà có kế hoạch phát triển cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, nhằm chủ động giải quyết lương thực thực phẩm cho dân trước mắt.

Nếu được chấp thuận quan điểm sử dụng đất nói trên, cần lập quy hoạch cụ thể và kế hoạch phát triển rừng cơ sở được quản lý nghiêm túc trên mỗi địa bàn huyện và xã, bằng con đường xã hội hóa nghề rừng mà đối tượng là đồng bào dân tộc tại chỗ, để giải quyết đời sống trước mắt cho họ, giao rừng cho dân quản lý bảo vệ theo nội dung của chương trình đề án đã nêu là kinh tế nhất, gắn chặt được giữa kinh tế và chính trị-an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững. Nếu không giải quyết được mối quan hệ nói trên thì rừng sẽ bị tàn phá không thể bảo vệ được tài nguyên rừng.

3-Nội dung của đề án : Đối tượng được tập trung đầu tư là 27 xã dân tộc vùng sâu vùng xa (khu vực III) phải có chính sách đầu tư trực tiếp đến cơ sở, đối tượng đầu tư là hộ. Song song với việc giải quyết đồng bào dân tộc tại chỗ; đề nghị chính phủ có biện pháp giải quyết số dân di cư tự do bảo đảm đời sống cho họ. Tỉnh đã có đề án và đã được Trung ương thẩm định có kế hoạch đầu tư trong thời kỳ 1996-2000.

4-Về xây dựng cơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc khu vực III, đề nghị Chính phủ phải có chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng khá hơn ở vùng này, nhất là là phát triển giao thông, phát triển mạng lưới điện đến nông thôn vùng sâu vùng xa để phục vụ cho công nghiệp hóa nông nghiệp phát triển, đồng thời giải quyết nước tưới cho cây trồng (cả cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày) phục vụ chăn nuôi đại gia súc phát triển, song song với việc phát triển hệ thống nước sạch, phục vụ đời sống sinh hoat và và sức khỏe cho nhân dân đối với vùng này là vô cùng bức xúc. Đến năm 2000 –80% dân số khu vực III phải có nước sạch để dùng, chỉ tính riêng đối với vùng này kinh phí cho chương trình nước sạch cần khoảng 30 tỷ chưa được đề cập trong dự án.

5-Đề nghị vốn đầu tư và cơ chế chính sách :

-Đối với vùng I, tỉnh đã thực hiện chính sách chung Kinh – Thượng hoà nhập cộng đồng trên cùng địa bàn, kinh tế đời sống phát triển và có tích lũy.

-Vùng III, được phân thành 3 loại cụ thể, đối với loại 2 và 3 thuộc diện tiếp tục xoá đói giúp nông dân giải quyết xóa nghèo từ nay đến năm 2000, 70% diện nghèo trước đây nâng lên khá. Do vậy đề nghị Nhà Nước cần có chính sách tác động cho vay không lãi để phát triển chăn nuôi. Riêng đối với xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ rừng, đầu tư bằng vốn ngân sách

Nhà Nước, vốn chương trình 327, vốn ODA và nhiều nguồn vốn khác tạo thuận lợi cho dân phát triển sản xuất ổn định đời sống.

Tất cả nguồn vốn đầu tư cho vùng III nên tập trung một mối , bằng 2 cách : Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo vệ phát triển rừng (vốn cấp phát). Riêng Lâm Đồng trong 5 năm tới (1996 – 2000) đối với vùng này vấn đề giữ bảo vệ rừng là chủ yếu, tập trung vốn giải quyết đời sống trước mắt cho dân để họ không phá rừng làm nương rẫy và làm như thế tác động tái sinh tự nhiên sẽ có hiệu quả kinh tế hơn, còn trồng rừng có mức độ hạn chế, chỉ trồng rừng nơi xung yếu, dọc các trục giao thông có đất trống đồi trọc, kết hợp với phát triển cây công nghiệp, không nên trồng rừng đầu tư tràn lan như hiện nay kém hiệu quả.

-Nguồn vốn vay chỉ đầu tư cho tập trung phát triển cây công nghiệp, phát triển vườn hộ, kể cả công nghiệp dài ngày và phát triển chăn nuôi.

6-Về văn hóa xã hội :

Đề nghị Chính phủ và các ngành ở Trung ương và địa phương phải có chính sách đầu tư ưu tiên đặc biệt đối với khu vực III và thống nhất chỉ đạo theo chương trình song song với phát triển kinh tế văn hóa xã hội vùng này.

Trong đề án, Lâm Đồng đã đề nghị xây dựng 8 trung tâm cụm xã, nhưng qua nghiên cứu và xét tình hình thực tế, xin đề nghị thêm 17 trung tâm cụm xã nông thôn vùng sâu vùng xa, ngoài 8 trung tâm cụm xã đã đề nghị, nay bổ sung thêm 17 trung tâm nữa thành 25 trung tâm, cụ thể như sau :

1-Lộc Bắc – Lộc Bảo	(Huyện Bảo Lâm)
2-Lộc Lâm-Lộc Phú	(Huyện Bảo Lâm)
3-Lộc Nam-Lộc Thành	(Huyện Bảo Lâm)
4-Đinh Trang Thượng – Tân Thượng	(Huyện Di Linh)
5-Gia Bắc	(Huyện Di Linh)
6-Sơn Điền	(Huyện Di Linh)
7-Hoà Bắc-Hoà Ninh-Hoà Trung	(Huyện Di Linh)
8-Tà Năng-Tà Nhiên	(Huyện Đức Trọng)
9-Đà Loan-Tà In	(Huyện Đức Trọng)
10-Phi Liêng	(Huyện Lâm Hà)
11-Liêng Sroin	(Huyện Lâm Hà)
12-Rô Men	(Huyện Lâm Hà)
13-Tân Hà	(Huyện Lâm Hà)

14-Nam Ban	(Huyện Lâm Hà)
15-Tu Tra-Ka Đơn	(Huyện Đơn Dương)
16-P'Ró-Ka Đô	(Huyện Đơn Dương)
17-Khu vực 3 xã Đầm Ròn	(Huyện Lạc Dương)
18-Đạ Chai	(Huyện Lạc Dương)
19-Đạ Sa	(Huyện Lạc Dương)
20-Lát	(Huyện Lạc Dương)
21-ĐạPloa	(Huyện Đạ Huoai)
22-Hương Lâm	(Huyện Đạ Tẻh)
23-Triệu Hải	(Huyện Đạ Tẻh)
24-Quốc Oai-Mỹ Đức	(Huyện Đạ Tẻh)
25-Gia Viễn –Tiên Hoàng	(Huyện Cát Tiên)

7-Về đào tạo cán bộ nâng cao trình độ văn hoá dân tộc vùng sâu vùng xa:

Đề nghị Chính phủ cần phải có vốn và chính sách để quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ tại địa phương, nhất là vùng sâu vùng xa, một cách toàn diện để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao dân trí, phát hiện nhân tài, đào tạo đội ngũ cán bộ có tài năng, có đạo đức tốt và có trách nhiệm cao đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và phục vụ cuộc sống của dân đối với vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn của Lâm Đồng.

Ý KIẾN THAM LUẬN TAI HỘI NGHỊ BÀN VỀ "ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTXH KHU VỰC TÂY NGUYÊN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000 & 2010" DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỔ CHỨC TẠI BUÔN MA THUỘT (ĐẮC LẮC) (Từ ngày 16 đến 18/7/1996.)

Căn cứ yêu cầu và nội dung của Thủ tướng Chính phủ đặt ra cho hội nghị và báo cáo trước Thủ tướng của các địa phương trên địa bàn Tây Nguyên. Với danh nghĩa thành viên tổ PVII theo dõi về công tác dân tộc ở Tây Nguyên và các tỉnh Miền Trung, tôi xin tham gia một số ý kiến. (Đồng chí Nguyễn Xuân Du phát biểu văn bản trước hội nghị... thành viên tổ phái viên II).

Trước hết xin nêu tổng hợp số liệu của 4 tỉnh Tây Nguyên mà Viện điều tra quy hoạch rừng Tây Nguyên đã xác định :

1/ Tổng diện tích đất rừng tự nhiên của 4 tỉnh Tây Nguyên là 5.556.900 ha.

Trong đó :

-Đất có rừng là : 3.168.100 ha (có 2.226.900 ha rừng tre nứa)

-Đất không có rừng : 1.264.700 ha

2/ Đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp (đất nông nghiệp và đất khác): 1.124.100 ha.

3/ Biến động về rừng sau 20 năm giải phóng (1975-1995) như sau :

-Năm 1976 : 3.720.900 ha

-Năm 1980 : 3.538.000 ha (so với năm 1976 giảm 182.900 ha)

-Năm 1985 : 3.416.200 ha (so với năm 1980 giảm 121.800 ha)

-Năm 1990 : 3.294.500 ha (so với năm 1985 giảm 121.700 ha)

-Năm 1995 : 3.168.100 ha (so với năm 1990 giảm 126.400 ha)

Sự suy giảm về rừng có thể hình dung bằng biểu đồ sau:

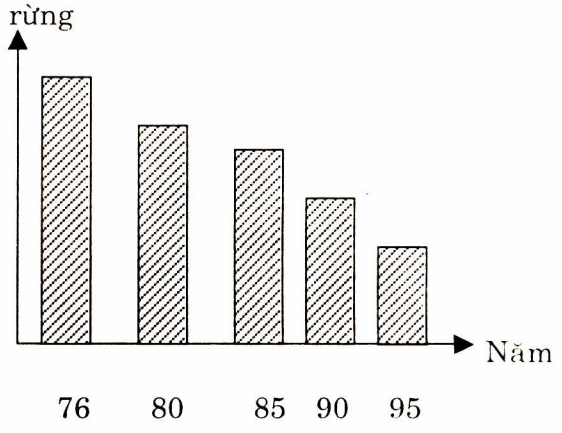

Diện tích rừng giảm trong 20 năm nói trên là 552.800 ha. Diện tích rừng tre nứa tăng gấp 2 lần (năm 1976 có 164.300 ha, đến 1975 đã tăng lên 321.200 ha) nghĩa là từ rừng cây chuyển thành rừng tre nứa, còn tất cả các loại rừng cây, gỗ đều giảm mạnh. Số liệu chứng minh :

-Rừng cây gỗ năm 1976 là 3.387.100 ha thì đến năm 1995 còn 2.626.600 ha, mất đi 750.000 ha.

-Rừng giảm nói trên có nhiều nguyên nhân, nhưng tập trung có 3 vấn đề chính:

a./ Số dân tăng trên địa bàn Tây Nguyên quá nhanh.

-Dân số Lâm Đồng từ 341.000 năm 1976 nay tăng lên 820.000 (tăng 240,46%).

-Dân số Đắc Lắc : năm 1975 là 350.000 dân, đến năm 1995 tăng 1.300.000 dân, tỷ lệ là 371,42%.

Điều đó tác động lớn đến tài nguyên rừng là lẽ đương nhiên, nhất là những năm gần đây (từ 1990 đến nay) đã mất đi trên 400.000 ha rừng, và trữ lượng, chất lượng rừng cũng bị tác động giảm sút mạnh. Theo thống kê của Viện điều tra quy hoạch rừng đã xác nhận con số trên là chính xác.

b./ Tác động tiêu cực đến rừng cũng còn 1 yếu tố hết sức quan trọng nữa là 4 tỉnh Tây Nguyên còn một bộ phận không nhỏ nhân dân các dân tộc thiểu số đang sống du canh du cư, phát nương làm rẫy, đây

cũng là một trong các yếu tố làm suy giảm diện tích rừng. Chúng ta cũng thấy được quan hệ của sự tăng dân số tự do tự phát của chúng ta.

c./ Kế hoạch chính thức khai thác gỗ của chúng ta vừa qua trên địa bàn Tây nguyên, thì không nhiều so với trữ lượng và tiềm năng, nhưng việc quản lý, bảo vệ, khai thác của tổ chức và quản lý lâm nghiệp chưa thật hợp lý giữa TW và địa phương, giữa tỉnh và huyện, giữa quản lý Nhà nước và tác động của xã hội còn nhiều sơ hở và tiêu cực. Những yếu tố tiêu cực trong sản xuất kinh doanh rừng ở 4 tỉnh Tây Nguyên không thể không bàn kỹ và thống nhất đánh giá để có kết luận, xác định nguyên nhân ở hội nghị này, trước khi đi vào bàn định hướng phát triển kinh tế – xã hội cho những năm đến, vì nó có mối quan hệ với môi trường sinh thái, cảnh quan, an ninh quốc gia, quốc phòng trên địa bàn chiến lược này.

Sau khi tổ phái viên II nhận nhiệm vụ của Đảng, Chính phủ giao, tổ chúng tôi đã xác định : theo dõi nhiệm vụ chính trị an ninh quốc phòng trước hết là phải giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo trên địa bàn 4 tỉnh Tây Nguyên, gắn giữa kinh tế xã hội với an ninh quốc gia và quốc phòng là không thể xem nhẹ. Được tổ phái viên phân công đi sâu công tác dân tộc, lập chương trình khảo sát địa bàn 4 tỉnh Tây Nguyên, nhất là dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, cần phải có sự đánh giá đúng để tìm

ra đáp án đúng, hiệu quả, thiết thực mà tổ chúng tôi đã xác định.

Qua 3 cuộc họp ở Buôn Ma Thuột, Khánh Hòa, Đà Lạt và nghiên cứu các văn bản báo cáo số liệu kết luận cuộc họp của Viện Khoa học công nghệ Môi trường và Viện điều tra quy hoạch rừng Tây Nguyên nêu trên, tổ chúng tôi đã tổng hợp, phân tích và báo cáo về BBT, Thủ tướng Chính phủ, cùng các ngành có liên quan và đã đề xuất giải pháp tập trung đầu tư cho vùng 3 trong đồng bào dân tộc đó là vùng sâu, vùng xa đối với Tây Nguyên nói riêng và dân tộc thiểu số 8 tỉnh duyên hải nam trung bộ nói chung, và đã tham gia cuộc họp về dân tộc miền núi do Thủ tướng Chính phủ triệu tập tại Hà Nội hồi tháng 9/1995. Sau cuộc họp này các tỉnh trong phạm vi tổ phải viên II chịu trách nhiệm, đã có triển khai theo tinh thần của Thủ tướng kết luận, đã có chương trình báo cáo Thủ tướng về mục tiêu phấn đấu giai đoạn 1996-2000 và 2020. Hôm nay ở hội nghị, xin trình bày thêm một số vấn đề, vừa làm rõ thêm nguyên nhân, vừa xác định mục tiêu chiến lược đối với vùng này. Xin Thủ tướng có kết luận và chỉ đạo cụ thể để giải quyết, không thể chậm trễ, vì đó là một bộ phận *dân di cư tự do* của cả nước đến 4 tỉnh Tây Nguyên, không thể không quan tâm. Tuy số liệu chưa thật đầy đủ, nhưng mới có số liệu của 2 tỉnh (Lâm Đồng và Đắc lắc), tôi xin nêu lên ở phần sau để Thủ tướng và hội nghị tham khảo :

Báo cáo thực trạng của mỗi tỉnh trong cuộc họp ngày 28/5/1995 của Tổ phái viên II ở Buôn Ma Thuột rút ra là :

+ Tỉnh Gia Lai : diện tích đất đai tự nhiên của tỉnh là 1.548.527 ha, trong đó đất rừng là 784.600 ha, trữ lượng gỗ các loại là 83.700.000 m3.

Theo các đợt kiểm tra rừng ở Gia Lai diễn biến như sau :

-Kiểm kê năm 1987 : tổng diện tích rừng là 881.425 ha.

Trữ lượng gỗ có là 87.935.000 m3.

-Kiểm kê năm 1992 : tổng diện tích rừng còn 784.575 ha

Trữ lượng gỗ còn 83.697.000 m3.

Trong vòng 5 năm (1987-1992) diện tích rừng giảm 96.850 ha, trữ lượng gỗ giảm 3.968.000 m3. Trong lúc đó 10 năm (1986-1995) trồng được 19.521 ha. Tỷ lệ sống trên dưới 60%, độ tàn tán che phủ trên đất này còn 48%. Về đất nông nghiệp, đến năm 1995 toàn tỉnh đã đưa vào sử dụng 150.800 ha/tổng diện tích được quy hoạch là 390.800 ha. Cũng trong báo cáo này tỉnh Gia Lai hàng năm mất đi 14.000 ha rừng bởi tác động của nhiều mặt.

(trong bản báo cáo không có tình hình diễn biến về dân số nên không phân tích được).

+ Tỉnh Kon Tum : Cũng phân tích từ các báo cáo ở hội nghị nói trên.

(Báo cáo của UBND Tỉnh ngày 28/5/1995).

-Diện tích tự nhiên : 1.300.000 ha, nhưng phần tỉnh quản lý sử dụng là 966.200 ha, còn lại do ngành TW quản lý.

-Dân số : 261.400 người (1995)

-Về hiện trạng theo quy hoạch đất nông nghiệp đã đưa vào sản xuất là 45.406 ha (đất trồng trọt 38.506 ha) cũng trong báo cáo này tỉnh xác định đất có khả năng nông nghiệp là 110.000 ha, như vậy trên địa bàn Kon Tum còn khả năng phát triển nông nghiệp lớn, độ tàn tán che phủ ở đây là 61%, theo là số liệu kiểm kê năm 1994 thì diện tích rừng tự nhiên là 611.253 ha, trong đó rừng kinh doanh là 397.527 ha, rừng phòng hộ là 198.916 ha, rừng đặc dụng là 23.749 ha, đất trống đồi trọc 98.120 ha. Trữ lượng gỗ ở Kon Tum có 60.133.297 m3 gỗ các loại và khoảng 1 tỷ cây tre nứa, bình quân 1 ha rừng ở Kon Tum là 98 m3 gỗ (nếu phá 1 ha rừng là phá đi 98 m3 gỗ).

-Trồng rừng : từ 1979-1994 là 3.140 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ là 982 ha, rừng đặc dụng 16 ha, rừng sản xuất 2.141 ha. Riêng năm 1995 dùng vốn 327 trồng rừng phòng hộ 3.200 ha đạt tỷ lệ sống là 70%, cũng trong năm 1995 khoán cho dân bảo vệ

rừng trong vốn 327 là 102.384 ha cho 5.100 hộ dân tộc (bình quân mỗi hộ 20 ha).

Thời gian 11 năm (1983-1994) rừng Kon Tum giảm 13.176 ha, mỗi năm giảm 1.300 ha. Trữ lượng gỗ giảm 10 triệu m3, thực trạng này cần phải suy nghĩ trong lúc dân cư của Kon Tum chưa phát triển bao nhiêu.

+ Tỉnh Đắc Lắc : Theo bản báo cáo của đồng chí Giám đốc Sở Nông lâm Đắc Lắc. Chúng tôi cũng rút ra những con số sau đây để suy nghĩ :

-Diện tích tự nhiên : 1.953.545 ha

-Dân số năm 1975 là 350.000 người, đến năm 1995 là 1.300.000 người (mỗi năm trên địa bàn Đắc Lắc bình quân tăng 65.000 người).

Số dân còn du canh du cư ở Đắc lắc là 13.290 hộ, 76.383 khẩu, trong đó dân tộc tại chỗ là 5.897 hộ, 33.923 khẩu, dân di cư tự do là 7.383 hộ có 42.467 khẩu, trong báo cáo cũng xác định hiện tượng lao động là đang thừa, và đó cũng là lực lượng phá rừng để giải quyết cuộc sống trước mắt và tạo thế lập nghiệp lâu dài bằng vườn cây công nghiệp, ngoài sự kiểm soát của chính quyền địa phương.

Cây cà phê phát triển từ năm 1985 là 50.999 ha tăng lên 80.000 ha và đến cuối năm 1995 là 130.000 ha...

Đó là tính tự phát của quần chúng đã dẫn đến tai hại nhiều mặt, trong đó có phá hoại thiên nhiên và môi trường mà dài báo đã từng nói.

Chúng tôi xin phân tích về dân di cư tự do trên địa bàn Đắc lắc đến tháng 6/1995 (cũng theo báo cáo tại hội nghị Buôn Ma Thuột tháng 6/1995, chưa kể 6 tháng cuối năm 1995 và đầu năm 1996).

Trên địa bàn Đắc Lắc có 9.970 hộ dân di cư tự do với 50.280 khẩu (đến thời điểm này, con số còn lớn hơn), đây là lực lượng tác động tiêu cực vào rừng. Thử tính một hệ số phá rừng trong thời gian vừa qua để thấy trên thực tế thì mỗi hộ di cư tự do đến địa bàn này phá 2 ha rừng là tối thiểu, thì với 9.970 hộ phá đi trong 5 năm là 19.940 ha rừng (mỗi ha là 95m3 gỗ trữ lượng) tức là mất đi 1.894.300 m3 gỗ các loại, theo giá bán cây đứng hiện thời thì cứ 1m3 gỗ giá là 500.000 đ thì giá trị tiêu hủy rừng bằng giá trị bán cây đứng là 947.150 triệu đồng (chín trăm bốn mươi bảy tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng).

Nếu tính đầu tư đúng mức cho 9.970 hộ trong số dân di cư tự do của Đắc Lắc với mỗi hộ có 1 ha cây công nghiệp (2 sào/đầu người) 1 đôi bò chăn nuôi và tiền công thuê khoán bảo vệ trừng để giải quyết cuộc sống trước mắt, thử tính đầu người mỗi năm là 1 triệu, trong 5 năm đầu tư liên tục hết 25 triệu/hộ thì chỉ tốn 249 tỷ 250 triệu. Như vậy là vẫn còn lãi 697 tỷ 900 triệu.

(947 tỷ 150 triệu – 249 tỷ 250 triệu = 697 tỷ 900 triệu)

Và như thế trên địa bàn Đắc Lắc lại có thêm 9.970 ha cây công nghiệp và hàng mấy chục ngàn con bò, tạo tiền đề cho công nghiệp hóa, vừa không bị phá rừng bừa bãi. Nếu để họ tự do không đưa vào kế hoạch thì họ sẽ tự phát, tự lo thì nạn phá rừng không thể ngăn chặn được mà đời sống vẫn cứ bấp bênh.

+ Tỉnh Lâm Đồng : theo báo cáo của tỉnh về tình hình diễn biến rừng từ 1976-1994 (báo cáo của Sở KHCN) đất có rừng năm 1976 : 837.497 ha, đến năm 1994 còn 563.058 ha, giảm 274.439 ha, trong đó rừng lá rộng giảm 77.188 ha, rừng trung bình giảm 64.575 ha, rừng nghèo giảm 73.895 ha, rừng lá kim giảm 239.970 ha, đất trống đồi trọc tăng 80.615 ha. Thực trạng của Lâm Đồng gần giống như Đắc Lắc.

Dân số tăng nhanh trong 20 năm, riêng dân di cư tự do trong 5 năm (từ 1990-6/1995) toàn tỉnh có 31.544 hộ, 144.422 khẩu, con số mới điều tra thì số hộ dân di cư tự do mới ổn định ban đầu là 17.165 hộ, 82.522 khẩu (số đã nhập khẩu chính thức là 17.165/31.544 hộ) số còn đang thiếu đói trong diện này là 14.379 hộ, 61.900 khẩu.

Con số dân di cư tự do nói trên, xuất phát từ 22 tỉnh thành trong cả nước di cư đến 9 huyện, thị trong toàn tỉnh. Bình quân mỗi năm dân di cư tự do đến

Lâm Đồng là 6.308 hộ, 28.884 khẩu. Chính lực lượng này đã tác động làm giảm diện tích và tài nguyên rừng Lâm Đồng cũng tệ hại còn hơn ở Đắc Lắc.

Với 31.544 hộ, mỗi hộ đến Lâm Đồng theo kiểu tự do, họ đã phá đi 2 ha rừng trong 5 năm, làm cho diện tích rừng mất đi 63.088 ha rừng tự nhiên để làm cây công nghiệp và làm rẫy để có ăn trước mắt, mỗi hộ mỗi năm phá không dưới 1 ha. Cứ mỗi ha rừng Lâm Đồng với trữ lượng 79 m3 gỗ bình quân thì trong 63.088 ha rừng bị phá từ 1990-1995 đã làm mất đi 4.983.952 m3 gỗ, với giá trị 500.000 đ/m3 (theo giá bán cây đứng) thì trong 5 năm qua đã mất đi 2.491 tỷ 976 triệu. Nếu Nhà nước bỏ ra đầu tư có kế hoạch, mỗi hộ bằng 25 triệu trong 5 năm (cả tiền thuê khoán giữ rừng) và trồng thêm được 31.544 ha cây công nghiệp bằng cải tạo đất trống đồi trọc thành cây công nghiệp, thì giá trị đầu tư cho 31.544 hộ này cũng chỉ hết 788 tỷ 600 triệu, như vậy vẫn còn lợi 1.703 tỷ 376 triệu.

(2.491 tỷ 976 triệu – 788 tỷ 600 triệu = 1.703 tỷ 376 triệu)

Thử tính như vậy để cân nhắc xem nên để họ di cư tự do như hiện nay hay là đưa họ vào kế hoạch đầu tư theo phương án nêu trên, cái nào lợi hơn ? Đó là điều phải tính toán nghiêm túc.

Theo tôi, phải khẳng định, nếu để di cư tự do như hiện nay thì sẽ mất tất cả.

Từ sự phân tích sâu 2 địa phương nói trên cho thấy yếu tố là suy giảm vốn rừng, đồng thời bởi tác động của yếu tố tăng dân số quá nhanh (tăng trong 20 năm từ 2 đến 3 lần như trên đã phân tích). Đặc biệt trong 10 năm đổi mới, dân di cư tự do tăng một cách tự phát không có kế hoạch, không có lãnh đạo cả đầu đi và đầu đến, không có đầu tư , gần như họ dựa vào vốn rừng để sống và sản xuất, có nơi số dân di cư tự do còn có người tổ chức kinh doanh tài nguyên rừng và đất rừng để lập nghiệp trên quê hương mới. Đó là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tài nguyên và môi trường của 4 tỉnh Tây Nguyên cùng với dân tộc sống lâu đời của một bộ phận còn du canh du cư đã thúc đẩy quá trình làm cho diện tích, chất lượng và trữ lượng rừng bị suy giảm mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào, trong khi Chính phủ có chương trình 327 phủ xanh đất trống đồi núi trọc chưa thực thi được bao nhiêu, nhưng diện tích đất trống đồi núi trọc ngày càng lớn, thực tế trong các báo cáo nêu trên sau 10 năm đã tăng thêm 400.000 ha và chuyển từ rừng gỗ thành rừng tre nứa đã tăng thêm 150.000 ha trong 4 tỉnh, đó là điều đáng suy nghĩ.

Từ thực tế đó, xin đề xuất với TW và Chính phủ mấy vấn đề định hướng chiến lược phát triển kinh tế – xã hội ở Tây Nguyên như sau :

1/ Đặt vấn đề xây dựng và phát triển chiến lược kinh tế-xã hội Tây Nguyên phải toàn diện, kinh tế

gắn với chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng, bảo vệ biên giới gắn chặt với bảo vệ môi trường, môi sinh, phát triển lực lượng sản xuất, bảo vệ thiên nhiên, khí hậu, nguồn nước... xuất phát từ con người, vì con người cả trước mắt và lâu dài, có mối quan hệ với toàn vùng và cả nước.

-Trên 5,5 triệu ha đất rừng tự nhiên cần phải được quy hoạch cụ thể làm sao đảm bảo trên địa bàn này có 80% độ tàn tán che phủ tạo độ ẩm cho đất, chống xói mòn, bảo vệ nguồn nước, làm giàu tiềm năng cho thủy điện và thủy lợi, trong đó dành 50% cho phát triển lâm sinh, bảo vệ vốn rừng, cả rừng đặc dụng và rừng kinh doanh bằng con đường ***xã hội hóa nghề rừng***, phát triển cuộc sống làm cho dân giàu, tự có tích lũy trên con đường công nghiệp hóa của 50% đất đai giàu tiềm năng này, có kế hoạch phát triển công nghiệp chế biến rừng thứ sinh, gỗ thứ phẩm, nhất thiết phải tinh chế tại chỗ phục vụ cho dân sinh kinh tế, còn việc khai thác gỗ lớn, bán gỗ tròn ra khỏi Tây Nguyên – đã đến lúc phải xem xét hết sức cẩn thận và hết sức hạn chế.

-Dành 30% trong 80% của rừng và đất rừng lập thế phát triển cây công nghiệp dài ngày phù hợp với môi trường từng nơi, nhưng phải xen từ 10-20% là cây rừng, băng rừng tạo lớp che phủ của tầng cao trong cây công nghiệp. Trong 30% nói trên phải chú ý triển khai trên vùng đất trống đồi trọc và chuyển một số vùng tre nứa phân tán gắn liền với dân cư và

thôn xã để trồng cây công nghiệp, cây ăn trái, cây lâu năm và cây rừng tạo tàn tán che phủ tốt hơn và tập trung thâm canh trên vùng đất này đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao hơn với mục tiêu phấn đấu đạt giá trị 50 triệu/ha canh tác/năm trở lên sau năm 2000.

-Dành 20 % đất đai còn lại của vùng đất bằng, đất phù sa dọc sông suối, tùy điều kiện từng tỉnh mà có kế hoạch phát triển cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày và cũng có kế hoạch đầu tư thâm canh tăng vụ, nhằm đảm bảo năng suất, hiệu quả cây trồng thật cao trên 1 ha gieo trồng hàng năm, nhằm chủ động giải quyết lương thực, thực phẩm cho dân trước mắt. Nếu được chấp thuận quan điểm sử dụng đất nói trên cần lập quy hoạch cụ thể và kế hoạch phát triển rừng từ cơ sở và quản lý nghiêm túc trên mỗi địa bàn từng tỉnh, huyện và xã, không để tự phát và bị động trong chỉ đạo điều hành như vừa qua.

Về tổ chức quản lý Nhà nước và sản xuất kinh doanh, nên làm rõ chủ trương ***xã hội hóa nghề rừng*** của Đảng và Thủ tướng Chính phủ trên mỗi loại đất và rừng phù hợp với đặc trưng địa bàn Tây Nguyên. Chúng tôi đề nghị loại rừng đặc dụng (cả rừng đầu nguồn), mỗi tỉnh thống nhất thành lập một ban quản lý, xây dựng chính sách cụ thể, điều hành bằng phương thức khoán cho hộ dân, lấy hộ dân làm thành viên trực tiếp quản lý, nuôi trồng, bảo vệ và trả công bằng quỹ ngân sách quốc gia theo chương

trình 327, hoặc chi từ nguồn thu tài nguyên trên địa bàn dành cho việc bảo vệ, quản lý và phát triển rừng đặc dụng này. Gắn việc quản lý hành chính Nhà nước dựa vào UBND xã cùng lực lượng KLND trên mỗi địa bàn, trực tiếp quản lý theo luật định và theo hướng dẫn quy trình quy phạm lâm sinh của ngành và của Chính phủ. Không nên để mỗi mảnh rừng đặc dụng có một BQL như hiện nay, nó không gắn với xã, với huyện, dân không có trách nhiệm, UBND xã và hệ thống chính trị ở cơ sở thiếu quan tâm thì dù CBCNVC trong BQL bảo vệ rừng đặc dụng có phát triển đông bao nhiêu thì càng nặng nề, tiêu cực bấy nhiêu, không thể bảo vệ nổi, như Lâm Đồng có 6 BQL bảo vệ rừng nhưng rừng bị cháy nhiều lại là ở vùng này.

Đối với rừng kinh doanh, lập quy hoạch trên địa bàn từng xã giao cho hộ nhân dân được tổ chức lại hợp tác sản xuất trên địa bàn buôn, xã để bảo vệ, quản lý, khoanh nuôi và cho chế độ hưởng một phần sinh lợi của rừng trong đó có tỷ lệ sinh trưởng từ cây rừng hàng năm bằng khế ước hợp đồng của một tổ chức kinh doanh lâm nghiệp, trường hợp chưa đến chu kỳ khai thác thì nên có chính sách cho vay vốn ứng trước một nửa dự kiến trong sản phẩm định mức sinh trưởng hàng năm mà họ được hưởng, để giải quyết cuộc sống trước mắt. Mỗi huyện chỉ nên tổ chức 1 lâm trường gọi là Xí nghiệp công ích để quản lý, bãi bỏ lâm trường kinh doanh hình thức đối với rừng

đã được giao khoán cho dân quản lý. Hình thức lâm trường này gắn trách nhiệm với UBND mỗi xã quản lý hành chính theo luật định, thành viên lâm trường này là một hộ nhân dân được tổ chức lãnh đạo chặt chẽ và gọn nhẹ bằng bộ khung đặc trách quản lý KHKT, tổ chức dịch vụ kinh tế xã hội nghề rừng trên địa bàn của huyện, dưới xã có đại diện một vài cán bộ kỹ thuật gắn với lực lượng kiểm lâm cùng UBND xã làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành luật pháp và xử lý vi phạm hợp đồng trên địa bàn xã, từng tổ chức sản xuất và hộ thành viên.

Nếu tổ chức được như vậy mới phù hợp với chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về ***xã hội hóa nghề rừng*** và làm cho rừng ***có chủ cụ thể***.

Mỗi tỉnh nên tổ chức một Công ty chuyên doanh lâm sinh có nhiệm vụ vay vốn quốc gia, vốn nước ngoài dài hạn để trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc ngoài phạm vi đất đã giao cho dân tự trồng theo chính sách. Công ty này có đủ tư cách pháp nhân, tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm lỗ lãi, được liên kết liên doanh trong và ngoài nước để kéo vốn đầu tư phát triển lâm sinh, phát triển chăn nuôi đại gia súc dưới tán rừng trên phạm vi được giao, gắn lâm nghiệp với nông nghiệp, chăn nuôi và chế biến, được đấu thầu mua cây đứng theo kế hoạch hàng năm, từ tổ chức xã hội nghề rừng để sản xuất kinh doanh phát triển công nghiệp rừng toàn diện và có trật tự, đúng luật pháp theo cơ chế thị trường.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho 4 tỉnh Tây nguyên liên kết tổ chức một tổng Công ty chế biến bột giấy và giấy các loại để sử dụng nguồn lâm sản tre nứa, cây rừng thứ sinh sẵn có để giải quyết lực lượng lao động và công ăn việc làm cho dân, hình thành từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề rừng trên 3 triệu ha đất rừng ở Tây Nguyên. Có như vậy mới có sức tập trung bảo vệ cây rừng chính phẩm không bị tàn phá. Mỗi tỉnh có một công ty chế biến giấy và bột giấy theo sự phân công của Tổng công ty phục vụ cho công nghiệp hóa trên từng địa bàn cụ thể, tránh dồn nguyên liệu về các trung tâm công nghiệp lớn, tăng thêm phức tạp chính trị, xã hội cho các trung tâm lớn của đất nước.

2/ Giải quyết định hướng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn Tây Nguyên, trước hết là phải tập trung đầu tư từ con người, vì con người mà đối tượng chính là người nghèo khổ có truyền thống đấu tranh giữ nước và dựng nước đang sống tại địa phương, đang còn du canh du cư, cuộc sống rất khó khăn, phương thức canh tác lạc hậu, tiếp tục phá rừng làm rẫy, họ đang sống ở vùng sâu, vùng xa... Cần phải được ưu tiên với chính sách đầu tư đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm trọng điểm và có kế hoạch dứt điểm từng địa bàn, từng đối tượng, từng hộ có thời gian nhất định bằng phương thức gắn lâm – nông – công nghiệp kết hợp, không ngừng cải thiện đời sống vật chất, văn hóa cho đồng bào và cũng là

quá trình đào tạo đội ngũ cán bộ có trách nhiệm, có phẩm chất, trình độ năng lực quản lý điều hành, đảm bảo thực thi nhiệm vụ định hướng phát triển chiến lược kinh tế-xã hội của địa phương.

Để phục vụ cho mục tiêu trên, đề nghị Chính phủ cho thông qua và phê duyệt các dự án phát triển kinh tế-xã hội vùng sâu, vùng xa loại đặc biệt khó khăn của các tỉnh Tây Nguyên đã báo cáo và tổ PV II đã có phản ảnh, đề xuất.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ có giải pháp tích cực, đồng bộ, chấm dứt tình trạng dân di cư tự do, nếu để kéo dài chừng nào sẽ ảnh hưởng xấu cả chính trị – kinh tế-xã hội-an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái xấu thêm.

Nên đưa vào hệ thống kế hoạch để xử lý một cách chủ động, cần có chính sách đầu tư số đã có mặt trên địa bàn mỗi tỉnh thuộc diện đầu tư đối tượng xóa đói giảm nghèo như nhân dân địa phương, chính quyền phải trực tiếp nắm quản lý toàn diện, đưa lao động vào nhận thuê khoán trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo vệ, chăm sóc rừng. Có chính sách cho vay vốn và cấp đất cho dân làm vườn hộ, phát triển chăn nuôi đại gia súc... Cấm tuyệt đối hành động ngoài luật pháp, hoạt động ngoài sự quản lý của chính quyền địa phương sẽ dẫn đến tiêu cực khôn lường.

Theo tôi thì Đảng bộ và chính quyền mỗi tỉnh cần xác định trách nhiệm cao đối với dân di cư tự do, cả đầu đi và đầu đến cũng phải được nắm chặt chẽ để xin chính sách đầu tư và chuyển đầu tư trực tiếp, đồng bộ và đúng mức đến tận người dân. Tỉnh, huyện cùng cơ sở thống nhất điều hành thì chắc chắn yếu tố tiêu cực, tàn phá tài nguyên, nạn phá rừng sẽ giảm, hiệu quả kinh tế – xã hội sẽ được cải thiện và tác dụng chính trị sẽ được nâng lên. Còn bằng thả nổi như lâu nay sẽ mang vạ khó tránh. Với 2 đối tượng lao động nói trên (dân tộc thiểu số và dân di cư tự do) ở địa bàn Tây Nguyên, Chính phủ nên có chính sách đầu tư trực tiếp một phần đến hộ nông dân và theo một quá trình, chu kỳ kinh tế, có kế thừa và đồng bộ liên tục của thời kỳ xây dựng cơ bản, đưa người dân từ 2 bàn tay trắng đi đến có tư liệu sản xuất hàng hóa ban đầu với thái độ trách nhiệm, không phải ban ơn mà tạo điều kiện để họ tự vay, tự trả, tự làm ăn, thông qua Nhà nước cho vay vốn ưu đãi, đầu tư dài hạn không lãi hoặc lãi nhẹ (thấp hơn hoặc bằng chính sách quỹ tiền tệ quốc tế cho vay nước nghèo và người nghèo)... Đã đến lúc Đảng và Chính phủ ta cần tập trung giải quyết 2 thành phần nhân dân nói trên ở 4 tỉnh Tây Nguyên một cách vững chắc, có vậy Đảng ta sẽ mãi mãi yên tâm về mặt chính trị đối với vùng này, dù kẻ thù có gian xảo đến đâu cũng khó mà xuyên tạc tính ưu việt của chế độ ta.

3/ Giải quyết định hướng chiến lược cho Tây Nguyên thì trước hết cần có chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng khá hơn ở vùng này, nhất là phát triển giao thông, phát triển mạng lưới điện đến nông thôn vùng sâu, vùng xa để phục vụ cho công nghiệp hóa nông nghiệp phát triển, đồng thời giải quyết nước tưới cho cây trồng (cả cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn và dài ngày) phục vụ chăn nuôi đại gia súc phát triển, song song với việc phát triển hệ thống nước sạch phục vụ đời sống sinh hoạt và sức khỏe cho nhân dân vùng này là vô cùng bức xúc.

-Vừa qua Chính phủ đã chú ý đầu tư giao thông trên địa bàn Tây Nguyên không nhỏ, nhưng sắp đến xin Thủ tướng quan tâm việc thông tuyến đường chiến lược trên đất Nam Tây Nguyên từ Phan Thiết đi Di Linh lên Gia Nghĩa, Bù Bông (Quốc lộ 28 hiện nay) cần sớm được đầu tư để lưu thông là rất cần thiết, nhằm phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân các dân tộc Tây Lâm Đồng, Nam Đắc Lắc, Bắc Bình Thuận. Trong 5 năm đến, nếu chưa thông đường này thì khó có điều kiện đổi mới đối với các dân tộc trên mảnh đất Nam Tây nguyên và cực Nam Trung bộ.

-Về điện, xin đề nghị Thủ tướng Chính phủ có chủ trương quy hoạch, phát triển các trung tâm kinh tế xã hội thành cụm trung tâm kinh tế-xã hội trên địa bàn các xã vùng sâu, vùng xa và có kế hoạch đầu tư cho hệ thống thủy điện nhỏ và vừa với chính sách

TW hỗ trợ vốn, giao cho tỉnh và huyện tổ chức đầu tư và quản lý trên mỗi vùng, tạo điều kiện từng bước phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ lưu thông hàng hóa, tạo thuận lợi giải quyết đời sống cho nhân dân vùng sâu, vùng xa trong lúc chưa có thể giải quyết điện lưới đến với vùng này.

-Về thủy lợi, nên tập trung nơi nào dễ, phát huy hiệu quả nhanh thì tập trung làm trước, nơi khó làm sau, làm từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao... Giao cho nhân dân làm công trình nhỏ, ngành kỹ thuật tỉnh và huyện hỗ trợ. Giao cho tỉnh và huyện làm công trình thủy lợi vừa, ngành kỹ thuật và vốn đầu tư có ngân sách Chính phủ hỗ trợ một phần. Đề nghị TW tập trung đưa vào kế hoạch 5 năm (1996-2000) mỗi tỉnh được TW đầu tư cho một chương trình tương đối lớn và hoàn chỉnh tưới tiêu trên một số vùng quan trọng... Ví dụ như Lâm Đồng, 5 năm đến xin TW đầu tư thủy lợi vùng KTM huyện Cát Tiên với công trình khả năng tưới khoảng 4.000 ha, tiếp theo công trình hồ Đạ Tẻ.

4/ Theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ VIII và kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế-xã hội từ nay đến 2010, chúnng tôi cho rằng đối với địa bàn 4 tỉnh Tây Nguyên với 3 triệu dân so với 75 triệu dân của 53 tỉnh thành trong cả nước là nhỏ bé. Nhưng lại rất quan trọng đối với khu vực và đối với đất nước cả về chính trị – kinh tế – xã hội – an ninh quốc gia và quốc phòng.

Tây Nguyên chiếm 16,7% diện tích đất đai của cả nước, rừng Tây Nguyên chiếm 33,4% rừng cả nước, trữ lượng gỗ chiếm 46,2%, tiềm năng thủy điện chiếm 1/3 và có hệ thống đất đỏ Bazan lớn nhất nước. Ngoài ra còn có hệ thống khoáng sản quý hiếm và phong phú chưa được đầu tư thăm dò khai thác...

Tình hình sau 20 năm giải phóng và thống nhất đất nước, các dân tộc Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, và có sự góp sức của cả nước đầu tư nhân tài vật lực đưa Tây Nguyên lên một bước đáng phấn khởi... Dân số tăng, hệ thống đô thị hình thành, bộ mặt nông thôn thay đổi hẳn, sản xuất hàng hóa phát triển. Những mặt hàng chiến lược như cao su, cà phê, chè, dâu tằm, tơ lụa, đào lộn hột... đã cùng cả nước đi vào thị trường thế giới có vị trí và đảm bảo chất lượng.

Cơ sở hạ tầng tăng đáng kể, công nghiệp chế biến bắt đầu phát triển, song còn chậm và chưa vững chắc, phần lớn hàng hóa sản xuất của 4 tỉnh Tây nguyên phổ biến là sơ chế, còn dạng cung cấp nguyên liệu, thị trường tiêu thụ qua nhiều trung gian luôn luôn bị động. Để khắc phục tình hình trên, đề nghị Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành có liên quan ở hội nghị này, cần xác định cụ thể chiến lược phát triển kinh tế-xã hội cho Tây Nguyên trên con đường công nghiệp hóa hiện đại hóa mà Đại hội VIII đã đề ra,

thích hợp với vùng này, làm sao gắn chặt nông lâm công nghiệp, du lịch dịch vụ từng bước cụ thể đến hoàn chỉnh trên toàn địa bàn, phù hợp với đặc điểm vùng Cao nguyên, đáp ứng nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc gia và quốc phòng, trong mối quan hệ cả nước với Tây Nguyên.

Một vấn đề về tổ chức đối với Tây Nguyên hội nghị này cũng nên bàn: Trên địa bàn Tây nguyên, ngoài hệ thống tổ chức chính trị-kinh tế-xã hội, tổ chức quản lý Nhà nước (HCSN) và an ninh Quốc phòng của thể chế nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất nên có một bộ phận đặc trách tại chỗ hướng dẫn phát triển sản xuất xã hội gắn với tổ chức sản xuất kinh doanh nông công lâm trường dịch vụ đảm bảo hướng dẫn và đấu tranh có hiệu quả tính chất 2 mặt của kinh tế thị trường, có sự quản lý điều tiết của Nhà nước, hạn chế yếu tố tự phát dẫn đến chệch hướng đường lối của Đảng, phá vỡ tiềm năng, thế mạnh, gây bất lợi về sau, khó sửa.

Xin đề nghị :

-Về sản xuất nông lâm nghiệp, cơ bản là phải xã hội hóa bằng phương thức lao động gắn liền cây trồng, con nuôi trên địa bàn thôn xã và hộ gia đình, tạo vùng nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp chế biến, người làm chủ là lực lượng nông dân tổ chức lại, đứng ra liên kết với công nhân, gắn hệ

thống công nghiệp (cả vệ tinh tiểu thủ công nghiệp), xây dựng quan hệ công nông trí thức liên minh từ cơ sở, gắn giữa nghĩa vụ và quyền lợi trong từng mặt hàng, từng địa bàn.

Hình thành hệ thống công nghiệp có mối quan hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân, nhà máy gắn vùng nguyên liệu, gắn với tổ chức xã hội công nông lâm trí hợp thành.

Lực lượng thương mại liên kết chặt chẽ với lực lượng nông lâm công nghiệp là dịch vụ cho sản xuất, đời sống xã hội, tác động tích cực hình thành các trung tâm văn hóa xã hội trên địa bàn, cho phép mở rộng mua không hạn chế mặt hàng, bán không giới hạn thị trường cả trong và ngoài nước, đúng thủ tục pháp định với phương châm ***sản xuất đa dạng, thương mại tổng hợp và đa phương...***

Để thực hiện được ý đồ nói trên, ngoài các doanh nghiệp nhà nước, cần phát triển mạnh hệ thống công ty cổ phần rộng rãi và hợp tác xã nhiều chức năng, hình thành vài ba công ty mẹ làm ***"bà đỡ"***, làm trụ cột để hướng dẫn phát triển, gọi vốn đầu tư, tìm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

Chính phủ nên tổ chức đại diện toàn quyền trực tiếp trên địa bàn Tây nguyên, tối thiểu đảm bảo từ nay đến năm 2000 để điều hành bước đầu trong chương trình phát triển Tây Nguyên, vì đây là một

trong những địa bàn có tiềm năng lớn và cũng vô cùng phức tạp, chỉ đạo từ xa thiếu kịp thời, dùng thông tin phản ảnh từ xa mà quyết định thì dễ sai lệch, bổ sung uốn nắn khó chính xác.

5/ Chính sách lưu thông vật tư hàng hóa đối với vùng sâu, vùng xa đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho chính sách đầu tư trợ giá chênh lệch cước vận chuyển hàng hóa cả 2 chiều (đưa hàng từ ngoài vào bán, mua hàng của dân sản xuất đem ra) có chính sách đó thì thương mại quốc doanh và HTX mua bán mới có điều kiện cạnh tranh nổi với tư thương, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho nhân dân, chống ép cấp, ép giá đối với vùng sâu, vùng xa, và cũng là kích thích sản xuất hàng hóa bước đầu đối với vùng này.

6/ Về giáo dục, VHXH, Y tế và xây dựng hệ thống chính trị, vì chưa được khảo sát đánh giá kỹ nên chúng tôi chưa phát hiện và đề cập vấn đề nào thêm. Trong hội nghị này chỉ nêu rõ thêm một vấn đề là sẽ cần phải có vốn và chính sách để quy hoạch định hướng và đào tạo đội ngũ cán bộ tại địa phương (cả Thượng và Kinh) một cách toàn diện để phục vụ cho yêu cầu định hướng phát triển kinh tế – xã hội của 4 tỉnh Tây nguyên là vấn đề cấp bách và bức thiết, phải được đưa vào quy trình kế hoạch song song với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao dân trí, phát hiện nhân tài, đào tạo đội ngũ cán bộ có tài năng, có đạo đức tốt và có trách nhiệm cao đối với sự

nghiệp phát triển kinh tế – xã hội Tây Nguyên và phục vụ cuộc sống của dân đối với vùng này.

Trên đây là một số ý kiến cá nhân qua thời gian hoạt động ở tổ PV II và qua nghiên cứu tài liệu của các hội nghị chuyên đề về Tây nguyên và tổng hợp lại, tuy chưa được đầy đủ, tôi xin mạnh dạn tham gia để Thủ tướng và hội nghị tham khảo.

PHẦN V

NHỮNG VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ CỦA TỈNH QUA CÁC THỜI KỲ.

Để chứng minh quá trình chỉ đạo công tác vận động định canh định cư của Tỉnh Lâm Đồng. Xin trích bản báo cáo của UBND Tỉnh Lâm Đồng số 35/BC-UB ban hành ngày 29/9/1983.

THỜI KỲ THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CUỘC VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ TỈNH LÂM ĐỒNG 1976 – 1982.

Nội dung báo cáo:

I- Đặc điểm tình hình.

II- Kết quả công tác.

III- Đánh giá ưu khuyết điểm và nguyên nhân.

IV- Phương hướng nhiệm vụ.

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1- Dân cư:

Lâm Đồng là một trong 3 tỉnh Tây nguyên miền cực Nam Trung bộ, có đồng bào dân tộc ít người sinh sống lâu đời (không kể số dân tộc ít người miền Bắc di cư vào năm 1954).

Tổng dân số : 92.307 người với tổng số hộ 16.104 hộ.

Trong đó : 39.700 lao động.

Gồm 9 dân tộc, phân bổ khắp các huyện 53/73 xã (72,6%). Trong đó có 2 dân tộc dân số lớn nhất: K'Ho 56.520 người, Mạ 19.009 người chiếm hơn 82% dân số dân tộc.

2- Kinh tế – xã hội trước năm 1976:

Do quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và chế độ thực dân mới của Mỹ, số dân tộc trên được phân bổ trên hai vùng rõ rệt:

a- Vùng thứ nhất: dân cư hai bên Quốc lộ 11,21b,20,27. Số dân vùng này có 64.085 người với tổng số 10.953 hộ, trong đó có 26.730 lao động.

Dân cư thuộc vùng này có một số buôn làng hộ đã bắt đầu định canh định cư, biết làm ruộng, trồng màu, trồng cây công nghiệp (chè, cà phê, dâu tằm, cây ăn quả) nhưng diện tích chia bình quân trên đầu người không đáng kể, công cụ làm ruộng của họ đều ở

dạng thô sơ, kỹ thuật canh tác lạc hậu, do đó năng suất cây trồng rất thấp, nên tuyệt đại đa số họ vẫn phá rừng làm rẫy để tự túc lương thực là chính, nhưng không năm nào đủ ăn, đời sống còn khó khăn. Việc phá rừng làm rẫy vùng này có ít hơn so với vùng xa, nhưng phá rừng làm rẫy vẫn là tập quán chính của người dân tộc.

b- Vùng thứ hai: Dân cư ở sâu trong rừng già, núi cao, cách các quốc lộ khoảng 30 km trở lên. Dân số vùng này có 28.222. người với 5.151 hộ, trong đó có 13.050 lao động.

Đồng bào vùng này, đều lấy hỏa canh, chọc lỗ để sản xuất tự túc lương thực là chính; năm nào được mùa lúa rẫy cũng chỉ đủ lương thực ăn, các mặt chi dùng khác nhờ vào khai thác lâm sản phụ đem đổi bán cho người Kinh, với đường sá vừa xa, vừa hiểm trở, một vài tuần mới đem đi bán một chuyến, thu nhập quá thấp, đời sống thường xuyên nằm trong tình trạng đói rách.

Nói chung đời sống đồng bào dân tộc ít người cả hai vùng nói trên : lấy sản xuất tự túc lương thực là chính, trong sản xuất lấy quản canh, hỏa canh là chủ yếu, năng suất quá thấp (bình quân khoảng 0,7tạ/ha), sản phẩm ít ỏi, không năm nào tránh nổi nạn đói giáp hạt, khi hết lương thực, lấy việc đào củ rừng để sống, nơi gần các đồn điền và đồng bào người Kinh, họ đi làm thuê để kiếm tiền nuôi sống, hoặc khai

thác củi và các loại lâm sản phụ, bán đổi lương thực để ăn; Về mặc: nhìn chung còn rách rưới; Về ở: tuyệt đại đa số ở bằng nhà sàn (cao cẳng) lợp tranh; Việc đi lại khó khăn, hiểm trở, xa xôi; ít được học hành, khi ốm đau không được chữa trị.

3- Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đồng bào dân tộc cũng chia làm hai vùng rõ rệt:

-Vùng do Cách mạng kiểm soát khoảng 10.000 dân, đều là dân thuộc vùng rừng già, núi cao, được Cách mạng tổ chức giáo dục họ luôn tin tưởng và trung thành với Đảng, với Cách mạng một cách tuyệt đối. Họ tham gia chiến đấu rất kiên cường. Những buôn làng thuộc vùng này đều là căn cứ địa cách mạng, trong thời kỳ này, về nhận thức chính trị, quan điểm, tư tưởng được nâng cao, nhưng đời sống kinh tế chưa có điều kiện để cải thiện.

-Vùng do địch kiểm soát, chúng gom dân lập ấp chiến lược dọc theo các quốc lộ và xung quanh đồn bót của chúng, suốt thời gian kháng chiến (chống Pháp, chống Mỹ) đồng bào bị địch dồn ở các khu tập trung phải bỏ cả ruộng rẫy. Nguồn sống chính của đồng bào trong thời kỳ này dựa vào công tác dịch vụ phục vụ chiến tranh trai tráng bị địch bắt đi lính làm tay sai, đàn bà người già còn lại phải tăng cường phá rừng làm rẫy gần 2 bên quốc lộ; hoặc đi làm thuê cho các đồn điền để kiếm ăn. Tuy đồng bào dân tộc vùng này được giao lưu tiếp xúc với bên ngoài, nhưng

phương thức canh tác và sức sản xuất không phát triển, Pháp và Mỹ đều dùng tôn giáo, thần quyền, mê tín dị đoan, gieo rắc lối sống đồi truỵ, thành kiến chia rẽ Kinh Thượng, lương giáo sâu sắc. Đồng bào dân tộc trong vùng này, một số nơi có xây dựng được cơ sở cách mạng nhưng rất hạn chế.

II- KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐCĐC TỪ 1976-1982 :

Sau giải phóng miền Nam (30/4/1975) các khu tập trung của địch trước đây sống dựa vào địch, khi giải phóng nguồn tiếp tế của địch chấm dứt, các khu tập trung đều nằm trong tình trạng đói kém; chính quyền ta phải cứu tế. Đảng bộ địa phương có chủ trương giải tán các trại tập trung, tổ chức đưa đồng bào trở về buôn làng cũ, giúp đỡ họ khai hoang, phục hoá để sản xuất, giải quyết đời sống trước mắt. Đồng thời tiến hành nghiên cứu chính sách dân tộc của Đảng, chuẩn bị triển khai kế hoạch định canh định cư với yêu cầu: bố trí lại dân cư, tổ chức sản xuất, ổn định đời sống, chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất để cùng cả nước đi lên xây dựng chủ nghiã xã hội. Đặt biệt chú ý đến các vùng căn cứ địa cách mạng mà đồng bào các dân tộc đã góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng đất nước.

Kết quả cụ thể cuộc vận động ĐCĐC từ 1976-1982:

- Tháng 9/1976 bắt đầu triển khai xây dựng 2 điểm: xã Lộc Nam huyện Bảo Lộc, xã KonRum huyện Di Linh, đây là căn cứ địa của Khu ủy khu 6 và Tỉnh ủy Lâm Đồng cũ, tiếp theo triển khai thêm 3 xã: N'Thol Hạ huyện Đức Trọng, Đinh Trang Hòa huyện Di Linh, K'Đơn huyện Đơn Dương, phần lớn năm 1976-1977, ta nặng công tác định cư (nặng lo xây dựng trụ sở, trường học, trạm xá, cửa hàng, nhà trẻ) theo quy định của Nhà nước... làm điểm để quy tụ nhân dân.

- Sau đó lần lượt triển khai công tác quy hoạch xây dựng các buôn làng, xã tổ chức cuộc sống mới cho đồng bào dân tộc ít người. Có thể nói từ 1977-1982 trên toàn thể các xã người dân tộc của tỉnh nơi nào có đồng bào dân tộc thì ở nơi đó có công tác ĐCĐC tác động như: khai hoang, trợ cấp xây dựng đồng ruộng, xây dựng thủy lợi nhỏ, trồng cây công nghiệp, xây dựng cơ sở chăn nuôi, mở thêm đường giao thông, xây dựng các công trình công cộng phúc lợi tập thể (trụ sở, trường học, trạm xá, cửa hàng, nhà trẻ, mẫu giáo). Xây dựng bể nước hoặc giếng nước, quy hoạch cụ thể điểm dân cư, tổ chức tập huấn cán bộ, di chuyển nhà ở, tổ chức HTX, tập đoàn sản xuất và hổ trợ tiền vốn, lương thực, vật tư (phân hóa học), công cụ lao động sản xuất (cuốc, xẻng, liềm).

Tổng số vốn đầu tư :
15.151.075,56 đ. (1976-1982)

Trong đó: Vốn TW cấp: 13.427.075,56 đ.

Vốn NS địa phương: 1.724.000,00 đ.

(Có thống kê cụ thể kèm theo , biểu 1).

Kết quả phần định canh đến cuối năm 1982:

Tổng cộng diện tích canh tác: bao gồm phục hoá khai hoang 17.102 ha.

Trong đó: -Ruộng lúa nước : 5.381 ha.

-Đất trồng màu : 9.945 ha rẫy.

-Đất trồng cây CN: 1.776 ha.

Tính bình quân toàn tỉnh : 0,18 ha/khẩu và 0,43 ha/lao động. Diện tích canh tác nói trên phân bổ không đều:

- Bình quân huyện cao nhất : Đức Trọng : 0,32 ha/khẩu; 0,84 ha/lao động.

- Bình quân huyện thấp nhất: Bảo Lộc : 0,07 ha/khẩu; 0,14 ha/lao động.

Năng suất bình quân chênh lệch nhau khoảng cách khá lớn:

Năng suất ruộng lúa nước bình quân huyện Đức trọng : 1,5 t/ha.

Năng suất ruộng lúa nước bình quân huyện Bảo Lộc : 0,7 t/ha.

(Có thống kê tổng hợp huyện, phân loại canh tác, dân số, diện tích kèm theo ở biểu 2).

Qua thống kê chúng ta thấy rằng: từ năm 1977 trở về sau, tỉnh chú ý nhiều đến mặt định canh, đã đẩy mạnh công tác khai hoang xây dựng đồng ruộng, xây dựng thuỷ lợi nhỏ, để từng bước ổn định đời sống. Kết quả về sản lượng lương thực được tăng lên nên khối lượng lương thực cứu đói năm sau ít hơn năm trước. Nhìn lại chặng đường đã qua ta chưa đầu tư công tác thâm canh nên năng suất sản lượng chưa cao, chưa chú ý đẩy mạnh nghề rừng và trồng cây công nghiệp nên chưa tạo được sản phẩm hàng hoá và chính phần sản xuất này là thế mạnh vừa mang tính chất truyền thống và có nhiều điều kiện thuận lợi nhưng chưa chú ý. Đến năm 1983 tỉnh mới bắt đầu xuất ngân sách địa phương trợ cấp cây giống cà phê để đồng bào dân tộc xây dựng kinh tế vườn.

Kết quả sau 7 năm tiến hành ĐCĐC trên địa bàn Lâm Đồng đã hình thành 3 vùng có 3 hình thái ĐCĐC mức độ khác nhau:

1/ Vùng Đức Trọng, Đơn Dương, xã Đạ Tẻh (huyện Đa Huoai), ĐầmRòn (huyện Lạc Dương) bao gồm 7.313 hộ, 16.754 lao động, 40.624 nhân khẩu đi vào ĐCĐC bước đầu với diện tích canh tác từ 0,66 ha đến 0,84 ha trên 1 lao động bình quân, vùng này ruộng nước là chính, phần lớn đất đai canh tác có vườn, nhà ở (ổn định), có giếng nước, trường học,

bệnh xá, cửa hàng và tổ chức sản xuất tập thể chiếm phần lớn. Nhưng do trình độ canh tác chưa được cải tiến, bình quân 1 ha thu hoạch từ 800 đến 1.500 kg lương thực. Lao động ngành nghề chưa phát triển, nên thu nhập còn thấp, đời sống khó khăn. Trong thời gian tới cần đi sâu củng cố, nâng lên theo hướng tổ chức phân bổ lại lao động, thâm canh tăng năng suất cây trồng. Đến 1985 có khả năng đưa vùng này vào thế ổn định và có cải thiện một bước.

2/ Vùng Bảo Lộc, Di Linh, dọc đường quốc lộ 20 và các vùng dân tộc của thành phố Đà Lạt, đa số nhân dân vùng này làm cây công nghiệp (chè, cà phê, dâu tằm...) và cũng có một số xã làm một ít ruộng hoặc rẫy tùy tình hình số lượng cây công nghiệp và khả năng ruộng của từng cơ sở. Nhưng hướng đi lên chủ yếu ở vùng này là cây công nghiệp, bao gồm 4.121 hộ, 26.139 nhân khẩu, trong đó có 11.657 lao động. Đất đai canh tác vùng này bình quân lao động còn thấp (từ 0,17 ha đến 0,28 ha/lao động). Năng suất sản lượng lương thực lại thấp hơn vùng Đức Trọng, Đơn Dương. Do vậy có thể nói vùng này đã đi vào con đường ĐCĐC nhưng chưa cơ bản, cơ sở sản xuất chưa ổn định, đời sống, ăn ở của đồng bào cón gặp nhiều khó khăn. Nếu không tích cực củng cố, tăng cường thì cũng dễ trở lại cuộc sống du canh như trước.

Ngoài 2 vùng nói trên, số còn lại bao gồm các căn cứ kháng chiến cũ nằm sâu, xa các trục giao

thông như: Lộc Bắc, Lộc Nam, Lộc Lâm (huyện Bảo Lộc), ĐamBri, xã ĐaPloa (huyện Đạ Huoai), xã Lát, Đầm ròn, Kilplanhon Hạ, Đa Long (huyện Lạc Dương), Sơn Điền, Đinh Trang Thượng (huyện Di Linh) v.v... gồm 4.770 hộ, 25.544 khẩu, trong đó 11.379 lao động, còn ở trạng thái du canh, phần lớn làm lâm nghiệp là phổ biến, nhưng kinh doanh lâm nghiệp cũng chưa ổn định. Năm 1982 và 1983 này mới bắt đầu chia đất lập vườn, nhưng cũng chưa được đều khắp.

Qua phân tích tình hình trên thực tế cho thấy vấn đề ĐCĐC trong tỉnh Lâm Đồng là một vấn đề lớn và vô cùng phức tạp, cần phải tập trung sức giải quyết cho những năm sắp đến là hết sức nặng nề. Phải có tổ chức, quy hoạch, kế hoạch, biện pháp mạnh mẽ, cụ thể, đồng bộ mới có điều kiện thật sự chuyển biến được tình hình, thi hành được Nghị quyết công tác miền núi và dân tộc của Trung ương và địa phương đề ra.

III- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ, ƯU KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN :

Qua 7 năm vừa nghiên cứu đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa học tập trong thực tiễn phong chèo cách mạng của quần chúng, kiểm điểm kết quả đã làm một cách sâu sắc để thấy được các mặt ưu, khuyết, rút tỉa, tìm nguyên nhân, kinh nghiệm, làm cơ sở cho phương hướng phấn đấu

nhằm đưa công cuộc vận động ĐCĐC lên một bước mới.

1- Ưu điểm:

a- Đảng bộ và chính quyền tỉnh đã kịp thời nghiên cứu đường lối chủ trương chính sách ĐCĐC của Đảng và Nhà nước, đồng thời triển khai thực hiện một cách khẩn trương và bền bỉ. Đã đặt vấn đề công tác ĐCĐC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ngay từ đầu, đồng thời xác định đây là một công tác cách mạng mang cả hai mặt lý trí và tình cảm, thể hiện các Nghị quyết Đảng bộ các cấp đều có ghi thành một đề mục cụ thể và trong kế hoạch Nhà nước đã ghi, khoản mục chỉ tiêu kế hoạch và năm nào cũng biểu hiện tinh thần phấn đấu liên tục vươn lên để sớm hoàn thành công tác định canh định cư...

b- Trong số cán bộ chủ chốt của Đảng bộ và chính quyền tỉnh ngay từ ngày tỉnh nhà vừa giải phóng, đã xác định lập trường quan điểm, nội dung, thái độ đối với công tác ĐCĐC, là một công tác cách mạng toàn diện (kinh tế- chính trị- văn hoá tư tưởng- xã hội- an ninh quốc phòng) mang tính chất lịch sử đưa từ một nền sản xuất du canh du cư, tự túc lương thực, qua ĐCĐC, vừa sản xuất tự túc lương thực, vừa sản xuất hàng hoá, chuyển phương thức canh tác, đưa đời sống từ thấp lên cao, xoá nghèo nàn lạc hậu, nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước "Đưa miền núi tiến kịp miền xuôi".

c- Trong công tác đã lấy giáo dục vận động là chính, lấy phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, để tiến hành cuộc vận động ĐCĐC. Đã đầu tư mở trường, dạy văn hóa nhằm đào tạo một đội ngũ cán bộ người dân tộc, để đáp ứng nhiệm vụ do tổ chức sản xuất và cách mạng yêu cầu.

Kết quả 6 năm đã dấy lên được phong chèo quần chúng, chuyển nhà, lập vườn, khai hoang, xây dựng đồng ruộng, xây dựng thuỷ lợi nhỏ, thâm canh, xen canh, ruộng nước, đã tiến hành làm hai vụ, phong chèo ĐCĐC trong quần chúng dân tộc đã đi vào chiều sâu, có nhiều nơi, quần chúng ký đơn tập thể kiến nghị lên Đảng và chính quyền cấp trên đầu tư cho triển khai công tác ĐCĐC.

d- Công tác quy hoạch, tổ chức bố trí dân cư được xúc tiến liên tục năm nào cũng làm, đã khắc phục nhiều khó khăn, nhất là thiếu thốn vật tư, để thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước đã giao.

2- Khuyết điểm:

Khuyết điểm bao trùm và xuyên suốt: nhận thức chưa sâu sắc, tổ chức chưa đủ mạnh, kế hoạch, biện pháp bước đi không rõ, thể hiện:

a- Về nhận thức vấn đề chưa có chiều sâu, chưa quán triệt ý nghiã công tác ĐCĐC là xây dựng xã hội chủ nghiã với số dân đồng bào dân tộc ít người tỉnh Lâm Đồng theo thống kê năm 1976 là một phần ba

dân số toàn tỉnh, hiện nay 1982 là một phần tư dân số toàn tỉnh, nếu công tác tổ chức ĐCĐC không làm đến nơi đến chốn, không huy động khả năng lao động của đồng bào dân tộc ít người là một thiếu sót lớn, đến đây chúng ta khẳng định rằng: Không bố trí sắp xếp lực lượng lao động của đồng bào dân tộc nằm trong tổng thể lao động của tỉnh để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn liền theo quy hoạch kinh tế trên địa bàn huyện, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng CNXH của tỉnh nhà, thì Tỉnh nhà sẽ không có CNXH. Đồng thời chưa thấy hết ý nghiã công tác định cư là xây dựng kinh tế, quốc phòng, an ninh, đoàn kết dân tộc, nên công tác tổ chức, chế độ chính sách chưa đủ mạnh, để triển khai một cách mạnh mẽ hơn.

b- Về tổ chức, có thể nói mấy năm qua khoán trắng cho Ban KTM-ĐCĐC, nên không cách nào làm tốt được, vì công tác tổ chức ĐCĐC cho đồng bào dân tộc là xây dựng một xã hội toàn diện- trong khi đó đồng bào dân tộc ít người đang ở giai đoạn lịch sử chưa phân hoá giai cấp rõ rệt, mà ta muốn rút lịch sử ngắn lại, đưa họ lên xây dựng CNXH với chủ trương của Đảng, đưa đồng bào dân tộc tiến kịp người Kinh, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, thì bộ máy ĐCĐC hiện có mới chỉ làm công tác tổ chức, hành chính, như một cơ quan chuyên ngành, thì không sao xây dựng một xã hội toàn diện được, hiện nay các cơ

quan chính quyền, đoàn thể xung quanh tỉnh đến huyện, xã (trừ Ban KTM-ĐCĐC và Sở Lâm nghiệp là cơ quan chủ quản) chưa có cơ quan nào biểu hiện ý thức trách nhiệm phục vụ công tác ĐCĐC một cách rõ rệt.

c- Trong công tác triển khai thực hiện nặng phần định cư, nhất là năm 1976-1977 xây dựng cho 5 xã (Lộc Nam, KonRum, N'Thol Hạ, K'Đơn, Đinh Trang Hoà) đủ các công trình phúc lợi công cộng (trụ sở, trường học, bệnh xá, cửa hàng, phòng họp), đến nay các cơ sở đều có dùng, nhưng không hết công suất, trong khi đó chưa chú ý đúng mức công tác định canh, kể cả chính sách, phương hướng, bước đi, biện pháp. Khi nói ĐCĐC lại nhấn mạnh một chiều về tự túc lương thực, và hạn chế phá rừng, vận động đồng bào dân tộc làm ruộng trong tình hình ruộng còn rất ít, đồng bào dân tộc chưa có tập quán làm ruộng nước, và kỹ thuật canh tác còn thấp, nên đồng bào dân tộc lại trở về phát rẫy. Những nơi ta gò ép không cho phát rẫy, thì họ đều thiếu ăn. Nhà nước phải đưa gạo cứu tế, đến năm 1982 tỉnh mới bắt đầu xuất ngân sách trợ cấp cây giống cà phê để đồng bào dân tộc trồng, lập kinh tế vườn là chậm.

d- Trong công tác quy hoạch thiếu toàn diện, nặng về quy hoạch điểm dân cư, chưa nơi nào lập phương án kinh tế- xã hội, xác định mô hình mục tiêu, bước đi, để từ đó có kế hoạch đầu tư một cách toàn diện cho ăn, mặc, ở, đi lại, học hành và phòng

chữa bệnh, trong khi đó trình độ đồng bào dân tộc ít người, nền sản xuất còn thấp, từ đó dẫn đến các mặt văn hoá kỹ thuật đều thấp, cán bộ quản lý kinh tế chưa có, nhưng các thủ tục hành chính đều phải làm theo nền nếp người Kinh, nên nhiều việc bế tắc, đứng tại chỗ.

Kết quả qua 6 năm làm công tác ĐCĐC việc gì cũng có làm, nhưng chưa việc gì làm đến nơi đến chốn, nhìn chung đời sống kinh tế xã hội của đồng bào dân tộc ít người còn thấp, còn bấp bênh, vùng căn cứ kháng chiến đời sống so với các vùng khác còn thấp hơn.

Qua kiểm điểm các mặt ưu khuyết điểm như trên, Tỉnh tự đánh giá phân tích tìm nguyên nhân như sau:

1- Giai đoạn đầu trong Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực UBND Tỉnh, có nhận thức được vấn đề ĐCĐC, nhưng chỉ là sơ bộ, nên chưa biến được nhận thức của mình thành nhận thức của toàn Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang từ tỉnh đến cơ sở xã phường. Nhận thức chưa sâu, nên chưa huy động được lực lượng đồng bào người Kinh, nhất là ở cơ sở chưa có sự chuyển biến nên công tác ĐCĐC thiếu sức mạnh tổng hợp.

2- Chưa có chính sách chế độ đối với cán bộ người Kinh làm công tác ĐCĐC một cách lâu dài, cán bộ đi làm công tác ĐCĐC cũng hưởng quyền lợi như

các công tác khác, nên chưa làm cho cán bộ an tâm tích cực phục vụ công tác ĐCĐC. Chưa đặt công tác đào tạo đồng bào dân tộc ít người một cách lâu dài, toàn diện từ thấp đến cao, nên phong chèo ĐCĐC nói chung chưa có cơ sở ổn định vững chắc vì "cán bộ quyết định tất cả", đặc biệt là cán bộ dân tộc.

3- Chưa đặt vấn đề định canh đi trước một bước nên công tác định cư thiếu cơ sở ổn định. Trong công tác định canh chưa dựa vào thế mạnh, thường nhấn mạnh một chiều về sản xuất lương thực, trong sản xuất lương thực gò ép họ làm ruộng lúa nước, nhưng không đầu tư cơ sở vật chất, khoa học và kỹ thuật để thâm canh, nên đồng bào dân tộc ít người làm không đủ ăn, họ vẫn tiếp tục phát rẫy.

4- Chưa có chủ trương lo công tác quy hoạch và kế hoạch toàn diện, nặng về quy hoạch điểm dân cư, chưa xây dựng chương trình kinh tế, xã hội phù hợp với tình hình cụ thể từng địa bàn, không có chỉ tiêu kế hoạch đầu tư một cách toàn diện; nên có thể nói 6 năm qua tỉnh đã cố gắng triển khai đều khắp, làm rất nhiều việc, nhưng bây giờ bắt tay làm chiều sâu một nơi nào, đều phải làm từ đầu.

5- Các chính sách chế độ, tổ chức, thủ tục không sát, thiếu căn cứ khoa học. Đứng trước tình hình đồng bào dân tộc ít người còn trong thời kỳ chưa phân hoá giai cấp rõ rệt, trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật còn thấp, tập quán canh tác lấy hỏa canh

chọc lỗ trồng tỉa là chủ yếu, thế thì muốn chuyển họ thành những người xây dựng CNXH là một bước tiến nhảy vọt, phải xây dựng một xã hội toàn diện mà điểm xuất phat từ xây dựng con người, nhưng cách làm vừa qua không lưu ý đến nét đặc thù, nên khi triển khai thường gặp mắc mứu dẫn đến bế tắc.

Từ đánh gia phân tích xác định nguyên nhân trên, trong công tác ĐCĐC sắp tới, tỉnh ta phải xây dựng nhận thức cho toàn thể Đảng bộ- chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến xã, lực lượng vũ trang và toàn dân (kể cả người Kinh và người dân tộc) thấy rõ nghiã vụ và trách nhiệm để từ đó dấy lên một phong chèo xây dựng ĐCĐC có tổ chức mạnh, có quy hoạch toàn diện, có kế hoạch mục tiêu và biện pháp, cho từng cơ sở cụ thể, từng cấp, từng ngành, từng đoàn thể có chương trình hành động đối với công tác định canh định cư

VI- PHƯƠNG HƯỚNG - NHIÊM VU:

1- Đặt vấn đề: công tác ĐCĐC phải gắn với địa lý, phong tục, tập quán, trình độ xã hội để triển khai công tác tổ chức, lập kế hoạch, biện pháp, xác định rõ bước đi, mục tiêu phấn đấu, từ đó phát động toàn Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang các cấp, từ tỉnh đến xã, ở mỗi cấp, mỗi ngành đều phải có phân công cán bộ chuyên trách có chương trình hành động làm công tác ĐCĐC, huy động quần chúng (kể cả Kinh- Thượng) đóng góp nhận vật, tài

lực hỗ trợ phong chèo có hiệu quả thiết thực. Trong công tác tổ chức sản xuất phải phát huy từ thế mạnh và tiềm năng trên từng địa bàn cụ thể, vừa sản xuất, lương thực, vừa sản xuất hàng hóa một cách hài hòa.

2- Tiến hành công tác quy hoạch một cách toàn diện: lấy lâm nghiệp làm khâu trung tâm, đồng thời trồng cây công nghệp trong vườn và ngoài vườn, trồng cây lương thực hoa màu trên đất có khả năng thâm canh, nếu làm lúa thì phải làm trên diện tích có điều kiện thủy lợi, đưa ruộng lúa trở thành hai vụ. Tuỳ điều kiện địa lý, thổ nhưỡng cụ thể để bố trí sắp xếp, quy hoạch sản xuất thích ứng và ổn định.

3- Mục tiêu phấn đấu:

a- Đến năm thứ 2000: Hoàn thành công tác ĐCĐC, với các chỉ tiêu bình quân tối thiểu tại năm kế hoạch.

- Trồng , chăm sóc, tu bổ rừng: 2 ha/lao động/năm.
- Sản xuất lương thực, hoa màu, cây công nghiệp ngoài vườn: 0,5 ha/lao động/năm.
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản phẩm thịt hơi: 30kg/người/năm.
- Vải mặc 5m/người/năm.
- Mỗi hộ có nhà trên diện tích vườn 1000m^2, có 100 đến 200 cây cà phê hoặc cây dài ngày khác có

giá trị sản lượng tương ứng. Các loại cây trồng trong vườn đều đã thu hoạch.

• Trẻ con đến tuổi được đi học, đủ trường học cho học sinh học hết cấp PTCS.

• Ốm đau có bệnh xá, tuyến xã chăm sóc đủ thuốc chữa bệnh.

• Có giếng nước, nhà tắm, nhà tiêu đủ dùng.

• Mỗi xã có đủ các công trình: trụ sở, phòng họp cho cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, trường học, bệnh xá, cửa hàng, nhà trẻ đáp ứng theo yêu cầu sử dụng.

• Có công trình thuỷ lợi đủ tưới cho diện tích ruộng lúa thâm canh.

• Có đường giao thông, xe ô tô vận tải có thể đi đến trụ sở UBND xã.

• Thu nhập: - Lương thực quy thóc bình quân 300kg/người/năm.

- Thu nhập bằng tiền (không kể giá trị lương thực) 3000đ/người/ năm (Giá trị đồng năm 1983).

Các mục tiêu trên được chia thành 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: từ năm 1983 đến năm 1985.

- Giai đoạn 2: từ năm 1986 đến năm 1988.

Hai giai đoạn này lấy công tác định canh là chính.

- Giai đoạn 3: từ năm 1989 về sau, giai đoạn này lấy củng cố và hoàn thiện các mục tiêu đã đề ra cho năm thứ 2000.

b- Chỉ tiêu sản xuất và đời sống trên địa bàn huyện và Thành phố quy định lấy mốc theo năm (tính chỉ tiêu bình quân)

• Lâm nghiệp: chỉ tiêu chung cho các huyện và thành phố.

+ Chấm dứt phá rừng làm rẫy:

- Năm 1985 gồm các huyện Đức Trọng, Đơn Dương, Đà Lạt, Đạ Huoai.

- Năm 1988 gồm các huyện Bảo lộc, Di Linh, Lạc Dương.

+ Trồng rừng 0,1 ha/lao động/năm lũy kế đến năm 1990 đủ 1 ha/lao động.

+ Chăm sóc tu bổ: 1 ha/lao động/năm.

• Cây lương thực và cây dài ngày: chỉ tiêu chung cho các huyện và thành phố 0,5 ha/lao động, trong đó cây dài ngày ngoài vườn 0,2 ha/lao động, còn ruộng lúa và cây hoa màu, thâm canh đạt năng suất từ 3 tấn/ha trở lên sản lượng quy thóc.

Chia ra năm :

- Năm 1985 các huyện Đức Trọng, Đơn Dương, Đà Lạt, Đạ Huoai phải đạt được các chỉ tiêu trên.

- Năm 1988 các huyện Bảo Lộc, Di Linh, Lạc Dương phải đạt các chỉ tiêu trên.

4- Kế hoạch biện pháp:

a- Giao đất, giao rừng, định vị địa giới cần khoán trồng, chăm sóc tu bổ rừng đến hộ và người lao động một cách lâu dài, cố định, hộ và lao động nhận khoán được hưởng quyền kế thừa. Công ước hoặc hợp đồng kinh tế khoán ghi đầy đủ, nhiệm vụ, quyền lợi và trách nhiệm của cả hai bên (Nhà nước, tập thể và dân).

b- Tiến hành quy hoạch xí nghiệp, bố trí diện tích làm, lúa trồng màu, trồng cây công nghiệp, xây dựng đồng ruộng, làm thuỷ lợi để thâm canh cây lúa một cách ổn định, khai thác tiềm năng đất bằng có thể làm lương thực đưa vào làm lương thực, các loại đất không có điều kiện thâm canh thì lập kế hoạch trồng rừng. Những nơi đã có ruộng, có thuỷ lợi nhưng còn làm theo phương thức quản canh, nay tiến hành đầu tư kỹ thuật, đầu tư vật chất để thâm canh tăng năng suất cây trồng.

c- Về lao động: giao các ngành kinh tế địa phương kể cả các cơ sở kinh tế Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, khi có yêu cầu lao động phải ưu tiên tuyển dụng lao động dân tộc, để đào tạo đưa vào biên

chế. Số lao động tại buôn làng, giao cho các cơ sở kinh tế quốc doanh, tập thể hoặc cơ quan chịu trách nhiệm phụ trách, bố trí sắp xếp giúp đỡ mọi mặt để họ làm lâm nghiệp, lương thực, cây công nghiệp và khai thác lâm sản phù hợp theo số lượng và chất lượng lao động. Trong quản lý lao động nhằm đầu tư phát triển lực lượng sản xuất và sức sản xuất từ đó từng bước xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất. Đặc biệt chú trọng đầu tư công cụ lao động để tăng năng suất cao và hiệu suất lao động.

d- Về xây dựng mô hình: xác định 3 mô hình:

- Lâm nghiệp, nông nghiệp (cây lương thực), cây công nghiệp ngắn ngày.

- Lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây lương thực.

- Lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày.

(Lâm nghiệp kể cả trồng, chăm sóc tu bổ rừng và khai thác lâm sản).

Việc ứng dụng mô hình rất linh hoạt, căn cứ vào quy hoạch và tỷ trọng cây lương thực, cây công nghiệp từng địa bàn, từng điểm dân cư để xác định mô hình cho phù hợp.

5- Tổ chức thực hiện:

Phương châm: tăng cường chất lượng chỉ đạo cấp tỉnh, kiện toàn cấp huyện, lấy cấp xã làm cơ sở tổ chức thực hiện.

a- Cấp tỉnh: bí thư, chủ tịch trực tiếp chỉ đạo theo định kỳ nghe báo cáo, trực tiếp tổ chức kiểm tra và ra những chỉ thị chỉ đạo, lấy Ban KTM-ĐCĐC làm cơ quan tham mưu và thường trực, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức phối hợp.

Tại các Sở, ban ngành đều tổ chức một tổ chuyên trách làm tham mưu giúp Thủ trưởng chỉ đạo và tác nghiệp theo chức năng nhiệm vụ của Sở, ban ngành làm công tác ĐCĐC.

b- Cấp huyện: Bí thư, Chủ tịch huyện trực tiếp chỉ đạo thành lập Ban ĐCĐC huyện (tách KTM riêng) phân công một Phó Bí thư trực, 1 Phó Chủ tịch trực tiếp làm Trưởng phó ban với chức năng nhiệm vụ vừa chỉ đạo vừa tổ chức thực hiện chủ trương chính sách nghiệp vụ về công tác ĐCĐC, làm chủ đầu tư.

Tại cấp huyện: huyện ủy và UBND huyện phân công mỗi phòng, ban đoàn thể trực tiếp chỉ đạo một buôn làng, Thủ trưởng các ban phòng đoàn thể nhận và chịu trách nhiệm trước huyện ủy và UBND huyện phân công từ một đến hai cán bộ chuyên trách lo công tác ĐCĐC trực tiếp.

c- Cấp xã: Bí thư và Chủ tịch xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện trên địa bàn xã có đồng bào dân tộc ĐCĐC, Đảng uỷ và UBND xã cử 1 Phó Bí thư và 1 Phó Chủ tịch chuyên trách.

Những xã có tổ chức HTX, tập đoàn sản xuất, Đảng uỷ và UBND xã chủ trì phân công cho mỗi cơ sở chịu trách nhiệm kèm cặp giúp đỡ một mặt công tác quản lý, hoặc kỹ thuật. HTX hoặc tập đoàn sản xuất nhận trách nhiệm trước Đảng uỷ và UBND xã cử một đến ba người chuyên trách trực tiếp làm nhiệm vụ, HTX hoặc tập đoàn sản xuất chịu trách nhiệm của mình.

Trên cơ sở tổ chức phân công, phát động phong chèo thi đua xây dựng cơ sở ĐCĐC, tổ chức bình chọn danh hiệu thi đua lấy buôn làng làm đơn vị cơ sở thi đua, lấy kết quả ĐCĐC làm tiêu chuẩn so sánh, lấy huyện làm đơn vị bình chọn. Ngoài ra hàng năm xét thành tích khen thưởng theo chế độ hiện hành.

6- Chỉ tiêu đầu tư hoàn thành công tác ĐCĐC:

a-Khai hoang, xây dựng đồng ruộng bình quân 0,5 ha/lao động- cho những nơi chưa đủ tiêu chuẩn ruộng đất.

Tổng cộng diện tích khai hoang và xây dựng đồng ruộng 6.305 ha trong đó:

- Huyện Đạ Huoai bình quân còn thiếu: 0,12 ha/laođộng x 2.588 lđ = 310 ha.

- Huyện Bảo Lộc bình quân còn thiếu: 0,36 ha/ laođộng x 6.555 lđ = 2.360 ha.

- Huyện Di Linh bình quân còn thiếu : 0,22 ha/ laođộng x 10.412 lđ = 2.290 ha.

- Huyện Lạc Dương bình quân còn thiếu: 0,18 ha/ laođộng x 7.476 lđ = 1.345 lđ.

Số vốn khai hoang xây dựng đồng ruộng 6500 ha x 2000đ/ha = 13.000.000 đ 00.

b- Xây dựng công trình công cộng mỗi xã 850 m^2/xã x 48 xã = 41.000 m^2.

Số vốn đầu tư 41.000 m^2 x 2.000đ/m^2 = 82.000.000 đ00

c- Làm đường giao thông 680 km.

Số vốn đầu tư 680 km x 750.000đ00/km = 510.000.000 đ00.

d- Xây dựng thuỷ lợi tưới cho 5.500 ha ruộng lúa nước đưa từ 1 vụ lên 2 vụ.

Số vốn đầu tư 5.500 ha x 35.000đ/ha = 195.000.000đ00

e- Trợ cấp làm nhà lập vườn 14.400 hộ:

Số vốn đầu tư 14.400 hộ x 4000đ/hộ = 57.600.000đ00.

g- Trợ cấp đào giếng nước cho 14.400 hộ, số giếng nước cần có 7.200 giếng với tiêu chuẩn 2 hộ/ 1 giếng. Số vốn đầu tư 7.200 giếng x 3.000đ/giếng = 21.600.000đ00.

h- Trợ cấp cây giống cà phê, mỗi lao động trồng 400 cây x 39.780 lao động = 15.912.000 cây. Số vốn đầu tư : 25.912.000 cây x 5đ/cây = 75.000.000đ00.

Tổng cộng vốn XDCB : 953.800.000đ00.

Tổng số vốn sự nghiệp : 953.800.000 x 0,17 = 162.150.000đ.

Tổng số vốn hoàn thành công tác ĐCĐC : 1.116.000.000đ00.

7- Dự kiến đầu tư 8 năm (từ 1983-1990). Tính bình quân mỗi năm 140 triệu đồng.

8- Phương hướng giải quyết vốn:

Đề nghị: -TW đầu tư toàn bộ vốn sự nghiệp : 162.150.000đ00.

-TW đầu tư một nửa số vốn XDCB : 477.000.000đ00.

-Địa phương đầu tư 40% vốn XDCB: 381.000.000đ00.

-Nhân dân đóng góp 10% vốn XDCB: 96.000.000đ00.

(Phần đóng góp của dân: huy động toàn bộ CB.CNV chức và nhân dân đóng góp trong 10 năm, số lượng người tham gia đóng góp 140.000 người, dự kiến bình quân mỗi người một năm, góp công tính giá trị = 100 đ năm).

PHẦN KIẾN NGHỊ:

1- Kiến nghị lên Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng xét có Nghị quyết riêng một cách toàn diện về công tác ĐCĐC cho 3 tỉnh tây nguyên, giao các thành viên HĐBT chịu trách nhiệm chỉ đạo chuyên ngành, chuyên môn nghiệp vụ cho hệ thống ngành dọc về công tác ĐCĐC phù hợp với tình hình trình độ của người dân tộc.

2- Kiến nghị với Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ:

Để triển khai công tác ĐCĐC đạt hiệu quả, đề nghị Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ xem xét có nghị quyết toàn diện về công tác ĐCĐC trong Nghị quyết đề nghị lưu ý đến vấn đề tổ chức và cán bộ.

- Về công tác tổ chức có hệ thống từ tỉnh đến xã.

- Về công tác cán bộ có chế độ, chính sách và thái độ riêng đối với công tác ĐCĐC.

- Về chế độ cho công tác ĐCĐC được hưởng chế độ công trình trọng điểm của tỉnh.

Sau khi có Nghị quyết, Thường vụ tỉnh uỷ và Thường trực UBND Tỉnh chủ trì tổ chức tổng kết và học tập Nghị quyết làm căn cứ để triển khai.

KẾT LUẬN:

Công tác ĐCĐC là một yêu cầu khách quan của công cuộc xây dựng CNXH, một công tác cách mạng mang nhiều ý nghiã: kinh tế, văn hoá, xã hội, lịch sử, an ninh, quốc phòng, đoàn kết dân tộc và thực hiện 3 cuộc cách mạng: cách mạng tư tưởng văn hoá, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng quan hệ sản xuất.

Tỉnh Lâm Đồng có đồng bào dân tộc chiếm ¼ dân số toàn tỉnh nên yêu cầu và ý nghiã của vấn đề càng mang tính chất cần thiết và đậm nét hơn.

Muốn làm được một sự nghiệp to lớn phải có sự nổ lực quyết tâm của toàn Đảng bộ, toàn hệ thống chính quyền, toàn quân toàn dân (Kinh cũng như Thượng) đóng góp: nhân, vật, tài, lực. Không ngại gian khổ phấn đấu không mệt mỏi, phải làm nhiều tháng, nhiều năm; phải đầu tư một cách toàn diện, thực hiện phương châm "Nhà nước và dân cùng làm, Trung ương và địa phương cùng làm".

Với truyền thống đoàn kết chiến đấu kiên cường của dân tộc nói chung và Lâm Đồng nói riêng, có sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng với sự quyết tâm của toàn Đảng bộ, chính quyền từ tỉnh đến xã, có sự đóng góp của toàn dân. Chúng ta có cơ sở vững

chắc để nói lên rằng năm thứ 2000 tỉnh Lâm Đồng sẽ hoàn thành cơ bản công tác ĐCĐC, một nhiệm vụ mang tính chất lịch sử của thời đại, thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng và đưa đồng bào dân tộc tiến kịp người Kinh, đưa miền ngược tiến kịp miền xuôi.

CHỦ TỊCH.

(đã ký)

THỜI KỲ THỨ 2 (1985-1990)

Để giúp bạn đọc nghiên cứu quá trình chỉ đạo công tác Dân tộc của tỉnh Đảng bộ theo tinh thần Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và quyết định 72 của HĐBT... xin nêu lại nguyên văn Nghị quyết cuộc họp lần thứ 15 của Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa IV trong quyển sách này để bạn đọc tham khảo tinh thần chỉ đạo công tác dân tộc của tỉnh Lâm Đồng...

Sau khi nghiên cứu báo cáo tổng kết công tác định canh định cư xây dựng vùng dân tộc thời kỳ 1985 đến 1989, Tỉnh ủy Lâm Đồng cuộc họp lần thứ 15 khóa IV đã chính thức ra Nghị quyết 22/NQ-TU vào ngày 6/6/1990 xây dựng kinh tế-xã hội vùng dân tộc như sau :

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 15 TỈNH ỦY (KHOÁ IV)

Về chủ trương, biện pháp xây dựng kinh tế-xã hội vùng dân tộc.

Phần thứ nhất (NQ)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÙNG DÂN TỘC

THỜI GIAN 1985-1989

1- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 11 (khoá 3), từ năm 1985 đến nay, trong điều kiện tình hình kinh tế- xã hội cả nước và địa phương còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu đạt được tiến bộ trên một số mặt trong xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN ở tỉnh ta.

Năm năm qua, cuộc vận động định canh định cư thu được kết quả trên nhiều vùng, đã gắn định cư với đưa đồng bào dân tộc vào trồng cây cà phê gia đình, phát triển lúa nước và làm nghề rừng. Những cố gắng đó đã góp phần ổn định và nâng dần cuộc sống đồng bào dân tộc trong tỉnh, nạn thiếu đói đã giảm đáng kể, một bộ phận đồng bào làm cây công nghiệp dài ngày, đời sống đảm bảo và cải thiện rõ rệt. Việc đi lại, học hành, chữa bệnh ở một số vùng có tiến bộ hơn trước. Đã giải quyết xong lực lượng vũ trang Fulro, an ninh chính trị có bước ổn định, trật tự xã hội được giữ vững. Thực lực cách mạng được củng cố và phát triển. Tổ chức Đảng ở nhiều xã dân tộc có sự

trưởng thành trong lãnh đạo quần chúng đổi mới cách làm ăn, xây dựng và bảo vệ buôn làng. Bộ máy chính quyền các xã được củng cố qua các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân và UBND; lực lượng dân quân, tự vệ, công an xã được hình thành, chất lượng có khá hơn. Các đoàn thể quần chúng cũng được xây dựng, một số nơi hoạt động khá. Đội ngũ cán bộ dân tộc trong tỉnh có bước trưởng thành ... việc thực hiện chính sách dân tộc có tiến bộ.

2- Tuy nhiên, sự chuyển biến của vùng đồng bào dân tộc chưa đều, chưa vững chắc và chưa toàn diện. Nhiều vùng chưa xác định phương hướng kinh tế, cơ cấu sản xuất, cơ cấu cây trồng vật nuôi, nên công tác ĐCĐC chưa ổn định. Phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, gắn liền với giao đất, giao rừng, trước hết cho đồng bào dân tộc chưa được thực hiện. Cơ sở vật chất đã xây dựng (thuỷ lợi, trường học, trạm xá...) khai thác phát huy chưa có hiệu quả. Năng suất chất lượng cây trồng, con nuôi thấp. Đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu vùng xa, căn cứ kháng chiến cũ. Nạn thiếu đói giáp hạt vẫn còn xảy ra ở một số nơi. Một số nơi đồng bào trở về buôn làng cũ trong rừng sâu, sống chủ yếu bằng phát rừng làm rẫy, đời sống hết sức bấp bênh và làm thiệt hại lớn đến vốn rừng. Các mặt hàng thiết yếu cho đời sống của đồng bào còn thiếu nhiều. Đời sống tinh thần nghèo nàn, thiếu thốn. Giao thông ở vùng sâu, vùng xa còn bị trở ngại, ách tắc,

việc học hành, chữa bệnh khó khăn, sa sút. Phong tục, tập quán lạc hậu phục hồi ở nhiều nơi. Những tiêu cực về tranh chấp đất đai, trong mua bán, trao đổi sản phẩm giữa các đơn vị kinh tế và Nhà nước, giữa người Kinh với đồng bào dân tộc, tình trạng vi phạm chính sách dân tộc còn xảy ra. Tâm tư của đồng bào dân tộc có những diễn biến phức tạp.

Tình hình trên do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

a- Về khách quan:

Tập quán du canh du cư, phát rừng làm rẫy, sống phân tán, dựa vào tự nhiên và tập tục mê tín, dị đoan của đồng bào dân tộc ít người còn nặng nề; cơ sở vật chất nghèo nàn, trình độ văn hoá thấp nên tiếp thu cái mới chậm.

Tình hình kinh tế- xã hội của cả nước và địa phương có nhiều khó khăn, việc đầu tư cho các vùng dân tộc còn hạn chế.

b- Về chủ quan:

- Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh còn xem nhẹ nhiệm vụ xây dựng vùng dân tộc, chưa hiểu đúng đặc điểm, tính chất kinh tế- xã hội, phong tục, tập quán, tâm lý nguyện vọng của các dân tộc. Nhiều chủ trương đúng đắn, nhất là chủ trương gắn kinh tế lâm nghiệp với xây dựng phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc ... chưa được cụ thể hoá và thực hiện nghiêm

túc. Chưa tạo được sức mạnh tổng hợp đồng bộ của Đảng, chính quyền, đoàn thể, các ngành, các đơn vị kinh tế và đồng bào Kinh chăm lo xây dựng giúp đỡ các vùng dân tộc.

- Việc quy hoạch xây dựng kinh tế- xã hội các vùng dân tộc trong Tỉnh làm chưa đến nơi đến chốn. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền còn quan liêu, không sát cơ sở; vốn đầu tư ít, lại phân tán, dàn đều, thiếu trọng tâm, trọng điểm; còn khoán trắng công tác xây dựng các vùng dân tộc cho bộ phận định canh định cư. Chưa làm tốt việc kiểm tra, đôn đốc sơ tổng kết đúc rút kinh nghiệm và xây dựng mô hình mới. Một số nơi, một số cán bộ, đảng viên có tư tưởng thỏa mãn với kết quả đã đạt được, chưa thấy hết những hạn chế, tồn tại và khó khăn của tình hình để có biện pháp khắc phục.

- Chưa quan tâm việc xây dựng quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc và cán bộ chuyên lo công tác dân tộc ở cả tỉnh, huyện và các ngành. Tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở các vùng dân tộc phổ biến là yếu kém, đội ngũ Đảng viên dân tộc phần đông lớn tuổi, trình độ, năng lực hạn chế, số trẻ còn ít, tâm lý ỷ lại, tự ty còn nặng; việc quản lý điều hành của chính quyền các xã dân tộc còn lỏng lẻo, tuỳ tiện, nhiều chủ trương chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước chưa được quán

triệt đến dân; chất lượng hoạt động của các đoàn thể quần chúng kém hiệu quả, có nơi tê liệt.

- Việc xóa bỏ cơ chế bao cấp, đưa cơ chế mới vào thực hiện ở vùng dân tộc còn máy móc, rập khuôn, chưa xuất phát từ đặc điểm kinh tế- xã hội của vùng này, dẫn tới xóa bao cấp chèn lan, làm cho vùng dân tộc vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn; chưa quan tâm đúng mức tới việc củng cố, tăng cường khối đoàn kết, tương thân, tương ái giữa đồng bào Kinh và Thượng.

Phần thứ hai (NQ)

NHỮNG CHỦ TRƯƠNG, BIỆN PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC TRONG NHỮNG NĂM 1990 – 1995:

A- NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI:

Về khó khăn: Tình hình kinh tế- xã hội địa phương và cả nước còn nhiều khó khăn, vẫn chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, các khoản chi bao cấp từ ngân sách (kể cả chi cho các vùng dân tộc) ngày càng hạn chế; tập quán du canh, du cư, phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan ... ở nhiều vùng còn rất

nặng nề, trình độ văn hoá, khoa học- kỹ thuật phổ biến còn yếu kém; phương hướng kinh tế, cơ cấu sản xuất ở nhiều vùng chưa được nghiên cứu, xác định cụ thể; đội ngũ cán bộ Đảng viên người dân tộc nhiều mặt còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Kẻ thù và bọn phản động đội lốt tôn giáo lợi dụng đời sống kinh tế và văn hoá thấp kém của đồng bào dân tộc để thực hiện những âm mưu thâm độc xảo quyệt, nhằm chia rẽ Kinh- Thượng, lương, giáo chống phá cách mạng.

Về thuận lợi:

Công tác xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội, vùng dân tộc những năm qua đã thu được những kết quả đáng kể, nhiều vùng dân tộc đã có những biến đổi về kinh tế xã hội có ý nghiã cách mạng sâu sắc; những nhân tố mới và những kinh nghiệm được đúc kết, tạo đà cho sự phát triển tiếp theo; đặc biệt Bộ Chính trị đã có Nghị quyết 22 về "xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội miền núi" và Hội đồng Bộ trưởng có quyết định 72 cụ thể hoá Nghị quyết nói trên, là chỗ dựa cơ bản cho việc vận dụng và thực hiện ở địa phương; thực lực cách mạng ở cơ sở được giữ vững; đội ngũ cán bộ dân tộc có bước trưởng thành nhất định.

B- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU:

Phương hướng: làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh quán triệt và chấp hành

nghiêm túc Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị, quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng và các chính sách dân tộc của Đảng; tập trung sức phát động đồng bào dân tộc đổi mới cách làm ăn, khắc phục phong tục, tập quán cũ, phát triển kinh tế hàng hoá, hạn chế tiến tới chấm dứt phát rừng làm rẫy, củng cố và đẩy mạnh công tác ĐCĐC ở tất cả các vùng theo hướng kết hợp lâm nông hoặc nông lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; phát triển mạnh cây công nghiệp dài ngày; tận dụng đất đai tích cực có điều kiện sản xuất lương thực, thực phẩm; trồng trọt đi đôi với chăn nuôi; gắn phát triển kinh tế với xã hội; giữ vững an ninh quốc phòng.

Mục tiêu:

-Củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả những điểm đã thật sự ĐCĐC bằng các biện pháp toàn diện, đồng bộ và tổng hợp. Tập trung giải quyết tốt những trọng điểm chưa thật sự ổn định việc ĐCĐC, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ.

-Ngành lâm nghiệp phấn đấu bảo đảm việc làm cho đồng bào dân tộc, giải quyết tiến tới chấm dứt nạn thiếu đói giáp hạt; ổn định và cải thiện một bước các điều kiện về ăn, mặc, học hành, bảo vệ sức khỏe... của đồng bào dân tộc ở các vùng.

- Xây dựng bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị- xã hội ở các xã, thôn, buôn đủ năng lực lãnh đạo, quản lý và vận động đồng bào xây dựng

phát triển kinh tế- xã hội, cảnh giác với những âm mưu của kẻ thù (phục hồi Fulro thâm nhập móc nối, tập hợp lực lượng chống phá cách mạng...) giữ vững trật tự xã hội, an ninh quốc phòng vững mạnh trên từng địa phương.

C- NHỮNG CHỦ TRƯƠNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU:

1- Tiếp tục củng cố và đẩy mạnh cuộc vận động ĐCĐC:

a- Khảo sát, đánh giá đúng đắn tiềm năng, thế mạnh về đất đai, lao động, rừng và đất rừng, tài nguyên... của từng vùng dân tộc,để xác định đúng định hướng kinh tế, cơ cấu sản xuất, cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên từng địa bàn cụ thể, làm cơ sở cho việc tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, phân công lại lao động, để ổn định sản xuất, thực hiện định canh gắn liền với định cư đồng bào dân tộc. Mỗi huyện và xã phải xác định rõ địa bàn trọng điểm ĐCĐC của mình, đi đôi với xác định đúng đắn những nội dung cụ thể về kinh tế xã hội, có bước đi, cách làm để đạt được kết quả thiết thực, vững chắc. Chấm dứt tình trạng tổ chức cho dân ĐCĐC, nhưng chưa xác định rõ tiềm năng, thế mạnh, định hướng sản xuất của từng địa bàn, dẫn đến phải làm đi làm lại, hoặc phải dời nơi ở nhiều lần ảnh hưởng đến cuộc sống và lòng tin của đồng bào.

b- Tổ chức lại sản xuất kinh doanh nghề rừng, gắn liền với ĐCĐC, xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội các vùng dân tộc.

Các đơn vị lâm nghiệp đảm nhận rừng, đất rừng, có đồng bào dân tộc ít người sinh sống, phải khẩn trương thực hiện quyết định số 128.QĐ/UB của UBND Tỉnh (ngày 30/3/1990) về việc "giao đất, giao rừng cho các tổ chức kinh doanh và hộ gia đình quản lý, sản xuất kinh doanh". Trước hết phải ưu tiên giao đất, giao rừng cho đồng bào dân tộc ít người. Diện tích rừng đã giao cho đồng bào quản lý, khi cơ quan lâm nghiệp khai thác gỗ phải thực hiện đúng quy hoạch, thiết kế, được cơ quan thẩm quyền cho phép và thực hiện đúng hợp đồng cùng với sự kiểm tra của người nhận rừng. Đồng bào dân tộc nhận đất trống đồi trọc mà không có vốn trồng, lâm trường có kế hoạch đầu tư giúp đỡ.

Để thực hiện nhiệm vụ này, phải tổ chức lâm trường trong phạm vi xã hoặc liên xã và đặt trụ sở tại nơi có rừng có dân làm rừng. Lâm trường phải lấy nhiệm vụ lâm sinh làm chính và phải gắn với xã, có trách nhiệm tổ chức thu hút lao động vùng dân tộc vào làm nghề rừng.

c- Tiếp tục phát triển cây công nghiệp dài ngày gắn với việc củng cố và phát triển kinh tế vườn, đẩy

mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm ở những nơi có điều kiện phát triển thêm ngành nghề.

Đẩy mạnh công tác ĐCĐC, phát động ý thức làm giàu bằng con đường sản xuất hàng hoá từ đất đai, từ rừng theo hướng lâm, nông và nông lâm kết hợp. Hướng dẫn giúp đỡ đồng bào tập trung đầu tư củng cố thâm canh chiều sâu những diện tích cà phê, chè, dâu tằm, cây ăn trái... hiện có, đi đôi với tách hộ dãn dân, mở mang cơ sở sản xuất mới, tận dụng đất đai phát triển các loại cây thực phẩm khác, làm cho thu nhập từ kinh tế vườn ngày càng ổn định, bảo đảm được những nhu cầu cơ bản của từng hộ gia đình; khuyến khích đồng bào phát triển vườn rừng, trồng cây công nghiệp dưới tán rừng, mở mang chăn nuôi trâu, bò, heo ... và các loại gia cầm.

Động viên, thuyết phục đồng bào đẩy mạnh sản xuất lương thực ở những nơi có điều kiện, nhất là lúa nước ở những nơi chủ động về nước tưới. Chỉ đạo chuyển những diện tích làm lương thực hiệu quả thấp sang làm các loại cây có giá trị kinh tế cao, nhất là cây công nghiệp dài ngày. Phát động thành phong chèo và chuyển dần tập quán làm chuồng trại chăn nuôi gia súc để lấy phân và giữ gìn vệ sinh môi trường.

Thực hiện các biện pháp đồng bộ, nhất là biện pháp thủy lợi, sử dụng phân hữu cơ, trâu bò cày kéo, áp dụng các giống cây con có năng suất, hiệu quả cao,

gieo trồng hết diện tích, đúng thời vụ, thâm canh tăng năng suất cây trồng, tận dụng đất đai, độ ẩm tăng vụ, gối vụ ... nâng cao hệ số sử dụng đất, tăng nguồn thu nhập.

Khuyến khích, giúp đỡ đồng bào sơ chế, chế biến nguyên liệu lâm, nông sản ... phục vụ cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hàng mỹ nghệ.

Ở những nơi ĐCĐC còn khó khăn, cần hướng dẫn đồng bào phát rẫy theo quy hoạch đồng thời có kế hoạch, biện pháp chuyển ngay những diện tích rẫy đó sang trồng cây công nghiệp hoặc trồng rừng. Nghiêm cấm săn bắn thú rừng quý hiếm và chặt phá các khu rừng cấm, rừng cảnh quan, rừng đầu nguồn, hạn chế tiến tới chấm dứt tình trạng phát rừng làm rẫy.

- Đi đôi với vận động sản xuất cần vận động tiết kiệm, tránh ăn tiêu phung phí trong ngày mùa, ngày hội, trong ma chay, cưới hỏi.

d- Tổ chức tốt các dịch vụ sản xuất, hoạt động bảo hiểm cây trồng vật nuôi bảo đảm cho sản xuất, chăn nuôi có sản phẩm với năng suất cao để bà con tin tưởng, yên tâm sản xuất. Làm tốt khâu lưu thông hàng hoá để thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hoá và phục vụ tốt đời sống nhân dân. Lưu thông hàng hoá đối với các vùng này phải gắn mua với bán và do một đơn vị của thương nghiệp chịu trách nhiệm. Đối với các mặt hàng thuộc diện chính sách như muối ăn, dầu thắp sáng, vải mặc, giấy vở học sinh và cả lương

thực, vật tư, công cụ sản xuất đều do ngành thương nghiệp chịu trách nhiệm phục vụ và kinh doanh. Về giá cả, phí lưu thông, lãi suất dự trữ hàng, thực hiện đúng theo quyết định 72 (ngày 13/3/1990) của HĐBT. Những mặt hàng khác nếu thương nghiệp quốc doanh không đáp ứng được, thì khuyến khích người tại chỗ và tư thương, tiểu thương kinh doanh, theo đúng pháp luật và quy định của Nhà nước.

Phương thức mua bán cần linh hoạt, có thể bằng tiền hoặc bằng đổi hàng ngang giá để tạo thuận lợi cho người bán, người mua, khuyến khích đồng bào lưu thông hàng hoá thuận tiện để thúc đẩy sản xuất, nghiêm cấm tình trạng cửa quyền, ép cấp, ép giá ... đơn vị nào đặt hàng, khi sản phẩm đồng bào làm ra mà không nhận thì phải bồi thường.

2- Chấn chỉnh và đổi mới về quan hệ sản xuất ở vùng dân tộc theo đúng tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy. Rà soát đánh giá chuyển đại bộ phận HTX, tập đoàn sản xuất vùng dân tộc sang các hình thức phù hợp như tổ đoàn kết sản xuất, tổ vần đổi công, mở rộng các hình thức hợp tác lao động, khuyến khích phát triển mạnh kinh tế gia đình và kinh tế cá thể. Các nông lâm trường, xí nghiệp quốc doanh phải gắn với từng xã, buôn làng dân tộc bằng cơ chế, biện pháp kinh tế mềm dẻo, năng động như khoán, thuê lao động, đầu tư ứng trước vật tư, lương thực, thu lại sản phẩm sau... theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng hai bên cùng

có lợi. Các đơn vị kinh tế quốc doanh có quan hệ làm ăn với đồng bào dân tộc phải xác định đầy đủ trách nhiệm và nghiã vụ của mình đối với bà con.

- Lực lượng lao động chủ yếu của các lâm trường, nông trường, kể cả một số thành viên trong ban lãnh đạo (lâm, nông trường) nên là người dân tộc. Các đơn vị kinh tế quốc doanh có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng công nhân kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho lao động dân tộc do đơn vị mình quản lý, chú trọng đào tạo sử dụng lao động dân tộc trong các khâu kỹ thuật sản xuất công nghiệp ...

Tập trung giải quyết nhanh, triệt để những vụ tranh chấp đất đai, nhất là tranh chấp giữa đồng bào Kinh và dân tộc và những nợ nần cũ. Cố gắng củng cố các điểm đã ĐCĐC, ổn định nơi ăn ở cho đồng bào, hạn chế tới mức tối đa tình trạng đồng bào xin trở về buôn làng cũ. Làm thí điểm việc vận động các thôn, xã đồng bào Kinh kết nghiã, tương thân tương ái, đỡ đầu các buôn làng dân tộc hướng dẫn giúp đỡ sản xuất, giải quyết đời sống, chăm lo sự nghiệp giáo dục phòng chống bệnh tật.

3- Thực hiện các chính sách xã hội:

a-Về giáo dục: con em đồng bào dân tộc đến tuổi đều được học. Bảo đảm có đủ trường, lớp, giáo viên ở các xã dân tộc, kể cả các vùng mới mở ra. Giải quyết ngay tình trạng thiếu trường lớp và giáo viên ở vùng đồng bào dân tộc, cố gắng mở các lớp 1,2 gắn với địa

bàn dân cư để thuận lợi cho các cháu nhỏ đi học. Thực hiện chương trình giáo dục cấp I bắt buộc trong dân tộc. Nghiên cứu bố trí thời gian, chương trình nội dung, phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc điểm, trình độ và thời vụ làm ăn của đồng bào dân tộc. Đẩy mạnh công tác thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hoá, chủ yếu cho những người từ 35 tuổi trở xuống và ưu tiên cho số cán bộ cốt cán. Vận động quần chúng khắc phục khó khăn, để con em mình đi học đầy đủ cả năm. Những xã không đủ điều kiện mở trường cấp 2 thì tổ chức trường cấp 2 liên xã hoặc trường cấp 2 nội trú ở huyện. Thực hiện miễn học phí và cho mượn sách giáo khoa đối với học sinh dân tộc. Trường Trung học và Cao đẳng sư phạm, Trung học y tế ... nhận học sinh dân tộc vào đào tạo có châm chước về mức tuổi (cao hơn mức quy định chung) và trình độ văn hoá để khuyến khích con em các dân tộc ít người đi học, tạo nguồn cán bộ người dân tộc. Sớm nghiên cứu hình thức đào tạo thích hợp và có chính sách tạo điều kiện cho học sinh dân tộc tốt nghiệp PTTH vào các trường Đại học và dạy nghề, học sinh từ cấp 2 trở lên vào học các trường sơ cấp, trung cấp chuyên nghiệp. Có chính sách thỏa đáng đối với số giáo viên dạy ở các vùng sâu vùng xa, và khuyến khích giáo viên biết tiếng dân tộc để thuận lợi trong giảng dạy. Tăng cường đào tạo đội ngũ giáo viên dân tộc trước hết là cho mẫu giáo và lớp I, II.

b- Về y tế: phấn đấu thu hẹp và tiến tới hạn chế đến mức thấp nhất các dịch bệnh nhất là sốt rét, thương hàn, kiết lỵ, bướu cổ ... tích cực chữa các bệnh thông thường. Thực hiện chế độ miễn giảm phí trong khám và điều trị bệnh đối với đồng bào dân tộc. Phổ biến những kiến thức phổ thông về vệ sinh và phòng bệnh. Mở rộng diện xây dựng ba công trình vệ sinh. Vận động và khuyến khích phong chèo trồng, khai thác và sử dụng thuốc dân tộc. Ngành y tế phải bảo đảm giải quyết đủ thuốc trị sốt rét cho các vùng dân tộc và kinh tế mới. Làm tốt công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, bồi dưỡng chị em biết nuôi dạy con theo phương pháp khoa học thông thường, hạ thấp tỷ lệ "hữu sinh vô dưỡng". Vận động tự nguyện sinh đẻ có kế hoạch đối với chị em đông con. Phát triển mạng lưới vệ sinh, hội viên chữ thập đỏ để hướng dẫn phong chèo vệ sinh phòng bệnh. Tiếp tục đào tạo, giúp đỡ điều kiện và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế người dân tộc ở các xã dân tộc. Quan tâm giải quyết vấn đề vệ sinh, phòng bệnh, bảo đảm có đủ thuốc chữa bệnh thông thường và điều kiện cấp cứu. Sở y tế có kế hoạch xây dựng quầy thuốc ở xã theo phương thức nhân dân đóng góp một phần kinh phí, Nhà nước hỗ trợ một phần để làm vốn hoạt động, xí nghiệp dược của tỉnh tổ chức đưa thuốc cho xã bán đại lý phục vụ kịp thời cho người bệnh.

c- Về Văn hóa: Tăng cường công tác thông tin đến cơ sở, đảm bảo mỗi xã đều có báo (Nhân dân,

Lâm Đồng), mỗi buôn có bản tin; các ngành thương nghiệp, văn hóa thông tin tổ chức bán Radio, Pin, ắc quy rộng rãi cho nhân dân, tổ chức phong chèo văn nghệ quần chúng và ít nhất mỗi tháng các vùng dân tộc được xem phim một lần. Củng cố và cải tiến nội dung, chương trình phát thanh tiếng K'Ho của Đài phát thanh Tỉnh và các trạm hoặc cụm truyền thanh ở vùng dân tộc. Phát triển các hoạt động thể dục thể thao dân tộc. Tiến tới xây dựng một số nhà văn hoá, nhà truyền thống ở xã và một số thiết chế văn hoá cần thiết ở nơi có điều kiện. Thực hiện phong chèo xây dựng nếp sống văn hoá mới, con người mới, trước hết trong thanh niên, nhằm hạn chế, ngăn chặn đẩy lùi những hủ tục và tệ nạn xã hội. Chú ý phát hiện và bồi dưỡng những người có năng khiếu văn hoá, văn nghệ, thể thao; có kế hoạch bảo vệ, kế thừa và phát huy vốn văn hoá truyền thống của các dân tộc ; chỉ đạo các xã căn cứ sưu tầm hiện vật và truyền thống chống Mỹ cứu nước, sưu tầm truyện cổ tích dân gian, sinh hoạt đoàn kết buôn làng.

Rà soát lại việc thực hiện chính sách xã hội đối với những người có công trong hai cuộc kháng chiến, nơi nào chưa làm hoặc làm chưa đúng thì phải làm ngay, sửa ngay. Ưu tiên sắp xếp việc làm, tuyển công nhân, tuyển sinh đào tạo nghề, đào tạo cán bộ cho thanh niên dân tộc đã hoàn thành nghiã vụ quân sự trở về. Đối với số già làng tiến bộ, số nhân sĩ có uy tín trong quần chúng, số trí thức cũ cần được đối xử

và chọn lựa sử sụng hợp với khả năng và sức lực của họ. Số sĩ quan và binh lính Fulro đã được giáo dục đang làm ăn lương thiện, cần đưa họ vào các phong chèo quần chúng, sử dụng họ vào các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương, thật sự giúp họ tiến bộ, đoàn kết cùng lo cho dân tộc; đồng thời đề cao cảnh giác ngăn chặn bọn địch bí mật liên lạc móc nối và sử dụng họ gây rối làm mất an ninh trật tự ở các vùng dân tộc.

4- Vốn đầu tư, xây dựng vùng dân tộc ít người:

Để xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc ít người cần phải tập trung tổng hợp các nguồn vốn, trong đó tiền chăm sóc rừng được đầu tư trở lại cho các hộ gia đình nhận rừng, nhận đất, tiền thu quốc doanh của các lâm trường và đơn vị, kể cả thuế tài nguyên được trích để lại một phần chi cho hoạt động của bộ máy ở xã; vốn từ ngân sách tỉnh và huyện cấp chủ yếu dành cho xây dựng cơ cấu hạ tầng, giải quyết chính sách xã hội, dự trữ và phí vận chuyển hàng hoá vào vùng dân tộc. Nếu có vốn Trung ương cấp sẽ tập trung đầu tư cho những vùng còn nhiều khó khăn (Lạc Dương, bắc Lâm Hà, nam Đức Trọng).

Việc sử dụng nguồn vốn phải được tính toán chặt chẽ, có hiệu quả nhất, theo hướng tập trung cho các vùng trọng điểm, tránh cách làm phô trương, hình thức và theo lối ban ơn, mị dân.

Huy động lao động nghĩa vụ của đồng bào dân tộc để xây dựng các công trình công cộng của xã.

5- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở vùng dân tộc, giải quyết triệt để vấn đề Fulro:

Tiếp tục giáo dục quần chúng nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ âm mưu thủ đoạn thâm độc của kẻ thù là tập trung chia rẽ Kinh Thượng, lương giáo, nắm dân tộc, tôn giáo, phục hồi Fulro, tìm cách liên kết lực lượng Fulro, bọn phản động đội lốt tôn giáo với bọn ngụy quân, ngụy quyền không chịu cải tạo và các phần tử cán bộ, đảng viên thoái hoá biến chất để chống phá cách mạng. Giáo dục quần chúng không chủ quan thỏa mãn với thắng lợi vừa qua, tăng cường đoàn kết các dân tộc, đoàn kết Kinh Thượng, đoàn kết quân dân, quyết tâm bảo vệ buôn làng, đấu tranh làm trong sạch nội bộ nhân dân, cắt đứt mọi quan hệ với bọn phản động Fulro. Đồng thời theo dõi chặt chẽ, kịp thời phát hiện, giải quyết nhanh gọn những toán Fulro vũ trang và bọn phản động từ ngoài tỉnh xâm nhập, móc mối số bên trong. Cảnh giác đề phòng sự phục hồi, nhen nhóm lại của tổ chức Fulro, phát hiện và giải quyết những cơ sở hoạt động ngầm của Fulro trong buôn làng, trước hết là những hoạt động kích động về mặt ý thức tư tưởng dân tộc hẹp hòi của bọn phản động. Giáo dục giác ngộ chính trị trong quần chúng đấu tranh chống mọi sự đầu độc, chia rẽ của kẻ thù.

Xây dựng các lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng công an, an ninh nhân dân tại chỗ vững mạnh thực sự là công cụ sắc bén của chính quyền cơ sở, trấn áp kịp thời bọn phản động bên ngoài, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, gắn sản xuất với bảo vệ sản xuất.

6- Tăng cường xây dựng thực lực cách mạng vùng đồng bào dân tộc ngày càng vững mạnh:

Rà soát, đánh giá phân loại đội ngũ cán bộ, Đảng viên dân tộc. Có kế hoạch nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng viên và tổ chức Đảng. Trước mắt gắn việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết này và chương trình hành động về công tác quần chúng của Tỉnh ủy với tiến hành củng cố tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở, làm trong sạch đội ngũ Đảng viên. Đảng viên phải được phân công nhiệm vụ cụ thể, gương mẫu, làm tốt công tác quần chúng, xem xét việc phân bổ đảng viên để hình thành tổ chức Đảng, chi bộ cơ sở ở từng thôn; buôn, xã cho sát hợp. Củng cố nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đảm bảo là hạt nhân lãnh đạo trong vùng dân tộc, chăm lo công tác phát triển Đảng, đảm bảo về chất lượng và tăng nhanh về số lượng. Cần vận dụng tiêu chuẩn phù hợp và rút kinh nghiệm việc phát triển Đảng viên trong vùng dân tộc.

Xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền các xã dân tộc, nghiên cứu bố trí lại một số xã diện tích quá rộng, đường sá đi lại quá khó khăn các thôn, buôn phải cử thêm cán bộ làm nhiệm vụ quản lý hành chính-xã hội. Các đoàn thể cũng được tổ chức gắn bó với buôn làng. Quan tâm bồi dưỡng phẩm chất cách mạng năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ người dân tộc, kịp thời phát hiện và đấu tranh với những biểu hiện cửa quyền, gia trưởng, tiêu cực trong một số cán bộ, chủ động ngăn ngừa không để cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất.

Công tác xây dựng tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong vùng dân tộc phải được đổi mới cho phù hợp đặc điểm, tính chất và trình độ của từng vùng, từng cộng đồng dân tộc. Mặt trận phải thực sự phát huy vai trò giáo dục, thuyết phục già làng, trí thức, tập hợp đoàn kết và động viên kịp thời, thỏa đáng những mâu thuẫn va chạm, tranh chấp xảy ra trong dân tộc. Tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết Kinh Thượng làm chỗ dựa vững chắc cho chính quyền cách mạng tại cơ sở. Các đoàn thể, phụ nữ, thanh niên, hội nông dân đi sâu giáo dục, nâng cao nhận thức cách mạng cho quần chúng dân tộc, đem lại lợi ích thiết thực về kinh tế, xã hội và thực sư là nòng cốt trong các phong chèo cách mạng của quần chúng.

Phải đặc biệt quan tâm, bồi dưỡng, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc ngày càng trưởng thành

cả về chất lượng và số lượng để có thể lãnh đạo quản lý toàn diện địa phương mình. Tiến hành quy hoạch và có kế hoạch tạo nguồn đào tạo bồi dưỡng, kèm cặp lực lượng kế cận có triển vọng, tránh chắp vá, ngẫu nhiên. Các cấp, các ngành dành một nguồn kinh phí thích đáng cho công tác đào tạo và đãi ngộ đối với cán bộ người dân tộc. Phương thức đào tạo phải linh hoạt, phù hợp cho từng loại đối tượng. Các trường Đảng, trường hành chính, trường sư phạm, y tế và trường đoàn thể cần có khoá học riêng cho cán bộ dân tộc, thực hiện chế độ ưu đãi cho cán bộ dân tộc theo quyết định 72 của HĐBT. Trước mắt nghiên cứu vấn đề định suất, định biên cho bộ máy các vùng dân tộc. Có chính sách để khuyến khích động viên cán bộ dân tộc, cán bộ Kinh đã và đang làm công tác dân tộc. Động viên các đồng chí cán bộ đã nghỉ hưu có kinh nghiệm công tác dân tộc và có sức khoẻ, có uy tín, có điều kiện tiếp tục tham gia công tác dân tộc ở cơ sở, giúp đỡ cán bộ dân tộc tại cơ sở và có chính sách đãi ngộ.

Phần thứ ba: (NQ)
TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy huyện, thành phố, các đảng ủy trực thuộc, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp

tỉnh cần tổ chức hội nghị kiểm điểm việc chấp hành Nghị quyết 11 của Tỉnh ủy (khoá 3), quán triệt tinh thần và nội dung nghị quyết hội nghị Tỉnh ủy lần này, đề ra kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện.

Thường trực HĐND và UBND tỉnh cần đưa vấn đề này vào chương trình kỳ họp HĐND tỉnh sắp tới để cụ thể hóa thành Nghị quyết của HĐND và chỉ đạo đôn đốc các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện. Các ngành đơn vị kinh tế- xã hội có liên quan trực tiếp với Nghị quyết này nhất là lâm nghiệp, chè, cà phê, dâu tằm phải xây dựng kế hoạch, phương án và báo cáo Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong tháng 7/1990 để tổ chức thực hiện.

2- Công tác dân tộc ở tỉnh ta là công tác quan trọng, phức tạp và toàn diện cả chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh- quốc phòng; do đó, phải huy động đồng bộ lực lượng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các ngành, các cấp tham gia. Tăng cường bộ máy chỉ đạo công tác dân tộc ở tỉnh và các huyện trên cơ sở thống nhất làm một các lực lượng cán bộ chuyên trách công tác dân tộc, công tác ĐCĐC dưới sự điều hành trực tiếp của UBND tỉnh và UBND các huyện, các đoàn thể, mặt trận và các ngành, đơn vị kinh tế- xã hội của tỉnh và huyện có liên quan phải phối hợp lực lượng và tổ chức các đoàn công tác xuống làm việc với từng xã, thôn, buôn dân tộc để phát động nhân dân, xem xét đánh giá ưu khuyết điểm về công tác ĐCĐC thời gian qua, xây dựng phương án ĐCĐC,

phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc trong những năm tới. Trước mắt tập trung sức tháo gỡ những dây dưa về nợ nần hợp đồng kinh tế, tranh chấp đất đai, xin về buôn làng cũ, xác định tiềm năng và phương hướng sản xuất, cơ cấu cây trồng vật nuôi... giúp đồng bào sớm ổn định sản xuất và nơi ăn ở. UBND các cấp phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể xây dựng những quy định cụ thể về mặt Nhà nước để thi hành.

3- Huyện Bảo Lộc, Di Linh những năm tới huyện phải tự lo các nguồn đầu tư củng cố và ổn định việc ĐCĐC ở các trọng điểm ở các xã Lộc Bắc, Lộc Lâm, Lộc Nam (Bảo Lộc) và Gia Bát, Đinh Trang Hoà, Bảo Thuận, KonRum, Đinh Trang Thượng (Di Linh).

Ba huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên đồng bào dân tộc ít người, huyện cần phải nỗ lực tự cân đối các nguồn vốn để hoàn chỉnh công tác ĐCĐC là chính, Tỉnh chỉ hỗ trợ một phần vốn khi cần thiết cho giao thông, điện ... nếu có kế hoạch. Ba huyện Đức Trọng, Lâm Hà, Đơn Dương đồng bào dân tộc đông, huyện và tỉnh cùng đầu tư để lo. Riêng huyện Lạc Dương tuyệt đại đa số là đồng bào dân tộc, công tác ĐCĐC có nhiều khó khăn, Tỉnh tập trung đầu tư cùng với huyện để làm.

4- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, mọi cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công an nhân dân phải gắn việc giáo dục, tuyên truyền các chủ trương chính sách của

Đảng, luật pháp của Nhà nước cho đồng bào dân tộc, đồng thời có trách nhiệm chấp hành nghiêm các chính sách và luật pháp đó. Tăng cường công tác chỉ đạo điểm. Tiến hành sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm để phổ biến kịp thời. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện giải quyết những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, chấn chỉnh công tác thông tin để đảm bảo tỉnh và huyện nắm chính xác và kịp thời tình hình ở từng xã, thôn, buôn dân tộc.

Xây dựng phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc là trách nhiệm và tình cảm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Hội nghị Tỉnh ủy tin tưởng rằng với truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của đồng bào, cán bộ, Đảng viên, nhất định sẽ tạo ra được những chuyển biến tích cực về kinh tế- xã hội của vùng dân tộc, góp phần xây dựng tỉnh nhà phát triển toàn diện, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc ngày càng được cải thiện, an ninh quốc phòng được giữ vững.

Nghị quyết này được phổ biến quán triệt đến tận chi bộ và mọi tầng lớp nhân dân, thực hiện tốt phương châm " dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH (KHOÁ IV)

Ngày 05 tháng 9 năm 1994 Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng Ban hành Chỉ thị số 25 CT/TU với nội dung sau đây :

THỜI KỲ THỨ BA (1995-2000)

III/ CH Ỉ -THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HÔI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC.

Đảng và Nhà nước ta đã xác định : Vấn đề ổn định và phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc có ý nghiã đặc biệt quan trọng, trong đó trước hết và chủ yếu là phát triển kinh tế- xã hội; từ đó, đã có nhiều chủ trương, chính sách về lĩnh vực này.

Thực hiện những chủ trương, chính sách đó, Tỉnh ủy (khoá IV) đã ra Nghị quyết 15 về phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc. Từ đó đến nay, dưới sự chỉ đạo lãnh đạo của các cấp ủy Đảng về việc tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, tình hình mọi mặt vùng đồng bào dân tộc ở tỉnh đã có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhất là về kinh tế- xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, số hộ thiếu đói và số người mù chữ, số trẻ em thất học, đã dần dần được thu hẹp; tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững; thực lực cách mạng ở cơ sở ngày càng được củng cố...

Tuy nhiên, nhìn chung mức phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc tỉnh ta còn rất thấp, một số nơi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa nhiều mặt còn tụt hậu rất xa so với các vùng khác của tỉnh. Nhiều nhu cầu cấp thiết về ăn, ở, đi lại, học hành và chữa bệnh của các vùng này còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn; tỷ lệ người mù chữ, mắc bệnh sốt rét, bướu cổ, trẻ em suy dinh dưỡng và số hộ thiếu đói còn lớn. Các nhu cầu về văn hóa, tinh thần vùng đồng bào dân tộc chưa được đáp ứng. Tệ nạn mê tín dị đoan, các hủ tục lạc hậu và đạo giáo phát triển mạnh.

Những yếu kém tồn tại trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do những nơi này đồng bào còn du canh, du cư nên việc sản xuất và đời sống không ổn định. Trình độ sản xuất của đồng bào còn rất thấp, tiến bộ kỹ thuật không được áp dụng vào sản xuất do không được hướng dẫn đến nơi đến chốn; hoặc do đồng bào chưa tích cực tiếp thu, nặng ỷ lại và ngại khó.

Phần đông đồng bào dân tộc còn thiếu vốn, thiếu phương tiện sản xuất và không biết sử dụng có hiệu quả nguồn vốn được hỗ trợ, còn lãng phí.

Cấp ủy, chính quyền ở nhiều xã và thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc còn yếu; đội ngũ cán bộ người dân tộc còn nhiều mặt yếu nhưng chưa được quan tâm

xây dựng, đào tạo bồi dưỡng và giúp đỡ tích cực, đồng thời chưa được quản lý, sử dụng có hiệu quả.

Các cấp, các ngành, các địa phương tuy có cố gắng đầu tư xây dựng phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc, nhưng đầu tư còn tràn lan, chưa có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả đầu tư còn thấp, không nắm sát tình hình thực tế và thiếu kiểm tra đôn đốc. Chưa kết hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong chỉ đạo và quản lý, sử dụng vốn đầu tư một cách chặt chẽ, một số cán bộ của tỉnh và huyện còn ngại khó, ngại khổ, tinh thần trách nhiệm và lòng nhiệt tình đối với đồng bào dân tộc còn thấp; một số khác lợi dụng việc đầu tư vùng đồng bào dân tộc để tham ô, thu vén cho lợi ích cá nhân.

Để khắc phục những yếu kém tồn tại trên, các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành và cơ sở, mọi cán bộ, Đảng viên trong toàn Đảng bộ phải có chuyển biến sâu sắc về nhận thức tư tưởng, tình cảm và trách nhiệm đối với đồng bào dân tộc nhằm mục tiêu xây dựng và phát trển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc đến năm 2000 là cơ bản không còn tình trạng đói giáp hạt, mù chữ và thất học, hạn chế dịch bệnh, khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; đảm bảo giữ vững an ninh quốc phòng và xây dựng thực lực chính trị vững mạnh. Trước mắt từ nay đến năm 1995 phải đảm bảo mỗi hộ đồng bào dân tộc (cả ở vùng sâu, vùng xa, vùng còn nhiều khó khăn) đều có vườn cây công nghiệp, có chăn nuôi từ

1-2 con trâu bò và nhận 20-30 ha rừng để chăm sóc, quản lý bảo vệ, tăng thu nhập để ổn định cuộc sống.

Nhằm thực hiện có kết quả những mục tiêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành, mặt trận và các đoàn thể cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

1- *Phải làm tốt việc tuyên truyền, vận động và giáo dục* cán bộ, Đảng viên, Đoàn viên, Hội viên và quần chúng ở địa phương, đơn vị mình nhận thức được thực trạng khó khăn của vùng đồng bào dân tộc hiện nay và tầm quan trọng của việc xây dựng, phát triển các vùng đồng bào dân tộc trong thời gian tới. Qua đó, làm cho các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương và nhân dân trong tỉnh ý thức sâu sắc được việc xây dựng vùng đồng bào dân tộc là trách nhiệm và tình cảm của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, xây dựng sự đoàn kết nhất trí và quyết tâm xây dựng và phát triển toàn diện vùng dân tộc.

2- *Các ngành của tỉnh phối hợp với các địa phương và các xã vùng đồng bào dân tộc* tiến hành điều tra, khảo sát toàn diện, đánh giá kỹ thực trạng từng xã và từng thôn, buôn vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh. Trước mắt, cần tập trung điều tra, phúc tra lại (đối với những nơi vừa qua đã được điều tra) và đánh giá kỹ 30 xã với 121 thôn, buôn có đồng bào dân tộc và ở vùng sâu, vùng xa.

3- Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát, *Ban cán sự Đảng UBND tỉnh* chỉ đạo các ngành liên quan, các địa phương thực hiện có kết quả một số nội dung:

- Xây dựng kế hoạch phát triển cụ thể cho từng xã, từng thôn, buôn; lấy xã, thôn, buôn làm đơn vị xây dựng và thực hiện kế hoạch, lấy hộ gia đình làm đơn vị sản xuất. Từ đó chọn một số xã, thôn buôn điểm để tập trung đầu tư xây dựng, tạo mô hình và rút kinh nghiệm chỉ đạo xây dựng phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc. Từ nay đến 1995, việc đầu tư xây dựng vùng đồng bào dân tộc, nhất thiết phải có trọng tâm trọng điểm, đầu tư vào những xã, thôn, buôn đã có kế hoạch xây dựng cụ thể và được chọn kỹ càng, làm xong xã, thôn, buôn này sẽ sang xã, thôn, buôn khác, không đầu tư tràn lan, dàn đều.

Trong xây dựng kế hoạch, cần định rõ thời gian tiến hành từng công việc cụ thể, xác định rõ từng loại cây, con phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của từng thôn buôn, đề xuất địa điểm định cư mới cho những thôn, buôn cần phải chuyển dịch.

- Sau khi hoàn thành việc xây dựng kế hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các ngành và các địa phương phối hợp, xác định rõ từng việc và từng thời gian phải hoàn thành và phân công trách nhiệm cụ thể của từng ngành, từng địa phương trong xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, trạm y tế, xây dựng vườn hộ, giao đất, giao rừng ... và xác định rõ nguồn

vốn đầu tư. Đồng thời thành lập các tổ công tác gồm có đại diện các ngành, các huyện, các xã bám sát từng thôn buôn và từng hộ gia đình để thực hiện chương trình kế hoạch đã đề ra một cách cụ thể.

Ban cán sự Đảng UBND Tỉnh sớm cụ thể hóa chính sách cho cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 7 (khoá V) đã đề ra.

4- *Ban Cán sự Đảng UBND Tỉnh* chỉ đạo các ngành chức năng tiến hành thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc trong thời gian qua. Đối với những dự án đầu tư không có hiệu quả hoặc có ít hiệu quả kinh tế- xã hội, phải tiến hành kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của những đơn vị và cá nhân làm chủ dự án và các ngành được phân công quản lý, chỉ đạo trực tiếp thực hiện dự án đó; có hình thức xử lý nghiêm minh đối với những tổ chức và cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc lợi dụng thu vén lợi ích cá nhân.

5- *Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể các cấp, các tổ chức xã hội* cần có chương trình, kế hoạch phát động các đoàn viên, Hội viên chăm lo xây dựng vùng đồng bào dân tộc với tinh thần tương thân, tương trợ, đóng góp giúp đỡ đồng bào. Phát động và tổ chức phong trào kết nghiã giữa các xã người Kinh với các xã dân tộc để vận động giúp đỡ về sản xuất và hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho bà con dân tộc,

tạo sự đoàn kết anh em và nhằm sớm rút ngắn khoảng cách về trình độ sản xuất và mức sống giữa đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc.

6- *Sở Giáo dục đào tạo, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng các ngành và các địa phương* soát xét lại số con em dân tộc đang học trong các trường phổ thông, trường dân tộc nội trú tỉnh, trường Đại học, số đã và đang tham gia bộ đội và số đã qua đào tạo ở các trường, nhưng chưa được chọn sắp xếp và bố trí công tác, để từ đó có kế hoạch lựa chọn tiếp tục giáo dục, đào tạo, cần có chương trình nội dung hướng vào việc phục vụ các mục tiêu phát triển vùng đồng bào dân tộc trong các thời kỳ tới của Đảng và Nhà nước.

7- *Ban tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh cùng các ban, ngành liên quan* nghiên cứu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND Tỉnh thành lập Ban Dân tộc và Miền núi trực thuộc UBND tỉnh, nhằm thống nhất và tập trung chỉ đạo công tác dân tộc và xây dựng vùng đồng bào dân tộc, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành việc thực hiện các chính sách dân tộc.

8- *Các cấp, các ngành* theo chức năng của mình mà có kế hoạch cụ thể thực hiện Chỉ thị này và báo cáo kế hoạch đó về Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Giao cho Ban Dân vận Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và định kỳ

mỗi tháng một lần, các cấp ủy Đảng, các Đảng - Đoàn, Ban Cán sự Đảng, Ban Dân vận Tỉnh ủy phải có báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Chỉ thị này được phổ biến và quán triệt đến các chi bộ và Đảng viên.

TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY.

Căn cứ vào Chỉ thị 25 của Thường vụ Tỉnh ủy ngày 10 tháng 3 năm 1995, kỳ họp thứ II HĐND Tỉnh khóa V đã ra Nghị quyết như sau "

NGHỊ QUYẾT :

Kỳ họp thứ II HĐND Tỉnh Lâm Đồng khóa V về phương hướng nhiệm vụ xây dựng KT-XH ở 27 xã vùng đồng bào dân tộc trong năm 1995 và đến năm 2000.

Căn cứ khoản I, điều 16, chương II Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994 ;

Sau khi nghe UBND Tỉnh và Ban Dân tộc miền núi của tỉnh trình bày báo cáo đánh giá thực trạng tình hình và phương hướng nhiệm vụ xây dựng kinh tế-xã hội ở 27 xã vùng đồng bào dân tộc từ nay đến

năm 2000 ; thuyết trình của Ban Dân tộc và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh ;

Quyết nghị :

I-Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa V kỳ họp thứ 2 nhất trí tán thành báo cáo đánh giá thực trạng tình hình và phương hướng nhiệm vụ xây dựng KT-XH ở 27 xã vùng đồng bào dân tộc từ nay đến năm 2000, do UBND tỉnh trình bày tại kỳ họp.

II-Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V quyết định phương hướng nhiệm vụ và một số giải pháp chủ yếu xây dựng kinh tế – xã hội ở 27 xã vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh từ nay đến năm 2000 như sau :

1/ Phương hướng nhiệm vụ từ nay đến năm 2000:

Phương hướng nhiệm vụ xây dựng kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc ở 27 xã vùng sâu, xa, thời gian từ nay đến năm 2000 là tập trung xóa đói giảm nghèo, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với an ninh quốc phòng, cụ thể là :

-Hoàn thành công tác ĐCĐC, chấm dứt việc chặt phá rừng làm rẫy, đưa đồng bào dân tộc tiếp cận và từng bước sản xuất hàng hóa.

-Quản lý bảo vệ được diện tích rừng hiện có, phủ xanh đất trống đồi trọc.

-Cải thiện nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc, đảm bảo đủ ăn, không thiếu đói trong những tháng giáp hạt.

-Thực hiện tốt các mục tiêu xã hội, nâng cao đáng kể đời sống tinh thần đồng bào dân tộc.

Phương hướng nhiệm vụ trên được thực hiện thông qua việc giao đất giao rừng để quản lý bảo vệ, khai thác lâm sản phụ, đầu tư xây dựng vườn hộ và chăn nuôi đến từng hộ gia đình đồng bào dân tộc.

2/ Để thực hiện phương hướng nhiệm vụ chung từ nay đến năm 2000, mục tiêu trước mắt trong năm 1995 phải tập trung đầu tư xây dựng ở 10 xã điểm là:

-Xã Phi Liêng, huyện Lâm Hà

-Xã Đinh Trang Thượng, Xã Gia Bắc, Huyện Di Linh

-Xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm

-Xã Đạ ploa huyện Đạ Huoai

-Đa Nhar huyện Đạ Teh

-Thôn 5 huyện Cát Tiên

-Xã Tà Năng huyện Đức trọng

-Xã Tu Tra huyện Đơn Dương

-Xã Đạ Tông huyện Lạc Dương

a./ Một số chỉ tiêu cụ thể thực hiện ở 10 xã điểm trong năm 1995 :

-Căn cứ diện tích rừng hiện có, cần thiết phải quản lý bảo vệ của từng dự án có thể giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho từng hộ đồng bào dân tộc, nơi có đủ diện tích thì có thể giao 20-40 ha/hộ.

-Xây dựng kinh tế vườn hộ gia đình bằng cây công nghiệp dài ngày phải phấn đấu đạt bình quân cho mỗi hộ một ha.

-Phát triển chăn nuôi đại gia súc, phấn đấu mỗi hộ từ 1-2 con trâu hoặc bò.

Đầu tư nâng cấp, làm mới một số cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước...

-Về văn hóa xã hội : thu hẹp và tiến tới xóa các lớp học tranh tre lá, thực hiện một bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dân tộc. Củng cố các trạm y tế, hạ thấp tỷ lệ bệnh nhân mắc bệnh sốt rét, bướu cổ, không để xảy ra dịch sốt rét. Phổ cập sử dụng muối Iốt cho đồng bào. Đảm bảo các mặt hàng chính sách theo Chỉ thị 525/TTg của Thủ tướng Chính phủ và các loại vật tư phục vụ đồng bào sản xuất.

b./ Giao Chủ tịch UBND Tỉnh cụ thể hóa và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trên và lưu ý một số chủ trương biện pháp dưới đây :

-Xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, xác định phương hướng sản xuất để căn cứ cho việc

xác định cụ thể cơ cấu và quy mô cây trồng, vật nuôi ở từng xã.

-Biện pháp vốn : Việc đầu tư xây dựng đồng bào dân tộc được thực hiện bằng nhiều nguồn vốn : vốn dự án 327, ĐCĐC, quỹ quốc gia giải quyết việc làm, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ tiền bán cây đứng, vốn của các ngành y tế, giáo dục, giao thông đầu tư qua các chương trình quốc gia, vốn tài trợ từ trong nước và quốc tế, vốn huy động từ các thành phần kinh tế. Tất cả các nguồn vốn này được tập trung quản lý thống nhất vào một đầu mối là UBND tỉnh để cấp phát trực tiếp cho chủ dự án, tránh để phân tán, qua nhiều tầng nấc trung gian, đầu tư không đồng bộ.

-Xây dựng bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng tổ chức thực hiện cụ thể từ tỉnh đến huyện, xã và các chủ dự án đủ mạnh để điều hành dự án có hiệu quả. Đảm bảo mỗi dự án có 2 cán bộ, có đủ năng lực, trách nhiệm và tâm huyết để trực tiếp làm công tác khuyến nông, khuyến lâm làm nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật bà con sản xuất và xác định trách nhiệm của bà con là người làm cụ thể. Đi đôi với phát triển sản xuất, phải coi trọng giúp đồng bào tự tổ chức cuộc sống.

-Ngoài các chính sách, chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, nghiên cứu giải quyết một số chính sách, chế độ ưu đãi đối với những cán bộ CNVC công tác thường xuyên, không thường xuyên trong vùng đồng bào dân tộc sâu, xa hoặc những người bỏ vốn đầu tư xây dựng kinh tế trong vùng đồng bào dân tộc.

-UBND Tỉnh chỉ đạo các huyện, thủ trưởng các sở, ban ngành sớm có kế hoạch xây dựng 10 xã điểm dân tộc năm 1995 của huyện, đơn vị mình. Kế hoạch này phải gửi UBND Tỉnh, UBND các huyện làm việc cụ thể với chủ dự án điểm để tổng hợp thành đề án chung.

-Xây dựng để ổn định 27 xã vùng đồng bào dân tộc có ý nghĩa quyết định việc ổn định kinh tế xã hội và an ninh chính trị của cả tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu các đại biểu HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh gương mẫu chấp hành và giám sát việc triển khai thực hiện của chính quyền các cấp, các ngành nhằm đảm bảo Nghị quyết này được chấp hành nghiêm túc. Đồng thời tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân hăng hái đóng góp sức người, sức của để xây dựng, đưa 27 xã vùng đồng bào dân tộc của tỉnh phát triển lên một bước mới.

UBND Tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả việc thực hiện Nghị quyết này tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 1995, để HĐND tỉnh xem xét, quyết định định cho các năm sau.

Nghị quyết đã được đại biểu HĐND Tỉnh xem xét thảo luận và biểu quyết thông qua.

Chủ tọa kỳ họp
Chủ tịch HĐND Tỉnh khóa V

PHẦN VI :

MỘT SỐ BẢN TỔNG KẾT VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ CỦA HUYỆN DI LINH VÀ MỘT SỐ XÃ.

I/ BẢN TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ 23 NĂM (1976-1998) CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH :

(Huyện điểm của Tỉnh Lâm Đồng).

LỜI MỞ ĐẦU :

Huyện Di Linh nằm giữa ngã tư trên 2 con đường Quốc lộ 20 từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Đà Lạt dài 300 km và Quốc lộ 28 từ Bình Thuận, Phan Thiết đến Di Linh dài 93 km ở phía nam và đoạn 14 bis trước đây ở phía bắc đi từ Di Linh đến Gia Nghĩa nam DakLak dài trên 100 km qua sông Đạ Đờn.

Huyện Di Linh thời thực dân xâm lược Pháp chúng xây dựng nơi đây là Tỉnh lỵ, là trung tâm chính trị kinh tế của tỉnh Đồng Nai Thượng trong thời kỳ Pháp đô hộ đất nước ta.

Đến thời kỳ Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ, theo Nghị định số 170 ra ngày 19/5/1958 ngụy

quyền Sài Gòn quyết định thành lập tỉnh Lâm Đồng và đưa tỉnh lỵ Lâm Đồng về đóng tại B'Lao, hình thành thị xã Bảo Lộc, từ đó Di Linh trở thành Thị trấn của Huyện, một trong hai huyện của Lâm Đồng thời chống Mỹ.

Huyện Di Linh có vị trí : Đông giáp huyện Đức Trọng lấy cầu Đại Ninh làm ranh giới chia tách 2 tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức. Tây giáp huyện Bảo Lâm, nam giáp huyện Hàm Thuận Bắc và Bắc Bình Thuận, bắc giáp huyện Lâm Hà-Lâm Đồng và Kiến Đức nam Daklak.

Theo con số thống kê năm 1980 :

Diện tích huyện Di Linh : 4.714 km2 nay còn 162.755 ha. Dân số 49.521 người. Trong đó có 25.982 người dân tộc. Quá trình hình thành các huyện mới của tỉnh nên đã cắt một phần đất đai của huyện Di Linh chuyển thành các xã thuộc huyện Lâm Hà, Bảo Lâm, Đức Trọng, Hàm Thuận bắc. Diện tích đến nay có giảm đi phần lớn nhưng dân số đến nay lại tăng lên đến 117.836 người.

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, huyện Di Linh có 3 khu căn cứ : khu căn cứ Kờ Dòn xã ChiLai (nay thuộc Bình Thuận), phong xã anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và khu du kích xã Man Yệu nay là xã Đông Tiến.

Xã Sơn Điền Lâm Đồng hiện nay đã được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang, thuộc phía Nam của huyện. Khu căn cứ thứ 2 ở phía Bắc huyện, đó là khu căn cứ xã 5 mà nay là xã Đinh Trang Thượng đã được Nhà nước phong anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong chống Mỹ.

Ngoài ra còn có 2 căn cứ phía Tây nam Huyện đó là căn cứ Hòa Bắc và căn cứ đông nam đó là căn cứ Hòa Bình nay là xã Bảo Thuận.

Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ vùng nông thôn huyện Di Linh đại bộ phận là vùng giải phóng, nhân dân làm chủ và tranh chấp mạnh, cả trên trục giao thông 20, vùng ven thị trấn như ấp số 5 Tây Di Linh, Liên Đầm, Đăng Rách, Xứt, Bô La, Cẩm Hương, Kim Lệ, Tân Xuân... với phương thức đấu tranh 2 chân 3 mũi, địch có mặt ban ngày, ban đêm ta làm chủ, đó là hình thái giằng co quyết liệt giữa ta và địch trên địa bàn nông thôn dân tộc Di Linh.

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN KINH TẾ-XÃ HỘI :

1/ Điều kiện tự nhiên :

1/ Địa hình huyện Di Linh được cấu tạo theo đồi úp chén trên hai con đường 20 và 28 chia thành 4 mảnh nằm trên 17 xã và thị trấn Di Linh. Phía Nam có 12 ngọn núi cao bao bọc từ đông sang tây, có con sông Đa Dam chạy dọc nam quận lỵ, giáp sông La

Ngà, phân ranh giữa Bảo Lâm và Di Linh. Phía bắc và đông bắc giáp Đức Trọng, Lâm Hà (Lâm Đồng) và Kiến Đức (nam Daklak), phía tây giáp Bảo Lâm (Lâm Đồng) có con sông Đạ Đờn chạy dài từ đông bắc sang tây nam, bao bọc phía bắc của huyện.

2/ Thời tiết : Di Linh phân 2 mùa mưa nắng rõ rệt, mùa mưa bắt đầu cuối tháng 4 đến tháng 11 hàng năm (không tính thời tiết diễn biến bất thường như 1997-1998 này). Lượng mưa bình quân hàng năm từ 2200 mm đến 2500 mm. Giữa hai mùa mưa nắng, buổi sáng thường có sương mù. Nhiệt độ bình quân 20-21 độ C, giờ nắng trung bình 2000 giờ/năm, độ ẩm 75-80 độ.

3/ Thổ nhưỡng, thủy văn : về thổ nhưỡng trên địa bàn Di Linh có trên 26% là đất đỏ bazan nhiều loại.

Trên 3 con sông lớn, cộng với nhiều nhánh suối nhỏ, phân khe đồi ấp chén, chia cắt địa hình Di Linh thành nhiều tiểu vùng, nhiều thung lũng có khí hậu biên độ dao động bất thường ngày đêm khác nhau, trên mỗi tiểu vùng nhỏ hẹp. Địa hình Di Linh cho phép đắp hồ giữ nước trong từng tiểu vùng phục vụ thủy lợi tưới cây công nghiệp trong 4-5 tháng mùa nắng là có điều kiện, và đây là phương pháp giữ nước ở thượng nguồn cho các hồ thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi, Trị An gắn với mùa khô bơm tưới, mùa mưa tự chảy... trên con đường thủy lợi hóa và tăng hệ

thống nước ngầm cho nguồn nước sạch phục vụ dân sinh.

4/ Môi trường sinh thái : Di Linh giữ được trên 40% rừng, cộng với phát triển cây công nghiệp dài ngày (chè, cà phê, vườn cây ăn trái) phát triển dọc Quốc lộ 20 và 28, có trên 31.000 ha, đã tạo độ che phủ cho đất ở tán thấp, cộng sinh với rừng, nên có độ che phủ cho đất đến 65-70%.

II/ Dân số :

(Theo thống kê 31/12/1979 sau giải phóng năm 1975) Di Linh có 47.255 người (dân tộc chiếm 60%), thực tế đến nay (năm 1998) dân số tăng lên đến 117.666 người (theo thống kê 1/7/1997). Trong đó dân tộc có 40.408 người chiếm 34%, K'Ho 35.526 người, Mạ 1.850 người, Nùng 1.483 người, Raglai 964 người...

Địa giới hành chính : Dân tộc thiểu số Di Linh nằm trong 13 xã trên 17 xã, thị trấn trong huyện. Có 69 thôn, 6.754 hộ, trong đó dân K'Ho có 45 buôn (thôn) 4.131 hộ, 35.526 người là dân tộc địa phương lâu đời chiếm tỷ lệ đông nhất trong các dân tộc của huyện.

Thực trạng các dân tộc thiểu số địa phương, trước giải phóng năm 1975 hầu hết sống du canh du cư phá rừng làm rẫy tự cấp, tự túc giản đơn . Số dân bị dồn trong các ấp chiến lược, sống lao động làm thuê trong các đồn điền. Sau giải phóng 1975 đời sống sản xuất

của đồng bào, phần lớn bỏ ấp chiến lược chạy về, chỉ có 2 bàn tay trắng, cơm không có ăn, áo không mặc lành, mù chữ, đói nghèo bệnh tật là do trời đất ông bà để lại cho số phận, cách làm ăn xưa sao nay vậy, đó là tâm lý phổ biến trong đồng bào.

QUA CÁC GIAI ĐOẠN VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ TỪ TỪ 1976 ĐẾN 1998 :

Điều kiện khó khăn ban đầu đối với vùng giải phóng. Tỉnh chủ trương vận động định canh định cư cho đồng bào dân tộc trong tỉnh, với khẩu hiệu : vừa ổn định cuộc sống, vừa phát triển sản xuất. Với khẩu hiệu hành động là : nơi dễ, việc dễ làm trước, nơi khó việc khó làm sau. Tiến hành định canh định cư trên địa bàn vùng ven đô thị và trên trục lộ giao thông làm trước, vùng sâu vùng xa vùng khó khăn giao thông làm sau.

Theo chủ trương trên, huyện Di Linh hình thành cuộc vận động ĐCĐC chia thành 3 giai đoạn :

1/ Giai đoạn thứ nhất (từ năm 1976 đến 1981) :

Với quyết tâm bám trụ, vận động nhân dân các dân tộc. Từ khu tập trung, giải phóng ra, đưa về ĐCĐC trong các đồn điền chè trên trục giao thông, ven thị trấn Di Linh nhằm mục tiêu ổn định sản xuất ăn ở cho đồng bào.

Phương châm lúc bấy giờ là dựa vào dân lấy sức lao động của dân bỏ ra để đầu tư là chính, chính

quyền hỗ trợ một phần đất đai cây trồng, mặt trận đoàn thể vận động đoàn kết tương trợ, tương thân tương ái, đùm bọc lẫn nhau giữa người Kinh và dân tộc thiểu số, trên cùng địa bàn, cùng đi lên.

Phương thức tổ chức sản xuất lấy tổ vòng đổi công, tập đoàn sản xuất là tổ chức vận động phổ biến, từng bước tiến hành làm thí điểm Hợp tác xã như ở Đông Di Linh, Đinh Lạc, Tây Di Linh (vùng xen kẽ có Kinh, có dân tộc).

Mục tiêu chủ yếu là xây dựng vườn hộ cây công nghiệp, làm sao sau 5 năm mỗi hộ có mảnh vườn từ 1-2 sào (2000 m2) (từ năm 1980 trở đi tỉnh chủ trương phát triển cây cà phê) gắn với việc phát triển chăn nuôi gia cầm, gia súc.

Diện vận động lúc bấy giờ là : vận động tất cả đồng bào dân tộc trong huyện, nhưng tập trung vào một số điểm đi trước một bước, trong một số xã buôn nằm dọc trên đường 20 và phụ cận thị trấn, mà phần đông là có xen kẽ đồng bào Kinh và dân tộc thuộc các xã Gung Ré, Liên Đầm, Đinh trang Hòa...

Phương thức đầu tư : Chính quyền cơ sở cấp đất, xác lập vườn hộ, vận động kiểm tra hướng dẫn dân làm, huyện cấp cây giống, hướng dẫn kỹ thuật chăm bón cây trồng, cấp phân vô cơ, dân tự túc phân chuồng bón lót, nuôi dưỡng thời kỳ đầu.

2/ Giai đoạn thứ hai (từ năm 1982-1993) :

Sau cuộc tổng kết ĐCĐC của tỉnh tại Di Linh hồi cuối năm 1987, hội nghị ấy tỉnh đã kết luận mô hình ĐCĐC huyện Di Linh và đã được vinh dự đón nhận cờ thi đua của TW trao tặng. Hội nghị này tỉnh cũng đã kết luận bổ sung chủ trương và chính sách vận động ĐCĐC. Tỉnh nêu lên 7 điểm cụ thể trong đó Tỉnh cho mở rộng diện ĐCĐC từ lập vườn hộ, phát triển ra ngoài vườn hộ, gắn nông lâm kết hợp, không hạn chế vườn 1-2 sào như trước đó.

Phương hướng và cơ cấu cây trồng, tỉnh cho cơ cấu tập đoàn cây trồng (chè, cà phê, dâu tằm và cây ăn trái, trong đó có cây điều nhưng cây điều không phù hợp nên không phát triển được. Với phương thức lấy ngắn nuôi dài, trồng cây công nghiệp ngắn ngày, nuôi cây công nghiệp dài ngày, cây chè, cây dâu để nuôi cây cà phê chu kỳ thu hoạch 12 tháng trong mỗi năm.

Tỉnh chủ trương cho mượn đất làm vườn cây công nghiệp, lập vườn rừng và giao cho huyện quyết định cho mượn đất có thời hạn 15 năm trên diện tích đất trống đồi núi trọc, rừng rẫy cũ nghèo kiệt dọc giao thông, để dân mượn trồng theo chu kỳ kinh doanh của cây công nghiệp, sau đó giao lại đất và vườn cây cho nhà nước và tập thể quản lý, nếu thấy không còn khả năng tiếp tục sản xuất, không được sang nhượng vì là đất mượn.

Chính sách đầu tư ở giai đoạn này :

UBND Tỉnh chủ trương xin vay vốn của Bộ Ngoại thương giao cho Công ty Ngoại thương của tỉnh đứng ra đầu tư phát triển cà phê nhân dân.

Phương thức đầu tư thông qua hợp đồng, bán ứng trước vật tư mua lại sản phẩm với giá ổn định và bán vật tư xăng dầu, phân bón theo định mức kinh tế kỹ thuật cây trồng, và đảm bảo một phần yêu cầu đời sống sản xuất của người được hợp đồng, đến thời kỳ kinh doanh bán lại sản phẩm cho Công ty Ngoại thương, thu mua tương ứng vốn đã đầu tư ứng trước, để xuất khẩu trả lại giá trị ngoại tệ đã ứng trước, của Bộ Ngoại thương theo nội dung Chỉ thị 21 của UBND tỉnh ra năm 1982 để hướng dẫn hợp đồng phát triển cây công nghiệp cho cả cây chè, cà phê. Riêng cây dâu con tằm do Công ty Tơ tằm TW chịu trách nhiệm đầu tư trực tiếp cho từng công trình, từng hộ nông dân.

Trong công tác ĐCĐC tỉnh đã hướng dẫn cho huyện, lấy định canh làm cơ bản, định canh đi trước một bước ; tập trung đầu tư vườn cây cho hộ trước, để cho người dân tộc thiểu số bước đầu có tư liệu sản xuất, không còn cảnh hai bàn tay trắng, đời người lao động chỉ có cái "xà gạc" để chặt phá rừng làm nương, trạng thái xã hội phổ biến là du canh luân canh... Quyết tâm chuyển phương thức làm ăn mới từ mảnh vườn ban đầu 2 sào tạo ra sản phẩm hàng hóa nhỏ, xóa bỏ phương thức sản xuất tự túc giản đơn ngàn đời lưu lại. Từ mảnh vườn bước đầu trực tiếp tác động

sản xuất hàng hóa để tiến lên làm giàu, trên thế mạnh đất đai rừng núi ông bà ngàn xưa để lại, cộng với lao động có lãnh đạo tự giác, từ phương thức lâm nông nghiệp kết hợp, để đi lên với lợi thế 2 chân nông lâm. Bắt đầu từ năm 1983 trở đi những chủ trương của tỉnh được thể hiện trên địa bàn huyện Di Linh đã đạt những thành quả quan trọng.

Tuy vậy, trong cuộc họp tổng kết ĐCĐC trên địa bàn Di Linh lúc đó còn nhiều ý kiến khác nhau, nên hội nghị kết luận và quyết định trong thời gian chờ chủ trương thống nhất của trên, thì huyện Di Linh tiếp tục làm điểm cho mở rộng thêm một số xã... Với chủ trương đó, huyện Di Linh tiếp tục lấy xã Tân Châu, xã Đinh Lạc, xã Liên Đầm, xã Đinh Trang Hòa làm điểm, phân công 3 đồng chí Huyện ủy viên phụ trách triển khai từ tháng 3/1985 đến năm 1986 đã có bước phát triển tốt, đó là tiền đề phát triển đem lại kết quả ngày nay.

Sau 3 năm làm thí điểm 3 xã nói trên, huyện đã từng bước theo dõi kết luận rút kinh nghiệm cho mở rộng diện. Đến năm 1993 cơ bản vùng dân tộc dọc trục giao thông 20 và vùng ven Thị trấn đã phát triển đều và tương đối tốt. Nhưng các xã vùng sâu vùng xa còn gặp rất nhiều khó khăn ách tắc, nhất là xã Đinh Trang Thượng, xã Gia Bắc, xã Sơn Điền, Bảo Thuận, Hòa Bắc... Đây là vùng căn cứ kháng chiến chống Mỹ mà đến 1993 tình hình đời sống sản xuất không thay đổi đáng kể, trách nhiệm của huyện cần

tập trung giải quyết theo tinh thần Chỉ thị 25 của Tỉnh ủy và Nghị quyết 02 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

3/ Giai đoạn thứ 3 (từ năm 1993-1998) :

Theo chương trình 327 của Chính phủ, Tỉnh ủy Lâm Đồng chủ trương tập trung sức toàn Đảng bộ, chỉ đạo chính quyền các cấp, tập trung giải quyết 27 xã vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Với phương châm tập trung nơi khó làm trước, nơi dễ làm sau (khác với chủ trương ban đầu, vì tỉnh có nhận định thời kỳ này là có điều kiện và thời cơ trong quá trình đổi mới đang trên đà thắng lợi). Quyết tâm chiến lược của tỉnh là xóa đói giảm nghèo, đối với vùng đồng bào dân tộc là trọng điểm của tỉnh. Nhưng đồng bào dân tộc đói nghèo nhất lại là vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng (trên 3 khu vực được khảo sát, thì khu vực III của dân tộc, diện tập trung mọi nghèo đói là ở đó).

Hưởng ứng chủ trương trên, huyện Di Linh triển khai thực hiện giai đoạn này bằng tất cả mọi biện pháp, mọi nguồn vốn tập trung ưu tiên ở đây. Nhưng chúng tôi cũng phân thành 3 bước trong giai đoạn này :

-Bước một : chọn 2 xã ở khu vực III nằm trong 6 xã xa xôi nhất, khó khăn nhất trên địa bàn, đó là xã Đinh Trang Thượng cách huyện lỵ 63 km, xã Gia Bắc cách huyện lỵ Di Linh 54 km.

Huyện Di Linh hạ quyết tâm cùng với tỉnh phấn đấu đến năm 2000 các xã vùng dân tộc thuộc khu vực III cơ bản xóa hết phương thức du canh du cư của đồng bào, giảm tối đa hộ nghèo, không còn hộ đói. Nâng trình độ kinh tế-xã hội giữa đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc không còn sự chênh lệch trong cuộc sống quá lớn như vừa qua.

Chính sách đầu tư : Ngoài vốn TW cấp theo chương trình 327 để trồng rừng, bảo vệ rừng. Vận dụng vốn 120, vốn xóa đói giảm nghèo... huyện chúng tôi đã chỉ đạo ưu tiên đầu tư thích đáng cho vùng dân tộc nói trên. Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh có Nghị quyết cho trích vốn Ngân sách của tỉnh, vốn từ bán lâm sản dành riêng một phần đầu tư lại cho dân vay, qua Kho Bạc để đầu tư theo chương trình dự án từng xã, từng thôn buôn dân tộc, lấy hộ làm đối tượng đầu tư theo chỉ tiêu mỗi nhân khẩu phải làm cho được 2 sào cây công nghiệp và phát triển chăn nuôi đại gia súc, theo quy hoạch và kế hoạch ổn định lâu dài, thay thế phương thức phá rừng làm nương rẫy.

Nếu huyện Di Linh không làm được việc này, thì với 40.408 người dân tộc sẽ phá hàng năm cũng mất đi từ 5-8 ngàn ha rừng, nếu thế kéo dài thì không lâu còn rừng đâu mà phá làm rẫy, và cứ thế thì dân tộc vùng sâu vùng xa làm sao có thể đi lên công nghiệp hóa nông thôn, hiện đại hóa nông nghiệp. Từ suy nghĩ trên đây, huyện Di Linh đã quyết tâm chấp hành Nghị quyết của tỉnh, tổ chức chỉ đạo bám dân

thực hiện chương trình định canh 2 xã điểm vào năm 1995, từng bước triển khai các xã buôn còn lại mà hàng năm đưa vào chương trình xin tỉnh bổ sung vốn đầu tư. Thực tế đến nay sau 4 năm đã tổng kết đánh giá kết quả tốt.

Kết quả cụ thể của 2 xã điểm :

Hai xã làm điểm của huyện Di Linh là Đinh trang Thượng và Gia Bắc gồm 10 thôn, 510 hộ, 3.047 khẩu là dân tộc. Qua 4 năm làm thí điểm (1995-1998) đã đạt được kết quả tóm tắt sau đây :

+ Về xây dựng cơ bản :

-Giao thông làm được 14,4 km đường nông thôn

-Thủy lợi làm 2 công trình tưới 20 ha cây trồng và 1 hệ thống nước sạch cho dân 2 thôn sinh hoạt tốt.

-Xây mới cho 16 lớp học với diện tích 658 m2.

-Xây 2 trạm xá cho 2 xã 218 m2.

-Xây dựng 509 vườn hộ, với tổng diện tích canh tác là 792,2 ha, trong đó có 684,75 ha cây cà phê.

-Tổ chức khoán rừng cho dân chăm sóc bảo vệ trong 2 xã là 7.495 ha.

Về tư liệu sinh hoạt và công cụ sản xuất, từ không có nay đã có :

-Máy cày : 8 chiếc

-Máy tưới : 11 chiếc

-Máy xay xát : 2 chiếc

-Xe công nông : 2 chiếc

-Xe đạp : 184 chiếc (trước đó khoảng 50 chiếc)

-Xe máy các loại : 33 chiếc

-Tivi : 54 chiếc

Nhà ở :

-Nhà xây kiên cố nay có 14 nhà

-Nhà xây bán kiên cố : 153 nhà

Đến nay đã có 15 hộ bắt đầu làm giàu, có bình quân thu nhập thuần túy hàng năm từ 10 đến 20 triệu/hộ. Có 169 hộ trung bình, có mức thu nhập bình quân từ 6 đến 8 triệu mỗi năm. Hộ nghèo còn lại 326 hộ có thu nhập bình quân từ 3-4 triệu mỗi năm.

Tình hình văn hóa, giáo dục, y tế cũng có bước phát triển mới, khá nhất là giáo dục : bậc tiểu học trong 2 xã đã có 455 học sinh tốt nghiệp, trình độ cấp II có 92 học sinh, cấp III có 15 học sinh, đại học có 3 sinh viên mới tốt nghiệp là người dân tộc.

Sau 4 năm đầu tư cho hai xã, tổng vốn là 5.038 triệu. Trong đó vốn cho dân vay làm kinh tế vườn là 2.001 triệu. Trên đây là kết quả thống kê bước đầu và sẽ tổng kết cuối năm 2000 có đánh giá toàn diện hơn.

Qua bước 1 làm thí điểm 2 xã nói trên, bước 2 tỉnh chủ trương cho phép huyện Di Linh triển khai tất cả các xã còn lại thuộc khu vực III như tỉnh đã thông báo. Đồng thời huyện Di Linh chủ trương cho khảo sát phân loại và đánh giá thực tế cả 3 khu vực để huyện chủ trương cụ thể vận dụng chính sách đầu tư thích hợp của mỗi khu vực theo chủ trương tích cực và đi vào chiều sâu. Đó là :

Đối với khu vực I : đến nay, đại bộ phận vườn cây đã đến thời kỳ kinh doanh, huyện chủ trương đầu tư qua tín dụng, nguồn vốn ngắn hạn, vốn 120 giải quyết xóa đói giảm nghèo, ưu tiên vốn thâm canh phát triển năng suất cây trồng, con nuôi, phát triển thêm diện tích cần thiết. Song song với vốn của Ngân hàng Phát triển nông thôn cho vay, huyện tổ chức vận động các xã lập quỹ tín dụng nhân dân, huy động vốn nhàn rỗi để tiếp tục cho vay đầu tư phát triển khi cuộc sống trong nhân dân được cải thiện như xã Tân Châu, Gung Ré đã làm, đến nay đã duy trì và phát triển tốt.

Đối với khu vực II : Huyện đã cho kiểm tra phân loại hộ, cho từng buôn, từng xã để có chính sách hỗ trợ vốn đúng đối tượng. Huy động các đoàn thể nhất là hội Nông dân, hội Phụ nữ, hội Cựu chiến binh, xuống từng đoàn thể, trực tiếp hội viên, lập kế hoạch tổ chức đầu tư xóa đói giảm nghèo cho hộ hội viên

mình, theo chương trình lồng ghép giúp đỡ hội viên và gia đình, từng giới có chương trình đến năm 2000 thanh toán đói nghèo trong các hộ dân tộc, từng bước xóa dần sự chênh lệch trong cuộc sống vật chất giữa Kinh và Thượng, cùng cư trú trên một địa bàn, điều kiện làm ăn như nhau (trừ đối tượng thuộc chính sách xã hội phải nuôi).

Đối với khu vực III : huyện Di Linh đã thống nhất kế hoạch, quyết tâm đến năm 2000 thanh toán phương thức sản xuất du canh du cư lạc hậu, thanh toán đói giảm nửa hộ nghèo cho tất cả các hộ khu vực III trong các xã buôn vùng sâu vùng xa còn lại.

Tổ chức chỉ đạo vốn : chúng tôi thống nhất với tỉnh, sử dụng nguồn vốn tổng hợp trên địa bàn huyện, lấy xã làm cơ sở xây dựng phương án đầu tư. Lấy hệ thống chính trị và chính quyền xã là lực lượng vận động tổ chức nhân dân thực hiện, UBND xã quản lý điều hành. Đối tượng đầu tư trực tiếp đến từng hộ qua sổ hợp đồng ghi nhận vốn cụ thể.

Theo kết quả khảo sát cụ thể của huyện, đã thống kê đánh giá chung toàn huyện Di Linh đến tháng 10-1998 này, chỉ còn 2 thôn trên 69 thôn ; 33 hộ trên 6.754 hộ, 151 khẩu trên 40.408 khẩu dân tộc chưa định canh theo chỉ tiêu đầu người phải có 2 sào diện tích canh tác cây công nghiệp ổn định, mà huyện đề ra trong 6 xã ở khu vực III đến năm 2000.

KẾT QUẢ SAU 23 NĂM VẬN ĐỘNG ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH

Sau 23 năm vận động ĐCĐC trên 13 xã đồng bào dân tộc trong huyện, và quá trình 4 năm, tập trung vận động dứt điểm 6 xã vùng sâu vùng xa, đến nay huyện Di Linh đã đạt được kết quả như sau :

Tất cả 13 xã, 66 thôn trên 68 thôn đã định canh định cư trên 3 khu vực và đã được Hội đồng nghiệm thu của tỉnh phân loại là :

Khu vực I có 5 xã và 5 thôn gồm 4.131 hộ, 22.748 nhân khẩu đã ổn định cuộc sống và sản xuất tốt.

Khu vực II có 3 xã 1.039 hộ, 5.695 nhân khẩu trên đà phát triển, tương đối ổn định về sản xuất, còn về đời sống chưa được bảo đảm vững chắc vì năng suất cây trồng đạt hiệu quả còn thấp.

Khu vực III có 5 xã và 2 thôn 1.154 hộ, 6.914 nhân khẩu đang phát triển, nhưng còn phải tiếp tục đầu tư theo thời gian xây dựng cơ bản của chương trình thời kỳ chăm sóc cây trồng từ 2-3 năm tiếp theo.

Con số kết quả cụ thể :

1/ Xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng 13 xã dân tộc trong huyện đã được đầu tư sau 23 năm (1976-1998) :

Trước giải phóng năm 1975 ở vùng này không có cơ sở vật chất gì đáng kể. Nay đã làm được 137 km đường cấp 3 nông thôn. Xây dựng 16 cầu cống trong vùng. Làm mới 24 công trình thủy lợi, tưới được 1.225,45 ha ruộng vườn.

Về giáo dục y tế : xây dựng 109 trường học có diện tích 7444 m2, xây dựng 6 trạm y tế xã, có diện tích 628 m2 (trừ các xã nằm xen kẽ Kinh Thượng có trạm y tế cơ sở chung toàn xã.

Thủy điện nhỏ : làm được 14 công trình, có công suất 22 KW, điện lưới quốc gia kéo về được 4 xã dân tộc trên 9 trạm 125 KW.

Tổ chức 3 trạm khuyến nông khuyến lâm cho vùng dân tộc trong 4 buôn.

Trên đây là kết quả và thành tích Nhà nước và nhân dân cùng làm. Tuy còn rất khiêm tốn, nhưng rất có ý nghĩa hiện thực, nói lên kết quả thiết thực trong cuộc vận động ĐCĐC, trên 40.408 nhân khẩu, có sự thay đổi trong cuộc sống của đồng bào dân tộc huyện Di Linh.

2/ Về tư liệu sản xuất của đồng bào dân tộc gần đây do yêu cầu cuộc sống sản xuất mà đồng bào các dân tộc mua sắm phát triển tương đối nhanh :

Tình hình trước 1975 tư liệu sản xuất chẳng có gì, trong tay là cây "xà gạc", con dao con, trên lưng là cái gùi. Đối tượng lao động là phá rừng làm nương,

hỏa canh chọc tỉa, quanh năm ăn canh rau rừng, đập đá bắt cá theo suối, trái bầu khô đựng nước mang từ suối về nương, chặt mây trong rừng mang xuống đồng bằng bán đổi lấy muối về ăn. Nhà cửa tất cả đều nhà tranh vách nứa. Riêng số dân bị địch dồn, khi giải phóng trở về lâm cảnh không nhà, không rẫy, đau bệnh không có thuốc uống, cơm không đủ ăn, áo không có mặc. Nay sau 23 năm vận động ĐCĐC đã có thay đổi bước đầu khá phấn khởi, đó là :

Tất cả 13 xã có dân tộc trên 17 xã thị trấn trong toàn huyện (nay 18 xã), có 69 thôn, 6.721 hộ dân tộc, 40.408 nhân khẩu đồng bào dân tộc đã từng bước đổi mới.

-Về tư liệu sản xuất, qua tổng kết từng hộ trên 13 xã, có 67 buôn thôn dân tộc trước giải phóng 1975, phổ biến là du canh phá rừng làm rẫy. Hết mùa rẫy đi làm công cho các đồn điền tư sản. Đến nay toàn dân tộc trong huyện đã có 9.741,79 ha diện tích canh tác ổn định, trong đó có 1.316 ha ruộng lúa nước. Đất trồng màu có 163,79 ha, nương rẫy hàng năm chặt phá mất đi từ 4-5 ngàn ha rừng, thì nay chỉ còn 228,44 ha trên toàn vùng.

Diện tích cà phê trước đây không có, nay đã đến 7.778,59 ha trong đó số đã trồng từ 1983 đến 1994 là 3.380,62 ha đang ở thời kỳ kinh doanh đạt năng suất sản lượng khá cao không thua kém vùng Kinh.

Số mới đầu tư từ năm 1995 đến 1998 là 1.653,57 ha trong số vốn ngân sách của tỉnh trích cho vay trung hạn không lãi, đã đầu tư được 1.088,77 ha. Trong đó diện tích chè có trên 40 ha.

Tất cả diện tích nói trên, chia bình quân đầu người trong đồng bào dân tộc đạt chỉ tiêu 2.400 m2 diện tích canh tác trên một nhân khẩu, vượt chỉ tiêu của tỉnh đề ra là 2 sào/đầu người.

Về rừng được chính quyền địa phương cho phép, thông qua các lâm trường khoán hộ, giao dân bảo vệ trong 13 xã dân tộc là 15.633,12 ha. Đây là tài sản của nhà nước đã giao cho dân bảo vệ tốt, đã bắt đầu làm chủ, là đối tượng lao động giải quyết việc làm trước mắt, để có công ăn việc làm cho dân tộc yên tâm xây dựng phát triển cây công nghiệp dài ngày, không còn phá rừng làm rẫy như trước.

Về chăn nuôi : hiện có 2.386 con trâu, 938 con bò trong đó được 497 con vay vốn theo dự án đầu tư.

Tư liệu tiêu dùng và đời sống dân cư trong dân tộc hiện nay :

a./ Đời sống văn hóa, giáo dục, y tế :

-Trình độ học vấn trong dân tộc của huyện : số mù chữ còn 11.126 người trong độ tuổi đi học. Trình độ tiểu học có 3.914 người, trình độ cấp II có 807 người, trình độ cấp III có 181 người, trình độ đại học có 54 người dân tộc.

b./ Công cụ máy móc phục vụ sản xuất trong dân tộc hiện có :

-Máy cày các loại có 611 chiếc (trước 1975 không có cái nào)

-Máy bơm tưới vườn cây có 500 máy (trước không có)

-Xe công nông có 37 xe (trước không có).

c./ Tư liệu tiêu dùng và nhà ở :

-Xe máy (Honda các loại) 1.803 xe (trước chưa có)

-Xe đạp có 4.066 xe

Nhà ở :

-Nhà xây kiên cố đã có 750 nhà (trước không có)

-Nhà cây bán kiên cố có 2.680 nhà (trước có ít)

-Nhà tạm hiện còn 3.352 cái

Trang trí nội thất :

-Số gia đình có Salon, tủ kính, giường nệm, bàn ghế sang trọng là 1.194 nhà.

3/ Vốn đầu tư :

Tổng vốn đầu tư ưu đãi theo chương trình 327 từ năm 1993 đến nay : nguồn vốn đưa vào hộ dân tộc là 4.515 triệu, trong đó có vốn ngân sách cấp 921 triệu.

Vốn vay ưu đãi tỉnh và Trung ương thông qua cơ quan định canh định bỏ vào 3.594,58 triệu. Số vốn này thuộc diện đầu tư theo hạng mục công trình, có sổ hộ ký hợp đồng trong thời gian : 1 năm trồng 3 năm chăm sóc, sau 10 năm hoàn vốn, còn chăn nuôi sau 3 đến 5 năm hoàn vốn. Đây mới thống kê trên 2000 ha các loại cây tính từ năm 1994 trở lại đây trong khu vực III là chủ yếu, còn khu vực I và II đã đầu tư từ 1993 về trước số liệu thống kê không có số liệu lưu nên chưa tính được.

Con số đầu tư nói trên, chưa tính số vốn thuê khoán trồng rừng và bảo vệ rừng trồng.

4/ Phân loại hộ giàu và nghèo của đồng bào dân tộc trong huyện :

Tổng số hộ dân tộc trong huyện là 6.749 hộ. Sau 23 năm vận động ĐCĐC đạt kết quả như sau :

-Số hộ gọi là giàu trong dân tộc đã có 1.069 hộ chiếm 15,83% tổng số dân tộc. Số hộ này được đầu tư hỗ trợ ĐCĐC trước năm 1993. Đến nay thu nhập thuần túy bình quân mỗi hộ trong năm từ 24-25 triệu. Có một số hộ thu nhập đến 176 triệu/1 năm và hộ thu nhập thấp nhất là 16 triệu/năm.

-Số hộ trung bình hiện có 2.142 hộ, mức thu nhập thuần túy bình quân mỗi hộ 7,55 triệu/năm. Hộ thấp nhấp có 4 triệu/năm.

-Số hộ còn nghèo hiện có 3.556 hộ chiếm 52,66% tổng số hộ dân tộc trong huyện, có mức thu nhập bình quân hàng năm mỗi hộ 3,95 triệu. Nhưng số này đã có vườn cây công nghiệp đầu người trên 2sào chưa tới thời kỳ kinh doanh.

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC.

I/ Hệ thống chính trị trong dân tộc :

1/ Về Đảng :

Đảng viên dân tộc có 193 trên tổng số đảng viên của huyện là 1.159 đồng chí của Huyện đảng bộ.

Số đảng viên dân tộc nói trên, được bố trí như sau : nằm trong tổ chức 14 đơn vị cơ sở xã và thị trấn. Hai xã anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, số đảng viên dân tộc chiếm tỷ lệ đông nhất, đó là Sơn Điền có 37 đảng viên, xã Đinh trang Thượng có 28 đảng viên, xã ít nhất là xã Đinh Lạc có 2 đảng viên, xã Tam Bố có 2 đảng viên.

2/ Về cán bộ đảng viên dân tộc được bố trí lãnh đạo hệ thống chính trị :

-Cán bộ dân tộc ở các cơ quan trên huyện có 7 đồng chí, trong đó đồng chí K'Bẹo là chủ tịch UBND Huyện.

-Cán bộ đảng viên dân tộc được bố trí vào cơ quan lãnh đạo ở xã là 69 đồng chí.

II/ Trình độ văn hóa trong cán bộ đảng viên :

-Có trình độ cấp I : 20 đồng chí

-Có trình độ cấp II : 26 đồng chí

-Có trình độ cấp III : 30 đồng chí

-Có trình độ đại học : 1 đồng chí

III/ Trình độ chính trị trong đảng viên cán bộ dân tộc :

-Sơ cấp : có 6 đồng chí

-Trung cấp : có 29 đồng chí

-Cao cấp có : 1 đồng chí

Lực lượng mặt trận và các đoàn thể có tổ chức, nhưng thống kê chung chưa tách ra được nên không có số liệu đưa vào bản tổng kết này.

Tỷ lệ đảng viên trong dân tộc chiếm 16,6% trong tổng số đảng viên trên 34,43% dân tộc trên tổng nhân khẩu trong huyện. Tỷ lệ đảng trong dân tộc còn thấp. Đa số đảng viên phát triển trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, 80% đến nay đã già yếu, tuy có uy tín trong quần chúng, nhưng tác dụng lãnh đạo trực tiếp bị hạn chế.

Số đảng viên trẻ đang công tác, trình độ văn hóa còn thấp, trình độ chính trị không đều, ý thức trách

nhiệm trước dân tộc chưa cao, nặng lo gia đình, cá nhân, cần được tiếp tục bồi dưỡng.

Hệ thống chính quyền thôn xã chưa thực sự toàn tâm toàn ý, chăm lo đời sống nhân dân. Hoạt động Mặt trận và các đoàn thể chưa thường xuyên, chưa có nề nếp. Riêng Hội Phụ nữ và Hội Cựu chiến binh hoạt động tương đối khá.

TỔNG LUẬN VÀ NHỮNG BÀI HỌC RÚT RA TỪ THỰC TIỄN.

Xét về lịch sử lâu đời của dân tộc K'Ho và dân tộc vùng Nam Tây Nguyên trên địa bàn huyện Di Linh qua nhiều chế độ, mãi đến ngày nhân dân các dân tộc được hoàn toàn giải phóng năm 1975, cuộc sống du canh du cư không hề có thay đổi.

Ngày nay dưới chế độ, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, sau 23 năm chấp hành chính sách của Đảng và Chính phủ, với chủ trương cụ thể của Tỉnh ủy Lâm Đồng, thông qua cuộc vận động ĐCĐC, được sự hưởng ứng của đồng bào các dân tộc trong huyện, đã có chính sách đầu tư đúng hướng và hợp lý, từ phát huy nội lực, tiềm năng thế mạnh, lao động đất đai, đưa đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện đi lên, từng bước thoát cảnh đói nghèo, sản xuất hàng hóa, xóa bỏ phương thức phá rừng làm nương, hỏa canh chọc tỉa ngàn đời lưu lại, mà qua nhiều chế độ chưa làm được đó là điều rất đáng tự hào.

Tuy là kết quả bước đầu trong vận động ĐCĐC, thực tế cho thấy khả năng to lớn của đồng bào dân tộc, khi họ đã có sự giác ngộ, tự giác đứng lên, quyết tâm xóa bỏ đời sống du canh du cư, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, cùng đồng bào Kinh tiến lên sản xuất hàng hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh là điều có thể làm được. (Năm 1999 xã Đinh Trang Thượng có 70% hộ có từ một tấn cà phê nhân trở lên, số hộ còn lại ít nhất cũng thu hoạch được 500 kg nhân).

Đến nay toàn huyện bình quân đầu người chưa đủ 2.700 m2 đất canh tác cả người Kinh và người dân tộc. Riêng trong đồng bào dân tộc đã có đến 2.400 m2 đất canh tác/đầu người và được phân bổ tương đối đều, khác với người Kinh tập trung nhiều trong một số hộ.

Toàn huyện thu nhập bình quân GĐP đầu người 400 USD/năm, nhưng xã Tân Châu và một số buôn dân tộc ở Liên Đầm, Đinh Trang Hòa, Đinh Lạc, Tân Thượng, Gung Ré đã có thu nhập GĐP trên dưới 600 USD/đầu người/năm, đó là điều nói lên khả năng đi lên trong đồng bào dân tộc, khi họ đã tự giác thay đổi phương thức làm ăn.

Có thể nói đồng bào dân tộc trong huyện, sau giải phóng 1975 từ hai bàn tay trắng. Nhưng sau 23 năm, số hộ giàu có lên trên 15,83% trong tổng số hộ dân tộc trong huyện. Tuy số hộ nghèo còn khoảng

52,65%, nhưng tư liệu sản xuất, đất đai canh tác, vườn cây công nghiệp đầu người có 2.400 m2, còn ở thời kỳ XDCB, đến năm 2000 và sau năm 2000 mới đi vào kinh doanh, chắc chắn chừng ấy con đường đi lên làm giàu trong dân tộc sẽ phát triển nhanh chóng đó là dấu hiệu đáng mừng.

Theo quy luật, mỗi khi đời sống kinh tế vật chất vươn lên, mang theo tiền đề văn hóa giáo dục trí tuệ, môi trường xã hội phát triển lành mạnh, bình đẳng giữa các dân tộc sẽ được thực hiện, công bằng và văn minh sẽ đến với đồng bào.

Kinh tế-xã hội phát triển, đời sống nhân dân các dân tộc dần dần được cải thiện, làm cho tư tưởng chính trị được củng cố, an ninh quốc phòng được tăng cường, chế độ dân chủ XHCN được mở rộng, lòng tin của các dân tộc đối với chế độ XHCN sẽ thể hiện trong thực tế cuộc sống.

Một số bài học ban đầu rút ra từ thực tế cuộc sống :

1/ Trước hết Đảng bộ và Chính quyền, hệ thống chính trị huyện Di Linh đã quán triệt chủ trương chính sách dân tộc của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ, HĐND, UBND tỉnh, huyện đã kiên trì nhiệm vụ chính trị trung tâm thường xuyên của Đảng bộ : "Vận động định canh định cư cho đồng bào dân tộc", vì đây là lực lượng sản xuất quan trọng nhất, nếu họ không chuyển biến cụ thể thì nền kinh

tế của huyện Di Linh không thể đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong khi đồng bào dân tộc chiếm 34% số dân và 80% đất đai rừng núi. Nếu họ còn sống theo phương thức sản xuất du canh du cư, lực lượng sản xuất lạc hậu, làm ra một nhưng phá đi mười, phá hủy môi trường sống tệ hại... thì không thể có giàu mạnh văn minh hiện đại...

Từ nhận thức nói trên, mà Huyện Đảng bộ có chủ trương nhất quán từ trước đến nay tập trung lo công tác vận động dân tộc định canh định cư ổn định đời sống cho đồng bào dân tộc ở địa phương, là mục tiêu hàng đầu trong chiến lược lấy dân làm gốc, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu của Đảng, Chính phủ, suốt cả quá trình 23 năm sau giải phóng.

2/ Từ quán triệt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, với điều kiện thực tế mà huyện đã có chủ trương phù hợp linh hoạt : lúc đầu cuộc vận động với khẩu hiệu nơi dễ việc dễ làm trước, nơi khó việc khó làm sau.

Làm thí điểm xây dựng điển hình, lấy thực tế để động viên phong trào... Khi có kết quả ban đầu đã kịp thời tổng kết, trong hội nghị tổng kết năm 1987, huyện Di Linh được Nhà nước thưởng cờ thi đua : đơn vị khá nhất toàn quốc, đã động viên cổ vũ nhân dân địa phương, từ đó nhân rộng phát triển từ mô hình mảnh vườn 2 sào/hộ, đến mở rộng thực hiện chủ trương của tỉnh cho mượn đất dài hạn phát triển cây công nghiệp ngoài mảnh vườn 2 sào, chuyển thành

mô hình nông trại với hình thức nông lâm nghiệp kết hợp.

Trong chủ trương phát triển cây công nghiệp, thì phải tiến hành song song 3 cây, để dễ vận dụng thích hợp, phù hợp với thời tiết, khí hậu, đất đai , thổ nhưỡng, tập quán canh tác từng vùng, từng đối tượng lao động, trên mỗi địa bàn. Hình thành cơ cấu cây trồng, chủ trương đa canh chứ không độc canh. Có loại sản phẩm thu hoạch thường xuyên để giải quyết cuộc sống trước mắt như nhận khoán bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng, thu hoạch cây chè, cây dâu có ăn trước mắt để có sức phát triển chăm sóc đầu tư cây cà phê, cây điều, cây ăn quả để có thu hoạch tập trung một lần trong năm có tích lũy phát triển cơ bản lâu dài...

Có thể nói : từ năm 1995 đến nay theo chủ trương của Tỉnh ủy, huyện Di Linh đã bổ sung nội dung phương thức vận động định canh định cư trong điều kiện mới. Tập trung giải quyết vùng khó vùng sâu vùng xa thuộc khu vực III, vận động đầu tư phát triển định canh định cư, gắn với vận động xóa đói giảm nghèo theo từng buôn từng xã. Với chính sách đầu tư phát triển sản xuất làm hợp đồng đến tận hộ, và cho vay dài hạn theo chu kỳ kinh doanh cây trồng, con nuôi, không tính lãi đối với nông dân vùng xa quá nghèo. Nhờ đó mà sau 4 năm (1995-1998) đã giải quyết định canh định cư cho vùng sâu vùng xa trong

toàn huyện. Đây là một nỗ lực lớn tưởng chừng khó hoàn thành.

Đạt thành quả ngày nay là sự nỗ lực của toàn Đảng bộ nhân dân các dân tộc trong huyện, được sự chỉ đạo tích cực và liên tục của Tỉnh ủy, rất kiên quyết, nếu không có vốn địa phương bỏ ra trong 4 năm vừa qua, thì khó mà đạt được thành tích nói trên. Vấn đề phương thức đầu tư tận hộ là đầu tư trực tiếp đến dân với quan điểm dựa vào dân, lấy dân làm gốc, vận dụng đường lối quan điểm của Đảng đã thành công.

3/ Chủ trương chính sách và phương pháp vận động đúng là tiền đề. Nhưng vấn đề là có tổ chức tốt, có đội ngũ cán bộ tận tụy vì nhân dân phục vụ hết mình là nhân tố đem lại thắng lợi trọn vẹn.

Sau khi Tỉnh ủy, HĐND có Nghị quyết và UBND tỉnh giao kế hoạch, Ban Dân tộc và miền núi, Chi cục Định canh định cư của tỉnh đã cùng với huyện xuống tận xã tổ chức thực hiện, triển khai công trình đến tận hộ, từng hộ có sổ hợp đồng giao ước đầu tư dài hạn trong thời kỳ xây dựng cơ bản của từng loại cây trồng.

Mỗi xã có hội đồng lãnh đạo thực hiện, gồm Chủ tịch xã, đại diện Hội đồng nhân dân xã, đại diện Mặt trận các đoàn thể công nông, thanh phụ, cựu chiến binh tham gia vận động, thông qua Ban quản lý dự án điều hành, tổ chức thực hiện theo hợp đồng của sổ

hộ. Chúng tôi coi việc tổ chức vận động định canh định cư trên địa bàn huyện vừa qua là hợp lý, chưa thấy có sơ hở và biểu hiện tiêu cực xảy ra trong quá trình điều hành, điều đó đã động viên được hệ thống chính trị trên dưới cùng làm, cùng có trách nhiệm, đảm bảo huy động sức mạnh để tập trung hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Sắp đến cần được nghiên cứu bổ sung hoàn chỉnh về mặt tổ chức và cán bộ đúng theo nguyên tắc : Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, nhân dân làm chủ thật sự, phải thể hiện trong thực tế cuộc sống quần chúng.

4/ Một bài học nữa cũng rất quan trọng là vấn đề huy động vốn, bảo vệ và sử dụng vốn để tập trung phát triển sản xuất, không ngừng cải thiện đời sống cho nhân dân. Có chủ trương chính sách đúng, nhưng thiếu vốn là nói suông, chứ chẳng làm được việc gì ; nhưng khi có vốn mà đầu tư dàn đều, đầu tư qua trung gian, không đến người dân cụ thể, thì cũng không có chuyển biến gì mới. Mặt khác vốn đến tay dân nhưng không có hướng dẫn bỏ cho đúng mục tiêu yêu cầu bức thiết cho cuộc sống sản xuất, để sử dụng phân tán dàn đều theo kiểu : cầu, xin, cho, chia bằng nhau mỗi người có một ít, để lấy lòng, sẽ không có kết quả.

Vừa qua huyện ủy Di Linh đã tập trung được các nguồn vốn dành cho vùng sâu vùng xa và đưa tận tay tận hộ dân, theo sổ hợp đồng, tập trung chương trình dự án thống nhất, lồng ghép các nguồn vốn trong hệ thống đầu tư cho từng buôn, từng xã dân tộc, lập vườn cây công nghiệp ở vùng sâu, vùng xa, có trọng tâm trọng điểm, cuốn chiếu dứt điểm từng mục tiêu đối tượng cụ thể, đảm bảo tính hiệu quả đồng vốn trong thực tế.

NHỮNG MẶT YẾU KÉM TỒN TẠI VÀ KIẾN NGHỊ

A/ MẶT YẾU KÉM TỒN TẠI :

1/ Tổ chức sản xuất hàng hóa trong dân tộc, là tiền đề, đưa cuộc sống đi lên, song song với thay đổi phương thức sản xuất, và phát triển lực lượng sản xuất, phải gắn liền với tổ chức lưu thông phân phối dịch vụ cây trồng, chăn nuôi, tác động khoa học kỹ thuật... tổ chức khuyến nông, khuyến lâm còn hình thức thiếu sâu sát cụ thể, cầm tay chỉ việc. Phổ biến trong dân tộc, còn làm theo kinh nghiệm đường mòn, hoặc bắt chước làm theo mô hình thực tế người khác đã làm. Vì vậy mà chưa cơ bản, năng suất chất lượng cây trồng con nuôi còn thấp. Hàng hóa làm ra, bị tiểu thương thao túng, ép cấp ép giá, cả đầu vào đầu ra.

Vì lý do xa đô thị, khó khăn trở ngại giao thông... Trong khi đó thì Nhà nước đã có chính sách, bù trợ giá cước giao thông cho vùng sâu vùng xa, nhưng thực tế, nơi xa nhất, giao thông khó khăn nhất, lại chẳng bù được đồng nào, dẫn đến nơi khó cứ khó, chỗ dễ cứ dễ, đó là điều cần được nghiên cứu, đề nghị TW và tỉnh có hướng dẫn khắc phục, giúp dân tộc vùng sâu vùng xa đỡ bớt khó khăn bức thiết hiện nay.

2/ Vấn đề cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, lưu thông hàng hóa vùng sâu vùng xa, còn nhiều ách tắc, nhất là giao thông vận tải. Ngay trên quốc lộ 28 chạy xuyên qua 6 xã vùng dân tộc, vùng sâu vùng xa, nhưng đến nay mỗi năm ách tắc 8 tháng mùa mưa trong năm, không thể lưu thông phục vụ cho 1.994 hộ có 17.861 nhân khẩu, 4.285 ha diện tích canh tác, đó là điều nan giải, mà huyện Di Linh không sao khắc phục nổi, còn tỉnh cũng không có khả năng và cũng không phải chức năng, còn TW có ghi nâng cấp con đường này, là quốc lộ từ mấy năm nay, dân rất phấn khởi nhưng chưa thực hiện được.

Vấn đề thủy lợi, tưới cây công nghiệp cho 4 tháng mùa khô hàng năm, là vấn đề nan giải nhất. Gần 10.000 ha cây cà phê trong đồng bào dân tộc, nếu không có thủy lợi tưới cho mùa nắng thì năng suất cây trồng thấp kém, và sẽ chết dần chết mòn. Do vậy mà vấn đề thủy lợi, tưới cây công nghiệp, là vấn đề phải cố gắng giải quyết cho nhân dân, Đảng

bộ và chính quyền địa phương không thể để mặc dân lo liệu.

Vấn đề nước sạch, phục vụ sinh hoạt, cho dân vùng sâu vùng xa, điện lưới kéo về nông thôn, thì tỉnh và huyện đã có Nghị quyết đại hội Đảng bộ đề ra, nhưng đến nay đã 3 năm trên 5 năm của nhiệm kỳ, chưa giải quyết được gì đáng kể.

3/ Hệ thống chính trị ở thôn xã, vươn lên chậm, không theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế xã hội nông thôn dân tộc vùng sâu vùng xa.

Sự chỉ đạo thiếu thường xuyên sâu sát, có nơi có lúc còn đánh trống bò dùi, xưa bày nay làm, ở vùng Kinh làm sao, vùng dân tộc làm vậy, thiếu vận động thích nghi trong cuộc sống thực tế của dân tộc, nên kết quả rất hạn chế.

4/ Từ thực tế trên, huyện xin kiến nghị để tỉnh và TW nghiên cứu bổ sung chủ trương chính sách dân tộc phù hợp.

Việc chỉ đạo hệ thống chính trị xã hội dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, có nơi có lúc, có việc cần phải sử dụng một số chuyên viên có kinh nghiệm, có uy tín, biết người biết việc, biết tiếng, đến giúp đỡ thực sự cho hệ thống chính trị, để đôn đốc nhắc nhở, cầm tay chỉ việc, nắm cái chung, để hướng dẫn cụ thể cái riêng... Có vậy mới phát huy được hệ thống chính trị xã hội. Phát huy thế mạnh trong dân tộc là lao

động đất đai tài nguyên hiện có, để làm giàu cho họ. Việc chỉ đạo theo hệ thống ngành đoàn thể là cần thiết. Nhưng đối với đồng bào dân tộc thiểu số, thực tế tác động không nhiều trong lúc trình độ dân trí còn thấp.

B/ NHỮNG VIỆC CẦN LÀM, PHẢI LÀM :

Vấn đề tồn tại còn nhiều, thành tích kể trên, qua tổng kết 23 năm sau giải phóng, vận động định canh định cư của huyện, tuy là rất cơ bản, nhưng mới là kết quả ban đầu, trong lúc khu vực II và III là chưa vững chắc, mà lại là vùng sâu vùng xa, cần được tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư, ưu tiên vốn cho chương trình còn lại, theo mục tiêu mà Nghị quyết của huyện đề ra, đến năm 2000 mỗi hộ dân tộc phải có 1,5 ha diện tích đất canh tác ổn định, bằng cây công nghiệp kết hợp nông lâm, bảo vệ môi trường sinh thái (còn thiếu 600 m2 mới đủ 3.000 m2/đầu người) đó là điều phải phấn đấu. Nhưng phải lấy thâm canh, nâng cao chất lượng và hiệu quả cây trồng trên 2,4 sào đã có/đầu người là chính, và làm sao phải có thu nhập đều trong tất cả mọi gia đình. Không để có tình trạng người có quá nhiều diện tích, canh tác không nổi, đem bán cho người khác, nơi khác đến mua, họ mua bán bất động sản làm giàu, còn người dân gốc thì không có đất, không có vốn để phát triển sản xuất, phải đi làm thuê làm mướn, dẫn đến tình trạng người giàu cứ giàu, ai nghèo cứ nghèo. Chế độ XHCN không cho phép tự phát như vừa qua.

Huyện Di Linh sẽ hết sức cố gắng giải quyết khâu lưu thông, tìm cách khai thông thị trường nông thôn vùng sâu, khắc phục dần sức ép tư thương, tư nhân thao túng ép cấp ép giá.

Tổ chức hợp tác, tổ chức tín dụng trong nhân dân, để dân tổ chức làm chủ, đi tìm thị trường, đi tìm nguồn vốn, để thâm canh cây trồng, giải quyết việc làm. Tiêu thụ sản phẩm cho đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa, là nhiệm vụ quan trọng trước mắt của Đảng bộ và Chính quyền huyện .

Vấn đề làm cho Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị trong huyện, nhận thức sâu sắc rằng : Lãnh đạo điều hành về phát triển sản xuất hàng hóa trong cơ chế thị trường theo định hướng XHCN, có sự quản lý của Nhà nước là phải lãnh đạo đồng bộ từ khâu sản xuất đến phân phối lưu thông thị trường, mua hàng hóa, bán sản phẩm, phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển khoa học kỹ thuật, kích thích lực lượng sản xuất, phục vụ xã hội tiêu dùng... đều phải có kế hoạch đầu tư toàn diện. Nếu để khập khiễng một khâu nào đó, là dẫn đến ách tắc. Vừa qua huyện chưa làm được việc này. Nếu không có tỉnh và TW viện trợ trực tiếp và toàn diện thì khó khăn của nhân dân các dân tộc vùng sâu vùng xa còn lớn, còn lâu dài, và cũng có thể dẫn đến phá sản, nếu thỏa mãn thành tích ban đầu hiện nay.

NHỮNG KIẾN NGHỊ TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH :

-Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn, có chính sách đầu tư phát triển giao thông, thủy lợi tưới cây công nghiệp ; có điện phát triển công nghiệp chế biến nông sản, có nước sạch để sinh hoạt cho vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ, nhằm giải quyết cho 40.408 đồng bào dân tộc trong huyện, với 7.778 ha cây công nghiệp mà dân tộc thiểu số đã làm. Xin Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT có chính sách ưu tiên, cho vay vốn trung và dài hạn, để tiếp tục đầu tư, giúp họ có điều kiện thâm canh, chủ động chăm sóc cây trồng, có đường sá giao lưu mua bán vật tư sản xuất, hàng hóa tiêu dùng, phục vụ đời sống sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... là nguyện vọng chính đáng duy nhất của dân tộc thiểu số, để họ vươn lên thay đổi cách làm ăn, cùng với cộng đồng các dân tộc đa số, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc bình đẳng thật sự.

-Đề nghị Tỉnh chỉ đạo hệ thống Ngân hàng công nông nghiệp, có chính sách và thủ tục giúp huyện, động viên nhân dân vùng Kinh và dân tộc đã ổn định cuộc sống, góp vốn lập quỹ trợ giúp, hoặc lập hợp tác tín dụng, cho vay ưu tiên dài hạn, lãi suất thấp, giúp đỡ đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa, vùng còn nghèo, để họ xóa đói giảm nghèo vươn lên

làm giàu, xóa dần sự chênh lệch quá đáng giữa Kinh và Dân tộc.

Tập thể Đảng bộ và chính quyền chúng tôi nghĩ rằng : nhân dân các dân tộc thiểu số huyện Di Linh trên nửa thế kỷ theo Đảng, theo Bác Hồ làm cách mạng để đạt nguyện vọng đổi đời. Từ mất nước, sống cảnh nô lệ lầm than, đói cơm nhạt muối, mù chữ bệnh tật, cuộc sống không nhà cửa, du canh du cư như ốc không hồn. Ngày nay nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng, của Bác Hồ mà nhân dân các dân tộc huyện Di Linh đã cùng cả nước đánh Tây đuổi Mỹ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, hòa bình xây dựng cuộc sống định canh định cư, đạt kết quả như ngày nay, rất đáng tự hào. Mới đây huyện Di Linh được Nhà nước phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đồng bào dân tộc trong Huyện nguyện mãi mãi ghi sâu công ơn Đảng, Bác Hồ đối với dân tộc Mạ, K' Ho, Raglai là trời bể, gái trai già trẻ lương giáo trên địa bàn Nam Tây Nguyên không bao giờ quên. Xin Đảng, Chính phủ, Quốc hội chú ý giúp đỡ thêm nữa các dân tộc huyện Di Linh chúng tôi, nơi cực Nam Trung bộ Nam Tây Nguyên còn nghèo khó này.

II/ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC XÃ VÙNG SÂU VÙNG XA 1995-2000:

A/ TÓM TẮT KẾT QUẢ 5 NĂM (1995-1999) ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÃ ĐIỂM ĐẠ TÔNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI : (1 trong 10 xã có sức vươn lên khá)

I/ Thực trạng kinh tế xã hội trước khi xác định trọng điểm :

Xã Đạ Tông là 1 trong 10 xã làm điểm của tỉnh Lâm Đồng nằm ở vùng sâu vùng xa huyện Lạc Dương và là 1 trong 3 xã khu vực Đầm Ròn.

Toàn xã có 6 thôn, 694 hộ, 4409 nhân khẩu là dân tộc M' Nông, Chil.

Diện tích đất rừng tự nhiên của xã có 14.560 ha thuộc đất rừng đầu nguồn Sereboh. Diện tích canh tác của xã có 538 ha, trong đó có 246 ha ruộng lúa nước, 150 ha đất thổ, 95 ha đất cây công nghiệp dài ngày chủ yếu là cây điều. Bình quân đất đai canh tác trong xã là 0,77 ha/hộ trong đó có 0,13 ha là cây công nghiệp.

Chăn nuôi toàn xã có 416 trâu bò, bình quân 0,59 con/hộ.

Đời sống toàn xã có 72 nhà ván lợp tôn, 1 xe gắn máy, 4 tivi, 4 đầu máy và 140 radio.

Hộ đủ ăn 107 hộ chiếm 15,4% hộ trong xã.

Thiếu ăn từ 1-3 tháng : 412 hộ chiếm 59,3% hộ trong xã

Thiếu ăn từ 3-6 tháng : 175 hộ chiếm 25,2% hộ trong xã.

Cơ sở hạ tầng, văn hóa giáo dục phúc lợi xã hội có trước khi đầu tư :

Toàn xã có 29 công trình thủy lợi vừa và nhỏ tưới cho 246 ha lúa 2 vụ. Có 3,5 km đường cấp phối làm sau giải phóng xuống cấp nặng.

Toàn xã có 1 trường tiểu học 11 phòng có 18 lớp cho 574 học sinh theo học. Có 25 giáo viên phụ trách với trình độ lớp 9 sơ cấp, 18 sư phạm trung cấp.

Trình độ văn hóa trong nhân dân có 252 phổ cập tiểu học.

Y tế toàn xã có 1 trạm xá, có 1 y sĩ, 2 y tá, 1 hộ sinh.

Toàn xã có 15 thủy điện nhỏ phục vụ cho 52 hộ, xây được 5 giếng nước.

Nhìn chung cơ sở vật chất và đời sống nhân dân xã Đạ Tông: trước năm 1995 đã có đầu tư theo chương trình định canh định cư của tỉnh từ 1993-1994 theo phương án 327 phát triển lúa nước có bước tiến bộ. Nhưng đời sống nhân dân làm vẫn không đủ ăn, diện thiếu đói còn phổ biến trong xã. Tập quán và trình độ sản xuất vẫn quảng canh, chăn nuôi không

phát triển, dịch bệnh thường xuyên xảy ra cả người và gia súc gia cầm. Trẻ em bỏ học theo cha mẹ vào rừng kiếm ăn khi mùa đói giáp hạt.

II/ KẾT QUẢ 5 NĂM ĐẦU TƯ (1995-1999) :

Tổng vốn đã đầu tư : 9.860 triệu, trong đó vốn ngân sách cấp 6.632 triệu. Vốn vay lập vườn hộ 3.228 triệu (vốn Trung ương là 6.552 triệu, vốn tỉnh cấp 3.308 triệu).

Kết quả : trồng mới cây cà phê được 157,6 ha đầu tư cho 612 hộ vốn đầu tư là 848.220.590 đồng. Nhân dân bỏ vốn tự trồng ngoài dự án dầu tư là 34,98 ha.

Trồng mới cây điều 204,85 ha cho 468 hộ đầu tư hết 448.348.150 đồng.

Đầu tư chăm sóc 364,45 ha điều còn thời kỳ xây dựng cơ bản cho 674 hộ hết 925.583.203 đồng. Số vốn đã đầu tư cho các hộ trong dự án qua 5 năm là 3.371.145 đồng/hộ và tính bình quân toàn xã đạt 2.865.264 đồng/hộ.

Về chăn nuôi : đầu tư cho vay 139 hộ mua 152 con bò hết 399.799.500 đồng trừ số bị chết 33 con, sau 5 năm đàn bò đã phát triển lên 356 con tăng 234,2%. Toàn xã hiện nay có 1.168 con trâu bò. Bình quân 1,47 con trâu bò/hộ, nhưng vẫn còn 308 hộ trong xã chưa có trâu bò và mới có 17,72% số trâu bò trong xã tham gia cày kéo, và mới có 1/3 gia đình đã làm chuồng trại để lấy phân thâm canh cây trồng.

Giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng trồng : trong 5 năm đã khoán cho 221 hộ nhận 4.979,5 ha rừng để chăm sóc bảo vệ. Lâm trường đã trả cho dân 1.142.420.416 đồng (mỗi năm mỗi hộ nhận được 1.292.000 đồng, bình quân hộ nhận khoán).

Đầu tư trồng rừng từ năm 1995 đến 1998 là 209 triệu.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng : tổng vốn đầu tư 4.982.332.276 đồng (bao gồm các công trình giao thông trường học, trạm xá, thủy lợi...)

III/ ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU, HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ XÃ ĐIỂM ĐẠ TÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN:

Đất đai canh tác đã tăng từ 538 ha trước năm 1995 nay đã lên đến 1.159,10 ha năm 1999, tăng 215%. Trong đó cây công nghiệp dài ngày tăng 443,48%, đất thổ làm màu tăng 181,4%, đất lúa tăng 153,45%. Thu hẹp hộ đói nghèo toàn xã xuống đáng kể. Mức sống của nhân dân xã Đạ Tông đến tháng 12/1999 huyện đã xác định như sau :

Số hộ dư ăn trước không có thì nay đã có 189 hộ trên 793 hộ trong xã, với mức có thu nhập bình quân 6-7 triệu/năm/hộ chiếm 23,8%. Có 462 hộ trong xã đủ ăn (trước có 107 hộ) có thu nhập thừ 3-5 triệu đồng/hộ chiếm 58,2% số hộ trong xã, số này năm

1995 chiếm đến 84,5%. Còn 142 hộ còn đói nghèo có thu nhập một đến 2 triệu/năm/hộ, chiếm 18%.

Tình hình đời sống ngày một cải thiện đã tác động trên các mặt giáo dục, văn hóa, y tế, xã hội, an ninh quốc phòng trong xã từng bước vươn lên, có tiến bộ rõ nét. Toàn xã đã có 189 nhà ván lợp tôn, 8 máy bơm nước, 14 máy xay xát, 9 máy tuốt lúa, 20 xe gắn máy, 286 xe đạp, 55 tivi, 19 đầu máy video, 373 radio cassette, 15 máy thủy điện nhỏ, 42 giếng nước.

Toàn xã hiện có : 11 lớp mẫu giáo có 325 cháu theo học, 11 giáo viên phụ trách. Có 27 lớp thuộc bậc tiểu học 847 học sinh, có 30 giáo viên phụ trách. Có 12 lớp trung học cơ sở gồm 391 học sinh do 18 giáo viên phụ trách. Xã đã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học (xã chỉ còn 90 người /829 người chưa đọc thông viết thạo, chiếm 10,8% dân số trong xã. Đã có 267 hộ đăng ký xây dựng nếp sống văn hóa mới.

Cơ sở chính trị : Đảng tăng 5 lần, Đoàn tăng 168,7%, Đoàn thể phụ nữ tăng 455,8%, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi đều được chú ý xây dựng phát triển tốt.

Đây là 1 trong 10 xã điểm đối với vùng sâu, vùng xa phát triển từ năm 1995 đến nay, Huyện ủy, UBND huyện, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của huyện Lạc Dương đã chú ý chỉ đạo theo tinh thần Chỉ

thị 25 của Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết 02 của HĐND khóa V.

*** Lâm Đồng chấp hành Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và quyết định 72 của HĐBT nay là Chính phủ về phát triển kinh tế miền núi kết quả 10 năm (1989-1999) .**

Tôi còn nhớ ngày 27 tháng 1 năm 1989, Bộ Chính trị Đảng CSVN khóa VI đã ra Nghị quyết số 22 NG/TW về một số chủ trương chính sách lớn trong phát triển kinh tế xã hội miền núi. Tiếp đến Đại hội VII của Đảng và các kỳ họp Ban chấp hành TW Đảng đã cụ thể hóa, bổ sung cách chính sách miền núi và dân tộc với nội dung : "Làm cho tất cả các vùng trung du miền núi chuyển mạnh sang phát triển kinh tế hàng hóa, phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi khai khoáng. Huy động mọi nguồn lực tại chỗ của cả nước, đi đôi với tranh thủ viện trợ quốc tế, nhằm sử dụng có hiệu quả đất trống đồi núi trọc, khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo, tài nguyên, bảo vệ môi trường, đảm bảo lợi ích của đồng bào các dân tộc. Đẩy mạnh khai thác khoáng sản và thủy năng, hình thành các trung tâm công thương nghiệp, gắn với đô thị và các tổ hợp kinh tế lãnh thổ như vùng than ở Đông bắc, hóa chất phân bón luyện kim và

điện ở Tây bắc cho cả trung du phía bắc , thủy điện và khoáng sản ở Tây nguyên..." Chính sách đối với miền núi, nhà nước hỗ trợ về đầu tư mở mang giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, tài trợ cho công tác y tế giáo dục đào tạo cán bộ cho người dân tộc, đồng thời thực hiện chính sách ưu tiên về ngân sách, tín dụng tiền lương... để thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội... (Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000, trang 20 Nhà xuất bản Sự thật năm 1991 Hà Nội).

Căn cứ Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị TW Đảng... ngày 13/3/1990, Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định 72 thể chế hóa các chủ trương chính sách về mặt Nhà nước...

Qua 10 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết 22 và quyết định 72 của Đảng và Chính phủ, tổ chức chỉ đạo điều hành mỗi năm có bổ sung uốn nắn qua các chương trình 327, chương trình xóa đói giảm nghèo các tỉnh miền núi phía bắc và các tỉnh Tây Nguyên, chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc, chương trình chống bướu cổ, chống sốt rét, thanh toán bệnh phong, chương trình thay thế giống cây trồng vật nuôi, xóa bỏ nạn mù chữ phổ cập tiểu học, phủ sóng phát thanh truyền hình... Thực tế trong nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội miền núi dân tộc, theo tinh thần Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng, sau 10 năm Tỉnh Lâm Đồng chúng ta đã có những chuyển biến khá khích

lệ. Tại hội nghị lần thứ 15 của Tỉnh ủy khóa IV tỉnh ta đã nghiêm túc kiểm điểm đánh giá tình hình công tác xây dựng vùng dân tộc từ năm 1985 đến năm 1989 và đề ra Nghị quyết 22 nội dung tiếp tục phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc 1990 đến năm 2000 và đến tháng 9 năm 1994 Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức khảo sát và thống kê cụ thể công tác định canh định cư 27 xã vùng sâu vùng xa, lập phương án triển khai thực hiện chương trình 327 của TW, Thường vụ Tỉnh ủy khóa 5 đã ra Chỉ thị 25 cụ thể hóa nghị quyết 22 của Tỉnh ủy lần thứ 15 khóa 4 về công tác xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội dân tộc 27 xã vùng sâu vùng xa. Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa 5 đã ra Nghị quyết 02 cụ thể hóa Chỉ thị 25 của Thường vụ Tỉnh ủy khóa 5 và công tác định canh định cư. Năm 1995-2000 tập trung sức làm thí điểm 10 xã thật sự khó khăn nhất của tỉnh, mở đầu cho thời kỳ mới trong công tác định canh định cư của tỉnh, gắn chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc (327) chương trình xóa đói giảm nghèo 27 xã dân tộc vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ kháng hiến thuộc khu vực III của tỉnh (sau khi phân loại) với 4 mục tiêu :

1/ Đầu tư lập vườn cây công nghiệp khoảng 4.565 ha và chăm sóc, cải tạo vườn hộ đã trồng năm 1994 về trước là 1990 ha.

2/ Phát triển chăn nuôi : đầu tư cho dân mua khoảng 8.260 con bò và trâu đưa về phát triển 27 xã vùng sâu.

3/ Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc và bảo vệ 180.000 ha rừng hiện có đối với vùng này.

4/ Tập trung sức xóa mù chữ và phổ cập cấp I, tiểu học, vận động xóa đói giảm nghèo.

Đến nay (năm 2000) theo báo cáo của Ban dân tộc và miền núi đánh giá kết quả sau 5 năm thực hiện công tác định canh định cư của tỉnh và triển khai 10 xã điểm bước đầu đã sự chuyển biến hết sức tích cực. Đó là : (trong 23 dự án của 27 xã)

10 dự án của 10 xã làm điểm đã đầu tư trong 5 năm (1995-2000) : 50.438 triệu.

06 dự án đầu tư 4 năm (1996-1999) : 24.298 triệu

06 dự án đầu tư 3 năm (1997-1999) : 22.623 triệu

01 dự án đầu từ năm (1998-1999) : 3.658 triệu

Kết quả chính sách đầu tư nêu trên, đã tạo được cơ sở vật chất như sau :

1/ Lập được 6.260 vườn hộ với diện tích 3.279 ha cây công nghiệp và đầu tư chăm sóc 2.426,8 ha phát triển trước năm 1995, đầu tư phục hồi 126 ha cà phê của nông trường cà phê Lộc Bảo đã bỏ hoang 5 năm vì không có vốn đầu tư tiếp tục, nay giao cho nhân

dân Lộc Bắc phục hóa. Trồng mới 372,8 ha điều và chăm sóc 696,6 ha điều trồng trước năm 1995.

Đầu tư 22.000 cây giống sầu riêng, chôm chôm và cấp vật tư chăm sóc 14.000 cây ăn trái đã trồng trước năm 1995 đối với vùng này. Đầu tư khai phá thêm 131 ha ruộng lúa nước và đầu tư thâm canh và cải tạo đồng ruộng 180 ha ruộng cũ. Trồng 59 ha mía và đầu tư chăn nuôi, cho dân vay vốn mua 3.418 con trâu bò.

Về lâm nghiệp : 27 xã các lâm trường đã thuê khoán cho nhân dân các dân tộc trồng được 2.668 ha rừng và khoán chăm sóc 2.692 ha trồng tuổi thứ 2 thứ 3. Hợp đồng bảo vệ cho các lâm trường từ năm 1995 đến 1999 là 98.895 ha, giải quyết cho 9.840 lao động có công ăn việc làm, chấm dứt cơ bản nạn du canh du cư.

Sau 5 năm phát triển trên 23 dự án định canh định cư trên 27 xã dân tộc vùng sâu vùng xa ở tỉnh, tổng vốn đầu tư là 112.013 triệu trong đó vốn Trung ương cấp được 48.527 triệu, vốn địa phương đầu tư theo nội dung Chỉ thị 25 của Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định 02 Hội đồng nhân dân Tỉnh là 40.060 triệu, vốn chuyên ngành chuyển về qua các ngành đầu tư trực tiếp cho vùng này là 23.425 triệu... (ngành giáo dục 9.610 triệu, ngành y tế 1.568 triệu, nước sạch và môi trường đầu tư 1.451 triệu, ngành dân số kế hoạch hóa gia đình đầu tư 1.281 triệu, ngành điện đầu tư kéo điện 7 xã vùng sâu 6.384 triệu.

Làm 118 cây số đường liên thôn và xây 10 cầu 106 cống các loại, vốn đầu tư 9 tỷ 75 triệu đảm bảo xe đi lại thông suốt trong mùa khô.

Trong phạm vi 27 xã vùng sâu vùng xa hiện nay cuộc sống của dân còn nhiều khó khăn. Nhưng qua 5 năm thực hiện chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết 02 của HĐND đối với 27 xã vùng sâu vùng xa có những thay đổi tích cực và mạnh mẽ cả chính trị kinh tế văn hóa xã hội, môi trường sinh thái... Cuộc sống không ngừng cải thiện, khắc phục khó khăn đi lên con đường giàu mạnh công bằng văn minh. Trên vùng này đến nay số hộ có thu nhập 10 triệu đồng trở lên có đến 357 hộ, hội đủ 4 mục tiêu của 10 dự án 10 xã điểm bắt đầu từ năm 1995 đến nay. Có 1.040 hộ đạt mức thu nhập từ 5-10 triệu trên hộ năm, thuộc loại trung bình khá. Có 3.115 hộ còn mức thu nhập thấp dưới 5 triệu hộ năm, còn thuộc trong diện đói nghèo. Nhưng so với trước năm 1995 đã giảm đến 4.215 hộ. Đói nghèo hiện nay có khác trước... nay còn đói nghèo nhưng mỗi gia đình đã có mảnh vườn cây công nghiệp (cà phê) từ 1-2 ha đang ở thời kỳ xây dựng cơ bản, còn thời gian chăm sóc từ 1-2 năm nữa mới có sản phẩm đi vào thời kỳ thu nhập trong kinh doanh. Đây là tiền đề để 3.3115 hộ dân tộc, khó khăn nhất của tỉnh Lâm Đồng chuẩn bị bước thế kỷ 21 đi vào con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hiện đại hóa đối với đồng bào dân tộc vùng sâu

vùng xa, vùng căn cứ cách mạng tỉnh Lâm Đồng ta mà phần trước đã có nêu.

Sau 5 năm thực hiện chương trình định canh định cư 27 xã vùng sâu vùng xa trong thực tế có thể rút ra kết luật như sau :

Một là, về nhận thức : làm công tác định canh định cư là làm cuộc cách mạng vô cùng phức tạp lâu dài gian khổ, không thể một sớm một chiều đạt được kết quả ngay đâu... Bởi vì vận động định canh định cư là vận động thay đổi toàn diện, từ tư tưởng nếp sống, tập quán làm ăn lâu đời của nhân dân các dân tộc, đồng thời biến đổi cả mục tiêu yêu cầu phát triển sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, phương thức làm ăn mới, thay đổi cả cách sống và nếp sống của ngàn đời còn lại, nay vận động thay đổi trong một thời gian ngắn nhất, đó là điều cực kỳ khó khăn, nếu dễ thì các dân tộc trên thế giới đã có sự thay đổi từ lâu đâu phải chỉ dân tộc thiểu số ở Việt Nam và địa phương Lâm Đồng ta, mãi đến đời chúng ta và Đảng cộng sản Việt Nam phải tiến hành cuộc cách mạng đầy hy sinh gian khổ để làm việc này.

Tôi nhận thức rằng : việc vận động các dân tộc thiểu số đánh giặc cứu nước tuy khó, nhưng không khó bằng cuộc vận động định canh định cư, thay đổi phong tục tập quán cải cách lối làm ăn từ du canh du cư đi lên con đường định canh định cư chấm dứt phá rừng làm rẫy, từ sản xuất tự túc giản đơn, thuần

nông đi lên sản xuất hàng hóa, sản xuất đa dạng, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa... là cả một quá trình đấu tranh giữa cái tiến bộ và lạc hậu, liên tục cải tiến liên tục cách mạng, hếtt đời này sang đời khác, qua nhiều giai đoạn, khắc phục từng bước giành thắng lợi từng phần, vượt qua khó khăn này đến khó khăn khác, đưa cuộc sống của các dân tộc từ nô lệ đứng dậy làm chủ, từ chưa thật tự giác đến tự giác, từ lạc hậu đến tiến bộ trên con đường văn minh hiện đại, xóa sạch dấu vết cổ hủ nghìn đời... là điều không dễ dàng chút nào ?Lê nin, người thầy của cách mạng vô sản đã có câu nói bất hủ của người là : "Không có gì đáng sợ bằng tập quán và thói quen của con người". Nhưng Lê Nin nói là điều đáng sợ, chứ không phải bó tay... Điều này đã chứng minh trong bước phát triển và biến đổi của nhân dân các dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa trên đất Lâm Đồng 25 năm sau giải phóng thống nhất đất nước. Với tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí ắt làm nên"... Điều đó đã rõ.

Sau 5 năm (1995-2000), Đảng bộ Lâm Đồng đã có những bài học 10 xã làm điểm, vùng khó khăn nhất của tỉnh, đến nay đã có bước thay đổi bước đầu rất cụ thể, theo hướng tích cực, mà khi mở đầu triển khai chưa ai có thể hình dung sự tiến bộ không ngờ. Điển hình như khi đi vào đầu tư xã Đinh Trang Thượng-huyện Di Linh gồm 230 hộ 1429 khẩu, xa trung tâm

huyện gần 50 cây số, bắt đầu triển khai từ tháng 2-1995 đến tháng 2 năm 2000, từ một xã tất cả các hộ trong xã nghèo đói, thì nay đã có 242,65 ha cà phê đã đến kỳ kinh doanh, hộ đói không còn nữa, chỉ còn 25 hộ/230 hộ còn nghèo, cần tiếp tục hỗ trợ thêm trong thời kỳ xây dựng cơ bản, năng suất còn thấp. Đã có 60% số hộ trong xã thu nhập từ 10 triệu đồng/hợ/ năm , đó là điều đáng mừng.

Hai là khi đã có chủ trương chính sách đúng đắn của TW và có quyết định cụ thể của Chính phủ. Đảng bộ địa phương ta ra Nghị quyết và quyết sách thích hợp với điều kiện thực tế mỗi vùng, H ĐND tỉnh chính thức ra Nghị quyết, chính quyền ghi nhận và thông báo chỉ tiêu kế hoạch cụ thể, làm cơ sở phát động quán triệt trong hệ thống chính trị, chính quyền cơ sở, tổ chức học tập tuyên truyền vận động quần chúng tiếp nhận chủ trương, biến chủ trương của Đảng đi vào cuộc sống quần chúng là sức mạnh quyết định, trong việc tổ chức thực hiện đạt kết quả cụ thể thắng lợi vừa qua.

Vấn đề vận dụng chủ trương đường lối chính sách của Đảng, đối với đồng bào dân tộc, cần chú ý chống tư tưởng ỷ lại so bì... dẫn đến đầu tư dàn trải, theo đuôi quần chúng, chạy theo chủ nghĩa bình quân, dẫn đến người nghèo mãi cứ cảnh nghèo, người có lại có thêm, tạo sự bất công trong cộng đồng xã hội, độ chênh lệch giàu nghèo ngày càng xa cách không có điểm dừng.

Trong quan điểm đầu tư, cũng nên tránh tư tưởng ban ơn, mị dân, gây thêm phức tạp, trong cộng đồng xã hội người dân tộc. Nên làm rõ vai trò trách nhiệm hỗ trợ tích cực của Đảng và chính quyền phải làm gì ? Phần nào nhân dân phải chịu trách nhiệm làm thủ tục vay và trả theo cam kết, có thời hạn phải hoàn thành vốn vay, để dân có trách nhiệm làm chủ không để kẻ xấu lợi dung gây phức tạp trong đầu tư .

Ba là vấn đề vốn đảm bảo chủ trương chính sách đầu tư, vốn là vấn đề vô cùng quan trọng có tính chất quyết định đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng sâu vùng xa, nếu không có vốn sẽ không có gì hết, ngược lại người có vốn nhưng không điều hành được vốn thì có không thu được kết quả.

Trước hết cần nhận thức rằng : việc sử dụng vốn đầu tư cho dân tộc vùng sâu vùng xa trên quan điểm hiệu quả tổng hợp, cả kinh tế chính trị xã hội, bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái gắn với an ninh quốc gia, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, tất cả vì cuộc sống con người, làm cho con người tự giác, có trách nhiệm bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái và ngược lại để bảo vệ an ninh quốc gia quốc phòng bảo vệ Tổ quốc một cách vững chắc, phải gắn liền việc phát triển kinh tế-xã hội miền núi và chăm lo đời sống vật chất văn hóa cho các dân tộc là nền tảng

để công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia, quôc phòng, bảo vệ Tổ quốc XHCN bền vững.

Mục tiêu phương hướng đầu tư cho miền núi và dân tộc vùng sâu, vùng xa là phải đầu tư toàn diện, đầu tư đến nơi đến chốn cả trực tiếp và gián tiếp đến tận cơ sở đến tận người dân, mục tiêu đầu tiên là lo xóa đói giảm nghèo, nâng dần mức sống và cách sống của người dân tộc vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Trước khi quyết định chính sách đầu tư phải trên cơ sở điều tra khảo sát toàn diện để phân loại xã thôn, phân loại hộ, xác định đối tượng cụ thể trong phương án đầu tư, tập trung vốn trong từng thời gian cho từng đối tượng thích hợp trong mỗi loại vốn, có trọng tâm trọng điểm và dứt điểm từng xã từng buôn, từng hộ theo yêu cầu cuộc sống sản xuất đặt ra, với điều kiện khả năng nguồn vốn mà đầu tư không dàn trải chia đều... Cần thống nhất mọi nguồn vốn trên địa bàn xã và thống nhất sự chỉ đạo từ trên xuống... Huyện là cấp tổ chức điều hành trong kế hoạch đầu tư, xã là chủ nhân quản lý trực tiếp vốn đầu tư trên địa bàn, thông qua chủ dự án, đối tượng đầu tư là chủ hộ có tư cách pháp nhân vay vốn theo hợp đồng kinh tế có trách nhiệm hoàn vốn của từng hộ, chống mọi tiêu cực thất thoát do trình độ non yếu của dân bị kẻ xấu lợi dụng. Vừa qua nhờ có sự đảm bảo về vốn và có sự xác định đúng mục tiêu và phương thức sử dụng vốn mà đồng vốn đã đến đúng đối tượng mục tiêu yêu cầu đầu tư... nên đã phát

triển có hiệu quả thực chất thật sự, hạn chế mọi tiêu cực xảy ra, đáp ứng lòng tin của dân, bảo vệ được đội ngũ cán bộ đảng viên làm công tác định canh định cư của tỉnh.

Bốn là việc đầu tư cho miền núi dân tộc vùng sâu vùng xa là đầu tư cho con người, tất cả vì con người, mà con người là cuộc sống là lực lượng sản xuất, con người là tế bào, là thành viên của mỗi cộng đồng xã hội.

Vấn đề trước hết phải có kế hoạch không ngừng nâng cao trình độ chính trị văn hóa cho cuộc sống hiện tại và tương lai cả vật chất tinh thần, sức khỏe cho nhân dân là nhiệm vụ quan trọng nhất trong các đối tượng mục tiêu ưu tiên đầu tư cho ai là phải hết sức chú ý... Bởi vì muốn xây dựng phát triển của một xã hội văn minh thì phải bắt đầu từ con người, và phải có con người để lo xây dựng phát triển con người, đó là đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng và bộ máy lãnh đạo điều hành trong hệ thống chính trị của Đảng, chính phủ mặt trận và các đoàn thể ; có tổ chức có cương lĩnh hành động...

Không có bộ máy hợp lý, không có cán bộ tốt điều hành, hết lòng hết sức lo cho nhân dân các dân tộc vùng sâu vùng xa, thì dù có chủ trương đúng đắn, vốn bỏ ra nhiều đến đâu cũng khó đem lại kết quả như mong muốn.

Thành công trong 10 xã điểm khó khăn nhất ở vùng sâu vùng xa của tỉnh Lâm Đồng trong 5 năm qua, nếu không có đội ngũ cán bộ quyết tâm bám dân bám đất, bám vườn bám mục tiêu, cầm tay chỉ việc, luôn luôn sáng tạo trong vận động quần chúng thì không sao có được kết quả ngày nay.

Quá trình 5 năm làm điểm vùng sâu vùng xa càng chứng minh sức sống tư tưởng Hồ Chí Minh :"Chủ trương một biện pháp mười, quyết tâm hai mươi..." Như lời Bác Hồ dặn : "Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, quyết chí ắt làm nên". Đó là tư tưởng nghệ thuật chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Người đã để lại cho Đảng ta, cho nhân dân ta cả tư tưởng ý chí nghị lực và tính kiên trì cách mạng mà người đảng viên cán bộ của Đảng cộng sản chân chính cần phải có, đó là bí quyết thành công của Đảng bộ.

BẢN GÓP Ý

(HỘI NGHỊ CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ 1995 – 2000)

***

Thưa các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy,

Thưa hội nghị,

Tôi có vinh dự được theo dõi suốt quá trình 50 năm công tác ở miền núi và dân tộc . (Cụ thể là địa bàn Lâm Đồng). Trong đó có 25 năm sau giải phóng thống nhất đất nước . Từ khi Lâm Đồng - Tuyên Đức - Đà Lạt thống nhất lại, lấy tên là Tỉnh Lâm Đồng , tôi tiếp tục tham gia chỉ đạo điều hành công tác định canh định cư đến tháng 9 năm 1994 , Trung ương điều về tổ phái viên II khu vực miền Trung và Tây nguyên ,được tổ phân công tôi cùng anh Trần Kiên lại theo dõi vấn đề dân tộc miền núi và cá nhân tôi được đặc trách nằm tại địa bàn Lâm Đồng theo dõi các tỉnh Ninh Thuận - Bình Thuận - Lâm Đồng , giúp Tỉnh Ủy và Uy ban Lâm Đồng tổ chức làm điểm trong thời gian từ tháng 6 - 1994 đến tháng 12 - 1996 , nên cũng tiếp tục đi sâu vấn đề dân tộc , bổ sung thêm vốn hiểu biết của mình.

Qua bản báo cáo sơ kết 5 năm đầu tư phát triển kinh tế xã hội ở 27 xã vùng sâu vùng xa năm 1995

đến 1999 - 2000 . Qua một số địa phương ngành báo cáo bổ sung . Tôi thấy anh em nêu lên được quá trình công tác định canh định cư trong 5 năm ở thời kỳ thứ III từ khi có chỉ thị 25 của thường vụ Tỉnh Ủy khóa 5. Nhưng 10 xã điểm đến nay chưa nêu được con số cụ thể , vì nó là điểm mở đầu của thời kỳ này và việc triển khai là hết sức công phu !

Thứ 2 là công tác dân tộc miền núi ở tỉnh chưa rõ đến nay đã cơ bản hoàn thành công tác định canh định cư theo nội dung nghị quyết Tỉnh Ủy lần thứ 15 khóa 4 số 22 ban hành ngày 6- 6-1990 chưa ?Bởi vì ? Sau khi đại đại hội biểu toàn quốc lần thứ 6 , bộ chính trị đã có nghị quyết 22 và Hội đồng Bộ trưởng nay và Chính phủ có nghị định 72, Tỉnh Ủy khóa 4 chúng ta đã có nghị quyết 22 nêu rõ 3 mục tiêu , 6 biện pháp và có 4 nội dung tổ chức chỉ đạo thực hiện ,nhằm phấn đấu đến năm 2000 hoàn thành công tác định canh định cư ... nay làm đến đâu rồi cần phải đánh giá rõ.?

Vấn đề thứ 3 là quyết định 42 của Uy ban dân tộc Miền núi ra ngày 25 tháng 5-năm 1997, xác nhập 3 khu vực dân cư dân tộc tỉnh ta để vận dụng chính sách đầu tư phát triển cho từng khu vực... nay đã triển khai thế nào và kết quả của nó ?

Vấn đề thứ 4 là đề án tổng quan về công tác định canh định cư của 27 xã, tỉnh ta trình lên chính phủ năm 1996 và báo cáo lên các bộ ngành có liên quan .

Được Bộ Tài chính, Tổng cục Đầu tư , Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn , Ủy ban Dân tộc miền núi có văn bản thẩm định và thống nhất với Ủy ban Kế hoạch và đầu tư có thẩm định tổng quát và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư trình lên chính phủ ,công văn số 522 ngày 24-1-1997 thống nhất xin thủ tướng phê duyệt ... Sau đó kết quả Thủ tướng xét duyệt thay không, có văn bản nào trả lời cho ta không , với phương án ấy thế nào ?

Theo tôi; Công tác dân tộc và miền núi , và vấn đề định canh định cư cho dân tộc của tỉnh Lâm Đồng được đặt ra ngay sau ngày đầu mới giải phóng. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất của các cấp bộ địa phương trong tỉnh đều nêu rõ nhiệm vụ công tác dân tộc và kế hoạch định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương là một công tác trọng tâm thường xuyên của mỗi thời kỳ , xuyên suốt 25 năm . Công tác định canh định cư gắn với công tác bóc gỡ Fulrô; công tác định canh định cư với phát triển giáo dục xóa nạn mù chữ ; Công tác định canh định cư gắn liền với vận động xóa đói giảm nghèo. Đấu tranh giải quyết phong tục tập quán lạc hậu v.v... Do vậy mà cần phải được tổng kết đánh giá rõ!

Theo tôi suốt 25 năm tỉnh ta làm công tác định canh định cư cho dân tộc có thể tạm chia thành 3 thời kỳ:

-Thời kỳ thứ nhất từ năm 1976 - 1986

- Thời kỳ thứ hai từ 1987 đến 1994

- Thời kỳ thứ ba từ 1995 đến 1999-2000

Trong 3 thời kỳ nói trên , tỉnh Đảng bộ ta có 2 nghị quyết quan trọng , đó là nghị quyết 38 của ban chấp hành Tỉnh ủy khóa III và nghị quyết 22 của tỉnh ủy khóa 4 và có chỉ thị 25 của Thường vụ Tỉnh ủy khóa 5 . (Vì chưa tổng kết đề ra được nghị quyết)

Nghị quyết 38 hợp tỉnh ủy lần thứ 11 từ ngày 27 đến 29 tháng 5 năm 1985 bàn chuyên đề về công tác dân tộc ,định canh định cư gắn với việc giải quyết vấn đề Fulro phản động .

Nghị quyết 22 tỉnh ủy khóa 4 họp lần thứ 15 bàn chuyên đề về định canh định cư , ban hành ngày 6-6-1990.

Chỉ thị 25 của thường vụ tỉnh ủy khóa 5 ra ngày 5-9-1994 với nội dung trong báo đã nêu...vùn sâu 27 xã buôn vùng dân tộc ở sâu xa các trục giao thông và đô thị , căn cứ kháng chiến , đã quyết định đầu tư 10 xã buôn điểm là nơi xa nhất , khó khăn nhất .

Quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết :

Đầu tiên là triển khai làm thí điểm cuối năm 1975 - 1976 có 2 điểm xã Lộc Nam và Hòa Bắc (2 buôn Kon Rum) của 2 huyện Bảo Lộc và Di Linh. Cuối năm 1977 triển khai tiếp tục 5 xã đó là N'Thol Hạ- huyện Đức Trọng , Đinh Trang Hòa-huyện Di linh, Ka Đơn- huyện Đơn Dương , xã Lách -Huyện

Lạc Dương ... Những năm tiếp theo ,tỉnh chủ trương phát động quần chúng dân tộc công tác định canh định cư trong tất cả các xã buôn trong đồng bào dân tộc , song song với việc tiếp nhận dân kinh tế mới trên 4 địa bàn , đó là dân kinh tế mới Hà Nội vào định canh định cư Nam Ban- Đức Trọng. Dân kinh tế mới Hà Nam Ninh vào định canh định cư ở nam Di Linh. Dân Hà Sơn Bình vào định canh định cư địa bàn Đạ Tẻh lúc đó là huyện Đạ Huoai.

Theo bản tổng kết 7 năm (1976 đến 1982) của UBND tỉnh đã có đánh giá:Qua 7 năm tỉnh đã đầu tư 15.151.075 đồng , cho công tác định canh định cư , trong đó ngân sách Trung ương cấp 13.427.025đồng. Vốn địa phương đầu tư 1.724.000 đồng. Kết quả 7 năm đã giúp dân tộc phục hồi và phát triển được 5.381 ha ruộng lúa một đến 2 vụ . Đất làm màu và làm rẫy là 9.945 ha . Vườn cây công nghiệp có 1.776 ha . Ba năm tiếp theo của kế hoạch (1983 đến 1985) có bản tổng kết giai đoạn 2 của kế hoạch 5 năm (1980- 1985) chuẩn bị kế hoạch 1986 - 1990 đi vào đại hội lần thứ 4 của Đảng bộ (Các bản tổng kết nói trên nằm trong thơì kỳ thứ nhất .)

Thời kỳ thứ II kéo dài đến 1994 ta vẫn chưa tổng kết được nên Thường vụ Tỉnh ủy có chủ trương cho khảo sát 25 xã vùng sâu vùng xa vùng căn cứ kháng chiến có sự phân tích sâu 27 xã đặc biệt khó khăn nhất , còn lạc hậu nhất trong vùng dân tộc Nhưng chưa họp tổng kết được công tác định canh cư ở thời

kỳ thứ II, nên thường vụ Tỉnh uỷ khóa 5 đã chỉ thị 25. Tôi cho chỉ thị 25 và nghị quyết của HĐND tỉnh ra ngày 5/9/1994 và ngày 10/3/1995 là điểm mở của thời kỳ thứ ba, tiếp tục thực hiện thắng lợi nghị quyết 22 khóa 4 Tỉnh uỷ với tinh thần mới tập trung cao độ giải quyết vùng khó khăn nhất mà sau này gọi là tập trung giải quyết dứt điểm khu vực 3.

Kết qủa thời kỳ 2 đã có bản tổng kết của UBND tĩnh giai đoạn 1 từ 1986-1990, còn từ 1991-1994 chưa có bản báo cáo tổng kết, mà chỉ có bản tổng kết đánh giá 27 xã vùng sâu, vùng xa, chuẩn bị nội dung cho chỉ thị 25, chứ không có bản tổng kết toàn bộ việc thi hành nghị quyết 22 của tỉnh uỷ.

Do vậy mà con số dẫn từ thời kỳ thứ 4 1986-1990 là 13 triệu đồng giá trị tiền mới theo báo cáo kế hoạch 5 năm của UBND tỉnh còn từ 1991-1994 là chưa có con số, chỉ có 27 xã đã khảo sát nêu lên kết quả cụ thể mà thôi. Riêng số vốn 13 triệu và kết qủa giai đoạn 1986-1990 là: Khai hoang thêm cho dân 6500 ha làm vườn hộ dân tộc. Riêng xây dựng cơ sở hạ tầng được 41.000 m2 nhà làm trụ sở, trường học trạm xá cửa hàng là 82 triệu. Làm 680 km đường giao thông nông thôn hết 510 triệu (680kmx750.000/km) công trình này phục vụ cả Kinh và Thượng sử dụng.

Trợ cấp giống cho dân tộc làm vườn là 25.912.000 cây, từ năm 1982-1993 kết qủa sống dưới 50%.

Tổng vốn đầu tư cả 2 thời kỳ 1976-1990 qua các báo cáo của UBND tỉnh là:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng :953.800.000 đồng

- Đầu tư xây dựng sự nghiệp kinh tế phúc lợi xã hội : 162.150.000 đồng

- Đầu tư định canh định cư lập vườn hồ và chăn nuôi cho dân tộc ta 1.116 triệu

Riêng thời kỳ 1986-1990 tổng vốn đấu tư theo dự trù 1.120 triệu (mỗi năm 140 triệu).

Đặc biệt thời kỳ thứ II của thời gian nói trên theo tinh thần nghị quyết 22 của tỉnh uỷ khóa 4 với nội dung nêu phần đầu nay chưa được tổng kết.

Nhưng trong thời kỳ thứ II còn có bản kết luận 12 năm chiến đấu đánh bại lực lượng vũ trang Fulrô phản động có liên quan chặt chẽ đến công tác định canh định cư vùng đồng bào dân tộc góp phần đánh thắng fulrô năm 1987. (Cuộc họp tổng kết tại Đà Lạt tháng 11-1987).

Cuối năm 1990, thời gian tập trung chuẩn bị đại hội Đảng bộ lần thứ 5 và cũng thời gian này Trung ương chỉ đạo việc tổng kết 5 năm đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp quốc doanh theo nghị định của

Chính phủ, nên Thường vụ Tỉnh ủy khóa 4 chủ trương hoãn việc tổng kết 5 năm công tác định canh định cư 1986-1990, để sau đại hội Đảng bộ lần thứ 5 sẽ tổng kết và ra nghị quyết mới. Đến cuối 1992 đầu năm 1993 Chính phủ ra quyết định 327 chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc theo chương trình mục tiêu gắn nông-lâm, tưng bước xã hội hoá nghề rừng. Do đó mà vào cuối năm 1993 Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương lập Ban chỉ đạo tổ chức điều hành phương án 327 và tổ chức tốt khảo sát 25 xã buôn dân tộc thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến để tập trung đầu tư giải quyết bộ phận dân tộc đang còn diện khó khăn nhất của tỉnh. Nhưng cũng chưa họp được Tỉnh ủy khóa 5 để ra nghị quyết, nên đã ban hành chỉ thị 25 ngày 5/9/1994 tập trung đầu tư cho 26 xã đã khảo sát có kết luận và quyết định lấy 10 xã buôn khó khăn nhất trong 27 xã buôn làm trước (gọi là điểm) theo phương thức đầu tư tập trung cuốn chiếu dứt điểm. Để chỉ thị 25 có hiệu lực tỉnh đã hình thành chương trình đưa ra HĐND kỳ họp thứ 4 khóa 5 ngày 10/3/1995 biểu quyết thông qua, trở thành nghị quyết của HĐND tỉnh. Đây cũng là mở đầu công tác định canh định cư của thời kỳ thứ III.

Sau khi triển khai 10 xã buôn điểm có kết quả ban đầu, Thường vụ Tỉnh ủy khoá 6 đã có chủ trương cho mở rộng đầu tư tiếp tục các xã buôn còn lại trong 27 xã nói trên, thành nhiều đợt liên tiếp và kế tiếp. Đến nay thì 10 xã buôn (7 xã + 1 vùng + 2 buôn) đã

được đầu tư 5 năm đủ 3 mục tiêu. Có 6 dự án (7 xã buôn) được đầu tư 4 năm trong 3 mục tiêu, và 6 dự án 7 xã buôn được đầu tư 3 năm với 3 mục tiêu của dự án. Còn 1 xã đã đầu tư 2 năm theo dự án 27 xã nói trên. (Tính đến năm 1999).

Trong bản tổng kết phân khu vực theo chủ trương của Uy ban Dân tộc và miền núi để vận dụng chính sách đầu tư, thì tỉnh đã xác định 3 khu vực trình lên và trên đã duyệt và thông báo cho tỉnh theo văn bản số 42 ngày 23/5/1997 phân vùng dân tộc tỉnh ta thành 3 khu vực như sau:

Khu vực 1: Có 41 buôn - 7.173 hộ - 44.037 khẩu, chiếm 31,6% tổng số hộ dân tộc, 30,6% tổng số khẩu trong dân tộc. Chú ý số dân tộc nằm ở khu vực 1 nói trên tất cả sống xen kẽ trong các xã Kinh trên trục lộ, ven thị trấn, thị xã, tư liệu sản xuất ổn định, từ lâu chấm dứt phát nương làm rẫy, đời sống vật chất, tinh thần ngày được cải thiện tiến bộ.

Khu vực 2: Có buôn, 9.577 hộ, 58.287 khẩu chiếm 39,2% tổng số hộ dân tộc, 40,3% tổng số khẩu đồng bào dân tộc gốc địa phương. Số này đã định canh định cư nhưng chưa đều và chưa vững chắc, theo số liệu khảo sát năm 1997, thực tế cuộc sống được phân thành 3 mức:

1. Mức thứ nhất (loại khá) có 10 buôn- 1.727 hộ, 9.901 khẩu. Tư liệu sản xuất ổn định, đời sống vật

chất, tinh thần được cải thiện, có thu nhập bình quân từ 2 triệu /năm trở lên.

2. Mức thứ hai có 42 buôn- 4.525 hộ, 28.157 khẩu. Bình quân có thu nhập từ 1 đến 2 triệu đầu người trở lên, thuộc loại trung bình và khá, có xu thế phát triển.

3. Mức thứ ba: thuộc loại còn khó khăn gồm 41 buôn, 3.345 hộ, 20.929 khẩu có thu nhập bình quân dưới 1 triệu đồng/ đầu người/ năm, chưa thật chủ động vươn lên mà còn có sự giúp của cộng đồng.

Khu vực thứ ba, là khu vực khó khăn nhất, lạc hậu nhất, nằm trong vùng 27 xã có 113 buôn, 9.391 hộ, 42.498 khẩu(lấy số liệu khảo sát năm 1994).

Khu vực này trước năm 1995 (ngày lập phương án đầu tư) có 80% dân số không biết chữ, 80% trẻ em suy dinh dưỡng, 47% dân số mang mầm bệnh sốt rét.

Trong 27 xã khu vực III nói trên, tư liệu sản xuất có trước năm 1995 là: 500 ha ruộng lúa, 700 ha chè, 430 ha cà phê, 1.670 cây điều, 100 ha vườn cây ăn trái. Bình quân đầu người có được 600 m^2 đất canh tác nhưng phân bổ không đều, nhiều hộ không có vườn, thường xuyên hàng năm có 60 đến 70% hộ đói từ 3 đến 6 tháng giáp hạt mùa rẫy.

Sau 5 năm (1995-1999-2000) tỉnh và Trung ương tập trung đầu tư trên địa bàn này là 121.623 triệu trên 186 tỷ trong kế hoạch tổng quan trình Uy ban

Kế hoạch và đầu tư Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ từ năm 1995 đến năm 2000. Trong đó vốn cấp phát của Trung ương là 86.499 triệu. Vốn địa phương 40.060 triệu và cho vay không lãi.

Riêng 10 xã điểm được đầu tư 5 năm là: 50.458 triệu (trong 121 tỷ nói trên) trong 10 xã điểm nay phát triển khá tốt. Trừ vùng Đạ Nha, huyện Đạ Tẻh còn khó khăn, sản xuất và đời sống chưa ổn định. Hai là thôn 5 Cát Tiên, do đường sá đi lại khó khăn và bị 2 năm liền mất mùa hạt điều nên có bị thiếu đói. Ba là xã Đạ Ploa-huyện Đạ Huoai cũng bị 2 năm mất mùa cây điều nên đời sống gặp khó khăn.

Nhìn chung trong 10 xã buôn làm điểm 5 năm, nay đạt kết quả 70% đơn vị xã buôn đạt kết quả tốt trên 3 mục tiêu 3 yêu cầu đề ra.

Vài nét về sự tham gia đóng góp sự nghiệp định canh định cư:

Trong công tác định canh định cư theo tinh thần chỉ thị 25 của Thường vụ Tỉnh ủy đạt kết quả như ngày nay là có sự đóng góp tích cực của toàn Đảng bộ, của chính quyền các cấp, các ngành, các đoàn thể mặt rrận trách nhiệm cao. Nhưng cũng thẳng thắn mà nói trong nhận thức vẫn không sâu, không đều. Còn một số nhược điểm làm hạn chế việc thực hiện phương án điểm của từng địa phương. Tôi có đọc các nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện, tất cả đều hạ quyết tâm đến năm 2000 cơ bản hoàn thành công tác

định canh định cư trên địa bàn huyện mình với chỉ tiêu bình quân đầu người trong đồng bào dân tộc có từ 3 đến 4 sào đất canh tác cây công nghiệp dài ngày, đây là chỉ tiêu phấn đấu rất cao nhưng nay đi vào đại hội có kiểm điểm xem thực hiện thế nào không? Tôi đề nghị Thường vụ Tỉnh ủy nhắc các huyện xem xét kiểm điểm phân tích, phê phán chỉ tiêu này xem sao trong mỗi huyện.

Về các nghành: trong một số ngành có liên quan cũng cần có sự đánh giá nghiêm túc.

1/ <u>Trước hết nói về ngành nông nghiệp phát triển nông thôn</u>:

- Các lâm trường đã gắn liền với phương án điểm định canh định cư , các đồng chí có cố gắng thực hiện tốt. Nhưng việc triển khai phương án giao rừng làm cho rừng có chủ cụ thể, thì còn quá tắc trách, chưa đúng ý nghĩa của nó, thực chất là thuê dân giữ hàng năm, có tình trạng buôn nhiều, buôn ít, hộ có, hộ không, quần chúng so bì. (Xem mẫu thống kê kèm theo rõ hơn).

- Công tác khuyến nông, tôi theo dõi đài và báo, thấy anh em tập huấn quá nhiều lớp, nhiều lượt. Nhưng trong thực tế thì sự chuyển biến trong cuộc sống của người dân quá ít. Vừa qua tôi có đi thăm dân một vòng, hỏi thăm năng suất cây trồng trong đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng làm điểm, thì phổ biến năng suất chè búp tươi từ 1 tấn rưỡi đến

2 tấn rưỡi 1 ha năm, cà phê bình quân 5 đến 7 tạ nhân 1 ha năm.

Nhìn vườn chè thấy mô hình vườn cây có dạng mặt bằng 5 sông 7 núi như cách đây 3 năm nay tôi đến ; thấy trước sao-nay vậy ! (vườn trà Lộc Bắc, Lộc Bảo, LộcLâm).

Nhìn đám cà phê tùm lum, tược non tua tủa thân cây mẹ giống bụi cây rừng. Vì sao việc tập huấn cuả ta nhiều và rất tốn phí. mà không chuyển biến được trong cuộc sống của dân cần phải xem xét !

Việc giải quyết cấp đất sản xuất triển khai quá chậm, nên một số buôn, một số hộ gặp không ít khó khăn. Nay đã 5 năm rồi mà còn một số buôn, 1 số hộ chưa có đất sản xuất làm ăn, với tiêu chuẩn đầu người 2 sào nói chi theo nghị quyết của huyện phấn đấu trong vùng đồng bào dân tộc đầu người 3-4 sào.

Gần đây chấp hành chỉ thị 393 của Thủ tướng Chính phủ quy hoạch sắp xếp bố trí dân cư đồng bào dân tộc... Nhưng nghe nói quy hoạch thì làm xong, còn bước cắm mốc phân lô, giao cụ thể thì chưa làm được và trở ngại thủ tục đầu tiên nên việc đâu còn đó. Có phải thế không ? Hội nghị này cũng nên có sự chỉ đạo giải quyết triệt để.

2/ <u>Ngành Kế hoạch và cơ quan Tài chính</u>:

Vấn đề giao kế hoạch xác định xác định cấp vốn so với trước có nhiều tiến bộ hơn, việc cấp phát vốn

cũng đỡ khó khăn hơn. Nhưng trong thực tế thì nghị quyết của HĐND thông qua thường mất 20% yêu cầu cân đối. Khi Tài chính lệnh cấp phát hàng năm thường mỗi năm chỉ đạt 70 đến 80% chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Chưa nói đến vốn cấp phát không kịp đáp ứng yêu cầu thời vụ, dẫn đến nguyên nhân chất lượng cây trồng thấp, kỹ thuật thâm canh không đảm bảo, năng suất sản lượng không cao.

Mặc dù vậy, nhưng 3 năm thời gian đầu theo dõi làm điểm của tỉnh, thấy so với trước chưa thật tập trung giải quyết điểm thì nay có tiến bộ hơn nhiều, làm điểm qua 5 năm đạt kết quả tốt, các Ban chỉ đạo điều hành chuyển biến tích cực, bộ mặt vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến có nhiều đổi mới theo hướng tích cực. Nhưng chúng ta chưa thật sự đi vào tổng kết thực tế nghiêm túc. Tôi xin mạnh dạn phát biểu từ sự nhìn nhận cảm tính của mình có thể còn chủ quan nhưng cứ nói thật để hội nghị tham khảo... Tôi vẫn thấy còn có hiện tượng đầu voi đuôi chuột, đánh trống bỏ dùi. Đề phòng vấn đề này nên khi triển khai phương án 10 xã điểm, từng hộ có sổ hợp đồng suốt 5 năm do xã quản lý, buôn điều hành... Nay thì sơ kết chẳng thấy ai nói gì tổng kết theo sổ hợp đồng của hộ, để xem sự tăng trưởng 5 năm từng hộ, từng buôn, từng xã phát triển theo chiều hướng nào? mà đó chính làtập cho xã cách quản lý đời sống kinh tế-xã hội của dân mà mình nắm trong tay, bỏ

thói quan liêu, làm láo, báo cáo suông. Viện dẫn con số chung chung theo kiểu động viên chính trị, khen-chê cân đối để khỏi mếch lòng ai ! Kiểu như thầy bói nói vừa: "chồng chị số chết ban ngày... nhưng vì thương con, nhớ vợ chết rày ban đêm" cứ như vậy thì không xây dựng chỉnh đốn được ai ! Tôi nói vậy hơi quá lời chỉ vì lòng đang lo đó thôi! (Tôi có xin Chi cục định canh định cư bản thống kê 5 năm đầu tư 10 xã điểm, từ cơ sở báo cáo lên, xin đính kèm để tham khảo. Đúng-sai chưa biết.

3/ Ngành Giao thông vận tải và Thương nghiệp:

- Ngành Giao thông trong công tác định canh định cư , có thành tích đóng góp lớn trong 25 năm, làm đường 2983 cây số đường giao thông nông thôn là một kỷ lục. Nhưng trong chỉ đạo điều hành cụ thể là thiếu sâu sát, chặt chẽ nên có tình trạng làm con đường Lộc Thắng đi Lộc Bắc, Lộc Bảo đoạn dốc B40 trên 40 cây số đường đèo đến nay tròn 5 năm kế hoạch vẫn chưa xong! Hai con đường ngã ba Bằng Lăng vào Rô Men qua Đầm Ròn dài 25 cây số, sau 7 năm vẫn chưa thông nổi tuyến. Trong đó có vấn đề kỹ thuật khảo sát duyệt thiết kế cho lệnh thi công nhưng hàng năm vẫn cứ nắn đi nắn lại bao nhiêu lần vẫn chưa ổn, gây lãng phí tiền của là bao nhiêu đố ai tính được !

Ngành Vận tải thương nghiệp tôi thấy mỗi xã có cửa hàng vật tư lương thực thực phẩm. Nhưng cước vận tải thì nghe nói có chính sách bù giá đối với vùng sâu vùng xa, thế mà hỏi nhân dân thì cước vận tải có lúc lên đến 1000 đồng 1 ký chở từ Lộc Bắc ra Bảo Lộc và vật tư, lương thực chở từ ngoài vào trong mùa mưa cũng giá ấy. Nhiều nơi khác cũng phản ảnh như thế... đúng-sai cần thẩm tra.

Thương nghiệp thì chỉ bán từng đợt, còn thường xuyên vẫn các quán hàng tư nhân làm chủ thị trường cả mua và bán... là điều cần nghiên cứu, ta nên giúp dân sau đây, để khỏi bị ép cấp, ép giá là điều phải suy nghĩ .

Tôi phát hiện một vài việc nêu trên để hội nghị này tham khảo và Thường vụ Tỉnh ủy xem xét. Tôi biết rằng: Thường vụ Tỉnh ủy đã chọn 10 đơn vị xã buôn làm điểm là một quyết định đúng đắn có quyết tâm lớn lao, và 5 năm đã dồn sức đầu tư xây dựng đảm bảo đến năm 2000 cơ bản hoàn thành công tác định canh định cư vùng dân tộc theo tinh thần nghị quyết 22 của Tỉnh ủy khoá 4 đề ra, chuẩn bị tư thế bước vào thế kỷ 21. Nhưng nay chưa được tổng kết toàn diện, cuộc họp hôm nay chỉ mới sơ kết phạm vi 27 xã vùng sâu vùng xa, nhưng lại chưa tách được kết quả cụ thể 10 xã điểm đã hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng 5 năm, thế là chưa đạt được yêu cầu đề ra trong chỉ thị 25 của Thường vụ Tỉnh ủy khóa 5 đề ra.

Từ suy nghĩ trên, xin đề nghị Thường vụ Tỉnh ủy nên có chủ trương chỉ đạo tổng kết công tác định canh định cư cả trên 3 khu vực, tổng kết từ cơ sở thôn buôn, xã, huyện, thời gian tổng kết 25 năm thực hiện chính sách dân tộc, triển khai công tác định canh định cư và 15 năm triển khai chấp hành nghị quyết 22 của Bộ Chính trị khoá 6, quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), nghị quyết 22 của Tỉnh ủy khoá 4 nhằm rút ra kết luận đúng đắn những việc làm được vàchưa làm được, những bài học rất cụ thể thiết thực, đề ra chủ trương, biện pháp công tác định canh định cư phát triển trong những năm bước vào thế kỷ 21 trên lĩnh vực công tác cực kỳ khó khăn này trong mục tiêu kinh tế-xã hội ở tỉnh không thể xem nhẹ vùng dân tộc.

Thế kỷ 21 là thế kỷ khoa học kỹ thuật, trí thức kinh tế vào thời đại trí tuệ kinh tế ... Đất nước ta, Đảng ta đang tập hợp sức mạnh, chuẩn bị vươn dậy, sửa soạn hành trang hòa nhập ở khu vực và quốc tế, cùng cất cánh bay vào thiên niên kỷ mới.... Tôi cho rằng: Đảng bộ Lâm Đồng sớm quán triệt sâu hơn tầm quan trọng chính sách dân tộc, công tác định canh định cư, tổ chức chấp hành nghiêm túc nghị quyết của Đảng, Chính phủ và nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy, đưa nghị quyết thật sự đi vào cuộc sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh cụ thể.

Chúng ta tự hào 25 năm qua, Đảng bộ ta đã đưa các dân tộc thiểu số trong tỉnh từng bước đi lên, hòa nhập từng phần vào cộng đồng xã hội Kinh-Thượng thật sự đoàn kết tương trợ bình đẳng trong tỉnh. Đến nay cơ bản đã chấm dứt nạn phá rừng làm nương rẫy, nó là tập quán canh tác ngàn đời lưu lại. Dưới chế độ ta qua một phần tư thế kỷ Đảng bộ Lâm Đồng đã lãnh đạo, chính quyền ta điều hành, mặt trận và các đoàn thể vận động đồng bào ta chịu đi vào định canh định cư, nhà nhà đã có tư liệu sản xuất trên xu hướng ổn định. Trong đồng bào dân tộc nay đã có hàng chục ngàn hecta đất canh tác bằng vườn cây công nghiệp, là điều kiện, tiền đề phát triển sản xuất hàng hóa từ nhỏ đến lớn, cơ sở vật chất, văn hóa hòa nhập với nền kinh tế thị trường, chịu sự quản lý Nhà nước, thực hiện mục tiên dân giàu-nước mạnh-xã hội công bằng-dân chủ và văn minh, Kinh-Thượng thật sự đoàn kết, bình đẳng, cùng đi lên phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng xã hội chủ nghĩa, con đường hạnh phúc của mọi dân tộc trên đất nước ta và sớm thể hiện trên địa bàn Lâm Đồng chúng ta.

Chúc Thường vụ Tỉnh ủy sức khoẻ !

Chúc hội nghị thành công./-

PHẦN VII

(12 NĂM GIẢI QUYẾT LỰC LƯỢNG FULRO PHẢN ĐỘNG VŨ TRANG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC)

Thành quả công tác định canh định cư là yếu tố cơ bản chiến thắng lực lượng Fulro vũ trang phản động chống phá cách mạng trong vùng dân tộc (từ năm 1975 đến năm 1987).

I/ Bài phát biểu của đ/c Phạm Thuần – Thường vụ Khu ủy khu 6 phụ trách an ninh khu 6.

Về Phát động phong chèo toàn dân và toàn quân tỉnh Lâm Đồng đấu tranh chống Fulro :

I/ Tình hình và các hoạt động chống Fulro :

Tỉnh Bình Tuy, một trong 7 tỉnh thành thuộc khu VI được giải phóng cuối cùng vào ngày 23/4/1975.

Quân thù trên địa bàn toàn khu đã bị quét sạch.

Thực hiện chủ trương cấp bách của Thường vụ khu ủy VI, quân dân các tỉnh đều ra sức đẩy mạnh các việc :

-Liên tục truy quét tàn binh địch còn lẩn trốn, chưa ra trình diện với chính quyền cách mạng, đi đôi với thiết lập trật tự, an toàn xã hội.

-Khẩn trương xây dựng chính quyền cách mạng, các tổ chức đoàn thể quần chúng và lực lượng nửa vũ trang ở các vùng mới giải phóng.

-Đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống các mặt của nhân dân.

Trước khí thế hào hùng của cách mạng, từ sau ngày 30/4 đến suốt tháng 5/1975, tình hình chính trị và trật tự xã hội nhìn chung được yên ổn. Nhưng qua tháng 6/1975 đã xuất hiện các hoạt động của các tổ chức phản cách mạng như :

-Bọn ngụy quân ngụy quyền câu kết với bọn phản động đội lốt tôn giáo vận động thành lập các tổ chức phản động (liên minh các tôn giáo chống cộng, Mặt trận dân quân phục quốc, mặt trận quốc gia giải phóng Việt Nam-Cộng hòa, Tây Nguyên tự trị, lực lượng phục hưng Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn chống cộng Đông Nam Á).

-Từng lúc từng nơi xen vào các vụ giết người cướp của của bọn lưu manh.

-Hoạt động táo bạo nhất là lực lượng của Mặt trận thống nhất giải phóng các sắc tộc bị áp bức (Fulro). Chúng đã tập kích bộ đội ta vào ngày 6/7/1975 đang công tác ở buôn Tiêng Liêng giết đ/c

Hùng, Phó Bí thư tỉnh Quảng Đức và đ/c Thanh Tỉnh đội trưởng Tuyên Đức.

Cũng vào ngày này bọn Fulro chặn xe bắt người ở Dulong trên đường số 1A và đèo Cậu trên đường 11 thuộc tỉnh Ninh Thuận.

Các vụ trên đã gây xúc động mạnh và phẫn nộ trong các đảng bộ và bộ đội ta.

Tóm lại, chỉ trong tháng 6/1975, trong tọa đàm toàn khu đã xuất hiện nơi nào cũng có hoạt động gây rối, chống phá cách mạng bằng các lực lượng phản động khác nhau với nhiều hình thức, mức độ, phạm vi và quy mô khác nhau như có sự điều khiển theo một kế hoạch phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức phản động, trong đó Fulro là lực lượng chủ công, thường xuyên hoạt động một cách táo bạo nhất.

Trước tình hình ấy, vào những ngày từ 6 đến 12/9/1975, Khu ủy khai hội mở rộng để quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của TW về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam sau ngày giải phóng ; đồng thời đánh giá tình hình các mặt trong địa bàn toàn khu, nhất là thực hiện công tác trấn áp phản cách mạng. Về công tác này, Khu ủy có mấy nhận xét :

a./ Từ sau ngày giải phóng toàn khu đến nay đã có 314.200 ngụy quân và nhân viên ngụy quyền ra

trình diện và nộp vũ khí cho chính quyền Cách mạng (trong số này có 1 chuẩn tướng, 720 sĩ quan cấp tá, 12.054 cấp úy), nhưng còn một số sĩ quan, ác ôn vẫn còn lén lút trong dân chưa ra trình diện.

b./ Trước khí thế cách mạng sôi nổi của quần chúng, bọn phản cách mạng phần lớn co lại, nhưng dần dần bắt đầu móc nối với nhau và hoạt động chống phá cách mạng ngày càng rõ rệt. Qua hoạt động của chúng đến nay có thể phân loại các bọn phản động phá hoại hiện hành như sau :

- Các tổ chức do Mỹ xây dựng và chuẩn bị từ trước để tiếp tục phá hoại khi cách mạng đã giành được chính quyền. Nổi rõ là bọn Fulro ở Tây Nguyên. Lực lượng chúng tuy không nhiều, nhưng hoạt động rất trắng trợn. Ngoài ra có một số sĩ quan cấu kết dùng bọn gián điệp do Mỹ huấn luyện, tổ chức mật khu, tập hợp lực lượng để chống phá cách mạng.

- Các đảng phái phản động như Quốc dân đảng, Đại Việt... thỉnh thoảng từng nơi, từng lúc hoạt động phá rối, gây tiếng nổ, rải truyền đơn, viết khẩu hiệu chống cộng, hăm dọa ám sát cán bộ cách mạng...

- Bọn phản động đội lốt tôn giáo (Thiên chúa giáo, Tin Lành, Phật giáo...), bọn phản động trong tư sản mại bản và trong giai cấp địa chủ nấp dưới các tôn giáo, tuyên truyền xuyên tạc, tìm cách nắm và ngăn chặn các giáo dân thực hiện các chủ trương của chính quyền cách mạng.

Hoạt động của chúng có gây thiệt hại cho cán bộ, bộ đội, quần chúng ảnh hưởng đến công việc làm ăn sinh sống của nhân dân ở một số vùng mới giải phóng, vùng cơ sở ta còn yếu.

Nhìn chung tình hình trên từ sau giải phóng đến nay (tháng 9/1975) được ổn định, bọn phản động phá hoại bị cô lập trước quần chúng. Tuy vậy, công tác trấn áp phản cách mạng chưa được tiến hành tích cực và toàn diện.

Qua việc xem xét đánh giá tình hình hội nghị khu ủy nhận định về âm mưu địch :"Bộ máy ngụy quân, ngụy quyền, tay sai của đế quốc Mỹ vẫn tồn tại, đầu óc phục thù giai cấp trong đám đầu sỏ ngụy quân, ngụy quyền rất sâu sắc, bọn quốc dân Đảng, Đại Việt, CIA vẫn còn lén lút hoạt động. Mặc dù đế quốc Mỹ không có khả năng trở lại xâm lược nước ta, nhưng chúng vẫn còn nhiều âm mưu mới, phá hoại cách mạng lâu dài. Trước mắt từng nơi, từng lúc chúng gây ra bạo loạn vũ trang bằng lực lượng Fulro ở Tây Nguyên và miền núi các tỉnh đồng bằng, phá rối an ninh chính trị và trật tự xã hội, nếu chúng ta mất cảnh giác, lơi lỏng trong công tác trấn áp phản cách mạng.

Vì vậy, cuộc đấu tranh giai cấp, trấn áp phản cách mạng vẫn còn là cuộc đấu tranh phức tạp và lâu dài.

Về phương hướng nhiệm vụ trong toàn khu, hội nghị cụ thể hóa NQ 24 của TW với nhiệm vụ cơ bản là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế và an ninh quốc phòng.

Về công tác an ninh, quốc phòng, NQ hội nghị nhấn mạnh 3 công tác lớn: xây dựng chính quyền, trấn áp phản cách mạng, đặc biệt là tích cực chống Fulro và đẩy mạnh công tác dân vận, mặt trận.

Ba công tác trên được tiến hành đồng thời tác động qua lại tạo nên sự an toàn xã hội vững chắc để thúc đẩy các công tác khác phát triển.

Về xây dựng chính quyền phải khẩn trương củng cố và xây dựng chính quyền các cấp nhất là chính quyền cơ sở phải trong sạch về chính trị, có năng lực lãnh đạo thực sự phục vụ nhân dân, thành một công cụ sắc bén của chuyên chính vô sản.

Về công tác trấn áp phản cách mạng, hội nghị quyết định kiên quyết và nhanh chóng trấn áp triệt để, đập tan những mưu đồ ngóc đầu dậy của bọn phản động trong ngụy quân ngụy quyền, bọn phản động trong các đảng phái và tôn giáo. Kiên quyết và nhanh chóng quét sạch bọn Fulro.

Phải kết hợp phong chèo quần chúng đông đảo, mạnh mẽ với hoạt động của các cơ quan chuyên môn, kết hợp các biện pháp hành chính, kinh tế, chính trị,

văn hóa... Các cấp các ngành, các lực lượng đều có nhiệm vụ phối hợp làm công tác trấn áp phản cách mạng và chống Fulro.

Về công tác dân vận và mặt trận, hội nghị khẳng định : công tác dân vận là một trong những công tác cơ bản quan trọng nhất. Các tầng lớp nhân dân ta tuy có tinh thần yêu nước, nhưng lại bị địch kèm cặp, tuyên truyền xuyên tạc trong thời gian dài, do đó phải phát động tư tưởng quần chúng một cách sâu sắc và rộng rãi, làm dấy lên phong chèo mạnh mẽ, quét sạch mọi di hại của địch để lại, xây dựng chính quyền và các đoàn thể cách mạng, qua đó mà trấn áp phản cách mạng, tích cực chống Fulro, gìn giữ an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Nội dung phát động tư tưởng phải gắn chặt với nhiệm vụ chính trị và các chính sách lớn của Đảng như chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, đặc biệt làm rõ chính sách khoan hồng của mặt trận giải phóng và chính quyền cách mạng.

Trước sự đòi hỏi cấp thiết về ổn định chính trị và an toàn xã hội, các tỉnh trong toàn khu đều huy động toàn lực quân, dân, chính, đảng để thực hiện nghị quyết của Khu ủy trong hoàn cảnh liên tục thay đổi về tổ chức lãnh đạo và chỉ đạo đã ảnh hưởng phần nào đến tư tưởng chỉ đạo và lực lượng thực hiện. Cụ thể là :

Cuối tháng 9/1975, TW Đảng quyết định giải thể khu VI, chuyển toàn địa bàn khu thành một tỉnh rộng lớn gồm có biển, đồng bằng và miền núi bao la. Với tên là tỉnh Thuận Lâm có dân số gần 5 triệu người, lấy thị xã Phan Rang làm tỉnh lỵ.

Tổ chức chưa được ổn định thì sau đó 4 tháng vào tháng 3/1976. TW có quyết định giải thể tỉnh Thuận Lâm với lý do là quá rộng và chia lại thành 2 tỉnh : tỉnh Thuận Hải gồm các tỉnh duyên hải và tỉnh Lâm Đồng (mới) gồm các tỉnh miền núi. Tiếp theo, cắt phần thuộc tỉnh Quảng Đức giao về Đaklak và không bao lâu Thành phố Đà Lạt được TW giao về trực thuộc tỉnh Lâm Đồng (mới).

Lợi dụng tình hình trên, bọn phản cách mạng, bọn lưu manh giết người cướp của và bọn Fulro nổi lên hoạt động hàng loạt gây mất ổn định chính trị và an toàn xã hội.

Trong lúc Tỉnh ủy Lâm Đồng (mới) tiếp tục thi hành, NQ tháng 9/1975 của khu ủy VI về công tác trấn áp phản cách mạng thì vào đầu tháng 2-1977 Chỉ thị số 04 Ban bí thư TW Đảng ra đời. Chỉ thị xác định : cuộc đấu tranh chống Fulro là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh chống phản cách mạng trong cả nước mà địa bàn Tây Nguyên (trong đó có Lâm Đồng) giữ vị trí trọng yếu. Vì vậy trước mắt, cấp ủy các tỉnh Tây nguyên và các tỉnh đồng bằng có đồng bào dân tộc miền núi giáp Tây Nguyên phải tập

trung sức giải quyết về cơ bản vấn đề Fulro trong thời gian ngắn nhất.

Khu ủy Khu VI trước đây và Tỉnh ủy Lâm Đồng (mới) đều nhất trí với TW về xác định tính chất quan trọng và phức tạp của vấn đề Fulro, vì tuy có một vấn đề nhưng lồng quyện vào nhau cả 2 chính sách lớn của Đảng trong thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo. Do vậy hội nghị Tỉnh ủy Lâm Đồng bàn kỹ về biện pháp thực hiện phải tuyệt đối bảo đảm "an toàn chính trị", trong đó công tác phát động tư tưởng, giác ngộ cách mạng cho nhân dân nói chung và đồng bào dân tộc nói riêng được đặt lên hàng đầu đúng với tính chất quan trọng của nó; hoạt động của các ngành kinh tế, xã hội và các lực lượng bộ đội, công an có tác dụng hỗ trợ đắc lực.

Trong phát động tư tưởng, giác ngộ cách mạng cho nhân dân, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc cần phải tránh 2 khuynh hướng cực đoan : một là theo đuôi quần chúng, hai là đi trước cách xa quần chúng, mà phải cùng đi với quần chúng để bằng mọi cách thích hợp nâng giác ngộ của đồng bào lên từng bước cơ bản, vững chắc, thể hiện đúng vai trò lãnh đạo của Đảng.

Để giúp việc giải quyết về cơ bản vấn đề Fulro trong thời gian ngắn, hội nghị quyết định chia thành 3 tuyến trên từng vùng lấy buôn làng làm trung tâm

để bố trí và sử dụng lực lượng khác nhau cần thiết trên từng tuyến :

-Tuyến "trong " là tuyến tập trung đồng bào buôn làng, được bố trí một đội công tác mạnh gồm cán bộ Đảng, đoàn thể và chính quyền (cán bộ các ngành kinh tế, y tế, giáo dục), làm công tác phát động tư tưởng, giác ngộ cách mạng, làm cho nhân dân vừa thấy rõ chế độ xã hội tốt đẹp của ta, và chính sách khoan hồng của cách mạng, vừa nhận ra âm mưu độc ác của địch, qua đó mà phân hóa, bóc gỡ những cơ sở mật của Fulro sống chen trộn, trong dân cũng như những gia đình, người thân có anh em đi theo Fulro trong rừng nhằm tích cực lôi kéo họ đứng vào hàng ngũ các đoàn thể cách mạng của quần chúng, xây dựng chính quyền nhân dân, lực lượng dân quân tự vệ, tham gia xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc, an toàn trật tự trong buôn làng.

-Tuyến "giữa" là tuyến nhân dân đi lại làm ăn gồm có nương rẫy, nơi bắt cá, hái củi...

Tuyến này là nơi mà bọn Fulro trong rừng thường lui tới bắt liên lạc với cơ sở và người thân trong gia đình qua những người đi làm ăn.

Ở đây ta bố trí một số cán bộ trinh sát vừa có trình độ nghiên cứu tình hình, phát hiện hướng và quy luật đi lại của bọn Fulro, vừa có trình độ vận dụng thực tiễn các chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng, chính sách khoan hồng của Mặt trận giải

phóng, cùng với nhân dân vận động thuyết phục số người lầm đường theo Fulro phá hoại công cuộc làm ăn hòa bình của buôn làng.

-Tuyến "ngoài" là vùng rừng núi, nơi trú ẩn của lực lượng vũ trang Fulro. Đây là tuyến hoạt động của lực lượng bộ đội, vừa tấn công, vừa vận động, kêu gọi nhằm lôi kéo và cô lập cao độ bọn đầu sỏ ngoan cố, làm cho lực lượng của chúng ngày một hao mòn qua quá trình phân hóa.

Trước sự hoạt động đồng bộ và toàn diện trên các tuyến, các vùng, trong năm 1977 toàn tỉnh đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ :

-2500 cơ sở mật của Fulro nằm trong buôn ra đầu thú.

-220 tên Fulro vũ trang bị bắt và 150 tên ra đầu thú qua hoạt động của bộ đội ta ở tuyến "ngoài".

Tính đến năm 1978 phong chèo cách mạng của quần chúng được phát triển và củng cố, 28 xã và 4 phường (trên 53 xã phường trong toàn tỉnh lúc bấy giờ) đạt loại khá. Qua phân loại chiếm được 40% xã, phường khá và 60% trung bình.

Qua liên tục hoạt động đồng bộ của các lực lượng ta trên 3 tuyến ở các vùng của các phương thức tổng hợp :

-Vừa tấn công, kêu gọi phân hóa ở tuyến "ngoài", tuyên truyền phát huy chính sách khoan hồng ở

tuyến "giữa" nhằm ngăn cách 2 tuyến "trong và ngoài" cô lập địch ở tuyến "ngoài" thúc đẩy quá trình phân hóa hàng ngũ địch.

-Vừa phát động, giác ngộ cách mạng cho nhân dân, xây dựng toàn diện, bảo đảm an toàn chính trị và trật tự xã hội ở tuyến "trong".

Đến năm 1979 toàn tỉnh đã xây dựng được 14 hợp tác xã nông nghiệp (ở đồng bào Kinh) ; 798 tập đoàn sản xuất và 1500 tổ đoàn kết sản xuất (trong đồng bào dân tộc) ; đạt gần 40% hộ nông dân với gần 21.000 đồng bào dân tộc đi vào định canh định cư. Ở các thị trấn, thị xã và TP Đà Lạt đã vận động chuyển 7.400 lao động qua sản xuất nông nghiệp. Cũng qua phát động quần chúng mà 67 chi bộ cơ sở ở xã, phường được củng cố.

Trong quá trình xây dựng toàn diện và tiến hành trấn áp phản cách mạng, lực lượng Fulro tiếp tục giảm sút nghiêm trọng cả về số lượng và tinh thần do đội ngũ của chúng ngày càng thêm nhiều người ra đầu thú về với nhân dân, với cách mạng ; lực lượng cơ sở mật trong buôn làng xem như bị bóc gỡ sạch, tổ chức "chính quyền Fulro" tan rã.

Trước tình hình ấy ta dồn sức tấn công ở tuyến "ngoài" với lực lượng chính trị, quân sự tổng hợp gồm có : các già làng có uy tín và người thân có con em theo Fulro trong rừng, số đông đã ra đầu thú được cải tạo, giác ngộ cùng với lực lượng bộ đội và cả việc tán

phát truyền đơn khắp rừng thay giấy bảo đảm của chính quyền cách mạng đối với đời sống của người theo Fulro ra trình diện, về với nhân dân và gia đình, đi đôi với tấn công bằng nghiệp vụ "câu nhử" của công an làm cho lực lượng vũ trang của Fulro trong rừng nhanh chóng tan rã vào những năm đầu của thập kỷ 80.

Toàn dân và toàn quân tỉnh Lâm Đồng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đã giải quyết về cơ bản vấn đề Fulro và xây dựng đời sống các mặt qua thực hiện chính sách định canh định cư trong đồng bào dân tộc, đem lại an ninh chính trị và an toàn xã hội trong toàn tỉnh, thực hiện thắng lợi Chỉ thị số 04 của Ban bí thư TW Đảng.

II/ Thành tích công tác định canh định cư đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh không thể tách rời cuộc đấu tranh 12 năm quân dân ta chiến đấu đập tan bọn Fulro phản động từ 1975-1987.

Mười hai năm (1975 đến 1987) đấu tranh đánh bại bọn Fulro vũ trang phản động ngoài rừng, đối với quân dân Lâm Đồng sau ngày giải phóng (28/3 và 3/4/1975) là một cuộc chiến đấu vũ trang tiếp tục, quyết liệt 12 năm ròng rã lâu dài, hi sinh gian khổ, phức tạp, toàn diện cả chính trị kinh tế vũ trang binh vận không thua kém hơn thời kỳ kháng chiến.

Trong hội nghị tổng kết 12 năm, lực lượng vũ trang quân đội và công an tỉnh ta tiếp tục chiến đấu và chiến thắng, giải quyết dứt điểm bọn Fulro phản động của tỉnh đã tổ chức tại Đà Lạt, trong 2 ngày 27 và 28 tháng 11 năm 1987, đã có 2 bản báo cáo tổng kết của 2 cơ quan công an và quân đội, nói rõ quá trình 12 năm đấu tranh chiến thắng bọn phản động Fulro đã có lưu trữ, là tư liệu cụ thể chỉ đạo điều hành các thế hệ tiếp theo cần nghiên cứu tham khảo.

Để có sự đánh giá sâu hơn các mối quan hệ trong quá trình 12 năm, quân dân Lâm Đồng đấu tranh giải quyết bọn phản động Fulro có tầm chiến lược trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội trong đồng bào dân tộc tỉnh Lâm Đồng ta, là một bài học trong xử lý vấn đề dân tộc ở địa phương ta.

Trong cuộc họp ấy, tôi (Nguyễn xuân Du) được Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm theo dõi viết tổng kết hội nghị, đề phương hướng nhiệm vụ tiếp tục giải quyết triệt để vấn đề Fulro trong dân tộc và biện pháp phát triển lực lượng cách mạng, củng cố chính quyền cơ sở trong đồng bào dân tộc của tỉnh. Tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất, từng bước nâng cao trình độ lực lượng sản xuất của các dân tộc trong tỉnh tiến kịp đồng bào Kinh.

Trong tập sách này, tôi nêu lại toàn văn bài phát biểu tổng kết ấy để bạn đọc tham khảo và góp phần

bảo lưu tư liệu lịch sử của đảng bộ và chính quyền địa phương Lâm Đồng chúng ta.

Sau đây là toàn văn bản tổng kết ngày 28/11/1987.

Bản kết luận và bế mạc hội nghị tổng kết 12 năm đấu tranh giải quyết Fulro, xây dựng toàn diện, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng (1975-1987) : (của đ/c Nguyễn xuân Du, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND Tỉnh chiều ngày 28/11/1987, đã chính thức phát hành đến các huyện và thành phố Đà Lạt cuối năm 1987).

Qua 2 ngày làm việc, Hội nghị chúng ta đã nghe 2 bản báo cáo tổng kết 12 năm đấu tranh giải quyết Fulro và xây dựng vùng đồng bào dân tộc thiểu số địa phương ta và phát biểu tham luận bổ sung cụ thể của các ngành trong tỉnh. Hội nghị đã được nghe bài phát biểu đánh giá và chỉ đạo sâu sắc, toàn diện của đồng chí Trần Quốc Hương, bí thư Ban chấp hành TW Đảng, Trưởng Ban nội chính TW, các bài phát biểu của đồng chí– đại diện Bộ Nội vụ, đồng chí Trần Long – Ban Dân tộc TW và các tham luận của đại diện 2 tỉnh Thuận Hải và Gia Lai-Kon Tum. Các bài phát biểu ấy đã đóng góp nhiều ý quan trọng, đặc biệt là bài phát biểu của đồng chí Trần Quốc Hương, chúng tôi xem như ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư TW, đã giúp chúng tôi rõ thêm phần đánh giá tình hình địch-ta và đánh giá đúng đắn kết quả đã giành được

trong 12 năm qua, đồng thời chỉ cho chúng tôi những kinh nghiệm thực tế cần phải tiếp tục tổng kết và những nhiệm vụ cần phải tiếp tục triển khai. Ban Lãnh đạo Hội nghị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy chúng tôi xin cám ơn và xin tiếp thu đầy đủ những ý kiến chân thành và quý báu của các vị đại biểu. Chúng tôi sẽ nghiên cứu đưa vào Nghị quyết, để quán triệt và tổ chức thực hiện trong thời gian sắp tới. Sau hội nghị này, chúng tôi sẽ hoàn chỉnh các văn bản, báo cáo Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và gửi cho các Tỉnh bạn có liên quan để nghiên cứu tham khảo rút kinh nghiệm. Được sự ủy nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban lãnh đạo hội nghị, tôi xin kết luận và bế mạc hội nghị với các nội dung sau đây :

I/ Đánh giá 12 năm thực hiện các Nghị quyết và Chỉ thị 04/CTTW của Ban bí thư TW Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đã làm gì và làm như thế nào đối với nhiệm vụ giải quyết Fulro xây dựng vùng dân tộc thiểu số của tỉnh :

Như các đồng chí đã biết, Bác Hồ và Đảng ta đã dạy rằng : biết địch, biết ta, trăm trận trăm thắng. Với tư tưởng đó chúng ta khẳng định rằng, trước hết đảng bộ Lâm Đồng đã đánh giá đúng đắn bản chất vấn đề Fulro ngay từ những ngày đầu Fulro mới nổi lên hoạt động.

Chúng ta đã xem đây là lực lượng chính trị phản động có vũ trang trong dân tộc, là tổ chức của Pháp, được Mỹ tiếp tục thế chân nuôi dưỡng sử dụng nhằm tiếp tục chống phá lâu dài cách mạng Việt Nam ; Fulro không phải là bọn phỉ, cũng không phải là bọn tàn quân ngụy, tan rã lén lút hoạt động. Sau khi có Chỉ thị 04/CTTW của Ban Bí thư TW Đảng, nhận thức đó của Đảng bộ ta lại được củng cố nâng cao và trải qua thực tiễn chỉ đạo 12 năm, nhận thức đó được bổ sung sâu sắc thêm.

Chúng ta khẳng định rằng, lực lượng phản động có vũ trang Fulro là lực lượng chiến lược của địch cài lại trong ý đồ chiến lược đánh phá lâu dài ở địa bàn chiến lược Tây Nguyên, đây là một lực lượng chính trị, có vũ trang duy nhất tồn tại chống đối ta sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Bọn đầu sỏ Fulro là bọn tay sai do thực dân, đế quốc đào tạo, chúng là tầng lớp trên, lớp trí thức cực đoan trong dân tộc, lợi ích cơ bản gắn bó với thực dân, đế quốc và phản động quốc tế. Chúng lợi dụng chiêu bài dân tộc liên minh với tôn giáo, đặc biệt là Tin lành, chúng nêu ngọn cờ quốc gia tự trị giả hiệu để lôi kéo và lừa gạt quần chúng nhân dân chống cách mạng, chống chế độ XHCN, với âm mưu hết sức tinh vi xảo quyệt thâm độc và ngoan cố, là một tổ chức có hệ thống từ TW đến cơ sở, có cương lĩnh và nội dung hoạt động, gắn chính trị với vũ trang, có thủ đoạn và phương thức hoạt động vừa thâm độc,

vừa trắng trợn hết sức nguy hiểm, lực lượng Fulro còn nằm trong ý đồ kế hoạch hậu chiến của của đế quốc Mỹ. Bọn phản động Fulro đã liên kết và dựa vào lực lượng phản động trong nước và ngoài nước, chúng triệt để khai thác mâu thuẫn trong cuộc sống khó khăn của quần chúng, chia rẽ Kinh-Thượng, dựa vào phong tục, tập quán lạc hậu, trình độ thấp kém và dùng thần quyền giáo lý mê hoặc quần chúng.

Nhưng dù âm mưu, thủ đoạn của chúng có thâm độc và xảo quyệt đến đâu chăng nữa, thì đó cũng chỉ là con đẻ của bọn đế quốc trong thế thua, thế thất bại liên tiếp mà tạo ra, do đó chúng sẽ không thể nào tồn tại được khi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã bị thất bại và rút chạy hoàn toàn khỏi Việt Nam.

Mặt khác, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn, quần chúng các dân tộc ngày càng giác ngộ cách mạng, ngày càng hiểu rõ thực chất bộ mặt phản dân hại nước của bọn Fulro, thấy rõ mâu thuẫn giữa hòa bình, độc lập dân tộc, cuộc sống đi lên của đồng bào các dân tộc trên thực tế ngược với ý đồ đen tối tàn ác của Fulro là đẩy quần chúng vào cảnh đói rét, chết chóc. Vì vậy, bọn chúng đã bị quần chúng chống lại và nhất định không thể nào tồn tại được.

Địch có mưu đồ dùng Fulro đánh phá ta lâu dài bằng những phương thức, thủ đoạn hết sức thâm độc và xảo quyệt, vừa tinh vi vừa trắng trợn, do đó chúng

ta tuyệt đối không coi thường chúng. Thực tiễn giải quyết vấn đề Fulro 12 năm qua, khẳng định dứt khoát rằng, chúng ta nhất định sẽ chiến thắng hoàn toàn và có đủ điều kiện đưa đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh tiến lên xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc theo đường lối của Đảng.

Từ bản chất phản động của bọn Fulro nói trên, chúng ta xác định rằng, cuộc đấu tranh của ta nhằm giải quyết tận gốc vấn đề này là lâu dài, gian khổ và phức tạp bằng hàng loạt chính sách biện pháp tổng hợp đồng bộ, trong đó lấy biện pháp chính trị kinh tế làm cơ sở và đấu tranh vũ trang hỗ trợ là vô cùng quan trọng. Có thể nói, 9 năm kháng chiến chống Pháp chúng ta đã giải phóng một nửa đất nước, 21 năm kháng chiến chống Mỹ giải phóng hoàn toàn đất nước. Nhưng 12 năm Lâm Đồng đấu tranh giải quyết Fulro với những biện pháp hết sức tổng hợp, toàn diện và đồng bộ, mức độ tập trung rất cao, nhưng có thể khẳng định rằng, chúng ta mới chiến thắng Fulro bước đầu, mới giải quyết được cơ bản lực lượng vũ trang phản động Fulro ngoài rừng và bóc gỡ được phần lớn cơ sở nằm vùng cài bẫy bên trong của chúng. Mầm mống và nguy cơ tái phát Fulro vẫn còn nằm trong dân, vẫn còn tồn tại trong ý thức quần chúng, nếu ta mất cảnh giác chúng còn có cơ sở phục hồi, kẻ địch còn mưu đồ lợi dụng trình độ thấp kém của các dân tộc trong tỉnh tuyên truyền xuyên tạc chia rẽ Kinh-Thượng chống phá ta lâu dài. Có thể ví

mầm mống này như bầy vắt mùa khô tạm thời co thủ lại, mùa mưa đến, có điều kiện thuận lợi, chúng lại nhoi lên để hút máu chúng ta, do đó chúng ta phải hết sức đề cao cảnh giác, không được chủ quan thỏa mãn, xem thường chúng.

Vậy thì đánh giá thắng lợi 12 năm đấu tranh giải quyết Fulro của ta như thế nào cho đúng ?

1/ Đánh giá thắng lợi vừa qua :

1.1/ Chúng ta đã đánh bại cơ bản bọn phản động Fulro có vũ trang ngoài rừng, làm tan rã toàn bộ hệ thống tổ chức chỉ huy từ Quân khu đến cơ sở, bắt, diệt, gọi hàng, cải tạo và sử dụng 1 số tên đầu sỏ Fulro; lực lượng chúng từ 6000 tên qua các thời kỳ đến nay chỉ còn 12 tên lẩn trốn một cách tuyệt vọng, như vậy là ta đã đánh bại một bước rất cơ bản âm mưu của bọn thực dân đế quốc và phản động sử dụng Fulro chống phá cách mạng ở địa phương ta.

1.2/ Qua thực tiễn đấu tranh giải quyết Fulro, Đảng ta đã vận động giác ngộ tập hợp đại đa số quần chúng các dân tộc trên trận tuyến cách mạng chống kẻ thù. Quần chúng nhân dân thấy rõ bản chất đen tối và tội ác thâm độc của Fulro, đã hiểu rõ con đường cứu dân và bảo vệ nòi giống dân tộc mình, chỉ một con đường là theo Đảng kêu gọi người thân trở về với cách mạng, xây dựng cuộc sống mới. Nhờ đó, lòng tin vào đường lối chính sách của Đảng được

nâng lên, sức mạnh đoàn kết Kinh-Thượng được củng cố tăng cường một bước quan trọng.

1.3/ Thực lực cách mạng trong vùng dân tộc lớn mạnh không ngừng, có thể nói là trưởng thành vượt bậc từ trước đến nay. Công an, quân sự, dân quân tự vệ, những công cụ của chuyên chính vô sản tiếp tục được rèn luyện thử trách và lớn mạnh, trình độ nghiệp vụ, chuyên môn được nâng lên, có thêm nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh đánh kẻ thù.

1.4/ Những thành tựu xây dựng về kinh tế-văn hóa-giáo dục-y tế trong vùng dân tộc phát triển nhanh chóng, là điều kiện cơ bản góp phần quyết định giải quyết lực lượng phản động vũ trang Fulro.

So với hàng ngàn năm lạc hậu của xã hội dân tộc thiểu số, thì 12 năm qua với sự thay đổi về phương thức sản xuất gắn chặt với định canh định cư, phát triển kinh tế hàng hóa bằng cà phê vườn, có thể khẳng định rằng, đồng bào các dân tộc Lâm Đồng có bước đổi mới thực sự. Từ tập quán du canh du cư, phát rẫy phá rừng làm nương, đồng bào đã tạo ra trên 3000 ha lúa nước, 2500 ha cây công nghiệp, hàng vạn con trâu bò, một bộ phận lao động được phân bổ vào làm trong các lâm, nông, công trường. Sự đổi đời này gắn liền với thực tiễn sáng tạo từ cơ sở, được Đại hội III, đại hội IV của Tỉnh Đảng bộ tổng kết và mở ra bằng những chủ trương, chính sách phù hợp. Từ chủ trương lấy định canh làm gốc, chúng

ta đã có chính sách cho mỗi hộ dân tộc phát triển 2 sào vườn, lấy đó làm tư liệu sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hóa, nhờ có việc định canh định cư đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển, đòi hỏi phải hình thành những mối quan hệ mới trong sản xuất, nhờ đó quan hệ sản xuất mới XHCN được nảy sinh và hình thành dần từng bước. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong canh tác cà phê vườn đã được quần chúng quan tâm ứng dụng.

Đời sống vật chất được nâng lên, làm cho nhu cầu văn hóa, giáo dục, y tế cũng đòi hỏi phải được đáp ứng từng bước.

Từ tập dượt sản xuất, tính toán làm ăn trên mảnh vườn, chúng ta đã tổ chức, phân công lại lao động trong vùng dân tộc, bước đầu đưa đồng bào trở về với nghề rừng nhưng trên cơ sở cao hơn với cách làm ăn mới, đó là sản xuất kinh doanh làm giàu tài nguyên rừng với quan điểm lấy rừng nuôi rừng và từ rừng để nuôi đồng bào chứ không phải phát rẫy làm nương như trước (con đường đi lên rõ hơn). Thực tiễn vận dụng chủ trương chính sách của Đảng trong vùng dân tộc ở Lâm Đồng 12 năm qua, có thể đưa đồng bào các dân tộc trong tỉnh tiến kịp người Kinh không phải xa lắm, bằng chính sức lao động tài nguyên đất đai rừng núi của đồng bào.

Trung ương Đảng đã chỉ đạo rất đúng đắn rằng : giải quyết Fulro là vấn đề chính trị. Thực chất của

vấn đề chính trị ở đây là cuộc sống, chính vì cuộc sống nghèo nàn, thiếu thốn của người dân tộc nên bị Fulro xuyên tạc, họ có quan hệ với Fulro. Vậy thì việc giải quyết cuộc sống nghèo nàn thiếu thốn của đồng bào là thực chất giải quyết vấn đề Fulro. Giải quyết cuộc sống của quần chúng dân tộc không có gì khác là vấn đề cải tiến sản xuất nâng cao năng suất lao động trên mảnh vườn từ mảnh vườn mở rộng sản xuất ra ngoài vườn gắn lâm-nông kết hợp; chỉ có phát triển nghề rừng, chăn nuôi, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thì mới có thể giải quyết ổn định toàn bộ đời sống vật chất của quần chúng. Đời sống vật chất được nâng lên sẽ tạo tiền đề cho đời sống văn hóa xã hội phát triển. Ngược lại, cuộc sống vật chất không lên được, thì dù chúng ta có bao cấp bao nhiêu tiền của bỏ ra nhưng cũng không thể giải quyết được ; hơn nữa đất nước chúng ta còn lắm khó khăn không sao duy trì quan điểm bao cấp mãi được. Phải quán triệt quan điểm đổi mới từ Nghị quyết Đại hội VI lấy dân làm gốc; dựa vào lao động của dân để giải quyết đời sống cho nhân dân. Nếu giải quyết trái quy luật ấy, không thể tồn tại và phát triển được. Kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ rõ, không ai có thể thay thế được chính bản thân đồng bào dân tộc tự đứng lên lo giải quyết cuộc sống cho mình, cái cốt yếu là chúng ta phải có chủ trương đúng, chính sách sát hợp, đáp ứng được lợi ích và phục vụ cuộc sống thiết thực, thì đồng bào chẳng những sẽ lo được cho cuộc sống của họ mà

còn có đóng góp với Nhà nước. Một vấn đề phải chú ý nữa là : giải quyết nâng cao cuộc sống về vật chất phải đi đôi với nâng cao trình độ văn hóa cũng rất quan trọng, cần phải được quan tâm. Do đó, công tác giáo dục văn hóa là điều kiện, tiền đề cho phát triển lực lượng sản xuất, bởi vì nghèo đi đôi với dốt nát, trong làm ăn không biết tính toán thì lại là lực lượng phá hoại không tự giác, làm cho cuộc sống ngày càng nghèo đói dốt nát. Đó là miếng đất cho địch xuyên tạc, chia rẽ và lợi dụng quần chúng chống phá ta. Vừa qua chúng ta giải quyết thành công bước đầu vấn đề hóc búa này lại là vấn đề kinh tế-xã hội.

1.5/ Thắng lợi vừa qua còn là thắng lợi của việc vận dụng chính sách của Đảng một cách mềm dẻo trong việc khéo sử dụng toàn bộ số trí thức dân tộc đứng về nhân dân, cô lập và tấn công kẻ thù, làm thất bại một bước âm mưu sử dụng tầng lớp trên trong dân tộc để chia rẽ chống phá ta của kẻ thù. Có thể nói, số trí thức dân tộc được chúng ta phân hóa lôi kéo về với cách mạng là một lực lượng quan trọng cần được quan tâm sử dụng đúng người, đúng khả năng để phục vụ cho công cuộc xây dựng ở vùng dân tộc sau này.

1.6/ Chúng ta đã tạo ra được một số mô hình thực tế trong xây dựng củng cố cơ sở, trong sản xuất và giải quyết đời sống thông qua cuộc đấu tranh giải quyết Fulro ; khí thế cách mạng của quần chúng

trong từng buôn làng đang được động viên và khơi dậy.

2/ Về tồn tại :

2.1/ Địch tuy bị tan rã nhưng âm mưu phục hồi Fulro vẫn chưa chịu từ bỏ, lực lượng và ảnh hưởng của Fulro vẫn còn, vì chúng còn gắn với bọn phản động quốc tế, hơn nữa tiền đề và điều kiện để cho Fulro phục hồi vẫn chưa được giải quyết triệt để.

2.2/ Thế và lực của ta ở cơ sở tuy có được tăng cường nhưng chất lượng còn nhiều non kém. Tư tưởng, quan điểm chỉ đạo về cuộc đấu tranh giữa ta và địch gắn liền với cuộc đấu tranh giữa 2 con đường trong giai đoạn mới chúng ta chưa giáo dục, trang bị đầy đủ, sâu sắc cho đồng bào đồng chí. Nhiều đảng viên và quần chúng ở cơ sở vùng dân tộc còn mơ hồ và bị ảnh hưởng tư tưởng phong kiến, tiểu tư sản, lúc tả lúc hữu, nhất là tư tưởng giản đơn, chủ quan thỏa mãn với thành tích dễ nảy sinh. Tổ chức cơ sở trong vùng dân tộc chưa được củng cố vững chắc, đội ngũ đảng viên trình độ thấp, tuổi cao, phát huy tác dụng hạn chế. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho cơ sở không đồng bộ, tiến bộ còn chậm và chưa có hệ thống.

2.3/ Tiền vốn, vật tư thiếu thốn và chính sách đầu tư chưa rõ. Đời sống quần chúng còn nghèo nàn, các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh... còn nhiều khó khăn.

2.4/ Các ngành các cấp và các đoàn thể của tỉnh và các huyện chưa quán triệt đầy đủ trách nhiệm, chưa thật sự chăm lo xây dựng vùng đồng bào dân tộc, nhất là các ngành phân phối lưu thông, thậm chí có nơi có lúc còn vi phạm chính sách dân tộc của Đảng.

3/ Nguyên nhân :

a/ Nhờ có nhận định đúng đắn tình hình, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, có biện pháp thực hiện đúng từng lúc là vô cùng quan trọng trong tổ chức thực hiện. Việc nhận định đánh giá về địch của Đảng bộ ta ngay từ đầu đã đúng đắn, chính xác ; chúng ta đã nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, liên tục tấn công địch gắn với xây dựng, củng cố lực lượng ta, bằng lực lượng tổng hợp và hành động kiên quyết và kiên trì để giành thắng lợi.

Ngay từ ngày đầu giải phóng, khu ủy Khu 6 đã xác định : Fulro là lực lượng chính trị phản động có vũ trang do Pháp dựng lên, đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế tiếp tục nuôi dưỡng để lừa bịp quần chúng dân tộc, chia rẽ, kỳ thị Kinh-Thượng gắn liền với tôn giáo hóa đồng bào, nhằm phục vụ chống phá ta trước mắt và có ý đồ chiến lược lâu dài chống phá cách mạng Việt Nam. Đến tháng 2/1977, Chỉ thị 04 của Ban Bí thư TW Đảng đã làm sáng tỏ những nhận định sơ khai đó. Nhờ đó mà chủ trương, tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy không có gì chao đảo mà nhất quán

xuyên suốt ngay từ đầu ; đánh giá đúng, chủ trương rõ, biện pháp tổ chức thực hiện sáng tạo, có quyết tâm cao, sử dụng lực lượng tổng hợp, gắn với tấn công và xây dựng đồng bộ là yếu tố giành thắng lợi vừa qua.

Đảng bộ đã 3 lần hạ quyết tâm giải quyết dứt điểm Fulro vũ trang phản động ngoài rừng ; ta tổ chức lực lượng tiến công tiêu diệt địch, địch tìm cách phản kích quyết liệt, điển hình là đợt tháng 2/1981, chúng rút 1.200 thanh niên ra rừng để tăng cường, bổ sung lực lượng ; chúng ta đã huy động sức người, sức của tới mức cao nhất đối phó với sự phản kích quyết liệt này của địch như một cuộc chiến tranh thật sự. Vận dụng kinh nghiệm trong 30 năm chiến tranh giải phóng, chúng ta đã sử dụng và kết hợp chặt chẽ 3 hình thức tiến công : chính trị, vũ trang và binh vận (vận động lôi kéo), vừa tiêu hao và làm suy yếu lực lượng địch, vừa củng cố xây dựng lực lượng ta.

b/ Trên quan điểm lấy dân làm gốc, dựa vào dân để bốc gỡ, lôi kéo Fulro về hàng, trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, chăm lo giải quyết đời sống cho quần chúng, nhờ đó đã dấy lên được phong chèo quần chúng gắn liền với các biện pháp nghiệp vụ chuyên sâu của công an, lôi kéo được đông đảo Fulro trở về, hạn chế thấp nhất tổn thất xương máu. Nhờ định canh định cư đúng hướng, thay đổi dần phương thức sản xuất cho đồng bào mà đời sống quần chúng có được giải quyết và cải thiện

từng bước, do đó lòng tin vào Đảng và cách mạng được nâng lên, quần chúng ủng hộ chính quyền cách mạng, tăng thêm sức mạnh chiến đấu của ta.

c/ Sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Quân khu V là sáng suốt, sâu sát và kịp thời, việc phối kết hợp chiến trường trên địa bàn 3 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh bạn, sự phối hợp lực lượng trên, dưới ở từng chiến trường một cách thống nhất, chặt chẽ là một nguyên nhân quan trọng của chiến thắng.

d/ Thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng trong vùng dân tộc, đặc biệt là chính sách phát triển kinh tế. Bước đầu ta đã biết vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội trên từng địa bàn, nhờ đó đã tạo ra được một số kinh nghiệm và đã có mô hình tốt, có sức thuyết phục trong thực tiễn vào việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế-xã hội ở địa phương trong đồng bào dân tộc.

Thắng lợi vừa qua còn thể hiện chúng ta biết nắm vững đường lối chủ trương của Đảng, biết vận dụng vào điều kiện thực tế, tôn trọng quy luật khách quan, có chính sách và biện pháp tổ chức thực hiện sát đúng là tiền đề để giành thắng lợi toàn diện cả kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Thắng lợi này tuy là bước đầu nhưng có ý nghĩa quyết định của một giai đoạn đấu tranh loại bỏ lực lượng Fulro vũ trang ngoài rừng và bóc gỡ cơ bản lực lượng Fulro nằm vùng, cài cấy bên trong. Thắng lợi này là một bước ngoặt mở ra tiền đề và khả năng mới cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trên địa bàn của tỉnh tiến lên mạnh mẽ, vững chắc.

Nhân dịp này, thay mặt cho Đảng bộ, quân và dân Lâm Đồng cho tôi gửi lời biết ơn sâu sắc và chân thành tới Bộ Chính trị, ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh quân khu V ; cảm ơn các đồng chí và đồng bào các tỉnh Đắc Lắc, Gia Lai-Kon Tum, Thuận Hải, Phú Khánh, Đồng Nai và Sông Bé về sự chỉ đạo, giúp đỡ kịp thời có hiệu quả, tạo điều kiện, thuận lợi cho thắng lợi hôm nay. Thông qua các đồng chí đại biểu chúng tôi chuyển lời biết ơn chân thành tới các Tỉnh ủy, UBND, Bộ Chỉ huy quân sự, Sở Công an và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang các tỉnh bạn nói trên.

Về phần chủ quan : có được thắng lợi to lớn và tổng kết hôm nay là cả một quá trình phấn đấu kiên cường, sự chấp hành nghiêm túc Nghị quyết của Đảng một cách vô điều kiện của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, của các cấp bộ Đảng, Chính quyền và đoàn thể trong tỉnh. Đây là công lao đóng góp chung của mọi người, nhưng trước hết và trực tiếp đương đầu sống chết với quân thù là lực lượng quân đội và công an, đã kiên trì bền bỉ và hy sinh

chiến đấu 12 năm, đặc biệt là các đồng chí và đồng bào đã ngã xuống.

Thay mặt Đảng bộ và đồng bào các dân tộc trong tỉnh, tôi xin nhiệt liệt biểu dương và ghi nhận công lao to lớn của đồng bào, chiến sĩ và những người đã hy sinh đóng góp cho thắng lợi hôm nay. Cho tôi gửi lời thăm hỏi ân cần, thắm thiết tới các gia đình liệt sĩ, các đồng chí thương binh, những người có công đầu trong chiến đấu và chiến thắng.

4/ Phương hướng và nhiệm vụ sắp tới :

Ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Trần Quốc Hương trong hội nghị này, chúng tôi xem như Chỉ thị trực tiếp của Ban Bí thư TW Đảng cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng. Chúng tôi xin tiếp thu đầy đủ, nghiên cứu vận dụng vào điều kiện cụ thể để biến chỉ thị này thành hiện thực.

Trước hết, trong nhận thức về giải quyết vấn đề Fulro ở Tây Nguyên là lâu dài, phức tạp, đây là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa tư bản và XHCN trên mảnh đất Lâm Đồng. Do đó, phải bằng biện pháp tổng hợp cả chính trị, kinh tế, vũ trang, trong đó lấy biện pháp kinh tế, chính trị làm gốc. Thực chất của biện pháp chính trị, kinh tế không có gì khác là xây dựng con người, làm chuyển biến con người, trước hết về cách thức làm ăn. Phải xóa bỏ phương thức canh tác, phong tục tập quán du canh du cư, phá rừng làm

nương của đồng bào, thay vào đó một phương thức làm ăn mới, tiến bộ, nếu giữ phương thức làm ăn cũ, ta có thể tính ra là : phá một ha rừng hủy hoại ít nhất là 100 m3 gỗ củi để đổi lấy 800kg-1000 kg lúa, cùng với việc lao động hết sức cực nhọc, vất vả. Đó là cách làm ăn vừa phi kinh tế và cản trở tiến bộ xã hội, vừa tàn phá môi trường cần thiết cho con người tồn tại. Chuyển phương thức làm ăn, đòi hỏi chúng ta phải thực hiện triệt để Chỉ thị 04 của Ban Bí thư TW, Nghị quyết Tỉnh ủy lần thứ 11 (khóa 3). Nội dung chủ yếu là định canh trên mảnh vườn, gắn với định cư và mở rộng dần sản xuất theo phương thức nông lâm kết hợp, đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, phát triển lực lượng sản xuất, phân công lại lao động, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình đồng bào.

Trước hết là kinh tế vườn : diện tích 2.500 ha cà phê (3 triệu cây) đã trồng cần phải được chăm bón, thâm canh đảm bảo kỹ thuật để đạt năng suất cao. Do đó, chúng ta chủ trương cho các Công ty cà phê và xuất khẩu nông sản của các huyện trực tiếp là cơ quan chủ quản và đầu tư cho từng hộ đồng bào để nắm sản phẩm. Trong đầu tư phải bảo đảm đúng chính sách nhằm khuyến khích, giúp đỡ, tạo sự trao đổi thuận tiện cho đồng bào, giúp bà con giải quyết cuộc sống. Những hộ chưa có vườn, huyện và xã phải khẩn trương quy hoạch hướng dẫn giúp đỡ bà con phát triển vườn gia đình trồng cà phê, nơi không

trồng được cà phê có thể làm các loại cây công nghiệp khác như chè, cây điều, cây tiêu, cây ca cao, cây ăn quả... thích hợp với đất đai, khí hậu. Phấn đấu đến 1990 phải hoàn thành xây dựng 5.000 ha vườn hộ còn lại, bảo đảm 100% hộ dân tộc có vườn cây công nghiệp. Những nơi đã có vườn mà còn khả năng về lao động và gần rừng thì ngành lâm nghiệp cần tiến hành quy hoạch giao đất giao rừng, phấn đấu đến năm 1990 phải giao từ 100-150.000 ha rừng và đất rừng cho các hộ gia đình nhất là các hộ dân tộc, các cơ sở kinh tế tập thể quốc doanh quản lý sản xuất kinh doanh ; thu hút phần lớn lao động dân tộc vào làm nghề rừng. Để đồng bào thâm canh cây trồng, các lâm trường phải lấy vốn từ rừng đầu tư mua bò giao cho các hộ gia đình dân tộc nuôi rẽ, đến năm 2000 cứ 1 ha (lâm-nông kết hợp) phải có 1 con bò ; tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, hướng dẫn giúp đỡ đồng bào chế biến lâm sản, khôi phục ngành nghề truyền thống của bà con, tạo việc làm ổn định và có kế hoạch đào tạo tay nghề, xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật để công nghiệp hóa XHCN ở vùng dân tộc sau này.

Phải thực hiện đầy đủ nghiêm túc và sáng tạo các chính sách xã hội của Đảng trong vùng đồng bào dân tộc. Mọi hoạt động của chúng ta phải lấy việc phục vụ con người làm đích, và phải vì con người, xây dựng nâng cao từng bước mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần cho con người. Chỉ có đi vào nghiên

cứu tổ chức giải quyết cuộc sống cho đồng bào tốt hơn hiện tại, đem lại văn minh hạnh phúc cho đồng bào, thì ta mới thật sự chiếm được trái tim khối óc của họ và chỉ khi đó chúng ta mới thật sự chiến thắng hoàn toàn âm mưu chia rẽ, kỳ thị dân tộc của bọn phản động Fulro, chiến thắng được những phong tục tập quán lạc hậu cổ truyền trong vùng dân tộc. Như vậy là chiến thắng địch bằng vũ trang đã khó, nhưng thắng địch bằng chính trị, kinh tế lại càng khó, làm được việc đó, thực sự chúng ta đã tạo ta sự biến đổi cách mạng toàn diện sâu sắc trong vùng dân tộc lại càng khó gấp bội và chỉ khi nào các dân tộc thiểu số thật sự vươn lên làm chủ thì khi đó CNXH mới thật sự thắng lợi.

Để làm được những việc trên đây, đòi hỏi việc tổ chức chỉ đạo, điều hành phải thật cụ thể, chặt chẽ : phải có các hình thức, bước đi cách làm phù hợp sáng tạo cho từng vùng, từng buôn, làng, không rập khuôn, máy móc, phải tạo ra sự đồng bộ trong các ngành, các cấp hướng xuống cơ sở, trước hết vào các công việc trọng tâm, địa bàn trọng điểm để làm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm chỉ đạo giúp đỡ đồng bào làm tiếp đến khi thành công.

Chúng ta cần phải thấy rằng, nếu Lâm Đồng không tạo được chuyển biến gì trong 120.000 đồng bào dân tộc địa phương, không có biện pháp chuyển cách làm ăn cho 60.000 lao động dân tộc thì không

thể có sự chuyển biến cơ bản nền kinh tế xã hội của tỉnh. Người Kinh dù có tài giỏi, giàu có đến đâu chăng nữa cũng không thể đơn độc tự mình đi lên CNXH được. Bởi vì CNXH không phải chỉ giải phóng cho một dân tộc, một giai cấp mà giải phóng và xóa bỏ hoàn toàn ách áp bức giai cấp đem lại sự tiến bộ và bình đẳng cho mọi dân tộc mọi giai cấp, đưa nông thôn tiến ngang thành thị.

Trước mắt, chúng ta cần tổ chức lễ mừng thắng lợi giải quyết cơ bản lực lượng vũ trang phản động Fulro, làm cho tất cả các tầng lớp quần chúng, nhất là đồng bào dân tộc đánh giá đúng thắng lợi này, nhằm dấy lên một khí thế phấn khởi tin tưởng mới, gắn liền với việc phát động quần chúng tăng cường đoàn kết, kiên quyết giải quyết hết toán Fulro cuối cùng (12 tên) còn lại ngoài rừng, loại trừ và xóa bỏ ảnh hưởng Fulro trong quần chúng ; tổ chức quần chúng bàn bạc việc làm ăn mới xây dựng xóm làng, xây dựng cuộc sống trong từng người, từng gia đình, từng buôn làng.

Tăng cường hơn nữa công tác xây dựng thực lực cách mạng trong từng buôn ấp, trước hết là chi bộ Đảng, chính quyền, công an, dân quân tự vệ, các đoàn thể quần chúng nhằm xiết chặt hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, chống lại có kết quả âm mưu của bọn Fulro, bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng, thực hiện tốt mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ở cơ sở. Trên tinh thần

đó, các Đảng bộ chính quyền đoàn thể, các ngành, các cấp phải tiến hành công tác quy hoạch gắn với mạnh dạn đào tạo bồi dưỡng các loại cán bộ cho các buôn làng, làm cho đội ngũ cán bộ được trẻ hóa, có phẩm chất và năng lực đảm đương tốt công việc ở cơ sở trong dân tộc. Ví dụ: dân tộc tỉnh ta chiếm một phần tư dân số, thì ta cần phải tập trung một phần ba bộ máy cán bộ và một phần ba ngân sách để lo cho các dân tộc. Quyết phấn đấu đến năm 1990 có chuyển biến rõ hơn về tình hình kinh tế-xã hội các vùng dân tộc trong Tỉnh.

Với kinh nghiệm thực tế và niềm tin vào những gì đã làm được trong 12 năm qua, đặc biệt là 4 năm lại đây, chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng, nhất định Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng sẽ tạo được sự chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong sự phát triển kinh tế-xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số và vùng tôn giáo và chính sách dân tộc tôn giáo của Đảng và Nhà nước, bảo đảm sự đoàn kết, tương trợ và bình đẳng thực sự giữa các dân tộc, đẩy lùi và đập tan âm mưu thủ đoạn kỳ thị, chia rẽ lôi kéo quần chúng các dân tộc để chống phá cách mạng của bọn phản động Fulro, tay sai của đế quốc thực dân.

Nhân dịp tổng kết 12 năm đấu tranh giải quyết Fulro, xây dựng toàn diện vùng đồng bào dân tộc. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh Lâm Đồng xin kiến nghị một số vấn đề, đề nghị Trung ương, các Bộ, các Ban, ngành ở TW có liên quan

nghiên cứu xem xét, có chủ trương, chính sách giải quyết, tạo ra sự chuyển biến nhanh hơn trong việc giải quyết Fulro ở địa bàn Tây Nguyên và xây dựng vùng dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng và Tây Nguyên đúng với vị trí của nó.

1/ Trước hết, Đảng và Nhà nước cần phải xác định rõ hơn quan điểm chiến lược đối với Tây Nguyên. Nếu Tây Nguyên là địa bàn chiến lược của cả nước, gắn liền với hai nước bạn Lào và Campuchia thì cần phải có chính sách đầu tư, chính sách xây dựng kinh tế xã hội thật sự ưu tiên cho địa bàn này. Quan điểm nhận thức phải gắn liền với chính sách và các chương trình hành động cụ thể, không nên dừng lại ở vài cuộc họp đề ra cương lĩnh chung chung như 12 năm vừa qua.

2/ Hướng đầu tư cần tập trung vào giải quyết triệt để vấn đề định canh định cư cho đồng bào các dân tộc gắn với việc phân bổ dân kinh tế mới có trọng tâm trọng điểm, không đưa dân kinh tế mới tràn lan mà không gắn với quy hoạch. Bởi vì Tây Nguyên thế mạnh tuyệt đối là kinh tế lâm nghiệp, nếu không định canh định cư xong mà lại đưa dân kinh tế mới đến tràn lan thiếu quy hoạch thì chẳng bao lâu nữa rừng sẽ bị tàn phá hết. Tây Nguyên mà hết rừng thì không còn là địa bàn chiến lược nữa và khủng hoảng về môi trường sinh thái sẽ xảy ra, lúc đó tác hại sẽ lớn tới mức không thể lường hết được.

Phát triển kinh tế Tây Nguyên phải đi vào sản xuất kinh doanh rừng. Nói đến sản xuất kinh doanh rừng thì tối thiểu là phải tái tạo được tài sản cố định số một (tức là rừng) và phải có tích lũy để tái sản xuất mở rộng, làm cho rừng không những không bị mất mà còn tiếp tục sinh sôi nảy nở, phải phủ xanh dần đất trống, đồi trọc hiện nay và người làm nghề rừng phải có cuộc sống ấm no, phương hướng định canh định cư vùng dân tộc như tôi đã trình bày ở trên, cái chính bây giờ là chúng ta có chính sách đầu tư ưu đãi, lấy rừng đầu tư cho rừng và đảm bảo cuộc sống cho đồng bào là có thể giải quyết được.

3/ Ngoài chính sách giao đất, giao rừng như chúng tôi đang làm hiện nay, Nhà nước nên có chính sách về quyền sử dụng rừng và đất rừng, cụ thể để đồng bào thật sự làm chủ rừng núi như xưa và yên tâm sản xuất kinh doanh, nhưng có điều khác xưa là phương thức sản xuất kinh doanh rừng ngày nay theo đường lối của Đảng có khác. Rừng chẳng những được bảo tồn mà cuộc sống đồng bào gắn với nghề rừng được cải thiện. Đó là con đường đúng đắn để giải quyết vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của tây Nguyên đưa đồng bào các dân tộc lên CNXH.

4/ Quản lý rừng và đất rừng cũng cần phải có quy hoạch quản lý chặt chẽ như đất nông nghiệp, phải có phương án tổ chức sản xuất kinh doanh rừng và đất rừng một cách toàn diện, sản xuất kinh doanh rừng và đất rừng ở Lâm Đồng phải gắn chặt với nông

nghiệp và chăn nuôi từ cơ sở. Chính quyền xã phải được giao nhiệm vụ quản lý rừng, được tổ chức sản xuất kinh doanh rừng, lâm trường nằm trên địa bàn xã và chịu trách nhiệm toàn bộ khâu lâm sinh, quản lý tài nguyên rừng cho Nhà nước và có quyền lợi thỏa đáng.

5/ Mọi việc thành bại đều bắt nguồn từ con người, xây dựng CNXH cũng chỉ vì con người và cho con người. Do đó Đảng và Nhà nước cần phải có chiến lược xây dựng đào tạo con người riêng cho từng vùng Tây Nguyên song song với chiến lược phát triển xây dựng kinh tế. Phải chú ý đầu tư phát triển tốt sự nghiệp giáo dục làm tiền đề cho cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa khoa học kỹ thuật và quan hệ sản xuất từng bước tiến lên. Do đó trong giáo dục vùng đồng bào dân tộc chúng ta cần phải có sự nâng đỡ, có "bao cấp" nhất định, không thể làm như đồng bào Kinh được. Việc đào tạo cán bộ dân tộc cần có chính sách ưu tiên cụ thể và phải đặt ra ngay từ bây giờ và phải kiên trì thực hiện hàng chục năm nữa mới có thể có đội ngũ cán bộ có chất lượng làm chuyển biến căn bản đời sống kinh tế – xã hội buôn làng.

6/ Về tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý về mặt Nhà nước ở Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng cần xuất phát từ đặc điểm nền kinh tế – xã hội miền núi để xác lập bộ máy và phương thức quản lý phức tạp, không rập khuôn như vùng đồng bằng.

PHẦN VIII

HAI MƯƠI LĂM NĂM NỖI MỪNG KHÓ TẢ, NỖI LO DÀY VÒ

I - NHỮNG ĐIỀU TRĂN TRỞ VỀ RỪNG CỦA TỈNH TA.

Sau bao năm chiến tranh qua đi, mảnh đất Tuyên Đức - Lâm Đồng dần trở lại màu xanh của núi rừng Cao nguyên .

Giờ đây, khi trở về già, sống cuộc sống của người dân bình thường, lòng thảnh thơi đã có dịp trở lại những mảnh rừng cách đây hơn 25 năm, bao tình cảm trong lòng tôi trỗi dậy.

Trong chiến tranh, Rừng là dinh lũy cho chúng tôi, những con người, những binh đoàn bộ đội, dân quân và cả người dân một lòng theo Đảng. Đúng như nhà thơ, nhà Cách mạng lão thành Tố Hữu đã viết : "Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù" .

Hôm nay, con đường nhỏ ngày xưa len lỏi, nay đã là những đường xe lớn, có đoạn đổ nhựa rải đá, có nơi còn gồ ghề, lầy lội của đất đỏ cao nguyên...Rừng với tôi như là một phần máu thịt, ở đó có những người đồng chí anh em đã ngã xuống; có những đồng

bào dân tộc nghèo đói mà một lòng trung kiên theo Đảng. Ngày nay nhìn họ còn ăn bắp, củ mì, những đứa trẻ có áo không quần, những mẹ già không chăn ấm phải nằm bên bếp lửa của Rừng, lòng tôi se lại ! Có phải chúng ta còn mang nặng tội với dân này lắm hay không? Ai có hiểu rằng, những chiếc xe bóng lộn hàng tỷ đồng là ước mơ hàng thế kỷ của người dân, nhưng trước mắt làm sao để có một số tiền đó mà làm trường học, làm y tế, cứu lấy cảnh đói nghèo, khố rách áo ôm, đó là ước mơ của những người đi trước đã ngã xuống . Em nhỏ Dân tộc tiền đâu ăn học mỗi tháng mỗi em 100.000 đ hỏi rằng mấy em sẽ ăn học trong hơn 15 năm. Cảnh nghèo của dân tộc vùng sâu vùng xa lấy đâu ra để có mà học . Vậy đó, rừng ơi ! Rừng là vàng, nhưng kho vàng đã cạn mà người dân cứ thế sao? Trong rừng là màu đỏ, màu sáng, màu xanh... và có cả màu tối âm u ...

Lâm Đồng là tỉnh đã được thành lập sau giải phóng 1975 trên sự hợp nhất của hai tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng cũ . Trong diện tích hơn 1 triệu ha, thì rừng, đất rừng là 701.000 ha (70%), trong đó đặc biệt có trên 100.000 ha rừng thông các loại, cũng gần 70% rừng thông cả nước. Rừng thông là đặc sản, là cảnh quan, là môi trường của sự sống! chủ yếu của Thành phố Đà Lạt thơ mộng. Rời bỏ khẩu súng, chúng tôi là những người cán bộ của Cách mạng từ rừng đi ra. Trong sự bỡ ngỡ ban đầu, lại bắt tay vào xây dựng... Và chúng tôi cũng nhìn ra, muốn đi lên nhanh sau

chiến tranh, khi mà những hàng hóa tiêu dùng hàng ngày, những máy móc thiết bị mình chưa có, phải tất cả là từ rừng, từ phương thức lấy sản phẩm của rừng để có những sản phẩm khác... và một cuộc khai thác tài nguyên bắt đầu. Có thể nói, việc khai thác, xây dựng nghề rừng của Lâm Đồng được chia làm 3 thời kỳ .

Thời kỳ 1975 - 1985 .

Thời kỳ 1985 - 1995 .

Thời kỳ 1995 - đến nay !

Bây giờ nghĩ lại. có những điều cần bổ sung, song cũng cần phải biết ơn cho những con người, những suy nghĩ ban đầu khi vào làm kinh tế. Cái thế còn lại của thời kỳ này cho đến hôm nay và mai sau là ở chỗ con người với nhau là không kể hết, nhận cái lo cho dân là trên hết... gạt ra ngoài những tính toán cá nhân, ích kỷ, hẹp hòi, bản vị... Tất nhiên, cái suy nghĩ này là hạn chế cho những quy luật nghiệt ngã của kinh tế thị trường là cạnh tranh. Những năm 75 - 80 , có thể nói kinh tế của Lâm Đồng, mang nặng tính chất "quân sự - chính trị" bao cấp, vừa phục hồi kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa truy quét tàn quân Fulrô phản động v.v.... Từ đó, sự khai thác lâm sản, sự định hướng của Lâm nghiệp cũng phải mang nặng tính chất hay yếu tố chính trị, an ninh quốc phòng nhiều hơn .

Ngày ấy, Lâm Đồng mới chỉ có một lâm trường làm thử điểm, đó là Lâm trường Lâm Viên (sau này gọi là Đà Lạt). Sự hình thành Lâm trường Lâm Viên cũng xuất phát từ hào khí chiến thắng, từ quan hệ hợp tác của phe XHCN giúp đỡ kỹ thuật và quản lý, (do Cộng hòa Dân chủ Đức) và quan hệ khoa học, mà chưa tính hết các yếu tố con người, quan hệ xã hội và cảnh quan thiên nhiên như hiện nay, vai trò của nó nay đã chấm dứt, đi vào lịch sử nhưng nó lại là mở đầu! Tiếp đến là sự ra đời một loạt các lâm trường ở các Huyện, các vùng mà cơ sở của nó chỉ là "khai thác gỗ". Hàng năm, chỉ tiêu khai thác gỗ củi của Lâm Đồng là hàng trăm ngàn m3 hàng năm hàng trăm ngàn Ster củi để đổi lấy những sản phẩm xăng dầu, vật tư hàng hóa như bột ngọt, cá mắm v.v... Bây giờ nghĩ lại xem, lúc bấy giờ 1 kg bột ngọt là 1.800đ - 2.200đ, trong lúc gỗ tròn các loại chỉ có vài trăm đến 500 đ/m3 là cao nhất! Đến nay thì ngược lại, 1 m3 gỗ giá trị hàng triệu bạc, còn 1 kg bột ngọt cũng chỉ có 25 đến 30 ngàn đồng, nay mới thấy hết cái lãng phí, thiệt hại về rừng của một thời ấu trĩ trong kinh tế...Nhưng trong thế bí vì cuộc sống của dân trong thời kỳ bao cấp dùng cái mình có để đổi cái mình không có để phục vụ đời sống cho nhân dân, không có cách nào khác. Cũng cần nói đôi nét về con người trong ngành lâm nghiệp. Sau giải phóng, cho đến đầu những năm 80, được TW và các địa phương ủng hộ, ngành Lâm nghiệp Lâm Đồng có

1 đội ngũ cán bộ, công nhân khá cao, lực lượng cán bộ đại học trên dưới trăm người. Trung cấp, công nhân lành nghề phải kể đến hàng ngàn, cùng với phương tiện kỹ thuật khá cao (trên 200 xe Reo, máy khai thác gỗ, hàng trăm máy móc chế biến). Mặt nào đó, lực lượng này đã đưa ngành lâm nghiệp Lâm Đồng phát triển trên mọi lĩnh vực và cơ sở vật chất quan trọng tạo nền kinh tế khác cho Lâm Đồng, nhưng cũng do suy nghĩ "Rừng là vàng" nên cũng có một động cơ thúc đẩy làm kho vàng này càng mau nghèo kiệt! Chẳng trách con người cụ thể, mà nên xem lại một chuỗi dài của suy nghĩ, quản lý, của cơ chế mang nặng hào quang chiến thắng trong chiến tranh và cơ chế bao cấp... Có phải những thành tích, sáng tạo thành công trong chiến tranh không phải cũng là những thành công trong xây dựng? Làm một bài toán giản đơn để thấy sự đóng góp của ngành lâm nghiệp, mà cũng thấy sự hạn chế suy nghĩ của lối suy nghĩ cũ như thế nào?

Trong 10 năm của giai đoạn đầu, Lâm Đồng khai thác gần 800.000 m3 gỗ và 700.000 m3 củi, qui ra lương thực lúc bấy giờ, hàng năm cũng đảm bảo từ 50 - 70 ngàn tấn và chục tỷ đồng trao đổi hàng ngàn trâu bò để phát triển chăn nuôi, giúp cho công tác chống đói, đẩy mạnh sản xuất ngành nông nghiệp lên nhiều lần, có một bước nhảy vọt sau chiến tranh... Song cũng xem là, nếu chỉ cần quản lý chặt hơn, tận dụng thứ phẩm cao hơn thì có thể giữ lại

chừng 30% để lại hôm nay khai thác thì một khoản tài sản vô cùng quí giá phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa to lớn biết nhường nào . Hiểu trọn vẹn câu Bác Hồ nói : "Rừng là vàng, nếu mình biết bảo vệ..." Con người trong lâm nghiệp, cần phải và không bao giờ quên là người dân sống trong rừng mà chủ yếu là đồng bào dân tộc ở các vùng sâu, vùng xa của các Huyện từ Lạc Dương đến Cát Tiên. Trong chiến tranh, họ là cái nôi nuôi dưỡng, đùm bọc, là lực lượng của Cách mạng để chiến thắng! Nay người dân ở lại rừng, gắn với cây rừng, đất rừng của ngàn xưa để lại. Cho đến bây giờ lòng tôi vẫn day dứt khôn nguôi ! Khi hiểu ra, hiểu hết, biết cách làm thì thời gian vị trí và sức khỏe không cho phép nữa rồi .

Cuối những năm 80, tỉnh đã chú trọng đến đồng bào dân tộc mà bằng kế hoạch định canh định cư có chất lượng để giúp dân có cuộc sống ấm no, giải quyết một việc, đạt được nhiều mục đích trong ĐCĐC có quan hệ cả an ninh quốc phòng, bảo vệ rừng, đền ơn đáp nghĩa ...

Với một cộng đồng dân tộc, gần 7.200 hộ trên 42.100 khẩu, sống tập trung trong 103 buôn làng, được rải rác trong hơn 500.000 ha rừng, đất rừng ở vùng sâu, vùng xa ... mỗi người dân có gần 15 ha đất rừng sinh sống. Nhưng người dân tộc đến nay vẫn còn cơ bản là nghèo, chưa tạo được hàng hóa, sản phẩm tốt. Mỗi lần trở về các xã căn cứ vùng sâu vùng xa, nhìn thực tế so sánh với cuộc sống nhiều vùng

ngoài tôi xót xa khi gặp những trẻ em áo quần rách rưới, không dép đi học, không cặp mang vở v.v... Nghĩ gì đây, khi mà sau 25 năm giải phóng, một vùng dân cư còn nghèo nàn lạc hậu, bệnh tật nặng nề, 80% trẻ em suy dinh dưỡng, 80% trong 5% dân số mù chữ của Lâm Đồng lại nằm vào vùng dân tộc ở sâu và xa, nơi đây lại là nơi phát sinh, nuôi dưỡng, cái nôi của Cách mạng .

Tôi từng hỏi một số cán bộ dân tộc của huyện rằng : Đ/c có biết 7 mặt hàng bán bù giá của Nhà nước cho dân tộc vùng sâu là bao nhiêu không? Có đến tận buôn làng và có đủ không? Người cán bộ lắc đầu, cười trừ và lại mời tôi uống một chén rượu và nói giả lả rằng chuyện của mấy ông làm sao dân biết ! Lần này, rượu có vị cay chua chát và đắng lắm... tôi làm sao uống nổi! Cán bộ vậy đó thì còn nói sao những phương án khoa học kỹ thuật trong công tác ĐCĐC, phương án sử dụng vốn 327 đi vào thực tế được.

Anh Pèng Chi cục trưởng ĐCĐC, cũng là người dân tộc, kỹ sư ở một tỉnh phía Bắc, theo tiếng gọi của Cách mạng, anh vào Lâm Đồng, hơn 20 năm lăn lộn làm công tác ĐCĐC cho vùng đồng bào dân tộc. Tôi thường gặp anh trao đổi. Tôi hỏi anh : Lâu nay vùng dân tộc vùng sâu có gì mới hay không? ĐCĐC sao rồi. 10 xã làm điểm nay đã tổng kết được chưa? Năm 2000 tỉnh ta cơ bản hoàn thành ĐCĐC, chấm dứt phát nương làm rẫy của đồng bào vùng sâu vùng xa

chưa? Anh cười hiền hậu... và nói : Công việc vẫn thế thôi, năm nào cũng có phương án kế hoạch và năm nào cũng hết quý 1 mới chính thức duyệt được khoảng 70% theo dự trù và thực cấp cũng chỉ được 60 - 70% kế hoạch hàng năm, còn có nhiều khó khăn lắm.

Nhưng Tỉnh ta mấy năm qua tập trung 27 xã vùng sâu vùng xa và làm 10 xã điểm có kết quả tốt đáng mừng, còn mặt chưa làm được thì cũng còn nhiều, sau năm 2000 phải tiếp tục tính v.v... Nói chung cuộc sống đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa còn khổ lắm, tội nghiệp lắm anh ạ! Anh hiểu rừng rồi : Ông bà ta nói : "Một cây làm chẳng nên non" " Một cánh én không làm nên mùa xuân". Vốn 327 còn phải làm nhiều việc, xây dựng cơ sở hạ tầng đa phần, còn lại cho rừng và cho dân tộc làm rừng thực sự chưa là bao. Tôi nêu một thí dụ , ở một xã có 1.500 nhân khẩu được đưa vào phương án ĐCĐC theo chương trình 327, trong hơn một năm vốn bỏ ra gần 1,8 tỷ, thì hơn 2/3 đầu tư cho hạ tầng cơ sở phục vụ cho cộng đồng chung, còn chưa được 1/3 đầu tư trực tiếp cho đồng bào xây dựng vườn cây công nghiệp theo chính sách vốn vay ưu đãi lãi thấp, hay không lãi, nhưng vốn này của Tỉnh cũng có hạn nên việc phát triển cũng bị hạn chế thiếu đầu hụt đuôi.

Trước sự biến động của xã hội, sự phát triển của trí thức và sự lãnh đạo chỉ đạo của TW, của Tỉnh ủy, Uy ban đối với ngành Lâm nghiệp Lâm Đồng, có thể

nói thời hoàng kim của "Khai thác" rừng qua đi, thời mà chặt càng nhiều gỗ, chặt càng nhiều tre nứa càng tốt, chưa ai đánh giá nghiêm túc, thời gian này đã quản lý, giữ rừng phát triển rừng làm sao...?

Từ năm 1985, tỉnh có nhiều suy nghĩ trong quản lý rừng. Tôi nhớ Nghị quyết số 21/NQ-TU của Tỉnh ủy họp lần thứ 9 khóa III ra ngày 14.11.1984 bàn về nhiệm vụ kinh tế xã hội ngành lâm nghiệp 1984 - 1985 và những năm tiếp theo, xác định rõ nhiệm vụ lâm nghiệp đối với tỉnh ta đã rõ. Tôi cho đây là một nội dung nghị quyết rất đúng, có tính chiến lược, lâu dài, nhưng chưa được đánh giá quá trình tổ chức thực hiện đến đâu đúng sai thế nào v.v... Nội dung Nghị quyết 21 đã nêu ra Lâm nghiệp Lâm Đồng phải :

+ Lấy việc quản lý, bảo vệ tái sinh rừng là chính, kết hợp việc giao đất giao rừng cho từng phân trường, hộ gia đình có chủ cụ thể.

+ Trừ khâu Công nghiệp tổ chức các Xí nghiệp chế biến - khai thác thành hệ thống riêng, không nằm trong hệ quản lý bảo vệ rừng nói trên.

Đây là phương án, nghị quyết phù hợp bảo vệ phát triển rừng, tiếc rằng quá trình triển khai, từ khi có biến động cơ chế thị trường tổ chức bộ máy cán bộ, đến lề lối làm ăn, chế độ hưởng thụ có thay đổi nên Nghị quyết ấy bị bỏ lửng, mãi đến giữa năm 1997 Thường trực Tỉnh ủy khóa VI mới ra thông báo số 225 tiếp tục tổ chức thực hiện nghị quyết 21 cuộc

họp Tỉnh ủy lần 9 khóa III. Điều tồn tại đáng nói, và đáng để phê phán không chỉ ở ngành Lâm nghiệp mà ở mọi ngành khác, đó là sự quan liêu bao cấp. Sự suy nghĩ quyền lực. "xin cho" để có lợi cho cá nhân. Nhiều Giám đốc Lâm trường lúc bấy giờ không muốn tách Lâm sinh và Công nghiệp rừng độc lập với nhau; làm vậy sẽ có sự cạnh tranh quyền lợi và quyền lực, đụng đến lợi ích cá nhân chăng? nên thiếu tích cực triển khai nghiêm túc mà nay đã 15 năm rồi vẫn giữ nguyên mô hình tổ chức như cũ không phù hợp với cơ chế kinh doanh mới...Đến nay, đằng sau sự vô tư của nhiều đồng chí lãnh đạo các ban ngành từ cơ sở đến huyện tỉnh, cũng còn nặng chế độ "xin cho", vì quyền lực và lợi ích cá nhân cục bộ, nên xem như chưa dám làm một cuộc cách mạng trong ngành lâm nghiệp là rất khó nói...Từ đó dẫn đến tiếp tục nguy cơ khai phá rừng là không giảm, và hiệu quả công tác phát triển lâm sinh lại giảm dần. Nhìn những đoàn xe chở gỗ tròn (nguyên liệu thô) lăn bánh khỏi Lâm Đồng về xuôi, không lòng ai lại không xót xa, một sản phẩm qua hàng vài chục năm, thậm chí 100 năm mới có, mà giá trị chỉ bằng mấy chục ký gạo, mười mấy ký bột ngọt, loại sản phẩm mà được làm ra từ vài phút, vài giờ.

Cuối những năm 80, Tỉnh kiên quyết có chủ trương phải hình thành những liên hiệp lâm nghiệp, phải tổ chức kinh doanh, chế biến sản phẩm lâm nghiệp thành những hàng hóa cao cấp, và điều tất

yếu phải quản lý cho được con người. Các Liên hiệp 1, 2, 3 ra đời trên định hướng như vậy, là : quản lý, bảo vệ rừng là phát huy đội ngũ cán bộ, tổ chức hai thác, chế biến xuất khẩu hàng hóa lâm sản.

Có thể nói, những ngày tháng đầu từ năm 1987 về sau này, sự hình thành 3 liên hiệp Lâm Công nghiệp ở tỉnh ta đã thổi một luồng gió mới vào ngành Lâm nghiệp Lâm Đồng. Các đơn vị thi đua, cạnh tranh nhau trên cơ sở phát triển hàng hóa, xây dựng các mô hình Lâm Công nghiệp khá tốt. Nhìn những chuyến xe chở gỗ tròn, gỗ xẻ xuất khẩu sang các nước và những hàng hóa trở về, ai cũng nao lòng hưng phấn. Các mô hình Nông Lâm nghiệp ở Di Linh, Đức Trọng, Đơn Dương, Đạ Huoai ra đời. những nhà máy chế biến gỗ, tre nứa, song mây hình thành, một chồi non đẹp của ngành đang phát triển... thế mà chỉ 3 năm sau, kể từ 91 - 92, ngành Lâm nghiệp lại rơi vào những cuộc bàn cãi, tính toán khác nhau. Người ta suy nghĩ thị trường là cạnh tranh, nhưng cạnh tranh là cái gì cơ chứ ! Cạnh tranh phải là chất lượng sản phẩm và giá thành sản phẩm, phải nằm trong quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nhưng ở đây, có thể nói, cạnh tranh của Lâm nghiệp Lâm Đồng,(và có cả ngành kinh tế khác) là cạnh tranh bằng bất kỳ giá nào, kể cả việc cạnh tranh bằng biện pháp "hành chính", nghĩa là phải đi đêm về hôm với những người lãnh đạo chủ chốt để có một chỉ thị có lợi cho bản thân mình, cho phạm vi "địa lý"

của mình hoạt động! không kể đến bạn mình bên cạnh. "Buôn có bạn, bán có phường" câu ngạn ngữ ấy không còn đúng với những nhà cách mạng làm kinh tế ở đây ! Liên hiệp này đang xuất gỗ tròn nhóm 3 - 4 từ 95 - 120 USD/m3, thì cũng sản phẩm đó Liên hiệp khác xuất chỉ có 80 - 90 USD/m3, mà cũng chính "thằng H" ! Hỏi Giám đốc Đ và T của Liên hiệp nọ, họ chỉ cười. "em làm vậy vẫn lời". Và kết cục người mua ép cả ba liên hiệp không xuất được. Hoặc là khi nhà máy chế biến nhựa thông của Liên hiệp 2 thiếu nguyên liệu nhựa để chế biến, thì ở Liên hiệp 3 lại xuất nhựa sống v.v...

Cứ vậy, đến nay, chế biến nhựa thông của Lâm Đồng đã đi vào dĩ vãng, bây giờ có ai thấy được Xí nghiệp Nhựa thông Di Linh ở đâu? cơ chế cạnh tranh bằng biện pháp hành chính, dẫn đến có thời gian người ta gọi Liên hiệp này là của Bí thư, Liên hiệp kia là của Chủ tịch, Xí nghiệp nọ là của Phó Chủ tịch... cái nguy của biện pháp hành chính, làm cho đội ngũ cán bộ đẻ ra mâu thuẫn với nhau. Đánh giá năng lực cán bộ đâu ở giá thành, chất lượng sản lượng sản phẩm, mà ở chỗ có " vui vẻ" hay không?

Một đồng chí lãnh đạo thường nói : "Thằng X. được đó chứ" , nhậu vui vẻ, biết điều lắm" Vậy là X. có ít nhất 70% thành công .

Ba Liên hiệp Lâm nghiệp, càng ngày càng bước vào những khó khăn! Một số kẻ lợi dụng để trục lợi

đã bị pháp luật xem xét, đội ngũ cán bộ ngành nao núng, nhụt ý chí tiến thủ .

Nói về cơ chế bán cây đứng! Bán cây đứng phải trên cơ sở hoàn thiện được khâu lâm sinh và công nghiệp rừng, như Nghị quyết 21 trong thời 84 - 85 đã nêu. Song ta chưa làm được như vậy. Một Giám đốc Lâm trường nói với tôi..."Em có hai phần, phần bán và phần mua" bán rẻ để mua, mua rồi lại bán, tuy cũng vào tay người mua là của mình. Lúc rẻ lúc đắt, nhưng giá thì tại bãi 2 cố định! Ai hiểu được cái dích dắc này ! Chỉ có những "chủ rừng" của nó biết thôi! Vài năm trước, tỉnh đã có chuyện gỗ Pơmu nhóm 1 lại gắn cho cái tên "thông hôi" thành nhóm 4. Vậy là kẻ vừa mua (nhóm 4) vừa bán nhóm 1, tuy lúc đó tài chính có bóc tách nhưng chủ kinh doanh vẫn lời to ! có người nay thành tỷ phú! Ông Nguyễn T. là Giám đốc Sở Lâm nghiệp, con người mà có một trường phái ủng hộ, cho là tốt. Một phái khác cho là không được vì quá ranh mãnh. nhưng đa số anh em lâm nghiệp, kể cả giới khoa học kỹ thuật, đánh giá chuẩn mực hơn - Ông là một trong những người có trình độ quản lý lâm nghiệp, có những bài bản khá tốt trong phát triển ngành là người khá hiểu sâu về ngành. Chỉ có điều "thần thiêng phải nhờ bộ hạ" thì đa phần đội ngũ ông quản lý ít tin ông, vì không lợi dụng được ông. Rồi từ rối rắm thông tin tung ra nhiều chiều trong dư luận, kẻ có ý lợi dụng gây phức tạp trong đánh giá, chỉ cái tội của ông có tính quá đa nghi, nên

một mình ôm không xuể. Khi Liên hiệp 3 do ông lãnh đạo phải giải thể, nguyên nhân chưa thật thuyết phục : giải thể là do đơn vị làm ăn thua lỗ kéo dài hay lý do nào khác thì không thấy kết luận, khiến cho con người nằm trong số phận rủi may của một thời... Có phải thế không?

Công bằng mà nói : nếu vì yêu cầu của "tổ chức" mà sắp xếp giải thể một cách trong sáng thì điều đáng làm. Nhưng chính điều này, cũng là 1 con bài cho người ta lợi dụng để giải thể, sát nhập mà mục đích chỉ là đánh một con người không hẩu cánh! chứ sự thật trong 3 liên hiệp lâm nghiệp, phải nói Liên hiệp 1, giai đoạn đầu làm ăn được. Ở đây tỉnh bổ sung một số cán bộ chủ chốt của ngành và một vài đồng chí học vấn còn trẻ, Liên hiệp này là chủ công của xuất khẩu gỗ trong những năm 88 - 91, có nhiều Xí nghiệp chế biến đũa tre, song mây! Tiếc rằng từ cạnh tranh quyền lực, các Liên hiệp không thống nhất nhau, dẫn đến tỉnh quyết định giải thể hai, còn một, té ra việc đi lại từ đầu đã có quyết định tổ chức một Liên hiệp công lâm nghiệp chế biến hùng hậu hàng chục nhà máy, hàng mấy trăm xe, thì tập thể cho là quá lớn không quản lý nổi, nói vậy cũng có lý, nên cũng theo tập thể tổ chức 3 Liên hiệp, sau gần 15 năm sản xuất kinh doanh ai thắng ai thua không kết luận lại có quyết định để 1 bỏ 2, ai sai ai đúng thôi khỏi bàn, giờ đây cơ sở vật chất côngnghiệp hóa ngành lâm nghiệp sau 25 năm trở lại là hai bàn tay

trắng, đau lắm. Ở đây, qua bao năm công tác và nay suy nghĩ lại, tôi mới nghiệm ra một điều có thể là đúng..."trong Hội nghị, khi ra Nghị quyết hay một văn bản gì chăng nữa, thường ta thống nhất 100% cái không thuộclòng của mình" Chính vì vậy, khiến Nghị quyết không vào thực tế... Song, ai mà nói thật lòng của mình, khi "sự thật mất lòng" và sẽ không tồn tại! Mỗi cán bộ, đảng viên cũng là một con người, mà con người, ngoài 8 giờ cho Nhà nước, họ còn những 16 giờ cho bản thân, bố mẹ, vợ con, cháu chắt và bè bạn ! là cái bao tử, thực khó có lời thực...

Kinh tế Lâm Đồng, nói một cách thực dụng và dễ hiểu là Lâm nghiệp - Nông nghiệp - Dịch vụ du lịch rồi Công nghiệp - nhưng cần phải hiểu công nghiệp Lâm Đồng không phải cần những nhà máy cơ khí - chế tạo lớn, mà công nghiệp ở đây được hiểu là chế biến các sản phẩm của ngành lâm nghiệp, nông nghiệp làm ra. (trừ khoáng sản và thủy điện địa phương không tự tính được). Một nghịch lý mà đến nay chưa giải quyết được là nguyên liệu lâm nghiệp...(gỗ tròn, xẻ...)rời khỏi tỉnh, quay về lại là bàn, ghế, đồ gia dụng khác ! Tôi đã có lần dạo qua ở các tỉnh miền Tây hay thành phố Hồ Chí Minh, mới hiểu được điều này ! Ở Đà Lạt, Thị xã Bảo Lộc và các huyện khác, muốn mua một sản phẩm tinh chế về gỗ của địa phương mình thì gần như không có ! Đến hôm nay, nhìn lại mô hình ngành lâm nghiệp, lòng tôi cũng man mác buồn ! Dù sao, mình cũng có một

thời gian dài trong cuộc đời gần nửa thế kỷ với đảng bộ, với rừng, với đồng bào, một thời gian lãnh đạo động viên mọi người xây dựng nghề rừng . Đành rằng từ những năm 90 về sau, không còn trực tiếp điều hành; Có thể nói, chúng ta đã lãng phí của rừng quá nhiều ! Giờ đây nếu ai đó đã thấy đúng để có quyết sách đúng trở lại thì cũng chưa muộn .

Còn nếu nói đến Du lịch của Lâm Đồng, mà tách nó ra khỏi rừng, thì hoàn toàn không được, là lùi lại càng xa trong thế mạnh này ! Nếu lấy Du lịch phải có phố đẹp, nhà cao, thì Lâm Đồng không thể sánh được với thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Khánh Hòa, Vũng Tàu v.v...Nhưng nói đến Biệt thự và cảnh quan thì ở đâu bằng Đà Lạt - Lâm Đồng ! Vậy, bảo vệ rừng, nhà dưới tán rừng, làm thế nào để ngành Du lịch sống trong rừng xanh là thế mạnh khó nơi nào có!

Tiếc rằng, bỏ phí tài nguyên, bỏ phí con người ! Có ai biết, trong ngành lâm nghiệp có việc phó tiến sĩ làm nhân viên, kỹ sư làm công nhân và thất nghiệp ! và người lãnh đạo ngành, hay trên nữa có hiểu Lâm Đồng sự thật này không? nguyên nhân vì sao ? Rất khó nói lắm !

Thử tìm lại trong số hơn 100 kỹ sư lâm nghiệp, phó tiến sỹ lâm nghiệp, nay còn những ai được ở cương vị quản lý lãnh đạo ngành. Đành rằng lãnh đạo không nhất thiết phải có đủ mọi bằng cấp cả

đâu, nhưng ít nhất cũng hiểu được cái mình làm là gì và làm ra sao, bắt đầu từ cái gì chứ ? Trở lại bài toán về ngành lâm nghiệp, giá như hàng năm chúng ta khai thác 70 - 80.000m3 gỗ và từ đó chỉ tính 50% trở thành hàng hóa sản phẩm tinh chế với giá sản phẩm ở thành phố từ 4 - 5 triệu/1m3 thôi (bỏ qua những nghĩa vụ khác) thì hàng năm chúng ta có từ 100 đến 150 tỷ đồng ! và chỉ dùng 30% cho công tác tái tạo nguồn, trong đó có ĐCĐC, xây dựng buôn làng thì hàng năm sẽ có thêm cái gì đó? Nên làm đúng nghĩa vô tư ! Đúng mục đích, sự rơi vãi quả là quá lớn nếu thấy thành quả còn lại hôm nay !

Hơn 7.200 hộ đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa trong tỉnh, nếu mỗi hộ chỉ có nhiệm vụ giữ , bảo vệ khoảng 10 ha rừng thôi, và coi 10 ha rừng này như 10 ha cà phê của họ, thế thì hơn 72 ngàn ha rừng sẽ được như thế nào ? Và mỗi ha, chỉ cần trợ cấp 150.000đ/năm thật ổn định thì lòng dân sẽ gắn bó yên tâm với rừng và mỗi hộ đầu tư cho một ha cây công nghiệp dài ngày hoặc cây ăn trái, thế là mô hình bền vững nông lâm gắn chặt đúng nghĩa của nó.

Mỗi chiều thứ bảy, chủ nhật - những bạn già có, trẻ có của ngành lâm nghiệp thường ghé tôi chơi, lòng họ quá tốt, quá yêu nghề, có những lo toan cho ngành, nhưng sao họ không còn làm gì được. Họ nói : chẳng biết nói ai nghe ! tâm sự với đồng chí cho vui thôi .

Chính ông TH. con người bôn ba với rừng từ biên giới phía Bắc đến miền Trung cục Nam Trung bộ và lên Lâm Đồng từ những ngày đầu giải phóng, nay đã nghỉ, thường hay tâm sự với tôi về những biện pháp quản lý ngành. Nói về bán cây đứng, cựu Giám đốc lâm nghiệp luôn là người không đồng nhất ý kiến ! Bởi theo ông, cây rừng nó khác với mọi hàng hóa khác! làm sao bán được một sản phẩm mà người ta chưa biết được nó? Cái gì hình thành giá của hàng hóa? Với một cái cốc cái chén là một chuyện đơn giản, nhưng định vị giá trị từ nhiều nguyên tắc; Còn là một cây rừng giá trị cấu tạo hàng trăm năm, điều kiện khai thác và giao thông khác nhau, vậy thì định vị chi phí cho nó như thế nào ? v.v...và v.v...

Chưa nói đến việc đấu thầu ! Đấu thầu có cái lợi, nhưng cũng vô vàn cái tiêu cực, mà người quản lý không nắm vững, thì đi vào một lãnh địa ma hồn trận khổng lồ không ai lường hết .

Ông kể, nó đấu thầu kiểu này! Ví dụ lâm trường kêu giá sàn 700đ/m3, nay để thằng A mua, thì thằng A nói với thằng B : ông ghi 705 nhé, tôi sẽ bồi dưỡng cho ông số chênh lệch còn lại, đại loại 10 đ/m3, cậu C: ông ghi cho tôi 706 đi, lại chi 10đ/m3 và đến ông A, tất là 710đ/m3. Vậy là thắng thầu. Sau đó thực giá là 800đ/m3, bỏ chi cho B, C 20đ/m3 còn lời 80đ/m3... đó, cái đấu thầu là vậy! Và cơ chế này

ông biết không, chỉ có các doanh nghiệp tư nhân chơi được, vì vậy, nay cán bộ lâm nghiệp chỉ là kẻ làm thuê cho doanh nghiệp tư nhân mà thôi! Ông thấy không? Vì lâm nghiệp quốc doanh làm sao chi được chênh lệch giá để lót tay, để thắng được kiểu ma giáo của thị trường.

Ghi lại những chuyện này chỉ là chuyện nhỏ nhoi trong ngành lâm nghiệp. Không phải để nói tiêu cực điều gì ! Song, đừng bao giờ thấy nhỏ mà xem thường! Thật là tai hại. Trái tim con người chỉ là 1/10.000 trọng lượng của con người nhưng sống chết là ở nó đấy !

Cho đến bây giờ, cần nói thẳng thắn là ngành lâm nghiệp Lâm Đồng chưa có đường đi đúng, chưa tập hợp được con người của ngành lại, nên bỏ qua một tài nguyên, một điều kiện quy định cho phát triển Lâm Đồng. Sự giận dữ của rừng, của thiên nhiên thời gian qua nhân dân Lâm Đồng đã hứng chịu và họ cũng rất giận dữ, nhưng chẳng biết làm sao để nói hết sự thật phũ phàng của ngành. Chỉ mong sao, rừng vẫn mãi là vàng, là sự che chở đùm bọc cưu mang cho mọi sinh linh sống dưới nó; với nó, trong nó...Cần phải xây dựng lại, có thể nói "Từ đầu" mô hình lâm nghiệp, theo đúng nghĩa "xã hội hóa nghề rừng" gắn rừng với dân và vườn, gắn rừng - cảnh quan - Du lịch; gắn rừng - công nghiệp - hàng hóa .

Muốn xây dựng được mô hình quản lý đúng với chủ trương xã hội hóa nghề rừng thì phải xây dựng đội ngũ quản lý, tận dụng đội ngũ trí tuệ chuyên nghiệp của ngành lâu năm và có kinh nghiệm thực tế của thế hệ trước. Cũng nên nhắc lại xây dựng mô hình thực tế trong xã hội, chứ không phải mô hình theo nghĩa "sa bàn" mà hiện nay chúng ta đang vấp phải "mô hình sa bàn", sách vở quản lý của sự lãnh đạo ra lệnh, chưa qua thực tế kiểm nghiệm sẽ đem lại nguy hiểm .

Cũng nói thêm vài ý về kiểu "mô hình sa bàn". Trong một lần nói chuyện với 1 kỹ sư lâm nghiệp, thuộc thế hệ con cháu, nhưng lòng người kỹ sư cũng chứa đựng nhiều suy tư, bởi nó cũng là một kỹ sư lâm nghiệp, một kỹ sư kinh tế, cũng qua nhiều chức vụ và gặp nhiều nỗi trần ai, người kỹ sư có trình bày suy nghĩ về "mô hình sa bàn". Cậu ta nói : chú xem ở đâu cũng nói mô hình. Nhưng phải hiểu được mô hình là gì cơ chứ ! Đâu có phải người ta lập Công ty, thì mình cũng phải có, và Công ty phải đủ chức chánh phó Giám đốc, trưởng phó phòng v.v... Đâu phải người ta có Bộ mình cũng phải có Bộ, có Bộ thì phải đủ các thứ trưởng! Đâu phải họ có bộ máy lãnh đạo Tỉnh Sở, Chủ tịch, phó chủ tịch này nọ, mình cũng phải có như thế ! Chú nghiệm xem, ta thường hay có những "mô hình sa bàn" để minh họa một phần thi công xây dựng, một kế hoạch tác chiến... Nhưng từ "mô hình sa bàn" ra ngoài thực tế là hoàn

toàn khác ! Có ai ở được trong ngôi nhà "mô hình xây dựng quy hoạch" trên sa bàn ! Có ai đưa "mô hình sa bàn" chiếc máy sấy chè vào nhà máy sấy lúa ngô đâu hả chú ! Vấn đề ở chỗ biến cái mô hình đó vào thực tế cụ thể của địa phương, ngành mình... Nếu không được thì thôi, hoặc phải thiết kế lại cái khác. Coi chừng, hiện nay ta đang có những "mô hình sa bàn" kiểu này trong quản lý - lãnh đạo đó ? Thật là bàng hoàng. Tôi bàng hoàng khi nghe và nghĩ về ý này của người kỹ sư trẻ nói: Cũng có chuyện phải tính đấy !

Qua bao năm lãnh đạo ! Nhưng hiểu được lòng người, thực không dễ, mà từ đó hiểu một ngành cũng là một đoạn trường gian khổ !

Ngành Lâm nghiệp và Công nghiệp rừng ở Lâm Đồng nó còn nhiều bí ẩn! Nhiều bài toán mà trách nhiệm của thế hệ hôm nay cần phải vắt đầu suy nghĩ. Tôi đã nêu nhiều đề tài để suy nghĩ và càng suy nghĩ thì nó cũng như người đi sâu vào rừng vậy ! Đã là rừng thì phải có nhiều loại cây khác nhau, nhiều tầng, nhiều thảm thực vật, nhiều động vật khác nhau. Muốn quản lý và khai thác tốt vốn rừng, cũng phải tập hợp được nhiều người, nghe nhiều tiếng nói của trí tuệ, huy động nhiều công sức, nhiều ngành hợp lại, để tìm được một lời giải đáp phù hợp. Một mệnh đề lâu nay của 4.000 năm giữ nước và xây dựng nước "Vua chúa, lãnh đạo phải giỏi hơn, trí thức hơn thần dân thì nước thịnh, nếu vua chúa lãnh đạo kém

trí thức hơn thần dân thì nước sẽ suy". Để vua có đủ tri thức vua phải biết tập hợp trí thức của thần dân, là phải đi sát thực tế, nghiêm túc nghe và tiếp thu thực tế...

Thật là bàng hoàng khi lớp trẻ có trí thức, nhưng người lãnh đạo biết và sử dụng trí thức của họ thế nào là quyết định thành bại, thịnh suy, vấn đề quyết định từ lựa chọn và sử dụng con người; vì con người, từ con người và của con người... điều này trong tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: chế độ của ta là chế độ của dân do dân vì dân, nhưng chúng ta chưa thật nghiêm túc đi sâu vận dụng quan điểm này trong lãnh vực lâm nghiệp, nên đã để nó suy thoái và mai một của thế mạnh trên con đường công nghiệp hóa hiện đại hóa một thời, là điều không thể bỏ qua, không thể lỗi lầm về mặt chiến lược của một địa phương như địa phương Lâm Đồng. Tôi nêu ra để bạn đọc tham khảo và nếu dư luận thấy cần thì tổ chức tranh luận mang tính xây dựng và khoa học có trật tự không nên dựa vào bản này để bài xích đánh giá chê bai lẫn nhau có hại cho sự đoàn kết nhất trí thật sự của Đảng bộ ...

Những điều suy nghĩ :

" Con đường công nghiệp hóa của Tỉnh Lâm Đồng đi vào thế kỷ 21 "

Tôi cho rằng : Điều kiện công nghiệp hóa của một tỉnh miền núi như tỉnh Lâm Đồng ,điểm xuất phát và đã xuất hiện hình thành sớm trong điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội ... Tuy không đồng bộ nhưng với địa bàn thuận lợi, vị trí cơ động , cơ sở nguyên liệu dồi dào, điều kiện điện nước , giao thông ,thông tin bưu điện phát triển khá tuy mới là sơ khai nhưng so với nhiều tỉnh trung du miền núi đâu dễ có.

Nói về tự nhiên : Vị trí Lâm Đồng nằm địa bàn nam Tây Nguyên, cực nam Trung bộ, xa Trung ương, xa trung tâm kinh tế văn hóa miền Trung (Huế, Đà Nẵng) nhưng lại gần cụm trung tâm kinh tế lớn và năng động phía nam (T.P hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu Biên Hòa, Bình Dương và các Tỉnh Đồng bằng Nam Bộ vựa lúa của cả nước .

Lâm Đồng có gần 1 triệu ha đất đai rừng núi, có trên 200.000 ha đất đỏ ba dan ... với trên 100.000 ha rừng thông, 150.000 ha rừng tre nứa và có gần 50 triệu m3 trữ lượng gỗ,trong đó có 30.000 ha rừng thông trồng sau giải phóng , dày đặc cần có kế hoạch khai thác chế biến ... Đây là nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp hoá , đa dạng hóa sản phẩm sẵn có tại địa phương .

Lâm Đồng với đặc trưng có ưu thế tự nhiên : khí hậu mát mẻ quanh năm, cho phép phát triển nhiều loại cây trồng , con nuôi phục vụ phát triển công nghiệp đa dạng , phục vụ du lịch nghỉ dưỡng trên toàn địa bàn (Lâm Đồng và Đà Lạt) .

Lâm Đồng là đầu nguồn nước của nhiều con sông lớn ở độ cao trên 2000 mét, qua nhiều bậc thềm xuống đến dưới 300 mét so với mặt biển, có độ dốc lớn ... Trong quy hoạch của ngành công nghiệp và thủy lợi , có khả năng ngăn nước thành nhiều bậc , đắp thành nhiều hồ chứa nước , phục vụ thủy lợi , thủy điện bằng nhiều công trình điện lực lớn trong tỉnh , để giải quyết nước cho các tỉnh cực nam Trung bộ và giải quyết điện cho cả cụm trung tâm kinh tế phía nam có quan hệ sự nghiệp phát triển công nghiệp của tỉnh , nhất là công nghiệp luyện nhôm lâu dài ...

Lâm Đồng còn có hệ thống khoáng sản kim loại hiếm đa dạng , có tiềm năng lớn so với các tỉnh phía nam và cả nước , nhất là quặng bocxít nhôm , trong tương lai sẽ hình thành công nghiệp lớn, nằm trong chương trình quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng mà Trung ương và Chính phủ đã có thông báo .

Hiện nay toàn Tỉnh Lâm Đồng có trên 100.000 ha cây công nghiệp dài ngày, gồm chè, cà phê, dâu tằm, điều... Các Huyện phía nam và rau hoa Đà Lạt, Đơn Dương ... là cơ sở nguyên liệu vô cùng to lớn , chờ

sự phát triển hiện đại hóa công nghiệp chế biến nông lâm sản ngay lập tức , giống như thôn nữ đến tuổi "dậy thì " trông đợi người yêu !

Chưa nói, con đường công nghiệp hóa , hiện đại hóa ngành du lịch dịch vụ nghỉ dưỡng là thế mạnh đầy tiềm năng , được thiên nhiên ban tặng chưa được khai thác phát huy , cần được đưavào hệ thống công nghiệp của Tỉnh ta trong những năm đầu thế kỷ 21 để xem xét

Thực trạng 25 năm ,tiềm năng thế mạnh của Lâm Đồng công nghiệp phát triển qua các thời kỳ,cần xem xét đánh giá đúng để chuẩn bị bước sang thế kỷ 21. Về công nghiệp Lâm Đồng cần tập trung 5 vấn đề lớn sau đây :

1/ Về xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho công nghiệp hóa .

2/ Phát triển công nghiệp chế biến nông sản .

3/ Công nghiệp hóa ngành lâm nghiệp .

4/ Công nghiệp hóa ngành khoáng sản .

5/ Công nghiệp hóa ngành thương mại dịch vụ du lịch .

Năm vấn đề trên thuộc thế mạnh về công nghiệp ở địa phương ta , mà thế mạnh tập trung nhất là thế mạnh công nghiệp chế biến nông sản ....

Theo tôi nhìn toàn cục , thì công nghiệp tỉnh ta từng lúc từng ngành có sự phát triển rất nhanh , nhưng không cơ bản , thiếu đồng bộ ,thường xuất hiện nhiều bất trắc ,bất ngờ dẫn đến 3 chìm bảy nổi và trạng thái lênh đênh cả cơ sở công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương nằm trên địa bàn của tỉnh .

1./ **Trước hết nói về công nghiệp phát triển hạ tầng** :

- Giao thông vận tải đã nổi bật một thời ... Sau 25 năm làm được và chưa làm được như bài : Giao thông vận tải 25 năm phát triển phục vụ một tỉnh miền núi trên đường công nghiệp hóa đã viết . Nhưng có điều đáng nói là sau 25 năm rồi mà con đường quốc lộ 28 Phan Thiết - Di Linh chưa đầy 100km và Di Linh đi Gia Nghĩa cũng chừng ấy thôi , đến nay chưa biết con đường quốc lộ 28 thuộc cấp đường gì ? mặc dù nó được Bộ Giao thông đưa lên thành quốc lộ từ thập kỷ 90 .

- Vấn đề điện và nước đối với một số đô thị so với ngày mới giải phóng, tốc độ tăng trưởng khá nhanh so với các tỉnh miền núi trung du . Đến nay đã có11 / 11 huyện, thị thành và 117 / 135 xã phường có điện lưới quốc gia sử dụng tốt trong đó có 12 xã nghèo đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa. Đây là một cố gắng lớn của ngành trung ương và địa phương, có sự tích cực tham gia đóng góp của nhân dân .

- Về nước phục vụ cho đời sống có nhiều cố gắng, nhưng chương trình nước sạch ở nông thôn chiếm tỷ lệ còn thấp .

- Vấn đề thông tin bưu điện là ngành phát triển nhanh của tỉnh cả hệ thống thông tin truyền hình và mạng lưới bưu điện viễn thông liên lạc quốc tế đều được ngành trung ương chú ý giúp đỡ khá toàn diện và đồng bộ , rất được các tầng lớp nhân dân trong tỉnh hoan nghênh.

- Nhưng thực tế tỉnh Lâm Đồng đến nay so với những tỉnh phía nam , thì cơ sở hạ tầng được đầu tư còn thấp, giao thông thủy lợi đang xuống cấp nghiêm trọng, hạn chế trong việc phát triển nông nghiệp về chiều sâu, việc giao lưu đối với những vùng sâu vùng xa gặp nhiều ách tắc trong mùa mưa, việc đầu tư của nước ngoài vào Lâm Đồng những năm gần đây bị hạn chế , làm cho sự nghiệp công nghiệp hóa đầy tiềm năng ở tỉnh ta không còn hấp dẫn như những năm đầu của thời kỳ đổi mới . Chưa nói đến khó khăn trong thủ tục hành chính , gây phiền hà trong tiếp xúc tìm hiểu cơ chế , giao tiếp kéo dài thủ tục đầu tiên v.v đã làm nản lòng đối tượng muốn đầu tư có ảnh hưởng không nhỏ hiện nay , và tương lai còn bất lợi trong dư luận , ta cần phải thấy phải sửa thì mới thu hút mạnh sự đầu tư của nhân dân ta và người nước ngoài đối với tỉnh.

2/ **Về phát triển chế biến nông sản** : Lâm Đồng có mấy nhóm nguyên liệu nông sản quan trọng. Đó là chè, càphê, dâu tằm tơ, hạt điều, mía đường, rau, hoa quả tương đối lớn .

Theo tôi thì cây chè có một số thời gian gặp rất nhiều khó khăn , trong hoàn cảnh thay đổi thị trường , Từ thị trường XHCN gặp bế tắc những năm đầu thập kỷ 90 , phải chuyển sang thị trường tư bản chủ nghĩa , lúc đầu gặp không ít trục trặc , tưởng chừng phá sản đến nơi , không thể nào vượt qua được . Nhưng nhờ có sự chỉ đạo của Trung ương , Chính Phủ, ngành chè của địa phương đeo bám , kiên quyết chuyển mục tiêu sản xuất , phục vụ đối tượng thương trường mới , chuyển phương thức đầu tư kinh doanh cả khâu nông nghiệp và khâu chế biến công nghiệp , nhờ đó mà từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn nhất những năm đầu thập kỷ 90 ,đến nay từng bước vươn lên , với đà phát triển mới về chất , đó là điều đáng mừng . Nhưng vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu yêu cầu của đại hội Đảng bộ lần thứ 6 đề ra đối với ngành chè về chất . Nhưng trong xu thế củng cố giữ vững và phát triển , thời gian gần đây, là những điều đáng ghi nhận .

Về cây cà phê và sản phẩm công nghiệp chế biến cà phê ... Về mặt nông nghiệp phát triển nhanh . Nhưng về công nghiệp không phát triển , không đáp ứng kịp thời yêu cầu chế biến , sản phẩm cà phê còn thả nổi trên thị trường tự do, tư thương tha hồ ép

cấp, ép giá, nếu không sớm khắc phục khâu công nghiệp , thì đến lúc nào đó sẽ lao vào con đường phá sản như thời kỳ 1985 – 1992 , dân phá càphê trồng dâu . Nay thì đã bắt đầu phá cá phê trồng chè cành và lại trồng dâu ... Vì có một nguyên nhân là chưa có nền công nghiệp chế biến tiêu thụ cà phê tự chủ và vững chắc chủ đạo ở Lâm Đồng chúng ta .

Về cây dâu , con tằm là loại cây con có ưu thế ở Lâm Đồng, có lúc được cả nước xác định là trung tâm, là thủ đô dâu tằm tơ Bảo Lộc ...

Trong giai đoạn 1990 đến 1993 tỉnh ta có diện tích dâu lên đến 13.000 ha, năng xuất lá dâu lên đến 40 tấn/ ha/ năm. sản lượng kén tằm hàng năm có trên ngàn tấn. Có hệ thống ươm tơ Việt Ý, trình độ công nghệ tự động cao, có tơ cấp loại 3a đến 5a , mỗi năm sản xuất mấy trăm tấn tơ xuất khẩu , đạt tiêu chuẩn quốc tế ưa chuộng. Giám đốc Liên hiệp dâu tơ Việt Nam, có thời Giám đốc DTTVN được tôn vinh ngành dâu tằm tơ VN, được tặng danh hiệu doanh nhân ngành tơ tằm 1991 – 1992 tên thương trường quốc tế . Ngành dệt in nhuộm cũng đã bắt đầu phát triển khá tốt, với trình độ của ta với xu hướng hình thành công nghiệp hóa hiện đại hóa ngành dâu tằm tơ trên địa bàn Lâm Đồng là địa phương dẫn đầu. Trong những năm 1987 đến 1993 cây dâu con tằm đã có mặt khắp các huyện trong tỉnh. Có thể nói một tổ chức kinh tế chuyên ngành của Trung ương đứng trên địa bàn của tỉnh, trong những năm thập kỷ 80 và 90, tuy thời gian

chưa dài nhưng đã góp phần xây dựng một cơ sở công nghiệp đồ sộ và có một sự đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở khoa học kỹ thuật , có cả ngân hàng dâu tằm tơ VN, cơ sở du lịch nghỉ dưỡng, có hệ thống đường sá khang trang của một thị xã trong buổi ban đầu, là điều phải được tự hào của Đảng bộ dâu tằm tơ Trung ương và Đảng bộ địa phương cùng hãnh diện... Mặc dù đã có thời kỳ ngấp nghé trên đường đổ vỡ đột ngột, chẳng khác cây cà phê lên ngôi những 1983 – 1987, rồi lại tụt xuống đột ngột những năm 1988 – 1992, cây cà phê tỉnh ta từ 45.000 ha , nhưng do giá cà phê xuống thấp , dưới giá thành sản xuất, dân đã phá cà phê trồng dâu, nên diện tích cà phê chỉ còn 24.000 ha, trong khi đó, cây dâu từ 3.000 ha năm 1985 đã tăng lên 13.000 năm 1993. Nay cây cà phê lên đến 88.600 ha, cây dâu lại tụt xuống còn 2959 ha năm 1999, nay thì cây dâu lên được 3237 ha trong nhân dân... Tôi nêu sơ bộ biểu đồ diễn biến của 2 cây trong 3 cây công nghiệp dài ngày, đứng trên địa bàn tỉnh, có tính chất chiến lược của địa phương , để chúng ta nghiên cứu sự tác động qua lại của thị trường tự do, trong từng lúc, mỗi cây chịu ảnh hưởng không nhỏ đến việc sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh, do vị trí công nghiệp và thương mại trên thị trường, do giá cả chi phối là không nhỏ . Còn vai trò nông dân và nông nghiệp việc xác định cơ cấu cây con của tỉnh ta, qua thực tế 25 năm là đúng, không có cây gì thay thế tốt hơn. Cây chè, cây cà phê, cây dâu tằm là một tập

đoàn cây phải được tôn trọng, dứt khoát phải phát triển công nghiệp chế biến, theo quy trình công nghiệp hóa, cải tiến công nghệ mới, nhằm hiện đại hóa từng bước và phải được ưu tiên tập trung đầu tư, toàn diện đồng bộ, gắn kinh tế kỹ thuật công nghiệp tiên tiến đảm bảo môi trường văn hóa xã hội ...

- Định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sản phẩm chè, từng bước khắc phục khâu nguyên liệu, hiện đại hóa giây chuyền công nghệ chế biến, cho ra sản phẩm có sức cạnh tranh với thị trường quốc tế. Phải từng bước khắc phục tính lạc hậu sản phẩm chè Lâm Đồng, quyết xóa sạch dấu tích của những kẻ nói xấu sản phẩm chè của ta là chè "tào lao ". Với lòng tự trọng của chúng ta , làm sao bảo đảm cho cây chè Lâm Đồng sẵn có diện tích và sản lượng chè búp tươi cao nhất nước. Nay phải vươn lên đạt chất lượng sản phẩm chè ngon nhất nước do khâu nguyên liệu và công nghiệp chế biến , đạt tiên tiến và vệ sinh nhất, là cần phải vương tới yêu cầu của Đảng bộ và nguyện vọng của nhân dân .

Những năm tới, làm sao mở rộng liên kết trong nước và nước ngoài, nhằm phát triển cho được nhà máy tinh chế cà phê đạt tiêu chuẩn xuất khẩu của hiệp hội cà phê thế giới... tiến đến xin Trung ương vay vốn ODA nhập dây chuyền công nghệ xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan đạt chất lượng cao... Tôi nghĩ ta có đủ điều kiện làm việc này, vì ta có vùng nguyên liệu suýt soát 200.000 tấn cà phê nhân

đủ 3 loại cà phê, trong cơ cấu thành phẩm , để pha chế đúng với quy trình công nghệ hiện đại, thì chất lượng không thua kém ai... Nếu ta chịu thua là do ta mà thôi! Để có chuyển biến thật sự , cần tăng cường xây dựng hệ thống tổ chức ngành cà phê trở thành một ngành kinh tế kỹ thuật của tỉnh, làm cơ sở gia nhập hiệp hội cà phê Việt Nam , mà những năm trước đã là thành viên. Quyết không để tình trạng phân tán xé lẻ trong nội bộ các xí nghiệp quốc doanh, cùng một địa bàn cùng một sản phẩm, lại không hợp tác với nhau được , làm sao xí nghiệp quốc doanh phải đoàn kết thành một khối vững mạnh, làm trung tâm lãnh đạo ngành kinh tế kỹ thuật , tạo điều kiện liên kết với mọi thành phần ngoài quốc doanh , cùng bỏ vốn đầu tư , cùng sản xuất tinh chế mặt hàng cà phê, cùng hiệp hội cà phê Việt Nam , đấu tranh với thị trường trong nước và quốc tế, không để tư tưởng của người sản xuất tiểu nông, của tập quán nông dân chi phối, làm yếu ngành cà phê , ngành kinh tế kỹ thuật có sản phẩm lớn ở tỉnh và là mặt hàng trên 90% là xuất khẩu có giá trị cao. Vậy thì ngành cà phê tỉnh cần phải có một bộ máy tổ chức và cán bộ điều hành kinh doanh giỏi; có đạo đức phẩm chất cao, đứng ra đảm trách giao dịch, xây dựng kế hoạch công nghiệp hóa cho sản phẩm cà phê, ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng có thực tế, chứ chẳng phải là tự thổi phồng .

Đối với cây dâu con tằm, trước đây (1993) Lâm Đồng đã có nghị quyết đưa cây dâu vào cơ cấu kinh tế lên 10.000 ha về nông nghiệp và đã có lúc lên đến 13.000 ha nhưng những năm 1993 – 1998 Tổng Công ty dâu tằm tơ Việt Nam có khó khăn khủng hoảng thật sự, nhưng Trung ương Đảng và Chính phủ vẫn xác định mục tiêu cây dâu con tằm và ngành tơ lụa Việt Nam, vẫn đứng vào hàng các sản phẩm từ ngành nông nghiệp hiện đại, trong xây dựng và phát triển nông nghiệp nông thôn và nông dân trên con đường công nghiệp hóa nông thôn của thời kỳ 2001 –2020 ... với chủ trương ấy chúng ta yên tâm là trung ương Đảng, chính phủ không xem nhẹ ngành dâu tằm và không thể không tính đến địa bàn phát triển dâu tằm tơ Lâm Đồng đối với ngành kinh tế kỹ thuật này .

Kinh nghiệm thực tế trên 20 năm trong đó có 15 năm đổi mới với cơ chế thị trường và giữ được yếu tố ổn định là từ tập trung đầu tư công sức động viên nhân dân phát triển sản xuất là cơ bản . Còn ngược lại , giới đi buôn thuần túy , thì có lúc lời to cũng có lúc bị lỗ sạt nghiệp, cũng có người mất sạch sành sanh theo làn sóng thị trường, nếu ai đó chạy theo buôn lậu bỏ sản xuất . Nông dân chăm lo sản xuất là vì cuộc sống, khi giá cao được nhờ, nhưng lúc giá thấp vẫn phải làm để có sống , lấy công làm lãi ; Kinh doanh bằng con đường sản xuất là từ nghệ thuật quản lý, tổ chức lao động , nâng cao chất lượng

sản phẩm, năng suất lao động đối với cây trồng con nuôi; trên mảnh đất làm chủ của mình, không thể bỏ được . Còn yêu cầu cần cái mặc, sang trọng, sạch đẹp trong tương lai, càng có nền văn hóa cao càng đòi hỏi mặt hàng tơ lụa không thể có mặt hàng nào thay thế được về chất của tơ lụa và cũng không có loại nguyên liệu nào có trình độ phát triển công nghiệp hóa cho nhiều khâu tinh xảo bằng tơ lụa ... Do vậy mà tôi cho rằng: Mặt hàng sản xuất từ tơ tằm tơ lụa, may, thêu, đan đối với tỉnh ta trên con đường công nghiệp hóa hiện đại hóa là mặt hàng mang yếu tố chiến lược phục vụ cuộc sống tương lai không xa, khi xã hội tiến lên đòi hỏi trong những năm đầu của thế kỷ 21

Kinh nghiệm 25 năm sau giải phóng thống nhất đất nước đến nay ngành chè rồi đến ngành dâu tằm , nếu không có hệ thống công nghiệp chế biến, mặc dù còn lạc hậu, nhưng chính nhờ có chế biến mà trải qua 25 năm gặp nhiều trận phong ba bão táp tưởng chừng không sao tránh khỏi sự đổ vỡ khó lường , trong những năm 1990 – 1995, Nhưng hai ngành này vẫn trụ được và từng bước phục hồi, phát triển là nhờ có công nghiệp chế biến, có sự khuyến khích của toàn dân tham gia, đa dạng hóa sản phẩm , đa dạng hóa các thành phần kinh tế, tham gia sản xuất kinh doanh .

Chuẩn bị tiến vào thế kỷ 21, tôi tin rằng những sản phẩm mang tính chất chiến lược , trên mặt trận nông nghiệp tỉnh ta, con đường công nghiệp hóa hiện

đại hóa vẫn là công nghiệp tơ lụa may mặc thêu đan từ ngành dâu tằm và công nghiệp chế biến ẩm thực phục vụ du lịch từ sản phẩm công nghiệp địa phương, chè, cà phê, atisô, rau, hoa, quả v.v. Cần khẳng định như vậy để tỉnh có chương trình mục tiêu công nghiệp trong những năm đến, và chọn đội ngũ cán bộ có đủ đức tài và đầy bản lĩnh tung vào mặt trận chế biến nông sản, xây dựng và phát triển nông nghiệp, lãnh đạo nông dân làm giàu phát triển nông thôn .

3./ Nói về công nghiệp hóa ngành lâm nghiệp : Trong những năm 1980 – 1990 tỉnh ta có hệ thống công nghiệp khai thác chế biến lâm sản trên đà phát triển mạnh , đa dạng sản phẩm rất phong phú; nào là hệ thống khai thác chế biến nhựa thông, terpin, dầu bóng ...hệ thống khai thác chế biến song mây tre nứa... hệ thống làm đồ mộc, ghế xếp, ván sàn,ván ghép xuất khẩu v.v vấn đề này trong bài viết tiêu đề : "trăn trở về rừng " tôi đã nói phần thứ 9, nhưng ở phần công nghiệp thì nay lại xếp hạng sản phẩm công nghiệp lâm nghiệp trở thành số 0 ,nói thế có bi quan lắm không ? Thật rất xấu hổ ! cho đến nay nhiều địa phương bạn họ không có một mảnh rừng, và không có sản phẩm nguyên liệu từ rừng nhưng cơ sở công nghiệp chế biến lâm sản lại phát triển với quy mô hiện đại đồng bộ, nhiều mặt hàng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu rất đa dạng phong phú. Khi đó tỉnh Lâm Đồng chẳng thấy ai nói đến việc công nghiệp hóa ngành lâm nghiệp hiện tại và

tương lai đi vào thế kỷ 21 là thế nào? Trong đó xử lý 30.000 ha thông mới trồng sau giải phóng 1975, đứng dày đặc chưa kế hoạch khai thác, tỉa thưa sử dụng cho công nghiệp giấy thế nào ? Lại nai lưng làm thủ tục trưng đất, lập Công ty trồng rừng phục vụ phát triển công nghiệp giấy... Tôi nghĩ trồng thêm thì tốt, nhưng cái đã có thì giải quyết thế nào thật là điều khó hiểu? Rất khó nói đối với ngành công nghiệp của trung ương, giúp cho công nghiệp địa phương sao, là điều phải được nêu để nhắc nhở trách nhiệm !

4./ Tỉnh ta có nguồn khoáng sản rất đa dạng và phong phú ... đặc biệt là có hàng tỷ tấn quặng bốcxít mà trung ương và Bộ công nghiệp đã có chương trình công nghiệp... và từ năm 1977 đã triển khai sản xuất nhỏ, phục vụ yêu cầu công nghiệp lọc nước và thí nghiệm sản phẩm nhôm, phèn chua với phương thức mang quặng sơ chế và kéo điện từ Bảo Lộc Lâm Đồng về Thành phố Hồ Chí Minh sản xuất... Tôi cho đây là cách làm không hợp lý trong công nghiệp, nhưng đành phải chấp nhận, khi chưa có quy hoạch khảo sát kết luận rõ, và chưa quyết định phương án cơ bản của Chính phủ. Chắc rằng sắp đến Trung ương Chính phủ và bộ công nghiệp sẽ khắc phục vấn đề này một cách cơ bản thiết thực, khoa học và toàn diện hơn trong kế hoạch phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn nông thôn miền núi là vô cùng cần thiết trên đất Lâm Đồng .

Ngoài ra Lâm Đồng còn có quặng thiếc Lạc Dương, Đà Lạt, Bảo Lộc, Di Linh, và một số đá quý rải rác trong tỉnh.... tuy trữ lượng không lớn và cũng chưa được điều tra kết luận cụ thể. Ngay từ đầu trung ương đã cho phép tỉnh tổ chức Công ty khai thác chế biến khoáng sản có nhiệm vụ vừa thăm dò vừa lập phương án khai thác nhỏ từng vùng được cục quản lý tài nguyên thống nhất trình HĐBT (nay là Chính phủ) phê duyệt quyết định cấp mỏ nhỏ cho tỉnh thăm dò khai thác . Thực hiện chủ trương trên năm 1987 tỉnh quyết định thành lập Công ty khoáng sản quý hiếm của Lâm Đồng, trong 3 năm , Công ty khoáng sản quý hiếm Lâm Đồng đã có nhiều cố gắng triển khai tổ chức thăm dò khai thác chế biến đạt một số kết quả khả quan, nhất là thăm dò khai thác vàng sa khoáng Tà Năng Đức Trọng, Đơn Dương. Khai thác thu mua thiếc Lạc Dương Đà Lạt, sản xuất hàng năm có lượng thiếc xuất khẩu 5 đến 700 tấn thiếc thỏi .

Sau khi HĐBT ra Nghị định 130, Bộ công nghiệp nặng đã đề nghị HĐBT đồng ý cho phép Bộ công nghiệp nặng ra quyết định giải thể Công ty khoáng sản quý hiếm Lâm Đồng theo Quyết định số 23 / CNNg ra ngày 14 / 01 / 1992... giao địa bàn mỏ vàng Tà Năng và xí nghiệp vàng và đá quý của Lâm Đồng đương hoạt động quản lý khai thác, sang cho Tổng Công ty khoáng sản quý hiếm Việt Nam do bộ Công nghiệp nặng quản lý thăm dò sản xuất. Sau đó cho phép Tỉnh Lâm Đồng được thành lập Công ty khoáng

sản của tỉnh, thăm dò khai thác chế biến quặng thiếc, Wolfram theo chức năng nhiệm vụ được tỉnh giao, trong Quyết định ngày 4 /4 / 1992, phù hợp sự quy định của Nghị định 388 và đã bắt đầu có hiệu lực hoạt động quý III/ 1992 đến nay (2000) .

Đến nay Báo Lâm Đồng tháng 5 năm 2000, tình hình Công ty khoáng sản. Qua báo cáo ấy, dư luận nhân dân cho rằng : kiểu làm ăn như Công ty khoáng sản không phải cá biệt mà một số xí nghiệp trong ngành công nghiệp của tỉnh ta cần nghiêm túc xem xét lại toàn bộ ngành khai thác khoáng sản. Trước hết là xí nghiệp khai thác chế biến vàng và thiếc có tình trạng tiêu cực kéo dài lỗ giả, lãi thật, lỗ là xí nghiệp lỗ nhưng Giám đốc và cá nhân những người trong gia đình của Giám đốc lãi lớn, mới có của để chung chi ăn nhậu với những người đỡ đầu, cơ quan bảo lãnh. Đó chính là nguyên nhân vỡ nợ khó tránh như Công ty khoáng sản không phải bất ngờ. Có anh em nói với tôi rằng : Công ty khai thác chế biến vàng ở Tà Năng khi giao cho trung ương quản lý ngay lập tức Giám đốc sắp xếp bố trí bộ máy quản lý chủ chốt là cả hệ thống người thân trong gia đình bà con của Giám đốc... việc đấy đúng sai như thế nào chưa rõ ! nhưng đó cũng là lời báo động để các cơ quan quản lý cảnh giác và có sự kiểm tra xem xét. Còn nhớ năm 1994 đã có lần tôi với danh nghĩa phái viên của tổ phái viên II của Đảng và Chính phủ, tôi cùng đi với anh em cán bộ khoa học phân viện Nha Trang đến

thăm và có ý định tham gia quản lý khai thác tận thu vàng sa khoáng sau khi quặng thải loại ra bãi hai, có kế hoạch tận dụng thí nghiệm quy trình công nghệ mới, tái lọc thu sản phẩm cuối cùng, nhưng các đồng chí trong ban quản lý khai thác vùng mỏ, Giám đốc từ chối không đón tiếp, không làm việc, với lý do là không được báo trước, không bố trí được chương trình ...thực chất là ai cũng biết tôi là người có trách nhiệm chủ chốt của tỉnh, đã từng có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo các biện pháp quản lý khai thác vùng mỏ này, nay mới nghỉ đến thăm để tham gia đóng góp trong công tác quản lý khai thác đạt hiệu quả cao nhất , thế mà anh em đã đối phó như thế ... thì không rõ các anh em đó đối với cán bộ chuyên quản của địa phương , làm sao quan hệ quản lý lãnh thổ trên địa bàn hoạt động của các đơn vị trung ương thế nào ? Chắc là khó lắm ! Đây là ý nghĩ của tôi còn thực tế thế nào thì chưa rõ !

Từ đấy đến nay đã hơn 6 năm , tiến độ và kết quả việc khai thác nhỏ mỏ vàng Tà Năng ra sao ? Tỉnh ta có quản lý được không, và được gì mất gì, quy trình công nghệ và môi trừng ra sao có ai biết không? Tỉnh mà không tham gia quản lý thì chất vàng thật sẽ hóa thành đất sét , bỏ vào túi riêng , ai biết đâu mà kiểm tra , nếu bộ máy chủ chốt toàn người thân trong gia đình, thì pháp lý cũng phải chịu thua .

Nói qua hệ thống mỏ thiếc thì cũng tình trạng không kém, lợi dụng quyền lực trong ngành cấu xé lẫn nhau , chia năm xẻ bảy , đơn vị quốc doanh làm đầu têu cho hệ thống tư nhân, thương lái nấp bóng thao túng thị trường làm ăn phi pháp. Với danh nghĩa Công ty khoáng sản, Công ty EDC, Công ty vàng bạc đá quý trung ương , Công ty liên doanh với đơn vị quân sự , công an v..v đều có mặt xúm nhau xâu xé sản phẩm thiếc, phá hoại môi trường ,nhưng đem lại cho tỉnh cho nhân dân địa phương được gì, lợi lộc đi vào túi ai? Đóng góp ngân sách chỉ là danh nghĩa , phải thế không ?

Từ năm 1993 đến năm 2000 sau khi thay đổi lãnh đạo liền đó là bức màn đen phủ kín, thỏi thiếc trắng đến nay "không còn trắng" ...

Vấn đề báo đăng sự bể vỡ, khi không còn lấp liếm , che giấu được sự thật của nó, dù ai đó với danh nghĩa cấp trên nào đó, cố gắng che chắn bảo lãnh, bảo toàn để xử lý, thì đó cũng là thủ đoạn lừa lọc, nhằm cướp không tài sản vốn liếng của địa phương gần 15 năm đã bỏ ra, để tạo dựng nên đó thôi ! Tôi nói mạo muội với lòng xót xa thương tiếc, nếu suy diễn có đụng ai đó thì cũng chớ có nổi khùng phản ứng làm chi ! Nếu phản ứng là khùng thật đấy ! Bởi vì 4 năm liền, liên tục thua lỗ , đến nước Bí thư Đảng ủy đơn vị báo cáo báo động cho tổ chức, cho người quản lý cấp trên, nhưng vẫn làm ngơ, tiếp tục bật đèn xanh cho ngân hàng tiếp tục đầu tư, thế người

lãnh đạo đã điên, chứ không phải ở mức khùng đâu nhé !

May thay trong hàng ngũ lãnh đạo tỉnh ta còn chút cảnh giác không tiếp tục mắc lừa, mà kiên quyết khởi tố vụ án, tiếp tục làm rõ trắng đen trên lĩnh vực pháp lý, được quần chúng hoan nghênh .

Dù sao thì tôi là người có thời chịu trách nhiệm và chứng kiến trong quá trình lịch sử 25 năm liền , từ khi giải phóng 1975 đến nay. Nhưng cũng đã không trực tiếp điều hành gần 10 năm rồi, và có thời gian 6 năm , không tham gia lãnh đạo của tỉnh, nghỉ hưu lẽ ra phải nghỉ ngơi thoải mái, vui vẻ đời thường, làm theo lời cổ nhân đã dặn " Lão an thiểu hoài ... " nhưng đọc tờ báo của Lâm Đồng nói việc vỡ nợ của Công ty khoáng sản, tôi rất bất ngờ... Bất ngờ vì : Gỗ trong rừng khai thác ra bán nhưng qua khâu công nghiệp cũng bị thua lỗ phá sản ... Giờ đây vàng và thiếc trời cho trong đất , đào lên sơ luyện đem bán lại bị lỗ to... Minh Phụng EPCO lỗ mấy ngàn tỷ còn có chỗ chui, có bóng đỡ ... Còn tỉnh ta trong một Công ty đã làm lỗ mất cả chục tỷ, lấy đâu ra để giải quyết ... Dân đóng góp ư ? Thật là cay đắng ! Nghe tin đau lòng , viết lên giấy để vơi bớt bực mình ! chứ tự biết mình đã về đời thường chẳng gì để nói trên cương vị cán cân công lý.

Nghĩ đến đây tôi nhớ lời dặn anh Phạm Văn Đồng hồi tháng 11 / 1999 khi tôi cùng hai đồng chí

lão thành cách mạng của tỉnh ra thăm anh tại Hà Nội.... Trong lúc trò chuyện, anh dặn chúng tôi những lời tâm huyết. Chúng tôi còn nhớ mãi lời của anh. "Các đồng chí về hưu là thôi không trực tiếp điều hành công việc, chứ trách nhiệm người đảng viên không có quyết định nào cho phép các đồng chí " hưu " nhiệm vụ của Đảng... nếu hưu mà thôi tất cả thì quá sướng ... là người đảng viên còn sống còn chiến đấu cho sự nghiệp của Đảng, còn sống ngày nào còn tham gia với sức mình, làm việc có ích cho đảng cho nhân dân, cho đất nước... còn sống mà không làm gì hết thì không nên sống ! Anh nói tiếp: Nghị quyết sáu lần hai của Trung ương Đảng khóa 8 trong tỉnh các đồng chí đã triển khai ra sao rồi ? Các đồng chí tham gia như thế nào ? Nên tích cực tham gia cùng với anh em v.v...". Lời dặn dò của anh Tô , có lẽ lời nhắc nhở cuối cùng của đời anh ,thật chí tình chí nghĩa của người Đảng viên cộng sản trung kiên của Đảng, đối với đồng chí đồng bào... Ba anh em tôi vô cùng cảm động và thấm thía với trách nhiệm là người đảng viên trong sáng thủy chung với dân với nước đến cuối đời !

Hôm nay liên hệ đến nhiệm vụ xây dựng chỉnh đốn đảng, ngang tầm nhiệm vụ mới, nhiệm vụ công nghiệp hóa địa phương, với vị trí của mình, phải nói sao và làm gì trong quãng đời còn lại, để xứng đáng với dân với nước với Đảng. Xứng đáng với vong linh đồng chí đồng bào đã hy sinh trong sự nghiệp cách

mạng giữ nước và dựng nước của ông cha. Xứng đáng với di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, xứng đáng với lời dặn dò của anh Tô nói trên, trước khi anh về với Bác ?

Con đường công nghiệp hóa ở Lâm Đồng chúng ta qua 25 năm là con đường ngoằn nghèo khúc khuỷ, nhiều sản phẩm công nghiệp dang dở, như đã nêu trên; Xí nghiệp cơ khí chuyển thành phân vi sinh, lò đúc bê tông trụ điện, xí nghiệp sứ nổi tiếng một thời nay thành bãi phế liệu, xí nghiệp nhựa thông nay thành bãi tha ma, nhà máy đông lạnh nay thành lạnh đông , bao nhiêu xưởng cưa mộc nay trở thành vườn cỏ mọc, khi thì có tốc độ phình to, như thổi bong bóng, rồi xẹp xuống trở về con số không, đó là hai ngành công nghiệp lâm nghiệp và. nay đến khoáng sản... Càng nghe thông tin càng buồn, càng tự ái trong trách nhiệm, day dứt làm sao !

Còn công nghiệp hóa của ngành dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng tưởng chừng đã phát triển nhất trong cơ chế thị trường . Nhưng đến nay cũng chẳng phải vậy! Có anh em đã nói với tôi một câu gọn lỏn là " kinh tế dịch vụ du lịch đến nay chẳng ngóc đầu được chú ơi "

Công nghiệp chế biến lâm sản đã phá sản , rồi đến khoáng sản tiếp tục phá sản, công nghiệp thiếc vàng , đá ốp lát , vật liệu xây dựng ra đời rất đồ sộ , tỉnh ta cho ra đời, tổ chức sản xuất sớm, chọn cán bộ bố trí ban đầu loại có cỡ đâu phải kém. Nhưng đến

nay đang trên đà tuột dốc so với cách đây 5 năm có phải thế không ? ngành thương mại nay có còn tác dụng trong quy luật tác động của cơ chế thị trường hay không, là điều cần suy nghĩ ? có người đã nói không đúng rằng : Địa phương ta đã đến lúc không cần có ngành thương mại nữa... đó là lời nói đùa nhưng cũng đau thật ! Còn Công ty xuất nhập khẩu của tỉnh, lại cũng nhiều người cho rằng : Để nó làm gì ! cho nó chết luôn , trước khi anh Giao chết ... vì đã một thời Công ty xuất nhập khẩu của tỉnh phát triển đồ sộ... khi Giám đốc Giao nghỉ, qua đổi mới ngành thương mại, thì sự nghiệp XNK cũng xuống dần, nay có thể nói là con số không là điều đáng tiếc. Còn ngành du lịch thì sao ? Nó đương lao đao lận đận biết mấy ! Nói sao cho phải, vì tập thể đảng bộ chưa có sự đánh giá , trong Nghị quyết 6 của đại hội đảng bộ đề ra, xác định vị trí ngành du lịch tỉnh ta là ngành kinh tế năng động nghe đâu cũng gặp nhiều khó khăn, Công ty La Ri liên tiếp bị lỗ, sân gol vắng khách... cáp treo bị treo lơ lững giữa trời, sau khi loan tin động thổ, chuẩn bị thi công cách đây 3 năm, nay thì động thổ thật... tuy nó là chuyện nhỏ mà chuyện nhỏ ấy vẫn làm không nổi, thì chuyện lớn làm sao? Thôi tôi dừng lại chỗ này mà không nói được nguyên nhân thì kể lể có lợi ích gì ?

Hiện nay trong dư luận có nhiều nguồn tin trái ngược nhau :

- Nền kinh tế Lâm Đồng bị tuột dốc cách đây 5 năm về trước, lại có ý kiến cho rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế GĐP trong kế hoạch năm 1995 – 2000 đạt 15,9% và trong xu thế đi vào ổn định, cơ sở hạ tầng được tăng cường, kinh tế nhiều thành phần tiếp tục phát triển khả quan .v.v...

-Theo tôi đúng như con số báo cáo của kế hoạch thì tốc độ tăng trưởng 1995 –2000 là hết sức cao, nhưng hình thái chuyển biến trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế không chỉ là quá chậm mà còn biểu hiện trì trệ, không đạt được các chỉ tiêu mà nghị quyết đại hội Đảng bộ lần 6 đề ra

Theo nghị quyết của tỉnh đảng bộ, phấn đấu đến năm 2000 chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh phải đạt: Tăng GĐP bình quân hàng năm là 15%, thu nhập đầu người từ 307 USD năm 1995 lên 550 đến 600 USD đầu người năm 2000? Huy động vốn đầu tư trong 5 năm 1996 – 2000 đạt từ 450 đến 500 triệu USD, phục vụ phát triển công nông nghiệp .

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nông nghiệp từ 48% năm 1995 xuống còn 40 đến 41% năm 2000. Công nghiệp và xây dựng từ 18,9% năm 1995 phải tăng lên 23- 24%. Dịch vụ, du lịch từ 33,6 % năm 1995 lên 37% đây là quyết tâm của toàn Đảng bộ chuẩn bị bước sang thế kỷ 21 . Đến nay đi vào chuẩn bị nội dung đại hội Đảng bộ lần thứ VII, so lại nhiều chỉ tiêu đạt được, trên thực tế cần phải suy nghĩ :

Về nông nghiệp thì diện tích cây cà phê trong 5 năm tốc độphát triển quá nhanh, từ 38.400 ha năm 1995 đến đầu năm 2000 đã lên đến 88.600 ha có thể còn một số nữa thuộc diện chưa đo đạt cấp sổ , nên con số thực tế còn nhiều hơn . Như vậy trong 5 năm qua , mỗi năm tỉnh ta đã trồng riêng cây cà phê là 10.000 ha , điều đó trong thực tế không bao giờ làm được ? Theo tôi thì con số này đẻ ra, phần lớn trong việc đo đạt cấp quyền sử dụng đất, đã tạo ra con số có thật , mà trước đây không đo đạt , không đăng ký, không nắm ,mà đó cũng là nguyên nhân ta đo đạt lại, khi cấp sổ, dân không chịu nhận những năm trước đây, có nơi đã đo đi đo lại đến ba lần, điển hình như địa bàn Di Linh, con số đăng ký là 12.000 ha nay đo đạt cấp sổ đã lên đến 26.000 ha cà phê là có thật, nhưng đâu đã hết. Như vậy làm sao có sự phản ảnh thực trạng đúng , để có quyết sách chính xác của cơ quan chỉ đạo và điều hành trong chuyển dịch nền kinh tế của một địa phương miền núi như Lâm Đồng chúng ta .

Cũng theo báo cáo của UB KH Đầu tư , thì tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng Lâm Đồng thời kỳ 1991 – 1995 đã chiếm đến 24% (Trong báo cáo chính trị của Đảng bộ trình bày trước đại hội năm 1996 đã nêu con số này) Nhưng nay, sau 5 năm lại chỉ đạt 13,6% , với con số này mà tách riêng được ngành công nghiệp thì tỷ trọng công nghiệp chiếm còn là bao nhiêu cũng phải tính để đánh giá đúng

thực trạng của ngành công nghiệp trong 5 năm qua , mà lo liệu cho 5 năm tới .

Trong khi đó thì ngành nông lâm nghiệp vẫn giữ vị trí cao chiếm đến 61% trong cơ cấu, mà chỉ tiêu nghị quyết ghi là 41% như vây là tỷ trọng nông nghiệp đương đà tăng lên mạnh mẽ.

Trong khi nền kinh tế tăng GĐP bình quân hàng năm 15,9% thì việc huy động ngân sách lại đạt xấp xỉ kế hoạch năm trước, nghĩa là : từ năm 1991 đến 1995 thu 14,3% điều tiết tỷ trọng GĐP vào ngân sách, thì năm 1996 – 2000 chỉ đạt 14,5% mà trong nghị quyết đại hội 6 của Đảng bộ ghi quyết tâm điều tiết 18 đến 20% GĐP vào ngân sách và với con số cụ thể đã ghi là đến năm 2000 tỉnh phải thu cho được từ 950 đến 1.000 tỷ / năm , nay thì chắc chắn không đạt được rồi, điều đó chắc là gặp nhiều khó khăn không nhỏ, trong quá trình điều tiết ngân sách địa phương, hụt hẫng kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế trong những năm đầu thế kỷ 21 sẽ gánh chịu, cần phải thấy trước để lo liệu .

5./ <u>Đối với ngành du lịch :</u> trong đại hội 6 của tỉnh Đảng bộ đã xác định là ngành kinh tế động lực , phấn đấu đạt tăng trưởng tối thiểu mỗi năm 18 đến 20%, đến năm 2000 ngành du lịch đạt tỷ trọng từ 40 đến 50% thu nhập GĐP , nhưng nay thì trong báo cáo kế hoạch 5 năm 1995 – 2000 chỉ đạt bình quân là 4,75% năm ?

Căn cứ những con số nêu lên ban đầu nếu đúng, thì nền kinh tế Lâm Đồng mấy năm qua mang nhiều yếu tố tự phát ngoài tầm lãnh đạo của Đảng và việc quản lý điều hành của chính quyền dễ chệch hướng, nếu không nghiêm túc xem xét nhìn nhận về chiều sâu, tỉnh táo hơn, có biện pháp uốn nắn kịp thời trong kế hoạch đến .

Lê nin, người thầy của cách mạng tháng 10 Nga vĩ đại, người đã khẳng định : Công nghiệp hóa là nền tảng, là cơ sở chủ yếu , là nội dung duy nhất của Chủ nghĩa xã hội. nếu không có một nền công nghiệp hóa hiện đại thì nước Nga Xô viết sẽ bị diệt vong, không còn là một nước độc lập tự chủ nữa. Đảng ta luôn xác định rằng : Xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, phải là công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm suốt thời kỳ quá độ, là chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế xã hội, tạo năng xuất lao động cao và bền vững, thông qua con đường công nghiệp hóa hiện đại. Con đường làm giàu cũng phải từ con đường công nghiệp. Để tạo được một xã hội dân chủ công bằng và văn minh phải từ phát triển công nghiệp và xây dựng con người có nếp sống công nghiệp. Nếu một xã hội còn mang dáng vóc, nếp sống người sản xuất nhỏ của nền nông nghiệp , thì không sao có chế độ XHCN đích thực. Bác Hồ thường dạy chúng ta rằng : Để có XHCN phải có nền sản xuất công nghiệp XHCN và phải có con người XHCN .

Từ ý Bác Hồ, chúng ta nghiệm lại, qua 15 năm đổi mới của chúng ta, đã dần dần trỗi dậy cốt cách vật chất hình thành CNXH từng bước, và có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế qua mỗi thời kỳ 5 năm kế hoạch. Đến nay nhìn lại con số mà UB kế hoạch đầu tư đánh gía thời kỳ 1995 – 2000 và hướng tới kế hoạch 5 năm 2001 – 2005 đã nêu , lại lộ ra những khâu trắc ẩn cần phân tích sâu tìm nguyên nhân và định hướng đúng tương lai .

Con đường công nghiệp hóa Lâm Đồng không có gì hơn là từ thế mạnh, mà thế mạnh là tập trung cao độ công nghiệp chế biến nguyên liệu nông lâm sản phẩm. Hoàn chỉnh hệ thống công nghệ tinh chế sản phẩm chè , đa dạng hoá sản phẩm, đầu tư chiều sâu, biến 25 ngàn tấn chè thành phẩm mỗi năm trên đất Lâm Đồng có chất lượng cao, đi vào thị trường thế giới, có sức thu hút bằng đầu tư công nghiệp hiện đại, đi đôi với việc lai tạo vườn chè nguyên liệu thật tốt, không nên tiếp tục đầu tư mở rộng .

Cùng với ngành Trung ương, mở rộng công nghiệp tinh chế sản phẩm tơ lụa, đảm bảo hiện đại hóa thành phẩm đến khâu cuối cùng, xuất khẩu hàng may mặc cao cấp có uy tín của tơ tằm Việt Nam . Tìm mọi cách thu hút đầu tư công nghệ mới, chế biến cả 3 sản phẩm có tính chất chiến lược, từ nguyên liệu sẵn có của địa phương với 5 mục tiêu ưu tiên sau đây :

1./ Xin Chính phủ bảo trợ vay vốn ODA dài hạn, nhập một dây chuyền nhà máy chế biến cà phê hòa tan , để giải quyết sản phẩm gần 100 ngàn ha cà phê của tỉnh, tạo mặt hàng cà phê xuất khẩu thành phẩm, nâng gia trị kinh tế cao, đã có vùng nguyên liệu tại chỗ đảm bảo vững chắc .

2./ Nên sớm quy hoạch thiết kế xây dựng hệ thống nhà máy chế biến rau, quả hộp và đông lạnh , nước giải khát, nhằm đảm bảo tiêu thụ mấy trăm ngàn tấn rau quả địa phương... nếu không thì mặt hàng rau quả tươi sống để trôi nổi của cơ chế thị trường đối với tỉnh ta , không làm sao ổn định sản xuất và cải thiện đời sống cho gần 400 ngàn người chuyên sản xuất rau quả ở Lâm Đồng .

Tôi nghĩ đến lúc không cần ghi chỉ tiêu giao kế hoạch hình thức hàng năm trong từng sản phẩm nông nghiệp bao nhiêu ngàn tấn mà phải đi sâu vào chỉ tiêu công nghiệp chế biến đưa ra thị trường bao nhiêu ngàn tấn hàng hoá tiêu thụ trong nước và thế giới, tiêu thụ ở đâu và sản phẩm gì ? Địa bàn nào ? v.v...

3./ Vấn đề công nghiệp chế biến lâm sản ở tỉnh ta, cần phải đặt lại vấn đề hết sức bức thiết. Không lý do gì chúng ta lại thả nổi một sản phẩm chiếm tỷ trọng 70% đất đai rừng núi, tài nguyên số một của tỉnh vô cùng to lớn lại nằm ngoài chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nguồn nguyên liệu sẵn

có trên 50 triệu mét khối gỗ, 150 ha tre nứa cần có tác động của ngành công nghiệp như thế nào , để phục vụ đời sống, cho nhân dân các dân tộc địa phương? Theo tôi tỉnh ta nên bố trí lại một hệ thống công nghiệp, phục vụ chế biến lâm sản một cách toàn diện có cả việc đề nghị với Trung ương , xây dựng nhà máy chế biến giấy và bột giấy tại chỗ, xem lại kế hoạch sản xuất sợi xalilô mà trung ương đặt ra những năm trước đây đang bỏ dở , chương trình này có còn không, nên làm rõ giữa tỉnh và trung ương, để khỏi bị động .

4./ Công nghiệp hóa ngành du lịch đối vơi Lâm Đồng là vô cùng nóng bỏng trong tình hình hiện nay. Làm sao Đà Lạt có kế hoạch vực dậy và lãnh đạo phát triển đúng hướng đối với ngành du lịch, phải thật sự năng động sáng tạo. Tôi nghĩ rằng: quan điểm công nghiệp hóa ngành du lịch phải được đổi mới, phát triển và mở rộng một cách toàn diện, lấy việc liến kết liên doanh chặt chẽ các trung tâm du lịch trong nước trong vùng là chủ yếu, đồng thời tiếp tục tìm mọi đối tác liên doanh đầu tư với nước ngoài là quan trọng,và bằng nhiều phương thức tác động 2 đầu để đầu tư hiện đại hóa các khu vui chơi giải trí truyền thống văn hoá dân tộc đã có gắn với hiện đại mà nhiều địa phương bạn đã làm, lấy đó làm điểm mở rộng và phát triển, gọi vốn liên kết liên doanh trong và ngoài nước. Về mục tiêu và phương thức gọi vốn đầu tư, phải tập trung đầu tư một số trọng điểm

có hiệu quả, sớm thu hồi vốn để tiếp tục mở rộng đầu tư đúng với chữ "năng động sáng tạo " của nó , đi vào cuộc sống thực tế.

Nói về trọng điểm , thì trọng điểm nào ? Trở lại vấn đề nên tập trung đầu tư hệ thống đường dây cáp treo đã bỏ dở mấy năm rồi. Nay nên đặt lại và có cải tiến cả địa điểm và bổ sung nâng cao chất lượng công trình, phải hiện đại hơn những công trình đã làm trước ta, nếu ta làm sau mà không hiện đại hơn thì, không thu hút được khách, rồi cũng phải đổi mới sẽ tốn phí! Tôi nghĩ việc tập trung đầu tư cho công trình này trong một địa điểm thuận lợi nhất , chắc chắn sẽ sớm thu hồi vốn, để có tích lũy tái đầu tư mở rộng toàn diện ngành du lịch, tôi cho đây là phương thức đầu tư tối ưu. Tiếp dó là thiết kế mở rộng hệ thống du lịch sinh thái tự nhiên, gắn liền với các địa điểm di tích lịch sử cách mạng trong chống Pháp chống Mỹ của các dân tộc,của nhân dân địa phương ta, vừa biểu dương sức mạnh của nhân dân địa phương, dựng lại lịch sử truyền thống, ghi lại lịch sử đã qua, để giáo dục cho đời sau. Trong mấy địa điểm chiến công, địa phương đơn vị cá nhân tiêu biểu anh hùng lực lượng vũ trang của địa phương , gắn liền việc tôn tạo cảnh quan du lịch thiên nhiên , với địa điểm lịch sử, con người lịch sử của tỉnh Lâm Đồng chúng ta , trong thế kỷ 20 có ý nghĩa ấy .

Nên làm sớm phương án phát triển du lịch, sinh thái cộng với truyền thống lịch sử, đừng để kéo dài,

đến khi các nhân chứng lịch sử mất dần là mất kho tư liệu sống , quý giá của một thời kỳ lịch sử của đất nước của địa phương. Tôi nêu hai điểm mở đầu trong quan điểm tập trung đầu tư của ngành du lịch , trên con đường công nghiệp hóa hiện đại hóa , của ngành du lịch tỉnh ta bước vào thế kỷ 21 đầy sức sống . Trước mắt làm du lịch là chiến thuật nhưng xây dựng phát triển các công trình du lịch hấp dẫn du khách lại là tạo tiền đề hình thành thế chiến lược phát triển ngành kinh tế văn hóa xã hội hiện đại của địa phương ta càng ngày càng phát triển trong thời kỳ lịch sử huy hoàng đó là chiến lược lâu dài.

5 ./ Vấn đề công nghiệp hóa ngành khoáng sản: Đảng bộ tỉnh ta cần tích cực tạo điều kiện để Trung ương triển khai sớm kế hoạch khai thác bốcxít và luyện nhôm như báo chí đã đưa nhiều lần. Còn các quặng khác, các địa điểm khai thác nhỏ, phân tán như thiếc vàng, đá quý, chưa điều tra khảo sát kết luận, thì nên kiên quyết đóng cửa, chống mọi tiêu cực phát sinh, phát triển tệ nạn xã hội do cách quản lý lơi lỏng của nội bộ ta ,chạy theo doanh lợi trong cơ chế thị trường, tàn phá tài nguyên, phá hoại môi trường, làm ảnh hưởng cuộc sống của nhân dân , nhà nước chẳng thu được gì đáng kể cho ngân sách mà môi trường tự nhiên bị huỷ hoại, ô nhiễm , xã hội thêm phức tạp rối rắm (tranh gành cướp giật trộm cắp kiện tụng chém giết ,gây án hình sự trong các tụ điểm khai thác thiếc vàng chiếm tỷ lệ không nhỏ)

Tôi nêu 5 vấn đề trên là tham gia với trách nhiệm của mình đối với nhân dân và đóng góp với Đảng bộ ý kiến của mình với tấm lòng vì dân giàu, xã hội dân chủ công bằng, văn minh , hiện đại ,đưa nền kinh tế địa phương có bước phát triển mới, bước vào thế kỷ 21. Với ý kiến hạn chế và tư duy chủ quan của mình. Mong sự thông cảm lối suy nghĩ truyền thống của người cao tuổi nghỉ hưu, có nhiều hạn chế . Vấn đề cuối cùng của bài phát biểu này là việc bí quyết của sự thành công cho sự nghiệp công nghiệp hóa XHCN là vấn đề con người... Con người sự thật có trách nhiệm đoàn kết thống nhất trên dưới một lòng, triệu người như một, lương giáo đồng lòng, Kinh Thượng chung sức đảng viên hợp lực, cán bộ gương mẫu, phát huy người tốt, vun đắp việc tốt, kính trọng người tài đức , lựa chọn tôn vinh gánh vác việc công, đề phòng kẻ cơ hội thao túng chính trường dương oai diễu võ , lừa thầy phản bạn , ức hiếp nhân dân, nói một đằng làm một nẻo , theo kiểu thương lái trên thị trường, dẫn đến nguy cơ đưa Đảng bộ cục bộ, không lợi gì cho đất nước cho quê hương, làm lợi cho kẻ thù CNXH ...

NGÀNH DU LỊCH LÂM ĐỒNG

(Đã chuẩn bị gì để chuyển sang thế kỷ 21)

***

Trong Đại hội Đảng bộ Lâm Đồng lần thứ VI, nội dung báo cáo chính trị của Đảng bộ có nêu rõ điểm B ở phần IV nói về nhiệm vụ và một số giải pháp lớn của ngành du lịch như sau: "Đẩy mạnh tốc độ phát triển du lịch và dịch vụ, trong đó tập trung đầu tư xây dựng ngành du lịch trở thành ngành kinh tế năng động... (dòng 5 trang 23 bản báo cáo chính trị Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1996) và trong phần phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (1996-2000) nêu các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu ở thời kỳ 1996-2000 (điểm 3 trang 63) tiêu đề phát triển ngành dịch vụ là : "Ưu tiên phát triển nhanh các ngành dịch vụ thương mại..." trong đó nhấn mạnh là "đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành du lịch, sớm trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh". Phấn đấu đưa giá trị ngành dịch vụ và du lịch tăng trưởng bình quân trong thời kỳ 1996-2000 phải đạt mục tiêu tăng trưởng 17-18% để đến năm 2000, ngành này chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh từ 40 đến 41%. Riêng ngành du lịch đến năm 2000 phải đạt lượng khách đến Đà Lạt Lâm Đồng (du lịch tham quan, nghỉ dưỡng) từ 1,2 đến 1,5 triệu lượt khách

năm, trong đó khách quốc tế đến đây từ 150.000 đến 160.000 lượt khách. Phấn đấu đạt doanh thu từ 100 đến 110 triệu USĐ. Tăng bình quân hàng năm 40 đến 50% kế hoạch năm và còn nhiều chỉ tiêu khác đã nêu lên trong báo cáo chính trị Đại hội VI của tỉnh Đảng bộ, đã được đại biểu Đại hội thông qua là rất cụ thể, toàn diện, cả lĩnh vực khách du lịch nội địa và khách quốc tế, kể cả gọi vốn đầu tư, biện pháp tổ chức kinh doanh và phương thức hoạt động của ngành du lịch tỉnh là yêu cầu hết sức cao.

Đến nay gần kết thúc nhiệm kỳ và cũng là kết thúc 5 năm kế hoạch, là năm cuối cùng của thế kỷ 20, khẩn trương chuẩn bị bước sang thiên niên kỷ mới, bước vào năm đầu của thế kỷ 21 với bước phát triển mới, đồng bộ toàn diện hơn, ngành du lịch phải xứng đáng là ngành kinh tế động lực, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế địa phương, theo kịp đà tiến bộ không ngừng hòa nhập cùng đất nước đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Đó là điều mơ ước của tỉnh Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Kinh-Thượng trong tỉnh, tập trung quyết tâm phấn đấu phải đạt cao nhất các chỉ tiêu Đại hội VI của Đảng bộ đề ra.

Phần kế hoạch cụ thể về kinh tế-xã hội, đã nêu rõ các chỉ tiêu của ngành du lịch và sau 5 năm phấn đấu, nhìn lại cho phép so sánh dựa theo bản báo cáo của Uy ban Kế hoạch đầu tư và UBND tỉnh với số

liệu thực tế 5 năm thực hiện kế hoạch được phân tích sau đây:

Trong phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 6 đã nêu là : "Đưa ngành dịch vụ từ tỷ lệ 33,6% năm 1995 lên 37% năm 2000 (cuối trang 63 trong bản báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ lần 6) thì nay chỉ đạt 25%. Trong đó ngành dịch vụ du lịch phải phấn đấu tăng bình quân hàng năm là 17 đến 18% thì nay chỉ đạt 9,4% của toàn ngành dịch vụ du lịch. Riêng ngành du lịch theo báo cáo của UBND tỉnh, cơ sở vật chất cơ bản của ngành du lịch cuối năm 1999 có 302 khách sạn với 4.130 phòng cùng với hệ thống nhà trọ có sức thu nhận 20.000 khách ngày. Nhưng đến nay trong thực tế chỉ đạt 30% công suất sử dụng buồng phòng. Thời kỳ 1996-2000 lượng khách đến Lâm Đồng bình quân tăng 4,75%, so với chỉ tiêu nghị quyết nêu là 20%.

Năm 1999-2000, lượng khách đến Lâm Đồng cao nhất là 600 ngàn năm 1999 và 700 ngàn năm 2000 so với nghị quyết là từ 1,2 đến 1,5 triệu khách. Như vậy là mới đạt 46,6% mục tiêu kế hoạch đề ra. Còn tỷ lệ khách quốc tế cũng chỉ đạt 6,25% so với mục tiêu phấn đấu là 13,4% trong tổng số khách đến Đà Lạt- Lâm Đồng .

Trong báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội có nhận xét rằng: "Các sản phẩm du lịch tuy đa dạng hơn, nhưng vẫn còn đơn điệu, chưa đáp ứng nhu cầu

giải trí ngày càng tăng của du khách đến tỉnh ta. Tôi cho nhận xét ấy là có thực tế và là một nguyên nhân của hình thái hoạt động du lịch ở Lâm Đồng thời kỳ 1996-2000. Thực chất du lịch tỉnh ta vui chơi có thời gian, nghỉ dưỡng theo mùa, thưởng thức hương sắc thiên nhiên của tự nhiên do trời ban tặng, nhàn du quẩn quanh cảnh cũ lặp đi lặp lại... Còn tạo lập cảnh mới, công trình mới để thu hút khách trong và ngoài nước là không đáng kể. Cái đã có thì chưa đầu tư tôn tạo phát huy... cái mới lập ra chưa được quảng bá, cái sắp có và cần có thì thiếu tập trung thống nhất đầu tư đến nơi đến chốn... Có khách từ thành phố Hồ Chí Minh lên du lịch có quan hệ quen biết đến thăm tôi... anh em tâm sự rằng: Chủ buồn khách có vui chi... em buồn chị chẳng vui gì âu ca...

Du lịch là vui chơi, tìm cái vui, cái mới lạ, thư giãn có văn hóa hấp dẫn lòng người, thu hút khách để lấy tiền. Nếu ta cứ trong tình trạng tìm cách chia nhau cơ sở cũ, chen lấn tranh giành hái lượm của tự nhiên trời cho để kiếm chác. Chờ người khác tạo ra rồi dùng quyền mưu chiếm đoạt hưởng thụ mà không chịu bỏ vốn ra để mà phát triển công trình mới... làm du lịch như vậy chỉ là con rối diễn đi diễn lại trên sân khấu những động tác cứng đơ làm trò cười cho tuổi thơ, chứ khó thu hút trí tuệ của người có tâm và khó bề phát triển, dù cho Lâm Đồng – Đà Lạt một địa danh nổi tiếng cả trong nước và thế giới... thiên hạ tôn vinh là thiên đường, là Pari, là Thụy Sĩ

tuyệt vời. Đà Lạt ngàn hoa, là thông xanh, Mi mô da, người ta ca ngợi hương sắc hết lời... Khách quốc tế đến Việt Nam nhưng chưa một lần đến Đà Lạt là chưa hiểu tổ quốc đẹp như thế nào v.v... Đúng vẻ đẹp xứ Đà Lạt - Lâm Đồng chúng ta hấp dẫn thật, nhưng còn là dáng đẹp tự nhiên của cô thôn nữ, quanh năm chiếc váy, áo tơi, lịch sử trong nhà. Nhưng nay đã đến lúc phải xuất diện chọn rể kén chồng, tiếp khách bốn phương thế thì cha mẹ phải đầu tư trang sức làm sao cho lộng lẫy, tạo nét hoa lệ, yểu điệu, yêu kiều mới chinh phục nổi bộ óc trái tim quí tử hiền nhân, anh hùng hào kiệt đa cảm đa tình v.v... Nếu thiếu sự trang sức công phu và luôn luôn đổi mới nó, thì sự lạc hậu và tụt hậu sẽ đến với chúng ta đâu phải là chuyện bất ngờ. Tôi lo cho Đà Lạt trước đây lộng lẫy độc đáo bấy nhiêu, thì nay trong xu thế phát triển của đất nước hiện nay, làm sao so sánh kịp du cảnh Nha Trang, vịnh Hạ Long, phố cổ Hội An, Non nước, Cố đô Huế, lại càng không sánh kịp thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Phải chi cái xinh đẹp của Đàlạt mà có thêm hệ thống cáp treo như ở núi Bà Đen-Tây Ninh hay cáp treo ở núi Bà Nà thì sẽ có cảnh khách không mời vẫn kéo đến. Cao hơn nữa tỉnh ta tạo được một trong những Suối Tiên hay Đầm Sen của thành phố Hồ Chí Minh thì sẽ hấp dẫn thu hút khách quốc tế và trong nước đến đây biết chừng nào, sẽ không còn có cảnh khách du lịch trưa đến chiều đi, trừ mùa hè ở cảnh đồng bằng nóng bức,

khách chạy lên đây tránh nắng, nhưng lại có cảnh tối ngủ khách sạn, khi ăn chợ trời, chơi lô tô trong rừng thông v.v... Thế nên các chỉ tiêu kinh tế 5 năm (1996-2000) đối với du lịch đạt chỉ tiêu thấp cũng phải, và không chỉ ngành du lịch chúng ta đạt thấp mà cả các ngành dịch vụ khác cũng đạt hết sức thấp, nhất là mục tiêu công nghiệp hóa trên địa bàn tỉnh ta cũng đạt quá thấp là điều đáng lo. Nếu công nghiệp đạt thấp mà nông nghiệp phát triển càng cao bao nhiêu thì cũng chỉ tạo nguồn nguyên liệu cho nơi khác phát triển công nghiệp dẫn đến nền kinh tế địa phương ta lệ thuộc vào địa phương bạn, giá trị thặng dư công nghiệp không có, xuất khẩu thu ngoại tệ để người khác sử dụng, vì công nghiệp không phát triển thì cần gì đô la để nhập thiết bị, nguyên liệu làm gì v.v.... thế thì sẽ dẫn ta trở lại thời kỳ phong kiến, sống bằng thuế nông nghiệp (địa tô) quanh năm suốt tháng thiếu trước hụt sau bám vào ngân sách Trung ương tài trợ để sống, các chính sách miền núi xã hội có đâu mà giải quyết, nói gì đến tái đầu tư mở rộng phát triển, thì làm sao ngành du lịch tỉnh ta có thể cất cánh nổi như đại hội 6 của tỉnh Đảng bộ đề ra. Tôi suy nghĩ và phân tích ngành du lịch như vậy đúng-sai còn phải tiếp tục bàn tính khắc phục trong nhiều năm tới, không có ý nêu để cho ai đó nản lòng.

Nhiều người đặt câu hỏi: Du lịch là ngành công nghiệp không khói, là thế mạnh của Lâm Đồng – Đà Lạt nhưng nghe đâu cũng bị lỗ ?

Làm sao mà ngành du lịch trong 5 năm kế hoạch đạt các chỉ tiêu kinh doanh đều thấp. Cơ sở vật chất năm 1995 vốn có gần 500 khách sạn lớn nhỏ (tính cả nhà nghỉ tư nhân) có sức tiếp 17.000 khách ngày tăng 5 lần so với 1991, doanh thu năm 1995 ước đạt 150 tỷ, bằng 3 lần năm 1991 (theo báo cáo chính trị đại hội Đảng bộ trang 47). Nhưng nay thì lượng khách đến Đà Lạt - Lâm Đồng chỉ tăng bình quân 6,25% trong đó có lượng khách quốc tế chỉ chiếm 6,25%. Như vậy là nó đã không tăng mà còn giảm (ngành du lịch chưa thấy phân tích). Vậy thì câu hỏi đặt ra của một số người nói trên cần đi sâu để giải đáp dư luận và tìm nguyên nhân của nó.

Theo tôi suy nghĩ và mạnh dạn nêu mấy ý kiến để cùng nghiên cứu : Có thể có sự chỉ đạo điều hành của ta không sát? Hay ta chưa mạnh dạn đổi mới; cơ chế quản lý điều hành thiếu năng động sáng tạo? Chưa phát động ý thức tự chủ tự lực tự cường, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm? Hay tại ta nằm trong khu vực thời gian ảnh hưởng tài chính tiền tệ 1997-1998 của khối Asean không? Có thể có một phần, nhưng không phải tất cả vì nó; không đến nỗi ngặt nghèo như thời kỳ đế quốc Mỹ đang bao vây cấm vận phong tỏa bốn bề...

Tôi mạnh dạn nói rằng: không làm được không phải vì tại anh tại ả"! mà tất cả "là tại ta". Vì vậy mà nên đi sâu xem xét về phần lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và phần điều hành của chính quyền, sự hợp

lực của công đoàn, sự giúp đỡ Mặt trận và các đoàn thể là trực tiếp quyết định mọi thành bại của một tổ chức.

Tôi nghĩ rằng: Nếu kế hoạch 5 năm 1996-2000 duy nhất chỉ có ngành du lịch đạt chỉ tiêu thấp thì đó là do ngành du lịch thiếu tích cực là tội của ngành du lịch và các cơ sở kinh doanh du lịch bên dưới chịu trách nhiệm.

Nhưng thực tế không phải chỉ ngành du lịch mà cả các ngành dịch vụ tài chính, ngân sách, thương mại và công nghiệp, trên tất cả các mặt đều đạt kế hoạch thấp... Vậy thì nói sao cho đúng ở chỗ này ? Để có đánh giá rõ các nguyên nhân của nó, mới có kế hoạch khắc phục tình hình, định hướng đúng, xác định rõ bước đi sắp đến, nó giống như người thầy thuốc có chẩn đúng bệnh mới chữa khỏi.

Nếu nói tỉnh ta thiếu mạnh dạn đổi mới, bảo thủ thiếu năng động sáng tạo, không dám nghĩ, dám làm v.v... tôi e nhiều người không chấp nhận. Bởi vì: tỉnh ta sau đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI những năm 1987 đến 1990 đã bung ra trước hết là ngành du lịch, quyết định cho phép Tổng Công ty Dâu tằm tơ Việt Nam mở tuyến du lịch, duyệt phương án cho phép Tổng Công ty đứng ra mở điểm du lịch Đamri và xây dựng công trình thác Đamri v.v... Tôi còn nhớ lúc ấy có một số anh em ta không đồng tình với lý do cho là ngành sản xuất kinh doanh công nông nghiệp mà

làm du lịch dịch vụ sẽ chạy theo ăn chơi, nhẹ chỉ đạo sản xuất kinh doanh nông công nghiệp... Nhưng Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực UBND tỉnh vẫn quyết định cho phép làm thí điểm và từ đó đã giữ vững và phát triển đến ngày nay. Cũng trong thời kỳ ấy Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định cho phép cơ quan Tài chính của Đảng được kinh doanh du lịch khách sạn nghỉ dưỡng. Cho tổ chức du lịch Thanh niên liên kết liên doanh với Thanh niên thành phố Hồ Chí Minh phát triển du lịch dã ngoại. Cho phép thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Phương Nam tổ chức du lịch cảnh quan môi trường di tích lịch sử. Đặc biệt trong thời kỳ 1985-1990 Nhà nước còn cấm các Công ty nước ngoài (Mỹ và Pháp) không được đến địa bàn các tỉnh Tây Nguyên quan hệ tìm hiểu tổ chức liên doanh liên kết kinh tế vì an ninh quốc gia.

Lâm Đồng – Đà Lạt chúng ta đã kiên trì vận động xin phép Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng cho "La Ri" một thành viên tập đoàn tư bản Mỹ thuộc hãng hàng không Kali Folnia được phép vào Đà Lạt nghiên cứu liên doanh phát triển du lịch với phương án được Hội đồng Bộ trưởng chấp nhận cấp giấy phép và đó cũng là đơn vị liên doanh với nước ngoài có quy mô lớn của ngành du lịch ở tỉnh ta, tạo tiền đề mở cửa đón tiếp nước ngoài trên con đường phát triển, mở sân gol, nâng cấp khách sạn Palace – Đà Lạt và củng cố tôn tạo hệ thống biệt thự Hùng Vương, nâng cấp Dinh I. Hình thành liên doanh DRI,

có lẽ liên doanh DRI đối với địa phương ta là một liên doanh lớn có tầm cỡ đối với cả nước đã ra đời cuối thập kỷ 90 tương đối sớm, đối với các tỉnh Tây Nguyên và Cực Nam Trung bộ, nó có bài bản được trên dưới thống nhất. Công bằng mà nói, tuy mới bước đầu ta thương lượng liên doanh với một đối tác nặng cân đó là tư bản Mỹ, ta chưa có kinh nghiệm. Nhưng gần 10 năm hoạt động chưa thấy gì sơ hở lớn. Trong ký kết hợp đồng trong chi tiết các quy định trong giao ước có một số điểm có lợi cho ta như 10 năm đầu đi vào kinh doanh ta không gánh chịu phần lỗ... và được Bộ chủ quản và Chính phủ phê chuẩn cấp giấy phép đưa vào quy định theo luật pháp Việt Nam...

Những vấn đề nêu trên là trí tuệ, là mạnh dạn, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Còn nhiều công trình tiếp sau năm 1994 tuy tôi có biết chủ trương nhưng không còn trực tiếp tham gia lãnh đạo điều hành từ đầu đến cuối như công trình hồ Đan Kia, cáp treo- Đà Lạt, tuy lớn hơn nhưng đến nay chưa triển khai được do trục trặc bởi có sự biến động tài chính tiền tệ khu vực. Ấy cũng là chuyện thường tình. Riêng công trình cáp treo thì trong dư luận nội bộ và nhân dân còn có nhiều ý kiến; có anh em cho rằng: Phương án cáp treo của tỉnh ta đã thất bại, bị đẻ non vì không vay được vốn, không nhập được thiết bị, nên đã ách tắc sau khi hoàn chỉnh thủ tục nhận giấy phép của Chính phủ. Tôi có gặp một số anh em

trực tiếp làm chủ dự án để tham khảo đã cho phép.... anh em cho rằng: thất bại của phương án cáp treo không phải ở khâu thủ tục giấy phép, hay thủ tục vay vốn, thủ tục nhập thiết bị, mà chính là do sự trục trặc trong nội bộ chúng ta và nó xảy ra sau ngày làm lễ động thổ khởi công xây dựng công trình, trong đó có khâu xét duyệt nhân sự, tổ chức bộ máy cán bộ chủ chốt v.v... Sự việc anh em nói vậy có đúng không cần tìm hiểu thêm để biết sự thật thế nào? Còn việc ấy là trách nhiệm của những người đang có liên quan biết rõ hơn ai hết.

Ai cũng biết, mỗi chủ trương đúng rồi, nhưng tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự, sắp xếp cán bộ mà không giải quyết tốt và giải quyết đúng, tất yếu dẫn đến thất bại là điều thường xảy ra. Vừa qua có anh em nói đùa là: cáp treo của Lâm Đồng ta đến nay bị treo cổ... Lại có người nói: do ta dùng từ "động thổ" nên nó đã "động thổ" luôn. (Đây là kiểu láy chữ để chưởi khéo đó thôi chứ ai lại không biết chữ động thổ là gì đâu mà).

Tôi còn nhớ khi theo dõi trên truyền hình Lâm Đồng cách đây 3-4 năm đưa tin truyền ảnh ngày làm lễ khởi công xây dựng cáp treo, lòng tôi vui mừng khôn xiết... Nghĩ rằng Lâm Đồng ta sớm có đường dây cáp treo hiện đại, phục vụ du khách là công trình đầu tiên của ngành du lịch, tạo ra sau công trình sân gol Đà Lạt khi xuất hiện, thì cả nước chưa có công trình nào ! Nó là công trình chuẩn bị đi vào thế kỷ

21, chắc chắn sẽ thúc đẩy ngành du lịch tỉnh có bước phát triển mới, sẽ giải quyết được nhiều lao động có công việc làm, thúc đẩy sự nghiệp phát triển văn hóa xã hội. Vui chơi lành mạnh hơn, tạo điều kiện mở rộng dịch vụ giải trí năng động sáng tạo, sớm thu hồi vốn và sẽ có tích lũy để tái đầu tư mở rộng ngành du lịch Lâm Đồng – Đà Lạt rực rỡ huy hoàng trên mảnh đất Nam Tây Nguyên đầy tiềm năng giàu đẹp này... Nhưng không ngờ thời gian sau đó không lâu lại có dư luận đồn rằng: công trình cáp treo đã bị treo lơ lửng lưng chừng trời rồi... Còn con người làm nên phương án ấy cũng bị loại ra rìa và cũng "độn thổ" sau ngày làm lễ khởi công v.v...và v.v... Sau đó gần một năm lại được thông tin đài báo ca ngợi rùm beng việc Chính phủ cho phép tỉnh Tây Ninh xây dựng công trình cáp treo ở núi Bà đen, té ra công trình cáp treo núi Bà Đen là công trình đầu tiên của nước ta, rồi đến công trình Bà Nà Tây Quảng Nam Đà Nẵng. Thế là công trình cáp treo của Việt nam lại phát triển nhanh đến thế và nó thu hút khách kỳ lạ, sau một năm mà công trình Núi Bà Đen đã cơ bản hoàn vốn và bắt đầu có tích lũy tôn tạo mở rộng và phát triển. Nhưng với Lâm Đồng – Đà Lạt chúng ta lại bị trục trặc ách tắc quá lâu, mãi đến nay cũng không gượng dậy nổi, thế là đã bị tụt hậu đến hai thế hệ (thế hệ núi Bà Đen đến thế hệ núi Bà Nà).

Vấn đề này cần làm rõ nguyên nhân của sự cố trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành có quan hệ đến cơ

sở tổ chức thực hiện và đó cũng đại diện trong khâu then chốt của tình trạng ngành du lịch tỉnh ta đạt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh thấp có phải thế không?

Tôi nghĩ rằng: Có chủ trương đúng thì khâu đầu tiên tổ chức triển khai thực hiện chủ trương phải là khâu tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự, lựa chọn cán bộ giao nhiệm vụ đúng là quyết định mọi thắng lợi. Theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ trương một, biện pháp mười, quyết tâm hai mươi... Chỉ đạo ta làm đúng như thế thì làm sao có chuyện công trình cáp treo bị thất bại, chịu tụt hậu để người khác tiến tới, còn ta như người bị gãy chân chờ đợi người khiêng ! Giờ đây có dư luận cho rằng sự trục trặc bắt đầu từ khi bố trí lại cán bộ. Tôi nghĩ có thể đúng một phần... Nhưng lại cũng rất khó hiểu... bởi vì: như tôi biết ngày tôi còn giữ trách nhiệm chỉ đạo, thì khi tập thể đã thống nhất chủ trương, giao ngay cho đồng chí phó Ban Tài chính Đảng kiêm giám đốc Công ty EDC làm chủ công trình, chịu trách nhiệm lập phương án chuẩn bị mọi thủ tục để xin giấy phép Chính phủ tổ chức thực hiện là cả một quá trình. Khi cơ bản là xin được Chính phủ cấp giấy phép tưởng như thế là ổn cả. Vậy thì sao lại còn có chuyện bàn bạc thay đổi vị trí chủ chốt sau ngày tổ chức thi công... Vậy thì đưa ai, vì sao? Nếu thay người nào đó mà chưa nắm chắc công việc tất yếu sẽ bị trục trặc, để dẫn đến thất bại có phải thế không?

Trong lãnh đạo chúng ta ai cũng biết; một nguyên tắc tối kỵ là: "Trảm tướng giữa trận mạc" "Thay ngựa giữa dòng "thì chín mươi chín phần trăm đều thất bại tệ hại nhãn tiền ! Càng chiêm nghiệm sâu để hiểu thế sự do đâu ? Lại nhớ câu cố nhân đã dạy:" Thành sự tại ta, bại sự tất cũng tại ta ". Nói ta là ai? Chắc là Đảng bộ, chính quyền mà cụ thể là thường vụ Tỉnh Ủy, thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh có một phần trách nhiệm ... Vì cấp tổ chức thực hiện cũng do ta lập ra, cán bộ cũng do ta bố trí cả đó mà ! Tôi nói thế có người nghĩ cho là người già lẩm cẩm vì chưa đủ thông tin chăng. Nếu bố trí cán bộ thiếu trách nhiệm, tổ chức điều hành không vô tư, mang nặng tính cá nhân, vì lợi ích riêng tư, mang tính bản vị, chạy theo cơ chế thị trường, dùng tính chất mua bán đổi chất, biến đội ngũ cán bộ thành vật hàng hóa thì sẽ làm hỏng cả mọi việc không phải chỉ là cáp treo trong ngành du lịch mà một số ngành khác cũng sẽ chịu chung số phận, cần hết sức đề phòng trong sắp xếp nhân sự tổ chức cán bộ sắp đến, nó là khâu quyết định cuối cùng phải rút kinh nghiệm.

Nếu nói thiếu vốn và vay vốn không được nên công trích cáp dây treo bị bỏ dở... Tôi nghĩ có phải thế không? Nếu ngành kinh doanh của Đảng và nhà nước mà không vay được mấy chục tỷ để triển khai dự án đã được Chính phủ cấp giấy phép, thì làm sao các công ty Epcô Minh Phụng, Trần Đàm, Ngọc

Thảo... lại vay được của ngân hàng cả mấy chục triệu đô, hàng vạn tỷ đồng Việt Nam mà còn lại trốn thuế được cả trăm tỷ đồng. Hay do tổ chức kinh tế Đảng, kinh tế quốc doanh Nhà nước không cho phép chi phí hoa hồng, tiêu cực lót tay nên không được vay chăng? Nếu có thật vậy thì nhân dân đất nước ta bất hạnh lắm sao ? Nhưng nghe kỹ lại thì chẳng phải thế, bởi vì chưa lập được thủ tục để vay thì có đâu để cho ai được hưởng hoa hồng mà nói cho mếch lòng.

Qúa trình theo dõi ngành du lịch từ ngày mới thành lập với mọi cương vị khác nhau đến lúc nghỉ hưu, nghe ngành du lịch báo cáo, thấy ngành du lịch làm đến nay tròn 25 năm, thì được biết anh em CBCNVC ngành du lịch có nhiều việc được, hiển nhiên cũng có một số việc chưa được và đó cũng là thường tình. Ta không nên suy diễn và có ác ý, phủ nhận sạch trơn công lao của tập thể nội bộ và nhân dân tham gia ngành du lịch ở tỉnh ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp tham gia điều hành, chắc cũng có lúc được lúc không chẳng có gì lạ, nhất là ở thời đại cơ chế thị trường, lực lượng lao động và đội ngũ cán bộ cũng chịu ảnh hưởng của phạm trù hàng hóa, dễ có quan điểm sai, gây khó khăn cho nhau cũng có thể có, cần được khắc phục. Nghĩ và viết đến đây liên hệ nhớ lại hai câu thơ của nhà thơ Tố Hữu :

"Chợ trời thật giả đâu chân lý !

Vậy thì sau 25 năm đánh giá ngành du lịch hoạt động như thế nào cho đúng, nhất là 5 năm kế hoạch, năm cuối cùng của 25 năm sau giải phóng thống nhất đất nước, cũng là năm cuối của thế kỷ 20, sao lại nghe tiếng chê nhiều hơn là khen, có phải thế không?

Theo tôi nghĩ tiếng khen thì mừng, nhưng tiếng chê mà đúng thì rất qúy, rất tốt vì nó sẽ kích thích lòng tự trọng một tập thể điều hành và cá nhân phụ trách thấy được chỗ yếu của mình, để quyết tâm khắc phục kiên trì phấn đấu cho sự nghiệp ngày mai tốt đẹp, rạng rỡ hơn.

Tôi cho không ai biết hơn là ngành du lịch tự biết mình, biết rõ cả hệ thống lãnh đạo điều hành của mình hơn là người khác biết ! Mà đã biết thì có cách sửa chữa và vun đắp nó, dù phải trải qua bao nhiêu trắc trở nhưng có sự đồng tâm nhất trí thì chắc chắn sẽ sửa được để phát triển đi lên . Riêng tôi thì có ý đơn giản hơn một chút là: Để ngành du lịch Lâm Đồng vươn lên đúng với vị trí và tiềm năng của nó trong ngành kinh tế địa phương, thì về chỉ đạo hệ thống du lịch từ trên xuống dưới phải được thống nhất, tổ chức điều hành phải được hỗ trợ tích cực, trên dưới một lòng tất cả vì sự nghiệp, đúng sai cùng chịu trách nhiệm, có thế mới tạo cơ sở vững chắc,

kinh tế năng động, đảm bảo phát triển hòa nhập liên doanh, liên kết trong và ngoài nước tốt hơn.

Nội bộ ngành du lịch phải có sự đoàn kết thống nhất lại cùng nhau bảo vệ tôn tạo các cơ sở đã có, phát huy nội lực của ngành, kêu gọi đầu tư trong địa phương, trong nước, ưu tiên liên kết liên doanh du lịch nội địa, làm cơ sở mở rộng của liên kết liên doanh ngoài nước, khu vực và quốc tế theo nguyên tắc có hòa nhập, có liên kết có đấu tranh củng cố và phát triển . Không nên có thái độ liên kết với bên ngoài quay lưng đối lập bên trong là điều nguy hiểm, sẽ rơi vào cạm bẫy " Diễn biến hòa bình" của quân thù. Cổ nhân ta thường nói:

" Một cây làm chẳng lên non

Ba cây chụm lại lên hòn núi cao ..."

" Để một thì giàu

Chia nhau thì khó ..."

Ngành du lịch nên suy nghĩ .? Chỉ đạo nên suy nghĩ !

25 NĂM XÂY DỰNG (1975 - 2000)
NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI, CÓ VỊ TRÍ QUAN TRỌNG TRONG QUÁ TRÌNH PHỤC HỒI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LÂM ĐỒNG

***

Gần 30 năm chiến tranh chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược nước ta (1946-1975) vấn đề giao thông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng hầu như không phát triển, mà còn bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đường xá xuống cấp hầu nhu toàn bộ. Sau ngày giải phóng 28/3 và 3/4/1975, cả 2 tỉnh Lâm Đồng-Tuyên Đức Đàlạt, chỉ còn độc nhất là tuyến đường 20 kéo dài 192 cây số từ cây số 142 Madagui phân ranh giới giữa ta và Long Khánh, đến Đàlạt- D'ran Đơn Dương. Nhưng đã bị phá hủy một số đoạn từ cây số 145 từ Sài Gòn lên đến cây số 172 trên địa bàn xã Phước Lạc đến H30 Cầu Trắng Đa Lào xã Lộc Châu hiện nay.

Đoàn thứ 2: từ Gia Hiệp đến cầu Đạ Le kéo dài đến Tam Bố-Liên Hanh, và khi địch rút chạy chúng còn ra lệnh phá hủy nhiều cầu cống trong đó có cầu Đại Ninh, cầu Phi Nôm.

Thực trang giao thông trước ngày được giải phóng:

A. Về giao thông:

Quốc lộ:

1/ Con đường nay được xác định là đường 27, từ năm 1975 được gọi là đường 21 kéo dài từ ngã ba Liên Khương đi Kơ Rông Nô giáp Đăklăk dài 123 cây số (nay gọi là đường quốc lộ 27) trước đây 25 năm, đã có 70 cây số từ Phi Liêng trở lên Kờ Rông Nô đã thành đường rừng. Đến năm 1999 mới được mở lại.

2/ Quốc lộ 28: (trước đây là tỉnh lộ số 8 dài 93,6 km tính từ Phan Thiết đi Di Linh và đoạn Di Linh đi Kin Đa gọi là đường 14 Bíc dài trên 45 cây số giáp Quảng Đức cũ, con đường này trước tháng 5/1975 xe cộ không còn lưu thông được.

3/ Về tuyến đượng huyện, thị xã, thành phố Đàlạt thì còn hoạt động phần còn lại là đường đất trong đó có cả đoạn đường 11 là đường nhựa nhưng đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Thị xã Bảo Lộc, thị trấn Di Linh, D'ran chủ yếu là nhựa trên trục đường 20 là chính, còn các nhánh đường khác vẫn là đường đất, có một số đoạn tráng nhựa mỏng không đáng kể.

4/ Mạng lưới giao thông nông thôn của tỉnh trước ngày giải phòng 1975 xem như chưa phát triển , bởi vì: nông thôn thuộc vùng kiểm soát của địch thì chúng đã dồn dân tất cả ra trục lộ 20 và ở xung quanh thị xã, thị trấn hình thành ấp chiến lược. Còn tất cả rừng núi đất đai nông thôn thuộc vùng giải

phóng và tranh chấp của Mặt trận cách mạng dân tộc giải phóng miền nam Việt nam là vùng căn cứ kháng chiến chống Mỹ, giao thông là đường mòn trong rừng, chỗ nào có dấu mòn là phải nghi trang xóa dấu, dám đâu mở đường. Khẩu hiệu lúc đó : "ở không nhà, đi trên đá, chỗ nào mòn phải lấy lá nghi trang lại v..." thế thì làm sao mà có đường.

B. Về lĩnh vực vận tải:

Tất cả phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách là của tư nhân. Hoạt động lưu thông là độc đạo và duy nhất là tuyến đường 20 dài gần 200 cây số, chủ yếu là vận chuyển hàng hóa lưu thông đường dài từ Đàlạt-Tuyên Đức-Lâm Đồng đi Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh) và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, dọc duyên hải miền Trung, Cực nam Trung bộ và ngược lại nó mang vật tư hàng hóa lương thực, thực phẩm từ Sài Gòn lên cung cấp cho gần 350.000 người dân Kinh-Thượng trong tỉnh phục vụ bộ máy chiến tranh xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai bằng độc nhất con đường 20 này.

Sau ngày địa phương hoàn toàn giải phóng. Khu ủy khu 6 giao cho Đảng bộ Lâm Đồng, bằng mọi cách giữ vững, phục hồi, đảm bảo thông tuyến đường 20 và đường 21 Sài Gòn-Bảo Lộc-Đàlạt. Gấp rút làm cầu Đạ Huoai, cầu Đại Ninh, cầu Phi Nôm... đảm bảo giao thông liên lạc thông suốt, tiếp tục phát triển chiến đấu, giải quyết lưu thông hàng hóa, phục vụ sản xuất

và đời sống cho gần 350 ngàn dân vừa mới giải phóng, đảm bảo mở đường phục vụ đại quân ta trên đường tiến vào giải phóng Sài Gòn của chiến dịch Hồ Chí Minh. Đảng bộ Lâm Đồng lúc bấy giờ xem đây là nhiệm vụ số một của địa phương.

I. Sau ngày 2 tỉnh Lâm Đồng - Tuyên Đức giải phóng:

Ủy ban cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam khu Cực nam Trung bộ, giao nhiệm vụ tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức có trách nhiệm phục hồi ngay các đoạn đường xuống cấp trên trục đường 20 + 21 và khẩn trương mở lại còn đường 27 (lúc đó gọi là 21B) khai thông đường số 8 và đường 14 Bíc nối liền mạch máu giao thông giữa vùng căn cứ của ta và vùng địch kiểm soát vừa được giải phóng, phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện, liên huyện, liên xã Đàlạt - Đầm Ròn, Đàlạt - Tà Nung, Đàlạt Đạsa - Đạchay. Đức Trọng - Phi Liêng, Đức Trọng - Tà In, Đức Trọng - Nam Ban, Tây Sơn, Phi Sa rôn. Di Linh - Kin - Đạ, Di Linh - Sơn Điền, Gia Bắc - Đinh Trang Thượng, Hòa Bắc, Hòa Nam. Bảo Lộc - Lộc Nam - Lộc Tiến, Lộc Thành, Lộc Thắng, Lộc Lâm, Lộc Bắc, bờ gia v.v... ĐaGùi, Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Cát Tiên (lúc bấy giờ trung tâm Đạ Huoai đóng ở thị trấn huyện Đạ Tẻh ngày nay)... song song với việc mở đường giao thông phục vụ dân sinh kinh tế, đồng thời phục vụ nhiệm vụ chính trị tiếp nhận dân các tỉnh đến mở các vùng kinh tế mới, đưa dân Hà Nội

vào xây dựng định canh định cư mới Đức Trọng (Nam Ban). Đưa dân Hà Nam Ninh đến xây dựng vùng kinh tế mới Nam Di Linh (Hòa Nam, Hòa Bắc, Hòa Trung hiện nay). Đưa dân Hà Sơn Bình (Hà Đông, Sơn Tây) vào xây dựng kinh tế mới vùng 3 Đạ Huoai (tức là địa bàn Đạ Tẻh ngày nay v.v...).

Toàn Đảng bộ Lâm Đồng chúng ta, coi đây là nhiệm vụ quan trọng nhất của giai đoạn đầu phục hồi kinh tế và phát triển xã hội sau chiến tranh giải phóng dân tộc, hòa bình thống nhất đất nước với khí thế chủ nhân chiến thắng của 1 dân tộc đất không rộng, người không đông mà đã đại thắng đế quốc xâm lược Mỹ mùa xuân năm 1975 trong thế kỷ thứ 20 này.

- Đại hội Đảng bộ Lâm Đồng lần thứ nhất, đã xác định chủ trương tiếp nhận sự phân bổ lao động trong cả nước, nhằm tăng cường lực lượng lao động phục vụ khai thác, phục hồi mở mang kinh tế, phát triển an ninh quốc phòng, trong thời kỳ đầu mới giải phóng 1976-1980. Thời kỳ này công tác qui hoạch phát triển giao thông vận tải được đặt lên hàng đầu. *Các tuyến đường tỉnh lộ* được mở ra và phát triển như con đường từ Đạ Gùi đi Cát Tiên dài 65 km phục vụ chuyển dân vào xây dựng kinh tế mới Đạ Tẻh, Cát Tiên nay là đường tỉnh lộ 721- đường này sẽ nối thông Đồng Xoài Bình Phước sau khi khánh thành cây cầu qua sông Đồng Nai sắp đến.

Con đường từ ngã ba Tùng Lâm đi Đinh Kơ Nớ-Đầm Ròn phục vụ xây dựng lại khu Đầm Ròn, nay gọi là tỉnh lộ 722 dài 92 km.

Con đường từ ngã ba Học viện Lục quan đi căn cứ Long Lanh dài 46 km, nay gọi là tỉnh lộ 723 v.v.. Tất cả các con đường mới khai mở mà nay gọi là tỉnh lộ, huyện lộ, lúc đầu xuất phát đều là những con đường phát triển phục vụ tiếp nhận dân kinh tế mới, định canh định cư cho các dân tộc căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa từ thời kỳ 1976-1980 đến nay, từ đường chưa có tên nay 1 số đường đã được đăng tên. Tôi cho đây là những con đường khai cơ dựng nghiệp, kinh tế mới và định canh định cư cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh ta.

Ngoài các con đường quốc lộ, thì hệ thống tỉnh lộ mới khai mở đã có chiều dài đến 346 km, và trên 70 tuyến đường huyện, có chiều dài trên 985 km nối liền mạng lưới giao thông thành phố Đàlạt, thị xã Bảo Lộc và các thị trấn trong tỉnh. Hệ thống đường hiện nay được nâng cấp gần 580 km mà nhiều tuyến cách đây 15 năm, còn ở dạng sơ khai, thông tuyến nhếch nhác, nhất là các thị trấn.

Mạng lưới giao thông nông thôn, qua 25 năm tỉnh ta đã mở mang tương đối khá, so với các tỉnh miền núi. Theo con số thống kê năm 1997, mạng lưới giao thông nông thôn tỉnh ta đã phát triển có chiều sài là 2983 cây số, trong đó có trên 100 km đường

nhựa và có 306 chiếc cầu dài 1624m, trong đó có 46 cầu dầm thép dài 870m, có 64 cầu bê tông dài 259m, có 943 cống, đảm bảo lưu thông 2 mùa mưa nắng. (chỉ còn gần một phần ba tuyến đường nông thôn phát triển bước đầu mới thông tuyến, còn bị lầy trong mùa mưa bão bị ắch tắc). Vừa qua phát triển được mạng lưới giao thông nông thôn nói trên, với phương thức nhân dân, Nhà nước cùng làm, Trung ương và địa phương cùng đầu tư, đây là một cố gắng lớn của Đảng và Chính phủ, của Đảng bộ và chính quyền địa phương Lâm Đồng, và có sức đóng góp tích cực của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, đáng được tự hào. Đến nay gần 98% xã thôn, buôn đã có đường giao thông đi lại thuận lợi, trừ thời gian mưa bão còn 1 số đường bị lầy, bị đứt từng đoạn, như đường Đàlạt - Long Lanh, Đàlạt-Đầm Ròn, đường Thôn 5 Đồng Nai-Cát Tiên, đường Gia Bắc-Sơn Điền, đường di Linh-Đinh Trang Thượng, đường Lộc Bảo, Lộc Lâm, Bảo Lâm, đường Ru Men, Đạ Kơ Nàng-Lâm Hà, đường Tà Năng-Tà In- Đức Trọng...

Nhìn lại chặng đường 25 năm sau giải phóng thống nhất nước nhà, địa phương Lâm Đồng lại có 12 năm (1976-1987) còn tiếp tục chiến đấu đánh bại lực lượng vũ trang Fulro phản động, tay sai của thực dân đế quốc xâm lược Pháp-Mỹ-cài cắm lại trong miền núi dân tộc chống phá cách mạng Việt nam lâu dài trên đất Lâm Đồng. Mãi đến năm 1987 tỉnh ta mới giải quyết cơ bản dứt điểm đánh bại lực lượng vũ

trang Fulro phản động trên địa bàn và mãi đến năm 1995 toán Fulro cuối cùng 12 têndo Kờ Long Nhão cầm đầu mới thật sự kéo ra đầu hàng nhân dân. Mạng lưới giao thông phát triển sau giải phóng đã đóng góp tích cực phát triển kinh tế-xã hội và góp phần đánh bại lực lượng Fulro phản động., giữ vững an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng trên địa bàn Lâm Đồng sau 25 năm giải phóng thống nhất đất nước, xây dựng địa phương, là một cuộc đấu tranh trường kỳ không mệt mỏi đem lại vinh quang ngày nay.

II. Vị trí vai trò và thành tích công tác giao thông vận tải 25 năm sau giải phóng đã có bước phát triển vượt bậc:

Từ cảnh toàn tỉnh (cả Lâm Đồng cũ Tuyên Đức Đàlạt) chỉ độc nhất có 192 cây số đường 20 (từ ranh giới giáp tỉnh Đồng Nai đến Eo Gió-Đơn Dương) tuy đã bị xuống cấp nhưng lại là đường tốt nhất và tuyến lưu thông duy nhất của tỉnh. Sau 25 năm ta đã nâng cấp, phục hồi cả 3 tuyến quốc lộ, đó là quốc lộ 20, quốc lộ 27, quốc lộ 28 chiều dài 412 km trong đó có gần 300 km được tráng nhựa, trừ quốc lộ 28 mới thông tuyến và nâng cấp được 6 km 3 có rải nhựa và có 8km3 dạng đường cấp phối, còn 83 km còn là đường đất không thể hoạt động được trong mùa mưa, bốn tháng mùa khô cũng phải đi xe hai cầu mới hoạt động được trên đường này. Đường 20 ngày nay vẫn giữ vị trí như mạch máu chủ, lưu thông duy nhất của

tỉnh Lâm Đồng, xuyên suốt 25 năm qua. Còn quốc lộ 27 từ khi thông tuyến và nâng cấp sau thời kỳ những năm 90, đến nay chưa thật sự phát huy tác dụng đáng kể. Đường quốc lộ 28 ngày nay chỉ là danh nghĩa, còn thực chất không đáp ứng được yêu cầu quốc kế dân sinh, suốt 25 năm chưa có tác dụng gì lớn.

Vấn đề thứ 2 là các tuyến tỉnh lộ trước giải phóng, hầu như là những con đường mòn cho người đi bộ, nhưng sau 25 năm tỉnh ta đã hoàn thành 4 tuyến đường 721+722+723 vá 725 có chiều dài 346km25 trong đó có 23km13 đường nhựa, 134km18 đường cấp phối, đây là một quyết tậm lớn ngay từ đầu những năm 1976-1980. Song song với quy hoạch và kế hoạch phát triển các khu kinh tế mới, hình thành các trung tâm huyện lỵ và các xã căn cứ vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến. Nếu không có 4 tuyến giao thông nói trên thì 5 huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Lâm Hà và Bảo Lâm và kinh tế mới vùng 3, khu kinh tế mới Hà Nội trên đất Lâm Hà, địa bàn Lạc Dương, Đầm Ròn không thể có điều kiện hình thành thị trấn các huyện nói trên và các khu dân cư làng mạc, làm sao có đường để đưa vật tự xây dựng khang trang được như ngày nay.

Đây là thành tích nổi bật của Đảng bộ, chính quyền địa phương, của quân và dân tỉnh ta mà ngành Giao thông vận tải là lực lượng tham mưu, trung tâm nòng cốt đã được đánh giá đúng. Mặc dù 4 tuyến

đường mới phát triển sau giải phóng còn khó khăn, và còn lâu mới vươn tới trình độ hòa nhập mạng lưới giao thông hiện đại, ngay cả quốc lộ 27-28... đó là thực tế đặt ra trên địa bàn miền núi này. Vì vậy mà còn có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau đối với ngành giao thông vận tải tỉnh ta, cả về mặt tích cực và tiêu cực, tiếng chê rất nhiều nhưng lời khen cũng không phải ít. Công bằng mà xem xét, thì ngành giao thông tỉnh ta là có công lớn, dĩ nhiên khuyết điểm cụ thể cũng không nhỏ. Bởi vì lịch sử gần 100 năm dưới chế độ thực dân phong kiến và 21 năm đế quốc Mỹ xâm lược Miền nam Việt nam, chúng chỉ làm xong và duy trì củng cố nâng cấp duy nhất 192 cây số quốc lộ 20, còn các con đường khác chúng không phát triển và phục hồi nổi v.v...

Nhưng với chính quyền cách mạng trong vòng 25 năm sau giải phóng thống nhất đất nước, tỉnh ta đã giữ vững nâng cấp và thông tuyến cả 3 quốc lộ có chiều dài 412 cây số và phát triển làm mới 346 km đường tỉnh, làm mới nhiều cầu cống và đã rải nhựa gần 150 km đường mới trong tỉnh. Đã phát triển hoàn toàn mới mạng lưới giao thông cấp huyện và phát triển mạng lưới giao thông của 5 cụm trung tâm của 5 huyện lỵ mới... Nâng cấp và phát triển mạng lưới giao thông đường nội thị Đàlạt, thị xã Bảo Lộc v.v... làm cho bộ mặt giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng đến nay thay đổi hẳn so với những năm đầu mới giải phóng, nhất là trong thời gian 15 năm đổi

mới cơ chế quản lý, thực hiện chính sách nhân dân Nhà nước cùng làm... Đến nay tỉnh ta cơ bản hình thành mạng lưới giao thông huyện và liên xã trên 70 tuyến, trong phạm vi 11 huyện thị, thành, và 135 xã, phường, khu phố đều có đường giao thông phục vụ chỉ đạo thông suốt, phục vụ sản xuất lưu thông, đời sống của trên 1 triệu dân Kinh-Thượng, thành thị, nông thôn, vùng sâu vùng xa, có chiều dài trên 1.500 km trong đó đường được rải nhựa là 171km32 mà trước đây 25 năm hoàn toàn chưa có.

III. Nói về 25 năm thành tựu công tác giao thông:

Chúng ta không thể nào quên động lực và nguồn sức mạnh của nhân dân quần chúng, đã tích cực tham gia phát triển mạng lưới giao thông nông thôn trong tỉnh. Từ những dấu vết đường mòn đi lại giữa xã này xã khác, giữa buôn này buôn khác, giữa nhà này nhà khác, thì đến nay sau 25 năm nó đã phát triển thành hệ thống giao thông nông thôn. Theo thống kê kế hoạch đến cuối năm 1997 mạng lưới đường giao thông nông thôn tỉnh ta có độ dài đến 2983 cây số, mặt đường ngang từ 5 đến 6 mét, nó hình thành mạng lưới giao thông cơ sở, trong đó đã có đến 83 km được rải nhựa, 44 km đường đá dăm, 2487 km đường cấp phối, gần 1000 công trình cầu cống lớn nhỏ, có trên 750 km xe con, xe máy đi lại được 2 mùa mưa nắng thuận lợi. (Tính theo thống kê đến năm 1997).

Hệ thống giao thông phát triển làm cho bộ mặt nông dân, nông thôn không ngừng đổi mới, sản xuất, chăn nuôi phát triển mở rộng, vườn cây được thâm canh, văn hóa giáo dục, y tế, đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện, trong thực tế cuộc sống đi lênkhông ai có thể phủ nhận.

Mạng lưới giao thông đường bộ tỉnh ta theo qui hoạch và thực tế đã phát triển tương đối hợp lý cả trên các huyện, xã trong tỉnh, cả 4 loại đường: quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, và hương lộ... Nhưng so với yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội; an ninh-quốc phòng và nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của địa phương và đất nước, thì mạng lưới giao thông của tỉnh ta còn nhiều nhược điểm và vô cùng lạc hậu.

Hình thái phổ biến các tuyến đường giao thông trong tỉnh là đoản tuyến, độc đạo, thuần bộ... Tỷ lệ chiều dài thì lớn, nhưng đường được tráng nhựa chiếm tỷ lệ quá thấp; cả 2 loai đường quốc lộ và tỉnh lộ dài 758 km nhưng diện tráng nhựa chỉ được 287 km chiếm trên 38% tổng chiều dài. Còn lại là đường đất có đến 531 km, chỉ được 283 km rải cấp phối.

Đường huyện lộ có chiều dài 985km69, nhưng mới trải nhựa được 171km32 chiếm 17,3% tổng chiều dài tuyến đường huyện.

Mạng đường giao thông nông thôn có chiều dài đến 2983 cây số; nhưng mới rải nhữa 82 cây số chiếm

2,7% tổng chiều dài của đường nông thôn và chỉ có 44 km đường này được rải đá và 368 km đường cấp phối. Nay còn đến 2487 km là đường đất. Theo con số thống kê nói trên thì toàn tỉnh hiện nay trong mạng lưới đường nông thôn đến cuối năm 1997 có 1.160 tuyến, chiếm gần 1.533 km2 đất canh tác, trong đó có khoảng 409 tuyến đảm bảo đi lại mùa nắng. Còn 757 tuyến đảm bảo lưu thông suốt 2 mùa mưa nắng.

Mấy số liệu nêu trên, chứng minh cả 4 cấp loại đường trên địa bàn Lâm Đồng đúng là còn quá lạc hậu, công tác lưu thông gặp rất nhiều khó khăn nhất là mùa mưa bão... và đó cũng chính là nguyên nhân của sự trì trệ trong bước phát triển công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, làm cản trở bước tiến của nông dân vùng sâu vùng xa chậm được cải thiện, thiếu sức hấp dẫn thu hút sự tham gia mở rộng, phát triển đầu tư trong và ngoài nước của mấy năm gần đây. Nó còn góp phần làm cho ngành du lịch xuống cấp, thiếu sức hấp dẫn thu hút khách trong và ngoài nước, hạn chế đến Đàlạt-Lâm Đồng du lịch tham quan nghỉ dưỡng, kể cả khách nội bộ. Điều đó có thể thấy được, cần sớm có kế hoạch khắc phục tính lạc hậu của giao thông vận tải, đó có thể là nguyên nhân số 1 trong mọi nguyên nhân được đặt ra.

Giao thông Lâm Đồng :

Không chỉ lạc hậu về đường bộ nói trên, mà đường sắt cũng bị xóa sổ, đường không đang còn giai đoạn dở sống dở chết... Đoạn 50 cây số đường thủy trên sông Đồng Nai ở Cát Tiên, Đạ Tẻh còn nằm ngoài kế hoạch phục hồi và phát triển. Nếu ta không mạnh dạn đề xuất với Trung ương và Chính phủ có kế hoạch quy hoạch đồng bộ mạng lưới giao thông trên địa bàn Lâm Đồng, cả đường bộ, đường sắt và đường không, thì khó mà phát huy được tiềm năng và thế mạnh nền kinh tế Lâm Đồng nói chung và thế mạnh ngành du lịch dịch vụ nghỉ dưỡng của Lâm Đồng nói riêng... không tạo được sức hút đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển công nghiệp hóa trên mảnh đất Lâm Đồng, Nam Tây Nguyên đầy tiềm năng này và cũng khó có thể đảm bảo an ninh quốc phòng, đảm bảo an toàn chính trị xã hội trên khu vực áo giáp, bảo vệ trung tâm chính trị-kinh tế-thương mại năng động của cả nước ở địa bàn phía Nam... Bởi vì: việc kiểm soát giao lưu và kiểm tra hành khách trên tuyến hàng không thì dù khó nhưng có phương tiện kiểm tra hiện đại cũng sẽ làm tốt. Còn kiểm tra lưu thông đường bộ thì phức tạp vô ngần. Tôi còn nhớ: Kinh nghiệm mạng lưới đường dài mấy ngàn cây số hiện nay so với vài trăm cây số đường 20 trong những ngày kháng chiến đánh Mỹ ngụy chẳng là bao, nhưng địch ra lệnh kiểm soát phương tiện đi lại trên trục giao thông gắt gao, thời gian kiểm soát 24/24 giờ ngày đêm, nhưng chẳng

kiểm được mốc xê gì cả ? Mặc dù địch ra lệnh: chỉ cho phép xe cộ được lưu hành trên đường 20 từ 6 giờ sáng đến 5 giờ tối mỗi ngày. Còn những chuyến xe đột xuất di chuyển đặc biệt cả đi và đến trên đường, cả ban ngày và ban đêm đều có lính chốt đường và cả lực lượng quân sự, công an mang quân hộ tống. Thế mà ta vẫn sử dụng được xe các cơ sở cảm tình với cách mạng tổ chức lưu thông trên đường 20, bắt liên lạc đưa đón cán bộ, bộ đội, tổ chức đổ hàng hóa lương thực, tiếp liệu, phục vụ kinh tế tài chính hậu cần, đáp ứng yêu cầu cuộc kháng chiến 21 năm chống Mỹ cứu nước, đó là 1 bài học và nguyên nhân thất bại của Mỹ và tay sai, và là nguồn gốc thắng lợi của ta phải được sự tổng kết đánh giá đúng vị trí giao thông vận tải nó quan trọng biết chừng nào ? Ngày nay trên tuyến đường dài của mạng lưới giao thông đã phát triển hàng mấy ngàn cây số, đường ngang, đường dọc, mà độc nhất vẫn là đường bộ, hàng ngày đưa đón khách du lịch, Tây, Tàu, nga, Mỹ, nhất là những tên Tây mang ba lô cuốc bộ lang thang trên đường, hành trang lếu láo, xuất quỷ nhập thần, làm sao ta có thể quản lý nổi giữa rừng hoang đêm vắng, ngày nắng đêm mưa, ai đâu có mặt 24/24 giờ, kiểm soát về an ninh trên tất cả mọi nẻo đường đi bộ này, với nguyên tắc quản lý người nước ngoài là phải đi có phép, về có cửa, đến có giờ, nghỉ có nơi... Nếu không có đường hàng không để ghép họ vào tuyến, đến khi lượng khách du lịch bùng nổ, thì không có lý do gì

kiểm soát nổi đối tượng khách nước ngoài họ đến địa bàn ta bằng đường bộ từ thành phố Hồ Chí Minh đi Đàlạt, Ban Mê Thuột, Phan Rang, Phan Thiết, Phước Long v.v...

Cách đây 15 năm, Lâm Đồng ta có trên một trăm xe khách và 260 xe tải lớn, nằm trong tay đơn vị quốc doanh và các HTX hoạt động đường dài, đi theo tuyến, rời bến có giờ, lệnh lưu thông có thời hạn, xuất phát có nơi, về có bến... Nay thì tất cả các phương tiện là của tư nhân, tổ chức quốc doanh, HTX còn đó, nhưng đã cổ phần hóa, khoán gọn đầu xe cho tư nhân làm chủ, giao khoán lại cho gia đình góp cổ đông tự chủ điều khiển phương tiện v.v... Điều đó có mặt tốt vì đã xác lập được vai trò người chủ cụ thể của mỗi phương tiện và giá trị của nó, gắn liền trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi, nó thích hợp với thời kỳ phục hưng kinh tế theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, trong bước quá độ xã hội chủ nghĩa, dường như chưa có phương thức quản lý nào tốt hơn, hay hơn, để bớt những tai nạn khủng khiếp ít xảy ra như hiện nay.

Ta thường nói giao thông là mạch máu của nền kinh tế và xã hội giống như cơ thể con người, phương tiện vận tải là công cụ dẫn lưu đưa nguồn cung cấp năng lượng cho toàn bộ cơ thể dưới sự điều khiển thống nhất từ bộ óc và con tim, nó quyết định sự sống chết của một con người, ta hình dung tưởng như một chế độ xã hội trong đó có vai trò quan trọng là

lĩnh vực giao thông vận tải... ở đây tôi không phải là bác sĩ hay một nhà y học, không biết gì về tính chất cơ lý, tính huyết học trong cơ thể con người... nhưng khi làm giao thông lại nghĩ về vị trí giao thông tôi muốn lấy hình tượng con người làm ví dụ, mà đã nói đến cơ thể con người sống phải nhờ có khí huyết và khí huyết lưu thông nhờ có bộ óc và trái tim nuôi cơ thể, hệ thần kinh của mỗi người không thể khiếm khuyết về mặt khí huyết. Nói vậy để mà suy nghiệm kỹ xem 25 năm qua ta giám sát ngành giao thông vận tải tỉnh ta, tuy có bước phát triển nhảy vọt là rất tốt. Nhưng trong thực tế chi tiết có còn gì chưa thật đảm bảo yếu tố vững chắc, chưa toàn diện và thiếu cân đối, không đồng bộ, còn mang tính chất tự phát đơn thuần trong quy luật cơ chế thị trường về mặt vận tải, nó dễ dẫn đến bị động khi có biến động... đó là điều nên sớm đặt ra, để có phương án dự phòng trong xử lý của người lãnh đạo bằng nhiều tình huống khác nhau, có thể có.

Riêng về giao thông ở tỉnh ta đã đến lúc phải đặc biệt lưu ý về chiều sâu, khẩn trương đưa vào kế hoạch nâng cấp nhựa hóa các tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ, huyện lộ trong ngũ niên tới (2001-2005). Kiên cố hóa hệ thống cầu cống và nâng cấp phối đại bộ phận mạng lưới giao thông nông thôn, nhất là giao thông vùng sâu vùng xa, góp phần phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất từng phần, giữ gìn và phát triển văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Nếu

mạng lưới giao thông không được nâng cấp thì khó mà phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn miền núi tỉnh Lâm Đồng này.

Ngoài giao thông đường bộ phải được ưu tiên đầu tư nói trên. Đề nghị Trung ương có qui hoạch phát triển đường sắt gắn với việc phát triển công nghiệp khai thác Bauxít, luyện nhôm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Xin sớm mở sân bay quốc tế Liên Khương, phục hồi sân bay dân dụng Lộc Phát gắn với kế hoạch phát triển mở mang du lịch toàn tỉnh.

Về đường thủy, Lâm Đồng ta không có tiềm năng đáng kể, nhưng trong qui hoạch phát triển giao thông cũng nên có kế hoạch đưa vào khai thác đoạn 50 km lòng sông Đồng Nai trên biên giới Đạ Tẻh, Cát tiên nhằm phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch, tham quan khu rừng cấm Nam Cát Tiên, tham quan khu di chỉ văn hóa Cát Tiên, phát triển tính đặc thù riêng của nó. Cũng nên nghĩ đến việc sử dụng cả các hồ thủy điện lớn nhỏ như Đa Nhim-Băng Rôn, Đạ Tẻh và tương lai hồ Hàm Thuận nằm trên đất Lộc Nam, hồ Suối Vàng, hồ Tuyền Lâm v.v... hình thành hệ thống đường thủy hiện đại phục vụ dịch vụ du lịch, du ngoạn bằng phương tiện đường thủy trên đỉnh núi trở thành 1 trong các môn du lịch kỳ thú trên địa bàn Lâm Đồng chúng ta không kém phần hấp dẫn, nên qui hoạch giao thông liên kết với qui

hoạch du lịch để sáng tạo ra, cảnh quan du lịch nghỉ dưỡng thường xuyên 2 ngày cuối tuần là điều mơ ước trong lý tưởng.

Trên đây là một số suy nghĩ từ tiềm năng thực tế của địa phương ta về ngành Giao thông vận tải ... Tôi xin nêu lên bằng tấm lòng và ước vọng chân thành của người cao tuổi, để bạn đọc cùng tham khảo và chỉ là tham khảo mà thôi cũng là góp sức cho người sau hoàn chỉnh.

Mong sự thông cảm./-

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đến thăm và làm việc với Tỉnh ủy Lâm Đồng.

Đồng chí Phạm Hùng đến thăm và làm việc với UBND Tỉnh Lâm Đồng.

Đồng chí Nguyễn Xuân Du (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng) về thăm căn cứ kháng chiến cũ.

PHẦN IX

CÁC VĂN BẢN THAM LUẬN VỀ TRUYỀN THỐNG HUYỆN CÁT TIÊN VÀ HUYỆN ĐẠ TẺH VÀ NHỮNG BÀI THAM GIA TỌA ĐÀM CÁC NGÀY LỄ LỚN NĂM 2000

Phần này là các văn bản tham luận và đóng góp cho 2 huyện Cát Tiên – Đạ Tẻh và các bài tham gia các cuộc hội đàm Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng theo nội dung các ngày lễ lớn và cuối cùng là bản đề cương tham gia hội thảo về công tác tổ chức – cán bộ năm 1993 do đồng chí Lê Phước Thọ – Uy viên Bộ Chính trị – Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng chủ trì họp tại thành phố Đà Nẵng.

Phần này gồm có 9 bài còn lưu trong thời gian cụ thể của từng văn bản. Nay xin in lại toàn văn để bạn đọc kịp tham khảo.

Bài tham luận cuộc hội thảo về truyền thống lịch sử Cát Tiên.

A - MẢNH ĐẤT KIÊN CƯỜNG

" Huyền Thoại Cát Tiên "

I/- ĐẶC ĐIỂM :

Vùng đất Cát Tiên nằm phía cực Tây tỉnh Lâm Đồng. Tả ngan, hạ lưu sông Đồng Nai. Tây giáp Bình Phước, Bù Đăng, Đồng Xoài; Tây Nam giáp Đồng Nai, Nam giáp ĐạTẻh, Bắc giáp Bảo Lâm . . .

Trước năm 1975, dải đất Cát Tiên nằm trong địa bàn huyện B'Lao, sau năm 1975 Cát Tiên nằm trong địa bàn huyện ĐạHoai . Riêng xã Đồng Nai cuối năm 1962, tỉnh Lâm Đồng cắt cho T10 làm khu căn cứ của khu 10 và khu 6. Khi khu 10 giải thể giao khu Cát Tiên (xã Đồng Nai) làm căn cứ cho tỉnh Phước Long, xã Đồng Nai nằm trong sự quản lý hành chính của huyện Bù Đăng. Năm 1986 chủ tịch HĐBT quyết định giao lại xã Đồng Nai cho Lâm Đồng quản lý, Lâm Đồng thống nhất giao nhập xã Đồng Nai vào huyện ĐạHuoai, khi đó chia huyện ĐạHuoai thành 3 huyện : ĐạHuoai, ĐạTẻh, Cát Tiên theo địa giới và đơn vị hành chính như hiện nay vào cuối năm 1986... và chính thức thành lập huyện Cát Tiên vào năm 1987...

Trên địa bàn Cát Tiên những năm còn Sông Bé quản lý (nay là Bình Phước) nơi đây duy nhất có một

xã dân tộc (5 thôn) và đơn vị lực lượng vũ trang làm kinh tế, anh em bộ đội có đưa một số dân kinh tế từ nơi khác đến, nhưng chưa hình thành xã mà chỉ có đơn vị bộ đội quản lý, biệt hiệu là C500 và C600.

Thời thực dân Pháp đô hộ và phong kiến triều Nguyễn cai trị, vẫn chưa chinh phục và thống trị nổi vùng này (Bản đồ Đồng Nai Thượng trước năm 1945 vùng Pháp quản lý) khu này còn là mảnh giấy trắng không có tên xóm, tên làng mà ghi trọn cái tên " Mạ Đạ Đờng". Tháng 8/1945 cũng chưa phát triển chính quyền cách mạng đến vùng này . Đến cuối năm 1949 ban Cán sự cực Nam Trung Bộ quyết định thành lập đội vũ trang tuyên truyền Nam B'Lao gồm 21 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Tấn Phước (đồng chí Phước hiện nay về hưu còn sống ở B'Lao) làm đội trưởng, đồng chí Lại Văn Kiềm làm chính trị viên, đồng chí Thiên[1] làm đội phó, từ bàn đạp Tây Nam Bình Thuận (từ căn cứ Núi Ông Bầu Ốc, Nha Tron) tiến lên phía Man Tố, Bờ Gia, Bờ Xa sang Tây đèo B'Lao, tiến vào thung lũng Tân Gia Rang, Đạ Mơ Ri, Bù Khiêu, Bù Go v.v... Theo anh em kể lại, trong vòng 4 tháng, anh em đã phát triển trên hành lang từ đường 20 đến vùng Bù Khiêu, Bù Go là 16 buôn và anh em đã bắt liên lạc được phòng quốc dân thiểu số miền Đông Nam Bộ, mà lúc bấy giờ gọi là chiến khu D miền Đông nam bộ. Nối liên lạc được bên Tây sông Đạ Đờng do đội anh Nguyễn Văn Nghệ chỉ huy (anh

(1) Thiên đã hy sinh.

ba Nghệ sau này tôi có gặp). Trong vòng 4 tháng mà đội vũ trang tuyên truyền đã phát triển phiá Bắc đường 20 dọc hữu ngạn hạ lưu sông Đạ Đờng, đến địa bàn Cát Tiên ngày nay. Đội vũ trang tuyên truyền đã tổ chức cơ sở ban đầu, chỉ định chính quyền cách mạng sơ khai cho 16 buôn, anh em đi đến đâu tập hợp quần chúng, tổ chức dân quân du kích thôn buôn đến đó. Nhưng sự hoạt động táo bạo của ta cũng đã báo động cho địch, trong lúc cơ sở cách mạng chưa có chiều sâu, điều đó là nguyên nhân địch phát hiện, tổ chức đánh đội công tác của ta, tổn thất nặng. Đó là kinh nghiệm xương máu ... Sau thời gian công tác 4 tháng, khi rút về nam đường 20 để báo cáo, địch theo dõi phát hiện quy luật hoạt động của ta, trên đường rút về, chúng tổ chức lực lượng phục kích đánh dọc đường. Chúng đã diệt và làm bị thương, bắt sống hết 21 đồng chí, không còn ai bám lại dân, nên đứt liên lạc trong quần chúng, và cấp trên cũng không nắm được tình hình, nên vùng này cũng trở lại là vùng trắng .

Theo đồng chí Phước đội trưởng kể lại trong lúc bị địch tập kích trên đường, chỉ còn sống sót 2 đồng chí trong đó có đồng chí Phước, cắt rừng tránh địch. Chúng cũng theo dõi bám sát, nhân lúc ngủ mê, chúng đến bắt sống không kịp trở tay . Sau này gặp một số Già làng và cơ sở cũ kể lại trong cuốn dự thảo lịch sử chống Pháp năm 1945 đến 1954 đã có ghi lời khai các cụ K'Rền, K'Rhin, K'Bin, ở vùng này đã có nói rõ, từ trang 125 đến trang 127 .

Tóm lại, từ năm 1886 ngày Pháp đô hộ đến năm 1954, thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược và bù nhìn tay sai phong kiến (Bảo Đại) cũng như Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời từ 1945 đến năm 1954, cả địch và ta chưa phát triển được chính quyền ở vùng này . Đây là đặc điểm nổi bật trong truyền thống chống thực dân, phong kiến của đồng bào Mạ Đạ Đờng, nay là địa bàn huyện Cát Tiên ta. Trong quá trình viết cuốn sử đồng bào Mạ của huyện Cát Tiên, nên đi sâu làm rõ chỗ này. Nó có quan hệ với phong trào Ma Trăng Lơn đánh Pháp ở vùng Ba biên giới, Nam Tây Nguyên với ý chí quật cường của dân tộc Mạ .

II/- CÁT TIÊN TRONG CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ :

1)- Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến năm 1954 :

Lực lượng vũ trang cách mạng Lâm Đồng vừa đặt chân đến vùng này cuối năm 1949 đầu năm 1950, khi rút về phía Nam, trên đường bị đánh đã nói trên, không kịp tổ chức trở lại, thì giữa ta và Pháp đã ký kết Hiệp định Giơ-Ne-Vơ, chấm dứt chiến tranh năm 1954, vùng Cát Tiên xem như vùng trắng, chính quyền thực dân Pháp và bè lũ bù nhìn Bảo Đại cũng không lập được bộ máy cai trị ở đây. Còn lực lượng cách mạng của ta cũng chẳng còn ai bám được vùng này .

Mãi đến năm 1959, chuẩn bị kế hoạch triển khai Nghị quyết 15 của TW Đảng khóa III, Xứ ủy Nam bộ do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư, đã quyết định tổ chức đội vũ trang tuyên truyền gồm 18 đồng chí, lấy từ 2 tiểu đội của đơn vị C59 điều sang, do đồng chí Hai Hồng Sơn làm đội trưởng với lực lượng ban đầu 18 đồng chí, lấy phiên hiệu là C200, làm lễ xuất quân giao nhiệm vụ vào cuối tháng 7/1959 tại đồi Bằng Lăng, buôn Bù Cháp. Trực tiếp giao nhiệm vụ cho đội là đồng chí Tám Xuyến tức là ông Tám Dênh Dênh (hay là ông Năm Xuân) thay mặt Xứ ủy Nam kỳ, phụ trách quân sự lúc bấy giờ anh đã chỉ thị: "C200 có trách nhiệm xoi đường phát triển hành lang đi ngược sông Đạ Đồng để nối liên lạc với lực lượng khu 5" (Nam ĐakLak, Bắc Lâm Đồng) làm tiếp nhiệm vụ của đội vũ trang tuyện truyền tỉnh Thủ Biên năm trước chưa hoàn thành. Mở cho được phong trào ở vùng dân tộc Mạ Sa Tiêng làm bàn đạp đứng chân, chuẩn bị điều kiện tiếp nhận lực lượng hậu phương miền Bắc chi viện cho cách mạng Nam Bộ, thống nhất sự lãnh đạo Bắc Nam, thành lập mặt trận đoàn kết dân tộc thống nhất tổ chức TW cục Miền Nam, khi con đường hành lang chiến lược Bắc Nam nối thông với đoàn B90 từ miền Bắc vào khu 5 và Nam bộ.

2)- Quý III năm 1959 đơn vị C200 từ bàn đạp chiến khu Đ (Mã Đà) ra đi:

Khi anh em tiến qua sông, liên lạc được với đồng bào Bù Cháp, Bù Khiêu, Bù Go, xây dựng căn cứ đứng chân, tổ chức cơ sở sản xuất tự túc, đồng thời xoi mở phát triển lên vùng Bù Xa Lu Xiêng, Xa Nia, Đinh Xiết để liên lạc với đoàn đồng chí Ba Thọ vào (đoàn B90) như lịch sử nối hành lang Nam Bắc trên đất Lâm Đồng đã tường thuật rõ (xem Lịch sử giao thông bưu điện Lâm Đồng và Tây) Nguyên.

3)- Quá trình từ tháng 7/1959 đến 12/1961 :

Lực lượng C200 được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam kỳ và sau đó là TW Cục Miền Nam, đã đưa lực lượng thanh niên của các tỉnh miền Nam (Phần lớn là dân Tây Ninh, Củ Chi, Bến Tre, Long An) lên địa bàn C200 tổ chức sản xuất xây dựng căn cứ địa.

Tháng 1/1962 tôi đến Cát Tiên dự họp Tỉnh ủy Lâm Đồng, thống nhất với C200, vùng địa bàn Cát Tiên có đến 16 trung đội sản xuất, mỗi trung đội có từ 25 đến 40 cán bộ chiến sĩ và Bộ chỉ huy của C200 lúc đó có qui mô, hàng trăm đồng chí . ([1])

Khi thành lập tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh ủy lấy lực lượng C200 hình thành đơn vị tập trung của tỉnh,

---

([1]) B 1 đ/c Trần Tấn Công B trưởng, B2 đ/c Tám Cẩm B trưởng, B 3 đ/c Sắc B trưởng, B4 không có, B 5 đ/c Chiến B trưởng, B6 đ/c Thanh B trưởng, B7 không có, B8 đ/c Trọng B trưởng, B9 đ/c Thắng B trưởng, B10 đ/c Xuân B trưởng, B11 đ/c Hoàng, B12 đ/c Cao Hoàng Thiên B trưởng, B13 đ/c Cược B trưởng, B14 đ/c Xuân Btrưởng, B15-16-17, 18 không có, B19 đ/c Ba Kim Btrưởng.

tổ chức thành C1,C2 và các đội sản xuất được biên chế lại. Cơ quan C200 cùng phương tiện điện đài của đơn vị được TW Cục giao cho Tỉnh, để đóng cơ quan và làm phương tiện liên lạc chỉ đạo ngay trên địa bàn tỉnh. C200 đã tổ chức sẵn bộ khung phục vụ chỉ đạo cho tỉnh. Theo tôi nhận thức, đây là một thuận lợi vô cùng quan trọng, trong lịch sử Đảng bộ Lâm Đồng đã nêu rất rõ vấn đề này. Nếu tôi nhớ con số không lầm thì khi tỉnh tiếp thu đơn vị C200 là một đơn vị hoàn chỉnh, với lực lượng trên 400 cán bộ chiến sĩ, đa số là lực lượng thanh niên xung phong từ đồng bằng lên. TW Cục quyết định bổ sung anh Tư Nguyện là thường vụ Tỉnh ủy, (Chính trị viên đơn vị C200) và anh Hai Hồng Sơn là chỉ huy trưởng C200 phụ trách phó ban quân sự, anh Năm Dũng tức là Năm Nam làm trưởng ban quân sự

Sau khi con đường hành lang thống nhất Nam Bắc nối thông ngày 30/11/1960, liền sau đó, liên tiếp nhận các đoàn quân sự và các cán bộ cao cấp đi qua trên đường C200 được đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men cho các đoàn trên đường về R là dựa vào C200.

4)- Tỉnh Lâm Đồng thống nhất giữa ban cán sự B7 và C200 :

Hình thành Tỉnh ủy đầu tiên hợp nhất cơ quan C200, đồng chí Phạm Thuần làm Bí thư Tỉnh ủy, cuộc họp ấy cũng quyết định lấy địa bàn Cát Tiên (C200)

làm chỗ đứng chỉ đạo cho toàn tỉnh. Tôi còn nhớ lúc bấy giờ, mạn phía Bắc đường 20 gồm có đơn vị C200 và các xã: 1 + 2 + 3 + 4 + 7 hình thành K1 và 3 xã vùng ba. Mãn phía Nam, gồm T29 (tức là thị xã) K3 tức là huyện Di Linh, K4 là huyện Đạ Huoai ngày nay. Thành lập phân ban T14, chỉ đạo các đơn vị phía Nam đường 20, khi Lâm Đồng mới thành lập, và lúc đó vẫn trực thuộc chỉ đạo của R) .

Năm 1962, TW quyết định thành lập khu 10, khu Cát Tiên là căn cứ đứng chân trực tiếp của khu 10, sau khi khu 10 giải thể, thì đất Cát Tiên không giao lại cho Lâm Đồng, mà Cát Tiên là một xã (tức là xã Đồng Nai) trực thuộc quận Bù Đăng căn cứ địa tỉnh Phước Long. Trong thời gian này gần 3000 dân Cát Tiên đã đóng góp cho Cách mạng nhiều công sức cho cuộc kháng chiến chống Mỹ trong giai đoạn khó khăn ác liệt nhất, được Đảng và MTGPDT Miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu xã anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (Xã Đồng Nai gồm thôn 3 + 4 + 5 hiện nay). Sau giải phóng 1975, cuộc bầu cử Quốc Hội khóa 6, xã Đồng Nai có một đại biểu quốc hội nữ là chị Kơ Lôi (hiện nay sống ở thôn Năm Cát Tiên).

Nổi bật trong thành tích chiến đấu của đồng bào Mạ ở địa bàn Cát Tiên trong kháng chiến chống Mỹ, nhất là thời gian phục vụ cho các chiến dịch giải phóng Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Long gần như 100% lao động chính, luôn có mặt trên chiến trường. Cần nắm lại các già làng, làm rõ thêm về truyền

thống đấu tranh bất khuất, của đồng bào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1960 đến 1975, để đưa vào nội dung cuốn sách này thật rõ .

5)- Bàn cụ thể thêm :

Địa danh bãi Cát Tiên có từ bao giờ ? Cát Tiên xuất phát từ trên đường hành lang chiến lược đi từ Bắc vào Nam, mở đầu trong những năm 1960 đến 1965, đi từ Bù Sa Lu Xiêng đến Bù Run, Bù Go, Bù Khiêu có qua cánh đồng (Gia Viên Tiên Hoàng hiện nay). Cánh đồng này mùa mưa nước ngập mênh mông, chỉ còn cồn cát nổi lên, giữa đồng nước, may ra để làm chỗ nghỉ chân cho các đoàn khách. Trong lúc lội nước mệt mỏi, lại gặp bãi cát trắng sạch đẹp rất nên thơ, lại vừa đúng lúc nghỉ ăn trưa ở đó ... trong đoàn đi đầu tiên có đồng chí cán bộ cao cấp nào đó ngồi nghỉ. Người tấm tắc khen đẹp và nói cho vui rằng : Có thể nơi đây ngày xưa là động tiên đến chơi đó ... các cô các chú ạ ! sau này tôi được anh em giao liên hồi ấy kể lại, người khách quý ấy đã cho 4 câu thơ trong lúc nghỉ ăn cơm trưa ở đó ...

" Giữa đồng nước rộng mênh mông .
Nổi mô cát vừa trắng lại vừa hồng
Đây là động " Tôn Ngộ Không"
Hay bãi Cát Tiên nằm giữa biển Đông" .

Và từ đó cái tên bãi Cát Tiên đã trở thành địa danh lịch sử xuất phát từ đó.

Khi vùng đất bãi Cát Tiên đã trở thành xã Đồng Nai, thuộc quận Bù Đăng, Bình Phước, vẫn còn mang địa danh Cát Tiên. Tuy có tên là xã Đồng Nai, nhưng trong truyền miệng dân gian vẫn gọi là xã Đồng Nai - Cát Tiên. Như vậy cái tên Cát Tiên đã đi vào lòng dân trở thành cuộc sống thực tế trong lịch sử, địa danh vùng sơn cước này .

Đến năm 1986 theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ, giao xã Đồng Nai trở lại cho Lâm Đồng, và tháng 6/1986 tỉnh Lâm Đồng tách huyện Đạ Huoai thành 3 huyện : Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên. Huyện Cát Tiên thực chất lấy vùng đất Cát Tiên (xã Đồng Nai) vùng kinh tế mới huyện Đạ Huoai (tức huyện ĐạTẻh hiện nay) hình thành huyện mới, lấy tên là huyện Cát Tiên, được HĐBT phê duyệt theo quyết định số ... Huyện cát Tiên chính thức hình thành từ đó, cái tên truyền thống của nó được Nhà nước đưa vào bản đồ quốc gia với cái tên Cát Tiên từ đầu năm 1987 .

Diện tích đất đai tự nhiên của Cát Tiên lúc đầu là 39.406 ha trong đó có khoảng 8.000 ha đất nông nghiệp (đất bằng) Dân số lúc đầu khoảng 7.000 người, trong đó có hơn 2.000 dân tộc, theo thống kê năm 1990 đã tăng lên đến 30.406 người chủ yếu là dân kinh tế mới ở các tỉnh Quãng Ngãi, Bình Định, Hà Nam, Ninh Bình và một số ít dân Vĩnh Phú chuyển vào, đến nay gần 40.000 người .

Huyện Cát Tiên là huyện dân kinh tế mới của nhiều tỉnh vào, mỗi tỉnh hoặc mỗi huyện hình thành một xã, lấy tên truyền thống của địa phương đưa đi, nhằm động viên đoàn kết, phát huy truyền thống quê hương cũ, xây dựng quê hương mới ...

Đó là ý đồ chỉ đạo của tỉnh, nay xin nhắc lại, để huyện ghi nhớ ý này, mà phát động thi đua, xã thi đua với xã, thôn thi đua với thôn, về lòng tự hào, tự trọng ở quê hương cũ mà quyết tâm đóng góp xây dựng sự nghiệp mới trên quê hương mới.

6)- Cát Tiên còn mang một địa danh là khu di tích lịch sử có tầm vóc quốc gia :

Theo tài liệu khảo cổ học phát hiện ban đầu nơi Cát Tiên có quần thể kiến trúc từ thời thế kỷ thứ VIII, thứ IX. Khu di tích này mới khám phá, nhưng người ta có sự so sánh quần thể Ốc Eo (An Giang) đã từng là một kinh đô của Vương quốc Phù Nam nó đã tồn tại từ thế kỉ thứ nhất đến thế kỉ thứ VII ở miền Tây Nam Bộ, hay như di tích ở Mỹ Sơn, Quảng Nam đã từng một thời của Vương Quốc Champa (Chiêm Thành) đã có từ thế kỉ thứ nhất, đến thế kỉ thứ VIII v.v... Một so sánh nêu trên nó có ý nghĩa tầm vóc và quy mô lớn... Trong trạng thái hoang tàn đổ nát của một vùng kiến trúc quá khứ, cách đây trên ngàn năm lịch sử của dấu tích nguồn gốc và sự sống văn minh của một bộ tộc người cổ nào đó đã có mặt từ thời xa xưa ở vùng này mà có thể là dân Mạ...

Mấy năm qua công trình khảo cỗ ở vùng này, bước đầu đã khôi phục diện mạo các khu đền đài, tháp cũ nằm sâu trong đất, nó phản ảnh sức mạnh cả hệ thống thần quyền và vương quyền của một chế độ bộ tộc nào đó, với trình độ văn hóa xa xưa ..... có thể là bộ tộc Mạ Mơ Nông chăng ? Công trình quy mô rộng lớn kéo dài gần 500 năm sau Công nguyên nằm ở đất này.

Tuy nhiên những kiến trúc này, với những kiến giải của một số nhà khoa học còn ở dạng giả thuyết, bởi chúng ta chỉ mới bóc tách một mảng nhỏ trên một quy mô - có dấu tích trên chiều dài hơn 15 cây số, trong thung lũng nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai (có thể ở phía hữu ngạn nằm ở phía Đồng Nai, Bình Phước có còn di tích gì nữa không, tuy chưa phát hiện nhưng có thể có ... ?) Theo sự phán đoán của vùng này thuộc đất người Mạ thổ dân, cư trú và tồn tại lâu đời cần tiếp tục nghiên cứu. Cũng có thể đây là một bộ phận dấu tích của Vương Quốc Phù Nam, hay nơi đây là hậu duệ của Vương Quốc Phù Nam, với một bộ phận ly khai nào đó, họ bị đẩy lùi dần trong quá trình đấu tranh sinh tồn của lịch sử, với một bộ tộc nào đó trong biến cố thời cuộc đối với Tổ quốc mình. Họ phải lui về đây xây dựng thế đứng, để đấu tránh bảo vệ và bảo tồn, họ đã liên hiệp với dân tộc Mạ để tồn tại tổ quốc mình. v .v ... Còn nhiều việc cần phải làm rõ, đương nằm sâu trong lòng đất và còn đang ở đằng trước mà chính quyền địa phương cùng với

ngành Văn hóa thông tin và các nhà khoa học khảo cổ, phải có sự đầu tư và phải đầu tư sớm để có kết luận, giải đáp tương đối chính xác nó là cái gì của người xưa để lại thuộc thế hệ nào? Dân tộc nào? Các thế hệ kế thừa truyền thống văn hóa vùng này còn lại chính thống, ai là chủ nhân của nó ? Di tích này có ý nghĩa gì trong lịch sử đất nước ta, địa phương Lâm Đồng ta, để có cái nhìn thật đầy đủ, có trách nhiệm phát hiện đến đâu trùng tu di tích, tôn tạo nâng cấp đến đó? Ngày nay Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể nhân dân huyện Cát Tiên là chủ nhân của di tích, phải xác định đầy đủ trách nhiệm và có sự nỗ lực cố gắng không ngừng, ra sức bảo vệ phát triển, tôn tạo, phát huy giá trị trong truyền thống lịch sử quý giá của địa phương, góp phần xây dựng truyền thống văn hóa của Lâm Đồng và đất nước Việt Nam anh hùng.

III/- MẢNH ĐẤT CÁT TIÊN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

GIẢI PHÓNG DÂN TỘC LÀ MỘT TRANG HUYỀN THOẠI :

Vùng đất Cát Tiên nằm tận cùng-cực Nam dãy Trường Sơn, được bảo vệ bởi con sông Đồng Nai bao bọc, mà thượng nguồn của nó xuất phát từ các con sông nhỏ như : Đạ Đờng, ĐaRơTé, Đa Nhim ... đổ dồn cánh đồng Cát Tiên gần 5.000 ha đất bằng làm nông

nghiệp, trải dọc theo chân dãy núi Lộc Bắc (Cao nguyên B'Lao).

Hàng năm 4 tháng mưa lụt nước đổ dồn trên cao xuống, bồi tụ phù sa từ thượng nguồn đưa về trên dòng sông tự nhiên, trời đất đã hình thành 3 thác ngăn chặn lớn nhỏ, có tác dụng lắng đọng chất màu. Các triền núi cao đưa xuống, bồi đắp hai bên bờ sông gần 40 cây số chiều dài trên địa bàn Cát Tiên và hình thành các thung lũng dọc chân núi rất màu mỡ.

Trước ngày Lâm Đồng và miền Nam được giải phóng thì nơi đây là cánh rừng già có nhiều loại gỗ quý như : Sơn huyết, Sao, Thao lao, Kiền kiền, trâm xe, trâm nước, gõ dày đặc. Đây là quê hương của loài tê giác, voi, bò tót, hươu nai .v.v... Nhưng nay thì chỉ còn lại một ít, trong chúng ta ai cũng biết. Chính phủ đã có quyết định khoanh khu rừng tự nhiên ở Cát Tiên nằm trong khu vực rừng cấm quốc gia Nam Cát Tiên, mà phía tả ngạn sông Đồng Nai là rừng Lộc Cát. Trên 5.000 ha đất bằng Cát Tiên còn có nhiều bầu nước nằm trong các Tiểu khu vực, trong mỗi xã như : Bầu Sấu, Bầu Sen, Bầu Cá .v.v...

Ngày xưa ông cha ta tìm nơi lập nghiệp chọn lấy địa thế *" Thượng gia hạ điền"*, còn đồng bào Mạ chọn nơi đây, với địa thế, trên núi, dưới ruộng. Bao bọc chung quanh là sông nước, là một địa thế thiên thời địa lợi ... Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, lực lượng cách mạng chọn Cát Tiên làm căn cứ, là chọn

một địa thế tối ưu, đúng như đã có thầy địa lý đến nơi này, đã nói với tôi rằng : Địa thế Cát Tiên có hình tượng là : *" Trường sơn hoành tráng kiến hảo điền", "Đồng Nai tạo lập ngũ long quy"* [1] (nghĩa là : dãy Trường sơn đẹp như hoành tráng, đứng cuối dãy Trường sơn nhìn xem đồng ruộng tốt).

Cảnh đẹp ấy, lại có dòng sông Đồng Nai tạo thêm cảnh đẹp càng thêm đẹp, như 5 con Rồng tụ họp lại ...

Năm con Rồng ấy thể hiện : sông Đồng Nai là hạ lưu của 4 nhánh nhỏ (Sông ĐaRơTé, sông Đạ Lao, sông Đạ Đờng, sông Đa Nhim) chảy dồn lại, bao bọc dãy đất Cát Tiên .v.v...

Thực tế con sông Đồng Nai đã hình thành phòng tuyến bao bọc cuối dãy Trường Sơn, tạo nên thế trận; hình thành phòng tuyến chiến đấu khi có chiến tranh, là nguồn thủy năng phục vụ cho sự nghiệp thủy điện, thủy lợi hóa phát triển cho toàn vùng.

" Rừng che Bộ đội, rừng vây quân thù"

Câu thơ trên của Tố Hữu, nhà thơ lớn đã xác định rõ lợi thế của núi rừng, giúp ta trong 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước có tầm chiến lược ... tinh thần ấy thể hiện trên lãnh địa Cát Tiên của người xưa, của dân tộc Mạ sống lâu đời, và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đơn vị C.200 đến lập căn cứ địa ở vùng này, trong những

ngày khó khăn nhất, để tồn tại và làm chỗ đứng để phát triển ... Buổi ban đầu Tỉnh ủy Lâm Đồng mới thành lập cũng lấy địa bàn Cát Tiên và căn cứ C.200 làm chỗ đứng chỉ đạo toàn tỉnh, lực lượng vũ trang khu 10, khu 6, lập chiến công Phước Long, Bình Long, Đồng Xoài, mở hành lang chiến lược và tổ chức hành lang vận tải từ H50 về khu 6 cũng từ địa bàn Cát Tiên, vùng 3 làm chỗ dựa, địch không sao đánh phá nổi, có phải từ điều kiện: thiên thời, địa lợi, nhân hòa, quy tụ ở nơi đây không? Vấn đề này cần tiếp tục làm rõ!

Tôi còn nhớ cuối năm 1962, Mỹ ngụy tổ chức càn quét đánh phá Cát Tiên bằng 2 hướng : Từ Bù Đăng, Bù Đớp đánh sang ... từ Madaguôi, Tà Lài đánh vào. Trên không cho máy bay nhảy dù xuống nương rẫy, bất ngờ úp chụp cơ quan và lực lượng của ta .v.v... Nhưng trên đường hành quân hơn một tuần lễ mà không hợp điểm được, vì cánh Bù Đăng, Bù Đớp thọc xuống không qua nổi sông Đồng Nai – cánh Madagui, Tà Lài vào không qua nổi sông ĐạHuoai, ĐạTẻh vì các phòng tuyến dân quân du kích chặn đánh liên tục trên đường, đến hết lương thực đành đóng quân, yêu cầu không quân chi viện không được, vì trời mù phải tổ chức nhảy dù trực tiếp xuống căn cứ C.200 giữa làng Bù Run, Bù Go, Bù Khiêu thì bị ta đánh, dù rớt trong rừng mun, bị treo trên cây, không xuống được dưới đất, có lúc lọt vào cơ quan hậu cần, chị Sương, chị Nuôi của văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng, tay

không vẫn bắt được lính dù của Mỹ ngụy, ngay từ trong dù ra, chưa kịp hoàn hồn ...

Nhân dân cũng không thể quên được chiến công của K'Wét, là một du kích khu căn cứ Lộc Bắc, đã dùng súng bá đỏ bắn rơi chiếc HU 1A, diệt tên Tướng Giêcoócgi Kêsi, Tư lệnh Sư đoàn kỵ binh bay của Mỹ (nơi này liền với rừng Cát Tiên) và 7 sĩ quan cao cấp trong Bộ tham mưu Sư đoàn kỵ binh bay lừng lẫy chiến công của Mỹ, phải đền tội ngày 07/7/1970, cách Cát Tiên 20 km theo đường chim bay. Tôi cho đây là một chiến công có thể đánh giá có một không hai. Bởi vì 20 năm Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam, Mỹ bị thiệt hại một Trung tướng và một Thiếu tướng ... mà tên Trung tướng ấy lại là Giêcoócgi Kêsi Tư lệnh Sư đoàn kỵ binh bay, người bắn ấy lại là một du kích người Mạ Lộc Bắc hạ bằng cây súng trường CKC. Chỉ có thế núi non hiểm trở và lòng gan dạ của người Mạ mới lập được chiến công này. Theo tôi nghĩ không chỉ có vậy ! mà suốt những năm 1963 đến năm 1967 vùng đất Cát Tiên (cả vùng 3, huyện ĐạTẻh ngày nay) nhân dân Mạ cùng với lực lượng vũ trang đã chiến đấu và chiến thắng, hàng trăm cuộc càn quét của Mỹ ngụy đánh phá căn cứ Cát Tiên. Chúng mở ba sân bay trực thăng đổ quân trên đồi Bù Xa Lu Xiêng, đồi Bù Run, đồi Phê Đê, Bi Cút, chúng lập trận địa pháo, sử dụng trực thăng hoạt động, chỉ điểm phối hợp, khống chế thung lũng Cát Tiên. Chúng đã đổ trên đầu dân Mạ ở đây, hàng trăm tấn

bom đạn và chất độc hóa học, để hủy duyệt cuộc sống. Nhất là sau chiến dịch, quân ta đánh thắng Bù Đốp, Bù Bông, Bù Na, Đồng Xoài, Phước Long.v.v... Nhân dân Cát Tiên vẫn vững vàng theo Đảng cùng Bộ đội (giải phóng quân) bám đất sản xuất, bám rừng để chiến đấu đến cùng, quyết tâm bảo vệ và phát triển căn cứ Cát Tiên, xây dựng cơ quan hành lang chiến lược, phục vụ tiếp tế vận tải khiêng thương, tải đạn phục vụ tiền tuyến, phục vụ sự chỉ đạo và lãnh đạo của tỉnh Lâm Đồng, của khu 10, khu 6 và tỉnh Phước Long là vô điều kiện.

Nên đi sâu sưu tầm những tấm gương hy sinh của dân tộc Mạ, chiến đấu kiên cường dũng cảm với các địa danh cụ thể, con người cụ thể, trên mảnh đất nầy, dân tộc này, mảnh đất Nam Tây Nguyên lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ anh hùng, rất xứng đáng với truyền thống văn hóa xa xưa đã lưu lại, phát triển từ đời này sang đời khác, trên mảnh đất Cát Tiên.

Đất Cát Tiên và rừng Cát Lộc, không ngẫu nhiên mà người xưa chọn nơi đây làm thánh địa rất huy hoàng, mà phần trước tôi đã nêu. Đó là sự lựa chọn rất đúng đắn mà cũng rất khoa học, đảm bảo địa hình quân sự thời xưa là rất cơ động, có điều kiện yểm lực lượng sâu, đảm bảo thế tiến và thủ nhanh chóng bí mật, bất ngờ, vững chắc bởi con sông Đồng Nai, tạo 3 yếu tố: Thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Nếu không phải địa hình này thì không làm sao, dân

vùng 3 và dân Cát Tiên có thể chịu đựng 3 tháng liền, địch dùng hàng ngàn quân, hàng trăm máy bay và chất độc hóa học đổ lên đầu nhân dân Cát Tiên và vùng 3 năm 1963 – 1964 và 1969 – 1970, và cũng không làm sao có chiến công của C745 một C người của dân tộc Mạ, cùng với dân quân du kích xã V, chặn đánh hàng ngàn quân từ Quảng Đức (Nam Đaklak) kéo sang cả bộ binh, xe pháo, trên bến phà Kin Đa, làm cho địch phải bỏ xe pháo tháo chạy bộ, lội qua sông, dân ta đón bắt hàng mấy trăm tên hàng binh trong ngày 24- 25 / 3 / 1975 [1].

Nói đến đây tôi còn nhớ ngày đầu tiên, từ phía nam đường 20 cắt rừng về họp Hội nghị thống nhất tỉnh Lâm Đồng, thành lập Tỉnh ủy trên địa bàn Cát Tiên, tháng 2/1962 giữa cánh rừng mênh mông với đồng lúa Cát Tiên và rẫy mì bạt ngàn, vườn rau đu đủ xanh mướt, vườn chuối trĩu quả, dành cho cán bộ và chiến sỹ trên hành lang qua lại nơi đây được cung cấp bổ sung cho khách. Trưa ngày 3/2/1962, nghỉ họp tôi tranh thủ đến thăm cơ quan hậu cần C200 .... Nói cơ quan hậu cần chứ thực chất là cơ quan sản xuất và chế biến thực phẩm khai thác từ đất Cát Tiên. Đến nơi, anh Nguyện dẫn tôi đến thăm trại chế biến thực phẩm, có hàng trăm thùng bộng chum ché, muối đầy cá và làm nước mắm, hàng ngàn vỉ phơi cá khô, nằm

(1) Địch Quãng Đức bị quân ta tiến công tháo chạy về phía Di Linh bị du kích xã 5 – C745 chận đánh...

san sát ngoài trảng cỏ, và bìa rẫy quanh chân núi đá mài, giống như khi tôi mới vào Bình Thuận đến nghỉ ở Bình Thiện và vùng triền, có trại chế biến hải sản của ngư dân Bình Thuận, lập trại chế biến hải sản ở khu Lê, trong những năm kháng chiến chống Pháp. Lúc đó thì còn một đống cá hơn 1 tấn mới đem về nhưng không còn muối để chế biến đành để đó .... anh Tư Nguyện nghe báo cáo, ra lệnh đem thả lại trong suối, số còn sống, chọn cá lóc, cá trê lớn đem rộng trong mái một ít để ăn, số chết đem chôn v.v... Chính tôi mắt thấy tai nghe, thật tiếc! Nếu không phải núi rừng Cát Tiên thì làm sao có cơ sở vật chất này để nuôi sống 400 – 500 quân của C 200, và làm sao cung cấp nổi khách hành lang trên đường qua lại hàng ngàn người mỗi tháng con đường Bắc Nam sau Nghị quyết 15 của BCH Trung ương Đảng, theo mệnh lệnh chi viện lực lượng cho miền Nam, trong lúc đường hành trang dọc biên giới chưa thông, và từ năm 1962 trở đi cung cấp thêm cho cơ quan Tỉnh ủy Lâm Đồng, cho khu 10, khu 6 ..v..v..

Nói về truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất trên địa danh Cát Tiên thì không thể không nói lịch sử đấu tranh kiên cường của dân tộc Mạ Đạ Đờng (Cát Tiên). Nói Cát Tiên không thể không nói đến cuộc chiến đấu xây dựng hy sinh gian khổ của lực lượng C200 trong những năm 1959 – 1960 – 1961 trên mảnh đất này.

Có thể nói dân Mạ Đạ Đờn-Cát Tiên đã có nền văn hóa lâu đời, có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống xâm lược để bảo tồn và phát huy dân tộc. Chúng ta cần đi sâu phát hiện các di tích lịch sử hiện có, tìm hiểu thêm quá khứ để đảm bảo lòng tin, động viên cho sự nghiệp hiện tại và tương lai. Riêng tôi là người có mặt trên khu đất Lâm Đồng nay gần nửa thế kỷ (từ năm 1950 đến nay) là người chứng kiến lịch sử thấy rằng dân tộc Mạ có nghề dệt thổ cẩm độc đáo lâu đời với nghệ thuật hoa văn không kém người Chăm và các dân tộc khác như Tố La, La Dạ, Kờho, Chu Ru Từ xưa họ cũng có nghề làm gốm, làm gạch, viên gạch của họ đến nay đã có ngàn năm, nằm sâu lòng đất, khảo cổ khui lên, vẫn rắn chắc tươi đẹp so với gạch Tuynen ngày nay chưa chắc đã kém. Những bài ca điệu múa với nhạc cụ còng chiên, đàn đá phát hiện ở Lộc Bắc năm xưa là của dân tộc Mạ, ta có khuyết điểm là chưa có kế hoạch sưu tầm và phát triển nền văn hóa dân tộc Mạ. Cần đặt vấn đề sưu tầm hồi phục đừng để mai một là sai lầm.

Nói về cuộc đấu tranh của dân tộc Mạ Đạ Đờng chống phong kiến, chống thực dân xâm lược pháp, có sự gắn bó với phong trào người Mạ Mơ Nông ở Nam Tây Nguyên là cuộc khởi nghĩa của Ma Đrăn Lơn là lãnh tụ người Mạ ở ba biên giới, cũng có quan hệ với cuộc nổi dậy của dân tộc Chu Ro Đông Nam bộ trước cách mạng tháng 8 năm 1945. Tôi đã được một số cụ lão thành kể chuyện về người Mạ ở vùng Cát Tiên và

Lộc Bắc: Năm 1910 đến năm 1935 tất cả các buôn người Mạ và Mơ Nông Sa Tiên phía Cát Tiên và Lộc Bắc đều tổ chức đâm trâu lấy máu ăn thề, đồng lòng đoàn kết nổi dậy đánh Pháp theo lời kêu gọi của Madrăng Lơng, tất cả thanh niên nam nữ đều trang bị dao con, mã tấu, thanh niên nam trang bị thêm ná tẩm thuốc độc mang trên vai, cây mác cầm trên tay, thấy Tây đi trên đường là phục kích đâm chém bắn bỏ. Trường hợp nó đến làng thì con gái tìm cách phục rượu say, con trai dùng dây, dao, mác trói giết, khiêng thả trôi sông, sau đó đốt xóm bỏ đi tìm chỗ ở mới ... quyết không để Tây bắt trả thù.

Ngày tôi mới vào vùng dân tộc, Chi bộ phân công tôi tranh thủ cùng ăn cùng ở cùng làm với bác Hội Nanh (ông vốn là lý trưởng cũ thời Pháp) khi cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, ông được dân cử làm Chủ tịch mặt trận đoàn kết đánh Tây ở tổng, ông là cha đẻ của Hải Ninh Giang). Khi tôi ở với ông, nghe ông kể chuyện về dân tộc Mạ ... ông cho rằng dân tộc Mạ dữ dằn lắm ...” Nó kiên quyết chống Pháp”, nó “ tổ chức giết Pháp lấy máu ăn thề” ...Vùng người Mạ ơ, từ trước đến nay chưa có chế độ nào nắm được họ. Ai vào làng Mạ thì phải là người “Nó” quen “Nó” tin, thì khi đến “Nó” mới tiếp, bằng không mà đến thì cả làng bỏ chạy, báo động cả vùng. Anh muốn đến Mạ thì phải học nói tiếng Mạ và phải tìm người quen với Mạ, dẫn anh đi, và người đó phải đi hợp pháp trước, để làm quen, sau mới dẫn anh đến, bằng

không làm như thế, mà anh đến đột ngột, nó tìm cách giết anh vì họ sợ anh làm hai mặt, nói hai lời, ở hai bụng, khi anh đến biết chỗ rồi sẽ dẫn Pháp đến bắn giết họ. Ông còn nói, ở vùng Mạ có giống cây " mật mài" độc lắm, lá nó cứng như thép, nhọn và bén như dao, đi mà vô ý đụng phải nó cắt chảy máu, chất độc thấm vào, là chết lăn quay, không sao cứu chữa được. Vùng Mạ ít ai dám đến, anh đừng đi liều.

Câu chuyện của bác Hội Ṇanh, làm tôi suy nghĩ mãi ... Có thể ông sợ tôi phân công ông đi liên lạc, phát triển cơ sở người Mạ, Bác nói để tôi sợ đừng đi, nhưng tôi hỏi anh Ma Hương, cụ Măn Xăng cũng đều nói thế ! Giờ đây nghĩ ra không phải vậy. Người dân Mạ bản chất tốt, chân thật hiền lành, yêu quê hương tha thiết. Nhưng câu chuyện thần thoại dân gian tung ra đối với vùng này, là để gieo tâm lý dao động trong hàng ngũ thực dân Pháp và bọn tay sai cầm quyền của chế độ cũ, để chúng không dám đến vùng này, lập ách thống trị, chứ thực tế không phải vậy.

Khi phát triển qua bắc đường 20, gặp bác Ma Bu kể lại thời Pháp cai trị tỉnh Đồng Nai Thượng, đối với vùng Mạ là nó không dám đến buôn làng, mà danh nghĩa nắm dân, thông qua tộc trưởng làm đại diện, nhận chức tổng lý ban tá, và những người ấy luôn luôn có mặt ở ConKun (tức là B'Lao hiện nay) để quan hệ với Pháp. Họ ra điều kiện là : việc kiểm soát dân, thông qua họ chứ người Pháp không được trực tiếp dân, vì dân thấy người Pháp là sợ bỏ chạy

trốn vào rừng, không thể tìm được, và dân không nghe được tiếng Pháp .v.v cho nên suốt thời kỳ Pháp đô hộ chúng vẫn chưa kiểm soát được dân Mạ vùng này. Bác Hội Nanh còn dặn tôi : Khi nào "ông" muốn đi vùng Mạ Đạ Đờn, sẽ tìm cho "ông" một người quen với dân Mạ, nhờ họ thăm dò trước, tìm người tốt làm quen đôi lần, rồi tìm cách dẫn họ đến đây chơi, cho gặp anh để anh giáo dục cho họ biết về cách mạng, để họ về nói chuyện lần với dân, rồi ta mới tìm cách đến, thì mới an toàn, dân không còn sợ tà, và giữ được bí mật, không ai báo cho địch biết, thì mới bảo vệ việc đi lại của ta, chứ anh đi đột ngột là nguy hiểm, như thời đội anh Phước lên trên đó đã không thành công, vì các anh không có cách gần gũi họ...

Những điều bác Hội Nanh, bác Man Xăng, bác Ma Bu và anh Ma Hương trao đổi với tôi gần 50 năm rồi ... Nay nghĩ lại và nghiên cứu thêm trong thực tế dân Mạ, thì không có những điều huyền thoại như các cụ đã kể ... Nhưng dân tộc Mạ (cả Mơ Nông Sa Tiên) của Nam Tây Nguyên nói chung và Mạ ở Lâm Đồng (Cát Tiên, Lộc Bắc, Đinh Trang Thượng.v.v...) nói riêng, họ có một lịch sử oai hùng của truyền thống chống ngoại xâm, chống ách thống trị của thực dân Pháp... Phong trào nổi dậy khởi nghĩa đánh Pháp của lãnh tụ Matđrăn Lơng, là phong trào tiêu biểu của người Mạ Nam Tây Nguyên. MađrănLơng, đã phát động người Mạ nổi lên chống Pháp, cả một vùng rộng lớn từ nam Đắklăk đến Đồng Nai Thượng, giáp

Đông Nam Bộ, tổ chức tập kích đồn Bumêra ở Bunor (Bu Bông) diệt tên "Hăn rimet" cướp súng giặc để đánh giặc... Phong trào nổi dậy đánh Pháp của người Mạ Nam Tây Nguyên, kéo dài từ năm 1912 đến năm 1935 (23 năm) giặc Pháp mới chinh phục nổi vùng Ma, nhưng vùng Cát Tiên vẫn chưa đến được..

Theo quyển : " khu năm, – 30 năm chiến tranh và giải phóng"

Tập I : Kháng chiến chống Pháp đoạn từ trang 22 + 23 của Bộ Tư lệnh khu 5 xuất bản năm 1986, trong đó có ghi lời MađrăngLơng ra hiệu triệu đánh Pháp, truyền tụng trong lòng dân, mà ngày nay một số cụ già làng còn nhớ... lời hiệu triệu với nội dung là :

Dân Mơ Nông ơi ! Vùng lên đi!
Con gái đánh bằng chày giã gạo.
Con trai cầm dao găm, dáo mác.
Tất cả giơ lên như bông lau.
Giết cho được tên HenriMaitre.

(Đây là lời phiên âm từ tiếng Mạ ra tiếng việt).

Những năm đầu 1962 – 1963 tỉnh ủy Lâm Đồng mới thành lập, nơi dừng chân đầu tiên là vùng bãi Cát Tiên, dựa vào cơ sở vật chất căn cứ C200... tôi còn nhớ việc thống nhất nối đường hành lang Bắc Nam vào năm 1960 và 1961, song song với sự hình thành tổ chức chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam,

mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời (20/12/1960) sự hình thành và thống nhất chỉ đạo, tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng là một quá trình chiến đấu gian khổ ác liệt và vô cùng phức tạp nhưng đã vượt qua được là nhờ có sự quyết tâm của ba Đảng bộ Bình Thuận lên Quảng Đức xuống và miền Đông phát triển ra hợp thành, lịch sử ấy có cả đơn vị C.200 và tất cả đồng bào, đồng chí Cát Tiên, có sự đóng góp rất quan trọng, trong đó có bác già Tranh, anh Kơ Bá và nhiều anh chị em thanh niên Cát Tiên mà giờ này kẻ mất người còn. Tôi cho đây là sự đóng góp của cả nhân dân vùng này, là vô cùng quý giá, mà tất cả phải được ghi vào sổ vàng truyền thống xứng danh anh hùng của lực lượng vũ trang trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại, của tổ quốc Việt Nam trong thế kỷ 20, có thể nói : Tháng 8/1961 việc thống nhất hai bộ phận chỉ đạo phong trào Lâm Đồng lần thứ nhất là đội công tác Hoành Sơn từ Bình Thuận Nam đường 20 phát triển lên, cùng với đội công tác B4 từ Quảng Đức phát triển xuống, thống nhất hợp trên địa bàn đầu ngọn sông La Ngà, vùng Mạ Lộc Bắc, dưới sự chủ trì của đồng chí Bùi San (TW UV) nguyên Phó Bí thư khu 5, UV TW cục miền Nam, tuyên bố thành lập B7, tức là tiền thân của tỉnh ủy Lâm Đồng ... , với sự nghiệp ban đầu, trên lưng mỗi đồng chí là cái ba lô, ruột tượng gạo, cái dao găm, quả lưu đạn, cây xà gạt và toàn đơn vị có một ít súng trường, tiểu liên và súng ngắn là không đáng

kể... Ngày dựng lên sự nghiệp của tỉnh lần đầu, diễn ra ngày 31/8/1961 với 6 tấm ni lông đi mưa làm mái nhà hội trường, ngồi bằng sạp tre, trên đầu nguồn sông La Ngà, tổ chức công bố quyết định thành lập B7, cùng nhau thảo luận ra Nghị quyết ban cán sự B7 có ba đồng chí, giơ tay biểu quyết trong phiên họp đầu tiên của tỉnh, hình thành T29, K_3 + K_4 và phát triển phong chèo chính trị sâu vào vùng địch, xác định phương hướng xây dựng củng cố lực lượng du kích chiến tranh căn cứ phía Nam, phía Bắc của tỉnh, chuẩn bị báo cáo phương án cho việc thống nhất giữa B7 và lực lượng C.200, thành lập tỉnh ủy Lâm Đồng khi Trung ương cục có quyết định chính thức .

Ngày thống nhất giữa B7 và C.200 diễn ra tháng 1/1962 trên địa bàn Cát Tiên, căn cứ C.200 với quy mô nghiêm trang của một tổ chức Đảng bộ thống nhất, có cơ sở vật chất gần 500 cán bộ chiến sĩ trong đó có 14 trung đội vừa sản xuất vừa chiến đấu vừa công tác vận động quần chúng, đảm bảo tự túc tự cấp, tiếp tế hậu cần cho đơn vị, và có chỉ tiêu đăng nạp cho tỉnh,... C200 còn có mạng liên lạc đường bộ và phương tiện điện đài tiếp nhận và chuyển đi để đảm bảo sự chỉ đạo thông suốt trên dưới trong buổi ban đầu, phục vụ chỉ đạo của tỉnh về khu, về Trung ương cục Miền Nam và chỉ đạo xuống các huyện là dựa vào mạng lưới vô tuyến điện cũ đơn vị C200. Cảm tưởng của tôi khi về họp cuộc họp tỉnh ủy lần đầu, thống nhất với C200 trên đất Cát Tiên đầu năm

1962, xem nơi đây như nằm mơ giữa ban ngày (như trang huyền thoại của truyện cổ tích), bỗng thấy Cách mạng Miền Nam và Cách mạng tỉnh ta lớn lên như Phù Đổng.

Hơn một năm, cơ quan Tỉnh ủy Lâm Đồng, dựa vào lực lượng C200, và cơ sở vật chất của đơn vị, để làm công tác tổ chức và chỉ đạo phong chèo của tỉnh Lâm Đồng ... sau đó dời xuống vùng ba dần dần chuyển ra Lộc Bắc, áp sát phía trước, để lại địa bàn Cát Tiên và cơ sở vật chất C200 còn lại, cho cơ quan chỉ đạo khu 10, khu 6 và sau này giao cho Phước Long sử dụng làm căn cứ phía sau. Nhưng theo tôi thì bất cứ tình hình nào, đất Cát Tiên thuộc sự chỉ đạo của ai, do yêu cầu của cách mạng Miền Nam lúc bấy giờ...Nhưng bây giờ tình hình vùng đất Cát Tiên và lực lượng C200 là một trong những đơn vị và địa phương có sự đóng góp quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đóng góp rất quan trọng trong việc phát triển hành lang nối liền Nam Bắc, đóng góp trong việc hình thành sự chỉ đạo thống nhất ban đầu của Đảng bộ Lâm Đồng. Đảng bộ Cát Tiên ngày nay có trách nhiệm kế thừa và phát triển truyền thống của dân Mạ và công lao của các cán bộ chiến sĩ C.200, phải xây dựng và phát triển huyện Cát Tiên thành huyện giàu mạnh toàn diện, Đảng bộ Cát Tiên mãi mãi ghi rõ và ghi đậm nét trong lịch sử truyền thống của mình, xứng đáng và tự hào về quá khứ vinh quang, để có trách nhiệm với những người đã khuất, không phụ công lao của những lớp người đi trước đã giao lại, quyết xây dựng Đảng bộ Cát Tiên

trong sạch vững mạnh, xây dựng chính quyền Cát Tiên đúng bản chất là chính quyền của dân, do dân vì dân,... phải làm cho đồng bào các dân tộc huyện Cát Tiên giàu về kinh tế, mạnh an ninh quốc phòng, văn hóa giáo dục phát triển với bản sắc dân tộc không ngừng nâng cao, xã hội lành mạnh, môi trường sống và nếp sống tốt đẹp, đời sống vật chất văn hóa không ngừng cải thiện và phát triển (.)

IV/- ĐỂ CÁT TIÊN MÃI MÃI NÊU CAO TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ HÀO HÙNG THẾ HỆ TIẾP THEO PHẢI LÀM GÌ XỨNG ĐÁNGVỚI CHA ÔNG ĐI TRƯỚC .

Phải có trách nhiệm với lịch sử chiến khu Đ, xứng đáng với dân tộc Mạ lừng danh tên tuổi Ma Trăn Lơng khởi nghĩa đánh xâm lược Pháp 23 năm làm chủ một vùng trước đây, với truyền thống 20 năm đánh Mỹ, đã được nhà nước tặng anh hùng lực lượng vũ trang xã Đồng Nai. Ngày nay đã được kết tụ đầy tinh hoa truyền thống của nhân dân nhiều địa phương trong cả nước về hội lập huyện Cát Tiên, rất đáng tự hào và đầy trách nhiệm, phải được vươn tới đỉnh cao của ngày mai đối với Đảng bộ, chính quyền nhân dân các dân tộc trên đất Cát Tiên, với quê hương ấy, với con người ấy, sẽ có nhiều trí tuệ, có nhiều suy nghĩ, có nhiều sáng tạo trong cuộc sống.

Với sự suy nghĩ của riêng tôi, xin nêu mấy ý kiến ôm ấp suy nghĩ của mình gợi lên để lãnh đạo Huyện Đảng bộ suy nghĩ và các đồng chí, đồng bào tham khảo.

1)- Vùng đất Cát Tiên gắn liền với truyền thống lịch sử xa xưa có sự sống đích thực, tồn tại và phát triển của dân tộc Mạ :

Ngày nay dân Mạ không như cũ, mà đã quy tụ cơ sở vật chất văn hóa cả nước gần 40.000 người, và nhiều dân tộc có mặt nơi đây... Điều đó có trách nhiệm của chính quyền mặt trận, các đoàn thể trực tiếp của huyện Cát tiên, dưới sự lãnh đạo toàn diện của tỉnh ủy Lâm Đồng, cùng cả nhân dân Kinh đến đây lập nghiệp cũng phải có trách nhiệm đối với dân tộc Mạ, một dân tộc sống lâu đời ở đây, phải thật sự đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, phát huy truyền thống tương thân tương ái, trực tiếp toàn diện, làm sao cho tình thân Kinh Thượng gần gũi gắn bó như anh em ruột thịt, sống chết có nhau, nghèo khổ giúp nhau, giàu có cùng hưởng, đừng để ai áp bức bóc lột, hà hiếp ai. Noi gương người xưa lấy nhân nghĩa làm trọng, đừng để cho lòng trắng bạc như tiền. Nhớ và làm theo điều Bác Hồ dạy: Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết... Đoàn kết, đoàn kết đại đoàn kết. Thành công, thành công đại thành công.

2/- Bảo vệ và phát triển kinh tế xã hội Cát Tiên là bảo vệ vốn rừng, bảo vệ đất nước và môi trường, bảo vệ động thực vật quý hiếm của địa phương của đất nước và thế giới.

Nơi đây còn tồn tại duy nhất loại tê giác Java và một số loài thú quý hiếm, được thế giới quan tâm ghi vào sách đỏ, phải được bảo vệ số giống còn lại ở vùng Cát Tiên có một không hai trên đất nước ta.

Vì vậy Đảng bộ ta, chính quyền, đoàn thể mặt trận và nhân dân Cát Tiên có trách nhiệm phải bảo vệ nghiêm ngặt.

Theo tôi, để bảo vệ tê giác là phải nghiêm túc bảo vệ khoanh nuôi, tái sinh rừng, là phải từ con người, nâng cao ý thức tự giác của con người, để con người ấy bảo vệ rừng bảo vệ Tê giác. Để con người tự giác b , vệ rừng thì phải giáo dục giác ngộ không ngừng, nâng cao trí tuệ và trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ gắn liền lợi ích thiết thân của con người cụ thể nơi đó.

Trong lợi ích chung phải có lợi ích riêng, thì mới bền vững. Làm sao cho nhân dân các dân tộc sống trên đất Cát Tiên, Kinh, Thượng, Lương, Giáo đều được giàu có và tự giác, chứ không phải dùng luật pháp, mệnh lệnh đuổi họ đi ra khỏi rừng này mới gọi là thượng sách,... Vấn đề này Đảng bộ, chính quyền mặt trận, đoàn thể huyện Cát Tiên phải suy nghĩ rất sâu , rất kỹ, để tham mưu đúng đắn, Nhà nước phải có chính sách và phương pháp giải quyết thích đáng cuộc sống của người dân nơi đây.

Ông cha xưa đã có câu: *" Nước lấy dân làm gốc; dân lấy cuộc sống làm đầu"* .... Bác Hồ và Đảng ta đã

đưa tinh thần này vào cương lĩnh của Đảng và xác định tính chất của chế độ ta là chế độ của dân, do dân và vì dân.

Đảng và chính quyền phải có trách nhiệm trực tiếp lo cuộc sống vật chất, tinh thần cho dân. Là cán bộ Đảng viên của Đảng phải đứng ra giáo dục giác ngộ và tổ chức lãnh đạo nhân dân, tập hợp lực lượng hướng dẫn *" bày binh, bố trận"* : điều binh khiển tướng, trên dưới một lòng, Đảng viên và nhân dân cùng một mục tiêu, một ý chí, nói đi đôi với làm, cán bộ đảng viên, công nhân viên phải gương mẫu, có thái độ đồng cam cộng khổ với dân, lo việc của dân như lo việc gia đình, lo cho dân như lo cho cha mẹ anh em ruột thịt. Làm sao cố gắng tổ chức trên mỗi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội là có mỗi mô hình tiêu biểu tiên tiến, làm gì cũng phải xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, xây dựng lực lượng đi đầu để có sự tập trung chỉ đạo đến nơi đến chốn , lấy bài học thực tế mà động viên nhân dân hành động.

Vấn đề bảo vệ rừng Cát Tiên là bảo vệ loài tê giác còn lại, cũng là bảo vệ rừng đầu nguồn sinh thủy cho Cát Tiên cho thủy điện Trị An cho thủy lợi trong vùng, là bảo vệ môi trường môi sinh trực tiếp cho đồng ruộng Cát Tiên, giữ độ ẩm cho mùa khô, ngăn chặn nguồn nước lũ đổ dồn trong mùa mưa. Nó là sự sống còn trong sự giàu mạnh đối với rừng Cát Tiên.

3/-<u>Về phát triển kinh tế xã hội Cát Tiên</u> :

Cát Tiên nên khẩn trương lập quy hoạch tổng quan và quy hoạch bổ sung của tiểu vùng, xác định đúng đắn cây trồng con nuôi theo hướng nông lâm nghiệp chăn nuôi, Công nghiệp hóa nông nghiệp, Thủy lợi hóa, điện khí hóa nông thôn, từng bước công nghiệp hóa hiện đại trên địa bàn huyện Cát Tiên như thế nào là phải có quy hoạch...

Theo tôi thì Cát Tiên có tiềm năng hiện thực, nông lâm công nghiệp và du lịch kết hợp phát triển phong phú, toàn diện mà các huyện trong tỉnh không thể có.

Về nông nghiệp Cát Tiên phải cố gắng tối đa phát triển diện tích trồng cây lương thực, thực phẩm trên vùng đất thích hợp, theo mục tiêu yêu cầu gắn phát triển chăn nuôi gia cầm, gia súc, thủy sản có điều kiện; nhằm đảm bảo cung cấp yêu cầu cơ bản chủ động đời sống tại chỗ, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông lâm nghiệp giải quyết việc làm cho nhân dân lao động, không để đi phá hoại tài nguyên rừng, phá rừng là phá quê hương của tê giác. Phát triển du lịch dịch vụ trên con đường thủy lợi hóa đồng ruộng, điện khí hóa nông thôn, hiện đại hóa nền nông nghiệp Cát Tiên là có điều kiện hơn bất cứ vùng nông thôn nào trong tỉnh.

Để tiến tới công nghiệp hiện đại, nền nông nghiệp Cát Tiên phải có kế hoạch, sớm quy hoạch ổn

định cây trồng, con nuôi và mô hình tổ chức sản xuất, quy hoạch lại dân cư.

Nên mạnh dạn chuyển dân lên lập vườn chân núi, sườn đồi một cách có quy mô, vừa để chống lũ lụt chu kỳ hàng năm thật chủ động, vừa tạo điều kiện cho dân có thêm diện tích phát triển sản xuất, mở rộng cây trồng. Phát triển rừng, gắn với phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây ăn trái như : xoài, chôm chôm, nhãn, tiêu, sầu riêng, măng cụt, cam, bưởi v.v... thiết kế xen ghép theo quy trình vườn rừng cùng với vườn cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, vườn rừng gắn với vườn hộ. Làm vậy là dành trọn vùng đất thấp, đất bằng để trồng lúa, trồng màu, trồng dâu... Đầu tư loại cây bị ngập nước từng thời vụ mà không chết, lại còn nhận thêm phù sa tốt hơn. Đặc biệt cây lúa nên có biện pháp đồng bộ, nghiên cứu chuyển dịch mùa vụ, để tránh lũ lụt, tranh thủ 9 tháng không có lũ (mùa khô) trong mỗi năm, làm gối vụ cho 3 vụ lúa (3 tháng 1 vụ) bằng giống mới và được thâm canh cao, có thủy lợi chủ động trong mùa nắng, sẽ có năng suất cao. Vùng cao trồng ngô 3 vụ, vùng sâu tranh thủ thời gian lụt chưa có hệ thống tiêu úng chủ động, nên thiết kế nuôi cá tự nhiên, kết hợp với nuôi cá công nghiệp dọc sông, vùng 500 ha đồng trũng Cát Tiên nếu có kế hoạch nuôi cá Tra, cá bống tượng v.v... thì sẽ có thu nhập cao... Để tiềm năng nói trên trở thành hiện thực, huyện nên tổ chức và có chính sách thật thoáng cho miễn thuế hoàn

toàn 5 năm, nếu ai làm nghề cá, thì chắc chắn nhân dân sẽ thực hiện có phong trào và tạo ra khả năng mới kết hợp nông ngư trên đồng ruộng Cát Tiên trong 4 tháng mùa mưa đối với vùng sâu và dân sẽ yên tâm nghĩ cách làm giàu trên mảnh ruộng và mảnh vườn của mình.

* *Về lâm nghiệp* :

Cần tích cực sáng tạo, trong phương án phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Cải tạo đồi rừng tranh, biến rừng tre nứa thành rừng cây công nghiệp theo chính sách nông lâm kết hợp. Nhà nước cấp đất, cho vay vốn dài hạn dân trồng, dân thật sự làm chủ, Nhà nước quản lý theo luật thông qua kiểm lâm không cần thông qua Lâm trường thêm rắc rối. Trong trồng rừng cần nghiên cứu phát triển giống tre Mạnh Tông Đài Loan mới nhập vào, lấy măng xuất khẩu, phát triển cây xoan giống mới đề lấy gỗ gia dụng nếu nhiều thì xuất khẩu không xâm phạm đến vốn rừng v.v... Đó là điều phải tính toán đưa vào quy hoạch bổ sung trong kế hoạch tổng quan đối với vùng này cần phải làm ngay.

* *Về chăn nuôi* :

Đẩy mạnh chăn nuôi gia súc gia cầm, lấy chăn nuôi gia đình là chính. Nếu thực hiện phát triển vườn hộ bao quanh chân núi, chân đồi bằng cây công nghiệp, cây ăn quả, nên phát triển nuôi trâu, bò, dê, lợn, gà trên vườn rừng từ đơn giản đến hiện đại.

Nghiên cứu phát triển nuôi dê giống Bắc Thảo lấy sữa... nuôi dê vùng dân tộc là có truyền thống lâu đời. Vùng thôn 3,4 và 5 dân tộc, phát triển nuôi dê bằng rừng tre mum, vườn điều, để lấy thịt và lấy sữa, nếu làm được phương án này các thôn dân tộc không lâu sẽ giàu, nên phải đặt ra đối với Cát Tiên.

Vấn đề chăn nuôi lâu nay chúng ta chưa bàn đến nơi đến chốn. Khi nói đến chăn nuôi có người nói: Chăn nuôi không có đồng cỏ lớn, chăn nuôi gia súc trong vườn hộ, đối lập với vườn cây, nhất là chăn nuôi dê là phá hoại cây trồng ... nhân dân ta chưa nhận thức được rằng : Phát triển chăn nuôi là để thâm canh cây trồng, cải tạo đồng ruộng, Ngay việc chăn nuôi có xen trong ruộng lúa cũng tạo được chất đạm do phân cá hòa tan trong nước được bồi dưỡng cho lúa, nuôi gà, vịt, dê, ngổng trong vườn cũng cho phân hàng ngày bón cây. Nuôi dê thả trong rừng, nuôi heo nhốt trong trại là nguồn phân bón truyền thống ngàn xưa, nhà nông đánh giá một tấn phân bằng một ngàn cân thóc ...

Vị trí chăn nuôi là vô cùng quan trọng là mục tiêu thứ hai của phân công lao động, phân bổ lực lượng sản xuất xã hội mà trên địa bàn Cát Tiên phải ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Để phát triển sản xuất, phải đi đôi với việc thâm canh cây trồng, phân là một trong " tứ chế" của nông dân (nước phân cần giống). Để có phân dùng thâm

canh cây trồng, có tăng thu nhập là phải có kế hoạch phát triển chăn nuôi, bằng mọi hình thức. Do yêu cầu phát triển sản xuất, nên phải gia công nghiên cứu phương án cụ thể phát triển chăn nuôi một cách tích cực, toàn diện, phát động toàn dân đẩy mạnh chăn nuôi. Tổ chức thí điểm chăn nuôi, lấy thực tế mà động viên phát triển, không dừng lại ở chủ trương chính sách chung, không ngồi bàn suông, sẽ có người phá ngang rồi dừng lại, thì không bao giờ có thực tế giải đáp.

Tôi còn nhớ năm 1980 về trước, một số đồng chí có trách nhiệm ở tỉnh ta chưa thống nhất phương án phát triển cây cà phê với nhiều lý do khác nhau, nên chưa đưa cây càphê vào quy hoạch phát triển chiến lược, mà nặng về cây chè, ngô, bò sữa ... Nhưng thực tế thì nay cây càphê lại là cây có giá trị kinh tế cao, tạo vốn tích lũy lớn cho dân trong cuộc sống của tỉnh. Và ở đâu cũng trồng được chỉ có đầu tư nhiều hay ít, năng suất cao hay thấp ... Tôi nêu cây càphê làm ví dụ đó thôi. Riêng Cát Tiên theo tôi thì cây cho giá trị kinh tế cao, không phải là cây càphê mà là cây ăn trái, tiêu và dâu tằm có thể đúng hơn (ngoài lúa ngô).

Nhân đây tôi cũng lưu ý rằng : Hiện nay thấy cây càphê đang có giá trị nên chạy theo nhà nhà làm càphê, người người làm càphê đã tàn phá rừng một cách điên cuồng mà huyện nào cũng có. Thế là cũng rất không đúng và cũng rất thiếu tính toán có trách nhiệm, chưa cân nhắc có cơ sở khoa học, để tự

phát, không lãnh đạo chỉ đạo quản lý nghiêm túc, theo quy hoạch, sẽ đi đến đổ vỡ là không tránh khỏi, là thiếu trách nhiệm với dân.

Ngày nay, vấn đề khoa học trong sản xuất chăn nuôi là vấn đề giống; vấn đề thức ăn và phân bón cần được đặt ra một cách nghiêm túc, khẩn trương, mà người chỉ đạo điều hành phải đi sâu đi sát trực tiếp với thực tế, có hội thảo, cân nhắc đúng đắn ... Suy tính kỹ, cái gì đầu tư trước cái gì sau, cái gì Nhà nước (Đảng chính quyền) phải trực tiếp giúp đỡ kịp thời có hiệu lực, cái gì dân làm ... đó là đều phải có sự phân công rõ, có tính pháp lý. Ở huyện tuy lực lượng khoa học kỹ thuật ít, nhưng cần được tập hợp lại, phát huy họ và dùng họ, tranh thủ chi viện hệ thống khoa học kỹ thuật của tỉnh và Trung ương, tính toán giúp đỡ cho huyện và giúp đỡ cho dân là vấn đề bức thiết, bắt buộc chỉ đạo phải làm..

4)- <u>Vấn đề thủy lợi</u> :

Địa bàn Cát Tiên có ưu thế về thủy lợi mà các huyện khác trong tỉnh không thể có. Nước sông Đồng Nai có quanh năm, bao bọc cánh đồng Cát Tiên, nơi nào mùa nắng cũng kéo nước lên tưới được. Nội đồng thì nhiều suối sinh thủy chảy ngang qua từng cánh đồng, bắt nguồn từ dãy núi Phê Đê, Bi Cút, Bù Xa Lu Xuyên, tích nước quanh năm, nếu ta cần đầu tư thủy lợi tự chảy, nước non không thiếu. Có thể nói Cát Tiên nếu có đầu tư thủy lợi đến nơi đến chốn thì

chuyển diện tích làm một vụ trong năm thành 3 vụ và năng suất có thể tăng lên đến 5 lần hiện nay là có thể làm được. Đây là một phương án trong sản xuất nông nghiệp phải tính.

Vấn đề này không phải anh em ta không suy nghĩ, không phải thiếu nguồn nước, thiếu phương án khoa học kỹ thuật, thiếu lao động mà chính là thiếu đầu tư. Nhưng nay thì có điều kiện chạy vốn nếu có phương án kinh tế tối ưu và sự năng động của chỉ đạo chúng ta quyết tâm đeo bám, làm rõ phương án để trình duyệt làm cơ sở gọi vốn, còn cứ ngồi chờ lực lượng trên thiết kế và hàng năm có được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, nên quá chậm, ngồi chịu cảnh tụt hậu ngày càng xa là không nên. Nhân đợt vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, tôi xin mạnh dạn nói thẳng ra rằng: Chúng ta còn tình trạng nhiều người nói, ít người làm, toàn dân chưa thực sự tham gia làm, nên hiệu quả đem lại cho cuộc sống của dân còn ít, chưa tương xứng tiềm năng, mà còn thêm tệ ăn nhậu cũng bị chi phối thời gian và năng lực chỉ đạo thực tế.

Nói đến đây, tôi liên hệ suy nghĩ : Đánh giá vậy có quá thấp với anh em lãnh đạo Cát Tiên không? Bởi vì tình trạng hiện nay, việc đầu tư một công trình từ thiết kế làm luận chứng được duyệt và cấp vốn của quá trình xây dựng một công trình nhỏ như hồ ĐạTẻh vừa qua đã mười mấy năm mới hoàn thành, và đến nay cũng chưa hoàn chỉnh, thực tế

hiện giờ cũng mới phục vụ tưới được 1/3 công suất thiết kế (1000 ha/ 3000 ha). Trong lúc đó Cát Tiên mới được đầu tư hỗ trợ trong kế hoạch 5 năm chưa được chục tỷ (ĐaTẻh trên 100 tỷ). Với chính sách động viên Nhà nước nhân dân cùng làm, năm 1999 đã đưa diện tích Đông Xuân lên 1.200 ha gần bằng diện tích Đông Xuân ĐạTẻh, thế là giỏi, anh em đã rất là tích cực. Nhưng Cát Tiên là chủ nhân của xã hội ở đó, nếu chúng ta thỏa mãn với thành tích vừa qua đó thì chắc chắn Cát Tiên ta sẽ bị tụt hậu đằng xa, không sao đưa lên được, nếu ai đó có thái độ ngồi chờ sự chi viện bên ngoài hoặc ngồi chờ sự chỉ đạo ở trên, thì thế kỷ 21 sẽ loại khỏi chỗ đứng của địa phương ta ra ngoài quỹ đạo trái đất, thì trách nhiệm lịch sử sẽ có ý kiến với chúng ta.

Để chuyển nền kinh tế huyện Cát Tiên đi lên " *Bằng chị bằng em*", thì trước hết phải bằng mọi cách thủy lợi hóa gắn với quy hoạch và kế hoạch, xây dựng kiến thiết đồng ruộng là vấn đề vô cùng to lớn. Phải tổ chức hợp tác lao động, để kiến thiết đồng ruộng, phục vụ tưới tiêu chủ động, bảo đảm thâm canh cây trồng, nâng cao năng suất và sản lượng là nhiệm vụ của toàn dân có trách nhiệm.

Phát động nông dân " *xuống đồng* ", thì Đảng và chính quyền cùng " *xuống đường* " giải quyết phương án, giải quyết vốn ... Huyện bám tỉnh, tỉnh bám TW duyệt thiết kế xin cho kế hoạch, cấp vốn đầu tư, hoặc cho vay vốn dài hạn trong quá trình khấu hao để trả.

Đường vay vốn dài hạn làm, thu lệ phí trả được, thì thủy lợi làm theo kiểu ấy, dân đóng thủy lợi trả, không làm được sao ? Anh em ta làm phương án báo cáo với Đảng và Chính phủ nghiên cứu giúp cho, tôi tin trên sẽ chấp nhận nếu chúng ta vì nhân dân mà làm.

Dân xuống đồng, ta phải lãnh đạo làm dứt điểm từng hạng mục công trình, từ nhỏ đến lớn, làm sao từ nay đến năm 2005, trên 5.000 ha đất canh tác các loại ở vùng thấp có thể thủy lợi hóa hoàn chỉnh trên địa bàn Cát Tiên, đó là một thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp, trên đường công nghiệp hóa nông nghiệp, bằng thủy lợi hóa đồng ruộng là trước hết.

Trong thủy lợi hóa Cát Tiên về tưới thì dễ vì đã có mạng lưới điện quốc gia kéo đến nơi, nếu chỗ nào không làm thủy lợi tự chảy được thì xây dựng máy bơm kéo tưới là không khó, vì đã có hệ thống nước chạy bao quanh đồng ruộng, hệ thống điện được thiết kế chạy dọc theo sông ... Còn cái khó nhất của Cát Tiên là vấn đề tiêu úng mùa lũ, vì nơi đây với địa hình vùng trũng trên núi nước mưa dồn xuống, nước từ sông hồ Đa Nhim xả lũ bị thác ngăn không kịp rút nên việc ngăn nước với tiêu úng đối với Cát Tiên là phải có kế hoạch trị thủy lâu dài, là vốn đầu tư rất lớn không dễ làm một vài kế hoạch sớm cho kết quả: Nhưng theo tôi nghĩ nếu ta xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tưới thì đã tạo được phần lớn công trình tiêu và tiếp theo dùng hệ thống này mùa nắng thì tưới,

mùa lụt trở ngược bơm tiêu hỗ trợ cho nhau bằng việc xây đê ngoài sông ngăn nước, bơm xả trong đồng ra... Đây là một giả thuyết đặt ra để nghiên cứu, còn được hay không phải nhờ đến các nhà khoa học giúp.

5)- Vấn đề công nghiệp hóa đối với Cát Tiên :

Tôi nghĩ, công nghiệp ở vùng này là công nghiệp chế biến nông lâm nghiệp, phục vụ sản xuất, chăn nuôi, phát triển thủy lợi, du lịch và dịch vụ. Với điều kiện thực tế trên địa bàn huyện nằm giữa hoa thị của các thủy điện lớn như : Thủy điện Trị An, thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi, thủy điện Thác Mơ ... tương lai sẽ có thủy điện Đồng Nai 3 và 4 ở phía Lộc Bảo và thủy điện Ban Rôn gần cầu Đại Ninh.v.v... Như vậy, vấn đề điện khí hóa trên vùng cát Tiên không có gì đáng lo và mỗi khi có điện, có nước thì thủy lợi hóa cho vùng này là hết sức thuận lợi.

Điện khí hóa đi đôi với thủy lợi hóa phục vụ cho nông lâm nghiệp, phát triển chăn nuôi mở rộng, phát triển nghề rừng tạo vườn cây ăn trái, tạo cảnh quan du lịch có quan hệ mật thiết với quá trình công nghiệp hóa vùng này..

Nếu ở đây có từ 500 ha dâu trở lên, nên có nhà máy ươm tơ và có 1.000 ha vườn cây ăn trái, vài ngàn con dê vắt sữa thì phải có nhà máy kem sữa, nước trái cây. Trên cơ sở nhộng tằm, kết hợp với sản phẩm ngô đậu và cám từ nhà máy xay xát lúa, hình thành cụm công nghiệp xay xát lương thực, chế biến

thực phẩm và thức ăn gia súc, khi thấy cần để phục vụ phát triển chăn nuôi một cách chủ động.

6)- Vấn đề phát triển du lịch dịch vụ nghỉ cuối tuần trên địa bàn Cát Tiên là tiềm năng và yêu cầu to lớn đối với vùng này :

Di tích lịch sử thánh địa BàLaMôn ở vùng này cộng với dòng sông Đồng Nai trên 50km, thuyền bè có thể hoạt động quanh năm. Trong kháng chiến chống Mỹ đội vận tải H50 của khu 6 và Lâm Đồng đã từng sử dụng đường sông này vận chuyển vũ khí quân trang quân dụng từ biên giới Cam pu chia về tỉnh, về khu và toả đi nơi khác.

Ngày nay trong xây dựng hòa bình, phát huy hết lợi thế dòng sông Đồng Nai để phát triển kinh tế, làm du lịch là rất triển vọng và rất tốt. Trên núi cao, cuối dãy Trường Sơn mà có con sông tuyệt vời này, từ bến Cầu đến ĐạHuoai, đến đầu thác TàLài là một dòng sông hùng vĩ và thơ mộng, cảnh trên bộ dưới thuyền, thật là hiếm thấy.

Tôi đề nghị huyện ta báo cáo với tỉnh và ngành du lịch TW xin quy hoạch phát triển du lịch nghĩ ngơi cuối tuần trên địa bàn này, làm sao tạo nhiều cụm dân cư trên bờ sông, tôn tạo thắng cảnh hai bên bờ sông thật ngoạn mục, có cây cao bóng cả, hoa trái 4 mùa, chim chóc tụ về làm vui vầy non nước, để thu hút cán bộ công nhân viên chức các khu công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng tàu, Biên

Hòa, Bình Dương, thường xuyên hai ngày cuối tuần đến đây thư giản, sớm đến chiều về, hoặc nghỉ ngơi một đêm trên sông, thưởng thức văn hóa dân tộc là hết sức thú vị.

Ta dám đề xuất phương án du lịch cho thật rõ ràng sắc nét. Nếu chưa có thể làm nổi thì cũng phải ghi để lại những điều cần lưu ý cho người sau họ tìm cách thực hiện phương án này, vừa ít tốn kém vừa tạo cho nhân dân trực tiếp tham gia phát triển du lịch thật sự.

7)- Sáu vấn đề nêu trên, thì vấn đề quyết định là vấn đề tổ chức cán bộ và con người :

Con người có trách nhiệm, thì biến sỏi đá sẽ thành cơm, biến ước mơ thành hiện thực. Còn con người thiếu trách nhiệm *" ăn không lo của kho cũng hết"*. Trong một cộng đồng xã hội luôn có 3 thế hệ cộng tồn đang xen nhau (già, trẻ và trung niên) mà mỗi thế hệ cũng hình thành 3 loại (tích cực, lưng chừng và lạc hậu) luôn sống bên nhau và chịu ảnh hưởng lẫn nhau, như dạng tiềm năng và thường xuyên có biến chuyển thay đổi bởi tác động trong cuộc sống vật chất hàng ngày chi phối, sự biến chuyển ấy trên xu thế của mỗi lớp người trong mỗi giai đoạn thịnh suy của xã hội, Sẽ có người nào đó, trước đây thật tốt nay bị tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường nhầm lẫn trắng đen, tiền tài quyết định, lại trở nên không tốt, và ngược lại có người

trước đây quá xấu nay lại trở nên tốt .v.v... điều đó không nên suy nghĩ cực đoan, thì sẽ phạm sai lầm trong xây dựng Đảng, phát triển mặt trận, trong tổ chức và chọn cán bộ, để đầu tư lâu dài và phục vụ xây dựng sự nghiệp to lớn nói trên. Đừng để cảnh "*cha làm thầy con bán sách*" là điều tối kỵ.

Cần thường xuyên cảnh giác trước âm mưu diễn biến hòa bình của Mỹ. Chúng đương dùng sức mạnh đồng đô la thậm nhập kinh tế, khống chế chính trị, hòng làm đảo lộn trắng đen, bất chấp trái phải, lật ngược lịch sử, thay vị đổi ngôi, như lật ngửa bàn tay, chọn người hiền qua bữa tiệc, xếp cán bộ qua đêm chơi, lập chứng chỉ học bạ bằng phong bì và nhậu nhẹt .v.v... Tình hình đó có ở Đảng bộ ta không ? Nếu có cần phải kiểm tra khắc phục kịp thời, để kéo dài và phát triển thói hư tật xấu ấy thì chúng ta là người chịu trách nhiệm, tội lỗi ấy phải kiên quyết tránh, thì mới có người tài hội tụ góp sức xây dựng. Động viên khích lệ mọi người cùng chung lo xây dựng cuộc đời, mới có những công trình sáng tạo, địa phương đất nước mới thực sự có thái bình thịnh trị, Đảng mới thực sự là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và đội tiên phong của cả dân tộc được dân gắn bó tin yêu, kẻ thù không thể nào lung lạc ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta được.

Nói đến đây tôi liên hệ: Đã có anh em hỏi tôi rằng làm thế nào để có xã hội công bằng dân chủ trong tình hình hiện nay? Câu hỏi khó trả lời lắm

đấy ! Bởi vì, vốn hiểu biết mỗi người là có hạn, còn sách vở phải học là vô hạn. Chế độ tư bản, nhất là tư bản đế quốc, tự xưng là nước" dân chủ, đấu tranh cho sự công bằng", họ dương cao khẩu hiệu đấu tranh cho " Quyền con người ..." Nhưng ai cũng biết, Mỹ đương làm mưa làm gió, dùng vũ lực trừng phạt dân tộc này, bao vây phong tỏa cấm vận nước khác chỉ vì dân tộc ấy, nước ấy đứng lên bảo vệ quyền độc lập tự chủ của mình, kiên quyết chống mọi sự áp đặt, thao túng của Mỹ, thì lập tức Mỹ gắn cho cái tội " Vi phạm nhân quyền": rồi họ xua quân đi "bảo vệ quyền con người" tạo cớ để buôn vũ khí phương tiện chiến tranh bắn giết con người. Danh nghĩa bảo vệ quyền con người để xoá quyền độc lập tự chủ của mỗi dân tộc, mỗi nước, thực hiện chính sách toàn cầu hoá trong sự áp đặt dưới lá cờ nhân quyền của Mỹ là thế đó. Ta là người cộng sản đấu tranh cho công bằng xã hội, nói và làm phải đi đôi, kiên trì đấu tranh thực hiện kỳ được chế độ công bằng xã hội, dân chủ phải đấu tranh đi vào cuộc sống. Trước hết người cán bộ Đảng viên của Đảng phải hết lòng, hết sức lo cho dân, phải đặt lợi ích của dân lên trên hết. Lòng dân còn chưa yên, thì cán bộ đảng viên của đảng không được nghỉ ngơi, ăn chơi, nhậu nhẹt. Dân chưa ấm no, đảng viên phải có trách nhiệm lo cuộc sống cho họ. Cổ nhân dạy rằng " Thiên tiên hạ chi ưu như ưu ". " Hậu thiên hạ chi lạc như lạc"... Người có trách nhiệm phải chịu khổ trước để lo cho thiên hạ. Khi mọi người hưởng

thái bình yên vui thì mình hưởng sau mọi người.... Bác hồ, Người tổ chức rèn luyện lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam, Người thường xuyên nhắc nhở chúng ta luôn luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức công sản chủ nghĩa, là hy sinh trước thiên hạ, hưởng sung sướng sau mọi người, đúng với trách nhiệm lịch sử của người cộng sản.

Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Cán bộ đảng viên của đảng phải nêu cao tính tiên phong gương mẫu, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Chúng ta cần thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong bài viết của Người cách đây 50 năm, đăng báo sự thật ra ngày 15/10/1949 nói về công tác dân vận. Mở đầu bài báo Người căn dặn chúng ta:

" Bao nhiêu lợi ích đều vì dân
Bao nhiêu quyền hạn đều của dân
Công việc đổi mới, xây dựng là
trách nhiệm của dân
Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là của dân,
Chính quyền từ xã đến Chính phủ
Trung ương do dân cử ra,
Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân
tổ chức nên,
Nói tóm lại quyền hành và lực lượn
đều ở nơi dân...".

Người đảng viên trung thành với lý tưởng của mình là phải nghiêm túc thực hiện những điều bác Hồ dạy nói trên, phấn đấu thực hiện đầy đủ di chúc của bác... không ngừng phấn đấu rèn luyện giữ gìn đạo đức phẩm chất, có lối sống trong sạch của người công sản chân chính , suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, dân giàu nước mạnh xã hội công bằng và văn minh, xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân.

Để làm tròn trách nhiệm lịch sử của mình, đảng bộ Cát Tiên phải quyết tâm xây dựng chỉnh đốn đảng bộ, nghiêm túc tự phê bình và phê bình thường xuyên trong đảng, thật sự dân chủ với nhân dân là chìa khóa mở đường tiến đến đỉnh cao để đi vào thế kỷ 21, thiên niên kỷ mới, trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội giàu mạnh, an ninh quốc phòng vững chắc mà đảng bộ Lâm Đồng và đồng bào Cát Tiên giao cho...

BÚT KÝ VỀ TRUYỀN THỐNG NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN ĐẠ TẺ :

Đặc điểm : địa bàn Huyện Đạ Tẻ hiện nay là một trong cùng liên địa với Cát Tiên, thuộc tả ngạn lưu vực sông Đồng Nai, thuộc quyền quản lý tỉnh Đồng Nai thượng trước đây và tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Phía Tây giáp biên địa rừng chiến khu Miền Đông (CKĐ). Trước năm 1960, dân vùng 3 là vùng trắng

(địch không kiểm soát được vùng này. Còn ta thì cũng chưa phát triển được cơ sở cách mạng trong vùng này (gần giống như Cát Tiên).

Về địa lý : Bắc và đông bắc giáp huyện Bảo Lâm hiện nay, nam giám huyện Đạ Huoai, Tây giáp sông Đồng Nai và vùng rừng quốc gia Nam Cát Tiên. Đông và Đông nam giáp thị xã Bảo Lộc.

Đạ Tẻ là căn cứ địa kháng chiến chống Mỹ từ năm 1962 đến năm 1975 (ngày mà tỉnh Lâm Đồng và miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Tháng 3 năm 1962 Tỉnh ủy và Uỷ ban mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam tỉnh Lâm Đồng đã quyết định thành lập 3 xã Hợp Vông, Xi Nhen, Lú Tôn, và sau khi phát động quần chúng thực hiện cải cách dân chủ, phát triển du kích chiến tranh thành lập hệ thống mặt trận và các đoàn thể quần chúng 3 xã nói trên, đến 19 tháng 8/1962 tỉnh có quyết định thành lập đơn vị cấp trên chỉ đạo 3 xã vùng ba lấy tên là vùng 3 (tương đương cấp huyện trong khu căn cứ kháng chiến chống Mỹ). Vùng 3 mang ý nghĩa tổ chức chỉ đạo du kích chiến tranh 3 xã và nó còn mang ý nghĩa là vùng thứ ba của căn cứ phía bắc của tỉnh (K1-K2 và vùng 3). K1 là vùng Lộc Bắc-Lộc Bảo hiện nay; K2 là xã Lộc Lâm – Lộc Phú xã 5 mà nay là xã Đinh Trang Thượng hiện nay thuộc Di Linh, vùng 3 là 3 xã Lú Tôn, Xi Nhen, Hợp Vông. Không thành lập K3, vì K3 đã thành lập theo hệ thống căn

cứ nam đường 20, tức là K3 phiên hiệu Di Linh đã thành lập trước, thuộc hệ K3-K4-T29 : (đơn vị 29 là đơn vị thị xã Bảo Lộc và cả huyện B'Lao là một), số còn lại nằm trong vùng nông thôn tranh chấp, tỉnh tổ chức thành lập các đội công tác phụ trách từng khu tập trung dân của địch như đội công tác Tân Gia Rang, Tân Rai, Minh Rồng, Đăng Lú, Bờ Su Ban Li...

Sau ngày giải phóng 28/3/1975, tỉnh chủ trương thống nhất hai đơn vị là Ban Cán sự Đảng K4 và Ban Cán sự vùng 3 thành lập huyện Đạ Huoai. Trung tâm huyện lỵ Đạ Huoai đóng tại thị trấn Đạ Tẻ và nơi đây cũng là huyện lỵ Đạ Tẻ ngày nay (lúc đó vùng đất Cát Tiên từ suối Đạ Xị trở vào vẫn trực thuộc huyện Bù Đăng – Sông Bé quản lý, có hai đơn vị là xã Đồng Nai và đơn vị làm kinh tế của lực lượng vũ trang C500).

Năm 1986 Hội đồng Bộ trưởng có quyết định Sông Bé cắt giao lại vùng đất Cát Tiên cho Lâm Đồng quản lý, mà thực chất là giao lại xã Đồng Nai trở về cho Lâm Đồng nằm trong huyện Đạ Huoai.

Năm 1987 theo đề nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định chia lại huyện Đạ Huoai thành 3 huyện (Đạ Huoai, Đạ Tẻ, Cát Tiên) theo ranh giới hiện nay... Từ đó huyện Đạ Tẻ được thành lập trên cơ sở mảnh đất 3 xã vùng 3

trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước có truyền thống.

Trong thực tế vùng Đạ Tẻ từ cuối năm 1961 về trước chưa có cơ sở Đảng và cơ sở quần chúng các đoàn thể mặt trận chỉ có một ít cảm tình thông qua hoạt động hậu cần C200 đầu năm 1960-1961. Đến tháng 3/1962 sau khi Tỉnh ủy Lâm Đồng thành lập, Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tổ chức một đoàn cán bộ gồm các thành phần quân dân chính Đảng do đồng chí Hải (thường gọi là Hải điếc) làm trưởng đoàn dưới sự chỉ đạo toàn diện của thường trực tỉnh ủy mà cụ thể là đồng chí Bí thư tỉnh ủy chịu trách nhiệm phát động quần chúng, phát triển cơ sở chính trị tổ chức lực lượng du kích chiến tranh, tổ chức Mặt trận đoàn thể và tổ chức chính quyền tự quản.

Kết quả sau 3 tháng phát động quần chúng, đội đã hình thành được 3 ban cán sự của 3 xã Lú Tôn – Xi Nhen – Hợp Vông... và phát triển được hệ thống mặt trận giải phóng và Ban cán sự đoàn thể cho mỗi xã, trong đó phát triển được 15 đảng viên trong 3 xã làm cơ sở tách ra thành lập mỗi xã một chi bộ lâm thời và thành lập Ban cán sự Đảng vùng 3 gồm 3 đồng chí K' Dạ, K'Nhú, K'Mui do đồng chí Kơ Đạ làm bí thư, đồng chí K'Mui làm bí thư Ban cán sự thanh niên giải phóng kiêm chính trị viên vùng đội. Lực lượng du kích chiến tranh trong vùng cũng bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Đồng chí K'Nhú là Chủ tịch

Mặt trận dân tộc giải phóng của vùng phụ trách dân vận.

Ban cán sự vùng 3 là tiền thân của sự ra đời trên vùng đất vùng trời trên dòng sông Đạ Tẻ, có mối quan hệ việc hình thành huyện Đạ Huoai và thành lập Đạ Tẻ khi tách huyện Đạ Huoai thành 3 huyện sau này.

Địa bàn huyện Đạ Tẻ nằm dọc theo chân các dãy núi Con Ó Lu Mu phía đông, phía tây có núi Bờ Nôm Quan, Nao Lùng... đây là vùng đất bằng nằm dọc hạ lưu con sông Đạ Tẻ, Đạ Mi, Đạ Cộ, Đạ Hàm, Đạ Nha, Đinh Gia Ri... các dòng nước từ các con suối trên núi cao đổ dồn xuống và kéo phù sa bồi tụ dọc tả ngạn Đồng Nai do các bậc thềm dật cấp trong lập địa tự nhiên xuống đến Thác Tà Lài ngăn giữ nước trong mùa nắng, lắng đọng phù sa trong mùa mưa, được thường xuyên thủy luân bồi tụ màu mỡ, làm cho vùng Đạ Tẻ luôn luôn có phù sa bổ sung chất màu từ các dãy núi dồn xuống, có ưu thế và đầy tiềm năng thủy lợi hóa, toàn bộ trên vùng đất này trong đó đã có công trình hồ Đạ Tẻ, có công suất tưới tiêu khá tốt được phát huy tác dụng.

Xuyên qua vùng đất huyện Đạ Tẻ gồm 6.000 hecta đất bằng chạy dọc chân núi giáp huyện Bảo Lâm và Thị xã Bảo Lộc hiện nay, trải rộng giáp tận tả ngạn Đồng Nai, gắn liền vùng đất bằng huyện Cát Tiên, nơi đây vốn từ một mẹ sinh 3 con đó là Cát

Tiên, Đạ Tẻ, Đạ Huoai, là vùng đất ngàn xưa của dân tộc Mạ mà Đạ Tẻ có vị trí của ngõ đi vào di tích cổ nhân thánh địa Bà La Môn – di chỉ Cát Tiên.

Diện tích tự nhiên thuộc ranh giới Đạ Tẻ khi phân ra có 52.300 ha.

Dân số của huyện Đạ Tẻ khi mới tách ra để thành lập huyện có 26.000 dân (nay đã lên trên 43.856 dân) trong đó dân tộc Mạ gốc địa phương có 3.000, còn lại là dân kinh tế mới đến sau năm 1976 cho đến nay.

Diện tích canh tác có 3.000 ha trong đó có gần 200 ha ruộng nước chủ động lúa 2 vụ trong năm và 800 ha đất thổ làm một vụ lúa vụ màu, đó là cơ sở của đơn vị công doanh và nông trường Hà Lâm Hà Giang khai phá sản xuất từ thời 1973-1975 trong kháng chiến chống Mỹ. Khi nông trường giải thể năm 1985-1986 giao lại cho huyện quản lý sử dụng cấp cho dân sản xuất cả một số máy móc, trâu bò... đây là cơ sở vật chất ban đầu tạo thuận lợi cho huyện Đạ Tẻ mới thành lập.

Yếu tố cấu thành huyện Đạ Tẻ cần lưu ý : 3 xã căn cứ vùng 3 trong kháng chiến chống Mỹ là tiền thân của huyện Đạ Tẻ ngày này. Thị trấn Đạ Tẻ trước là huyện Đạ Huoai đóng nay là thủ phủ của huyện Đạ Tẻ.

Tên huyện Đạ Tẻ là lấy tên con sông Đạ Tẻ, con sông có truyền thống mà đặt tên cho huyện, như vậy trên vùng đất Đạ Tẻ có 3 tên cùng mang địa danh sông Đạ Tẻ đó là huyện Đạ Tẻ, thị trấn Đạ Tẻ. Hồ Đạ Tẻ.

Như vậy là cái tên huyện Đạ Tẻ có sau Đạ Tẻ thị trấn, hồ Đạ Tẻ có sau huyện Đạ Tẻ.

Sông Đạ Tẻ phát nguyên từ dãy núi Hang Ca Bờ Lá chảy xuống, nay ngăn lại đắp thành hồ Đạ Tẻ nằm giữa 3 vùng căn cứ, đó là căn cứ Lộc Bắc, căn cứ C200 Cát Tiên và căn cứ vùng ba Đạ Tẻ gắn với phòng tuyến tự nhiên là sông Đồng Nai giáp biên chiến khu Đ, nó hình thành trên thực tế từ 1963 suốt đến ngày giải phóng thị xã Bờ Lao 28/3/1975.

Có thể nói căn cứ vùng ba (Đạ Tẻ) là chỗ đứng vững chắc trong 12 năm cuối thời kỳ chống Mỹ cứu nước không chỉ trực tiếp trên địa bàn Lâm Đồng, mà còn là địa bàn quan trọng đối với cách mạng của khu 10 khu 6 của thời kỳ 1962-1975.

Tôi còn nhớ tháng 12/1963, cơ quan tỉnh ủy và tỉnh đội Lâm Đồng chuyển từ địa bàn Cát Tiên về đóng trên đất 3 xã vùng 3, đầu ngọn suối Đạ Mí trên đất buôn Tô Lan, Đinh Gia Ri, làm rẫy Đinh Sạch, làm chỗ dựa để tự túc lương thực. Đến cuối năm 1964 và đầu 1965 cơ quan tỉnh ủy và tỉnh đội chuyển ra đóng dãy núi Bờ Đạ, Bờ Nôm Quan, đông sông Đạ Tẻ (gần trảng Hồng Lĩnh) giữa 2 dòng sông lớn là sông

Đạ Mơ Ri và Đạ Tẻ (ngọn suối Đạ Cộ) để quan hệ gần sự chỉ đạo phía trước điều hành chiến dịch Đông xuân 1964-1965, đánh phá khu tập trung dân của địch Tân Gia Rang, Tân Lú, Tân Rai... có thể nói địa bàn huyện Đạ tẻ ngày nay là đơn vị trực tiếp đảm bảo hậu cần của các chiến dịch trong địa phương, phục vụ tấn công địch phía trước và cũng là hậu phương đảm bảo lực lượng lui về tổ chức học tập, huấn luyện đơn vị vũ trang và nghỉ dưỡng sau các trận chiến đấu, nơi đây cũng là hậu phương an toàn của tỉnh nuôi dưỡng và chạy chữa thương binh, bệnh binh và cán bộ phía trước công tác chiến đấu lui về điều trị bồi dưỡng. Vùng 3 trong thời kỳ chống Mỹ, nay là huyện Đạ Tẻ cũng là địa bàn đầu mối đảm bảo hành lang giao thông liên lạc cả đường bộ đường thủy của tỉnh của khu xuống các K và về khu về R (Trung ương cục Miền Nam) đồng hời cũng là nơi phục vụ bảo vệ an toàn đường dây vận tải H50, từ biên giới Campuchia chuyển vũ khí đạn dược quân trang quân dụng về đây bảo vệ cất dấu, cũng là trạm trung chuyển của khu 6 để phân phối cho các tỉnh và các đơn vị vũ trang trực thuộc khu 6 từ 1965 đến 1975. Kết thúc chiến tranh.

Đạ Tẻ cũng là một địa bàn có thách tích sản xuất và tổ chức sản xuất có tính chất sản xuất xã hội công doanh vùng 3 trước đây là nông trường Hà Lâm, Hà Giang sau giải phóng, trên địa bàn khu 6 trong kháng chiến chống Mỹ có quy mô sản xuất tự túc lớn

nhất và có sử dụng cơ giới khai hoang làm đất đầu tiên trong khu căn cứ kháng chiến chống Mỹ và làm ăn có hiệu quả là của công doanh vùng 3 Lâm Đồng với quy mô 500 ha trong đó có 150 ha làm lúa nước 2 vụ... Tuy địch phát hiện, có mấy lần địch dùng F105 thả bom hủy diệt và dùng Đa cô ta rải chất độc màu da cam hủy diệt đồng ruộng... nhưng lực lượng sản xuất phối hợp với dân quân du kích vùng 3, vẫn bám ruộng đồng sản xuất và chiến đấu, đánh trả máy bay giặc hạn chế thiệt hại do địch gây ra và kết quả từ vụ Đông xuân 1973 đến vụ Đông xuân 1975 cơ sở sản xuất công doanh vùng 3 đã làm được hàng mấy trăm tấn lúa phục vụ cho hậu cần, phục vụ chiến đấu, phục vụ chiến dịch giải phóng Bảo Lộc giải phóng Lâm Đồng.

Đạ Tẻ là chổ đứng vững chắc của tỉnh Lâm Đồng suốt 13 năm liền (1962-1975) nhân dân gánh chịu bao nhiêu tấn bom đạn, chất độc hóa học vô cùng ác liệt của Mỹ ngụy trong các trận càn quét thời kỳ 1963-1965 và thời kỳ 1966-1967 trong các chiến dịch bình định tìm diệt, chiến thuật bủa lưới phóng lao, với chính sách đốt sạch phá sạch, trong chiến dịch 2 gọng kìm và chiến dịch Bình định cấp tốc đợt II chuẩn bị xuống thang, thực hiện kế hoạch chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ, chúng quyết làm cỏ, quét sạch lực lượng "Việt Cộng" ở vùng này một cách tàn bạo.

Nhưng suốt 3 tháng liền chống trả cuộc càn mùa khô năm 1967 (trong tập "Ký sự một thời cầm súng" tôi đã có ghi từ trang 339 đến trang 344) lực lượng dân quân du lịch vùng 3 cùng với lực lượng tự vệ cơ quan tỉnh ủy, Tỉnh đội, và an ninh, lực lượng vũ trang trại giam đã quần nhau với giặc suốt 3 tháng liền, làm cho địch thất bại hoàn toàn, không diệt được lực lượng vũ trang của ta, không đánh bật được cơ quan và chỗ đứng của ta, không phá được lúa và hoa màu, nhằm hủy diệt sự sống của dân, không bắt được người dân nào dồn về ấp chiến lược. Nhưng địch đã bỏ mạng trong cuộc càn trên đất vùng 3 hàng mấy chục tên Mỹ ngụy, và du kích vùng này đã hạ 2 máy bay trong đó có chiếc máy bay : "Cán gáo" anh K'Mui bắn rớt tại chỗ.

Trong cuộc càn này nhân dân vùng 3 đã đương đầu hàng ngàn quân trên mặt đất, hàng trăm lần máy bay trực thăng đổ quân úp chụp – Chúng bố trí 3 cụm pháo 105 bắn giao hội, mỗi khi máy bay hoạt động chỉ điểm, kết hợp pháo tầm xa 175, cối 220 từ biển Hàm Tân Xuyên Mộc bắn lên liên tục ngày đêm. Ban ngày dùng "tàu gáo lùng sục, ban đêm máy bay F105-B57 liên tục thay nhau quần lượng cắt bom tọa độ, khi phát hiện ánh lửa của dân khi họ mò ra suối nhổ củ mì ban đêm trên rẫy... hòng làm cho nhân dân vùng 3 mất ý chí chiến đấu bám núi rừng, chúng quyết triệt hết đời sống phải khuất phục đầu hàng về khu tập trung của giặc. Nhưng thực tế giặc

càng hung bạo, ý chí bám rẫy, bám rừng của nhân dân vùng 3 càng được rèn luyện thử thách, càng nâng cao quyết tâm chiến đấu chống giặc bảo vệ căn cứ, bảo vệ cơ quan, kho tàng bố phòng chống giặc, bảo vệ nhân dân không ai bị bắt, tài sản không bị cướp phá, hoa màu, lúa trong nương rẫy giữ được phần lớn.

Có thể nói cuộc càn mùa khô năm 1967 kéo dài 65 ngày đêm, là cuộc càn quy mô lớn nhất, sử dụng vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, nhưng chúng đã thất bại hoàn toàn.

Nhân dân 3 xã vùng 3 nay là huyện Đạ Tẻ, là một địa bàn của người Mạ có sự đóng góp to lớn về sức người sức của, lương thực thực phẩm phục vụ chiến dịch giải phóng B'Lao, giải phóng Lâm Đồng. Tôi còn nhớ trong một thời gian hơn 3 tuần lễ ta đã huy động 100% lao động đàn ông vùng 3 cùng đồng bào K1 (Lộc Bắc hiện nay) hoàn thành con đường 12 km từ Đạ Bin dốc Con Ó lên Nao Lùng (núi B'Rú) để phục vụ chiến dịch kéo 2 khẩu pháo 130 và hàng trăm quả đạn pháo 130 đến chuẩn bị trận địa, kịp phối hợp nổ súng tấn công B'Lao đêm 27 rạng 28 tháng 3 năm 1975, Lực lượng lao động đàn ông còn chịu trách nhiệm bí mật mở con đường hành quân cho lực lượng trung đoàn 141 sư 7 (quân đoàn 4) của miền hành quân lên dốc Bằng Lăng đến Bờ Su Băng Li, ém quân phía bắc thị xã B'Lao, là con đường hành quân gian lao vất vả, vượt suối, trèo đèo, đảm bảo bí mật bất ngờ, nếu không có du kích và nhân dân vùng

3 thì tỉnh khó mà hoàn thành đảm bảo con đường hành quân hàng mấy trăm cán bộ chiến sĩ của trung đoàn 141 tập kết đúng kế hoạch.

Nếu không có lực lượng phụ nữ vùng 3 (Đạ Tẻ) thì làm sao trong 2 tuần lễ mà lực lượng thủ công của phụ nữ vùng 3 có thể giã xong 1.500 gùi lúa, làm ra hàng mấy chục tấn gạo để tiếp tế chiến trường phục vụ chiến đấu giải phóng B'Lao ngày 28/3. Tôi rất thấm thía và cũng thấm sâu ý thức từ sức mạnh của người dân trong huy động dốc toàn lực phục vụ chiến dịch tấn công giải phóng B'Lao, 100% lao động trai tráng ngày đêm đốt đước mở đừơng, vác pháo, gùi đạn, 100% lao động phụ nữ ngày đêm giã gạo, nấu cơm, mang cơm ra chiến trường phục vụ chiến đấu, suốt gần một tháng liền trong buôn làng chỉ còn trẻ con, ông bà già giữ buôn, coi rẫy. Nếu không có 3.000 dân vùng 3 và 5.000 dân K1 thì Đảng bộ chúng ta không làm sao tròn trách nhiệm của khu ủy và quân ủy Khu 6 giao cho Đảng bộ Lâm Đồng chúng ta trong việc chuẩn bị chiến trường đảm bảo cơ sở vật chất giải phóng Bảo Lộc ngày 28/3/1975.

Vùng 3 (Đạ Tẻ) còn có nét đặc trưng truyền thống của mình là nơi thể hiện nghĩa tình thống nhất Bắc Nam cùng một nhà. Đạ Tẻ là địa bàn đầu tiên trong khu 6 tổ chức nông trường lấy tên Nông trường Hà Giang thể hiện tình kết nghĩa với Lâm Đồng là tỉnh Hà Giang và khi đưa dân Hà Sơn Bình vào xây dựng nông rường mới lấy tên là nông trường

Hà Lâm, đây là mối tình truyền thống đoàn kết thủy chung với bạn hữu... và mỗi địa phương đến đất Đạ Tẻ được mang cái tên truyền thống của mình như xã Hà Đông, xã Mỹ Đức, xã An Nhơn... ngày nay huyện Đạ Tẻ không phải chỉ có 3.000 dân Mạ gốc địa phương mà đã có gần 45.000 người trong cả nước đến đây lập nghiệp, xây dựng quê hương mới với tình nghĩa Kinh Thượng cùng đoàn kết chung lòng Bắc, Trung, Nam cùng thi đua xây dựng địa phương giàu mạnh.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Trung ương và Chính phủ, sau giải phóng, thống nhất đất nước, Đảng và Chính phủ đầu tư kinh tế mới, đưa dân các nơi đến xây dựng địa bàn Đạ Tẻ, nhờ đó mà đã biến mảnh đất Đạ Tẻ từ một đơn vị 3 xã thuần nông chỉ có 3.000 đồng bào dân tộc, sau 25 giải phóng từ 3 xã hình thành một huyện, từ 3.000 nay lên 45.000 người. Biến đất vùng này từ vùng đầm lầy tranh tre, lau, sậy, chỉ có 150 ha lúa nước 2 vụ của đơn vị công doanh mở mang ở thời kỳ đầu, nay đã có 3.000 ha ruộng lúa 2 vụ và trên xu thế phát triển đúng công suất nước hồ Đạ Tẻ sẽ tưới trên 3.000 ha tiềm năng.

Đến nay (1999) huyện Đạ Tẻ đang nỗ lực vươn lên đứng đầu sản lượng lúa trong tỉnh, từ 3000 ha gieo trồng ngày mới thành lập huyện, thì nay đã có 10.000 ha gieo trồng (quay 2 vụ) theo con số thống kê niên giám 1995 thì các huyện có sản lượng lúa đáng kể trong tỉnh thì :

Đức Trọng : 12.075 tấn thóc

Lâm Hà : 11.025 tấn thóc

Đạ Tẻ : 17.000 tấn thóc

Đơn Dương : 10.035 tấn thóc

Cát Tiên : 12.514 tấn thóc

Như vậy là sức vươn lên làm ruộng lúa nước của 2 huyện Đạ Tẻ – Cát Tiên là thấy rõ nhưng nhược điểm vẫn là thuần nông nặng lúa nước. Thủy lợi còn phát triển hết sức chậm. Công trình Hồ Đạ Tẻ xây dựng 10 năm đã hoàn thành 3 năm rồi nhưng phát huy chưa đầy 50% công suất của đề án công trình, là điều phải suy nghĩ để trả lời câu hỏi : Vì sao ?

Nhưng dù sao thì những năm gần đây khi có thủy lợi, nhân dân Đạ Tẻ đã tạo nên sức bật mới đúng hướng. Vừa thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích lúa nước, tăng năng suất cây trồng và phát triển nhiều vụ trong năm, vừa phát triển cây công nghiệp, cây ăn trái theo hướng đa dạng hóa cây trồng, tạo cơ sở phát triển công nghiệp chế biến vươn lên làm giàu trên mảnh đất có truyền thống kiên cường bất khuất của nhân dân Đạ Tẻ, cộng với truyền thống dân kinh tế mới Hà Sơn Bình, Trị Thiên, Triệu Hải có nền văn minh lúa nước sông Hồng và duyên hải miền trung khu 5 đến đây lập nghiệp. Hiện nay đã có nhà trồng trên 1.000 gốc tiêu có doanh thu hàng năm từ 5-70 triệu là khiêm tốn. Cây dâu con tằm tiếp tục vươn

lên. Trong thời Công ty dâu tằm Trung ương vỡ nợ nhưng Đạ Tẻ duy trì và bắt đầu đã có hướng phát triển. Chỉ còn cây mía do công nghiệp chế biến không đảm bảo, nên có nguy cơ phá sản, cần nghiên cứu thêm...

Có thể nói : Đảng bộ, đồng bào Đạ Tẻ đã phát huy tốt năng lực trí tuệ tiềm năng sáng tạo của mình, trong phát triển sản xuất ổn định đời sống trên 40.000 dân kinh tế mới thật sự hoàn toàn mới. Qua 25 năm, nhất là từ khi thành lập huyện đến nay, sau 13 năm nhìn lại: kinh tế phát triển đúng hướng, an ninh quốc phòng ngày một củng cố, tình hình chính trị văn hóa xã hội ổn định. Từ khi có công trình thủy lợi (hồ Đạ Tẻ) đến nay, thời gian chưa dài, nhưng huyện đã bắt đầu phát huy có hiệu quả, làm cho bộ mặt Đạ Tẻ đương có xu thế chuyển biến tích cực, tâm lý xã hội, cung cách làm ăn có nét thay đổi thật sự, là điều đáng mừng. Nhưng cũng thật lòng mà nói, trên địa bàn này, cách đây 25 năm trên 3.000 đồng bào dân tộc sống ở 3 xã vùng 3, họ là tất cả, nay thì họ lại là thiểu số, trước đây họ ít người nhưng rất nhiều đất, nhưng nay thì ngược lại, họ lại là ít người, nhưng thiếu đất, không đất sản xuất. Điều này tôi có suy nghĩ từ lâu nhưng chưa có lời giải đáp đúng đắn, thời gian càng đi tới, càng khó giải quyết, nếu huyện không kiên quyết giải quyết con đường định canh, định cư ổn định gắn chặt với bảo vệ rừng cho họ, thì cái mà người sau sẽ trách cứ chúng ta, có thể là chỗ

này, cần suy tính chín chắn giải quyết triệt để (so sánh dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa trên mấy chục xã của tỉnh thì dân tộc Đạ Tẻ chúng ta không lớn, nhưng có đời sống gặp khó khăn nhiều hơn là các nơi khác, tôi cảm thấy như vậy...).

Sau đây tôi muốn nêu lên vài ý kiến cho hướng sắp đến cần phải suy nghĩ gì trên địa bàn Đạ Tẻ sau những năm 2000-2005-2010-2020 theo hướng của Trung ương, Chính phủ mà tỉnh ta chỉ đạo cho vùng Đạ Tẻ sắp đến. Tuy là ý kiến cá nhân và là ý kiến ban đầu suy nghĩ cảm tính. Nhưng tôi cũng cứ mạnh dạn đóng góp với tập thể đảng bộ và nhân dân Đạ Tẻ phần cá nhân mình biết, mình suy tính...

Trước hết cần xác định trách nhiệm Đảng bộ và nhân dân Đạ Tẻ cần nỗ lực hơn nữa, đoàn kết phấn đấu vươn lên xứng đáng với truyền thống anh hùng trong thời chiến đã đóng góp, lập được công tích anh hùng của cuối thế kỷ 20, thì những năm đến quyết tiến lên phấn đấu đạt tiêu chuẩn anh hùng trong hòa bình xây dựng cuộc sống vật chất văn hóa xã hội phải đạt tiên tiến trên một địa phương đầy truyền thống này.

Hai là : nhân dân Đạ Tẻ – anh hùng trong đánh Mỹ cứu nước từ hai bàn tay trắng làm nên lịch sử... được thành tích ấy là nhờ có 3.000 dân Mạ. Đạ Tẻ biết phát huy truyền thống đoàn kết Kinh Thượng một lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sống chết có

nhau, nghèo khổ giúp nhau, đói rách chung nhau, đó là bí quyết giành toàn thắng. Nay sau 25 năm hòa bình xây dựng có cả một lực lượng nhân dân hùng hậu trên 45.000 người khắp các miền Nam Bắc đều có mặt trên vùng đất Đạ Tẻ. Mỗi địa phương từ xa đến xây dựng quê hương mới đều mang theo truyền thống văn hóa của địa phương mình đến đây lập nghiệp. Đảng bộ Đạ Tẻ cần đi sâu phát huy sức mạnh truyền thống văn hóa của mỗi địa phương tập hợp trí tuệ đoàn kết một lòng, phát động dân chủ ở cơ sở, phát huy tình làng nghĩa xóm, tương thân tương ái chia ngọt xẻ bùi, nhường cơm xẻ áo, giúp cho 3.000 đồng bào Mạ vươn lên theo kịp cách làm ăn mới, bình đẳng giữa Kinh Thượng, thể hiện trong cuộc sống, quyết không để đồng bào dân tộc tụt hậu quá xa... Đây là trách nhiệm của tập thể đảng bộ chính quyền đoàn thể 45.000 nhân dân người Kinh mới đến trong huyện không được lãng quên lực lượng thiểu số ấy.

Bà là : Đạ Tẻ phải gấp rút chỉ đạo nghiên cứu làm quy hoạch cụ thể về kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, xác định thật đúng đắn cây trồng, vật nuôi thật phù hợp với điều kiện tự nhiên – kinh tế – xã hội thực tế khách quan theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa trên địa bàn Đạ Tẻ phải làm gì làm như thế nào bắt đầu từ cái gì? Phải được thống nhất từ cơ sở quần chúng đến huyện, tỉnh trong quy hoạch chung cả nước và rất trân trọng phát huy thế mạnh

kinh tế ở vùng này mà thực tế 25 năm đã có cơ sở để kết luận rõ hơn tiềm năng và khả năng thiên nhiên đất nước con người thực tế ở vùng này.

Bốn là : theo tôi đối với Đạ Tẻ những năm đầu thế kỷ 21, huyện nên tập trung chỉ đạo phát triển hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi toàn bộ trên các cánh đồng dọc sông Đạ Tẻ, Đạ Mí, Đạ Hàm, Đạ Cộ và vùng dọc sông Đạ Lây, đưa nước tưới tiêu chủ động tất cả các vùng đất bằng của huyện, có kế hoạch thâm canh cao đưa đồng ruộng Đạ Tẻ đạt năng suất 4 đến 5 tấn vụ/ha, từ 10 đến 12 tấn ha năm, theo cho kịp năng suất lúa trong cả nước. Đồng thời có kế hoạch phát triển cây công nghiệp ngắn và dài ngày, đưa cây dâu lên hàng đầu trong hệ thống cây công nghiệp trên vùng đất thổ, phát triển mạnh cây tiêu, cây ăn trái đặc biệt là cây sầu riêng có thể thay thế cây điều, nên nghiên cứu phát triển cây cam, cây bưởi và nghiên cứu thí nghiệm thêm một số cây có giá trị kinh tế cao phù hợp ở đây chứ không dừng lại mấy cây truyền thống.

Huyện nên có kế hoạch lập vườn cây thực nghiệm, đưa các giống cây ăn trái từ đồng bằng sông Cửu Long về đây để trồng thực nghiệm trong đó cây măng cụt nó thuộc họ cây bứa thì ở đây có phát triển được không ? Tuy nó lâu cho quả nhưng khi có quả thì giá trị kinh tế hết sức cao, nếu đất này chịu cây măng cụt thì ta phát triển để cho con cháu hưởng...

Vấn đề chăn nuôi đối với huyện Đạ Tẻ : cần có kế hoạch phát triển chăn nuôi, chăn thả tự nhiên trên 45.000 ha rừng tự nhiên, nó là con gì và nuôi như thế nào các đồng chí suy nghĩ... Vấn đề chăn nuôi phải gắn liền với kế hoạch thâm canh cây trồng. Nếu chăn nuôi tằm thì có thể một ha dâu nuôi tằm có thể đảm bảo thâm canh 5 ha lúa, một con bò có thể thâm canh một ha cây ăn trái... Ngoài ra nên phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm như gà vịt vừa thường xuyên có phân bón tự nhiên vừa chống được sâu bọ đối với cây trồng, chúng ta không thể xem thường... làm sao thế kỷ tới nhân dân Đạ Tẻ phải được khuyến khích kinh tế, chăn nuôi làm cơ sở để phát triển công nghiệp và tiểu công nghiệp, trở thành hàng hóa, là bộ phận thu nhập quan trọng trong nhân dân.

Những năm đến, Đạ Tẻ cần tập trung suy nghĩ hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện mình là cái gì, làm sao để hình thành công nghiệp hóa. Vấn đề nào được khuyến khích, vấn đề gì phải hạn chế trên cơ sở phát huy tiềm năng của mình. Theo tôi, hướng tới có thể xác định được là công nghiệp chế biến tơ lụa. Bởi vì nơi đây có lao động từ Hà Sơn Bình đến, mang theo truyền thống tơ lụa Hà Đông. Nếu được nhân dân hưởng ứng, biến cả 600 ha mía và 300 ha cây điều giá trị kinh tế không cao, chuyển thành đất trồng dâu thâm canh cao là cơ sở nguyên liệu phát triển ngành này không phải không có hiện thực. Trên địa bàn Đạ Tẻ có tiềm

năng phát triển cây tiêu và cây ăn quả, có khả năng phát triển dọc bờ suối, dọc chân núi thì không có cây nào bằng. Vì con đường làm giàu của Đạ Tẻ, là khi nào chuyển hướng được cây trồng trên vùng đất thổ, vườn nhà vừa khả năng, vừa hiện thực và đã có một số mô hình thực tế, cần tổng kết nhân rộng ra nhanh chóng nếu không sẽ bỏ lỡ thời cơ và phí phạm thời gian.

Con đường công nghiệp hóa lâu dài của Đạ Tẻ, không nên hạn chế suy nghĩ 6.000-7.000 ha đất bằng và tương đối bằng nói trên. Phải nghĩ đến phương hướng lớn là công nghiệp hóa sản phẩm từ lâm nghiệp trên 45.000 ha rừng, là mục tiêu lớn lao của Huyện. Chẳng lẽ cứ để 45.000 ha rừng hoang dã, không để nó tham gia sản phẩm gì trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa hay sao ? Chính trên đất rừng Đạ Tẻ là cả một kho nguyên liệu vô tận. Nếu ta có cách quản lý tốt sản phẩm từ tre, nứa, song, mây cũng có thể sử dụng biết bao sức lao động khai thác chế biến sản phẩm không nhỏ, phục vụ cho nhân dân, có công ăn việc làm thường xuyên, cải thiện cuộc sống.

Có thể lý sự một chút : ruộng lúa sử dụng 2 lao động/1 ha canh tác, nếu có cơ giới tham gia thì 1 ha/nửa lao động, sẽ cho giá trị sản phẩm hàng năm bằng 30-50 triệu đồng. Vậy thì đất có rừng, chia rừng khoán cho dân giữ, 1 lao động 5 hoặc 10 ha, thì 45.000 ha rừng, cứ giả sử 1 ha rừng hàng năm sinh

trưởng 2 m3 gỗ cho người giữ rừng được hưởng một nửa sản phẩm sinh trưởng ấy, thì cũng giải quyết hàng mấy ngàn hộ canh tác từ rừng (còn tre, nứa thì cũng với tỷ lệ ấy để người lao động hưởng hoa lợi làm ra, thực sự có trách nhiệm với rừng. Nếu có chính sách và biện pháp tổ chức làm được thì có gì khó lại không giải quyết nổi cảnh nghèo đói cho mấy trăm hộ đồng bào dân tộc gốc địa phương. Nếu chúng ta xã hội hóa được nghề rừng theo kiểu giao quyền sử dụng rừng như giao quyền sử dụng đất nông ghiệp, cho nông dân làm ăn, đóng thuế cho Nhà nước, còn giao rừng cho hộ nông nghiệp sử dụng, được hưởng hóa lợi tăng trưởng hàng năm, có đóng thuế cho Nhà nươc một nửa và bảo vệ vốn cố định của rừng, thì tôi cho là hạnh phúc lắm với đất nước này. Đạ Tẻ có dám tổ chức xin tỉnh, Trung ương và Chính phủ cho làm thí điểm một vùng khoảng 10.000 ha xem sao?

Trên cơ sở tổ chức nhân dân bảo vệ sử dụng rừng có chủ cụ thể, từ đó ta có phương án phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, từng mặt hàng, sản phẩm từ gỗ, song, mây, tre, nứa và các loại thứ phẩm, lấy ra từ rừng để bồi bổ lại lâm sinh, mới giữ được rừng nguyên sinh, bảo vệ những cây có giá trị trong rừng thật sự có chủ cụ thể, dành lại cho đời sau và cũng là phương pháp tốt nhất trong công tác bảo vệ sinh thái, môi trường, chứ không phải bảo vệ theo kiểu cổ truyền như lâu nay.

Vấn đề rừng tỉnh ta, trong tất cả các huyện, thị xã Bảo Lộc, thành phố Đà Lạt đã trở thành một đề tài khoa học, nên nêu ra để thảo luận đến nơi, đến chốn, nhằm tìm ra một phương án khả thi, trong đó có chủ đề tôi nêu là một giả định, góp một gợi ý thô thiển để tranh luận, nên có những cuộc hội thảo để các nhà khoa học tìm ra tiếng nói chung, giữa khoa học và chuyên ngành, giữa quản lý hành chính, lãnh thổ vùng, các nhà doanh nghiệp, giữa công nghiệp rừng, quản lý sản xuất kinh doanh rừng và chế biến lâm sản đi đến thống nhất trên dưới, có phương án đúng đắn về công nghiệp rừng cả trước mắt và lâu dài, chứ không nên thả nổi 45.000 ha rừng mênh mông mà không có phương án là sai lầm, khó sửa về sau.

Tôi nêu tất cả 4 vấn đề trên mà quyết định là vấn đề con người, con người có tổ chức, có quản lý, có tính tự giác, con người tốt , có tổ chức quản lý phù hợp, sẽ biến tấc đất tấc vàng, sỏi đá thành cơm, biến rừng núi mãi mãi là kho vàng vô tận. Nhược bằng ngược lại con người không có văn hóa, dốt nát, thô bạo, mưu mô chiếm đoạt, tàn phá thiên nhiên, tham vọng thỏa mãn cá nhân, chỉ biết trước mắt mà không biế đời sau, chỉ biết mình mà không nghĩ đến ai, không có trách nhiệm với xã hội, thì hạng người ấy trong tay có ngọc cũng tìm cách nghiền nát ngọc, có vàng cũng để vàng chảy theo tro, biến kho vàng rừng, sẽ thành đồi trọc trơ trụi, đất đai xói mòn,

thoái hóa, nguồn nước cạn kiệt, dẫn đến không còn đường sống là con đường tận thế.

Con người tốt hay không tốt, có trách nhiệm hay không có trách nhiệm, là từ Đảng ta, mà cụ thể mỗi Đảng bộ của từng địa phương, có tổ chức lãnh đạo chặt chẽ, động viên nhân dân làm theo đường lối, chủ trương chính sách của Đảng nghiêm túc hay không ? Bởi vì Đảng là đội tiên phong, là trái tim bộ óc của nhân dân . Sự nghiệp cách mạng của Đảng qua 30 năm đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc, nhờ có đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng bộ vùng 3 mấy chục đồng chí đã lãnh đạo 3.000 đồng bào dân tộc vùng 3 từ 2 bàn tay trắng, đứng lên làm chủ với khẩu hiệu thương dân, yêu nước đứng lên làm cách mạng ; với khẩu hiệu ấy nhân dân vùng 3 đã dành hết thắnng lợi này đến thắng lợi khác và đã góp phần quan trọng trong chiến dịch giải phóng B'Lao 28/3/1975, góp phần giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, 25 xây dựng để có ngày nay.

Tôi còn nhớ ngày kháng chiến gian khổ, Đảng ta nêu mục tiêu cho tất cả đảng viên, động viên đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế-xã hội. Với khẩu hiệu hành động hàng ngày là "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau", "đảng viên đi đầu, nhân dân quyết thắng". Với hành động gương mẫu của cán bộ đảng viên thời ấy mà 3.000 dân vùng 3 chúng ta trước kẻ thù hung bạo nhất, đã làm cho trái tim của nhân dân

vùng 3 trở thành gang thép, để chiến thắng quân thù, một bước không đi, một ly không rời khỏi mảnh đất này. Ngày nay với truyền thống ấy, nhất định nhân dân vùng 3 sẽ xây dựng huyện nhà trở thành một huyện giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc. Quyết xứng đáng với nguyện ước của đồng bào Đạ Tẻ không phụ sự hy sinh của những người đã mất trên mảnh đất này.

IV/ THAM LUẬN CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN XUÂN DU (CHỦ ĐỀ 30 NĂM THỰC HIỆN DI CHÚC CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, ĐẢNG BỘ LÂM ĐỒNG QUYẾT TÂM LÀM THEO LỜI BÁC):

Thưa các đồng chí !

Qua 30 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng đã cùng nhân dân cả nước làm tốt lời di chúc của Người.

Qua các bản tham luận của các đại biểu, tôi theo dõi và tiếp thu nghe nhiều ý kiến rất hay, rất đầy đủ, toàn diện...

Là người chứng kiến lịch sử, trong quá trình toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Lâm Đồng cùng cả nước phấn đấu thực hiện di chúc của Bác Hồ và quyết tâm làm theo 5 lời thề của Ban chấp hành Trung ương Đảng, mà đồng chí Lê Duẩn đọc tại buổi lễ truy điệu tiễn Bác ra đi. Tôi cho rằng Di chúc của Bác để lại

cho chúng ta là động lực, đã thúc đẩy cuộc kháng chiến kiến quốc trong 30 năm qua, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nội dung Di chúc Bác để lại, thời gian càng đi tới, càng hấy sự vĩ đại của Bác. Bác ra đi với cuộc đời thanh thản, cao quý, với tầm nhìn xa trông rộng rất chiến lược của Bác...

Tôi nghĩ rằng : Bản di chúc của Bác để lại cho đồng chí, đồng bào ta sánh với Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi..., như *Binh thư yếu lược* của Trần Hưng Đạo, phải được lưu giữ đời đời và nhắc nhở con cháu hiện tại và tương lai phát huy, giữ gìn truyền thống văn hóa của Di chúc đặc biệt này của Bác, Người đã để lại cho dân tộc, cho đất nước bản Di chúc có giá trị lịch sử cho muôn đời sau.

Thực hiện Di chúc của Bác, sau 6 năm (2/9/1969-1/5/1975), quân dân miền Nam cùng quân dân cả nước chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược, tên đế quốc đầu sỏ hung hãn nhất của nhân loại, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quan trọng nhất mà Bác nêu trong Di chúc, đó là "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể kéo dài... đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta cũng phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn".

Sau ngày miền Nam được giải phóng, thống nhất đất nước, đến nay đã 24 năm, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội,

bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, dẹp loạn bên trong, đánh xâm lược biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, giúp nhân dân Campuchia trừ họa diệt chủng của chế độ Pôn Pốt, đấu tranh giữ vùng trời, vùng biển, đưa sự nghiệp đổi mới từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đời sống các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người từ 50 USD/năm (1976) nay tăng lên trên 300 USD.

Tuy Việt Nam ta vẫn còn là nước nghèo, nhưng đang ở xu thế phát triển. Riêng các trung tâm kinh tế, thương mại lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang đã có thu nhập bình quân đầu người năm lên 1000 – 1500 USD người.

Cách đây 12 năm về trước ở thời kỳ còn chế độ bao cấp bao tiêu, nước ta nằm trong tình trạng làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập. Nhưng sau 12 năm đổi mới cơ chế kinh tế, đến nay lương thực có thừa dự trữ chống thiên tai, và đã nhiều năm liền có gạo xuất khẩu đứng thứ 2 của thế giới. Mấy năm qua nhiều mặt hàng xuất khẩu phát triển khá, hàng năm đã thu được nhiều tỷ ngoại tệ cho đất nước.

Ngân sách Nhà nước từng bước cân đối, đảm bảo yêu cầu chi tiêu cơ bản hàng năm và đã có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, đáp ứng một phần cho xây dựng và trả nợ đến hạn cho nước ngoài.

Về đối ngoại : Đảng, Nhà nước ta đã củng cố tăng cường tình hữu nghị với các nước láng giềng và anh em Cu Ba, Lào, Cam Pu Chia, phục hồi quan hệ ngoại giao bình thường với Trung quốc, gia nhập khối Đông Nam Á, nối lại quan hệ ngoại giao với Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ, các nước Đông âu cũ, giải tỏa việc cấm vận của Mỹ đối với nước ta, củng cố và phát triển quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trên thế giới (trên 150 nước) trong đó có Mỹ...

Lịch sử đất nước ta chưa có thời kỳ nào mà quan hệ ngoại giao rộng rãi như thời kỳ này. Ngày nay cả nhân loại đang tìm hiểu nguồn gốc, nguyên nhân truyền thống văn hóa người Việt Nam đã đánh thắng Mỹ... Một dân tộc đất không rộng, người không đông, kinh tế lạc hậu... Nhưng lại là một dân tộc duy nhất trong thế kỷ thứ 20 này đã ghi đậm trang sử 21 năm đọ sức với Mỹ và chiến thắng, buộc đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, hung hãn nhất thế giới tư bản, chưa hề bị đánh bại, nay phải chịu thua dân tộc Việt Nam.

Cùng cả nước phấn đấu thực hiện Di chúc Bác Hồ, nhân dân Lâm Đồng với quyết tâm của mình đã hứa với Bác, trong lễ tiễn biệt Người. Từ tiền phương đến hậu phương căn cứ, đơn vị, cơ quan, Kinh, Thượng, lương giáo, đồng chí, đồng bào có mặt trong các buổi lễ truy điệu tiễn biệt Bác, xin thề với Bác, biến đau thương thành sức mạnh, đoàn kết một lòng đánh tan quân xâm lược và bè lũ tay sai, đập tan kế hoạch bình định cấp tốc của Mỹ Ngụy. Toàn

tỉnh quyết tâm mở chiến dịch thu đông bắt đầu từ 11/9 đến 20/12/1969, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã tổ chức tập kích khu căn cứ tiền phương sư đoàn 23 trung đoàn 53 quân Ngụy đóng tại Di Linh, phá banh 24 khu ấp chiến lược trên đường 20, phối hợp với quần chúng dân tộc và cơ sở bên trong các ấp chiến lược, vận động giải trang 24 đội phòng vệ dân sự, thu nhiều súng đạn quân trang, quân dụng, làm cho hàng ngũ địch trong hệ thống ấp chiến lược hoang mang dao động đến cực độ. Địch phải đưa quân cộng hòa, bảo an phân tán xuống chốt giữ ấp, đồng thời ra lệnh rút hết súng còn lại của phòng vệ dân sự trong các cấp, đề phòng ta vận động giải trang tiếp tục.

Cũng trong thời gian này, trên 12.000 dân căn cứ Bắc và nam đường 20 Lâm Đồng đã phát động quần chúng cùng thi đua lập công dâng Bác, tổ chức du kích dân tộc bắn máy bay và đã bắn rơi làm bị thương nhiều máy bay của Mỹ. Phong trào này đã được phát động liên tục đến ngày giải phóng 28/3/1975 (Lịch sử 21 năm đánh Mỹ của quân và dân Lâm Đồng đã ghi lại). Nổi lên phong trào này có du kích K Wét xã 1 (Lộc Bắc) đã bắn hạ chiếc máy bay HU 1A ngày 7/7/1970 tại Bơ Lạch Hăng Ca diệt trung tướng Giêcoócgi Kêsi và 7 sĩ quan tham mưu của sư đoàn kỵ binh bay của Mỹ.

Làm theo di chúc của Bác, sau hòa bình thống nhất nước nhà, qua 24 năm quân dân Lâm Đồng đã

không ngừng phấn đấu thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, đoàn kết thống nhất một lòng, ra sức phát triển kinh tế, xây dựng xã hội... Sau 24 năm tỉnh Lâm Đồng đã phát triển dân số, tiếp nhận phân bố lao động trong cả nước, đã đưa dân số từ 342.443 người năm 1976, lên đến 1 triệu người. Diện tích canh tác từ 44.580 ha (cây công nghiệp có 9.494 ha), năm 1996, nay đã lên đến 180.000 ha trong đó có trên 100.000 ha cây công nghiệp, cây ăn quả. Kim ngạch xuất khẩu từ giá trị 450.000 rúp đô la năm 1976, đến nay đã đạt được trên dưới 50 triệu đô la. Cơ sở hạ tầng, giao thông, bưu điện, điện, nước, nhà ở tăng gấp nhiều lần so với ngày mới giải phóng. An ninh, quốc phòng, trật tự xã hội củng cố tăng cường. Tỉnh ta đã đi đầu trong đấu tranh dứt điểm bọn phản động vũ trang Fulro ngoài rừng từ năm 1986. Đời sống văn hóa, giáo dục phát triển khá tốt.

Là một tỉnh miền núi đã xóa được nạn mù chữ và phổ cập tiểu học sớm nhất và đang phấn đấu phổ cập trung học cơ sở.

Trong vùng dân tộc và 27 xã vùng sâu, vùng xa đã có hàng ngàn người dân tộc theo học trung đại học, các trung tâm nội trú và có hàng trăm cán bộ tốt nghiệp, trung, đại học... Đây là lực lượng nòng cốt của nhân dân các dân tộc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa giàu mạnh, công bằng, dân

chủ, văn minh của các dân tộc gốc địa phương. Sau 30 năm Đảng bộ và chính quyền, mặt trận, đoàn thể đã vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, đã nâng mức thu nhập GDP bình quân đầu người từ 40 USD năm 1976 đến 80 USD năm 1980 và đã lên gần 350 USD năm 1999. Đối với một tỉnh miền núi như Lâm Đồng có nhiều dân tộc thiểu số và có hai phần ba là dân kinh tế mới, dân di cư tự do. Để ổn định cuộc sống cho họ là đầy khó khăn. Nhưng Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân ta đã phấn đấu vượt mọi khó khăn, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác, đạt được kết quả nói trên là rất đáng tự hào.

Chúng tôi cho đây là tiền đề rất có ý nghĩa quan trong tư thế chuẩn bị hành trang để đồng bào ta vững bước đi vào thế kỷ 21, thiên niên kỷ thứ 3 đầy tự hào, có tiềm lực và cũng đầy thách thức, nguy cơ và vận hội đan xen, chúng ta không sao lường hết những rủi ro và may mắn đến với Lâm Đồng chúng ta. Nhưng tôi vững tin Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng có nhiều kinh nghiệm thực tế để tiếp tục chiến thắng trên cơ sở Đảng bộ và quân dân chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ hướng về phía trước.

Trên vai chúng ta có gần 1 triệu ha đất đai rừng núi, sông suối, thác ghềnh đầy thơ mộng, với gần 1 triệu dân và có gần 200.000 ha đất canh tác, trong đó có 100.000 ha cây công nghiệp dài ngày, trà, cà phê, ươm tơ dệt lụa, chế biến lâm sản, khoáng sản.

Tương lai không xa nhà máy luyện nhôm ra đời. Tiềm năng thủy điện dồi dào, có đủ cung cấp cho sự nghiệp công nghiệp hóa, thủy lợi hóa nông lâm nghiệp phục vụ cho hiện đại hóa nông thôn nông dân, công nghiệp hóa nông nghiệp theo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi cũng tin rằng, để phát huy tiềm năng nội lực này, Đảng bộ và nhân dân còn phải dày công xây dựng và phát triển không ngừng, đòi hỏi các thế hệ kế tiếp phải có sự nỗ lực vượt bậc, tất cả cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa, có thế mới biến tiềm năng thành hiện thực đi vào cuộc sống.

Trong bản tham luận này, có điều rất quan trọng nữa mà Di chúc Bác đặt ra, dặn đi dặn lại chúng ta: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân..." Tôi suy nghĩ liên hệ về điểm này, Đảng bộ chúng ta còn nhiều khuyết điểm đối với sự dặn dò của Bác, nhất là trước âm mưu diễn biến hòa bình của Mỹ, đã có một số đồng chí chúng ta chịu tác động ảnh hưởng không nhỏ mặt trái của cơ chế thị trường, chủ nghĩa cá nhân phát triển, năng lực đồng tiền chi phối, làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng, nhất là số đảng viên nắm giữ chức quyền đã chạy theo lối sống thực dụng, phai mờ lý tưởng của

Đảng, dẫn đến thoái hóa biến chất, có một số không ít đã móc ngoặc tiếp tay cho bọn gian thương trốn thuế, lậu thuế, tham ô, nhũng lạm, kéo bè kéo cánh bao che lẫn nhau, tranh chức tranh quyền, gây chia rẽ nội bộ, làm giảm sút ý chí chiến đấu trong đảng viên và ngày càng phát triển, ngay trong hệ thống quyền lực các cấp, làm lu mờ bản chất chính quyền của dân, do dân, vì dân, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng... Đến nay trở thành nỗi đau của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

Để tiếp tục thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vừa qua Ban chấp hành TW Đảng cộng sản Việt Nam khóa VIII đã ra Nghị quyết 6 lần 2 về xây dựng Đảng... Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã phát động tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, toàn dân tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng gắn với việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xây dựng, xã hội, củng cố quốc phòng, chuẩn bị lực lượng đảng viên cán bộ của Đảng, có đầy đủ điều kiện để tiến vào thế kỷ 21, thiên niên kỷ thứ 3. Cùng cả nước ra quân hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng Bí thư, mỗi đảng viên, cán bộ của Đảng phải tích cực tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng, chuẩn bị đầy đủ và nghiêm túc tự phê bình và phê bình, làm cho đội ngũ đảng viên cán bộ của Đảng trong sạch, vững mạnh, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, khôi phục lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Quyết tâm làm theo lời Bác :"Giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như gữ gìn con ngươi của mắt mình" !, "Đảng viên cán bộ của Đảng phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân..." Tôi nghĩ rằng lúc này hơn lúc nào hết, từng Đảng bộ, từng cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, công nông lâm trường, từ tỉnh đến huyện, xã phải tập trung sức, chỉ đạo chặt chẽ từng đảng viên cán bộ có vấn đề mà nhân dân dư luận phê phán, chê trách thì phải được tự phê bình và phê bình thật tốt, tiếp thu làm rõ đúng sai để giải đáp mọi nghi ngờ, thắc mắc của quần chúng, giải đáp mọi phân vân của nội bộ... Đồng chí nào tự phê bình trong nội bộ không rõ, nội bộ phê bình không tiếp thu, sửa chữa, còn quanh co, tránh né thì phải được đưa ra quần chúng địa phương nơi ở sinh hoạt góp ý, như nội dung 5 điểm của đồng chí Tổng bí thư, mà trong Tạp chí cộng sản số 16/8/1999 đã nêu.

Cần nhận thức đầy đủ rằng : Tổ chức Đảng là trung tâm lãnh đạo chính trị xã hội. Quan điểm của Đảng lấy dân làm gốc, cán bộ đảng viên của Đảng được phân công lãnh đạo, đó là chỗ dựa của dân... Cán bộ tốt dân nhờ, cán bộ không tốt dân lo... cho nên đợt tự phê bình và phê bình xây dựng chỉnh đốn Đảng lần này phải là cuộc vận động và lãnh đạo nhân dân tham gia tích cực với nguyên tắc : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Những hành động sai trái của đảng viên cán bộ khi cần phải công khai cho dân góp

ý là đúng với đường lối quần chúng của Đảng, thì nhất định cuộc phát động xây dựng chỉnh đốn Đảng sẽ thành công tốt đẹp, bằng làm không tốt, quần chúng không tham gia, thờ ơ, đứng ngoài cuộc là có vấn đề, cần phải xem xét.

Đảng bộ Lâm Đồng quyết xứng đáng với Di chúc của Bác Hồ, mọi cán bộ đảng viên của Đảng, cùng nhân dân tích cực tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, làm cho Đảng bộ thật sự trong sạch vững mạnh, xứng đáng là đội tiên phong trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và dựng nước.

Độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội. Thực hiện ước mơ của mọi người là đưa chủ nghĩa xã hội khoa học đi vào cuộc sống thực tế, trên đất nước ta, quê hương Lâm Đồng chúng ta đang trên con đường liên tục phấn đấu làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

V/ THAM LUẬN : QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG DÂN VẬN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH :

Thưa các đồng chí ! Thưa các vị !

Trước hết tôi rất hoan nghênh chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Dân vận tỉnh, Ban tuyên giáo, Ban giám hiệu trường chính trị Lâm Đồng, phối hợp tổ chức hội thảo chủ đề :"Quán triệt tư tưởng "Dân vận của chủ tịch Hồ Chí Minh, tiếp tục đổi mới

nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị... nhân kỷ niệm 50 bài báo Dân vận Bác Hồ viết trên báo Sự thật ngày 15/10/1949. Tôi coi đây là việc làm hết sức thiết thực góp phần xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW6 lần 2. Tôi nghĩ rằng, trong cán bộ Đảng viên của Đảng đều hiểu rằng : tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống lý luận và thực tiễn bao gồm nhiều lĩnh vực rộng lớn và rất phong phú... Trong đó có tư tưởng và quan điểm xuyên suốt của Người là dân và dân vận, là một bộ phận quan trọng nhất nằm trong phạm trù của công tác xây dựng Đảng "dễ trăm lần không dẫn chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Thực chất là xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Dân vận là luận điểm chính trị rất cơ bản, có tính hệ thống quan điểm quần chúng của Đảng. Dân vận vừa là nội dung, quy trình phương pháp cách mạng và nghệ thuật vận động quần chúng hóa chủ trương của Đảng CSVN.

Bài báo Dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh 15-10-1949 trên báo Sự thật, tôi học đi học lại, Bác viết rất gọn trong 4 phần, 575 từ từng câu từng chữ của Bác nêu trong bài báo rất có ý nghĩa chiến lược của Người. Tôi cho đây là cụ thể hóa bản cương lĩnh tóm tắt đường lối chính sách của Đảng đối với dân và phương pháp vận động nhân dân làm cách mạng.

Dân vận vừa là mục tiêu, mục đích của cách mạng và cũng là phương pháp vận động cách mạng

của Đảng CSVN, điều đó Bác đã khẳng định. Dân là lực lượng, là nguồn gốc của sức mạnh là lực lượng vô địch của Đảng để vượt mọi khó khăn, để chiến thắng mọi kẻ thù... Điều này đã chứng minh từ khi Đảng ra đời năm 1930 và 9 năm kháng chiến đánh thực dân xâm lược Pháp, 21 năm chiến thắng đế quốc xâm lược Mỹ.

Bài báo Dân vận chỉ rõ là vận động mọi tầng lớp nhân dân, mọi lực lượng trong toàn xã hội giác ngộ, tổ chức hình thành những đội quân chân đồng vai sắt, đội quân áo trắng, áo lam, áo dài, là lực lượng cầm súng, cầm cuốc, cầm cày, cầm bút... là đội quân tóc ngắn tóc dài. Dân vận là phát huy truyền thống anh hùng bất khuất của cả một dân tộc của lớp lớp ông cha hướng về phía trước phối hợp tiền tuyến và hậu phương, là lực lượng trong lòng địch, đánh thẳng vào quân thù, bám thắt lưng địch mà đánh. Đánh vì lợi ích của cả dân tộc của giai cấp cần lao, của các tầng lớp nhân dân yêu nước thương nòi. Quyết đánh và quyết thắng và thực tế đảng ta, nhân dân ta đã thắng trong 9 năm đánh Pháp đã làm nên trận chiến Điện Biên, đuổi thực dân Pháp ra khỏi nước ta năm 1954, 21 năm đánh Mỹ, làm nên chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, buộc Mỹ rút khỏi nước ta.

Dân vận là phát huy trí tuệ của toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân, bàn bạc với dân... Hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân, cùng nhân

dân lập ra kế hoạch phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể để giành toàn thắng.

Dân vận là phương thức vận động nhân dân, quần chúng hóa chủ trương đường lối chính sách nghị quyết của Đảng , pháp luật Nhà nước cho phù hợp và cụ thể trong từng thành phần xã hội, tôn giáo, dân tộc khác nhau là động viên tổ chức các tầng lớp nhân dân hành động theo mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Khi nhân dân giác ngộ, có tổ chức, có mục tiêu hành động và quá trình hành động, đảng phái theo dõi uốn nắn, động viên giúp đỡ họ... chính quyền phải có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng tinh thần vật chất thiết thực cho họ. Mặt trận đoàn thể phải có biện pháp tổ chức khuyến khích, nuôi dưỡng duy trì và phát triển rút kinh nghiệm nâng cao và cũng là quá trình theo dõi phát hiện cốt cán bổ sung đội ngũ đảng viên cán bộ của Đảng ta ngày một vững mạnh.

Trong bài báo Bác Hồ đã xác định : Ai phụ trách dân vận ? Bác chỉ rõ : Tất cả cán bộ đảng viên được phân công trên mọi lĩnh vực chính quyền đoàn thể, hội viên mặt trận ... Từ TW đến địa phương cơ sở, đều phải làm công tác dân vận theo sự phân công trong hệ thống chính trị của Đảng.

Từ lập kế hoạch công tác, sắp xếp lực lượng vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị, đều phải qua vận động quần chúng đó là dân vận.

Khi sắp xếp lực lượng hành động cách mạng là phải có lực lượng tiền phong gương mẫu, có lực lượng dự bị, hậu vệ, có đội xung kích, có phong trào thi đua và mục tiêu thi đua đó là công tác dân vận.

Tôi còn nhớ trong chỉnh huấn chính trị năm 1951-1952 của Đảng ta, có nội dung kiểm điểm đường lối công tác dân vận, kiểm điểm phương thức 3 cùng; 5 bước công tác vận động quần chúng. Đó là đảng ta cụ thể hóa tư tưởng dân vận của Người.

Nghiên cứu học tập lại bài báo của Bác, lúc bấy giờ Bác cũng đã chỉ rõ khuyết điểm về dân vận... Người viết : "Có nhiều nơi xem khinh công tác dân vận... thường cử cán bộ kém làm công tác dân vận và bỏ mặc họ... Vận được thì tốt, vận không được thì mặc... Không trông nom giúp đỡ và tự mình không có trách nhiệm dân vận, đó là sai lầm to rất có hại... Đến nay Đảng bộ ta có còn tình trạng này không ? Tôi xin mạnh dạn phát hiện chuyện ấy còn ! Nhưng mức độ có khác trước, nặng hay nhẹ còn tùy từng nơi.

Cuối bài báo Bác khẳng định : lực lượng của dân rất to. Dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công.

Nghiên cứu học tập và liên hệ những điều mà Bác Hồ dạy về dân vận, tôi thấy rằng : suốt cả quá trình vận động cách mạng và 30 năm kháng chiến đánh thực dân Pháp và đế quốc xâm lược Mỹ, cũng

như gần 25 năm xây dựng đất nước... nhờ làm tốt công tác dân vận mà đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trên thực tế nơi nào, lúc nào, cơ quan mặt trận đoàn thể địa phương, xí nghiệp nông lâm trường nào, làm tốt công tác dân vận là tập hợp động lực, thúc đẩy mọi lực lượng quần chúng tích cực tham gia, thì đạt kết quả toàn diện vững chắc. Ngược lại nơi nào, địa phương đơn vị xem nhẹ công tác dân vận, cán bộ Đảng xa rời quần chúng, quan liêu mệnh lệnh cửa quyền thiếu trách nhiệm, thiếu tâm, thiếu đức không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng và lợi ích của quần chúng, không có phương thức vận động quần chúng phù hợp... thì nơi ấy, địa phương đơn vị ấy khó đưa chủ trương đường lối chính sách Đảng đến tận người dân, thì không sao có thắng lợi trong cuộc sống thực tế.

Liên hệ học tập bài báo Dân vận của Bác Hồ, tự mình nghiêm túc kiểm điểm lại mình và liên hệ với Đảng bộ Lâm Đồng chúng ta theo tư tưởng dân vận của Bác, đa số đảng viên cán bộ chúng ta đã nghiêm chỉnh chấp hành. Đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng ở khắp bốn phương trời, khắp hang cùng ngõ hẻm, Đảng phân công Đảng viên xuống biển lên rừng, thâm nhập ngay trong lòng địch để vận động quần chúng, thực hiện 3 cùng, vận dụng 5 bước công tác, tuyên truyền giác ngộ tổ chức quần chúng cùng đảng

chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ đất nước... Được như ngày nay thì bắt đầu của sự nghiệp, cũng từ nhân dân mà ra và trở về với nhân dân là vấn đề dân vận. Sự nghiệp cách mạng của Đảng ta bắt nguồn vì nhân dân và cuộc đấu tranh thắng lợi và trưởng thành từ công tác dân vận. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân... lời dặn dò trong Di chúc của Bác có ý nghĩa chiến lược biết bao. Tôi nghĩ rằng : cán bộ đảng viên của đảng mà không nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và luật pháp nhà nước thì người đó không có nội dung lãnh đạo. Hay ai đó, học thuộc lòng từng câu từng chữ của chủ trương chính sách trong các nghị quyết, nhưng không tiếp cận được quần chúng nhân dân, không làm công tác tuyên truyền giáo dục giác ngộ nhân dân, không có hành động thực tế vì lợi ích thiết thân đem lại cho quần chúng, chỉ hoạt động vì động cơ cá nhân ích kỷ, thì đảng viên cán bộ đó làm sai tư tưởng quan điểm dân vận của Bác Hồ đã dạy, người ấy tuy không cố ý nhưng đã gián tiếp làm lợi cho kẻ thù, làm hại cho dân cho nước, làm mất uy tín của Đảng đối với nhân dân, trúng âm mưu diễn biến hòa bình của Mỹ trong giai đoạn hiện nay.

Bác Hồ và Đảng luôn luôn nhắc chúng ta : nước lấy dân làm gốc, dân lấy cuộc sống làm đầu... chế độ

ta là chế độ của dân do dân vì dân... Người lãnh đạo, người cầm quyền mà không sát dân, không biết đến cuộc sống của dân, không hiểu gì tâm tư tình cảm nguyện vọng của các tầng lới nhân dân thì làm sao dân thừa nhận sự lãnh đạo của mình, thì làm sao chứng minh được chế độ ta là chế độ của dân do dân vì dân... Nếu người cầm quyền mà không thật sự dân chủ với nhân dân, làm ngược lại quan điểm của Bác nói về nội dung và phương pháp công tác dân vận, cần nghiêm túc kiểm điểm lại.

Trong lúc suy nghĩ về tư tưởng dân vận của Bác nói trên, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần để hiểu từng câu từng chữ của Bác dạy. May thay tôi lại được đọc thêm một bài báo của đ/c Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư của Đảng ta, trên trang nhất báo Nhân dân ngày 30/9/1999, chủ đề : Nhớ ngày 15/10... có đoạn đ/c Tổng Bí thư viết rằng :"Tôi ngồi học bài dân vận của Bác Hồ và nghĩ rằng : những điều Bác căn dặn rất dễ hiểu, dễ nhớ, sâu sắc và đầy đủ. Làm theo tư tưởng của Bác, Đảng ta đã có nghị quyết về công tác dân vận, đề ra phương châm : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra... và đồng chí Tổng Bí thư nêu lên 4 vấn đề cần phải tập trung làm đến nơi đến chốn... Một : cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể bàn bạc với dân để cùng nhân dân đặt kế hoạch xây dựng xã phường, khu dân cư làm cho đời sống mọi người được sống bình yên, đoàn kết tình làng nghĩa

xóm. Trong các đơn vị cơ quan xí nghiệp thì bàn bạc dân chủ với cán bộ CNVC, chiến sĩ...

Hai : báo cáo công khai cho dân biết những việc của địa phương nhất là những vấn đề có liên quan đến lợi ích trực tiếp của người dân. Thực hiện công khai minh bạch tài chính thu chi... Ba : tổ chức tốt cuộc bầu cử HĐND các cấp, thật dân chủ, đúng luật pháp. Để nhân dân có điều kiện kiểm tra giám sát, chọn lựa những người đại biểu xứng đáng, đề nghị các vị, có sự trình bày với cử tri về quá trình phục vụ nhân dân của mình. Có gì chưa rõ, chất vấn thì trả lời với cử tri để cử tri thỏa lòng cân nhắc, không được áp đặt... Đảm bảo cho cử tri quyền chọn lựa đại biểu, một quyền lợi xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước thiêng liêng của công dân.

Ba : các cơ quan có trách nhiệm giải quyết các đơn thư khiếu nại, cố gắng tập trung thời gian và sức lực để sớm có kết luận và thông báo cho người khiếu nại. Những việc gì đã có kết luận thì các cơ quan có liên quan phải chấp hành đúng theo luật pháp, không được chậm trễ, ảnh hưởng lòng tin của nhân dân...Đồng chí Tổng Bí thư còn nêu :... Cán bộ Đảng viên ở tất cả các cấp, các ngành các cơ quan Nhà nước, cơ quan công tác Đảng, cơ quan lập pháp, tư pháp, tòa án, viện kiểm sát, thanh tra, kiểm tra, quân đội công an, ngân hàng, y tế, giáo dục, các vị thay mặt cho nhân dân... nên dành thì giờ ngồi ôn lại lời dạy của Bác về dân và công tác dân vận... Đồng

chí còn thêm : chúng ta lấy ngày 15/10 hàng năm làm ngày ôn lại những gì chúng ta đã làm đối với dân và công tác dân vận, để động viên nhau cố gắng hơn... Tôi trích 4 ý kiến đồng chí Tổng Bí thư phát biểu nói trên, coi đây là cụ thể hóa tư tưởng về dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là ý kiến chỉ đạo cho toàn Đảng toàn quân tổ chức thực hiện tư tưởng về dân vận của Bác cụ thể trong lúc này. Đảng bộ, chính quyền, mặt trận các đoàn thể cơ quan đơn vị xí nghiệp nông lâm trường, từ tỉnh đến cơ sở, tỉnh ta phải nghiêm túc chấp hành. Gắn công tác dân vận với xây dựng chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, tổ chức... Gắn công tác dân vận với nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng. Vận động chống tiêu cực, xóa tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn dân cư, lập lại trật tự kỷ cương đạo đức lối sống, chống tham ô tham nhũng hối lộ, móc ngoặc buôn lâu, quan liêu cửa quyền... 4 vấn đề mà đ/c Tổng bí thư đã nêu là đầy đủ và rõ ràng để cán bộ ta chấp hành nghiêm túc tư tưởng dân vận Hồ Chí Minh.

Cán bộ đảng viên chúng ta luôn ghi nhớ lời dạy của Bác :

"Bao nhiệu lợi ích đều vì dân
Bao nhiêu quyền hạn đều của dân
Công việc đổi mới, xây dựng là
trách nhiệm của dân

Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc
là công việc của dân
Chính quyền từ xã đến Chính phủ TW
do dân cử ra
Đoàn thể từ TW đến xã do dân tổ chức nên".

Tóm lại quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, tôi cho rằng: những điều Bác nêu trên đây là tóm tắt bản chất của chế độ ta, đây là Di huấn của Bác để chúng ta liên hệ mọi hành động hằng ngày thực hiện đúng lời dạy của Người, là đem lại hạnh phúc cho nhân dân, đó là tiêu chuẩn trung thành với chế độ với Đảng với Bác. Xin cảm ơn !

VI / BẢN THAM LUẬN: "ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH"

Nhân lễ kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại kính yêu của các dân tộc Việt Nam; Người Cộng sản xuất sắc của giai cấp công nhân Việt Nam, của phong trào cộng sản quốc tế, danh nhân văn hóa thế giới.

Rất phấn khởi, tôi được Ban tổ chức hội thảo mời dự cuộc hội thảo khoa học này, và được các đ/c chỉ định tham gia phát biểu tiêu đề : **"Điều kiện ra đời của đảng cộng sản việt nam và vai trò của Chủ Tịch Hồ Chí Minh".**

Qua học tập nghiên cứu lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, thông qua nhiều tư liệu sách báo viết chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có cả một pho lịch sử tư liệu của 110 năm, với nhiều tên gọi Nguyễn Tất Thành, anh Ba, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh... Có thể nói : từ khi Bác chúng ta ra đi tìm con đường cứu dân cứu nước, trải qua những năm bôn ba hải ngoại, Người đến với chủ nghĩa Mác-Lê nin, với Quốc tế cộng sản. Người luôn luôn ôm ấp nguyện vọng duy nhất là đi học kinh nghiệm quốc tế để về lo cho dân, cho Tổ quốc mình.

Tôi luôn luôn đinh ninh rằng : Bác Hồ của chúng ta, Người có công lao trời bể với Tổ quốc, với Đảng,

với nhân dân Việt Nam. Bác Hồ là bà đỡ cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, xuyên suốt quá trình thống nhất thành lập Đảng, dìu dắt rèn luyện Đảng ta vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, từ khi Đảng ta còn trứng nước, đến nay đã tròn 70 tuổi, là cuộc chiến đấu liên tục thù trong giặc ngoài, lãnh đạo nhân dân ta, đưa đất nước ta từ một nước nô lệ, lên bờ vinh quang ngày nay. Nếu không phải Bác Hồ, thì Tổ quốc ta, dân tộc ta khó mà viết nên những đoạn sử oai hùng trong thế kể 20 này.

Có thể nói : Qua nhiều sự kiện biến động về chính rị, kinh tế – xã hội đầy phức tạp của thế kỷ 19-20, với chủ nghĩa tư bản đế quốc thực dân xâm lược của thế giới, chúng chia nhau tìm kiếm thị trường, thi nhau cướp bóc nô dịch các nước nhược tiểu trên toàn thế giới, đưa loài người từ chế độ nô lê phong kiến điêu tàn, độc ác trắng trợn, bước sang con đường tư bản chủ nghĩa lại chịu cảnh nô lệ, áp bức bóc lột dã man, tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc thực dân xâm lược rất phản động, rất quỷ quyệt, chưa từng có trong hai thế kỷ vừa qua. Chủ nghĩa tư bản là nguyên nhân gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ 2, gây cảnh núi xương sông máu, đưa loài người vào cảnh bần cùng tuyệt vọng không có lối thoát, trong đó có nước Việt Nam chúng ta, dưới chế độ thống trị của thực dân xâm lược Pháp. Gần trăm năm, đế quốc Pháp xâm lược thống trị đất nước ta, chúng gây ra biết bao tội ác không kể xiết. Nỗi nhục

mất nước của thời nô lệ tăm tối lầm than mà đế quốc Pháp gây ra... thể hiện trong bài thơ "Ba mươi năm đời ta có Đảng" của đồng chí Tố Hữu, vị lão thành cách mạng của Đảng ta, đã tóm lược nỗi khốn khổ cơ hàn, cảnh đời người dân nô lệ mất nước, báo hiệu sự ra đời của lực lượng cách mạng và sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

Tôi xin trích mấy đoạn trong bài thơ ấy để chúng ta suy nghĩ, đó là :

"Thuở nô lệ dân ta mất nước
Cảnh cơ hàn trời đất tối tăm
Một đời đau suốt trăm năm
Chim treo trên lửa, cá nằm dưới dao"

....

"Lũ giặc nước, lột da dân nước
Tan mồ cha cũng rước voi giày"

...

"ôi nhớ những ngày nào thuở trước
Xóm làng ta xơ xác héo hon
Nửa đêm thuế thúc trống dồn
Sân đình máu chảy, đường thôn lính đầy".

Những câu thơ của đ/c Tố Hữu nói trên đã mô tả cảnh trăm năm mất nước thật là cay đắng, bí lối cùng đường... và rõ ràng hơn trong 4 câu thơ sau đây :

"Con đói lả ôm lưng mẹ khóc

Mẹ đợ con, đấu thóc cầm hơi

Kiếp người cơm vãi cơm rơi

Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi..."

Có thể nói : Đất nước ta từ cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, đế quốc Pháp và vua quan phong kiến triều Nguyễn suy tàn, cam tâm bán nước làm tay sai cho thực dân xâm lược Pháp, thi nhau áp bức bóc lột nhân dân ta đến tận xương tủy, với chính sách chia để trị, nhà tù trại lính nhiều hơn bệnh viện trường học, chúng đàn áp nhân dân ta vô cùng tàn bạo.

Trước cảnh nước mất nhà tan, những nhà yêu nước không khoanh tay ngồi nhìn cảnh tủi nhục lầm than.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Tổ quốc, các nhà sĩ phu yêu nước như Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thái Học, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... quyết chí đứng lên tổ chức vận động nhân dân đoàn kết, chống xâm lược Pháp, cứu nước... Nhưng tất cả đều không thành công và đã bị thực dân Pháp và bè lũ tay sai bán nước dìm dân ta trong biển máu. Với lòng yêu nước nồng nàn và ý chí căm thù giặc sâu sắc, tháng 11/1911 Nguyễn Tất Thành (anh Ba hay đ/c Nguyễn Ái Quốc trước đây và Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày nay) đã quyết chí ra đi tìm đường cứu dân cứu nước, từ hai bàn tay trắng. Tuy Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước tuổi rất trẻ, nhưng chí cao, quan điểm tư tưởng chính trị vô

cùng sắc sảo, vô cùng độc đáo... Người rất nhạy cảm qua các phong trào Cần Vương, Đông Kinh Nghĩa Thục do các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... Với xu hướng Đông du và qua các cuộc nổi dậy khởi nghĩa Yên Bái, Bắc Sơn, Bãi Sậy... đã không đem lại kết quả... Nguyễn Tất Thành quyết định đi nghiên cứu phương Tây. Người đi Pháp, đi Anh, với tư tưởng chiến lược của Người là gần địch, biết địch để thắng địch, với chiến thuật đi vào hang cọp, biếp cọp để trị cọp... Đó là nguyên tắc chiến lược của Tôn Tử "biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng"... Có phải động cơ của Bác Hồ chúng ta, lúc trẻ với ý chí ấy không? Bởi vì lẽ, có đến Pháp mới hiểu xã hội của Pháp mà vận động nhân dân Pháp ủng hộ nhân dân ta chống Pháp. Con đường cứu dân cứu nước của Nguyễn Tất Thành là đi làm thuê để sống mà làm cách mạng... Theo tôi nghĩ chính từ đi làm thuê là tạo điều kiện gần gũi thâm nhập vào giới cần lao, để dễ hoạt động cách mạng. Khác với các nhà trí thức nho sĩ yêu nước cùng thời, họ thi nhau đi du học cùng lấy danh nghĩa tìm đường cứu nước, dựng nước, nhưng thực sự là đi học nơi "Mẫu quốc" để được mẫu quốc trọng dụng về làm quan phát tài, họ ra đi là giao du với tầng lớp quý tộc thượng lưu... Còn Bác Hồ chúng ta, từ hai bàn tay trắng, đi làm thuê kiếm sống, vận động cách mạng ngay ở chính quốc, để trở về lại quê hương lập nghiệp và làm chủ. Tôi nghĩ rằng: trên thế giới này còn có ai có tư tưởng độc đáo hơn Bác Hồ chúng ta.

Tôi cũng vô cùng kính phục Bác Hồ chọn nghề làm "bồi bếp" trên tàu, trong tư duy chọn nghề, Bác cũng suy nghĩ chín chắn. Bởi vì chỉ có "làm bếp" trên tàu mới lợi dụng được phương tiện của tư bản đi khắp thiên hạ, nay đây mai đó, đi khắp năm châu bốn biển, vừa học vừa làm quen, liên kết với bạn hữu gần xa, vận động cách mạng,liên thân với mọi người, tìm bạn bốn phương, lập thân lập nghiệp trên còn đường cứu dân cứu nước bằng nghề làm thuê của mình.

Tôi nghĩ : nhân loại xưa nay có nhiều danh nhân hào kiệt, nhưng chưa có danh nhân nào có tư tưởng tình cảm tác phong suy nghĩ độc đáo đặc biệt như Bác Hồ chúng ta.

Với tư tưởng thiên tài bẩm sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà Người đã thâm nhập sâu vào giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức quốc tế, Người tìm hiểu chế độ thực dân, hiểu rõ tình cảnh nhân dân về cuộc sống của người lao động trong các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nhờ đó mà Bác Hồ chúng ta đã sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lê nin và phong trào công nhân quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh, con người Việt Nam, là đảng viên cộng sản đầu tiên, và là thành viên sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Người sớm giác ngộ sâu sắc chủ nghĩa Mác-Lê nin và Người đã chỉ ra rằng :"Ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác và vô nhân đạo, ở đâu giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng bị áp bức bóc lột

rất dã man; tất cả nhân dân các nước thuộc địa của hệ thống đế quốc chủ nghĩa cùng có một kẻ thù không đội trời chung là bọn thực dân. Giai cấp công nhân, lao động các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ thù của nhân dân các nước thuộc địa trên toàn thế giới.

Chủ nghĩa Mác-Lê nin ra đời, cách mạng vô sản Nga thành công, Hồ Chí Minh được xem như mặt trời sưởi ấm và soi sáng cho toàn thể loài người bị nô lệ trên quả đất này.

Với Việt Nam, sau chiến tranh thế giới 1914-1918, đế quốc thực dân Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng, để tìm đường thoát, chúng chủ trương ra sức khai thác nguyên liệu và bóc lột nhân công rẻ mạt của các nước thuộc địa và phụ thuộc để giải quyết khó khăn cho nước Pháp, chúng tăng cường khai thác hầm mỏ, phát triển đồn điền, mở mang giao thông, phát triển nhà máy nhằm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, bòn rút tài nguyên nước ta phục vụ phát triển chủ nghĩa tư bản... Thực hiện chủ trương nói trên, đồng thời việc hình thành và phát triển lực lượng tư bản và cũng nhanh chóng phát triển mạnh mẽ giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam đồng thời ra đời khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, đó là điều kiện cách mạng bên trong, đòi hỏi sự ra đời tổ chức lực lượng lãnh đạo của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó, trong bối cảnh đã có chủ nghĩa Mác-Lê nin soi sáng

và có gương cách mạng tháng Mười Nga thành công, có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc... Đó là cơ sở, là điều kiện gián tiếp tác động của quốc tế cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh lúc bấy giờ.

Có thể nói : Với chủ nghĩa Mác-Ăng ghen là tiền đề, Lê nin vận dụng trí tuệ thông minh của mình trong điều kiện xã hội nước Nga, Người lập ra Đảng Cộng sản Bôn sê vích, lãnh đạo nhân dân Nga làm nên cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Với Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lê nin soi sáng và noi gương cách mạng Tháng Mười Nga thành công, lại có nhà cách mạng Nguyễn Ai Quốc ra đời, Người đã vận dụng sáng tạo vào điều kiện hoàn cảnh xã hội Việt Nam, Đảng cộng sản Việt Nam thành lập làm nhiệm vụ tiên phong của giai cấp công nhân và là đại biểu cho lợi ích nhân dân lao động và cho cả dân tộc Việt Nam là rất biện chứng, hợp với quy luật phát triển của thời đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập, rèn luyện, lãnh đạo Đảng ta làm nên cách mạng tháng 8/1945 thành công, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông nam châu Á và tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ. Sau 30 năm gian khổ và anh dũng, đánh bại cả chế độ thực dân cũ và thực dân mới là Pháp và Mỹ, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần cổ vũ

phong trào cách mạng giải phóng dân tộc các nước Á Phi và Mỹ la tinh phát triển trên đường thắng lợi.

Các ý kiến nêu trên cho phép khẳng định : sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là biện chứng là khoa học, phù hợp trong điều kiện trào lưu lịch sử của nhân loại, có sự quyết định của chủ quan và có sự tác động yếu tố khách quan (Sự giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân trong nước có sự cổ vũ phong trào quốc tế cộng sản, có chủ nghĩa Mác-Lê nin soi sáng, có lãnh tụ Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là yếu tố then chốt trong mọi thành công và thắng lợi suốt 70 năm qua đối với Đảng cộng sản Việt Nam.

Chúng ta cũng khẳng định rằng : Tổ quốc Việt Nam được vinh quang, nhân dân Việt Nam có được hạnh phúc ngày nay, là cả sự hy sinh lớn lao suốt trăm năm trường kỳ chống xâm lược và 30 năm kháng chiến vũ trang của cả các dân tộc Việt Nam. Cuộc đấu tranh đó có sự ủng hộ cổ vũ hết lòng của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tự do độc lập và tiến bộ trên thế giới, của bạn hữu năm châu mà trước hết là nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, Đảng ta và Bác Hồ chúng ta đã vượt qua những chặng đường đen tối đầy nguy hiểm mới có ngày nay.

Hôm nay, hội thảo khoa học chủ đề : Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam. Điều kiện ra đời Đảng

cộng sản Việt Nam và vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh... nhân dân ta mãi mãi biết ơn, mãi mãi ghi nhớ và suy tôn Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị Cha già của dân tộc Việt Nam, là vị lãnh tụ vĩ đại anh minh và vô cùng kính yêu của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, và của cả dân tộc Việt Nam. Lãnh tụ Hồ Chí Minh, Bác của chúng ta vô cùng xứng đáng là bậc danh nhân văn hóa thế giới trong thế kỷ 20 này. Danh nhân văn hóa ấy lại là của giai cấp công nhân, là người đảng viên cộng sản lỗi lạc của loài người là Bác Hồ của chúng ta.

Tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã gắn liền chủ nghĩa yêu nước trong sáng với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chủ nghĩa Mác Lê nin, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản khoa học trong điều kiện xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, một cách tài tình, Bác Hồ của chúng ta đã thành công trong quá trình vận động sáng lập, rèn luyện Đảng cộng sản Việt Nam từ một Đảng xuất thân trong một nước thuộc địa, ngàn năm phong kiến, giai cấp công nhân mới phát triển chưa hoàn chỉnh, mà nay đã trở thành một giai cấp có bản lĩnh chiến đấu kiên cường, có đội tiên phong, tổ chức cộng sản chân chính, Đảng Mác-xít Lê nin vĩ đại, có lịch sử 70 năm chiến đấu, là Đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa Tổ quốc Việt Nam từ một nước lệ thuộc chủ nghĩa đế quốc, đi lên trở thành một nước độc lập, tự chủ, tự cường

vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tất cả cán bộ, đảng viên Đảng bộ chúng ta quyết tâm phấn đấu rèn luyện mình theo tư tưởng đạo đức, phẩm chất Hồ Chí Minh, nguyện phấn đấu thực hiện Di chúc của Bác Hồ để lại, nguyện xứng đáng với Người, ra sức chiến đấu, rèn luyện lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, tham gia xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tiến hành thường xuyên tự phê bình và phê bình, theo tinh thần nghị quyết xây dựng chỉnh đốn Đảng của Trung ương 6 lần 2. Nguyện làm đúng Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là thiết thực kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Bác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi với non sông đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là giàu mạnh, là đem đến công bằng, hạnh phúc cho mọi người.

Xin cảm ơn.

VI/ THAM LUẬN : CHỦ NGHĨA LÊ NIN VÀ THỜI ĐẠI :

Kính thưa các đồng chí và các bạn!

Tôi được vinh dự, Ban tổ chức mời tham dự cuộc tọa đàm kỷ niệm 130 năm ngày sinh Lê nin vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của phong trào giải phóng dân tộc và công nhân quốc tế 22/4/1870-22/4/2000 và Ban tổ chức có gợi ý tôi tham gia phát biểu một chi tiết về chủ nghĩa Lê nin và thời đại... một nội dung mà các nhà học giả đã qua các khoa bản là cử nhân tiến sĩ triết học, chắc không có gì khó, vì sách vở của Mác và Lê nin để lại cho chúng ta hàng pho trong nhà trường.

Nhưng với tôi, học không cao, đọc không kỹ và không nhiều, nên coi đề tài mà Ban tổ chức nêu, là hết sức lúng túng... (Nói thật lòng với các đ/c và các bạn). Nhưng đã nhận tham gia hôm nay xin phát biểu những suy nghĩ hạn chế của mình, mong các đ/c và các bạn thông cảm.

Tôi thường theo dõi qua nhiều tài liệu báo chí, đài truyền thanh truyền hình, cả thế giới và nước ta, tất cả đều đánh giá rằng trong thế kỷ 20 là thế kỷ loài người tiến bộ rực rỡ, nền khoa học phát triển nhảy vọt, con người có nhiều sáng tạo vĩ đại nhất, chưa từng có trong thế giới loài người từ xưa đến nay. Trong sự vĩ đại của thế kỷ 20, phải kể đến sự phát triển chủ nghĩa Mác Lê nin.

Nếu tôi nghĩ chưa hoàn chỉnh thì thế kỷ 19 Mác – Ăng ghen sáng tạo và hình thành chủ nghĩa cộng sản... thì thế kỷ 20, Lê nin nghiên cứu phát triển và

vận dụng chủ nghĩa Mác vào thực tiễn, xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hành bước quá độ của chủ nghĩa cộng sản trên đất nước Nga, và Liên bang Xô Viết trở thành trụ cột, là thành trì của cách mạng vô sản toàn thế giới, là niềm tin và xu hướng phát triển của cả nhân loại tiến bộ, trở thành Chủ nghĩa Mác-Lê nin là xu thế của thời đại trong thế kỷ 20... Lê nin là một trong hàng vĩ nhân của thế kỷ 20, là người khổng lồ trong thế kỷ này. Khổng lồ về năng lực tầm vóc, tư duy lý luận uyên bác trên nhiều lĩnh vực, cả khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lịch sử, và tổ chức hành động trong thực tiễn. Lê nin là vị lãnh tụ chính trị thiên tài, có đủ năng lực trí tuệ thâm hiểu lịch sử loài người, nắm bắt, khái quát, phát triển Triết học Mác, phát minh mới về mặt tự nhiên, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học theo quy luật, vận dụng thành công chủ nghĩa Mác ở nước Nga, làm cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất của nhận thức khoa học hiện đại, làm nền tảng thế giới quan chủ nghĩa xã hội khoa học ngày nay. (CMXHCN có thể thành công trong một nước chủ nghĩa tư bản kém phát triển...). Mặc dù những năm gần đây Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu tan rã, phong trào XHCN và CSCN tạm thời lâm vào hoàn cảnh thoái trào... Bọn xét lại hiện đại và bọn cơ hội trong các Đảng cộng sản vào hùa với chủ nghĩa đế quốc phản động quốc tế, ra sức xuyên tạc về chủ nghĩa Mác-Lê nin, bài xích, chủ nghĩa xã hội, nhưng

không ai có thể phủ nhận sự vĩ đại của cách mạng tháng Mười Nga là bất diệt, và cuộc cách mạng ấy gắn liền với vị trí vai trò tên tuổi của Lê nin, người thầy, người lãnh tụ của Đảng cộng sản "Bôn sê vích" và nhân dân Nga. Cách mạng Tháng Mười đã mở ra một thời đại mới làm biến đổi sâu sắc cục diện thế giới loài người trong thế kỷ 20.

Với Lê nin và chủ nghĩa xã hội đã biến nước Nga, từ một nước phong kiến thối nát, một nước tư bản nghèo kiệt trở thành một nước công nghiệp hóa, đứng vào cường quốc thứ 2 trên thế giới. Với chủ nghĩa xã hội, trong một thời gian ngắn đưa nước Nga vươn tới một sức mạnh kỳ diệu, chiến thắng lực lượng phản cách mạng trong nước, chiến đấu và chiến thắng 14 nước đế quốc, tấn công bao vây phong tỏa, hòng bóp chết nước Nga Xô Viết mới ra đời, nước Nga Xô viết đã trở thành lực lượng chủ công, đi đầu chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, tiêu diệt lực lượng phát xít Đức ở Châu Âu và đánh bại phát xít Nhật ở Châu Á, cứu loài người thoát họa diệt chủng do chủ nghĩa phát xít gây ra trong thế kỷ 20 này.

Cuộc đời hoạt động chính trị và 6 năm trực tiếp cầm quyền, xây dựng nước Nga Xô Viết, Lê nin đã để lại cho Đảng và giai cấp vô sản Nga và cho cả giai cấp công nhân quốc tế và nhân loại tiến bộ một di sản lý luận khoa học và kinh nghiệm thực tiễn lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và sự

nghiệp đổi mới con đường công nghiệp hóa nói riêng là vô cùng phong phú và vĩ đại chưa từng có trong lịch sử thế giới loài người.

Chắc chúng ta nhiều người đã đọc lời dạy của Lê nin :"Giành được chính quyền, mới chỉ là bước đầu, xây dựng một xã hội mới đạt được một trình độ văn minh cao hơn một xã hội tư bản, đó là mục tiêu, là nhiệm vụ khó khăn hơn nhiều"... Người chỉ ra rằng : chủ nghĩa xã hội phải tạo ra cho được một kiểu tổ chức lao động mới tốt hơn chủ nghĩa tư bản, một năng suất lao động mới cao hơn nhiều so với chế độ cũ, có thế mới đảm bảo vững chắc cho thắng lợi của cách mạng, mà năng suất lao động trước hết đòi hỏi phải có cơ sở vật chất của nền đại công nghiệp... Như vậy, chủ nghĩa Lê nin là chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại hiện nay, là thời đại công ghiệp hóa, hiện đại hóa của toàn thế giới.

Lê nin khẳng định : công nghiệp hóa là nền tảng, là cơ sở chủ yếu và là nội dung duy nhất của chủ nghĩa xã hội. Nếu không có một nền công nghiệp hóa thì nước Nga Xô Viết sẽ bị diệt vong, không còn là một nước độc lập tự chủ nữa (có lẽ Việt Nam ta cũng thế thôi).

Để có nền đại công nghiệp, trước hết phải điện khí hóa, phát triển công nghiệp cơ khí, giao thông, thông tin hiện đại. Lê nin nêu rõ :"Để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH của nền đại công

nghiệp, thì nhất thiết phải dựa trên cơ sở liên minh kinh tế với nông dân, đảm bảo không ngừng nâng cao đời sống cho nông dân cả về vật chất và văn hóa cho nông dân lao động"... Không thể xây dựng CHXH bằng tiến hành làm phá sản những người sản xuất hàng hóa nhỏ, cũng không thể tiến hành chiến tranh đi xâm lược thuộc địa theo kiểu tư bản, mà chủ yếu bằng hành động phát huy và huy động nội lực, bằng chính sách động viên tiết kiệm nghiêm ngặt của toàn dân để đóng góp sức người, sức của xây dựng nền đại công nghiệp, làm xương sống cho CNXH.

Với tư tưởng của Lê nin... Bác Hồ và Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt nam suốt 70 năm kiên trì đấu tranh cách mạng, nhân dân ta đã đánh thắng hai đế quốc lớn (Pháp và Mỹ) đưa đất nước ta tiến lên một thời kỳ mới "huy hoàng" và đang thực hiện thành công trong đường lối đổi mới đất nước theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên xu thế của thời đại, với mục tiêu là kiên trì phương hướng XHCN, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Đi theo con đường của Lê nin, với thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã đề ra nhiều chính sách lớn. Sau 25 năm xây dựng và đổi mới, đến nay, ngành Năng lượng điện và dầu khí phát triển khá tốt, đảm bảo cho công nghiệp phát triển toàn diện, phục vụ sản xuất và đời sống sinh hoạt cho nhân

dân, cả thành thị và nông thôn... Thủy lợi hóa phát triển cả nông thôn đồng bằng và trung du miền núi, thúc đẩy việc nâng cao năng suất cây trồng và con nuôi, chuyển nền kinh tế từ thuần nông độc canh, tự túc tự cấp giản đơn, phát triển mạnh đa canh tăng năng suất cây trồng, con nuôi, sản xuất hàng hóa phục vụ đời sống và xuất khẩu thu ngoại tệ đáng kể về cho đất nước, và làm cơ sở phục vụ đời sống và cung cấp nguyên liệu cho công nhân và nhân dân lao động trong các đô thị; phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa không ngừng phát triển.

Chúng ta tự hào sau 25 năm giải phóng và thống nhất đất nước, Đảng ta vận dụng chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh quốc tế rất phức tạp và rất sáng tạo, nước ta từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hòa vào xu thế của thời đại và đổi mới, với những bước đi vững chắc; giao thông, bưu điện từng bước hiện đại hóa, hạ tầng cơ sở vật chất không ngừng cải thiện và từng bước hoàn thiện. Nhưng chúng ta cũng cần phải khách quan xem xét thời kỳ nước Nga Xô Viết ra đời chỉ 22 năm sau thực hiện chủ trương chính sách kinh tế mới của Lê nin và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước Nga Xô Viết (1917 đến 1939) so với 25 năm sau giải phóng và thống nhất nước nhà, trong đó có 15 năm đổi mới của Việt Nam, thì bước đi của chúng ta quá chậm, điều này cần phải suy nghĩ nguyên nhân khách quan và chủ quan của nó. Tuy mỗi thời kỳ và hoàn cảnh mỗi

nước có khác nhau, nhưng tôi mạnh dạn nêu một việc để gợi ý, chúng ta cùng nhau so sánh xem xét nguyên nhân chủ quan của nó có gì bất hợp lý trong thực tế của ta và do ta không ?

Tôi từng đọc và nghe một số mẩu chuyện ở thời kỳ đầu chính quyền Xô Viết và nhân dân Liên Xô thắt lưng buộc bụng, tiết kiệm để công nghiệp hóa, xây dựng công nghiệp nặng, sản xuất máy móc công cụ, sản xuất phương tiện vũ khí phục vụ xây dựng và chiến đấu, bảo vệ chính quyền Xô Viết ... Sau 22 năm (1917-1939) Nhà nước Nga Xô Viết đã tạo ra một cơ sở vật chất đồ sộ, đảm bảo chiến thắng phát xít trong chiến tranh thế giới thứ 2 (1939-1945). Còn Việt Nam ta thì sau 25 năm xây dựng, trong đó có 15 năm đổi mới, có nhiều tiến bộ thật sự, nhưng nói về nền cônng ghiệp, chưa hình thành đáng kể, nhất là công nghiệp nặng vẫn trong tình trạng ì ạch, chậm chạp mà nguyên nhân là thiếu vốn (như đài báo thường phản ánh) điều đó đúng với thực tế, nhưng nói đó là nguyên nhân chủ yếu thì tôi cho là chưa phải... Như Lê nin đã xác định : công nghiệp hóa là xương sống của chế độ XHCN khoa học. Vậy thì phải dồn vốn để ưu tiên phát triển đại công nghiệp là tất cả, tại sao ta không nghĩ và làm việc ấy ! Mà lại tập trung mua xe cộ tốt nhất để đi, xây cơ quan lộng lẫy từ trên xuống dưới, phát triển khách sạn nhà hàng lộng lẫy sang trọng, thi nhau ăn chơi trong lúc nhân dân còn nghèo khổ, đất nước còn khó khăn trăm

bề...? Nếu ta giành được số tiền ấy, tập trung ưu tiên cho sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa, thì tình hình có thể còn chuyển biến tích cực và toàn diện hơn nữa, có phải thế không ?

Thử tính đồng vốn bị thất thoát do 2 vụ án kinh tế ở nước ta là Epco Minh Phụng, Tân Trường Sanh, mất mát mấy chục ngàn tỷ đồng, có thể xây dựng bao nhiêu cơ sở công nghiệp, hiện đại thiết bị, cần gì phải vay và vay để cho bọn thoái hóa biến chất ăn xài là có tội với dân với nước... Nếu ta có biện pháp quản lý chặt chẽ, không để lãng phí quá lớn, thì có thể xây dựng hệ thống nhà máy sản xuất máy móc thiết bị, sản xuất tàu thủy, máy bay, vũ khí quốc phòng cũng ó thể làm được...? Nói đến đây tôi nghĩ tới đất nước Cộng hòa nhân dân Triều Tiên và Cu Ba mà lòng mình cảm phục... nếu nói nước Cu Ba chỉ hơn 7 triệu dân, đứng sát nách nước Mỹ nhưng chẳng hề ngán sợ Mỹ, càng khó khăn nguy hiểm, họ càng siết chặt kỷ cương, đoàn kết chiến đấu và quyết thắng. Nước cộng hòa nhân dân Triều Tiên so với Việt Nam bằng 1/3 dân số, nhưng trong tay họ cả cơ sở vật chất kỹ thuật tên lửa và nguyên tử, làm cho Mỹ kiêng nể. Có công nghiệp hóa hiện đại hóa mới giữ được độc lập tự chủ... đúng như Lê nin đã nêu! Theo tôi, thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng nghĩa với CNXH nên Đảng ta đã đề ra từ Đại hội 4 đến nay, là hoàn toàn đúng đắn.

Vấn đề thứ hai, trong học thuyết Lê nin là : công nghiệp hóa XHCN, trước hết phải khẩn trương tiến hành, tổ chức lại nền sản xuất nông nghiệp, phải hợp tác hóa nông dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nông dân, phải có chính sách đãi ngộ cho nông dân để họ tự nguyện cùng giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức cùng liên minh chặt chẽ, cả kinh tế chính trị đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, không bị chủ nghĩa tư bản lôi cuốn chống lại đường lối hợp tác hóa XHCN của Đảng.

Phải hoàn thiện bộ máy Nhà nước, củng cố khối đoàn kết toàn dân, làm lực lượng hậu thuẫn cho chính quyền.

Lê nin người rất chú trọng khắc phục những yếu kém trong bộ máy Nhà nước, nhất là những năm đầu mới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân... Người luôn vạch ra những nguyên nhân của sự yếu kém và kiên quyết đề ra những biện pháp khắc phục yếu kém đó nhằm tăng cường hiệu lực bộ máy Nhà nước về quản lý kinh tế-xã hội để xứng đáng là Nhà nước Xô Viết.

Sau khi cuộc cách mạng vô sản thành công, Nhà nước công nông ra đời, Đảng cộng sản Liên Xô bắt tay vào xây dựng Nhà nước Xô Viết, Lê nin nêu phương châm : xây dựng bộ máy "ít mà tốt", Người yêu cầu bộ máy Nhà nước phải thật sự trong sạch...,

cán bộ Nhà nước phải hết sức gương mẫu, phải được quần chúng tín nhiệm, kiên quyết chống chủ nghĩa quan liêu, bệnh hành chính giấy tờ, chống chủ nghĩa cơ hội. Kiên quyết thanh trừ những phần tử gian dối yếu hèn, tham nhũng, đục khoét tài sản Nhà nước, bòn rút tài sản nhân dân. Theo quan điểm của Lê nin thì chính quyền Xô Viết phải gọn, mạnh và hiệu lực, trong việc điều hành, phải thật sự dân chủ với nhân dân, có thái độ dứt khoát khôn khéo với quân thù, xứng đáng là bộ máy Nhà nước XHCN... Người đề cao công tác kiểm tra kiểm soát thường xuyên, kết hợp giữa cơ quan kiểm tra Đảng và cơ quan kiểm tra Nhà nước thật trong sáng và chặt chẽ. Bộ máy Nhà nước phải tinh giảm, thực hành tiết kiệm, bỏ bớt ban bệ quá thừa.

Người đặc biệt nêu trách nhiệm của cán bộ Nhà nước phải học tập, học mãi... Học là cuộc sống, học để mà ăn sâu trí não, biến thành tâm hồn và đạo đức cuộc sống từng người cán bộ Xô Viết. Phải luôn cải tiến lề lối làm việc, bỏ bớt ban bệ, con người dư thừa và cải tiến có trọng tâm trọng điểm, tập trung vào việc chỉnh lý những khâu then chốt có quan hệ đến quần chúng, Người rất quan tâm khâu kế hoạch hóa.

Chủ nghĩa Mác Lê nin nêu rõ : Để làm tròn lịch sử của giai cấp công nhân, Lê nin đặc biệt chú ý tăng cường sự thống nhất trong công tác xây dựng Đảng, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp mình. Đảng phải thống nhất trên 3 mặt : chính trị, tư tưởng, tổ

chức bộ máy cán bộ, giữ vững nguyên tắc lãnh đạo tập thể chống chia rẽ bè phái. Người gắn liền vận mệnh của Đảng cộng sản Nga, tùy thuộc sự thống nhất đoàn kết hay chia rẽ bè phái trong Đảng.

Người thường xuyên nhắc nhở Đảng Cộng sản Nga "Bôn sê vích" phải chăm lo theo dõi và phát hiện kịp thời những nhân tố gây ra chia rẽ trong Đảng...

Tăng cường sự thống nhất về tư tưởng và tổ chức, đảm bảo nguyên tắc lãnh đạo tập thể, chống chia rẽ, bè phái trong Đảng, chống chủ nghĩa quan liêu là cốt lõi của chủ nghĩa Lê nin, trong thời đại vô sản nắm chính quyền, và là xu thế trong thời đại chủ nghĩa xã hội, khoa học phát triển không ai có thể đảo ngược.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê nin, Bác Hồ và Đảng cộng sản Việt Nam căn cứ vào hoàn cảnh và điều kiện cách mạng Việt Nam, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê nin với tư tưởng Hồ Chí Minh đã đem lại cho cách mạng và nhân dân Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đảng ta từ hai bàn tay trắng, đã làm nên cách mạng tháng 8/1945, lập nên chính quyền công nông đầu tiên của Đông Nam Châu Á và sau 30 năm đấu tranh trường kỳ, nhân dân ta đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, nhất là Mỹ, kẻ tự xưng hùng mạnh nhất chưa hề chiến bại. Mới đây tại Mỹ, những nhà chiến lược và nhóm cựu tướng lĩnh, quan chức cao cấp

của Mỹ có cả các nguyên thủ quốc gia và cố vấn đặc biệt của Tổng thống Mỹ cùng thời chiến tranh Việt Nam như Kít sing gơ có mặt để kỷ niệm ngày bại trận của Mỹ ở Việt Nam và tìm nguyên nhân trong bài học thất bại của Mỹ ở Việt Nam, để tránh mọi thất bại không tái diễn lần thứ hai trong chiến lược của Mỹ. Trong hội nghị ấy, các nhà hoạch định chiến lược toàn cầu của Mỹ cho rằng : Mỹ thất bại trong chiến tranh Việt Nam do sự đánh giá sai lầm về đối thủ của mình (sai nguyên tắc quân sự của binh pháp Tôn Tử "Biết địch biết ta..." Mỹ chủ quan về sức mạnh của mình). Họ tự hào nhờ Mỹ biết sửa sai lầm, rút kinh nghiệm ở Việt Nam, nên đã chiến thắng trong chiến tranh vùng Vịnh (I rắc) và chiến thuật dùng không quân gây chiến tranh Kô sô vô (Nam Tư), với chiến lược tốc chiến tốc thắng, không để bị sa lầy, kéo dài như chiến tranh Việt Nam... Chúng ta cũng rất tự hào và có cơ sở để chứng minh rằng : Với chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại hiện nay, sau 25 năm thống nhất và xây dựng đất nước, trước thủ đoạn bao vây phong tỏa chính trị kinh tế ngoại giao thâm nhập văn hóa của Mỹ là vô cùng thâm độc. Nhưng Đảng và nhân dân ta đã đứng vững trên quan điểm chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà đã chủ động đổi mới, đã đưa đất nước ta thoát vòng nguy hiểm, từng bước tiến lên con đường vinh quang như ngày nay, là từ kinh nghiệm truyền thống anh hùng bất khuất ... kiên

trì đấu tranh không mệt mỏi của dân tộc Việt Nam ta, cộng với học thuyết chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội và đã trở thành xu thế của thời đại, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo trong thế kỷ 20 này, mà kẻ thù không thể nào chiến thắng nổi. Điều đó chứng minh trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội và phong trào cộng sản quốc tế tạm thời lâm vào thoái trào, Liên bang Xô Viết và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, Mỹ và các thế lực phản động quốc tế đã hí hửng tưởng chừng sẽ đánh tan các nước xã hội chủ nghĩa còn lại và phong trào cộng sản sẽ tiếp tục tan rã như bọt xà phòng. Nhưng sự thật không phải thế ! Qua 10 năm sau khi khối XHCN do Liên Xô đứng đầu đã tan rã (1999-2000) tuyệt nhiên đế quốc Mỹ không hề xóa được các nước XHCN còn lại trong đó có Việt Nam... mà còn tạo ra một sức mạnh mới do các bài học phản diện bởi các âm mưu tàn bạo và thâm độc của Mỹ và chủ nghĩa đế quốc. Các nước XHCN như Liên Xô và Đông Âu tan rã, nhưng các nước XHCN Châu Á như Trung Quốc, Triều Tiên và Cu Ba XHCN ở Nam Mỹ cũng đã đi vào con đường đổi mới, và đã đứng vững, mạnh lên, làm cho chủ nghĩa đế quốc, có cả Mỹ phải kiêng nể, không dám tuyên bố trịnh thượng ngang ngược như trước.

Mới đây trong cuộc bỏ phiếu của tổ chức nhân quyền Liên hợp quốc thông qua dự án, lên án Trung quốc "vi phạm nhân quyền" do Mỹ chi phối, đã bị

thất bại hoàn toàn... Sau cuộc bỏ phiếu nói trên, dư luận tiến bộ trên thế giới cho rằng : Mỹ đã đến lúc không còn tác oai tác quái, muốn làm gì thì làm, biến Liên hợp quốc trong bàn tay chi phối của Mỹ bằng uy lực đồng đô la. Việc phong tỏa của Mỹ đối với Cu Ba đã mất hiệu lực. Việc bao vây I rắc đến nay không còn mấy tác dụng. Việc làm mưa làm gió ở Kô sô vô (Nam Tư) bằng không quân, bị lên án và cô lập trên trường quốc tế. Cuộc họp khối Nam Nam của các nước G7 tại Cu Ba nước XHCN đăng cai, cách biên giới nước Mỹ không xa, đã có mặt 133 nước nghèo và kém phát triển, và có hơn 50 thủ lĩnh các nước có mặt trong đó có Tổng thư ký Liên hiệp quốc và Chủ tịch đại diện khối các nước không liên kết cùng dự. Đây là cuộc họp biểu dương sức mạnh đoàn kết bên nhau, đấu tranh chống lại nguyên nhân nghèo đói, bất công và thao túng của Mỹ, là sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng đất nước văn minh và tiến bộ, đem lại hạnh phúc công bằng cho mọi nước, mọi người được bình quyền, giàu và nghèo phải bình đẳng trên qủa đất này. Tôi cho đây là lực lượng đông đảo có xu hướng tiến bộ với mục tiêu đấu tranh bảo vệ chủ quyền độc lập dân tộc dân chủ tiến bộ xã hội trong thời đại mới, thời đại độc lập dân tộc và CNXH mà kẻ thu của CHXN, dù tàn bạo đến đâu cũng không sao đảo ngược được. Một lần nữa chúng ta khẳng định đường lối và phương châm cách mạng của Đảng ta đề ra là kiên trì quan điểm lấy chủ nghĩa

Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam trong mọi hành động. Độc lập dân tộc gắn liền CNXH khoa học là con đường đúng đắn duy nhất của cách mạng nước ta, nó phù hợp với điều kiện chính trị trong nước và trào lưu quốc tế.

Trung thành và kiên trì đấu tranh theo đường lối của Đảng mà Bác Hồ và Đảng ta vạch ra, nhất định nhân dân ta sẽ tiếp tục giành toàn thắng trong thế kỷ 21 và thiên niên kỷ mới.

Trên đây xin trình bày một số suy nghĩ của cá nhân tôi với nội dung chủ đề "Chủ nghĩa Lê nin và thời đại" theo suy nghĩ của tuổi già. Xin các bạn thông cảm.

Chân thành cảm ơn.

VII/ Ý KIẾN TỌA ĐÀM : MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN, TĂNG CƯỜNG KỶ CƯƠNG NÂNG CAO UY TÍN CỦA ĐẢNG :

Thưa các đồng chí !

Năm nay cán bộ, đảng viên và nhân dân ta trong cả nước chào mừng Đảng cộng sản Việt nam tròn 70 tuổi, gắn liền với mừng Xuân Canh Thìn, mừng năm 2000, năm kết thúc thế kỷ 20, chuẩn bị bước sang thiên niên kỷ mới thế kỷ 21. Các đồng chí, các bạn cho phép tôi chào mừng tất cả các đồng chí lãnh đạo Trường Chính trị Lâm Đồng năm mới đầy nghị lực hoạt động hiệu quả trong trách nhiệm giáo dục đào tạo của Đảng bộ giao. Chúc mừng tất cả các vị đại biểu tham gia tọa đàm, năm mới dồi dào sức khỏe, sáng suốt, đầy nghị lực, hạnh phúc, thành công rực rỡ trong cuộc tọa đàm mừng Đảng, mừng xuân này.

Thưa các đồng chí !

Chúng ta tự hào Đảng Cộng sản Việt Nam của chúng ta bước vào tuổi 70, nếu là con người thì đó là lớp người hiếm. Nhưng với sự nghiệp chính trị của một Đảng chính trị, trên chính trường chính trị xã hội, so với 4000 năm lịch sử đấu tranh dựng nước của tổ tiên ta, chỉ là thời gian cực ngắn, nhưng Đảng ta đã viết tiếp trang sử của đất nước, của dân tộc Việt Nam ta vô cùng vĩ đại.

Có thể nói : 70 năm là một chặng đường đấu tranh liên tục đầy hy sinh gian khổ của Đảng ta, nhân dân ta. Đảng lãnh đạo nhân dân, đất nước ta từ bị nô lệ, là một thuộc địa của thực dân Pháp, chịu ách thống trị áp bức, bóc lột dưới chế độ thực dân phong kiến, một cổ hai tròng, Pháp Nhật và bè lũ tay sai bù nhìn bán nước hại dân... Đảng đã phát động toàn dân nổi dậy làm cách mạng tháng 8/1945 thành công, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời là tiền đề cuộc kháng chiến trường kỳ, 9 năm đánh Pháp tái xâm lược, làm nên chiến dịch Điện Biên chiến thắng thực dân xâm lược Pháp năm 1954 làm chấn động 5 châu, buộc Pháp phải ký hòa ước Giơ-ne-vơ giải phóng Miền Bắc và tiến hành 21 năm đánh Mỹ xâm lược miền Nam thống nhất đất nước. 25 năm Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta vừa đấu tranh xây dựng củng cố thành quả cách mạng, giữ vững nền độc lập tự chủ của dân tộc mới được giải phóng, từng bước khắc phục mọi khó khăn gian khổ, chiến thắng âm mưu bao vây phong tỏa kinh tế vô cùng độc ác của Mỹ, chiến thắng mọi nguy cơ cả khách quan lẫn chủ quan gây ra, tiếp tục đưa nhân dân, đất nước ta tiến lên theo định hướng XHCN, vượt qua giai đoạn hiểm nghèo nhất trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội lâm cảnh thoái trào, Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã hoàn toàn, tiếp theo lại chịu ảnh hưởng việc khủng hoảng tiền tệ của khối ASEAN và thế giới, liên tiếp nổ ra

những năm 1997-1998. Đảng ta đã vững vàng chèo lái, lãnh đạo đất nước ta từng bước vượt qua, tiếp tục mục tiêu mà Đảng đề ra, làm cho dân giàu nước mạnh xã hội công bằng và văn minh.

Tự hào thay, Đảng ta trong vòng 70 năm thôi, đã lãnh đạo nhân dân ta viết nên một trang sử Việt Nam mới, rất đỗi anh hùng : đánh thắng hai đế quốc to, nhất là đế quốc Mỹ, một tên đế quốc giàu mạnh nhất, hung hãn nhất, chưa hề chiến bại, nhưng ở thế kỷ 20 này phải chịu thua dân tộc Việt Nam, Đảng và nhân dân ta đã ghi đậm một chấm son trên bản đồ thế giới, làm cho nhân loại khâm phục, bạn hữu hài lòng, tín nhiệm, nhân dân ta tự hào sự vĩ đại của Đảng cộng sản Việt Nam 70 năm qua. Mừng Đảng, mừng xuân Canh Thìn, mừng năm thứ 15 (1986-2000) Đảng ta chủ trương tự chỉnh đốn, tự đổi mới tư duy kinh tế, lại tiếp tục lập nên nhiều kỳ tích xuất sắc, đã khắc phục nhanh chóng cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài nhiều năm sau giải phóng 1975, đã khắc phục có hiệu quả tình trạng làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập... Hiện nay đất nước ta sản xuất công nghiệp đã phát triển, nông nghiệp có lúa gạo đảm bảo dư ăn có dự trữ chống thiên tai, địch họa và tham gia xuất khẩu đứng thứ 2 của thế giới. Năm 1999 nước ta xuất 4 triệu tấn gạo, sau Thái Lan.

Thu nhập quốc dân GDP đầu người ngày một tăng, đời sống nhân dân các miền đều được cải thiện,

một bộ phận đã có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Giá trị xuất khẩu năm 1999 trên 10 tỷ đô la. Diện đói nghèo đã giảm từ 32% nay còn 15% trong cả nước, gần 20% số hộ trong cả nước giàu có, 50% hộ khá, 91% nhân dân biết đọc, biết viết và phổ cập trung tiểu học, 1,8% dân số có trình độ đại học và trên đại học, 63% dân số có nhà ở kiên cố và bán kiên cố, 78% hộ có điện thắp sáng, 54% hộ trong cả nước có tivi (theo số liệu điều tra dân số ngày 1/4/1999, Báo Nhân dân ngày 14/01/2000).

Thành tựu trong 70 năm Đảng lãnh đạo nhân dân ta với con số tóm tắt nêu trên, chứng minh thành công vĩ đại trong đường lối cách mạng và chính sách lãnh đạo đúng đắng của Đảng ta. Nhưng cũng cần thấy rằng : mặt yếu kém khuyết điểm tồn tại không phải nhỏ. Để chuẩn bị cơ sở vật chất bước vào thiên niên kỷ mới, đưa đất nước ta vào thế kỷ 21, sẵn sàng hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, thì nền kinh tế nước ta còn nhiều vấn đề bất cập, thời cơ lẫn nguy cơ đan xen sẵn sàng chào đón ta phía trước. Khó khăn thử thách còn nhiều là do sự yếu kém trong công tác quản lý và điều hành của Đảng và Nhà nước ta mà báo chí đã nêu. Sức cạnh tranh của nền kinh tế đương bị hạn chế, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, trình độ khoa học kỹ thuật còn lạc hậu, tệ nạn xã hội tiêu cựa còn lớn. Nạn nghiện ngập ma túy, mại dâm ngăn chặn kém hiệu quả, nạn lãng phí, tham ô, hối lộ khắc phục chưa có

kết quả đáng kể... Điều đó làm giảm lòng tin trong Đảng, trong nhân dân. Trong khi đó thì đội ngũ cán bộ Đảng viên của Đảng có một bộ phận không nhỏ chịu tác động mặt trái của cơ chế thị trường, ảnh hưởng tiêu cực của xã hội, giảm sút ý chí chiến đấu trên nhiều mặt. Nhiều đảng viên cán bộ có chức có quyền cửa Đảng, đang bị tiền tài, danh vọng, địa vị, vật chất thâm nhập, thao túng, dẫn đến tha hóa đạo đức, lối sống biến chất có người không còn là người Cộng sản, thiếu trách nhiệm với nhân dân với đất nước, phai mờ lý tưởng, có người, có lúc, có trường hợp nói năng hành động vô ý thức, quên mình là người đảng viên cộng sản vĩ đại, sống chiến đấu cho một lý tưởng cao đẹp là thành viên của đội ngũ tiên phong gương mẫu, trong chế độ mới, để chủ nghĩa cá nhân phát triển đến mức báo động, tự do tùy tiện bất chấp kỷ luật kỷ cương của Đảng, đứng ngoài luật pháp Nhà nước, gây mất đoàn kết nội bộ làm mất uy tín của Đảng trong nhân dân... Đó là nguy cơ trực tiếp của từng đảng bộ rất khó lường, trong tình hình hiện nay.

Tôi nghĩ rằng : vấn đề kỷ luật, kỷ cương và uy tín của Đảng có mối quan hệ mật thiết trong hệ thống chính trị và tâm lý xã hội, là lòng dân, lòng tin và sức mạnh của Đảng ta không thể tách rời Đảng với nhân dân. Một Đảng chính trị mà kỷ luật, kỷ cương buông lỏng thì uy tín chính trị của Đảng giảm sút là tất yếu dẫn đến nguy cơ đảng viên, cán

bộ xa rời đường lối, chính sách của Đảng, xa rời quần chúng, quan liêu, quan cách của một Đảng cầm quyền, dẫn đến nguy cơ mất còn của chế độ ta chưa lường hết. Tấm gương của Liên bang Xô viết và các nước Đông Âu là bài học phản diện đối với chúng ta đừng quên. Chúng ta luôn nhớ rằng : kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản tấn công Đảng ta hàng ngày, hàng giờ từ nhiều phía, nhưng dù chúng có hùng mạnh và xảo quyệt đến đâu, xảo quyệt và hung hãn như đế quốc Mỹ, nhưng 21 năm Đảng ta lãnh đạo nhân dân ta chiến thắng chẳng có gì đáng sợ, mà điều đáng sợ ở đây là kẻ địch thâm nhập từ bên trong, tổ chức điều kiện phá ta từ bên trong, phá từ tư tưởng phá ra, rất khó lường âm mưu chiến lược diễn biến hòa bình của Mỹ trong kế hoạch hậu chiến đối với Việt Nam, chớ có chủ quan lơi lỏng, mất cảnh giác. Ngẫm lịch sử nước Tàu đời Hán có con người tài ba như Quan Vân Trường, chỉ vì tự mãn không theo kỷ cương phép nước, phớt lệnh quân sư Gia Cát Lượng mà bị Lã Mông treo đầu, chết không nhắm mắt, đó là gì?

Vậy thì ta phải làm gì để lập lại trật tự kỷ cương, nâng cao uy tín của Đảng ta trong tình hình hiện nay ?

Theo tôi, thì mỗi Đảng bộ, từ Trung ương đến cơ sở phải nghiêm chỉnh chấp hành và triển khai nghiêm túc nghị quyết TW 6 lần 2 về xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần chỉ đạo cụ thể của đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư và Thường vụ Bộ

Chính trị, tiến hành tự phê bình và phê bình trong Đảng và tiếp thu tốt sự góp ý của dân, ai có sai thì tự giác tiếp thu sửa chữa, thành thật nhận khuyết điểm, quyết tâm khắc phục, đó là biện pháp tối ưu trong xây dựng chỉnh đốn Đảng, là yếu tố bảo vệ uy tín cho Đảng ta mãi mãi trường tồn và mãi mãi là Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đầy đủ uy tín là Đảng của giai cấp công nhân của nhân dân lao động của cả dân tộc Việt Nam. Từ ngày thành lập Đảng đến nay, Đảng ta luôn luôn coi trọng tự phê bình và phê bình, Đảng xem đây là một biện pháp quan trọng để thường xuyên xây dựng chỉnh đốn Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Người nói :"Một chính đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng". Một đảng có gan thừa nhận khuyến điểm của mình, vạch rõ cái đó vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính" (Hồ Chí Minh tập 5-1985). Như vậy là Bác đã chỉ rõ phương pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cụ thể và xuyên suốt. Nội dung Nghị quyết 6 lần 2 của Ban chấp hành TW khóa 8, biện pháp xây dựng chỉnh đốn Đảng và những lần phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, thể hiện nghiêm túc tư tưởng Hồ Chí Minh trong phương châm, phương pháp xây dựng chỉnh đốn Đảng, qua 8 kỳ đại

hội Đảng toàn quốc, đã phát huy và giữ vững kỷ luật kỷ cương và uy tín của Đảng. Lần này bối cảnh có khác hơn những lần chỉnh Đảng, chỉnh huấn, chỉnh đốn Đảng trước đây. Nhưng với truyền thống đoàn kết trong Đảng, trách nhiệm trước sự nghiệp của nhân dân vì mục tiêu lý tưởng của người đảng viên cộng sản, chúng ta vững tin với tinh thần Nghị quyết TW 6 lần 2. Sự nghiệp xây dựng chỉnh đốn Đảng ta lần này chắc chắn sẽ thành công, xứng đáng năm cuối cùng kế thúc thế kỷ 20, với tư thế đàng hoàng bước sang thế kỷ 21, thiên niên kỷ mới với sức mạnh rồng vàng (Canh Thìn).

Chúc mừng Đảng đã trải qua 70 mùa xuân và mãi mãi là Xuân, tăng cường kỷ cương, nâng cao uy tín của Đảng, có trách nhiệm với dân, tiến hành tốt tự phê bình và phê bình trong Đảng, tiếp thu tốt sự phê bình góp ý của dân, khắc phục tốt khuyết điểm tồn tại để Đảng ta không ngừng tiến bộ ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử Tổ quốc và nhân dân giao phó.

Chào cộng sản !

VIII. THAM LUẬN 55 NĂM NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM RA ĐỜI "NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN".

***

55 năm chiến đấu và xây dựng Tổ quốc Việt Nam, dưới ngọn cờ "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người thầy của cách mạng Việt Nam, người Cha, người Anh hùng của dân tộc Việt nam, người sáng lập, rèn luyện đảng viên, cán bộ Đảng cộng sản Việt nam, đảng của giai cấp công nhân, nhân dân Việt Nam, đại biểu quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân lao động và dân tộc Việt nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động, Đảng là đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam suốt 70 năm qua, liên tục chiến đấu giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, đưa nước Việt Nam từ nô lệ lầm than đen tối dưới chế độ thực dân phong kiến, đứng lên làm cách mạng tháng 8/1945 thành công, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên của Đông Nam châu Á và nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tên tuổi nước Việt Nam đã ghi đậm trên bản đồ thế giới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lại tiếp tục chiến đấu 9 năm đánh bại xâm lược Pháp giải phóng miền Bắc, và 21 năm đánh bại xâm lược Mỹ giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội...

Ngày Quốc khánh 2/9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và trước cộng đồng quốc tế bản Tuyên ngôn Độc lập với nội dung đanh thép... "Nước Việt nam độc lập, có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành

một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy"...

Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng 8/1945 và sự ra đời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là thắng lợi của con đường cứu nước cứu dân do Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh tìm ra.... Đó là con đường giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho tổ quốc Việt Nam, là do sức mạnh đoàn kết thống nhất đấu tranh của toàn dân tộc lấy liên minh công nông làm chỗ dựa, lấy dân làm gốc của cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, được sự ủng hộ và liên kết phong trào công nhân quốc tế và nhân dân lao động bị áp bức của toàn thế giới, của phong trào giải phóng dân tộc trong các thuộc địa đế quốc và phong trào cộng sản.

Từ khi ra đời, Đảng và Nhà nước ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập luôn coi sự nghiệp cách mạng là của dân, chính quyền cách mạng là chính quyền "của dân, do dân, vì dân". Nhân dân là chủ thể, sức mạnh của cách mạng từ sức mạnh của dân, sức mạnh của dân là bí quyết của mọi thắng lợi.

Bài báo Dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết cách đây hơn nửa thế kỷ (ngày 15/10/1949) trên báo Sự thật...khẳng định một lần nữa mục đích và xác nhận tính chất chính quyền cách mạng là chính

quyền của dân, do dân, vì dân. Nội dung bài báo ấy Người căn dặn đảng viên, cán bộ của Đảng là:

"Bao nhiêu lợi ích đều vì dân

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân

Công việc đổi mới, xây dựng là

trách nhiệm của dân

Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là

công việc của dân

Chính quyền từ xã đến Trung ương do dân cử ra

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên".

Một đoạn bài báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trên mà tháng 10 năm 1999 ta đã tổ chức hội thảo, nay nói lại càng có giá trị sâu sắc, càng thấm sâu hơn! Tôi cho rằng, những điều Bác Hồ nêu trên đây là tóm tắt bản chất của chế độ ta, là Di huấn thiêng liêng của Bác đời đời để lại cho chúng ta, có nội dung chỉ đạo mọi hành động mỗi cán bộ đảng viên phải xứng đáng lời dạy của Người. Nội dung nói trên là tiêu chuẩn trung thành của cán bộ đối với chế độ, là lý tưởng cao đẹp của đảng viên, của Đảng được dân tín nhiệm giao cầm quyền.

Mặc dù chính quyền cách mạng mới ra đời còn trong trứng nước nhưng đã phải đối phó với bè lũ phản động cam tâm bán nước làm tay sai cho giặc, phải suốt 30 năm đánh giặc ngoại xâm, phải phát

động nhân dân chống giặc đói, giặc dốt, trong cảnh vận mệnh của dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc... Nếu không phải là chế độ mới, chế độ của dân do dân vì dân thì làm sao có thể đánh thắng thực dân Pháp, chiến thắng đế quốc Mỹ. Vừa kháng chiến vừa kiến quốc suốt 30 năm liền không nghỉ, lập nên chiến cộng Điện Biên Phủ năm1954, với ý chí quyết thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Tổ quốc thống nhất nước nhà... Với sức mạnh đương đầu suốt 20 năm bị bao vây phong tỏa của Mỹ. Sức mạnh của nhân dân đã đoàn kết chiến đấu vượt qua muôn vàn khó khăn nguy hiểm, sớm tìm ra con đường đổi mới tư duy kinh tế, khắc phục cơ chế quan liêu bao cấp, đi vào kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, có sự quản lý Nhà nước, từng bước hòa nhập kinh tế khu vực và thế giới, thoát vòng cô lập chính trị kinh tế và ngoại giao, làm thất bại kế hoạch bao vây phong tỏa của Mỹ, giữ vững an ninh chính trị, củng cố quốc phòng, bảo vệ độc lập tự chủ, đưa đất nước tiến lên trong bối cảnh khối XHCN do Liên Xô đứng đầu đã bị tan rã, phong trào cộng sản quốc tế lâm vào cảnh thoái trào

Ngày nay đất nước ta đang ở tư thế vươn lên và phát triển hơn bao giờ hết, mặc dù còn nhiều tiềm ẩn nguy cơ và thách thức, nó đang vận động nóng bỏng dưới chân ta, ma quái đang chờn vờn ở phía trước, hòng ngăn cản hạn chế bước tiến của chúng ta, đồng bào, đồng chí chúng ta chớ có mất cảnh giác với kẻ

thù, chớ say sưa với chiến thắng đã qua, bước nhằm vào cạm bẫy của quân thù.

Thắng lợi 55 năm qua của chế độ ta, là thắng lợi của việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện thực tế Việt Nam, là sự trung thành học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là việc chấp hành nghiêm túc các nghị quyết, đường lối chính sách đúng đắn của Đảng, tuân theo quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh; Đảng lấy dân làm gốc, là chính quyền của dân do dân vì dân... Đảng đã tạo nên bộ máy Nhà nước hình thành thể chế, định chế, cơ chế với đội ngũ đảng viên, cán bộ, công nhân viên chức là tiêu biểu tuyệt đối trung thành với nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, cúc cung tận tụy với chế độ.

Thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh "lấy dân làm gốc" Nhà nước đã ban hành quy chế dân chủ, cụ thể nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, thể chế hóa đường lối quan điểm các nghị quyết của Đảng, thông qua Quốc hội. Cơ quan dân cử các cấp, xây dựng hiến pháp, pháp định... thể chế hóa tính chất chính quyền của dân, do dân, vì dân qua nhiều văn bản.

Trên phương diện thông tin đại chúng thì mọi hoạt động trong bộ máy Nhà nước, Chính quyền các cấp, từ dự kiến kế hoạch, chính thức công bố phương hướng và nội dung triển khai, kết quả thực hiện, ưu

khuyết điểm đều được công bố công khai trên đài, báo cả nước để nhân dân giám sát. Gần đây các cuộc họp Quốc hội nhân dân chất vấn thông qua các thành viên Quốc hội và thành viên Quốc hội chất vấn Chính phủ, chất vấn các Bộ và được trả lời trước Quốc hội, trước công luận, công bố công khai trước quốc dân đồng bào... Đảng và Chính phủ luôn luôn tạo điều kiện cho nhân dân bàn bạc đóng góp trí tuệ của mình, thông qua đại biểu Quốc hội vừa trực tiếp đóng góp qua chế độ dân nguyện qua các cuộc tiếp xúc của Đảng, Chính phủ và Quốc hội, thông qua Mặt trận và đoàn thể thực hiện quyền làm chủ của mình. Nhà nước đã ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở trong đó nêu rõ quyền dân chủ và quy chế làm chủ của cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước, trong các cơ quan hành chính, công nông lâm trường, xí nghiệp, phải trở về sinh hoạt ở cơ sở Đảng bộ địa phương và tổ dân phố, nơi mà mình cư trú... Đó là biện pháp khắc phục tình trạng đảng viên của đảng quan liêu, xa rời quần chúng, mệnh lệnh, quan cách, thiếu quan điểm quần chúng, hách dịch trong đội ngũ CB-CNVC trong hệ thống chính quyền. Đó cũng là tạo điều kiện cho chính quyền sát dân, thực hiện nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân góp ý v.v....

Nhà nước của dân, do dân, vì dân... với nhận thức của tôi là: Nhà nước của dân thật sự phải trên cơ sở dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của dân với nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh: tất cả quyền lực

thuộc về nhân dân. Chế độ XHCN đã xác định nhân dân là chủ thể duy nhất của quyền lực Nhà nước... Điều này là nguyên tính cơ bản trong các quyền lập hiến lập pháp qua các khóa Quốc hội, từ chế độ Dân chủ cộng hòa và Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày nay; từ định chế bầu cử Quốc hội, bầu cử HĐND các cấp, là nền tảng tạo lập bộ máy Nhà nước, Chính phủ, chính quyền các cấp, do Quốc hội và đại biểu nhân dân mỗi cấp cử ra... Ngân sách quốc gia và ngân sách chính quyền mỗi cấp do dân đóng góp mà hình thành bằng nghĩa vụ thuế hàng năm các khoản thu khác phải nộp cho hệ thống Nhà nước mới có ngân sách để chi tiêu và hàng năm Quốc hội và HĐND mỗi cấp quyết định sự chi tiêu để phục vụ cho quốc kế dân sinh.

Tóm lại, chính quyền của dân là từ dân cử ra hình thành bộ máy hành chính quản lý Nhà nước và hệ thống chính quyền các cấp. Dân đóng góp tiền của nuôi hệ thống chính quyền ấy ! Do vậy mà dân có trách nhiệm giám sát và góp ý xây dựng mọi hoạt động của chính quyền cả gián tiếp và trực tiếp v.v.... đúng với ý nghĩa chính quyền của dân.

Về ý nghĩa chính quyền "do dân" được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định vai trò Nhà nước đối với nền kinh tế xã hội. Mọi vấn đề trong cuộc sống của dân là phải do dân quyết định, dân tự sắp xếp, tự bố trí mọi hoạt động của mình trong vòng pháp định. Nhà nước phải tạo lập hành lang pháp lý đảm bảo an

toàn cho cuộc sống riêng tư cho mỗi công dân có quyền tự do trên lĩnh vực pháp lý hiện hành, không được xâm phạm quyền tự do của người khác. Nhà nước phải đảm bảo trật tự trị an, quyền làm người trong cuộc sống của dân về mặt chính trị.

Về mặt kinh tế, Nhà nước phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh,. trên cơ sở pháp luật. Nhà nước phải tạo thuận lợi, khích lệ, hướng dẫn, hỗ trợ, thúc đẩy thường xuyên, tạo không khí phấn chấn trong đời sống kinh tế, phát huy trí tuệ năng lực của mỗi công dân để họ tham gia phát triển kinh tế , xây dựng xã hội, chăm sóc sức khỏe.

Trên lĩnh vực đảm bảo đời sống và phúc lợi chung cho xã hội, Nhà nước phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước dân, như y tế, bảo hiểm xã hội, giáo dục đào tạo, hệ thống giao thông, phát triển công viên, xây dựng nhà nghỉ dưỡng cho người già, nơi nuôi dưỡng bà mẹ và trẻ em không nơi nương tựa... Nhà nước và hệ thống chính quyền các cấp phải đứng ra tổ chức cho dân, động viên tổ chức nhân dân tham gia quản lý giám sát mọi hoạt động của chính quyền. Điều tôi muốn nói là để thực hiện đúng vai trò Nhà nước "do dân" thì hệ thống quyền lực Nhà nước chỉ làm những việc thuộc trách nhiệm mình phải làm, chỉ được can thiệp những việc chính quyền phải can thiệp và cần can thiệp... Còn tất cả thuộc về cuộc sống riêng tư của dân do dân quyết định, do dân tự làm, tự giải quyết theo luật định, tự giác tự nguyện

thuộc tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể quần chúng tự nguyện lập ra không trái với hiến pháp và luật pháp thì Nhà nước phải tạo mọi thuận lợi cho cuộc sống và mọi hoạt động của họ. Khi cần dân yêu cầu chính quyền giúp đỡ thì chính quyền có trách nhiệm chu đáo lo cho dân đến nơi đến chốn, đúng với nghĩa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Còn vai trò Nhà nước "vì dân"... theo tôi nhận thức là phải thể hiện các mặt sau đây:

Phải có trách nhiệm xây dựng hệ thống pháp luật. Toàn bộ hệ thống pháp luật phải nhất quán tư tưởng lấy dân làm gốc.

Mọi qui định của pháp luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, nghị quyết, chủ trương, mục tiêu để định luật... Cá nhân và hệ thống bộ máy cơ quan quyền lực Nhà nước phải gương mẫu trong mọi hoạt động, phải làm theo luật, phải luôn gắn bó mục tiêu bất di bất dịch "vì lợi ích của nhân dân" không đối lập với việc quản lý chặt chẽ của Nhà nước mà mất dân chủ với dân hoặc xâm phạm lợi ích và đời sống của nhân dân, hay vì dân chủ mà nhẹ chuyên chính với kẻ thù, lơi lỏng trong quản lý xã hội, dung túng kẻ xấu....

Tôi nhận thức ba nội dung cơ bản nêu trên, về thiết kế quyền lực Nhà nước mang tính chất "của dân, do dân, vì dân" theo ý tưởng Chủ tịch Hồ Chí

Minh và Đảng cộng sản Việt Nam, đã định chế một Nhà nước dân chủ nhân dân trước đây và nước Cộng hòa XHCN ngày nay là thống nhất của một nguyên lý quan điểm xuyên suốt chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có tính triết lý khoa học. Bởi vì: Nước ta dưới chế độ phong kiến gần ngàn năm và gần 100 năm bị nô lệ dưới thời thực dân Pháp thống trị.

Đảng tiên phong - giai cấp công nhân, đại biểu cho quyền lợi và nguyện vọng của nhân dân lao động và cho cả dân tộc Việt Nam đã vận động nhân dân đứng dậy cướp chính quyền về tay nhân dân, lập nên chính quyền cách mạng thông qua 10 khóa Quốc hội và HĐND các cấp được dân bầu ra và hệ thống chính quyền cách mạng được chính Quốc hội và HĐND các khóa lập ra, thực chất Nhà nước ấy là nhà nước của dân, do dân... tất yếu Nhà nước của dân, do dân thị mọi hoạt động phải vì dân... Nói dễ hiểu là : ăn cơm của dân thì phải lo cho nhân dân hết lòng hết dạ.... đó là đạo lý.

Liên hệ quá trình 55 năm nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa trước đây và Cộng hòa XHCN Việt nam ngày nay là Nhà nước cúc cung tận tụy quản lý điều hành lo cho dân, cùng nhân dân đoàn kết chiến đấu suốt 30 năm kháng chiến chống thực dân đế quốc xâm lược giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, giành thắng lợi hoàn toàn giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Có thắng lợi vinh quang ngày

nay là quá trình đấu tranh 55 năm núi xương sông máu, người trước ngã, người sau đứng dậy, không ngừng chiến đấu và chiến thắng trên nửa thế kỷ vừa chiến đấu, vừa xây dựng để có ngày này, nếu không phải chế độ này là chế độ của dân, do dân, vì dân thì không sao có sức mạnh chiến thắng đế quốc xâm lược Mỹ - tên đế quốc xâm lược - đầu sỏ, hung hãn nhất của thế kỷ 20, không làm sao có ổn định chính trị, không làm sao tăng cường được lực lượng quốc phòng, làm sao có sức để phát triển kinh tế- văn hoá, làm cơ sở mở rộng mặt trận đối ngoại rực rỡ như ngày nay.

Nếu không có lớp lớp cha anh dũng cảm hy sinh vì sự nghiệp suốt 55 năm trời, để bảo vệ, xây dựng chính quyền , thì làm sao có lịch sử huy hoàng ngày nay.

Kỷ niệm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, chúng ta tự hào lớp cha anh đi trước từ thân "nốp với dáo" dám hy sinh vô điều kiện cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, theo tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh: Đảng viên, cán bộ của Đảng phải thật sự là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, 55 năm nhân dân ta đấu tranh giữ vững và phát triển chính quyền cách mạng là cả xương máu, mồ hôi nước mắt của cả một dân tộc, bao triệu người ngã xuống để có ngày này. Nay ta là số người có may mắn đang còn sống và thế hệ nối tiếp hôm nay không quên trách nhiệm đối với nhân dân, không thể có hành động nào làm hoen ố bản chất giai cấp của Đảng, làm phai

mờ bản chất cách mạng là chính quyền của dân, do dân, vì dân... Quyết không để có cảnh nhiều kẻ ngồi mát ăn bát vàng, trong lúc còn nhiều người sống dưới mức nghèo khổ, còn sống cảnh ngựa trâu... không thể có mang danh đầy tớ lại kéo cả họ ăn theo, cha "làm quan" con được nhờ v.v... Đầy tớ sống xe hơi nhà lầu, kẻ hầu người hạ, ăn chơi cờ bạc, rượu chè, bồ nhí,... trong lúc "Ông Chủ" còn sống lang thang đầu đường xó chợ, một nắng hai sương, kẻ lên núi đốt than, người xuống biển mò cua bắt rạm, khố rách áo ôm, sống buổi sáng lo buổi chiều, có ngày nay, chưa biết làm sao để có bữa mai v.v... Nếu trong nhân dân ta còn cảnh ấy mà ta không lo giải quyết, cứ chạy theo ăn chơi phè phỡn là đi ngược trào lưu tư tưởng Bác Hồ, làm trái bản chất chính quyền của dân, do dân, vì dân là hoàn toàn không được ! Phải tích cực đấu tranh quyết tâm sửa chữa đảm bảo lòng tin của dân đối với chế độ.

Quyết tâm sửa, và sửa thế nào đây ? Có một số anh em thiếu tin... Họ nói rằng: Khó sửa vì nó đã mang cố tật thành thói quen, một số đã thoái hóa biến chất thì không dễ sửa đâu ! Ngày nay đã có lớp người "bát nháo" nói một đường làm một nẻo, cậy thế cậy quyền ức hiếp nhân dân, coi dân như cỏ rác, số này bây giờ đã có mặt trong hệ thống chính trị và chính quyền của ta không ít. Vì vậy mới gây ra tình trạng người dân vay của Nhà nước vài triệu bạc để chăn nuôi không thể lấy ra được, còn kẻ lừa đảo lấy

trong Ngân hàng hàng ngàn tỷ dễ như chơi... Có cảnh chi một bữa nhậu 5 - 10 triệu đồng chỉ cần chứng phiếu viết tay, còn dân vay 1 triệu phải qua bao nhiêu cửa và con dấu. Thời bao cấp anh em ta đã bị nhân dân phê phán: Thầy tớ đi Volga đen, một lũ thổi kèn đuổi dân hù hụ... Còn dân là chủ chẳng được gặp mặt gửi lời...còn nay trong cơ chế thị trường anh em ta nói rằng phải có xe xịn, phải có bộ đồ kiểng.... mới đi quan hệ được.... còn dân đi chân đất, quần nâu áo vá làm sao lọt được cửa quan, có phải thế không? Đây là tiếng nói mỉa mai của bọn xấu, không thích gì chế độ ta! Nhưng có thật chúng mới dám nói... làm người nghe quá đau lòng. Có một số anh em còn trực tiếp hỏi tôi rằng: Trong thời kinh tế thị trường, người dân lương thiện làm gì có tiền để xây nhà lầu, mua xe ôtô hàng tỷ, ngày ngày ăn nhậu, còn thời giờ nào mà nghĩ việc nước, việc dân. Có lúc nào rảnh đâu mà xuống dân sát việc, giải quyết công việc đạt lý thấu tình, nên cứ chơi như đá bóng, người dưới đá lên trên, người trên đá xuống dưới, có việc 25 năm vẫn còn nằm trong hồ sơ oan trái của dân khiếu nại, chẳng được xem xét giải oan, gọi là chính quyền vì dân sao ? Có người nóng giận nói khảy rằng: Nhà nước và Quốc hội thông qua chế độ lao động của công nhân viên chức Nhà nước làm việc một tuần được nghỉ 2 ngày, chứ cho nghỉ luôn 4 ngày cũng thế thôi! Nghe nói có chủ trương năm 2000 giảm biên chế 15% chứ có cơ quan giảm đi 80% cũng được... Tôi cho đây

là tiếng nói dân gian, tiếng nói của người mẹ chồng đối với nàng dâu Nhưng vì cô dâu có hư hỏng thật, mới có lời đay nghiến của mẹ chồng, làm cho gia đình mất hạnh phúc đó là điều báo động, ta là người có trách nhiệm phải nghiêm túc xem xét làm sao đây!

Có anh em hỏi tôi rằng: ai gây ra tệ nạn xã hội, và tệ nạn xã hội ngày càng phát triển đến nguy cơ? người ta nói: người dân bình thường, làm sao có thời giờ, tiền của đâu để cờ bạc hút xách, ăn chơi "đàn điếm" gây nghiện xì ke ma túy, HIV- Và họ kết luận: chỉ có lớp người ngồi mát ăn bát vàng, những tên lừa thầy phản bạn, mua thần bán thánh, theo đóm ăn tàn, những kẻ quanh năm chẳng có ngày lao động, chẳng có giây phút tháo hồ hôi, nhưng tiền vào như nước, kẻ ấy mới có của ăn chơi gây ra tệ nạn xãhội! Đã có nhiều lần báo chí của ta đã vạch mặt chỉ tráng, lên án kết luận là thiếu lương tâm, nhưng vẫn cứ phát triển chưa hề thiên giảm!

Kỷ niệm 55 năm kế thừa truyền thống cha ông dựng nước, lòng phấn chấn tự hào Đảng cộng sản Việt Nam, Bác Hồ Chí Minh- người anh hùng dân tộc Việt Nam là một danh nhân văn hóa thế giới trong thế kỷ 20, Người sáng lập và dày công xây dựng rèn luyện Đảng ta, Nhà nước ta bao nhiêu. Nay nhìn lại thực tế cuộc sống, còn có sự thiếu công bằng và chưa thật sự dân chủ của một lớp người vô lương tâm nói trên, lòng mãi đau buồn lo lắng, thổn thức bấy nhiêu!

Có người bảo rằng: thời đại kinh tế thị trường tất cả là tiền, người người chạy theo làm tiền, có tiền là yên tất cá! Có tiền mua tiên cũng được ! Câu nói này năm bảy mươi năm trước tôi còn nhỏ, những đã có nghe rồi, nó không mới đâu! Nhưng lịch sử đã lên án và chôn nó vào sọt rác trên nửa thế kỷ qua rồi, sao nay người ta moi lên để dựng thành thần tượng mà thờ trong chế độ của ta, trở thành đạo lý xử thế! Có thể dẫn đến sa đọa thì sai đấy Vì tiền mà gây nên chia rẽ mất đoàn kết, đâm chém lẫn nhau, con xa cha, vợ bỏ chồng, rối rắm xã hội, bất hạnh lắm! Nếu nói tiền mua tiên cũng được, thì cách đây 25 năm về trước, tên đế quốc xâm lược Mỹ giàu mạnh nhất thế giới tư bản, chúng lắm đô la, nhiều phương tiện chiến tranh, không ít súng đạn tối tân hơn dân Việt Nam hàng triệu lần về vật chất, nhưng làm sao mua được khối óc trái tim nhân dân Việt Nam. Còn ta chiến thắng đế quốc Mỹ không phải ta lắm tiền nhiều súng, tướng mạnh binh hùng mà chính là ý chí gang thép của một dân tộc đoàn kết thống nhất chiến đấu vì mục tiêu "Không gì quý hơn độc lập tự do" đã kiên trì phấn đấu không mệt mỏi suốt nửa thế kỷ đấu tranh, giành quyền độc lập cho dân tộc, thống nhất chủ quyền quốc gia, quyết giành lại chính quyền về tay nhân dân, mà lớp lớp hy sinh, người trước ngã, người sau đứng lên quyết bảo vệ cho kỳ được chính quyền của dân, do dân, vì dân... để được ngày nay.

Quan điểm kinh tế thị trường trong chủ nghĩa tư bản thì mọi vật chất đều thuộc tính hàng hóa, kể cả sức lao động và con người trong đó có cả trái tim và bộ óc của con người, kẻ chết để lại cho người sống một phần cơ thể của mình, nó cũng biến thành cụ thể của hàng hóa, chứ không còn là hình ảnh trìu tượng của hàng hóa... Nhưng dù sao thì phổ biến vẫn là hiện tượng, còn cái thật của con người, thì làm sao ai có thể mua được tâm hồn của mình! Nếu Mỹ có nhiều đô la để mua được cái tâm, thì đâu có chuyện ông Cố vấn Vũ Ngọc Nhạ, có người kỹ sư điện anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, làm sao có Nguyễn Thái Bình, làm sao có phi công Nguyễn Thành Trung v.v... Làm sao ông cha đã để lại bài thơ ca tụng phẩm chất cao quý của hoa Sen... "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn...". Ngày nay đế quốc Mỹ hí hửng trong âm mưu diễn biến hòa bình, chúng đã tạo tình hình phức tạp trong nội bộ, nhân dân nước ta, tạo lập lớp người đứng trên nhân dân, làm phai mờ bản chất giai cấp công nhân của Đảng cộng sản Việt Nam, làm nhợt nhạt ý thức chính trị của chính quyền cách mạng "của dân, do dân, vì dân..." Với nguyên tắc của Đảng ta là: Mọi việc phải được dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra... là biện pháp rất hay, nhưng ít ai đã làm đúng.

Theo nguyên lý tập trung dân chủ của Đảng, nghị quyết là tập trung ý chí của tập thể, nhưng khi triển khai cá nhân phụ trách trong thực tế điều hành,

thường lồng cá nhân cửa quyền, vì lợi ích riêng tư không phải ít, có nơi có lúc vi phạm cả nguyên tắc của Đảng, luật pháp của Nhà nước vẫn cứ ngang nhiên, làm ảnh hưởng lòng tin của dân đối với Đảng, với chế độ là không ít.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng thấu hiểu thực trạng tiêu cực trong việc điều hành của các cấp chính quyền đã từ lâu. Nên Đảng ta đã phát động tự phê bình và phê bình trong nhiều đợt xây dựng chỉnh chốn Đảng và gần đây có nghị quyết Trung ương 6 lần 2 khóa 8... lại có 9 điều đảng viên, cán bộ của Đảng, hệ thống CNVC Nhà nước không được làm, tiếp đó có chỉ thị... đưa cán bộ, đảng viên của các cơ quan Đảng, chính quyền, xí nghiệp, mặt trận, đoàn thể trở về tham gia sinh hoạt Đảng bộ cơ sở địa phương mà mình cư trú, tạo sự thông cảm nỗi khó khăn và hiểu tâm tư nguyện vọng của Đảng bộ cơ sở và quần chúng. Về chính quyền đã ra Quy chế dân chủ, dân làm chủ ở cơ sở , chủ trương đưa CNVC trong hệ thống chính trị, chính quyền về sinh hoạt với các tổ dân phố của nơi mình thường trú...

Mặt trận và các đoàn thể cách mạng chủ trương mở rộng cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, gắn với nội dung phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở v.v... Tất cả các phong trào nêu trên đều nhằm một mục tiêu làm cho đảng viên của Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân, CBCNVC Nhà nước sát cánh với quần chúng, củng cố mối quan hệ

thật sự chính quyền của dân, do dân, vì dân! Phát huy vai trò làm chủ thật sự của nhân dân, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực của chính quyền, đảm bảo lòng tin đối với nhân dân là thiết thực góp phần xây dựng chỉnh đốn Đảng, làm trong sạch vững mạnh hệ thống Nhà nước XHCN theo tinh thần nghị quyết 6 lần 2 của Trung ương Đảng khóa 8 đề ra.

Theo tôi để thực hiện có kết quả cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong Đảng, theo nội dung nghị quyết 6 lần 2 mà đ/c Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu phát động nhân ngày kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh dấu 30 năm làm theo di chúc thiêng liêng của Người, tất cả đảng viên, cán bộ của Đảng tích cực xây dựng chỉnh đốn cơ quan quyền lực Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở đủ tiêu chuẩn đức-tài thông qua lãnh đạo thành công Đại hội Đảng các cấp, góp phần thắng lợi Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 9 đảm bảo tiếp tục sự nghiệp đổi mới, củng cố tăng cường vai trò làm chủ của nhân dân đối với Nhà nước, là một giải pháp củng cố tăng cường hiệu lực của chính quyền, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa, chuẩn bị đôi cánh bay vào thiên niên kỷ mới, vững bước đi vào thế kỷ 21 thật huy hoàng của Đảng bộ và hệ thống chính quyền Lâm Đồng chúng ta. Đó là nguyện vọng duy nhất của nhân dân cả nước và nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng chúng ta.

Cảm ơn sự theo dõi của các bạn./-

IX/ ĐỀ CƯƠNG THAM GIA HỘI THẢO CÔNG TÁC CÁN BỘ HỌP TẠI QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG (THÁNG 8/1993) :

Đồng chí Lê Phước Thọ, Uỷ viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức TW Đảng ...

Kính thưa các đồng chí đại biểu !

Nói đến nhận thức vị trí quyết định của công tác cán bộ về mặt lý luận chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh... thì nhiều cán bộ đảng viên làm công tác Đảng nói và viết không thiếu lời, không sót chữ và còn phát triển những ý rất hay, đúng với thực tiễn cuộc sống. Trải qua 63 năm kể từ khi Đảng ta ra đời, nhiều thời kỳ lịch sử, trải qua bao nỗi thăng trầm, lúc cao trào, lúc thoái trào, có lúc sự nghiệp của Đảng, của dân tộc như "ngàn cân treo sợi tóc", sự mất còn như lật ngửa bàn tay. Nhưng Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua bao nhiêu bão tố, đương đầu với mọi loại thù trong, giặc ngoài, nhưng đã vượt qua và đưa cách mạng tiếp tục tiến lên, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đó chính là Đảng có đường lối đúng đắn và xuyên suốt. Quan điểm của Đảng ta lấy dân làm gốc, vì dân, do dân, của dân và cũng không dừng lại ở chủ trương lý thuyết, mà Đảng đã thể hiện trên tổ chức hành động cụ thể, vì nhân dân quên mình của cán bộ đảng viên, nói và làm đi đôi, đem lại lòng tin của quần chúng.

Quyết định mọi thắng lợi của Đảng ta 63 năm, là thắng lợi của đường lối đúng đắn và chính cũng từ sự thông tin đúng, nên đã có quyết sách đúng, có lượng thông tin đúng và chính xác, mới có chủ trương, đường lối đúng, cũng từ hệ thống cán bộ đảng viên trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng và trung thực đối với Đảng từ thực tế phản ảnh lên.

Đường lối chủ trương đúng, là nhân tố quyết định phần cơ bản của mỗi thắng lợi ở động tác ban đầu. Còn nghiên cứu thực tiễn để vận dụng đường lối thì phong phú hơn nhiều, và nó phải thông qua quá trình vận động khách quan và thông qua mọi thực tiễn phản ảnh trung thực của trình độ kinh tế-xã hội và lực lượng sản xuất, có tính chất lịch sử của nó. Không ai có thể áp đặt dùng ý chí cá nhân chủ quan của mình dù nhỏ nhất cũng không thể đạt kết quả.

Vì vậy mà quá trình tổ chức thực hiện đường lối của Đảng đưa vào cuộc sống xã hội, phải biết kết hợp mọi nhân tố tổng hợp giữa chủ quan và khách quan là phát huy tính năng động sáng tạo linh hoạt của con người, đưa con người chưa thật tự giác đến tự giác... đó chính là vai trò quyết định của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị do Đảng ta lãnh đạo tạo ra.

Có đường lối đúng, nhưng chưa có tổ chức tốt và hợp lý, thì không sao phát huy được sức mạnh tổng hợp của các tổ chức quần chúng trong xã hội. Chỗ

này chúng ta cần suy nghĩ, ý Lê nin "Hãy cho tôi một tổ chức thì tôi sẽ làm được tất cả".

Nhưng có hệ thống tổ chức tốt và hợp lý rồi, mà có sai lầm trong việc lựa chọn cán bộ, bố trí cán bộ cốt cán không đúng, không tốt, không tuân theo những tiêu chuẩn cụ thể của nó, thì cũng không đưa sự nghiệp đến thắng lợi hoàn toàn, và không đảm bảo đi đúng hướng đã vạch ra.

Trong thực tế của thiên nhiên, những sinh vật nhỏ nhoi như đàn ong làm nên tổ ấm, bởi vì ong cùng một chúa sinh ra, có bản năng tự lập cao, có tính thống nhất hành động trong một tổ chức và hoạt động cho sự tồn tại và phát triển. Đàn mối xây dựng nổi công trình cứng rắn, vì đàn mối chịu sự chỉ huy của mối chúa là thủ lĩnh của loài mối. Đàn kiến cũng thế. Trái lại con "ve" hát thì thật là hay, nhưng sống cá nhân biệt lập, không thành đàn, không có thủ lĩnh, không có dấu hiệu hành động thống nhất, nên không có công trình khi hết hạ, rồi phải lột xác phơi ở trần gian, chui xuống đất mà nằm yên qua 3 mùa lạnh lẽo.

Đối với con người, để xây dựng được sự nghiệp thì con người phải có tính tự giác cao và được tổ chức lại, cũng giống như một dàn nhạc, phải có nhạc trưởng. Mỗi tổ chức phải chọn được một thủ lĩnh giỏi (cứ tổ 3 người có tổ trưởng, đó là thủ lĩnh).

Suy cho cùng trong quá trình 30 năm chiến thắng đế quốc thực dân, Pháp và Mỹ mạnh hơn ta gấp nhiều lần, chính xuất phát từ lòng căm thù giặc cướp nước, với ý chí không có gì quý hơn độc lập tự do, từ lòng tin ở sức mạnh của một dân tộc, được tổ chức động viên đoàn kết lại; từ đường lối đúng đắng của Đảng, mà người người lớp lớp xông lên chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, đó là lòng tin ở Đảng, tin ở lãnh tụ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ tiêu biểu, và Đảng ta có đội ngũ thủ lĩnh của mọi đơn vị, địa phương, thể hiện tư tưởng vì dân, do dân và của dân, mà đã chiến đấu quên mình. Những thủ lĩnh của Đảng và quần chúng, xuất thân từ phong trào đấu tranh oanh liệt của nhân dân, của chiến sĩ tạo ra, xứng đáng là niềm tin, chỗ dựa của nội bộ và nhân dân, được tập thể Đảng phát hiện đào tạo, đề bạt, bồi dưỡng cất nhắc, bổ sung, hình thành hệ thống tổ chức chính trị từ phường xã đi lên, về quân sự từ tổ 3 người mà trưởng thành trong sự nghiệp lớn, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.

Đảng ta xác định : sự nghiệp cách mạng là của quần chúnh, Đảng lấy dân làm gốc, mọi hành động của Đảng xuất phát từ lợi ích của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh... nhưng để đảm bảo vững chắc phương hướng phát triển nêu trên, động lực và tốc độ phát triển, và có phương pháp, tiến nhanh hay chậm, tốt hay xấu, cuộc chiến đấu hy sinh nhiều hay ít, đúng hướng hay

không ? và có tập hợp được sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân cùng Đảng tiến lên hay không; là do đội ngũ cán bộ quyết định cụ thể, và đội ngũ cán bộ ấy phải đồng bộ, có ý chí chiến đấu cao, trên dưới một lòng, hành động thống nhất, đồng tâm hiệp lực của một hệ thống tập thể tổ chức hợp đồng rộng lớn.

Bàn công tác bộ máy và công tác cán bộ là bàn công tác khoa học xây dựng, lựa chọn hạt nhân của xã hội, thực chất là việc xây dựng con người để tổ chức lãnh đạo con người, tổ chức quản lý xã hội.

Hôm nay Ban tổ chức Trung ương Đảng, tổ chức hội thảo vấn đề công tác cán bộ trong phạm vi các Đảng bộ khu Nam trung bộ (khu 5 cũ) là hết sức cần thiết và đúng mức. Bởi vì : khu Nam trung bộ có lịch sử chung và cũng có truyền thống văn hóa và đặc điểm riêng. Nếu không đi sâu đánh giá đúng và hiểu kỹ thì không những không phát huy nội lực cách mạng và con người ở miền này, mà còn hạn chế tốc độ phát triển trong tình hình mới.

Riêng Lâm Đồng, chúng tôi từ thực tế xin phát biểu mấy vấn đề để Trung ương Đảng, Ban Tổ chức TW suy nghĩ :

Đảng bộ Lâm Đồng có truyền thống trong tính thống nhất của Tây Nguyên, Nam trung bộ, nhưng cũng có nét đặc thù riêng, đó là miền núi cao, gắn Tây Nguyên, Nam trung bộ và nối liền chiến khu Đ, Đông Nam bộ, có mối quan hệ với trung tâm chính

trị, kinh tế, văn hóa xã hội thành phố Hồ Chí Minh, có vị trí chiến lược của tuyến nam Đông Dương, vừa có lợi thế phòng thủ và cũng có thể triển khai tấn công làm cho địch khó lường.

Về kinh tế-xã hội : tuy Lâm Đồng nằm trên vùng đất mới; dân cư bản địa là dân tộc không quá 190.000 người trên 750.000 người dân của tỉnh.

Tiềm năng đất đai tự nhiên trên 1 triệu ha. Nhưng đất nông nghiệp trồng lúa và cây lương thực, thực phẩm không quá 50.000 ha. Diện tích còn lại là rừng, và đất rừng trên địa hình đồi úp chén, nhấp nhô, nhưng nhờ có thiên nhiên ưu đãi, nên có điều kiện phát triển cây công nghiệp dài ngày, xen lẫn cây rừng, cùng cộng sinh thành hệ thống thảm thực vật đa dạng và thích hợp, sự phát triển đàn gia súc ăn cỏ ăn lá phát triển tốt.

Về cơ cấu sản xuất, quy hoạch cây trồng con nuôi, chúng tôi xác định ổn định 3 cây 4 con chính, đó là trà, cà phê, dâu tằm hình thành đồng bộ công nghiệp chế biến, 4 con là : con trâu, bò, dê, lơn và tùy mỗi tiểu vùng mà xác định cây, con nào giữ vị trí chính, phụ khác nhau, hiệu quả cao, thấp mà chỉ định cụ thể, gắn với công nghiệp chế biến nông – lâm – khoáng sản và du lịch dịch vụ.

Về xã hội : sau 18 năm giải phóng xây dựng và phát triển từ 342.440 người nay lên đến 750.000, tốc độ tăng dân số quá nhanh, chủ yếu là tăng cơ học.

Trên địa bàn Lâm Đồng có mặt đủ 53 tỉnh thành và 28 dân tộc trong cả nước.

Đơn vị hành chính có 118 xã, phường, thị trấn, trong 9 huyện và thành phố Đà Lạt trực thuộc tỉnh.

Tổ chức Kinh tế có 58 đơn vị doanh nghiệp nhà nước của tỉnh với một số đơn vị của TW mà đơn vị lớn là Liên hiệp Dâu tằm tơ Việt Nam.

-Toàn bộ lực lượng công nhân viên chức có khoảng 40.000 người cả TW và địa phương, trong đó có khoảng một phần tư là lực lượng chính trị, hành chính và sự nghiệp.

-Cơ sở khoa học : có trường Đại học tổng hợp Đà Lạt, Viện nghiên cứu hạt nhân, Học viện Lục quân Đà Lạt, Phân viện Khoa học Đà Lạt, Trường Cao Đẳng sự phạm, Viện Vacxin, Trung tâm Đào tạo cán bộ trung cao tại chức, Trường trung cấp nông nghiệp, trung cấp Y tế, 2 trường trung cấp dạy nghề; cơ sở nghiên cứu khoa học dâu tằm tơ Việt Nam. Nói chung là số lượng cán bộ có trình độ đại học và trên đại học thuộc Trung ương quản lý khá đông, nhưng riêng tỉnh qủan lý chỉ có 3 phó tiến sĩ.

Từ tình hình cụ thể trên, nhưng đội ngũ cán bộ thực chất vừa thiếu vừa yếu và cũng có thừa, và thừa số yếu, nhưng thiếu là thực chất... cụ thể là :

1/ Số lãnh đạo chính trị : thừa người nói chung nhưng lại thiếu người viết và người làm, thiếu những

anh em có trình độ nghiện cứu đi sâu đi sát thực tế tổng kết, phát hiện, đề xuất giải quyết cụ thể cho cơ sở, phát hiện đóng góp chỉ đạo chung.

2/ Số quản lý Nhà nước (hệ thống hành chính): thừa người điều hành bằng kinh nghiệm, bất chấp luật pháp, nhưng thiếu người nắm vững luật pháp kỷ cương điều hành theo phép nước nghiêm minh.

3/ Về sự nghiệp :

a./ Hệ thống giáo dục : thì một phần ba lực lượng giáo viên được đào tạo cơ bản trường lớp, số còn lại thuộc diện đào tạo cấp tốc để đáp ứng yêu cầu sau giải phóng, thiếu cơ bản, không toàn diện, thiếu tư cách của người thầy; cần phải có kế hoạch kiểm tra đánh giá bồi dưỡng kiến thức đào tạo lại; số không đủ tiêu chuẩn sẽ có thừa lớn, nhưng cũng sẽ thiếu nhiều giáo viên toán, lý, hóa và sinh ngữ.

b./ Hệ thống y tế phổ biến thiếu bác sĩ chuyên khoa có kinh nghiệm và hệ thống chẩn đoán, thừa người mới ra trường, tuy có bằng tốt nghiệp trung đại học y học, nhưng còn cách xa giữa học và làm.

4/ Về lĩnh vực khoa học : thì môn khoa học xã hội, khoa học quản lý phát triển chậm hơn, quá chậm so với khoa học kỹ thuật và công nghệ, do vậy mà có ảnh hưởng không nhỏ đến lực lượng sản xuất, lực lượng này phát triển và nâng cao chậm.

Đội ngũ cán bộ khoa học quản lý kinh tế tài chính, tiền tệ thiếu lớn, khoa học điều hành công trình chuyên nghiệp, công nghiệp hầu như không có. Cán bộ khoa học tổng hợp lý thuyết có, nhưng thiếu thực tế, rất khó sử dụng, số này còn lâu mới gắn được giữa lý thuyết và thực hành, vì đội ngũ công nhân có kinh nghiệm, có tay nghề cao thiếu, nên thực nghiệm công trình không ai làm.

Cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp, nhất là cây công nghiệp chè, cà phê hầu như không có, có một số kỹ sư nông nghiệp chỉ làm ở văn phòng, còn người xuống cùng nông dân tổ chức khuyến nông chẳng có ai, điều đó ảnh hưởng đến việc phát triển nông nghiệp toàn diện.

5/ Đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh hoàn toàn như con số 0 ? Vấn đề này mọi việc như mới bắt đầu, thực sự thiếu cả lực lượng cán bộ trực tiếp và gián tiếp sản xuất kinh doanh và rất ít đồng chí nắm chắc hệ thống pháp lý.

Làm kinh tế nhưng chưa đủ luật pháp kinh tế và hệ thống pháp lý làm cơ sở điều hành có pháp luật đảm bảo. Hệ thống trọng tài thực chất là cán bộ chính trị, và quan điểm xử lý cũng từ quan điểm chính trị, phần lớn trình độ hiểu biết các quy luật vận động kinh tế hàng hóa và thị trường, nguyên tắc hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, kế toán tài vụ, tài chính tiền tệ chưa nắm chắc và thiếu kinh

nghiệm... Vậy thì làm sao điều hành có hiệu lực nền kinh tế hàng hóa hoạt động theo cơ chế thị trường có hướng dẫn của kế hoạch Nhà nước và sự điều hành của Nhà nước, vận động cơ chế thị trường... trong lúc đó luật pháp kinh tế và quy chế quản lý cụ thể, dẫn đến cá nhân điều hành dễ tùy tiện. Chưa nói đến 1 vấn đề phức tạp lớn là trong lúc hướng mọi hoạt động theo cơ chế thị trường, nhưng phải bám mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa, trong khi nội dung xã hội chủ nghĩa chưa làm rõ trong luật pháp, chưa có mô hình thực tế làm chuẩn. Mô hình cũ bị phê phán là trì trệ, mô hình mới còn kêu gọi mọi người phải năng động sáng tạo của đội ngũ cán bộ đảng viên, thực tế có nhiều trường hợp nay được biểu dương, nhưng ngày mai đình chỉ để kiểm tra, thậm chí phải ngồi tù, nhưng chẳng kết luận đúng-sai nghiêm minh từ trong Đảng.

Trước đây lãnh đạo điều hành bằng nghị quyết, nghị định, nay thì điều hành bằng pháp luật, nhưng nguyên tắc luật pháp hóa nghị quyết của Đảng chưa được quy định cụ thể, để đảm bảo cho tư tưởng chính trị và đường lối đổi mới và định hướng xã hội chủ nghĩa của mỗi thời kỳ lịch sử, có tính kế thừa và sự vận động phát triển không ngừng có tính xã hội rất phong phú.

6/ Về lĩnh vực khoa học xã hội : tổ chức chỉ đạo của Đảng, chưa đặt đúng vị trí quan trọng đặc biệt. Do đó mà đội ngũ cán bộ phục vụ cho sự nghiệp phát

triển văn hóa xã hội đang thiếu lớn, thậm chí có mặt không có, nhất là cán bộ quản lý tư tưởng về chính trị, phần lớn làm tay ngang, không qua trường lớp, còn về mặt tâm lý tình cảm thì cũng ít người say sưa với nghề nghiệp. Bằng tốt nghiệp văn hóa đại học hoặc trên đại học được xem trọng hơn là 5 năm đèn sách nghiên cứu sinh, Học viện Nguyễn Ái Quốc cũng bị thất nghiệp như chơi.

Trên mặt trận thông tin tuyên truyền văn hóa, văn nghệ lớp trước già, lớp sau đại bộ phận bị phân tâm, vì thời cuộc ảnh hưởng, nên quan điểm thiếu kiên định vững vàng đã ảnh hưởng không nhỏ đến lớp trẻ bị dị ứng chưa chữa xong.

Trong lực lượng này đối với Lâm Đồng ra sức đi vay mượn về nhưng do chưa thông thiên thời, không hiểu địa lợi, chưa biết nhân hòa, nên không cộng được mà lại bị chia. Đội ngũ cán bộ Lâm Đồng đang khó khăn thiếu thốn gay gắt là ở mảng này.

Cán bộ khó khăn như kể trên, nhưng tổ chức bộ máy không ổn định, không nhất quán, lại dồn thêm cái khó. Trên thực tế lực lượng cán bộ phát triển đào tạo cả nước cũng như Lâm Đồng không phải ít, nhưng việc nắm, quản lý, phát hiện, chọn lựa đội ngũ cốt cán, đầu đàn của từng xã, huyện, tỉnh và từng bộ môn trong lĩnh vực kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng, đúng chất lượng, sở trường thật hết sức khó khăn.

Thường bộ máy của trên, cán bộ nhíp chính một nhưng hệ thống phó thì 10, còn Lâm Đồng chỉ có một, thực tế chỉ có một cũng chẳng làm được gì. Thực hành dân chủ cũng hình thức, còn tập trung thì thiếu cơ sở – dẫn tới thụ động chờ trên có ý kiến, hoặc độc diễn trên sân khấu chẳng giống ai.

Cán bộ trực tiếp chỉ đạo điều hành thì ít, cán bộ họp nói thì có khá, nhưng chuyển anh em đi vào cơ sở, đi vào thực tế thì anh em nêu nhiều khó khăn, đòi các mục kinh phí phụ cấp ngoài nguyên tắc không giải quyết nổi.

Xu hướng đội ngũ cán bộ Lâm Đồng những năm gần đây thiếu nhiệt tình, từ chối làm công tác xây dựng Đảng, muốn sang làm sản xuất kinh doanh, làm chính quyền, nhất là kinh doanh có hợp tác với nước ngoài; hoặc làm công tác quản lý Nhà nước, còn làm công tác mặt trận, đoàn thể và công tác đảng là cực chẳng đã. Tình hình trên không phải cá biệt, phải phản ảnh để TW đi sâu thêm. Nhưng chúng tôi thấy nguyên nhân của vấn đề là quan điểm lập trường lý tưởng, ý chí chiến đấu của cán bộ, đảng viên đã giảm sút thật sự, bởi tư tưởng thực dụng phát triển, quyền lực của đồng tiền chi phối đã rõ, tình trạng nói nhiều làm ít, cá biệt có đồng chí nói khác làm khác, hội nghị giơ tay biểu quyết, nhưng ra làm thì quyết định riêng ý mình, đó là sự phức tạp mới phát triển thêm trong nội bộ Đảng bộ, không nên xem thường nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt.

7/ Vấn đề cán bộ gắn liền với bộ máy trong hệ thống chính trị : tổ chức trong sạch vững mạnh, trên cơ sở có bộ máy trong sạch vững mạnh; bộ máy mạnh phải có cán bộ chủ chốt lãnh đạo điều hành tốt, cán bộ chủ chốt sẽ tạo ra bộ máy có hiệu lực mạnh, bộ máy mạnh sẽ xây dựng hệ thống cán bộ chủ chốt trưởng thành...

Bộ máy của chúng ta vừa qua không dám đánh giá mạnh yếu... nhưng phổ biến là thiếu ổn định; nay nhập mai tách, trên có dưới không, hay ngược lại.

Vừa qua như tình trạng thả nổi, giao quyền địa phương tự quyết, mạnh ai nấy làm, hình như có nơi quyết định của tập thể, tổ chức để đi buôn lậu. Chính sách cán bộ, chế độ tiền lương cũng tùy tiện... dẫn đến nơi khó thì chịu thêm cái khổ, nơi dễ có điều kiện thêm sướng, người đóng góp công lao càng dày thì việc hy sinh mất mát càng lớn, người "có phần có phước" thì hơn người có công.

Đảng ta nêu vấn đề phấn đấu xây dựng một xã hội công bằng là hoàn toàn đúng quy luật của một xã hội văn minh, nhưng những năm gần đây quốc tế cộng sản bị thoái trào, thì cánh kéo không công bằng lại phát triển rộng lớn hơn, nhanh hơn.

Bảy vấn đề thực tế kể trên đặt cho chúng tôi nhiều suy nghĩ, và mọi suy nghĩ đều dồn vào vị trí người cán bộ; có cán bộ cốt cán tốt sẽ giải quyết được tất cả; kể cả có tình huống xấu nhất như lúc chính

quyền của ta còn trong trứng nước, dân tình dốt nát, giặc đói hoành hành, kẻ thù vây hãm, vẫn cứ tiếp tục chiến thắng.

Theo tôi trong khuôn khổ hội thảo này cần nêu lên mấy câu hỏi có tính chất phổ biến để trao đổi, đó là :

1/ Tại sao cán bộ chủ chốt hụt hẫng kéo dài.

2/ Tại sao một số địa phương, đơn vị từ TW đến cơ sở có sự mất đoàn kết trong đội ngũ cán bộ chủ chốt và có sự bất đồng giữa già với trẻ.

3/ Tại sao cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nòng cốt trong các nhóm cư dân đạo giáo không phát triển nổi và ngày càng khó thêm.

4/ Tại sao cán bộ đảng viên của Đảng không thích làm công tác Đảng và công tác đoàn thể.

Theo tôi mỗi hiện tượng xuất phát đều có nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan cụ thể trong từng điều kiện lịch sử. Nhưng suy cho cùng sự chi phối co phần chủ quan của sự lãnh đạo và chỉ đạo tạo ra.

Có một số đồng chí cho rằng có tình trạng trên là do Đảng ta chưa có chính sách đúng và hợp lý trong mỗi loại cán bộ. Điều này thực tế cũng có; nhưng so với trước thì ngày nay chính sách cũng đã có nhiều. Nhưng việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện chính sách chưa tốt, nên chính sách ra, lại nảy sinh nhiều mâu thuẫn giữa người đảng viên có

chức có quyền, có chế độ công tác, có phương tiện, so với đảng viên cán bộ ở vị trí bình thường và cán bộ ở cơ sở. Gần đây vấn đề phân phối vật chất, vấn đề đất đai, nhà cửa, ruộng vườn, lương bổng thì càng phát triển mâu thuẫn phức tạp trong nội bộ càng thêm tăng; ban hành chế độ lương mới, lại thêm rắc rối tư tưởng trong nội bộ Đảng.

Cần xem lại chính sách cán bộ hiện nay, thực tế đi vào cuộc sống có một số nhân tố tiêu cực tạo ra, những người cơ hội lợi dụng hoạt động tiến thân và phát triển, làm mỏi mòn lực lượng tích cực vì sự nghiệp, trung thành chiến đấu vì mục tiêu lý tưởng, 2 điều này sẽ gián tiếp làm lợi cho âm mưu diễn biến hòa bình của địch, Đảng ta cần phải thấy.

Tổ chức bộ máy của ta cồng kềnh, hệ thống chính trị của ta quá rườm rà, làm phiền hà, sách nhiễu nhân dân; chồng chéo chức năng nhiệm vụ, có bộ phận quyền lực không ra quyền lực, tham mưu không đúng tham mưu, chức năng bảo vệ pháp luật không thật trong sáng, không đủ tin cậy để bị kẻ xấu lợi dụng; còn hệ thống hành pháp thì chắp vá, trùng lắp và không ổn định; hệ thống tư pháp trình độ chuyên môn thấp, chưa có kinh nghiệm tích lũy nhiều trong cuộc sống xã hội... chưa gắn được tính pháp lý và thực tiễn cuộc sống của dân. Tình trạng trên đây, dưới ít, trên nhiều, chậm tiếp thu thông tin 2 chiều giữa quần chúng với Đảng, thiếu trung thực trong thông

tin là phổ biến, thường phản ảnh sao để có lợi cho mình nhiều hơn là về việc chung.

Họp hành thì nhiều, nghị quyết không thiếu, nhưng đến đảng viên thì phổ biến sơ sài, đến quần chúng không cụ thể, không rộng rãi ; dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra còn là khẩu hiệu.

Chi phí tốn kém của dân thì lớn, nhưng đem lại hiệu quả và lợi ích cho dân không nhiều, có nơi, có đơn vị lại lợi dụng vị trí và quyền lực cá nhân tổ chức người thân đi buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế, tham ô, tham nhũng gây mất lòng tin trong nhân dân; kẻ xấu lợi dụng làm ăn bất chính; kẻ thù lấy cớ xuyên tạc chia rẽ ly gián giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Trong điều kiện mới có một số cán bộ đảng viên đã mất hẳn lý tưởng lòng tin và trách nhiệm, chỉ vì đồng tiền làm ảnh hưởng lý tưởng, lòng tin, nói và làm thiếu gương mẫu.

Cách đánh giá của chúng ta về con người thông qua vị trí đảng viên cán bộ còn đơn giản, nặng theo dõi một số hiện tượng để đánh giá nhận xét; chưa có sự theo dõi của quá trình, hoàn cảnh, động cơ ban đầu vào Đảng và bản chất của mỗi người để phát hiện đầy đủ, có kết luận chính xác để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc, sử dụng đúng và ổn định. Chưa phát hiện rõ những ai có động cơ không đúng đắn, cá nhân cơ hội chui vào Đảng. Tình hình Đảng phát triển càng đông, càng không mạnh mà

còn có nguy cơ chia rẽ. Cán bộ đảng viên càng nhiều càng mất đoàn kết; càng thay đổi mới, nhưng chất lượng càng xuống cấp dần. Lâm Đồng lâu nay có tình trạng này không ít (thấy người yếu nhưng thay người sau lại yếu kém hơn), có đơn vị càng tăng càng yếu, càng thay càng đi đến bế tắc; đó cũng là một hiện tượng xin cung cấp để cuộc hội thảo này chúng ta suy nghĩ. Chúng tôi nghĩ là phải kết chặt giữa phát triển, xây dựng và củng cố đồng bộ, cả số lượng và chất lượng. Trách nhiệm xây dựng phát triển Đảng là trách nhiệm của mỗi đảng viên, trách nhiệm tuyển chọn đào tạo bồi dưỡng cất nhắc cán bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, còn cấp ủy là người chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý theo chức năng được phân công phân cấp, không áp đặt, không bao biện và cũng không khoán trắng. Công tác cán bộ khi đã biết rõ và nắm chắc là quyết chứ không do dự... Có vậy mới thật sự là người lãnh đạo và quyền lực của người lãnh đạo.

Đã đến lúc rất khẩn thiết với tinh thần đảng viên của Đảng, nói thẳng với nhau rằng : đang khủng hoảng đội ngũ cán bộ chủ chốt, tình thế hiện nay nếu không có đội ngũ cán bộ đồng bộ đều tay, quen tay thì không thể tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng hướng, giành thắng lợi trong tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết của đại hội 7 vào cuộc sống của mỗi Đảng bộ.

Nếu không có cán bộ chủ chốt tốt, đảm bảo tiêu chuẩn tài đức, vững vàng về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ và luật pháp, có quan điểm quần chúng đúng đắn thì không sao đoàn kết và phát huy được đội ngũ cán bộ có tâm huyết, có tài năng, có đạo đức để phục vụ nhân dân, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và địa phương. Nếu đối xử không công bằng trong hệ thống chính trị, không thể tập trung sức mạnh, huy động tổng lực phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, thì không thể có xã hội công bằng văn minh.

Không có cán bộ tổ chức điều hành giỏi thì dù có đường lối đúng, tổ chức bộ máy tốt thì vẫn dừng lại ở ý chí, khó có thể đưa nghị quyết đi vào cuộc sống, như vậy vấn đề đúng sai khó kết luận vì không có sản phẩm thực tế để phân tích, kẻ xấu sẽ xuyên tạc, kẻ cơ hội dễ lợi dụng đục nước béo cò.

Để có đội ngũ cán bộ tốt, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ cho sự nghiệp đổi mới, thì trước hết phải đổi mới và ra sức rèn luyện con người làm tổ chức, để mọi việc tuyển chọn, qui trình đánh giá cán bộ, thì trước hết phải đổi mới quan điểm tư tưởng và tác phong con người làm công tác tổ chức cán bộ, trong đó có cán bộ chủ chốt của cấp tỉnh và huyện, xã đều thông qua hệ thống tổ chức của Đảng và Chính phủ quản lý theo ngành.

Xây dựng xã hội trước hết phải xây dựng con người, sửa con người, trước hết phải vì con người, từ con người để tạo ra con người, mà xây dựng con người đó là đội ngũ làm công tác tổ chức cán bộ. Xây dựng rèn luyện đội ngũ cán bộ là cán bộ đảm nhiệm vai trò chủ chốt. Chủ chốt là thủ lĩnh của đội ngũ cán bộ và cán bộ phải là thủ lĩnh của mỗi giai cấp, được tập hợp trong mỗi tổ chức khác nhau. Giai cấp nào có thủ lĩnh đó. Tiêu chuẩn người thủ lĩnh đó là tiêu chuẩn cán bộ. Cán bộ làm tổ chức cán bộ, mà không sát quần chúng, không hiểu nội bộ, không gần Đảng viên thì không thể có thông tin chính xác, không chọn đúng người, sắp xếp đúng việc, không phát huy được tài năng, không có cán bộ giỏi trong công cuộc đổi mới, để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Xin chân thành cảm ơn anh Thọ cho tôi được trình bày tất cả những suy nghĩ về quan điểm của mình trong cuộc hội thảo này./.

THÁNG NĂM TRĂN TRỞ
(LÒNG DÂN LÀ CUỘC SỐNG)
NGUYỄN XUÂN DU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
19 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản :
PGS - TS HOÀNG NAM
Biên tập : **VĂN LÂM**
Bìa : **SINH THỤC**
Sửa bản in : **TÁC GIẢ**

In 500 cuốn khổ 13 x 19cm tại Xí nghiệp in Lâm Đồng. Giấy phép xuất bản số 472 XB/QLXB. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2002

① Bài phát biểu đặt tiền mà chủ tịch UB quân quản thị xã Bảo Lộc tại mộc Mét Tổng Chiêu 16/4/1975

Tuyên thưa đồng chí chủ tịch chánh phủ CM tâm thời CHMNVN thưa phái đoàn cùng tất cả đại biểu có mặt.

Qua những lời phát biểu huấn thị sâu sắc và đầy tình nghĩa mà chủ tịch chánh phủ CM LT CHMNVN, đại diện cho phái đoàn. Tâm cho nhân Bảo Lộc tâm Đồng chúng tôi vô cùng phấn khởi tin tưởng trước sự lớn mạnh của nhân; đồng thời chúng tôi cũng thấy rõ thêm trách nhiệm trong giai đoạn vinh quang mà dân tộc, chỉ tôi phải tiếp tục làm gì?

Thay mặt cho 11 vạn dân các dân tộc, các lượng cách mạng trong tỉnh, bao gồm đồng bào kinh thượng hoàng giáo, mọi từng lớp công nhân tao động, nông dân thanh niên, phụ nữ, tiểu thương tiểu chủ nhân sĩ trí thức... Chúng tôi nguyện tuyệt đối trung thành và chấp hành đúng theo đường lối chánh sách mà vỹ bam Mật hạn dân tộc giải phóng MN VN am và chánh phủ CM LT CHMNVN, cụ thể là chấp hành nghiêm chỉnh những điều huấn thị đầy bổ ích của đồng chí chủ tịch, quyết làm theo những lời cần dặn mà đồng chí chủ tịch, thành hành động cách mạng cụ thể thiết thực trong từng người dân từng người quân tuyệt hàm đồng cách mạng cụ thể là:

1, Trong khi phấn khởi với thành tịch đã giành được, chúng tôi luôn luôn không quên chăm lo xây dựng khối đoàn kết chính trị trong các từng lớp nhân dân, trong lực lượng cách mạng. Tuân theo lời chủ tịch Hồ chí Minh đã dạy: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" chúng tôi làm theo tri tưởng bác Hồ, không ngừng vun đắp khối đoàn kết chính trị ngày thêm vững mạnh chặt chẽ thành một khối sắc thép, vạn người như một, không có kẻ thù nào lay chuyển được.

2, Phấn khởi với thành tịch đã đạt được, chúng tôi không bao giờ quên chăm lo xây dựng kinh tế văn hóa xã hội, mà đều theo

(2) Cướt và cấp bách là đẩy mạng tăng gia sản xuất, không những chỉ tâm trà cà phê... buông bán thông thường mà chúng tôi mở rộng việc làm ruộng rẫy giải quyết lương thực có đủ cung cấp phần lớn tại chỗ, trừ cuộc bài trừ nạn văn hoá đồi trị phản động lạc hậu do bọn đế quốc Mỹ và bù lữ Pay sai đều độc tử lâu tương nhân dân ta. Tiếng bước xây dựng và làm chủ cuộc sống mới dưới chế độ dân chủ nhân dân, làm sao cho đồng bào các dân tộc trong Tây Nguyên nhà nhà người người đều có cơm ăn có mặc ấm, sức khỏe tốt, được học hành và có nếp sống lành mạng vui tươi.

3, Trong khi phấn khởi với thắng trừ đã giành được, chúng tôi không bao giờ lơ là cảnh giác với kẻ thù để quốc Mỹ và bù lữ Pay sai, chúng đường tìm mọi cách, tăng hàng động bí mật và công khai, cố hoá thắng quả cách mạng của nhân dân... Vì vậy chúng tôi không ngừng ra sức phòng gian bảo mật, ra sức xây dựng lực lượng bán Nhanh, lực lượng quân sự, triệt để cảnh giác, sẵn sàng đáng thắng địch bất cứ tình huống nào!

4, Chúng tôi nhận thức một cách sâu sắc rằng: Thắng quả cách mạng chúng tôi đã giành được, trước hết là tư tưởng yêu nước, ý chí làm chủ cao độ của đồng bào trong tỉnh. Vì vậy mà trong lúc nào hết, chúng tôi phải ra sức, cũng cố xây dựng bộ máy chính quyền cách mạng từ ấp xã đến huyện tỉnh cho đủ mạng, để vừa phát huy triệt để vai trò cách mạng sáng tạo của công cụ quyền lực và quyền làm chủ của nhân dân, vừa chuyên chính với kẻ thù, vừa lo xây dựng cuộc sống hạng phúc ấm no cho đồng bào.

5, Trên cơ sở xây dựng cho địa phương mình ngày càng lớn mạnh, chúng tôi không quên nghĩa vụ đối với cái chung của toàn miền, của cả nước, nhất là đối với những địa phương anh em chưa được giải phóng mà ra sức động viên nhân tài vật lực, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của cách mạng.

Trình thưa đồng chí chủ tịch chính phủ

Thưa phái đoàn và các đồng chí đại biểu,

Trước mắt quân dân tỉnh Lâm Đồng vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp, nhất là chánh quyền toàn tỉnh mới về tay nhân dân gần 20 ngày, có nhiều vấn đề đặc ra phải giải quyết nhất là lo đời sống cho đồng bào. Nhưng với những thuận lợi chưa từng có, với sức mạnh của 11 vạn đồng bào kinh thượng giáo lương... với một tỉnh đất đai màu mỡ, với sự lạnh đạo sáng suốt tài tình của uỷ ban mặt trận dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam và chính phủ CMLTCHMNVN, chúng tôi khẳng định và tin tưởng rằng: quân dân Lâm Đồng sẽ ra sức phát huy ưu tiên cầu bản đã có, nhanh chóng khắc phục những mặt yếu kém còn lại, thắt chặt tình đoàn kết keo sơn gắn bó của đồng bào và các lực lượng cách mạng trong tỉnh, nhất định quân dân tỉnh Lâm Đồng sẽ xây dựng một tỉnh có đời sống nhân dân được ấm no vui tươi lành mạnh dưới chế độ mới. Làm đúng lời huấn thị của đồng chí chủ tịch chính phủ đã nói hôm nay.

Cuối cùng thay mặt đồng bào, làm bộ chiến sĩ tâm đồng, tôi xin cảm ơn đồng chí chủ tịch chính phủ và phái đoàn cùng các đồng chí đại biểu!

Xin chúc sức khỏe chủ tịch và phái đoàn cùng các đồng chí đại biểu và đồng bào, cán bộ chiến sĩ trong tất lẻ mặt trong cuộc mít tinh hôm nay.

Tất cả hãy đồng tâm hiệp lực quyết bảo vệ và xây dựng tiếng nhà vững mạnh về mọi mặt, ngày cùng thân tiến bộ và giàu mạnh.

Hoan hô mặt trận dân tộc giải phóng Miền nam Việt nam!

Hoan hô chánh phủ cách mạng lâm thời Miền nam Việt nam.

Xin chân thành cảm ơn!

Đồng chí Nguyễn Xuân Du (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng) đến thăm căn cứ kháng chiến cũ.

70,000 ₫

NGUYỄN XUÂN DU

TÁC PHẨM ĐÃ IN :

* **KÝ SỰ THƠ**
  NXB Thanh Hóa - 1997
* **THƠ NGUYỄN XUÂN DU**
  NXB Văn Hóa Dân Tộc - 1998
* **KÝ SỰ MỘT THỜI CẦM SÚNG**
  NXB Văn Hóa Dân Tộc - 1999
* **CHÀO NĂM 2000 - THƠ**
  NXB Văn Hóa Dân Tộc - 2000

Tháng năm trăn trở

(LÒNG DÂN LÀ CUỘC SỐNG)